

# LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

## TỦ SÁCH ĐẠO PHẬT NGÀY NAY

Chủ nhiệm & biên tập: Thích Nhật Từ  
Phó chủ nhiệm: Thích Quảng Tâm

*Tủ Sách Đạo Phật Ngày Nay* do Thầy Nhật Từ chủ biên bao gồm các Nghi thức tụng niệm thuần Việt và trên 200 đầu sách nghiên cứu và ứng dụng về Phật học, thuộc loại sách gối đầu giường cần thiết cho mọi đối tượng đọc giả.

*Tủ sách Đạo Phật Ngày Nay* đã xuất bản trên 100 CD về Đại tạng kinh Việt Nam và nhiều tác phẩm Phật học dưới dạng MP3. Đây là ấn bản đầu tiên trên thế giới về thể loại này. Tủ Sách đã xuất bản hàng trăm sách nói Phật giáo, CD và VCD tân nhạc, cải lương và tiếng thơ Phật giáo. Ngoài ra còn có hàng ngàn VCD pháp thoại của Thầy Nhật Từ và các vị pháp sư khác về nhiều chủ đề từ gia đình, xã hội đến đạo đức và tâm linh.

*Quý tác giả, dịch giả muốn xuất bản sách nghiên cứu và ứng dụng Phật học, quý Phật tử muốn ấn tống kinh sách Phật giáo, các đại lý cần nhận sách phát hành, xin vui lòng liên hệ:*

### NHÀ SÁCH ĐẠO PHẬT NGÀY NAY

Chùa Giác Ngộ, 92 Nguyễn Chí Thanh, P.3, Q.10, TP. HCM

ĐT: 0958-430-222; (08) 3839-4121; (08) 3833-5914

[www.daophatngaynay.com](http://www.daophatngaynay.com)

[www.tusachphathoc.com](http://www.tusachphathoc.com)

TỦ SÁCH ĐẠO PHẬT NGÀY NAY

Tạo luận: BỒ TÁT LONG THỌ

Hán dịch: TAM TẠNG PHÁP SƯ CƯU MA LA THẬP

Việt dịch: THÍCH NỮ DIỆU KHÔNG

# LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

*Hiệu đính:*

Hòa thượng Pháp sư Thích Thiện Trí  
Cư sĩ Tâm Viên Lê Văn Lâm

(Tập 3)

(Từ quyển 41 đến quyển 60)

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI





# MỤC LỤC

Lời tựa .....	ix
Lời nói đầu .....	xiii
<b>Quyển 41</b> .....	1
Phẩm thứ bảy .....	3
<i>Tam giá</i> .....	3
Phẩm thứ tám .....	23
<i>Khuyến học</i> .....	23
<b>Quyển 42</b> .....	41
Phẩm thứ chín .....	43
<i>Tập tảo</i> .....	43
<b>Quyển 43</b> .....	75
Phẩm thứ chín (tiếp theo) .....	77
<i>Tập tảo</i> .....	77
Phẩm thứ mười.....	86
<i>Hành tướng</i> .....	86
<b>Quyển 44</b> .....	107
Phẩm thứ mười một .....	109
<i>Huyền nhơn</i> .....	109
Phẩm thứ mười hai.....	125
<i>Cú nghĩa</i> .....	125

## vi • LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

<b>Quyển 45</b> .....	137
Phẩm thứ mười ba .....	139
<i>Kim cang</i> .....	139
Phẩm thứ mười bốn .....	148
<i>Đoạn chư kiến</i> .....	148
Phẩm thứ mười lăm .....	155
<i>Phú Lô Na</i> .....	155
<b>Quyển 46</b> .....	173
Phẩm thứ mười sáu .....	175
<i>Thừa Đại thừa</i> .....	175
Phẩm thứ mười bảy .....	179
<i>Trang nghiêm</i> .....	179
Phẩm thứ mười tám .....	192
<i>Tác vấn thừa</i> .....	192
<b>Quyển 47</b> .....	211
Phẩm thứ mười tám (tiếp theo) .....	213
<i>Tác vấn thừa</i> .....	213
<b>Quyển 48</b> .....	233
Phẩm thứ mười chín .....	235
<i>Quảng thừa</i> .....	235
<b>Quyển 49</b> .....	267
Phẩm thứ hai mươi .....	269
<i>Phát thú thập địa</i> .....	269
<b>Quyển 50</b> .....	305
Phẩm thứ hai mươi (tiếp theo) .....	307
<i>Phát thú thập địa</i> .....	307
Phẩm thứ hai mươi mốt .....	324
<i>Xuất đảo</i> .....	324
<b>Quyển 51</b> .....	335

Phẩm thứ hai mươi hai .....	337
<i>Thắng xuất</i> .....	337
Phẩm thứ hai mươi ba .....	347
<i>Đẳng không</i> .....	347
<b>Quyển 52</b> .....	367
Phẩm thứ hai mươi bốn .....	369
<i>Hội tông</i> .....	369
<i>Thập Vô</i> .....	373
<b>Quyển 53</b> .....	401
Phẩm thứ hai mươi sáu .....	403
<i>Vô sanh tam quán</i> .....	403
<b>Quyển 54</b> .....	439
Phẩm thứ hai mươi bảy .....	441
<i>Thiên vương</i> .....	441
<b>Quyển 55</b> .....	471
Phẩm thứ hai mươi tám .....	473
<i>Huyễn nhơn thỉnh pháp</i> .....	473
Phẩm thứ hai mươi chín .....	483
<i>Tán hoa</i> .....	483
<b>Quyển 56</b> .....	515
Phẩm thứ ba mươi .....	517
<i>Tam thân</i> .....	517
Phẩm thứ ba mươi một .....	535
<i>Diệt tránh</i> .....	535
<b>Quyển 57</b> .....	549
Phẩm thứ ba mươi hai .....	551
<i>Bảo tháp Đại Minh</i> .....	551
Phẩm thứ ba mươi ba .....	570
<i>Thuật thành</i> .....	570

viii • LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

<b>Quyển 58</b> .....	573
Phẩm thứ ba mươi bốn .....	575
<i>Khuyến trì</i> .....	575
Phẩm thứ ba mươi lăm .....	586
<i>Phạm Chí</i> .....	586
Phẩm thứ ba mươi sáu .....	594
<i>A Nan Xứng Dự</i> .....	594
<b>Quyển 59</b> .....	613
Phẩm thứ ba mươi bảy .....	615
<i>Xá Lợi</i> .....	615
<b>Quyển 60</b> .....	645
Phẩm thứ ba mươi tám .....	647
<i>Giáo Lượng Pháp Thí</i> .....	647



## LỜI TỰA

---

**M**uôn sự muôn vật đều do sanh sanh mà được hình thành. Thế nhưng cội gốc của sanh sanh lại là vô sanh. Từ vô thi đến nay và mãi mãi về sau, tánh vô sanh ấy vẫn thường bất động. Do duyên khởi biến hóa mà giả danh có các sự các vật. Thật ra, tất cả các sự các vật đều là hư vọng, là không thật có, là vô tự tánh. Phàm phu do chìm đắm trong mê muội, mà khởi vọng chấp cho rằng các sự vật là thật có.

Trong kinh *A Hàm*, Phật dạy rằng: “Các sự thấy nghe hay biết của chúng sanh đều do nhiễm trước nơi cảnh sở duyên mà có”. Chúng sanh do bị Vô minh ngăn che tâm trí, nên khởi sanh các tà kiến chấp, vì vậy mà bị các pháp sai sử.

Chỉ có trí huệ Bát Nhã mới làm tan biến được màn vô minh u ám, mới hiển bày được Thật Tướng của các pháp. Dùng trí huệ Bát Nhã soi chiếu đến tận gốc sẽ liễu ngộ được lý siêu việt chân thường, dẫn đến chỗ tuyệt tư cảnh giới. Trái lại, nếu dùng danh tự ngôn ngữ mà diễn đạt thì sẽ trái với chỗ thâm thâm vi diệu; còn nếu dùng lý trí mà tư duy thì sẽ mất đi chỗ y chỉ.

Ở nơi tam tạng Pháp bảo, hàng Thanh Văn cũng không liễu tri đến chỗ thâm diệu; còn người tạp học thì phải chịu

thúc thủ chẳng sao bước vào được cửa Không, chỉ ví như cá muốn hóa rồng, phí công mà chẳng sao được như nguyện, đành phơi mang trước cửa Long cung.

Thật may mắn thay! Vào cuối đời chánh pháp có ngài Mã Minh, và vào đời tượng pháp có ngài Long Thọ ra đời hoàng dương chánh pháp, chấn chỉnh di phong của Phật, làm sáng tỏ nghĩa kinh, quét sạch đám mây mù đen tối.

Ngài Long Thọ thương xót chúng sanh ở thời tượng pháp và mạt pháp, chẳng có thiện duyên thấu rõ đạo mầu, nên đã thị hiện thân phàm phu, nhằm khai ngộ và dẫn dắt chúng sanh dần dần vào Chánh đạo. Ngài không ngại khó khăn tìm đến tận chốn Long cung sưu tầm huyền chỉ thậm thâm của đức Thế Tôn. Do có trí huệ thuần thực, nên ngài thấu suốt cùng tột đến chỗ bí ẩn u huyền của những lời thâm diệu. Ngài làm ra bộ Thích luận này để khai ngộ vào Đại thừa Phật pháp, làm quy củ dẫn thẳng vào Thật Tướng các pháp. Nhờ vậy mà các tà hoặc, các vọng kiến đều bị quét sạch.

Ở đầu bộ luận, ngài thành lập các câu hỏi khác nhau, rồi dùng lời lẽ mỹ diệu giải thích rõ ràng. Sau cùng dẫn đến chỗ vô chấp, là chỗ thâm diệu, tận thiện, tận mỹ.

Nếu lời kinh quá súc tích, khó giải, khó hiểu, thì phần luận giải của ngài với lời lẽ khúc chiết, với lối trình bày rõ ràng cặn kẽ, khiến cho người tu học thấu triệt được lý nghĩa thâm sâu vi diệu chứa đựng trong lời dạy của đức Bổn sư, chẳng ai có thể vắn nạn được nữa.

Những câu hỏi nêu lên, những thí dụ đa dạng và phong phú đã khiến người tu học, muôn đời về sau ngộ được ý chỉ của ngài.

Bộ Thích luận này được ngài Cưu Ma La Thập phiên dịch ra Hán văn.

Ngài La Thập thông minh xuất chúng, trí huệ tuyệt vời. Ngay từ nhỏ, ngài đã thông suốt kinh điển, thuyết pháp vô ngại. Ngài đọc trường tập này xong, hết lòng tán thán rằng: “Nếu sau này có được những tài năng lỗi lạc, có những luận biện ngôn từ mỹ diệu thì đó chính là nhờ nơi bộ luận này cả. Phải lấy bộ luận này làm gương mẫu, phải bẻ vào những lý luận cao siêu ở nơi bộ luận này, mới mong thấy rõ được tâm tôn của đức Thế Tôn.”

Đến đời nhà Tần, niên hiệu Hoảng Thi thứ ba, tháng 12 ngày 20, bộ luận này mới được đem đến đất Trường An.

Mặc dù vua nhà Tần đã hư cấm từ lâu, nhưng ngài La Thập nhờ ngày trước đã được xem tâm tôn của Phật, nên trọn ngày nghiên cứu, không hề mệt mỏi, các lời đối đáp trong toàn bộ luận này. Ngài tự nghĩ rằng: “Lời lẽ trong bộ luận quá thậm thâm, quá vi diệu. Hận mình tâm chẳng thấy rõ được ý chỉ của đấng Luận chủ. Lại tiếc cho Pháp mầu mênh mông chưa được trải khắp nơi, ta nguyện quên đi ngu huệ của mình để mạnh dạn làm nghĩa hiệp của Sa môn”. Nghĩ như vậy rồi, ngài mời các bậc công khanh, sĩ khí, khoảng 500 người, nhóm họp ở Vị Tân, cấm túc tại Tiêu Diêu Viên đường ở đất Lâm Giang, cùng xem huyền chương, khảo chính, xét trong bộ luận gốc chữ Phạn có 10 vạn bài kệ, mỗi bài có 32 chữ, cộng thành 320 vạn lời. Nhờ vậy mà Ngài rõ được ý chỉ của bộ luận, thấy chỗ quy về đường thẳng, chẳng còn chướng ngại, vướng mắc gì nữa cả.

Bên Thiên Trúc có chép rằng: “Rốt sau thời Chánh pháp có ngài Mã Minh, đầu thời Tượng Pháp có ngài Long Thọ, là những vị luận chủ tuyệt luân trong môn Đạo học. Hai ngài phá sạch hết các tà kiến, hư ngôn, thẳng đường vào thật giáo, chẳng còn bị các tà luận làm trở ngại nữa. Bởi vậy nên ở bên

## xii • LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

Thiên Trúc cũng như ở nhiều nước khác, đã lập miếu tôn thờ hai ngài, lại cho rằng: “Mặt trời trí huệ của Phật đã được hai ngài làm thêm rực rỡ, phá tan hết màn tối tăm u ám, khiến người tu học ngộ được chân thật lý.

Sự đóng góp vào Pháp bảo tạng của hai ngài là công quả của hàng Thập Địa Bồ tát. Hai ngài thật xứng đáng là những vị Bồ tát Bồ xứ vậy.

Bộ luận này được truyền tụng đến Trung Quốc thật quả là điều may mắn. Ngài Pháp sư Cưu Ma La Thập thấy rõ lời văn chữ Phạn quá uẩn khúc, mà người Tàn lại thích lối văn giản dị, nếu dịch cho đầy đủ thì phải đến cả 1.000 quyển, nên ngài chỉ lược dịch cô đọng vào 100 quyển mà thôi. Tuy chỉ lược dịch có phần ít, mà đã hiển bày được chỗ thâm thâm vi diệu cao siêu của diệu lý chân thừa.

Nếu dùng bút mà tranh luận, thì trọn đời chẳng sao hết được. Ước mong các bậc cao minh liễu đạt được huyền chỉ trong bản văn lược dịch này.

*Trích bài tựa*

Do ngài Trường An Thích Tăng Duệ

*Phụng soạn*





## LỜI NÓI ĐẦU

---

**B**ộ *Luận Đại Trí Độ* do ngài Bồ tát Long Thọ tạo tác, nhằm tuyên bày giáo nghĩa thậm thâm vi diệu của Pháp Đại thừa Bát nhã Ba la mật.

Bộ *Luận Đại Trí Độ* này được ngài Tam Tạng Pháp sư Cưu Ma La Thập phiên dịch từ chữ Phạn ra chữ Hán. Trong thời gian phiên dịch, ngài đã nhóm họp 500 vị thiện hữu tri thức, cắm túc tại Tiêu Diêu Viên Đường, ở Lâm Giang nghiên cứu huyền chương, khảo chánh và lược dịch từ 1.000 quyển, cô đọng lại thành 100 quyển.

Tôi nhận thấy công tác phiên dịch các tạng Pali, Sanskrit, Hán v.v... ra Việt văn, đã được nhiều bậc tôn túc cao minh thực hiện. Thế nhưng cho đến nay bộ *Luận Đại Trí Độ* này chưa được phiên dịch ra Việt văn.

Bởi nhân duyên ấy, cho nên dù tuổi già sức yếu, tôi cũng xin nguyện đóng góp vào công tác phiên dịch, và mạnh dạn dịch bộ luận này từ Hán văn ra Việt văn, nhằm đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu và học hỏi của hàng Tăng Ni và Phật tử.

Bát nhã Ba la mật nghĩa quá thậm thâm vi diệu, chẳng có thể dùng văn tự ngôn ngữ mà diễn đạt được. Do vậy nên công tác phiên dịch vô cùng khó khăn, chẳng sao tránh khỏi

#### xiv • LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

những điều sai sót. Kính mong các bậc Tôn Túc cao minh hoan hỷ chỉ giáo cho.

Vì muốn cho lời văn trong bản dịch được phù hợp với lời hành văn hiện đại, nên tôi đã nhờ Thượng tọa Thích Thiện Trí và cư sĩ Tâm Viên Lê Văn Lâm giúp tôi trong việc nhuận bút và biên tập.

Sau gần trọn 5 năm làm việc liên tục, bộ *Luận Đại Trí Độ* này mới được hoàn tất.

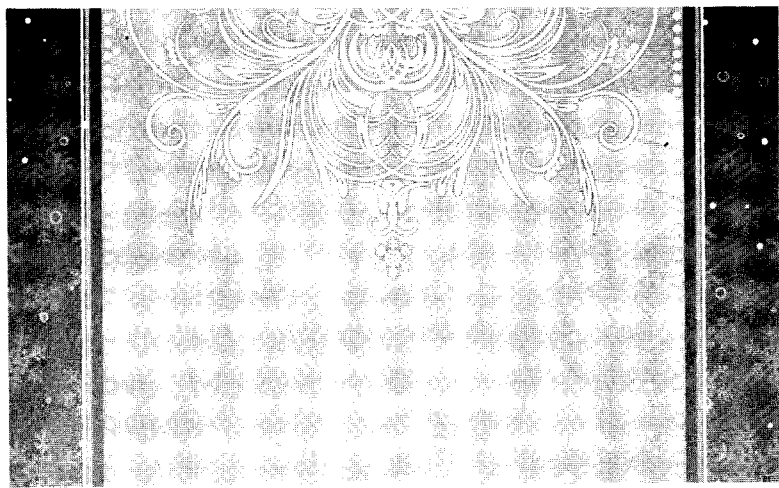
Bằng tinh tín tâm lực, tôi xin nguyện đem công đức phiên dịch này hồi hướng đến khắp pháp giới chúng sanh đều trọn thành Phật Đạo.

Nam mô Viên Mãn Tạng Bồ tát Ma ha tát

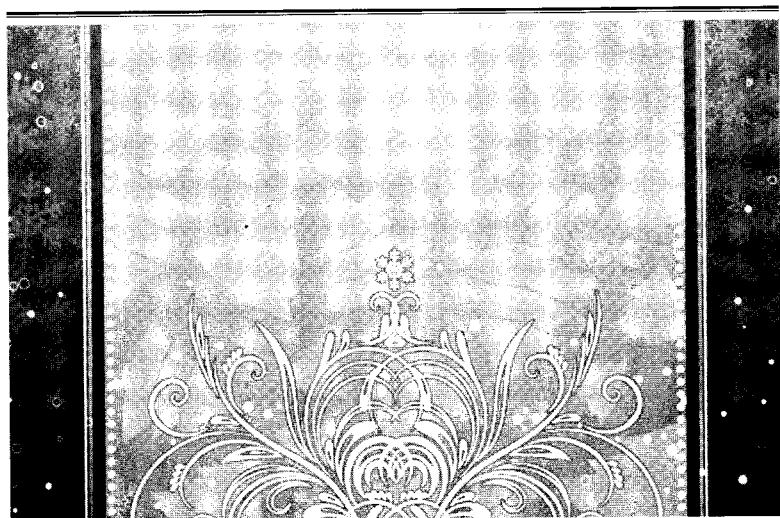
*Mùa an cư Đỉnh Mão (PL. 2531)*

Tỷ kheo ni THÍCH NỮ DIỆU KHÔNG

*Chùa Hồng Ân - Huế*



**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 41**





## Phẩm Thứ Bảy



### Tam Giả (3 Thứ Giả Lập)

#### **KINH:**

Lúc bấy giờ Phật bảo ngài huệ mạng Tu Bồ Đề rằng: Ông nên dạy các Bồ tát về Bát nhã Ba-la-mật, nhằm giúp các Bồ tát thành tựu Bát nhã Ba-la-mật.

Ngay lúc đó, các Bồ tát, các Thanh Văn đại đệ tử, các hàng chư Thiên đều khởi niệm rằng: Ngài huệ mạng Tu Bồ Đề sẽ tự dùng trí huệ để vì các Bồ tát nói về Bát nhã Ba-la-mật, hay phải nhờ đến Phật lực gia bị?

Ngài Tu Bồ Đề biết rõ tâm niệm của đại chúng như vậy, bèn thưa với ngài Xá Lợi Phất rằng: Chỗ đệ tử của Phật thuyết pháp hay giáo thọ đều nhờ nơi Phật lực gia bị. Lại nữa, các lời Phật dạy chẳng trái với pháp tướng, nên các thiện nam, thiện nữ nào tu theo pháp ấy sẽ chứng được pháp ấy. Phật thuyết pháp ví như ngọn đèn chiếu sáng. Hết thấy hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật chẳng có lực để vì hàng Bồ tát thuyết về Bát nhã Ba-la-mật được.

Rồi ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Pháp gì gọi là Bồ tát? Chúng con chẳng thấy pháp gì gọi là Bồ tát cả thì làm sao có thể dạy Bát nhã Ba-la-mật cho Bồ tát được?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật chỉ là danh tự, Bồ tát cũng chỉ là danh tự.

#### 4 • LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

Này Tu Bồ Đề! Ví như thế gian nói đến “ngã” nhưng đó chỉ là một pháp do duyên hòa hợp mà có. Người thế gian dựng lập ra danh tự Ngã, nhưng vốn ngã là bất sanh, bất diệt. Chúng sanh, thọ giả, mạng giả v.v... cũng đều là những pháp do duyên hòa hợp mà có danh, nhưng vốn cũng là bất sanh bất diệt.

Cũng như vậy, y theo danh tự thế gian mà gọi là có Bồ tát, có Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát cùng Bát nhã Ba-la-mật cũng đều do duyên hòa hợp mà có danh, nhưng vốn là bất sanh bất diệt.

Này Tu Bồ Đề! Ví như thân do duyên hòa hợp sanh, nhưng vốn là bất sanh bất diệt, sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng đều do duyên hòa hợp sanh, nhưng vốn là bất sanh bất diệt. Tất cả chỉ là danh tự. Mà đã là danh tự thì chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở chặng giữa.

Cũng như vậy, y theo danh tự thế gian mà gọi là có Bồ tát, có Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát cùng Bát nhã Ba-la-mật cũng đều do duyên hòa hợp mà có danh, nhưng vốn là bất sanh bất diệt, chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở chặng giữa.

Này Tu Bồ Đề! Ví như 6 căn, từ nhãn dẫn đến ý, 6 trần từ sắc dẫn đến pháp, 6 thức từ nhãn thức dẫn đến ý thức, 12 nhập, 18 giới cũng đều do duyên hòa hợp mà có danh, nhưng vốn là bất sanh bất diệt, chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở chặng giữa.

Cũng như vậy, y theo danh tự thế gian mà gọi là có Bồ tát, có Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát cùng Bát nhã Ba-la-mật cũng đều do duyên hòa hợp mà có danh, nhưng vốn là bất sanh bất diệt, chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở chặng giữa.

Này Tu Bồ Đề! Lại ví như nội thân gồm có đầu, mình, chân, tay, xương, thịt, gân v.v... Tất cả các thứ ấy hòa hợp lại mà có danh tự thân. Nhưng xét riêng rẽ thì mỗi pháp đều là rốt ráo không, đều là bất sanh, bất diệt, chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở chặng giữa.

Lại ví như ngoại vật, như cây, cành, lá v.v... cũng đều do duyên hòa hợp mà có danh, nhưng vốn là bất sanh bất diệt, chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở chặng giữa.

Cũng như vậy, y theo danh tự thế gian mà gọi là có Bồ tát, có Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát cùng Bát nhã Ba-la-mật cũng đều do duyên hòa hợp mà có danh, nhưng vốn là bất sanh bất diệt, chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở chặng giữa.

Này Tu Bồ Đề! Lại ví như chư Phật quá khứ, cũng do duyên hòa hợp lại mà có danh hiệu, nhưng cũng là bất sanh, bất diệt, chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở chặng giữa.

Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát cùng danh tự Bồ tát cũng là như vậy, cũng là bất sanh bất diệt, chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở chặng giữa.

Này Tu Bồ Đề! Tất cả các pháp đều ví như mộng, huyễn, bào ảnh, đều do duyên hòa hợp mà có, rồi được đặt tên riêng, được gọi là pháp này, pháp nọ. Thế nhưng danh tự đó cũng là bất sanh bất diệt, chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở chặng giữa.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, thọ trì Bát nhã Ba-la-mật chỉ là giả thi thiết. Dẫn đến pháp Bát nhã Ba-la-mật cũng chỉ là giả thi thiết.

**Bồ tát phải nên như vậy mà tu tập Bát nhã Ba-la-mật.**

**LUẬN:**

**Hỏi:** *Phật đã dạy rằng Bồ tát có phước đức, trí huệ và lợi căn hơn hết thầy hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật. Như vậy vì sao Phật lại bảo ngài Tu Bồ Đề nói pháp Bát nhã Ba-la-mật cho hàng Bồ tát nghe?*

**Đáp:** Trước đây Phật đã hiện tướng lưỡi rộng dài để minh chứng cho lời nói chân thật của Phật.

Nay vì 2 nhân duyên khiến Phật bảo ngài Tu Bồ Đề nói pháp. Đó là:

- Phật biết người nghe pháp vì sợ oai đức của Phật nên chẳng dám tận tình thưa hỏi.

- Phật biết chúng sanh còn nhiều chỗ nghi, chưa thấu hiểu, nhưng vì kính Phật mà chẳng dám thưa hỏi nhiều.

Thật vậy, do thấy Phật uy nghiêm như núi Tu Di, thấy lưỡi Phật trải rộng khắp đại thiên thế giới, lại thấy từ thân Phật tỏa ra vô lượng quang minh nên trong chúng hội thầy đều sợ hãi, chẳng ai dám thưa hỏi.

Bởi nhân duyên vậy, nên Phật mới bảo ngài Tu Bồ Đề vì chúng hội nói pháp Bát nhã Ba-la-mật.

Vâng lời Phật dạy, và nhờ được Phật lực gia bị, ngài Tu Bồ Đề từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước chúng hội nói pháp.

Trong kinh có nói đến hai lối thuyết kinh Bát nhã Ba-la-mật. Đó là:

- Do Thanh Văn và Bồ tát hợp thuyết.

- Do pháp thân Bồ tát thuyết.



Nay vì là hợp thuyết nên Phật bảo ngài Tu Bồ Đề nói trước. Rồi kể sau là các ngài Di Lặc, Xá Lợi Phất v.v...

-o0o-

Khi nghe Phật bảo ngài Tu Bồ Đề nói pháp, đại chúng liền sanh tâm nghi. Ngài Tu Bồ Đề thấu rõ tâm niệm của đại chúng, bèn thưa với ngài Xá Lợi Phất rằng: “Hết thầy hàng Thanh Văn, khi nói pháp đều phải nhờ Phật lực gia bị. Chúng tôi phải nhờ oai thần của Phật mới truyền đạt được Phật pháp, mới rõ được các pháp tướng chẳng có trái nhau. Chúng được pháp ấy rồi, cũng còn phải nhờ Phật lực mới có thể diễn nói cho người khác nghe được. Những gì chúng tôi nói ra đều nhờ oai lực của Phật. Dù rằng chúng tôi có trí huệ, nhưng nếu chẳng nhờ oai lực của Phật gia bị, thì chúng tôi cũng chẳng thấy được gì cả. Chúng tôi nương theo Phật lực, như người đi trong đêm tối, nương theo ánh đuốc của người dẫn đường vậy.

Người thiện cận nói pháp chẳng có thể diễn đạt những lý giải vi diệu, sâu xa, nên hàng Thanh Văn không đủ sức để vì hàng Bồ tát nói kinh Bát nhã Ba-la-mật được. Nếu chẳng nhờ Phật lực gia bị thì ngài Tu Bồ Đề chẳng có thể nói pháp Bát nhã Ba-la-mật được.

-o0o-

Mở đầu thời pháp, ngài Tu Bồ Đề nêu lên câu hỏi: “Chúng con chẳng thấy pháp gì gọi là Bồ tát cả, thì làm sao có thể dạy Bát nhã Ba-la-mật cho Bồ tát được”.

Câu hỏi này làm duyên khởi cho việc thuyết kinh Bát nhã Ba-la-mật, vì ở nơi thật tướng pháp, thì Bồ tát, Bát nhã

## 8 • LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

Ba-la-mật, việc thuyết Bát nhã Ba-la-mật đều là không, là bất khả đắc cả.

**Hỏi:** *Phật bảo ngài Tu Bồ Đề, vì các Bồ tát nói về Bát nhã Ba-la-mật, mà ngài Tu Bồ Đề lại nói chẳng có Bồ tát, chẳng có Bát nhã Ba-la-mật. Như vậy thì ngài Tu Bồ Đề và Phật có trái với nhau không?*

**Đáp:** Nên phân biệt hai lối thuyết pháp. Đó là:

- Vì hạng người còn tâm chấp, mà thuyết.
- Vì hạng người không còn tâm chấp mà thuyết.

Nay ngài Tu Bồ Đề dùng tâm không chấp, mà thuyết về “pháp không” nên khi ngài nêu câu hỏi như trên, Phật chẳng quở.

Lại nữa, ngài Tu Bồ Đề thường hành “không tam muội”, biết rõ về “pháp không”, nên Phật mới bảo ngài, vì các Bồ tát nói Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề thấy Bồ tát là rốt ráo không, nên ngài sợ, chẳng dám nói có Bồ tát. Lại nữa, từ sơ phát tâm đến khi thành Phật, Bồ tát là rốt ráo không, là bất khả đắc.

Như vậy thì người thọ giáo cũng tức là người giáo thọ cho Bồ tát về Bát nhã Ba-la-mật rồi vậy.

-o0o-

Lại nữa, có hai pháp là:

- Danh tự.

- Danh tự nghĩa.

Ví như lửa hay chiếu sáng, cũng hay thiêu đốt. Lửa có công năng chiếu sáng, nhưng khi gặp các vật thì lửa cũng thiêu đốt các vật. Đây là do hòa đại.

Có đủ hai pháp hòa hợp mới gọi là lửa. Nếu ly hai pháp mà tìm lửa, thì rất ráo chẳng thể được vậy. Lại nữa, ngoài công năng thiêu đốt và vật bị thiêu đốt ra, thì chẳng có lửa.

Bởi vậy nên biết lửa do hai pháp đó hòa hợp mà giả danh là có, nhưng danh tự lửa lại chẳng có ở trong hai pháp đó.

Vì sao? Vì lửa chỉ là một pháp, mà đã là một thì chẳng có thể là hai được. Ví như khi nói đến lửa thì miệng chẳng có cảm giác nóng.

Như vậy, do hai pháp duyên hợp mà có lửa, nhưng danh tự lửa lại chẳng ở trong hai pháp đó.

Lại nữa, danh tự lửa cũng chẳng phải ở ngoài hai pháp đó. Vì sao? Vì vừa nghe nói đến lửa là ta liền sanh tưởng về lửa (hỏa tướng), ta liền liên tưởng ngay đến hai pháp đó rồi vậy.

Lại nữa, nếu nói lửa ở cả hai bên, ở cả bên trong lẫn bên ngoài thì chẳng giữa chẳng có ý chỉ.

Bởi vậy nên nói lửa chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở chặng giữa.

Hết thấy các pháp hữu vì đều chẳng có chỗ y chỉ, nên đều là giả danh, chẳng thật có.

Bồ tát cũng như vậy, phải hội đủ các duyên hòa hợp, mới gọi là Bồ tát. Bồ tát cũng chỉ là giả danh, chẳng thật có vậy.

## 10 • LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

Dạy rằng do 5 âm hòa hợp mà giả danh có “ngã”. Ngã do duyên hòa hợp mà giả danh có, nhưng vốn là bất sanh, bất diệt, là không, là bất khả đắc.

Hết thấy các pháp thế gian cũng đều là giả danh. Bồ tát dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật cũng đều là giả danh. Tất cả đều do duyên hòa hợp mà có, nhưng vốn đều là bất sanh, bất diệt, là không, là bất khả đắc.

Phật lại dạy rằng chúng sanh cũng là không, chỉ do 5 âm hòa hợp mà giả danh có. Dẫn đến 12 nhập, 18 giới cũng đều là như vậy cả.

-o0o-

Lại nữa, trong quá trình hành đạo, Bồ tát thường tu tập 2 pháp:

- Pháp tọa thiền, tu quán.
- Pháp tụng kinh.

Khi tọa thiền, hành giả thường quán nơi thân, từ da, thịt, xương, gân v.v... quán tất cả các thứ ấy đều là vô thường, đều tương tục có hòa hợp, có tán hoại. Xét cho đến cùng, thì tất cả đều chẳng có nguồn gốc. Bên trong, quán thân là như vậy. Bên ngoài quán cây, cỏ, hoa, lá, ..., dẫn đến núi non sông biển... cũng đều như vậy cả. Tất cả đều do các duyên hòa hợp mà thành. Lại quán Bồ tát, dẫn đến quán 10 phương ba đời chư Phật cũng đều chỉ là danh tự. Rồi lại quán Bồ tát nghĩa và Phật nghĩa cũng là như vậy.

**Hỏi:** Vì sao nói Bồ tát khi tu các pháp Ba-la-mật phải nên quán 5 âm pháp cũng là pháp Ba-la-mật?

**Đáp:** Vì phải nhiếp đủ cả 5 âm pháp duyên khởi hòa hợp, mới gọi là chúng sanh, có cấu trúc đầy đủ từ chân lên đến đầu.

Cũng như vậy, cây do gốc, rễ, thân, cành, lá v.v... hòa hợp lại mà thành.

Đây gọi là Ba La Nhiếp Đề danh tự, thủ cả hai pháp tướng, nói riêng rẽ là Danh và Tự.

Lại cũng như do các vi trần hòa hợp mà sanh ra có các vật thể. Đây cũng gọi là Ba La Nhiếp Đề. Y nơi pháp này mới có pháp kia. Ví như do các thô pháp hòa hợp mới có danh tự lửa: Lửa là danh vật bị thiêu đốt là sắc, mà dẫn đến có sự thiêu đốt, sự cháy vậy.

Cũng như vậy, người cũng có danh, có sắc mà cả hai pháp danh và sắc đều là giả lập. Như vậy cũng gọi là Ba La Nhiếp Đề, cũng là thủ danh, thủ sắc vậy.

Hành giả phải quán danh tự “nhà” do nhiều danh tự khác, như kèo, cột, rui, đòn tay, gạch, ngói v.v... hợp lại mà thành; cũng như quán danh tự “cây” do nhiều danh tự khác như gốc, rễ, thân, cành, lá v.v... hợp lại mà thành. Danh tự này dẫn đến danh tự khác như vậy gọi là Ba La Nhiếp Đề.

Hành giả, trước hết phải phá danh tự Ba La Nhiếp Đề, rồi phá thọ tâm Ba La Nhiếp Đề, phá tâm Ba La Nhiếp Đề, dẫn đến phá pháp Ba La Nhiếp Đề.

Phải phá pháp Ba La Nhiếp Đề, mới vào được nơi thật tướng pháp. Rồi ở nơi thật tướng pháp, tức là ở nơi pháp “không”, lại còn phải phá hết các chấp, lập ra danh tự Ba-la-mật.

**KINH:**

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng thấy danh tự sắc là thường; chẳng thấy các danh tự thọ, tướng hành thức là thường, chẳng thấy danh tự sắc là vô thường; chẳng thấy các danh tự thọ, tướng, hành, thức là vô thường; chẳng thấy danh tự sắc là khổ, hay là lạc, là ngã hay là vô ngã, là không là vô tướng, là vô tác, là tịch diệt, là cấu hay là tịnh, là sanh hay là diệt, là ở trong, là ở ngoài hay là ở chặng giữa. Thọ, tướng, hành, thức cũng là như vậy.

Nhãn, sắc, nhãn thức, nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến ý, pháp, ý thức, ý xúc, ý xúc nhân duyên sanh thọ cũng đều là như vậy cả.

Vì sao? Vì khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng thấy Bát nhã Ba-la-mật cùng danh tự Bát nhã Ba-la-mật; chẳng thấy Bồ tát cùng danh tự Bồ tát; chẳng thấy có hữu vi trong tánh hữu vi; chẳng thấy có vô vi trong tánh vô vi; dẫn đến chẳng thấy có Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật.

Ở nơi hết thấy các pháp, Bồ tát chẳng có tác ý phân biệt, vì Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, mà vẫn thường trú trong pháp tướng bất hoại. Bởi vậy nên khi tu 4 niệm xứ, ..., dẫn đến khi tu 18 bất cộng pháp, Bồ tát chẳng thấy có Bát nhã Ba-la-mật cùng danh tự Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thấy có Bồ tát cùng danh tự Bồ tát.

Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, nên vào được nơi thật tướng của hết thấy các pháp. Ở nơi đây chẳng còn có cấu, chẳng còn có tịnh.

Này Tu Bồ Đề! Do thật hành Bát nhã Ba-la-mật, mà

Bồ tát biết rõ danh tự là giả thi thiết. Do biết rõ danh tự là giả thi thiết, nên Bồ tát chẳng chấp sắc, thọ, tướng, hành, thức; chẳng chấp nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; chẳng chấp sắc, thanh, hương vị, xúc, pháp; chẳng chấp nhãn thức, ..., dẫn đến ý thức; chẳng chấp nhãn xúc, ..., dẫn đến ý xúc; chẳng chấp nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ; chẳng chấp tánh hữu vi; chẳng chấp tánh vô vi; chẳng chấp Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật; chẳng chấp nhục nhãn, ..., dẫn đến Phật nhãn; chẳng chấp trí Ba-la-mật và thần thông Ba-la-mật; chẳng chấp nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu không, chẳng chấp thành tựu chúng sanh; chẳng chấp thanh tịnh Phật độ; chẳng chấp các pháp môn phương tiện.

Vì sao? Vì các pháp đều là tự tánh không, nên chẳng có người chấp pháp, chẳng có pháp bị chấp, chẳng có chỗ pháp y chỉ.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát chẳng chấp hết thấy pháp như vậy là tăng ích 6 pháp Ba-la-mật, vào Bồ tát vị, được bất thối chuyển, đầy đủ thần thông, đi đến các cõi Phật, để thành tựu chúng sanh, và cúng dường vô lượng Phật, mãi cho đến khi được đạo Vô thượng bồ đề.

Phật hỏi: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Sắc có phải là Bồ tát chăng? Thọ, tướng, hành, thức có phải là Bồ tát chăng?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

Phật hỏi: Này Tu Bồ Đề! Nhãn, ..., dẫn đến ý, sắc, ..., dẫn đến pháp, nhãn thức, ..., dẫn đến ý thức, nhãn giới, ..., dẫn đến ý thức giới có phải là Bồ tát chăng?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

**Phật hỏi:** Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Địa có phải là Bồ tát chăng? Thủy, hỏa, phong, không, kiến, thức có phải là Bồ tát chăng?

**Ngài Tu Bồ Đề thưa:** Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

**Phật hỏi:** Này Tu Bồ Đề! Vô minh, ..., dẫn đến lão tử có phải là Bồ tát chăng?

**Ngài Tu Bồ Đề thưa:** Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

**Phật hỏi:** Này Tu Bồ Đề! Ly 5 âm, 12 nhập, 18 giới, ..., dẫn đến ly 12 nhân duyên có phải là Bồ tát chăng?

**Ngài Tu Bồ Đề thưa:** Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

**Phật hỏi:** Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? 5 âm như tướng, 12 nhập như tướng, 18 giới như tướng, ..., dẫn đến 12 nhân duyên như tướng có phải là Bồ tát chăng?

**Ngài Tu Bồ Đề thưa:** Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

**Phật hỏi:** Ly 5 âm như tướng, ly 12 nhập như tướng, ly 18 giới như tướng, ..., dẫn đến ly 12 nhân duyên như tướng có phải là Bồ tát chăng?

**Ngài Tu Bồ Đề thưa:** Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

**Phật hỏi:** Này Tu Bồ Đề! Ông nghĩ như thế nào mà nói hết thấy các pháp vừa kể trên đều chẳng phải là Bồ tát, và ly hết thấy các pháp ấy cũng chẳng phải là Bồ tát?

**Ngài Tu Bồ Đề thưa:** Bạch Thế Tôn! Chúng sanh còn rất ráo là bất khả đặc hướng nữa là Bồ tát; sắc là bất khả đặc hướng nữa là ly sắc, là sắc như tướng và ly sắc như tướng; sắc, ly sắc; sắc như tướng, ly sắc như tướng đều bất khả đặc hướng nữa là Bồ tát. Dẫn đến 12 nhân duyên, ly 12 nhân duyên, 12 nhân duyên như tướng, ly 12 nhân duyên như tướng đều là bất khả đặc hướng nữa là Bồ tát.



**Phật dạy:** Lành thay, lành thay! Này Tu Bồ Đề! Đúng như lời ông nói, chúng sanh bất khả đắc, Bồ tát bất khả đắc, nên Bát nhã Ba-la-mật cũng là bất khả đắc, ông phải nên như vậy mà tu học.

**Rồi Phật hỏi:** Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Sắc có phải là Bồ tát nghĩa chăng?

**Ngài Tu Bồ Đề thưa:** Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

**Phật hỏi:** Này Tu Bồ Đề! Thọ, tướng, hành, thức có phải là Bồ tát nghĩa chăng?

**Ngài Tu Bồ Đề thưa:** Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Sắc vô thường, sắc khổ, sắc lạc, sắc ngã, sắc vô ngã, ..., dẫn đến thức vô thường, thức khổ, thức lạc, thức ngã, thức vô ngã có phải là Bồ tát nghĩa chăng?

**Ngài Tu Bồ Đề thưa:** Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

**Phật hỏi:** Này Tu Bồ Đề! Sắc không, sắc vô tướng, sắc vô tác, ..., dẫn đến thức không, thức vô tướng, thức vô tác có phải là Bồ tát nghĩa chăng?

**Ngài Tu Bồ Đề thưa:** Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

**Dẫn đến 12 nhập, 18 giới, 12 nhân duyên cũng đồng như vậy cả.**

**Phật hỏi:** Này Tu Bồ Đề! Ông nghĩ thế nào mà nói như vậy?

**Ngài Tu Bồ Đề thưa:** Bạch Thế Tôn! 5 ấm rất ráo là bất khả đắc huống nữa là Bồ tát nghĩa, ..., dẫn đến 12 nhân duyên rất ráo là bất khả đắc huống nữa là Bồ tát nghĩa; 5 ấm vô thường, khổ, lạc, ngã, vô ngã, không, vô

tướng, vô tác, ..., dẫn đến 12 nhân duyên vô thường, khổ, lạc, ngã, vô ngã, không, vô tướng, vô tác đều là rốt ráo bất khả đắc huống nữa là Bồ tát nghĩa.

**Phật dạy:** Lành thay, lành thay! Này Tu Bồ Đề! Đúng như lời ông nói, Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, biết rõ sắc nghĩa là bất khả đắc, thọ, tướng, hành thức nghĩa đều là bất khả đắc; dẫn đến vô tác nghĩa cũng là bất khả đắc. Ông phải nên như vậy mà tu học.

Này Tu Bồ Đề! Chẳng có pháp gì gọi là Bồ tát cả. Vì sao? Vì các pháp chẳng thấy các pháp, các pháp chẳng thấy pháp tánh, pháp tánh chẳng thấy các pháp, pháp tánh chẳng thấy địa chủng, địa chủng chẳng thấy pháp tánh, ..., dẫn đến pháp tánh chẳng thấy thức chủng, thức chủng chẳng thấy pháp tánh. Lại nữa, pháp tánh chẳng thấy nhãn, sắc và nhãn thức, ..., dẫn đến chẳng thấy ý, pháp và ý thức. Cũng như vậy, nhãn sắc, và nhãn thức... ý pháp và ý thức chẳng thấy pháp tánh.

Này Tu Bồ Đề! Hữu vi tánh chẳng thấy vô vi tánh, và vô vi tánh chẳng thấy hữu vi tánh. Vì sao? Vì ly hữu vi, thì chẳng thể nói vô vi; ly vô vi, thì cũng chẳng thể nói hữu vi.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, ở nơi hết thấy pháp, đều được vô sở kiến (chẳng có chỗ thấy).

Lúc bấy giờ, Bồ tát chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, chẳng hỏi. Vì sao? Vì Bồ tát chẳng thấy sắc dẫn đến thức; chẳng thấy nhãn, ..., dẫn đến ý; chẳng thấy sắc, ..., dẫn đến pháp; chẳng thấy tham, sân, si; chẳng thấy vô minh, ..., dẫn đến lão tử; chẳng thấy ngã, ..., dẫn đến chẳng thấy tri giả, kiến giả; chẳng thấy cõi Dục, cõi Sắc, cõi vô

Sắc; chẳng thấy Thanh Văn, Bích Chi Phật; chẳng thấy Bồ tát và Bồ tát pháp; chẳng thấy Phật và Phật pháp; chẳng thấy Bồ tát đạo và Phật đạo.

Vì sao? Vì Bồ tát biết rõ hết thấy các pháp đều chẳng thật có, nên chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, chẳng chìm đắm vậy.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà Bồ tát chẳng hói, chẳng chìm đắm?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đối với Bồ tát, thì hết thấy các tâm và tâm sở đều là bất khả đắc, bất khả kiến (chẳng thể được, chẳng thể thấy). Bởi vậy nên tâm Bồ tát chẳng hói, chẳng chìm đắm vậy.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà Bồ tát chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đối với Bồ tát, thì ý và ý thức đều là bất khả đắc, bất khả kiến. Bởi vậy nên Bồ tát chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ.

Này Tu Bồ Đề! Đối với Bồ tát thì hết thấy các pháp đều là bất khả đắc, bất khả kiến. Bởi vậy nên, khi thật hành, Bồ tát chẳng thấy cũng chẳng được Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thấy cũng chẳng được danh tự Bồ tát, chẳng thấy cũng chẳng được tâm Bồ tát. Lời nói đây chính là lời dạy cho hàng Bồ tát vậy.

### **LUẬN:**

Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, quán các pháp danh tự là chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải chẳng thường, chẳng phải chẳng vô thường dẫn đến ở nơi hữu vi tánh và vô vi tánh đều chẳng thấy có danh tự Bồ tát.

## 18 • LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

Như trước đây đã nói, ở nơi hết thấy các pháp, Bồ tát đều chẳng có tác ý phân biệt. Bồ tát trú trong pháp bất hoại, hành 6 pháp Ba-la-mật, ..., dẫn đến hành 18 bất cộng pháp.

Do được thật trí huệ, nên ở nơi hết thấy các pháp, Bồ tát chẳng thấy có pháp nào nhất định gọi là Bát nhã Ba-la-mật cả, chẳng thấy có danh tự Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thấy có Bồ tát, chẳng thấy có danh tự Bồ tát. Bồ tát dùng trí huệ ấy, phá được vô minh và các phiền não.

Lại nữa, cũng do được thật trí huệ, mà Bồ tát được vô sở kiến, chẳng thấy hết thấy các pháp, nên phá được các chấp về Bát nhã Ba-la-mật, về danh tự Bát nhã Ba-la-mật, vào được nơi thật tướng các pháp, được tâm thanh tịnh, được vô ngại.

Bồ tát được trí huệ như vậy, nên dù thấy, dù nghe, dù niệm các pháp, vẫn thấy các pháp đều là như huyễn, như hóa. Vì sao? Vì Bồ tát biết rõ sự thấy, sự nghe, sự niệm cũng đều là hư vọng, nên chẳng có chấp sắc, thanh, hương, vị, xúc... mà thường trú trong vô ngại trí, tăng ích 6 Ba-la-mật, vào Bồ tát vị, được hết thấy các lợi ích.

-o0o-

Trong phẩm này, Phật dạy về pháp quán Bồ tát, Bồ tát danh, Bồ tát nghĩa đều là bất khả đắc.

Ở các phẩm sau, phần nhiều nói về quán “không”.

-o0o-

Phật hỏi ngài Tu Bồ Đề sắc có phải là Bồ tát chăng? Thọ, tưởng hành, thức có phải là Bồ tát chăng? Dẫn đến có một pháp nào nhất định gọi là Bồ tát chăng?

Ngài Tu Bồ Đề nghĩ rằng Bồ tát do duyên hòa hợp mà có, thì chẳng có pháp nào nhất định gọi là Bồ tát cả. Nghĩ như vậy, nên ngài thưa rằng: Chẳng phải vậy.

Vì ngài Tu Bồ Đề là người đã chứng được “chúng sanh không” nên Phật mới tán thán: Lành thay, lành thay! Đúng như lời ông nói, chúng sanh bất khả đắc, Bồ tát bất khả đắc, nên Bát nhã Ba-la-mật cũng bất khả đắc. Ông phải như vậy mà tu học Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Phật lại hỏi ngài Tu Bồ Đề: Sắc có phải là Bồ tát nghĩa chẳng? Dẫn đến sắc không, sắc vô tướng, sắc vô tác có phải là Bồ tát nghĩa chẳng? Dẫn đến có một pháp nào nhất định gọi là Bồ tát nghĩa chẳng?

Vì ngài Tu Bồ Đề đã vào được pháp “không” chẳng còn tâm nghi, nên ngài thưa rằng: Chẳng phải vậy.

Bởi vậy nên Phật lại tán thán: Lành thay, lành thay! Đúng như lời ông nói, Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật biết rõ nghĩa của sắc là bất khả đắc, dẫn đến nghĩa của hết thảy các pháp đều là bất khả đắc, nên Bồ tát nghĩa dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật nghĩa cũng đều là bất khả đắc cả. Ông phải như vậy mà tu học Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề lại bạch Phật: Con chẳng thấy có pháp nào gọi là Bồ tát, chẳng có pháp nào gọi là Bồ tát nghĩa cả.

Phật dạy: Chẳng phải riêng Bồ tát là chẳng thể được (bất khả đắc), chẳng thể thấy (bất khả kiến), mà ở nơi hết thảy

pháp cũng chẳng có pháp nào thấy pháp nào cả. Vì sao? Vì pháp tánh là vô lượng, là chẳng thể được, chẳng thể thấy vậy. Các pháp chẳng thể thấy pháp tánh, mà pháp tánh cũng chẳng thể thấy các pháp. Vì sao? Vì các pháp đều do duyên hòa hợp sanh, chẳng có tự tánh, nên các pháp chẳng thấy pháp tánh, và pháp tánh cũng chẳng thấy các pháp vậy.

Tánh của 5 âm, của 12 nhập, 18 giới, ..., dẫn đến tánh của pháp hữu vi, của pháp vô vi cùng với pháp tánh là chẳng phải hai, chẳng phải khác.

-o0o-

Như vậy là lược nói các nhân duyên “Ly hữu vi tánh chẳng có vô vi tánh, và ly vô vi tánh chẳng có hữu vi tánh” Vì sao? Vì hai pháp hữu vi và vô vi nhiếp hết thảy các pháp.

Do Bồ tát chẳng chấp hết thảy các pháp, nên chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ. Nếu còn có chỗ thấy, chỗ không thấy là còn kinh, còn hãi, còn sợ. Bồ tát chẳng chấp hết thảy pháp, nên chẳng còn có chỗ thấy, chẳng còn chỗ sợ, tức là vào được vô sở kiến, vô sở úy vậy.

**Hỏi:** Trước đã nói về các nhân duyên Bồ tát chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ rồi. Nay vì sao ngài Tu Bồ Đề còn hỏi nữa?

**Đáp:** Ngài Tu Bồ Đề nói các pháp đều là “không” là vô sở hữu. Nhưng ngài vẫn còn sợ có người khởi tâm nghi, khiến phải bị đọa về tà kiến, nên ngài mới hỏi Phật. Ngài muốn được Phật giải rộng, để người hành đạo được sanh chánh kiến.

**Hỏi:** Vì sao nói hết thảy các pháp đều chẳng thể thấy được?

**Đáp:** Do biết rõ tâm niệm của ngài Tu Bồ Đề, nên Phật dạy: Hết thảy các tâm và tâm sở đều chẳng thể được (bất khả đắc), chẳng thể thấy (bất khả kiến). Bởi vậy nên Bồ tát chẳng có kinh, chẳng có hải, chẳng có sợ.

Người mới tu “pháp không” thấy các tâm và tâm sở là có thể được (khả đắc), còn các ngoại pháp là chẳng thể được (bất khả đắc), nên mới sanh sợ hãi. Trái lại, Bồ tát đã thấy rõ các tâm và tâm sở đều là hư vọng, chẳng thật có, đều do quả báo điên đảo mà giả có vậy thôi, nên chẳng còn sanh tâm sợ hãi.

Vì chưa khai thị cho phạm phu rõ về thật tướng pháp, lại vì biết rõ phạm phu chấp nghĩa của các pháp có sai khác nhau, nên ngài Tu Bồ Đề mới phải hỏi như trên đây.

**Hỏi:** *Vì sao ngài Tu Bồ Đề phải hỏi đến 3 lần?*

**Đáp:** Các tâm và tâm sở đều ở nơi ý thức. Phải nương nơi ý căn mới thấy được ý thức, và mới thấy được toàn thể các tâm và tâm sở pháp. Vì sao? Vì có ý thức, mới khởi phân biệt. Do có khởi phân biệt, nên mới sanh sợ hãi. Ví như khi 5 căn duyên 5 trần, thì ở vào khoảnh khắc thời gian ngắn ngủi đó chưa có sự phân biệt. Khi có ý thức xen vào, thì mới có phân biệt, dẫn đến có sanh sợ hãi. Bởi vậy nên, muốn phá sự sợ hãi đến tận cùng gốc rễ, thì phải đình chỉ mọi sự phân biệt nơi ý thức. Đây chính là lý do khiến ngài Tu Bồ Đề phải hỏi Phật lần thứ ba.

Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, nên chẳng thấy có Bồ tát, chẳng thấy có danh tự Bồ tát, chẳng thấy có Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thấy có danh tự Bát nhã Ba-la-mật nữa. Do biết rõ như vậy, nên Bồ tát chẳng có sanh sợ hãi. Đây cũng chính là nhằm giáo hóa Bồ tát tu tập về Bát nhã Ba-la-mật tướng vậy.

## 22 • LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

Nếu biết rõ Bồ tát tướng, Bát nhã Ba-la-mật tướng đã thật hành Bát nhã Ba-la-mật rồi. Nếu biết Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải do cầu khắp 10 phương mà có được, cũng chẳng phải do ai mà có được, cũng chẳng phải như các vật báu mà phải dùng sức để chiếm đoạt được vậy.





## Phẩm Thứ Tám



Khuyến Học  
(Khuyên Học)

### KINH:

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Bồ tát muốn được đầy đủ Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật, phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ tát muốn biết sắc, ..., dẫn đến thức, muốn biết sắc, ..., dẫn đến pháp, muốn biết nhãn, ..., dẫn đến ý, muốn biết nhãn thức, ..., dẫn đến ý thức, muốn biết nhãn xúc, ..., dẫn đến ý xúc, muốn biết nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ, phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ tát muốn đoạn tham, sân, si phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ tát muốn đoạn thân kiến, tà kiến, nghi, dâm dục, sân nhuế, sắc ái và vô sắc ái, trạo cử, kiêu mạn, vô minh cùng hết thảy các kiết sử, phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ tát muốn đoạn 4 phược, 4 kiết, 4 điên đảo, phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ tát muốn biết 10 thiện đạo, 4 thiên, 4 không, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ tát muốn nhập giác ý tam muội, muốn nhập 6 thần

thông, muốn nhập 9 thứ đệ định, muốn nhập siêu việt tam muội... phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ tát muốn được Sư tử du hý tam muội, sư tử phần tam muội... cùng hết thấy các đà la ni môn và tam muội môn, phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Bạch Thế Tôn! Nói tóm lại, Bồ tát muốn làm thỏa mãn hết thấy các nguyện của chúng sanh, phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

### LUẬN:

**Hỏi:** Trước đây đã nói rằng Bồ tát muốn được các công đức, phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật. Nay vì sao còn nói nữa?

**Đáp:** Trước đây muốn được các công đức, thì phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật. Nay đã nghe Bát nhã Ba-la-mật, đã nếm được mùi vị của Bát nhã Ba-la-mật rồi, nên muốn được các công đức của 6 Ba-la-mật. Do vậy mà càng phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật hơn nữa.

Lại nữa, do nhân duyên nói về “pháp không” mà có người nghe nghi là Phật pháp cũng chấp đoạn diệt, nên lập lại đề đoạn nghi cho họ. Vì vậy mà phải nói lại rằng muốn được đầy đủ các công đức thì phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Bát nhã Ba-la-mật là không, là vô sở hữu, nhưng vẫn phải hành các công đức về bố thí, trì giới... Vì sao? Vì ở đây chẳng phải là các không trơn của người chấp về đoạn diệt.

Do hạng người thiếu trí, nghe trước và sau có trái nhau nên Phật phải rộng nói thêm.

-o0o-

Lại nữa, Bát nhã Ba-la-mật là thậm thâm, vi diệu pháp, nên phải lập đi lập lại. Đến như lời Phật khen Ngài Tu Bồ Đề mà Phật cũng lập đi lập lại: Lành thay, lành thay!

-o0o-

Nghĩa của 6 pháp Ba-la-mật như đã nói trước đây, nhằm khai thị cho người nghe biết rõ về 5 âm là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã. Đây là nói về tổng tướng.

Còn nói về biệt tướng, thì phải nói đến 6 căn, 6 trần, 6 thức, 6 thọ v.v... Người thế gian bị trói buộc bởi các pháp ấy, vì lấy thọ làm chủ. Do có thọ nên mới sanh ra các kiết sử, phiền não. Ví như thọ lạc sanh tham, thọ khổ sanh sân, chẳng có thọ lạc, thọ khổ sanh si. Do 3 độ tham, sân, si mà có các phiền não dấy khởi, kết thành các nghiệp nhân duyên. Bởi vậy nên nói thọ làm chủ mà chẳng nói đến các tâm sở khác vậy.

-o0o-

Trước đây đã có nói đến Giác ý tam muội, Sư Tử Du Hý tam muội, Siêu Việt tam muội v.v...

Bồ tát vào được các tam muội này là có thể làm thỏa mãn hết thảy các nguyện của chúng sanh.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bồ tát muốn được đầy các công đức phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

**KINH:**

**Bạch Thế Tôn! Bồ tát muốn có được đầy đủ các thiện**

**căn, muốn chẳng đọa vào 3 đường ác, muốn chẳng sanh vào nhà hạ tiện, muốn chẳng trú nơi Thanh Văn địa và Bích Chi Phật địa, muốn chẳng đọa đảnh, phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.**

**Lúc bấy giờ ngài Xá Lợi Phất hỏi ngài Tu Bồ Đề: Thế nào gọi là Bồ tát đọa đảnh?**

**Ngài Tu Bồ Đề đáp: Nếu Bồ tát chẳng có đủ các sức phương tiện để thật hành 6 pháp Ba-la-mật, để nhập vào các tam muội Không, Vô tướng và Vô tác, mà lại trú nơi Thanh Văn địa và Bích Chi Phật địa, dẫn đến thủ chấp Bồ tát vị, thì gọi là Bồ tát sanh pháp ái. Như vậy gọi là Bồ tát đọa đảnh.**

**Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Thế nào gọi là Bồ tát sanh?**

**Ngài Tu Bồ Đề đáp: Sanh gọi là pháp ái.**

**Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Những gì gọi là pháp ái?**

**Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật mà ở nơi sắc không, sắc vô tướng, sắc vô tác, sắc tịch diệt, sắc vô thường, sắc khổ, sắc vô ngã, ..., dẫn đến ở nơi thức không, thức vô tướng, thức vô tác, thức tịch diệt, thức vô thường, thức khổ, thức vô ngã còn có khởi niệm chấp trước, thì gọi là Bồ tát thuận đạo mà sanh pháp ái.**

**Lại nữa, Bồ tát tu tập các pháp:**

- Đây là khổ, phải nên biết.
- Đây là tập, phải nên đoạn.
- Đây là diệt, phải nên chứng.
- Đây là đạo, phải nên tu.
- Đây là tịnh pháp, phải nên gần.

- Đây là câu pháp, phải nên xa.
- Đây là việc phải nên làm.
- Đây là việc chẳng nên làm.
- Đây là Bồ tát đạo.
- Đây chẳng phải là Bồ tát đạo.
- Đây là Đàn Ba-la-mật.
- Đây chẳng phải là Đàn Ba-la-mật.
- Đây là Thi la Ba-la-mật.
- Đây chẳng phải là Thi la Ba-la-mật.
- Đây là Săn đê Ba-la-mật.
- Đây chẳng phải là Săn đê Ba-la-mật.
- Đây là Tỳ lê gia Ba-la-mật.
- Đây chẳng phải là Tỳ lê gia Ba-la-mật.
- Đây là Thiên Ba-la-mật.
- Đây chẳng phải là Thiên Ba-la-mật.
- Đây là Bát nhã Ba-la-mật.
- Đây chẳng phải là Bát nhã Ba-la-mật.
- Đây là phương tiện của Bồ tát.
- Đây chẳng phải là phương tiện của Bồ tát
- v.v...

Trên đây là chỗ thị học và chỗ phi học, tức là chỗ nên học và chỗ chẳng nên học của Bồ tát. Nên biết “thị” cũng như “phi” đều là phương tiện của Bồ tát cả.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-

la-mật mà ở nơi các pháp còn khởi niệm chấp trước “thị” hay “phi”, thì gọi là Bồ tát thuận đạo mà sanh pháp ái.

**LUẬN:**

**Hỏi:** Phải hành những thiện căn gì mới chẳng đọa vào các ác đạo, mới chẳng đọa đành?

**Đáp:** Có thuyết nói:

- Hành thiện căn “bất tham” khiến cho ái kiệt cùng hết thảy các kiệt sử khác mỏng dần. Từ đó vào được các thiện định.

- Hành thiện căn “bất sân”, khiến cho sân nhuế cùng các kiệt sử khác mỏng dần. Từ đó sanh được tâm từ bi.

- Hành thiện căn “bất si”, khiến vô minh cùng các kiệt sử khác mỏng dần. Từ đó vào được Bát nhã Ba-la-mật.

Hành các thiện căn như vậy là có đủ thiện định, từ bi và trí huệ Bát nhã, cho nên chẳng có việc gì mà chẳng làm được, chẳng có pháp môn gì mà chẳng tu được.

Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, tu tập các thiện căn như vậy nên:

- Chẳng đọa vào các đường ác.

- Chẳng sanh vào nhà hạ tiện.

- Chẳng lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa.

- Chẳng đọa đành.

**Hỏi:** Trong 4 sự việc nêu trên đây, vì sao chỉ nói riêng đến đọa đành mà thôi?

**Đáp:** Vì 3 sự việc kia đã nói đến trước đây rồi. Riêng việc đọa đành chưa được đề cập đến, nên nay ngài Xá Lợi Phất mới hỏi.

**Hỏi:** *Đọa đảnh là vào trong pháp vị. Nghĩa này đã được nói rồi. Vì sao nay còn hỏi nữa?*

**Đáp:** Trước đây đã nói về nghĩa này rồi. Tuy nhiên, trước đây chưa nói rõ về các phương tiện dẫn vào 3 Giải thoát môn. Bởi vậy nên danh tự này, trước và sau có nghĩa khác nhau.

Trước nói do ái pháp mà được lợi ích, vào được vô sanh pháp nhẫn. Nay nói vào được vô sanh pháp nhẫn rồi, mà còn chấp, còn ái pháp thì chẳng có lợi ích gì.

Ví như người ăn nhiều bị bội thực, chẳng tiêu hóa được. Nếu chẳng lo thuốc men chữa trị, thì sẽ thành trọng bệnh. Khi bệnh đã lành rồi thì chẳng cần đến thuốc men nữa.

Bồ tát cũng như vậy. Khi sơ phát tâm, do tham ái pháp thực mà tinh tấn tu hành, chứng được đạo quả. Thế nhưng, nếu chưa có đủ các sức phương tiện để hành các thiện pháp, thì sẽ sanh tâm chấp đắm đạo quả vậy. Bởi vậy nên nói, ở nơi Vô sanh pháp nhẫn mà còn pháp ái thì cũng vẫn là bệnh.

Vì sao? Vì do còn chấp pháp, nên ở nơi bất sanh bất diệt mà chẳng được tự tại.

Ví như người mắc phải trọng bệnh, quyết định sẽ phải chết, thì dù có uống nhiều thuốc, các thứ thuốc ấy cũng thành bệnh. Bồ tát nếu đã vào được nơi rốt ráo không, nơi bất sanh bất diệt, tức là đã vào trong Vô sanh pháp nhẫn rồi, mà còn sanh pháp ái thì sẽ dễ mắc bệnh pháp ái vậy.

Pháp ái đối với các hàng Trời, người là diệu pháp, nhưng ở nơi Vô sanh pháp nhẫn thì lại là bệnh.

Ở nơi hết thảy pháp, nếu còn sanh ức tướng phân biệt, nếu còn quán “thị-phi”, để rồi tùy theo pháp mà sanh pháp ái thì được gọi là “đọa đảnh”. Vì sao? Vì như vậy là trái với thật tướng pháp, là chẳng có tương ưng với thật tướng pháp. Nếu

Bồ tát vẫn còn chấp như vậy thì gọi là Bồ tát tham ái pháp thực, cũng gọi là “đọa đánh”.

**Hỏi:** *Chỉ là một pháp, nhưng vì sao có lúc nói là Vô sanh, có lúc nói là Đánh?*

**Đáp:** Ở nơi Nhu thuận nhãn, ở nơi Vô sanh nhãn, nếu chẳng có chấp trước pháp Vô sanh đó thì gọi là Trú Đánh vị. Bồ tát trú ở đánh cao đó, thẳng đường đến Phật đạo, chẳng còn sợ bị đọa nữa.

Cũng như vậy, ở trong pháp Thanh Văn có nói đến Noãn pháp, Nhãn pháp và Đánh pháp. Khi đã thành tựu được hai pháp Noãn và Nhãn rồi, thì hành giả tiến tu Đánh pháp vậy.

**Hỏi:** *Nếu đã được Đánh vị rồi là chẳng còn bị đọa nữa? Vì sao lại nói đến đọa Đánh?*

**Đáp:** Người được Đánh vị rồi, mà tâm kiên cố, trí an ổn, thì chẳng sợ bị đọa nữa. Người đã gần được Đánh vị rồi mà đánh mất đi thì mới gọi là đọa Đánh.

Vì sao? Vì khi đã lên đến đánh núi, đứng vững chắc trên đánh núi rồi, thì chẳng còn sợ bị rơi xuống nữa. Thế nhưng, khi còn đang leo núi, mặc dù đã gần đến đánh núi rồi, thì cũng vẫn còn nguy hiểm, còn lo sợ bị rơi xuống, nên cần phải giữ tâm trí kiên cố, an ổn.

Bồ tát, khi đã trú ở Đánh vị rồi, thì chẳng còn bị các nội ma quấy nhiễu, chẳng còn bị các kiết sử trói buộc nữa. Như vậy gọi là được Vô sanh pháp nhãn. Vì sao? Vì trái với Vô sanh là còn kiết sử, còn ái chấp các thiện pháp.

Nếu chẳng có được trí huệ soi sáng, thì chẳng vào được nơi thật tướng pháp, như vậy gọi là Sanh. Nếu có được trí huệ soi chiếu, thì vào được nơi thật tướng pháp; như vậy gọi là Thực.



Lại nữa, nếu chẳng có y chỉ trí sanh diệt, nếu ly được trí sanh diệt, ly được các chấp điên đảo, thì vào được nơi bất sanh, bất diệt. Như vậy gọi là được Vô sanh Pháp, hay Tín Pháp, hay Thọ Pháp, hay Trí Pháp, cũng gọi là Nhẫn vị.

Bồ tát, khi đã nhập vào vị ấy rồi, là xả bỏ hết thảy các quán vô thường, khổ, không, vô ngã. Nếu chẳng được như vậy, thì gọi là thuận đạo mà còn sanh pháp ái.

**KINH:**

**Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Thế nào gọi là Bồ tát bất sanh?**

**Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bồ tát, khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, ở trong nội không, chẳng thấy có ngoại không; ở trong ngoại không, chẳng thấy có nội không; ở trong ngoại không chẳng thấy có nội ngoại không; ở trong nội ngoại không, chẳng thấy có không không; ở trong không không, chẳng thấy có nội ngoại không; ở trong không không chẳng thấy có đại không; ở trong đại không, chẳng thấy có không không; ở trong đại không, chẳng thấy có đệ nhất nghĩa không; ở trong đệ nhất nghĩa không, chẳng thấy có đại không; ở trong đệ nhất nghĩa không chẳng thấy có hữu vi không; ở trong hữu vi không, chẳng thấy có đệ nhất nghĩa không; ở trong hữu vi không chẳng thấy có vô vi không, ở trong vô vi không, chẳng thấy có hữu vi không; ở trong vô vi không chẳng thấy có tất cánh không; ở trong tất cánh không, chẳng thấy có vô vi không; ở trong tất cánh không chẳng thấy có vô thi không; ở trong vô thi không, chẳng thấy có tất cánh không; ở trong vô thi không chẳng thấy có tán không, ở trong tán không, chẳng thấy có vô thi không, ở trong tán không chẳng thấy có tánh không; ở trong tánh không chẳng thấy có tán không; ở trong tánh không chẳng thấy**

có chư pháp không; ở trong chư pháp không, chẳng thấy có tánh không; ở trong chư pháp không chẳng thấy có tự tướng không; ở trong tự tướng không, chẳng thấy có chư pháp không; ở trong tự tướng không chẳng thấy có bất khả đắc không; ở trong bất khả đắc không, chẳng thấy có tự tướng không; ở trong bất khả đắc không chẳng thấy có vô pháp không; ở trong vô pháp không, chẳng thấy có bất khả đắc không, ở trong vô pháp không chẳng thấy có hữu pháp không, ở trong hữu pháp không chẳng thấy có vô pháp không, ở trong hữu pháp không chẳng thấy có vô pháp hữu pháp không, ở trong vô pháp hữu pháp không chẳng thấy có hữu pháp không.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy gọi là Bồ tát bất sanh, nhập vào Bồ tát vị.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát phải nên tu tập Bát nhã Ba-la-mật như thế này: chẳng niệm sắc, thọ, tưởng, hành, thức; chẳng niệm nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; chẳng niệm sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp...; chẳng niệm 6 pháp Ba-la-mật dẫn đến chẳng niệm 18 bất cộng pháp.

Bồ tát thực hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, nên chẳng có niệm trước, chẳng có tự cao là mình đã được đại tâm, đã được vô đẳng đẳng tâm. Vì sao? Vì tâm tướng và phi tâm tướng đều là vô tướng, là thường thanh tịnh vậy.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Thế nào là tâm tướng thường thanh tịnh?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bồ tát biết rõ tâm tướng cùng tham, sân, si là chẳng hợp, chẳng ly; biết rõ tâm tướng cùng các kiết sử phiền não, triền phược là chẳng hợp, chẳng ly. Như vậy, gọi là biết rõ tâm tướng thường thanh tịnh.

Ngài Xá Lợi Phát hỏi: Vô tâm là có tướng tâm hay là chẳng có tướng tâm?

Ngài Tu Bồ Đề hỏi lại: Trong vô tâm có thể được tướng tâm hay tướng vô tâm chẳng?

Ngài Xá Lợi Phát đáp: Chẳng thể có được.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Nếu chẳng thể có được, thì chẳng nên hỏi về có tâm, hay chẳng có tâm (thị tâm hay phi tâm) làm gì nữa.

Ngài Xá Lợi Phát hỏi: Thế nào gọi là vô tâm tướng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Nếu đối trước các pháp mà biết rõ các pháp là chẳng thể hoại (bất khả hoại), là chẳng có phân biệt (vô phân biệt) thì đó gọi là chẳng có tướng tâm (vô tâm tướng) vậy.

Ngài Xá Lợi Phát hỏi: Chỉ có tâm là chẳng thể hoại, chẳng có phân biệt, hay là sắc cũng chẳng thể hoại, chẳng có phân biệt, ..., dẫn đến Phật đạo cũng chẳng thể hoại, chẳng có phân biệt?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Nếu Bồ tát biết rõ tâm là chẳng thể hoại, chẳng có phân biệt, thì Bồ tát cũng biết rõ sắc, ..., dẫn đến Phật đạo cũng chẳng thể hoại, chẳng có phân biệt vậy.

Lúc bấy giờ, ngài Xá Lợi Phát tán thán ngài Tu Bồ Đề rằng: Lành thay, lành thay! Ông thật là bậc chân Phật tử, từ miệng Phật sanh, từ pháp hóa sanh, thủ được pháp phần của Phật. Trong pháp tự tín, thân được chứng.

Đúng như lời Phật dạy, ông được Vô tránh tam muội, tối diệu, đệ nhất.

Nếu Bồ tát y theo lời ông đã phân biệt nói ra, mà thật hành thì sẽ chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Nếu có người thiện nam, thiện nữ muốn học pháp Thanh Văn, thì cũng phải nghe Bát nhã Ba-la-mật, thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, như pháp mà tu hành. Lại nữa, Nếu có người thiện nam, thiện nữ muốn học pháp Bồ tát, thì cũng phải nghe Bát nhã Ba-la-mật, thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, như pháp mà tu hành.

Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật rộng nói về cả 3 thừa. Bởi vậy, nên Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ tát đều phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

### **LUẬN:**

*Hỏi: Trong kinh nói trong nội không, chẳng thấy có ngoại không; trong ngoại không, chẳng thấy có nội không;... nghĩa ấy như thế nào?*

**Đáp:** Có thuyết nói rằng 4 đại ở bên ngoài theo các thức ăn uống, theo hơi thở... nhập vào thân trở thành 4 đại của nội thân. Khi bài tiết, cũng như ở giai đoạn cuối cùng của cuộc đời, khi thân đã chết rồi, thì 4 đại của nội thân lại được trả về cho 4 đại bên ngoài.

Như vậy là chấp có trong (nội), có ngoài (ngoại), có đi (khứ), có đến (lai)... đều là chấp điên đảo cả. Hết thấy các pháp đều là chẳng có các tướng trong, ngoài, đi, đến... Bởi vậy nên nói nội không chẳng có ở ngoại không, ngoại không chẳng có ở nội không; dẫn đến 16 pháp không còn lại cũng đều là như vậy cả.

Hết thấy các pháp đều là chẳng có sanh, chẳng có diệt, chẳng có đi, chẳng có đến, chẳng có đồng, chẳng có khác... Mỗi mỗi đều chẳng trú vậy.

Lại nữa, vào Bồ tát vị, Bồ tát chẳng có niệm sắc là CÓ, chẳng có niệm sắc là KHÔNG; , ..., dẫn đến cũng chẳng niệm

18 bất cộng pháp là CÓ hay là KHÔNG.

(Nghĩa về niệm CÓ, niệm KHÔNG đã nói trước đây rồi).

**Hỏi:** *Bồ đề tâm, Vô đẳng đẳng tâm và Đại tâm khác nghĩa với nhau chăng?*

**Đáp:** Bồ tát sơ phát tâm, duyên Vô Thượng đạo, mà phát nguyện rằng: “Tôi nguyện sẽ làm Phật”. Như vậy là phát Bồ đề tâm. Khi được Vô đẳng đẳng tâm, thì được gọi là Phật. Lúc bấy giờ, Bồ đề tâm và Vô đẳng đẳng tâm tương đồng với nhau. Vì sao? Vì quả đã tương ứng với nhân vậy.

Lại dùng đại trí, quán hết thấy pháp, hết thấy chúng sanh đều bình đẳng, chẳng có phân biệt; dùng đại từ, đại bi rộng độ hết chúng sanh. Như vậy là đại tâm.

Lại có thuyết nói:

- Đàn Ba-la-mật và Thi la Ba-la-mật nhiếp về Bồ đề tâm. Vì sao? Vì Đàn Ba-la-mật là nhân duyên dẫn đến đại phước đức. Thi la Ba-la-mật là nhân duyên dẫn ra khỏi 3 đường ác. Đây là 2 pháp rất tôn quý trong các hàng Trời và Người. Trú được trong 2 pháp này, thì có được lực quả báo an lập chúng sanh, và thành tựu đại sự.

- Săn đề Ba-la-mật và Tỳ lê gia Ba-la-mật nhiếp về Vô đẳng đẳng tâm. Vì sao? Vì 2 Ba-la-mật này là nhân duyên thành tựu được các việc hy hữu, rất khó làm. Nhờ nhẫn nhục, mà Bồ tát có thể, vì chúng sanh chịu bị cắt thịt, bị chẻ xương... mà tâm chẳng hề lay động, chẳng hề oán hận. Bồ tát biết rõ hết thấy pháp đều là rốt ráo không là đồng thể đại bi, nên mới làm được những việc hy hữu như vậy. Lại nhờ tinh tấn mà Bồ tát thành tựu được vô lượng công đức, có được những lực quả báo, chẳng gì bằng được. Khi thật hành 2 Ba-la-mật này, thì tâm Bồ tát tương tự như tâm Phật.

Như vậy là Vô đẳng đẳng tâm.

- Thiền Ba-la-mật và Bát nhã Ba-la-mật nhiếp về Đại tâm. Vì sao? Vì ở nơi thâm thiền định, Bồ tát dùng 4 vô lượng tâm, duyên khắp hết thấy chúng sanh, đang trầm luân trong biển khổ sanh tử, nhằm cứu độ hết thấy chúng sanh thoát khổ. Lại nhờ trí huệ Bát nhã mà Bồ tát vào được nơi thật tướng pháp, diệt hết các quán, đoạn dứt ngôn ngữ, mà chẳng có lạc về đoạn diệt.

Như vậy là đại tâm.

Lại có thuyết nói rằng: Khi sơ phát tâm thì gọi là Bồ đề tâm, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, thì gọi là Vô đẳng đẳng tâm, khi dùng các lực phương tiện để hành đạo thì gọi là Đại tâm.

-o0o-

Như vậy là 3 tâm có sai khác nhau.

Phải nên biết rằng, Bồ tát được đại tâm, đại trí mà chẳng có sanh tự cao, tự mãn. Vì sao? Vì tâm Bồ tát thường thanh tịnh, ví như hư không vậy. Dù có mây bay, có khói tỏa, có bụi trần lãng quăng qua lại... che lấp hư không, mà hư không vẫn thường như vậy.

Cũng như vậy, tâm Bồ tát thường thanh tịnh, nên các vô minh, phiền não chỉ là khách trần qua lại, chẳng có vướng mắc, chẳng cần phải khử trừ. Vì sao? Vì cứ y nơi góc thanh tịnh mà tu hành, tinh tấn hạ thủ công phu, thì các nghiệp cấu mỏng dần, nhường chỗ cho tâm thanh tịnh hiển lộ ra.

Bồ tát biết rõ tánh thanh tịnh chẳng phải do ai làm ra, chẳng phải do tự mình làm ra, nên chẳng tự cao và cũng chẳng niệm có pháp nào là thật cả, vì hết thấy pháp đều là rốt ráo không vậy.

**Hỏi:** Ngài Xá Lợi Phất cũng đã biết rõ tâm tướng thường thanh tịnh rồi. Sao nay ngài còn hỏi nữa?

**Đáp:** Bồ tát khi mới phát Bồ đề tâm, nghe nói tâm tướng là rốt ráo không, rồi lại nghe nói tâm tướng thường thanh tịnh, thì vẫn còn ức tướng phân biệt, vẫn còn thủ chấp cái tướng vô tâm đó.

Bởi vậy ngài Xá Lợi Phất mới nêu lên các câu hỏi để ngài Tu Bồ Đề giải đáp, nhằm giải nghi cho các vị Bồ tát này.

**Hỏi:** Vô tâm là có tướng tâm hay không có tướng tâm? Nếu là có thì vì sao lại nói là vô tâm? Nếu là không thì vì sao lại tán thán vô đẳng đẳng tâm?

**Đáp:** Vô tâm là rốt ráo thanh tịnh, chẳng có tướng, cũng chẳng phải chẳng có tướng. Vì CÓ và KHÔNG đều là bất khả đắc cả.

Như cuộc đối đáp giữa hai ngài Xá Lợi Phất và Tu Bồ Đề sau đây:

- Hỏi: Thế nào là vô tâm tướng?

- Đáp: Hết thấy các pháp đều rốt ráo không, chẳng có phân biệt. Như vậy gọi là vô tâm tướng.

- Hỏi: Nếu tâm tướng chẳng thể hoại, chẳng thể phân biệt, thì hết thấy các pháp cũng đều là như vậy hay sao?

- Đáp: Hết thấy các pháp cũng đều là như vậy cả. Vô thượng bồ đề tâm cũng ví như hư không, cũng chẳng thể hoại, chẳng thể phân biệt. Cho nên nếu có Bồ tát thâm trước Vô thượng bồ đề tâm, mà dấy niệm “đắc”, thì Bồ tát ấy chưa được lậu tận, chưa được thanh tịnh vậy.

Ngài Tu Bồ Đề nghĩ rằng: Nếu có người nghe nói như vậy mà sanh tâm sợ hãi, chẳng có vui, thì người đó còn chấp tâm, còn tư duy trừ lượng. Phải nên vì họ nói về thật tướng pháp để đối trị.

Nghĩ như vậy rồi, ngài Tu Bồ Đề tự niệm rằng: Nay ở trước đức Thế Tôn, ta phải dùng thật tướng pháp mà đối trị. Nếu ta có lỗi làm gì thì Thế Tôn sẽ rộng thuyết cho ta được rõ.

Ngài Tu Bồ Đề nói tiếp: Vô thượng bồ đề tâm là đệ nhất. Thế nhưng nếu tâm còn chấp tướng “không”, còn chấp tướng “bất hoại”, còn chấp tướng “vô phân biệt” thì liền có tướng “hư vọng” khởi sanh ra. Khi tu hành, hành giả phải tùy Vô thượng bồ đề tâm mà hành các tướng, nhưng chẳng nên chấp tướng, chẳng nên tự cao.

Lúc bấy giờ ngài Xá Lợi Phất tán thán ngài Tu Bồ Đề là bậc chân Phật tử, từ miệng Phật sanh ra, từ pháp hóa sanh, thù được pháp phần của Phật.

Phật ấn chứng lời nói của ngài Tu Bồ Đề, cùng lời tán thán ngài Tu Bồ Đề của ngài Xá Lợi Phất.

**Hỏi:** *Các vị Bà-la-môn cũng từ nơi miệng Phạm Thiên sanh, nên trong 4 tộc tánh bên Ấn Độ thì Bà-la-môn đứng về hàng thứ nhất. Nay vì sao ngài Xá Lợi Phất lại tán thán ngài Tu Bồ Đề là từ miệng Phật sanh?*

**Đáp:** Vì ngài Tu Bồ Đề đã thấy pháp, đã biết pháp. Trái lại phàm phu chưa vào được đạo, nên chỉ y vào thân tướng của Phật mà cúng dường. Như vậy là họ chỉ thủ tướng phần mà thôi.

Nói về thủ, cũng nên biết có hai trường hợp là:

- Thủ tài,



- Thủ pháp.

Thủ tài là gom góp tài vật, của cải về cho mình. Ví như đưa con bất hiếu, chẳng muốn noi theo lời dạy dỗ của cha mẹ, mà chỉ muốn tranh phần tài sản.

Còn thủ pháp là thủ lấy các pháp thiên định, 5 căn, 5 lực, 7 giác chi, 6 Thánh đạo... cùng hết thảy các thiện pháp. Vì sao? Vì như vậy là vào được trong pháp tự tín, đầy đủ các thần thông, thâm nhập vào diệt tận định nên được thân đắc chứng.

Ví như ngài Xá Lợi Phất là bậc trí huệ đệ nhất, ngài Mục Kiền Liên là bậc thần thông đệ nhất, ngài Tu Bồ Đề là bậc Vô tránh tam muội đệ nhất. Ngài Tu Bồ Đề vào Vô tránh tam muội, thường quán tâm chúng sanh mà chẳng khởi cạnh tranh. Ngài đã được căn bản tam muội tứ thiền, nên được diệu dụng hành pháp ấy ở cõi Dục vậy.

**Hỏi:** *Bát nhã Ba-la-mật là pháp tu của hàng Bồ tát. Như vậy vì sao nói rằng muốn được 3 thừa đạo, phải tu học Bát nhã Ba-la-mật?*

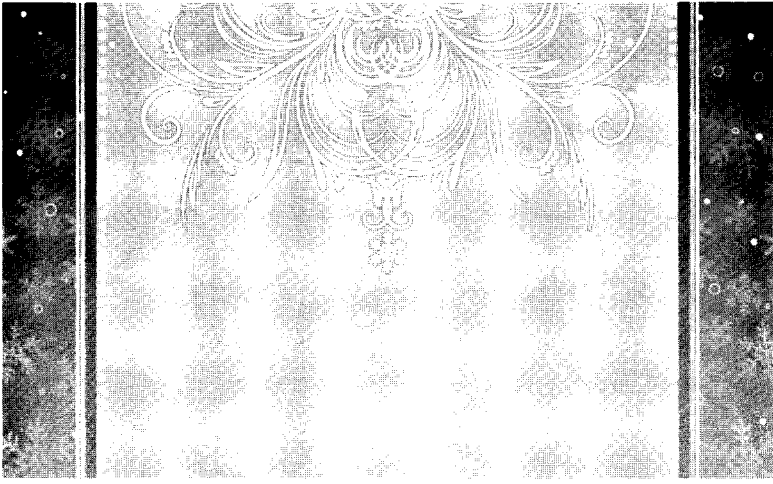
**Đáp:** Nói về Bát nhã Ba-la-mật là nói về thật tướng pháp, là nói về Vô dư Niết Bàn. Đây là nhân tu của cả 3 thừa đạo. Bởi vậy nên nói cả 3 thừa đều phải tinh tấn tu học Bát nhã Ba-la-mật.

Trong kinh đã có nói nhiều về các nhân duyên tu, như nói tu 3 giải thoát môn Không, Vô tướng và Vô tác v.v... Nếu hành giả xa lìa Không Giải thoát môn thì chẳng có đạo, chẳng có Niết Bàn, nên cả 3 thừa đều phải tu học Bát nhã Ba-la-mật.

## 40 • LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

Ở đoạn kinh trên đây, ngài Xá Lợi Phất nêu lên các nhân duyên rằng Bát nhã Ba-la-mật rộng nói về cả 3 thừa, nên cả 3 thừa đều phải tu học Bát nhã Ba-la-mật. Dù muốn học pháp Thanh Văn, muốn học pháp Bích Chi Phật, hay muốn học pháp Bồ tát, thì hành giả vẫn phải nghe Bát nhã Ba-la-mật, thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, như pháp mà tu hành.

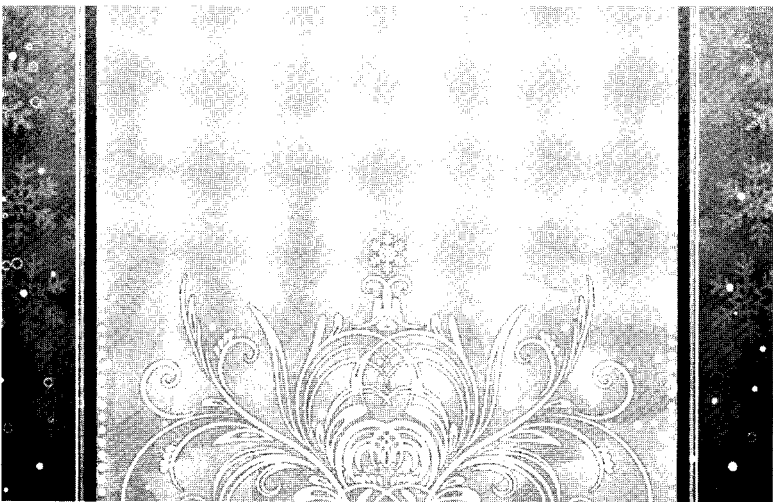
(Hết quyển 41)



---

**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 42**

---





## Phẩm Thứ Chín



### Tập Tán (Hợp và Tan)

#### KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ngã bất đắc, bất giác (chẳng được, chẳng biết), nên sự việc Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật là bất khả đắc (chẳng thể có được). Như vậy, làm sao có thể nói Bát nhã Ba-la-mật cho Bồ tát nghe được?

Bạch Thế Tôn! Ngã bất đắc nên hết thấy các pháp tập tán đều là bất khả đắc. Nếu y theo danh tự Bồ tát mà gọi đó là Bồ tát, thì như vậy có phải hời chảng?

Bạch Thế Tôn! Danh tự là chẳng trú, cũng chẳng phải chẳng trú. Vì sao? Vì danh tự là vô sở hữu (chẳng có) vậy. Cho nên nói danh tự là chẳng trú, cũng chẳng phải chẳng trú, vì là vô sở hữu.

Bạch Thế Tôn! Ngã bất đắc nên sắc tập tán, ..., dẫn đến thức tập tán đều là bất khả đắc. Như vậy làm sao mà lập ra danh tự được? Cho nên nói danh tự là chẳng trú, cũng chẳng phải chẳng trú, vì là vô sở hữu.

Bạch Thế Tôn! Ngã bất đắc nên sắc tập tán, ..., dẫn đến pháp tập tán, nhãn tập tán, ..., dẫn đến ý tập tán, nhãn thức tập tán, ..., dẫn đến ý thức tập tán, nhãn xúc tập tán, ..., dẫn đến ý xúc tập tán, nhãn xúc nhân duyên sanh thọ tập tán, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ

tập tán, vô minh tập tán, ..., dẫn đến lão tử tập tán đều là bất khả đắc cả. Như vậy làm sao mà lập ra danh tự được? Cho nên nói danh tự chẳng trú, cũng chẳng phải chẳng trú, vì là vô sở hữu.

Bạch Thế Tôn! Ngã bất đắc nên tham, sân, si tập tán, các phiền não tập tán đều là bất khả đắc cả. Ngã bất đắc nên 6 pháp Ba-la-mật tập tán, 4 niệm xứ tập tán, ..., dẫn đến 8 thánh đạo tập tán, không, vô tướng, vô tác tập tán, 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định tập tán, niệm Phật, niệm pháp, niệm tăng, niệm giới, niệm xả, niệm thiên, niệm hơi thở ra vào, niệm thân, niệm chết tập tán, 10 Phật lực tập tán, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp tập tán đều là bất khả đắc cả. Như vậy làm sao mà lập ra danh tự được? Cho nên nói danh tự chẳng trú, cũng chẳng phải chẳng trú, vì là vô sở hữu.

Bạch Thế Tôn! Ngã bất đắc nên 5 âm như mộng, như ảnh, như hường, như diệm, như hóa tập tán đều là bất khả đắc cả. Ngã bất đắc nên ly, tịch diệt, bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh... tập tán đều là bất khả đắc cả. Ngã bất đắc nên như pháp tánh thật tế, pháp tướng, pháp vị tập tán đều là bất khả đắc cả. Ngã bất đắc nên thiện pháp tập tán, bất thiện pháp tập tán, hữu vi pháp tập tán, vô vi pháp tập tán, hữu lậu pháp tập tán, vô lậu pháp tập tán, quá khứ tập tán, hiện tại tập tán, vị lai tập tán... cũng đều là bất khả đắc cả. Đây chính là nghĩa vô vi pháp vậy.

Bạch Thế Tôn! Ngã bất đắc nên vô vi pháp tập tán cũng là bất khả đắc. Ngã bất đắc nên chư Phật tập tán, chư Bồ tát tập tán, chư Thanh Văn tập tán cũng đều là bất khả đắc.

Bạch Thế Tôn! Nếu chư Phật tập tán, chư Bồ tát tập

tán, chư Thanh Văn tập tán đều là bất khả đắc cả, thì làm sao con có thể giáo hóa Bồ tát về Bát nhã Ba-la-mật được?

Bạch Thế Tôn! Danh tự Bồ tát chẳng trú, cũng chẳng phải chẳng trú. Như vậy làm sao con có thể dùng danh tự Bồ tát mà nói đó là Bồ tát được?

Bạch Thế Tôn! Ở nơi thật tướng pháp, danh tự Bồ tát chẳng trú, cũng chẳng phải chẳng trú. Vì sao? Vì danh tự là vô sở hữu.

Vì danh tự là vô sở hữu nên chẳng trú, mà cũng chẳng phải chẳng trú vậy.

### LUẬN:

*Hỏi: Trước đây đã nói rằng, Bồ tát cũng như danh tự Bồ tát chẳng thấy ở trong, chẳng thấy ở ngoài, chẳng thấy ở chặng giữa. Nay vì sao còn hỏi nữa?*

**Đáp:** Trước đây đã nói về 4 thứ ái nhiễm là:

Ái dục - Ái hữu - Ái phi hữu - Ái pháp.

- Ái dục rất dễ thấy, vì là bất tịnh.

- Ái hữu cũng bất tịnh. Có thể dùng phi hữu để phá ái hữu.

- Ái phi hữu vi tế hơn, nên rất khó trừ.

- Ái pháp là ái các thiện pháp, có lợi ích cho việc tu đạo. Tuy nhiên, ái pháp cũng dẫn đến những lỗi lầm rất khó thấy, nên phải nói lại cho rõ hơn.

Ví như cỏ cũng như loài cây nhỏ rất dễ trừ diệt, còn các cây lớn thì rất khó có thể loại trừ đến tận gốc rễ.

Cũng như vậy, ái pháp có những lỗi lầm khó thấy, rất khó biết nên người tu rất khó đạt đến chỗ bất giác, bất đắc (chỗ chẳng biết, chẳng được) vậy.

Trước đây đã nói về các pháp có đồng, có khác, đã nói về danh tự Bồ tát là bất kiến (chẳng thấy). Nay nói về danh tự Bồ tát là bất giác, bất đắc (chẳng biết, chẳng được)

Nên biết, vì chẳng biết, chẳng được nên là chẳng thấy vậy.

**Hỏi:** *Khi chưa có pháp Bát nhã Ba-la-mật, thì cũng đã có Bồ tát rồi. Sao lại nói Bồ tát phải hành Bát nhã Ba-la-mật?*

**Đáp:** Từ vô thi đến nay, chúng sanh vốn là bất khả đắc.

Phàm phu, do chẳng hành Bát nhã Ba-la-mật nên chẳng biết rõ chúng sanh là bất khả đắc, mà chỉ hư vọng điên đảo chấp ấy giả danh, cho chúng sanh là thật có. Người hành Bát nhã Ba-la-mật diệt được các chấp điên đảo ấy, nên biết rõ chúng sanh vốn là bất khả đắc. Thế nhưng, nếu ở nơi vô sở hữu, mà dấy niệm chấp, đó chỉ là không tron thì sẽ bị rơi về đoạn diệt.

-o0o-

Ở đoạn kinh trên đây, ngài Tu Bồ Đề đã đề cập đến tâm hối, nhằm giúp chúng sanh phá được vọng ngữ.

Sở dĩ ngài sợ chúng sanh phạm giới vọng ngữ, vì các pháp đều là vô ngã, mà Phật lại bảo ngài nói Bát nhã Ba-la-mật cho hàng Bồ tát nghe.

Lại nữa, trong kinh có dạy rằng các pháp hữu vi do duyên hòa hợp sanh, và cũng theo duyên diệt. Như vậy là có tập, có tán. Nay ngài nói các pháp đều là bất khả đắc, đều là không, đều chẳng có tập tán, nên ngài sợ chúng sanh phạm vọng ngữ vậy.

Ví như:

- Lúa từ các đồng ruộng được đưa vào các kho lẫm cất



giữ. Như vậy là tập. Rồi từ các kho lẫm, lúa lại được đem phân phối đến các nhà dân. Như vậy là tán.

- Nhãn căn duyên nhãn trần sanh ra nhãn thức. Rồi nhãn căn, nhãn trần và nhãn thức hòa hợp sanh ra nhãn xúc. Nhãn xúc duyên khởi sanh ra thọ, tưởng, hành, và thức. Nếu ở nơi tà ức niệm, thì thọ, tưởng, hành, thức sẽ dẫn đến sanh phiền não nghiệp tội, nếu ở nơi chánh ức niệm, thì sẽ sanh các thiện pháp.

Thiện nghiệp cũng như ác nghiệp đều dẫn dắt chúng sanh vào 6 đường quả báo. Như vậy gọi là tập.

Khi các thức và các niệm đều diệt, thì các nhân duyên ly tán. Như vậy gọi là tán.

Chúng sanh duyên theo các pháp hữu vi nên chấp có tập, có tán mà chẳng biết rằng các thức cũng như hết thảy các pháp, khi sanh chẳng từ đâu đến, khi diệt cũng chẳng đi về đâu.

Do các pháp khi sanh chẳng từ đâu đến, khi diệt chẳng đi về đâu, nên các pháp tập tán đều là bất khả đắc cả.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói các pháp đều hư mộng, như huyễn... chỉ do các căn nhận lầm, mà tưởng là có vậy thôi.

**Hỏi:** *Có tướng tập tán. Sao ngài Tu Bồ Đề lại nói là bất giác, bất đắc (chẳng biết, chẳng được)?*

**Đáp:** Từ chỗ chẳng từ đâu đến (vô lai) mà tập, là bất khả đắc vậy. Lại từ chỗ chẳng đi về đâu (vô khứ) mà tán là bất khả đắc vậy.

Lại nữa, pháp sanh là không, nên tập bất khả đắc, pháp diệt cũng là không, nên tán cũng bất khả đắc, nghiệp rốt ráo không, nên tập bất khả đắc, nghiệp nhân duyên rốt ráo chẳng mất, nên tán cũng bất khả đắc, quán thế gian diệt để nên tập bất khả đắc, quán thế gian tập để, nên tán bất khả đắc.

Tóm lại, y theo các nghĩa nêu trên đây thì tập và tán đều là bất khả đắc cả.

**Hỏi:** *Nếu nói tập tán đều bất khả đắc, thì vì sao còn gương lập ra danh tự Bồ tát làm gì?*

**Đáp:** Như trong kinh đã nói, danh tự tuy chẳng trú, mà cũng chẳng phải chẳng trú.

**Hỏi:** *Vì sao nói danh tự chẳng trú?*

**Đáp:** Vì danh tự trú ở nơi pháp, mà pháp là “không” nên nói danh tự chẳng có chỗ trú, là vô sở trú vậy.

Ví như: Thùng xe, mui xe, cần xe, bánh xe, cãm xe, trục xe... nếu được ráp lại với nhau theo đúng kỹ thuật thì tạo thành một tổng thể mang tên gọi là “xe”. Nếu các thành phần ly tán thì xe chẳng còn nữa. Như vậy, danh tự xe chẳng có trú ở nơi bất cứ thành phần nào cả. Danh tự xe cũng là một, mà cũng là khác. Nếu y nơi đó mà tìm cầu xe thì chẳng thể được vậy. Xe là bất khả đắc, thì danh tự xe chẳng có chỗ trú.

Các nhân duyên khi tập là không thì các nhân duyên khi tán cũng là không.

Chúng sanh cũng là như vậy. Do 5 ấm hòa hợp mà có chúng sanh, có danh tự chúng sanh. Khi 5 ấm tan rã thì danh tự chúng sanh chẳng còn có chỗ trú. Bởi vậy nên biết rằng khi 5 ấm ly tán thì chẳng còn có chúng sanh và danh tự chúng sanh nữa. Hơn nữa, 5 ấm vốn là không nên chẳng có thể có được chúng sanh và danh tự chúng sanh vậy.

**Hỏi:** *Khi ly tán, thì danh tự là bất khả đắc, còn khi hòa hợp chưa ly tán thì có danh tự. Như vậy vì sao lại nói khi tập cũng như khi tán, danh tự đều là bất khả đắc cả?*

**Đáp:** Danh tự Bồ tát chỉ là một pháp, 5 âm là 5 pháp. Nên biết 1 chẳng phải là 5, thì ngược lại 5 cũng chẳng phải là 1. Danh tự Bồ tát chẳng phải là 5 âm, mà cũng chẳng phải là 1 trong 5 âm.

Ví như, nếu nói Bồ tát là sắc, thì 4 âm kia đều là bất khả đắc cả. Còn nếu nói Bồ tát là sắc và đồng thời cũng là 4 âm kia, thì hóa ra 5 là 1 rồi vậy. Lại nữa, nếu xét riêng thì 1 âm đã có dụng đầy đủ rồi, thì 4 âm kia ắt chẳng có dụng gì riêng cả.

Như vậy là danh tự Bồ tát chẳng trú ở nơi 5 âm, mà cũng chẳng phải chẳng trú ở nơi 5 âm vậy. Các nhân duyên hòa hợp ra danh tự Bồ tát đã là không, thì danh tự Bồ tát, khi tập cũng như khi tán đều là bất khả đắc cả.

-o0o-

Lại nữa danh tự Bồ tát chẳng phải là Bồ tát, cũng ví như danh tự lửa chẳng phải là lửa.

Ai cũng biết rằng lửa đốt cháy được các vật. Thế nhưng nếu ta chỉ nói suông danh tự lửa, thì miệng của ta chẳng thể bị đốt cháy được. Vì sao? Vì khi nói đến lửa, ta chỉ mới sanh tưởng về lửa, chẳng phải là đã có lửa. Danh tự lửa chẳng phải là lửa vậy.

-o0o-

Lại nữa, tên của các sự, các vật ở quanh ta được đặt ra từ thuở xa xưa, truyền từ đời này sang đời khác, được nhiều người nhắc nhở quá nhiều lần, nên trở thành quá quen thuộc. Ví như chỉ nghe nói đến nước, là ta có thể hình dung được trạng thái, tính chất, công dụng của chất lỏng ấy rồi.

Bởi vậy nên nói danh tự chẳng trú cũng chẳng phải là chẳng trú.

Ngài Tu Bồ Đề nói lên các nhân duyên hòa hợp sanh ra danh tự đều là không, đều là vô sở hữu, nên danh tự là chẳng phải trú, cũng chẳng phải chẳng trú. Danh tự, khi tập cũng như khi tán đều là bất khả đắc cả.

Nói tóm lại, Bồ tát, danh tự Bồ tát, 5 âm, 12 nhập, 18 giới... cùng hết thảy các pháp đều là như vậy cả.

**Hỏi:** *Nói 5 âm tập tán bất khả đắc là đủ rồi. Sao còn nói thêm 5 âm như mộng, như ảnh... tập tán đều là bất khả đắc nữa?*

**Đáp:** Trước nói 5 âm tập tán bất khả đắc, nay nói thêm 5 âm như mộng, như ảnh... tập tán bất khả đắc để tận trừ các chấp về 5 âm vậy.

Lại nữa, có người nghĩ rằng 5 âm nơi phàm phu mới là hư vọng, như mộng, như ảnh... còn 5 âm nơi các bậc Thánh chẳng phải hư vọng. Bởi nhân duyên vậy nên ngài Tu Bồ Đề phải nói rõ rằng 5 âm nơi phàm phu cũng như nơi các bậc Thánh cũng đều là như mộng, như ảnh, như hường, như diệm, như hóa.

**Hỏi:** *Phật dạy 10 dụ, sao ở nơi đây chỉ nêu có 5 dụ thôi?*

**Đáp:** Tùy theo tâm chúng sanh mà nói pháp, có khi phải cần nói rộng, có khi cần nói lược.

Ở trong trường hợp này nếu chỉ cần nêu lên 5 dụ là đủ rồi, chẳng có cần thiết nêu lên đầy đủ cả 10 dụ.

**Hỏi:** *Ly, tịch diệt, bất sanh, bất diệt... nêu ở đoạn kinh trên đây mang ý nghĩa gì?*

**Đáp:** Có hai trường hợp ly tán. Đó là:

-Thân ly tán.

- Tâm ly tán.

Thân ly tán là nói về trường hợp xa lìa nhà cửa, ruộng vườn, xa lìa người thân thích, để xuất gia, cầu đạo.

Tâm ly tán là nói về trường hợp xa lìa các kiết sử, phiền não.

Người tu hành phải thành tựu cả thân ly tán và tâm ly tán.

-o0o-

Lại có hai pháp ly nữa. Đó là:

- Ly danh tự,

- Ly tự tướng.

Khi nói ly danh tự là nhằm phá danh tướng. Khi nói ly tự tướng là nhằm phá pháp tướng.

-o0o-

Pháp Tiêu thừa thường nói đến hai pháp ly. Đó là hai pháp tịch diệt.

- Thuần thiện tịch diệt tướng (sạch hết các ác sự).

- Như Niết Bàn tịch diệt tướng.

-o0o-

Ở trong thế gian cũng nói đến các pháp ly, dạy người lìa ác, tu thiện.

Pháp tịch diệt thứ hai nêu trên đây là pháp bất sanh. Pháp này lại được chia thành hai pháp nữa. Đó là:

- Các pháp vô vi ở vị lai là bất sanh.

- Hết thầy pháp đều là tướng vô sanh, vì sanh là bất khả đắc.

-o0o-

Về bất diệt cũng có 3 pháp. Đó là:

- Trí duyên diệt.
- Phi trí duyên duyệt.
- Vô thường diệt.

-o0o-

Nói chung quán bất sanh, bất diệt là quán các hành xứ diệt, các ngôn ngữ đoạn. Như vậy là chẳng còn trú vào pháp nào để làm y chỉ nữa cả.

Các pháp tướng là như vậy. Dù thường, dù vô thường, dù cấu, dù tịnh cũng đều là pháp tánh, là thật tế, là pháp tướng, là pháp vị là pháp như, theo như ý nghĩa đã nói trước đây.

**Hỏi:** *5 ám pháp có tập, có tán. Vì sao nay lại nói 5 ám pháp chẳng có tập, chẳng có tán, là như pháp tánh thật tế? Nói như vậy thì trước và sau có gì trái nhau chẳng?*

**Đáp:** Người tu hành, khi đã vào được Như Pháp Tánh bình đẳng rồi, thì chẳng còn có tập, nghĩa là chẳng còn chứa nhóm nữa. Tập đã chẳng còn, thì tán cũng chẳng có vậy.

Nếu chẳng có tập, chẳng có tán thì ví như hư không. Khi đóng cửa lại thì gọi là tập, khi mở cửa ra thì gọi là tán. Thế nhưng, khi tập cũng như khi tán, hư không vẫn trước sau chẳng có gì sai khác. Hết thầy các pháp, dẫn đến chư Phật ở khắp trong 10 phương cũng đều là như vậy, đều chẳng có y chỉ, đều chẳng trú mà cũng chẳng phải chẳng trú vậy.

**KINH:**

**Bạch Thế Tôn!** Các pháp do duyên hòa hợp mà giả danh thi thiết. Ở nơi 5 âm, 12 nhập, 18 giới, ..., dẫn đến ở nơi 18 bất cộng pháp thì danh tự là bất khả thuyết (chẳng thể nói ra được). Ở nơi hết thấy các pháp hòa hợp, cũng đều là bất khả thuyết.

**Bạch Thế Tôn!** Các pháp ví như mộng, như ảnh, như hưởng, như diệm, như hóa, nên đều là bất khả thuyết.

Ví như các danh tự hư không, địa, thủy, hỏa, phong v.v... cũng từ nơi pháp không mà được thi thiết ra; các danh tự tam muội, trí huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến cũng đều từ nơi pháp không mà được thi thiết ra. Các danh tự Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích Chi Phật cũng đều từ nơi pháp không mà được thi thiết ra, dẫn đến danh tự Phật, danh tự pháp cũng đều từ nơi pháp không, mà được thi thiết ra. Tất cả các niệm về thiện, bất thiện, thường, vô thường, khổ, lạc, ngã, vô ngã, tịch diệt, như như, hữu, vô v.v... cũng đều như vậy cả.

**Bạch Thế Tôn!** Con y theo nghĩa đó nên con sanh tâm hối. Nếu hết thấy các pháp tướng tập tán đều bất khả đắc, thì làm sao con có thể dùng danh tự Bồ tát để gọi đó là Bồ tát được.

**Bạch Thế Tôn!** Danh tự chẳng trú cũng chẳng phải chẳng trú, vì là vô sở hữu.

**Bạch Thế Tôn!** Nếu có Bồ tát nào nghe nói về tướng và nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật như vậy mà tâm chẳng trầm một, chẳng hối tiếc, chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, thì phải biết Bồ tát ấy quyết định đã an trú nơi bất

**thối chuyển địa, đã an trú nơi tánh không, an trú nơi pháp không rồi vậy.**

**LUẬN:**

Trước đây nói đến chẳng đi, chẳng đến, chẳng trú, chẳng phải chẳng trú là nhằm phá danh tự Bồ tát.

Nay nói chẳng có pháp có thể thuyết ra được (vô pháp khả thuyết), nhằm chỉ rõ rằng Bồ tát chẳng phải 5 âm, 5 âm chẳng phải Bồ tát, nơi Bồ tát chẳng có 5 âm, nơi 5 âm chẳng có Bồ tát, Bồ tát chẳng thuộc về 5 âm, 5 âm chẳng thuộc về Bồ tát, ly Bồ tát chẳng có 5 âm, ly 5 âm chẳng có Bồ tát

Như vậy, danh tự Bồ tát là không, là bất khả đắc. Dẫn đến 18 bất cộng pháp cũng đều là như vậy, đều là hư vọng, giống như cảnh tượng thấy trong mộng.

Tuy nhiên, chẳng nên nói là cảnh mộng, chẳng có pháp tướng. Vì sao? Vì 5 âm, 12 nhập, 18 giới cũng chỉ là hư vọng, là như huyễn, chỉ có ở nơi tâm, chỉ là cảnh mộng vậy. Do các giác quan của chúng sanh bị mê lầm, khiến chẳng biết được rằng hư không cùng hết thấy các pháp đều là một tướng (nhất tướng), đều chẳng có tướng (vô tướng). Do mê lầm mà chấp rằng hư không và sắc trái nhau, chấp hư không chẳng phải là sắc, chấp sắc chẳng phải là hư không, ..., dẫn đến chấp sắc tịnh xứ chẳng phải là hư không. Nên biết, nếu xét rốt ráo thì chẳng có một pháp nào riêng rẽ cả.

Tướng của các pháp tập tán cũng như tướng của hư không. Tướng của thân nghiệp tập tán cũng như tướng của hư không. Hết thấy các pháp tướng đều chỉ là một tướng (nhất tướng), đều chẳng có tướng (vô tướng). Mà đã là chẳng có tướng (vô tướng) thì ắt phải là chẳng có pháp (vô pháp).



Bởi vậy nên nói hư không chỉ là danh tự, Bồ tát chỉ là danh tự, hết thảy các pháp cũng chỉ là danh tự.

**Hỏi:** *Nói mộng và hư không chỉ là danh tự còn có thể chấp nhận được. Còn như địa, thủy, hỏa, phong v.v... là thật có, sao cũng nói các pháp ấy đều là danh tự.*

**Đáp:** Người vô trí nói địa, thủy, hỏa, phong... là thật có, nhưng các bậc Thánh biết rõ các pháp ấy chỉ là giả hợp, giả thi thiết. Ví như đứa trẻ thấy bóng mình trong gương cho là thật có, còn người lớn biết bóng là chẳng thật có. Lại ví như phàm phu dùng nhục nhãn thấy các hạt bụi nhỏ hòa hợp kết lại thành đất, còn các bậc Thánh biết rõ các hạt vi trần dù nhỏ đến đâu, cũng vẫn chia chẻ được, cũng chỉ là pháp hòa hợp. Cho nên nói vi trần cũng là bất khả đắc.

Lại nữa, nếu nói đất là thật có, thì vì sao người tu, khi quán lửa, thấy cảnh vật chung quanh mình toàn là lửa cả.

Phật dạy: Hết thảy các pháp đều là không, đều là hư vọng.

Nên biết 4 Đại đều là hư vọng thì nghiệp báo do thân 4 Đại hòa hợp tạo thành cũng là hư vọng, là như huyễn, dù khi trì tịnh giới trái với khi bị nghiệp dẫn. Vì sao? Vì hết thảy pháp đều vốn là không, thì các nhân duyên để được thành đạo quả cũng là như vậy.

Bởi vậy nên biết rằng danh tự Bồ tát tuy là thiện pháp nhưng vì ở trong pháp không, nên cũng chẳng gọi là thiện pháp, vì cũng là không, nên là bất khả đắc.

Dẫn đến chẳng có pháp nào được gọi là Hữu, là Vô, là Tập, là Tán... Vì sao? Vì hết thảy các pháp đều là không, là bất khả đắc.

**KINH:**

Bạch Thế Tôn! Nếu tướng của các pháp là không, thì làm sao có pháp gọi là 4 niệm xứ, ..., dẫn đến có pháp gọi là 18 bất cộng pháp được?

Bạch Thế Tôn! Ly không chẳng có 4 niệm xứ, ..., dẫn đến chẳng có 18 bất cộng pháp. Vì sao? Vì 4 niệm xứ tức là không, và không tức là 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp tức là không, và không tức là 18 bất cộng pháp.

Bởi vậy nên Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng nên trú trong 4 niệm xứ, ..., dẫn đến chẳng nên trú trong 18 bất cộng pháp.

Bạch Thế Tôn! Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng nên trú trong 6 pháp Ba-la-mật. Vì sao? Vì tướng của 6 Ba-la-mật là không. Ly không chẳng có 6 Ba-la-mật. 6 Ba-la-mật tức là không, và không tức là 6 Ba-la-mật.

Bởi vậy nên Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng nên trú trong 6 pháp Ba-la-mật.

**LUẬN:**

Ở đoạn kinh trên đây, ngài Tu Bồ Đề thuyết về Bát nhã Ba-la-mật. Tuy ngài có thuyết mà chẳng có thuyết. Nhưng cũng vì hàng Bồ tát mà ngài thật có thuyết vậy.

Ngài Tu Bồ Đề đã dùng pháp môn “bất trú” để vì hàng Bồ tát thuyết kinh Bát nhã Ba-la-mật. Ngài nói thẳng rằng Bát nhã Ba-la-mật chỉ là danh tự. Thế nhưng phải tu quán tương ưng với Tập, Hiệp, Trú, Nhập, mới gọi là thật hành Bát nhã Ba-la-mật.

Người độn căn, thiếu trí chỉ chấp vào danh tự, ngữ ngôn,

mà chẳng sao thấu rõ được diệu lý của kinh. Đối với hạng người này phải nên dạy cho họ tu theo lối đọc tụng, thọ trì, chánh ức niệm, tư duy, trừ lượng, phân biệt, mới khiến họ phát tâm Vô thượng bồ đề.

Người sơ cơ phải tập quán các pháp rõ ràng như nhìn các vật dưới ánh sáng mặt trời. Do tiêm tu nên gọi là Tập. Khi đã cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng thì gọi là Hiệp. Khi đã tùy thuận Bát nhã Ba-la-mật thì gọi là Trú. Khi đã tương ưng thông suốt rồi, mới nhập vào Bát nhã Ba-la-mật được, nên gọi là Nhập.

Được như vậy rồi mới có thể thuyết Bát nhã Ba-la-mật cho hàng Bồ tát nghe mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ.

Lúc bấy giờ mới thật sự trú nơi bất thối chuyển địa. Vì sao? Vì chẳng còn trú nơi pháp mà trú nơi tánh không, nơi pháp không vậy.

Bồ tát dù chưa được vô sanh pháp nhẫn, chưa được Phật thọ ký, mà nếu đã được đầy đủ phước đức, trí huệ, thì cũng vào được rốt ráo không. Như vậy cũng được gọi là trú trong tánh bất thối chuyển, có được trí phần Bát nhã vậy. Ví như đứa bé sinh trong gia đình quyền quý, dù chưa thành sự nghiệp mà cũng đã được người khác tôn quý vậy.

## KINH:

**Bạch Thế Tôn! Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng nên trú trong sắc, ..., dẫn đến chẳng nên trú trong thức, chẳng nên trú trong sắc, ..., dẫn đến chẳng nên trú trong pháp, chẳng nên trú trong nhãn, ..., dẫn đến chẳng nên trú trong ý, chẳng nên trú trong nhãn thức, ..., dẫn đến chẳng nên trú trong ý thức, chẳng nên trú trong nhãn xúc, ..., dẫn đến chẳng nên trú trong ý xúc, chẳng nên trú**

trong nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến chẳng nên trú trong ý xúc nhân duyên sanh thọ, chẳng nên trú trong địa, thủy, hỏa, phong, chẳng nên trú trong vô minh, ..., dẫn đến chẳng nên trú trong lão tử.

Vì sao? Vì sắc và sắc tướng đều là không, ..., dẫn đến thức và thức tướng đều là không.

Bạch Thế Tôn! Sắc không thì chẳng thể gọi là sắc, mà ly không lại cũng chẳng có sắc. Vì sao? Vì sắc tức là không và không tức là sắc.

Thọ, tướng, hành, thức không, thì chẳng thể gọi là thọ, tướng, hành, thức đượ, mà ly không lại cũng chẳng có thọ, tướng, hành, thức. Vì sao? Vì thọ, tướng, hành, thức tức là không, và không cũng tức là thọ, tướng, hành, thức.

Dẫn đến lão tử và lão tử tướng đều là không. Lão tử không thì chẳng thể gọi là lão tử, mà ly không lại cũng chẳng có lão tử. Vì sao? Vì lão tử tức là không và không cũng tức là lão tử.

Bạch Thế Tôn! Bởi vậy nên Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng nên trú trong sắc, ..., dẫn đến chẳng nên trú trong lão tử.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng nên trú trong 4 niệm xứ, ..., dẫn đến chẳng nên trú trong 18 bất cộng pháp. Vì sao? Vì 4 niệm xứ và 4 niệm xứ tướng đều là không, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp và 18 bất cộng pháp tướng đều là không.

Bạch Thế Tôn! 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp đều là không thì chẳng nên phân biệt, chẳng nên thủ tướng.

Bồ tát phải thường hành, thường niệm, chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật mới gọi là học Bát nhã Ba-la-mật. Lại còn phải tu học các phương tiện quán, để biết rõ các pháp là thị hay là phi, là đắc hay là thất. Như vậy mới gọi là chánh tư duy. Bồ tát học và tư duy như vậy là cùng với tâm thiền định cộng hành, mới gọi là tu Bát nhã Ba-la-mật đạo.

Bồ tát học như vậy là chẳng phải trú, mà cũng chẳng phải chẳng trú. Đây chính là nghĩa “trú nơi bất trú” vậy

**LUẬN:**

*Hỏi: Trước đây đã nói các pháp đều là không, là bất khả đắc rồi. Nay vì sao còn nói chẳng nên trú trong các pháp nữa?*

**Đáp:** Trước đây nói về tâm khó trừ được pháp ái, nên nói các pháp đều là không, là bất khả đắc. Nay nói về vô tướng tam muội, nhằm đoạn trừ tận gốc pháp ái nên nói chẳng nên trú trong các pháp. Vì sao? Vì vào trong tam muội này thì chẳng còn chấp trước các pháp, mà cũng chẳng vào diệt định.

Bồ tát có trí huệ chẳng thể nghĩ bàn, nên dù chẳng có thủ hết thảy các pháp tướng mà vẫn hành Bồ tát đạo.

Ví như chim bay giữa hư không, chẳng y vào đâu cả mà vẫn bay vút lên không trung. Bồ tát cũng như vậy, chẳng trú nơi bất cứ một pháp nào mà vẫn hành đạo viên mãn.

*Hỏi: Khi gặp duyên thì tâm khởi. Như vậy vì sao nói Bồ tát chẳng trú trong các pháp, mà cũng chẳng vào diệt định?*

**Đáp:** Như lời ngài Tu Bồ Đề nói ở đoạn kinh trên đây: Sắc và sắc tướng đều là không. Sắc không thì chẳng thể gọi là sắc, mà ly không lại cũng chẳng có sắc. Sắc tức là không, và không cũng tức là sắc v.v...

Bởi vậy nên Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng trú trong sắc, ..., dẫn đến chẳng trú trong Bát nhã Ba-la-mật, vì hết thấy các pháp đều là không, là vô sở trú vậy.

-o0o-

**KINH:**

**Bạch Thế Tôn! Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng nên trú trong nhất tự môn, trong nhị tự môn, ..., dẫn đến chẳng nên trú trong vô lượng tự môn. Vì sao? Vì danh tự là tự tướng không. Ly không chẳng có danh tự. Danh tự tức là không, và không tức là danh tự.**

**Bạch Thế Tôn! Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng nên trú trong các thần thông. Vì sao? Vì thần thông là tự tướng không. Ly không chẳng có thần thông. Thần thông tức là không, và không tức là thần thông.**

**LUẬN:**

Có hai hạng Bồ tát. Đó là:

- Hạng Bồ tát tu tập thiền định.
- Hạng Bồ tát đọc tụng kinh điển.

Có Bồ tát do đọc tụng kinh điển mà sanh được các thần thông, vào được các tự môn

-o0o-

Có tự môn gồm 1 tự (nhất tự môn), có tự môn gồm 2 tự (nhị tự môn), ..., dẫn đến có tự môn gồm vô lượng tự (vô lượng tự môn).

Ví dụ như: - Phù, có nghĩa là đất, thuộc về nhất tự môn.

- Xà Lam, có nghĩa là nước, thuộc về nhị tự môn.

Khi Bồ tát nghe được một tự môn, thì liền vào ngay được trong thật tướng pháp.

Ví dụ như: Nghe tự môn “A” là liền biết hết thấy các pháp vốn là vô sanh.

Nghe tự môn “Đầu-khu” là liền biết hết thấy các pháp đều là khổ. Do vậy mà liền sanh tâm đại bi.

Nghe tự môn “A-na-tra” là liền biết hết thấy các pháp đều là vô tướng. Do vậy mà liền vào được Thánh đạo.

-oOo-

Bồ tát vào được các đà la ni môn, đắc các thân thông mà chẳng có trú trong các pháp ấy. Vì sao? Vì Bồ tát biết rõ hết thấy các pháp đều là rốt ráo không vậy.

### **KINH:**

**Bạch Thế Tôn! Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật biết rõ sắc là vô thường, là khổ, là vô ngã, là tịch diệt chẳng nên trú, ..., dẫn đến biết rõ thức là vô thường, là khổ, là vô ngã, là tịch diệt chẳng nên trú. Vì sao? Vì vô thường, khổ, vô ngã, tịch diệt đều là không. Ly không chẳng có vô thường, khổ, vô ngã, tịch diệt. Vì vô thường, khổ, vô ngã, tịch diệt tức là không, và không tức là vô thường, khổ, vô ngã, tịch diệt.**

**Bạch Thế Tôn! Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật biết rõ như như tướng là không, chẳng nên trú. Ly không chẳng có như như tướng. Vì như như tướng tức là không, và không tức là như như tướng.**

Bạch Thế Tôn! Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật biết rõ pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, thật tế đều là không, chẳng nên trú. Ly không chẳng có pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, thật tế. Vì pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, thật tế tức là không, và không tức là pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, thật tế.

Bạch Thế Tôn! Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật biết rõ các đà la ni và các tam muội đều là không, chẳng nên trú. Ly không chẳng có các đà la ni và các tam muội. Vì đà la ni và tam muội tức là không, và không tức là đà la ni và tam muội.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng có các lực phương tiện thì ở nơi sắc mà khởi tâm chấp ngã, dùng tâm chấp ngã mà trú trong sắc. Dẫn đến ở nơi thọ, tưởng, hành, thức mà khởi tâm chấp ngã, dùng tâm chấp ngã mà trú trong thọ, tưởng, hành, thức. Do tâm chấp ngã này mà Bồ tát còn thấy có hành sắc, ..., dẫn đến còn thấy có hành thức. Bởi vậy nên thật hành Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng vào được Bát nhã Ba-la-mật, chẳng được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật, khiến chẳng có thể thành tựu được tâm Tát bà nhã vậy.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng có các lực phương tiện thì ở nơi 12 nhập, 18 giới, ..., dẫn đến ở nơi các đà la ni và các tam muội, vẫn còn trú trong đó. Cho nên thật hành Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng vào được Bát nhã Ba-la-mật, chẳng được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật, khiến chẳng có thể thành tựu được tâm Tát bà nhã vậy.

Vì sao? Vì sắc chẳng thể thọ; thọ, tưởng, hành, thức chẳng thể thọ. Sắc chẳng thể thọ, thì chẳng phải là sắc;



thọ, tướng, hành, thức chẳng thể thọ, thì chẳng phải là thọ, tướng, hành, thức. Tất cả 5 ấm đều là tánh không cả. Dẫn đến 12 nhập, 18 giới ..., các đà la ni, các tam muội đều chẳng thể thọ, vì đều là tánh không cả.

**Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật chẳng thể thọ.**

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật chẳng thể thọ, cũng chẳng phải là Bát nhã Ba-la-mật, vì là tánh không vậy.

Bởi vậy Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật phải quán các pháp là tánh không, quán tâm chẳng có hành xứ. Quán như vậy là chẳng thọ tam muội, có dụng quảng đại nên các hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật chẳng có thể sánh kịp.

Lại nữa, do câu Nhất thiết chủng trí nên Bồ tát cũng chẳng thọ nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô thị không, tán không, tánh không, tự tướng không, chư pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không.

Vì sao? Vì chẳng có thể dùng các hành tướng để được Nhất thiết chủng trí. Lý do là hết thấy các hành tướng đều là cấu tướng cả. Những gì gọi là cấu tướng? Sắc tướng, ..., dẫn đến đà la ni tướng, tam muội tướng cũng đều là cấu tướng cả.

Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật phải tu thoát ly các cấu tướng mới được Nhất thiết chủng trí.

#### **LUẬN:**

Trước đây đã có nói rằng vô thường, khô, không, vô ngã... đều là Thánh hạnh, đều là như pháp tánh thật tế.

**Hỏi:** *Nói chẳng nên trú trong các cấu pháp thì còn chấp nhận được. Nay vì sao lại nói chẳng nên trú trong các thiện pháp và vô ký pháp?*

**Đáp:** Các thiện pháp và vô ký pháp, tuy chẳng phải là tội cấu, nhưng cũng là nhân duyên dẫn sanh ra các tội cấu vậy.

Phật dạy rằng: Nếu thật hành Bát nhã Ba-la-mật mà còn trú trong 5 ám cũng dẫn sanh các nghiệp tội. Vì sao? Vì nếu thật hành Bát nhã Ba-la-mật mà còn trú trong 5 ám là vẫn còn chấp ngã, chấp pháp. Do vậy mà chẳng vào được Bát nhã Ba-la-mật. Tuy có thật hành Bát nhã Ba-la-mật mà thật sự chỉ là hành pháp thế gian. Do chẳng hành đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật như vậy, nên chẳng có thể được nhất thiết trí, chẳng thành tựu được các đà la ni tam muội.

Ngài Tu Bồ Đề nói rõ về các nhân duyên vì sao chẳng nên trú sắc, chẳng nên thọ sắc. Sắc là tánh không nên chẳng thể trú, chẳng thể thọ vậy.

**Hỏi:** *Trước đây nói vô thường, khổ, không, vô ngã là tội lỗi, chẳng nên thọ. Còn 5 ám pháp có lỗi gì đâu mà cũng chẳng nên thọ?*

**Đáp:** Nên phân biệt có 2 chấp. Đó là:

- Dục chấp.
- Kiến chấp.

Có người do quán vô thường mà phá được dục chấp, khiến được giải thoát.

Có người tuy quán vô thường mà vẫn còn chấp pháp, khiến vẫn còn sanh kiến chấp. Nếu người ấy biết rõ 5 ám cùng hết thảy các pháp đều là tánh không, chẳng nên thọ, thì sẽ ly được các kiến chấp, dần dần sẽ vào được các đà la ni tam muội.

**Hỏi:** *Thanh Văn và Bích Chi Phật do chẳng thọ hết thấy pháp mà được lậu tận. Nay vì sao nói Bồ tát chẳng thọ tam muội, khiến hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật chẳng thể sánh kịp?*

**Đáp:** Hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật do chẳng thọ hết thấy pháp mà được lậu tận.

Bồ tát từ trước đến nay đã biết rõ hết thấy pháp đều chẳng thể thọ, biết rõ Vô dư Niết Bàn là rốt ráo không, nên chẳng đồng với hàng Nhị thừa vậy.

Lại nữa, Bồ tát chẳng thọ tam muội mà có dụng quảng đại, nên hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật chẳng thể sánh kịp.

-o0o-

Hàng Nhị thừa tuy cũng chẳng thọ tam muội, nhưng vẫn chưa được rốt ráo thanh tịnh, vì còn có chướng ngại.

Ví như ngài Ma Ha Ca Diếp khi nghe các thần Càn Thát Bà trở nhạc cúng dường Phật, mà thân ngài chẳng được an ổn.

Có vị Bồ tát hỏi: Ngài là bậc tu hạnh Đầu đà đệ nhất, sao nghe tiếng nhạc mà thân ngài chẳng được an?

Ngài Ma Ha Ca Diếp đáp: Tôi đã xa lìa các dục lạc ở cõi trời và cõi người, khiến tâm tôi chẳng còn lay động nữa. Thế nhưng tôi chưa có được đầy đủ các phước đức nhân duyên của hàng đại Bồ tát. Ví như núi Tu di kham nhẫn được gió lớn từ bốn bên thổi đến. Nhưng trước sức mạnh vô song của gió Tỳ lam thì chẳng thể an ổn được.

Mẫu chuyện trên đây cho thấy rằng hàng Nhị thừa, tuy đã dứt sạch phiền não, đã được lậu tận mà vẫn còn lưu dư tập khí, khiến ở nơi Bồ tát đạo vẫn còn sanh vi tế phiền não.

Phật chẳng thọ tam muội, thành bậc Chánh Biến Tri. Bồ tát cầu Phật đạo, dù chưa được Chánh Biến Tri, nhưng cũng đã thắng hơn hàng Nhị thừa.

Ngài Tu Bồ Đề nói rằng Bồ tát chẳng phải chỉ chẳng thọ tam muội, mà từ sắc dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều chẳng thọ cả. Vì sao? Vì ngài Tu Bồ Đề nói nhân duyên chẳng thọ 18 không, nên chẳng thọ hết thảy các pháp.

**Hỏi:** *Vì sao dùng 18 không để quán hết thảy các pháp tướng đều là không?*

**Đáp:** Ngài Tu Bồ Đề nói rằng do nhân duyên chấp tướng mà khởi sanh các phiền não, kiết sử. Ngài lại nói thêm rằng hết thảy các tướng, từ tướng của sắc dẫn đến tướng của các đà la ni tam muội đều là cấu tướng cả.

Phải ly hết thảy các tướng mới được Nhất thiết chủng trí. Cho nên Bồ tát phải chẳng thọ bất cứ một pháp nào, mới vào được Bát nhã Ba-la-mật, mới được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật, mới được Nhất thiết chủng trí vậy.

**KINH:**

**Bạch Thế Tôn!** Nếu tu tập các cấu tướng mà có thể được Nhất thiết chủng trí, thì tiên ni Phạm chí ắt chẳng có sanh tín tâm. Vì sao? Vì nếu tin là tin Bát nhã Ba-la-mật. Phải ở nơi Bát nhã Ba-la-mật mà phân biệt, giải tri, xứng lượng, tư duy; lại chẳng dùng tướng pháp mà cũng chẳng dùng vô tướng pháp.

Như vậy là tiên ni Phạm chí chẳng thủ chấp, chẳng thủ tướng, vì ở nơi tín hành, ông đã dùng “tín trí không” để nhập vào các pháp tướng, mà chẳng trú trong các pháp tướng, chẳng trú trong sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì ông đã biết rõ hết thảy các pháp đều là tự

tướng không, chẳng có thể thọ. Tiên ni Phạm chí chẳng phải do quán nội không, mà được trí huệ. Vì sao? Vì trí huệ chẳng phải do nội quán, cũng chẳng do ngoại quán, mà có được.

Lại nữa, thấy là trí huệ. Chẳng phải người vô trí mà thấy được. Vì sao gọi thấy là trí huệ? Vì tiên ni Phạm chí chẳng trú nơi các pháp tướng, mà chỉ dùng trí huệ để thấy biết hành xử của các pháp.

Đã là trí huệ, thì chẳng phải trú trong nội sắc mà thấy được, ..., dẫn đến chẳng phải trú trong nội thức mà thấy được; chẳng phải trú trong ngoại sắc mà thấy được, ..., dẫn đến chẳng phải trú trong ngoại thức mà thấy được; chẳng phải ly sắc mà thấy được, ..., dẫn đến chẳng phải ly thức mà thấy được.

Vì sao? Vì tiên ni Phạm chí biết rõ nội pháp, ngoại pháp đều là không. Do vậy mà được tâm tín giải. Lại do cầu nhất thiết trí, nên tiên ni Phạm chí tin thật tướng pháp, biết rõ hết thấy các pháp đều là bất khả đắc.

Được tín giải như vậy, nên tiên ni Phạm chí chẳng thọ hết thấy pháp; lại biết rõ hết thấy pháp đều là vô tướng, nên chẳng sanh ức niệm. Tiên ni Phạm chí, ở nơi hết thấy pháp, được vô sở đắc, dù thủ, dù xả, cũng đều vô sở đắc.

Bởi nhân duyên vậy, nên tiên ni Phạm chí chẳng niệm trí huệ. Vì sao? Vì pháp tướng là chẳng có tướng (vô tướng), nên là chẳng có niệm (vô niệm) vậy.

Bạch Thế Tôn! Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng thấy có 2 bờ mê, giác. Cho nên, chẳng thọ hết thấy pháp; chẳng thọ 5 ấm, ..., dẫn đến chẳng thọ các đà la ni tam muội. Bồ tát cũng chẳng chấp Niết Bàn, chẳng thủ 4

niệm xứ, ..., dẫn đến chẳng thủ 18 bất cộng pháp. Vì sao? Vì 4 niệm xứ chẳng phải là 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp cũng chẳng phải là 18 bất cộng pháp. Hết thấy các pháp là chẳng phải pháp (phi pháp), mà cũng chẳng phải chẳng phải pháp (phi phi pháp) vậy.

Bởi vậy nên, Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng thọ sắc, ..., dẫn đến chẳng thọ 18 bất cộng pháp.

**LUẬN:**

**Hỏi:** *Vì nhân duyên gì mà ngài Tu Bồ Đề nhắc đến tiên ni Phạm chí?*

**Đáp:** Do nhân duyên thuyết pháp không, nên ngài Tu Bồ Đề nói rằng Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng thủ pháp tướng dẫn đến chẳng có vi tế tướng để thủ.

Vì lý vô tướng khó tin, khó biết, khó giải, khiến người nghe dễ sanh tâm nghi, nên ngài Tu Bồ Đề nêu trường hợp tiên ni Phạm chí, nhằm dẫn chứng rằng hàng Tiểu thừa còn tin pháp không, huống nữa là Đại thừa.

-o0o-

Trong kinh có nêu mẩu chuyện sau đây:

Khi Phật Thích Ca Mưu Ni còn đang hành đạo Bồ tát, có một vị đạo sĩ Bà-la-môn thấy tướng mạo uy nghiêm, giải thoát của Bồ tát, liền tiên đoán rằng Bồ tát không lâu nữa sẽ thành Phật.

Tiên ni Phạm chí là cậu của vị Bà-la-môn này:

Vị đạo sĩ Bà-la-môn này là một bậc trưởng lão, trí cao, đức trọng, trong dòng họ Phạm chí. Khi chưa xuất gia, ông rất có danh vọng. Khi xuất gia rồi, ông thâm cứu nhiều kinh thư, tu

tâm, tọa thiền. Trong khi học đạo, vì muốn cầu trí huệ, nên ông tìm đến luận nghị đường Phạm chí, để luận nghị với các luận sư.

Ông hỏi các vị luận sư rằng: Quý vị tự xưng là nhất thiết trí, mà chẳng bằng được ngài Ca Diếp, một vị đại sư đáng được tôn xưng.

Quý vị cũng tự xưng là đại sư, mà khi có đệ tử lớn hay nhỏ của quý vị chết, quý vị chẳng có thể nói lên được chỗ sanh xứ của họ ở đời sau. Phật mới là bậc đại sư, tối tôn, tối trọng. Khi có một đệ tử lớn hay nhỏ của Phật chết, thì Phật đều biết chỗ sanh xứ của họ ở đời sau.

Tiên ni Phạm chí vừa nghe vị Bà-la-môn nói như vậy, liền tìm đến chỗ Phật, đánh lễ, rồi ngồi sang một bên.

Tiên ni Phạm chí hỏi Phật: “Bạch Thế Tôn! Trước đây ở luận nghị đường Phạm chí, tôi có được nghe nói rằng các đệ tử nhỏ của Phật vẫn còn sanh; còn các đệ tử lớn của Phật chẳng còn sanh nữa. Pháp ấy như thế nào?”

Phật dạy: “Pháp của ta thậm thâm, vi diệu, các ông thật khó biết, khó giải. Vì sao? Vì các ông chìm đắm trong mê dãi của các chấp kiên cố. Các ông chấp dục, chấp pháp, nên khó có thể thấy, khó có thể giải được pháp của ta”.

Tiên ni Phạm chí thưa: “Bạch Thế Tôn! Tôi tin Phật. Cúi xin Phật vì tôi thuyết pháp, khiến tôi được sanh pháp nhãn nay ở nơi đây.”

Phật hỏi: “Ý ông nghĩ sao? Ông có thấy sắc như khú chãng?”

Tiên ni Phạm chí đáp: “Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy”.

Phật hỏi: “Ông có thấy thọ, tưởng, hành, thức như khú chãng?”.

Tiên ni Phạm chí đáp: “Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy”.

Phật hỏi: “Ông có thấy ly sắc như khứ chẳng?”

Tiên ni Phạm chí đáp: “Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy”.

Phật hỏi: “Ông có thấy ly thọ, tướng, hành, thức như khứ chẳng?”

Tiên ni Phạm chí đáp: “Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy”.

Phật hỏi: “Ông có thấy vô sắc, vô thọ, vô tướng, vô hành, vô thức như khứ chẳng?”.

Tiên ni Phạm chí đáp: “Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy”.

Phật dạy: “Tất cả các điều mà ta vừa hỏi, ông đều trả lời là chẳng thấy như khứ. Như vậy, ông còn nghi gì mà hỏi ta như vậy?”.

Rồi Phật bảo tiên ni Phạm chí rằng: “Nếu đệ tử của ta, ở nơi pháp chẳng biết rõ ràng, mà nói có đời sau, nói có chỗ sanh xứ, thì đó là ngã mạn, là có tàn dư vậy. Nếu đệ tử của ta giải biết rõ ràng về nghĩa ấy, mà chẳng nói đến chỗ sanh xứ, mới thật là không có ngã mạn, không có tàn dư vậy”.

Vị tiên ni Phạm chí nghe xong thời pháp, liền được đạo nhãn. Ông từ chỗ ngồi đứng dậy thưa rằng: “Bạch Thế Tôn! Con nguyện xin được xuất gia theo Phật”.

Tức thời râu tóc đều rụng, và ông liền trở thành một vị Sa môn. Chẳng bao lâu sau, ông đắc quả vị A-la-hán.

-o0o-

Mẫu chuyện trên đây cho thấy rằng vị tiên ni Phạm chí, do tin lời Phật là không luống dối, mà được đạo nhãn. Bởi vậy nên trong kinh nói rằng tiên ni Phạm chí tin Phật, mà được đạo. Đây chỉ là sơ tín mà thôi.



Về sau, tiên ni Phạm chí nghe Phật thuyết pháp, mà phá được ngã chấp, biết rõ bản lai thường là vô ngã, nên chẳng có chỗ sở y, đều là như mộng, là như huyễn, là hư dối, là chẳng thật có, là bất khả đắc cả. Nếu đã tin có tín lực như vậy, thì vào được nơi thật tướng pháp, nên chẳng còn thọ sắc, ..., dẫn đến chẳng còn thọ thức. Vì sao? Vì biết rõ sắc, ..., dẫn đến thức cũng đều như khứ cả.

**Hỏi:** *Như vậy, vì sao khi nghe Phật hỏi về 5 âm như khứ, tiên ni Phạm chí đều trả lời Phật bằng câu “Chẳng phải vậy.”?*

**Đáp:** Tiên ni Phạm chí lấy tổng tướng của 5 âm là ngã. Nay Phật hỏi riêng về từng âm, nên ông đều trả lời “chẳng phải vậy”.

Tiên ni Phạm chí nghe nói về ngã có 2 thuyết:

- Thuyết chấp 5 âm làm ngã.
- Thuyết chấp ngoài 5 âm, riêng có ngã.

Nếu chấp 5 âm là ngã, thì ly 5 âm chẳng riêng có ngã được. Vì sao? Vì ngã chỉ là 1, mà 5 âm là 5. Như vậy 1 chẳng phải là 5, và ngược lại 5 chẳng phải là 1. Lại nữa 5 âm là vô thường, là tướng sanh diệt; nên ngã cũng phải là vô thường, là sanh diệt. Nếu ngã là sanh diệt, thì chẳng có tội phước. Lại nữa, nếu 5 âm theo duyên hòa hợp sanh, thì 5 âm chẳng có tự tại; như vậy ngã cũng chẳng có tự tại.

Vì những lỗi lầm nêu trên đây, nên tiên ni Phạm chí mới nghĩ rằng sắc, thọ, tướng hành, thức chẳng phải như khứ.

Thế nhưng, ly 5 âm cũng chẳng có ngã được. Vì sao? Vì ngã chẳng có tướng, là vô tướng vậy.

Ngoài ra nếu nói tri kiến là do thọ, tướng, hành, thức, thì đó chỉ là tướng của các âm này, chẳng phải là tướng của ngã.

Người trí làm sao nói ly 5 âm, mà riêng có ngã được?

Bởi vậy nên tiên ni Phạm chí trả lời Phật bằng một câu: “Chẳng phải vậy”.

-o0o-

Nếu chấp ngoài 5 âm, riêng có ngã, thì cũng chẳng có thể được. Vì sao? Vì đây cũng chỉ do ngã kiến mà có khởi các chấp phân biệt đó thôi.

-o0o-

Nói tóm lại, 5 âm chẳng phải là ngã, mà ngoài 5 âm ra, cũng chẳng riêng có ngã vậy.

-o0o-

Nên biết rằng 5 âm do duyên hòa hợp sanh, thì ngã cũng chẳng phải là ngã, cũng chỉ là vô ngã vậy.

Ngã chẳng có chủ tác, chẳng có chỗ sở y, nên ngã là như khứ. Hết thảy các pháp cũng đều là như vậy, cũng đều là như khứ cả.

Sở dĩ tiên ni Phạm chí được đạo, được trí huệ, vì ông biết rằng; dù cầu ngã khắp 4 phương, thì ngã cũng chẳng có định tướng, cũng chỉ là bất khả đắc.

Nên biết, quán 5 âm ở tự thân là quán nội, quán tha thân là quán ngoại. Cả nội lẫn ngoại đều là bất khả đắc, dẫn đến trí huệ cũng là bất khả đắc.

Nói nội là nói về 6 nội trần, nói ngoại là nói về 6 ngoại trần.

Quán nội là quán trí huệ, quán ngoại là quán về xứ sở.

Tiên ni Phạm chí biết rõ tất cả các quán đều là lầm lỗi. Vì sao? Vì ông biết rõ nhờ có lực trí huệ bên trong, mà phân biệt được các pháp ở bên ngoài là thường, là vô thường, là hữu vi, là vô vi...

Như vậy là các ngoại pháp đều chẳng có định tướng. Vì sao? Vì nếu có định tướng, thì định tướng ấy chẳng phải là dụng của trí huệ được.

Lại nữa, nếu nói các ngoại pháp do duyên hòa hợp sanh, chẳng có định tướng, thì trí huệ cũng chẳng có định tướng. Vì sao? Vì khi ta nói có vật này vật nọ, là ta đã dựng lập 2 pháp tương đãi là danh và vật. Ly vật chẳng có danh vậy.

Lại nữa, thật trí huệ, theo đúng nghĩa là chẳng thấy 5 ấm ở trong, chẳng thấy 5 ấm ở ngoài, chẳng thấy 5 ấm ở chặng giữa.

Dùng các phương tiện trí huệ để quán 5 ấm sẽ thấy 5 ấm chỉ do duyên hòa hợp mà có nên chỉ là hư vọng, chẳng thật có. Thế nhưng, nếu chấp quán đó là tà kiến, chẳng chấp mới thật là được đạo.

Lại nữa, dù cho tướng vô thường là thật, thì chấp tướng đó cũng chẳng vào được đạo. Vì sao? Vì trí huệ quyết định là chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở chặng giữa. Cho nên nói trí huệ là vô sở đắc, mà ly trí huệ cũng là vô sở đắc.

Tiên ni Phạm chí nhờ trí huệ mà ở nơi hết thấy pháp được viễn ly, khiến các tà kiến đều tiêu diệt. Chẳng phải người vô trí mà được như vậy.

Lúc ấy giờ, ông hoan hỷ quán pháp tướng là vô tướng, và tán thán Phật là bậc đại Thánh sư, thấy rõ thật tướng pháp là rốt ráo không, là vô sở đắc nên chẳng thọ, lại thấy rõ hết thấy kiết sử phiền não đều là hư vọng điên đảo nên chẳng thọ.

Trên đây chính là nghĩa chẳng thọ, chẳng xả (bất thọ, bất xả) vậy.

Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật phải chẳng thọ, mà cũng chẳng xả mới vào được Bát nhã Ba-la-mật, mới được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật.

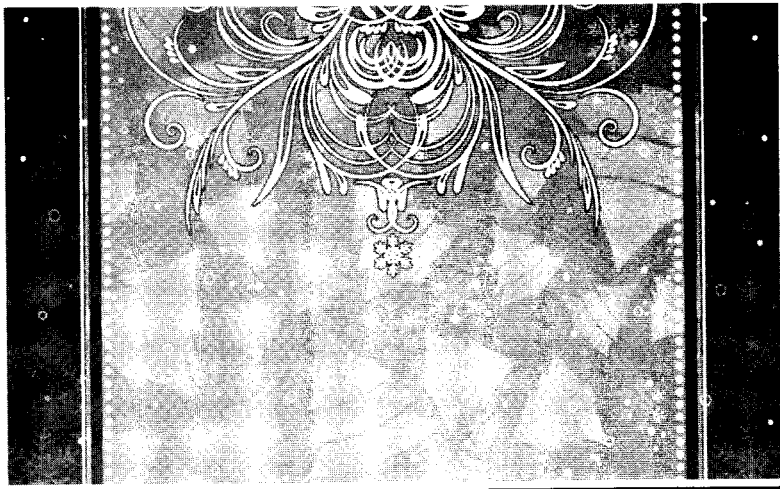
Vì sao? Vì tướng thế gian và tướng Niết Bàn là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Thế gian và Niết Bàn chỉ là một tướng (nhất tướng), là chẳng có tướng (vô tướng).

Cứ như vậy mà tu hành, thì sẽ diệt được hết thấy các chấp tướng. Thế nhưng, nếu chưa có được đầy đủ công đức thì chưa nên diệt sạch các chấp tướng. Vì sao? Vì còn phải cần dùng đến các pháp tướng để hành đạo; còn phải lấy các pháp tướng để làm phương tiện hành đại từ đại bi.

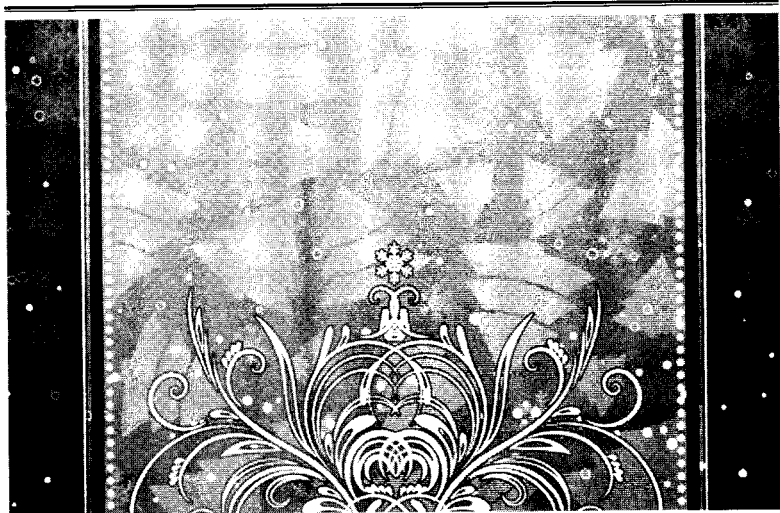
Bồ tát cầu Phật đạo vẫn ở trong các pháp tướng mà vẫn biết rõ các pháp tướng đều là vô tướng. Bởi vậy nên Bồ tát chẳng thấy một pháp nào có định tướng cả, chẳng thấy có tướng xấu, có tướng tốt, ..., dẫn đến chẳng thấy có tướng thọ, có tướng xả.

Bởi nhân duyên vậy, nên trong kinh nói: Pháp chẳng phải là pháp (phi pháp), mà cũng chẳng phải chẳng phải pháp (phi phi pháp).

Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, nên ở nơi hết thấy các tướng đều chẳng thọ.



**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 43**





# Phẩm Thứ Chín

(TIẾP THEO)



Tập Tán  
(Họp và Tan, tiếp theo)

**KINH:**

Bạch Thế Tôn! Muốn thật hành Bát nhã Ba-la-mật,  
Bồ tát phải tư duy rằng:

- Pháp gì gọi là Bát nhã Ba-la-mật?
- Vì sao gọi là Bát nhã Ba-la-mật?
- Ai vào được Bát nhã Ba-la-mật?

Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, phải niệm rằng  
các pháp đều là vô sở hữu, đều là bất khả đắc.

Như vậy mới gọi là thật hành Bát nhã Ba-la-mật.

Lúc bấy giờ, ngài Xá Lợi Phất hỏi ngài Tu Bồ Đề:

Pháp gì là pháp vô sở hữu, là bất khả đắc?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bát nhã Ba-la-mật là pháp vô  
sở hữu, bất khả đắc. Thiên na Ba-la-mật, Tỳ lê gia Ba-  
la-mật, Săn đề Ba-la-mật, Thi la Ba-la-mật, Đàn Ba-la-  
mật đều là những pháp vô sở hữu, bất khả đắc. Vì sao?  
Vì là nội không, ngoại không, nội ngoại không, không  
không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không,  
vô vi không, tất cánh không, vô thủ không, tán không,

tánh không, tự tướng không, chư pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Sắc là pháp vô sở hữu, bất khả đắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng đều là pháp vô sở hữu, bất khả đắc.

Nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, các thần thông, ..., dẫn đến pháp như, pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, thật tế cũng đều là vô sở hữu, bất khả đắc.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Phật cũng là vô sở hữu, bất khả đắc; Tát bà nhã, Nhất thiết chủng trí cũng đều là vô sở hữu, bất khả đắc.

Vì sao? Vì đều là nội không, ..., dẫn đến đều là vô pháp hữu pháp không.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Nếu có Bồ tát nào tư duy như vậy, quán như vậy, mà tâm chẳng bị trầm một, chẳng hối tiếc, chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, thì phải biết Bồ tát đó trọn chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Do nhân duyên gì mà Bồ tát trọn chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Sắc ly sắc tánh, ..., dẫn đến thức ly thức tánh, 6 Ba-la-mật ly 6 Ba-la-mật tánh, ..., dẫn đến thật tế ly thật tế tánh.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Thế nào gọi là sắc tánh, ..., dẫn đến thế nào là thật tế tánh?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Vô sở hữu là tánh của sắc, ..., dẫn đến vô sở hữu là tánh của thật tế.



Bởi vậy nên nói sắc ly sắc tánh, dẫn đến thật tế ly thật tế tánh.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Sắc cũng ly sắc tướng, ..., dẫn đến thật tế cũng ly thật tế tướng.

Lại nữa, tướng cũng ly tướng, tánh cũng ly tánh.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Bồ tát học như vậy mà thành tựu được tâm Tát bà nhã chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Đúng vậy, đúng vậy! Nếu Bồ tát học như vậy là thành tựu được tâm Tát bà nhã. Vì sao? Vì các pháp đều là chẳng sanh, chẳng thành tựu vậy.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Do nhân duyên gì mà nói các pháp chẳng sanh, chẳng thành tựu?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Vì sắc là không, nên sắc sanh và sắc thành tựu, ..., dẫn đến thật tế sanh và thật tế thành tựu đều bất khả đắc.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát học như vậy dần dần sẽ được gần Nhất thiết chủng trí, được tâm thanh tịnh, được tướng thanh tịnh. Do được thân, tâm, và tướng thanh tịnh nên Bồ tát chẳng còn sanh các nhiễm tâm tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, vĩnh viễn chẳng còn thọ nghiệp báo sanh thân, mà thường được hóa sanh Bồ tát, đi từ cõi Phật này đến cõi Phật khác để thành tựu chúng sanh tịnh Phật quốc độ, trọn chẳng ly các đức Phật, mãi cho đến khi được Vô thượng Bồ đề.

Bồ tát phải học và phải hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy.

#### **LUẬN:**

*Hỏi: Trước đây đã rộng nói về Bát nhã Ba-la-mật rồi. Nay vì sao ngài Tu Bồ Đề lại nói Bồ tát phải tư duy khi hành*

*Bát nhã Ba-la-mật?*

**Đáp:** Trước đây ngài Tu Bồ Đề chỉ khiêm tốn nói về “Bát trú môn”, nay ngài nói rộng thêm về Bát nhã Ba-la-mật.

Bát nhã Ba-la-mật là thật tướng của hết thấy pháp, chẳng thể phá, chẳng thể hoại được.

Dù có Phật, hay không có Phật thì pháp tướng, pháp tánh, pháp vị, thật tế vẫn thường trú. Hàng Nhị thừa cũng chẳng có thể thấu rõ được, huống nữa là chúng sanh. Vì sao? Vì nếu còn chấp thường, còn chấp đoạn là còn chấp một bên. Phải ly cả hai bên mới là Trung Đạo, mới là Bát nhã Ba-la-mật. Nếu chấp thường, chấp vô thường, chấp khổ, chấp lạc... thì cũng còn chấp một bên.

Lại nữa, nếu chấp có pháp sắc đối đãi với pháp vô sắc, chấp có pháp hữu lậu đối đãi với pháp vô lậu, chấp có pháp hữu vi đối đãi với vô vi, chấp có pháp thấy được đối đãi với pháp không thấy được, chấp có pháp thế gian đối đãi với pháp xuất thế gian v.v... là còn chấp có hai bên đối đãi.

Phải ly cả hai bên, mới là Trung đạo, mới là Bát nhã Ba-la-mật.

Nếu còn chấp có 6 căn ở một bên, 6 thức ở một bên... là còn chấp một bên. Phải ly cả hai bên mới là Trung đạo, mới là Bát nhã Ba-la-mật, nếu còn chấp có Bát nhã Ba-la-mật ở một bên, phi Bát nhã Ba-la-mật ở một bên là còn chấp 1 bên. Phải ly cả hai bên mới là Trung đạo, mới là Bát nhã Ba-la-mật.

Được như vậy mới là bình đẳng cả hai môn. Bồ tát ở nơi tánh bình đẳng đó mà rộng nói Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, ly hữu, ly phi hữu, ly vô, ly phi vô, mà chẳng đọa ngu si, thường tu thiện đạo, mới là thật hành Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ tát tu học như vậy nên vào được 3 giải pháp môn, xa lìa hai bên, nhập vào Trung đạo. Đây chỉ mới là Bát nhã Ba-la-mật tướng.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề lại nói: Các pháp đều là vô sở hữu, là bất khả đắc. Bồ tát phải quán hết thấy pháp đều là không, là vô sở hữu, là bất khả đắc, quán các pháp dù là thường, là vô thường... đều chẳng có định tướng nên đều là bất khả đắc cả.

Ngài Tu Bồ Đề lại nói: Bát nhã Ba-la-mật cùng năm Ba-la-mật kia cũng đều là vô sở hữu, là bất khả đắc cả.

Ví như gió mạnh phá mây mù, lửa lớn tiêu hủy các cây cỏ, bão tố phá các rừng cây v.v... cũng như vậy, 18 pháp “không” phá sạch hết các chấp về pháp tướng.

**Hỏi:** *Bát nhã Ba-la-mật là gì?*

**Đáp:** Trong hết thấy trí huệ thì Bát nhã Ba-la-mật là trí huệ đệ nhất, vô đẳng đẳng, chẳng có gì sánh kịp. Như trong hết thấy các chúng sanh thì Phật là đệ nhất, trong hết thấy các pháp thì Niết Bàn là đệ nhất, trong hết thấy các chúng thì chúng Tỷ-kheo là đệ nhất.

**Hỏi:** *Trước đây nói thật tướng các pháp là Bát nhã Ba-la-mật. Dù có Phật hay không có Phật, thật tướng pháp vẫn thường trú. Nay vì sao lại nói trong hết thấy trí huệ thì Bát nhã Ba-la-mật là trí huệ đệ nhất?*

**Đáp:** Thế gian thường chấp có nhân, có quả.

Ví như nói bức tranh đẹp ấy do một họa sĩ nổi danh vẽ, thì bức tranh là quả, công trình của nhà họa sĩ sáng tác ra bức

tranh là nhân. Ví như nói do quán thật tướng pháp mà được trí huệ Bát nhã, thì thật tướng pháp là nhân, trí huệ Bát nhã là quả.

-o0o-

Bồ tát khi đã vào trong pháp môn “bát nhị” rồi, đã đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì chẳng còn phân biệt nhân quả nữa.

Vì sao? Vì Bồ tát biết rõ các pháp tướng đều chỉ là một tướng (nhất tướng) đều chẳng có tướng (vô tướng).

Về trí huệ, trong kinh phân biệt có 3 là:

- Thế gian trí.
- Ly sanh trí.
- Xuất thế gian trí.

Chư Phật và chư đại Bồ tát có trí huệ Bát nhã, rốt ráo thù thắng, rốt ráo thanh tịnh, lại có tâm đại bi, thường làm lợi ích cho hết thảy chúng sanh.

Hàng Nhị thừa đã lậu tận, cũng có trí huệ thanh tịnh, nhưng chưa có đầy đủ đại bi, nên chưa làm đầy đủ các việc lợi ích cho chúng sanh.

Lại nữa, cũng nên biết:

- Nếu dùng trí huệ độ hết thảy chúng sanh thì đó là thật hành Phật đạo.

- Nếu dùng trí huệ tương ưng với thọ, tưởng, hành, thức, khởi ra các nghiệp ở thân, khẩu, ý mà vẫn biết rõ tâm sanh, trú, diệt vẫn chẳng chấp thủ các pháp tướng thì đó là Bát nhã Ba-la-mật.

Nhờ có niệm thanh tịnh mà định được tâm, thì gọi là được Thiền Ba-la-mật v.v...

**Hỏi:** Ai vào được Bát nhã Ba-la-mật?

**Đáp:** Theo đệ nhất nghĩa thì người nào chẳng còn bị các tri kiến trói buộc là người biết rõ hết thấy pháp đều là không. Do vậy mà chẳng còn sanh tâm tương tục nữa.

Nên biết trong Phật pháp có nói đến 2 đế. Đó là:

- Thế tục đế.
- Đệ nhất nghĩa đế.

Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát phương tiện dùng thế tục đế, nhằm độ chúng sanh ra khỏi tội lỗi. Vì sao? Vì đệ nhất nghĩa đế quá cao siêu, phàm phu khó có thể hiểu được nên chẳng ưa thích. Ví như con giòi thường sống ở những nơi bất tịnh, chẳng ưa thích những chốn sạch sẽ tinh khiết vậy.

Phàm phu khi tu được ly dục vẫn còn chấp ngã, còn chấp pháp ly dục, nên chẳng có ưa thích Bát nhã Ba-la-mật. Hàng Thanh Văn Nhị thừa, tuy có ưa thích Bát nhã Ba-la-mật nhưng tâm từ bi chưa được đầy đủ nên sanh nhàm chán thế gian, ưa thích trú trong Niết Bàn. Do vậy mà chưa được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật.

-oOo-

Khi Bồ tát đã thành Phật, thì trí huệ Bát nhã mới được gọi là Nhất thiết chủng trí. Vì vậy, trí huệ Bát nhã của Phật là vô thượng. Bồ tát cùng Thanh Văn chẳng sao sánh kịp.

**Hỏi:** Trong kinh thường thuyết về 5 ám, rồi sau mới

*thuyết đến Nhất thiết chủng trí. Nay vì sao lại nói về 6 pháp Ba-la-mật trước?*

**Đáp:** Trước đây ngài Xá Lợi Phất hỏi ngài Tu Bồ Đề về nghĩa vô sở hữu. Vì nghĩa ấy khó có thể giải ngay được, nên ngài Tu Bồ Đề phải nói về nhân duyên 5 âm, nhằm giải nghĩa vô sở hữu.

Nay ở trong chúng hội, ngài Tu Bồ Đề dùng nghĩa Bát nhã Ba la mật để giải nghĩa vô sở hữu. Giải như vậy được rất ráo hơn. Vì sao? Vì Bát nhã là vô sở hữu. Dùng Bát nhã để giải nghĩa vô sở hữu cũng giống như hình ảnh của mặt trăng in trên mặt nước, để biết rõ mặt trăng ở trên trời vậy.

Bồ tát nào trú nơi Bát nhã Ba la mật, quán thật tướng của các pháp, mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, thì phải biết rõ Bồ tát đó đã thường hành Bát nhã Ba la mật, thường chẳng ly Bát nhã Ba la mật vậy.

Nơi đây ngài Tu Bồ Đề nói về các nhân duyên chẳng ly Bát nhã Ba la mật. Đó là: Sắc ly sắc tánh..., dẫn đến thật tế ly thật tế tánh, sắc ly sắc tướng..., dẫn đến thật tế ly thật tế tướng, tướng cũng ly tướng, tánh cũng ly tánh. Bồ tát tu hành như vậy sẽ được vô ngại đạo, dẫn đến thành tựu được tâm Tát bà nhã. Nơi đây là chỗ mà các pháp chẳng sanh, chẳng thành tựu.

-o0o-

Ngài Xá Lợi Phất hỏi ngài Tu Bồ Đề: Do nhân duyên gì mà các pháp chẳng sanh, chẳng thành tựu?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Sắc và sắc tướng đều không, nên sắc chẳng sanh, chẳng thành tựu..., dẫn đến thật tế cũng chẳng sanh, chẳng thành tựu. Vì sanh và thành tựu đều là bất khả đắc cả.

Nếu Bồ tát được đệ nhất thanh tịnh như vậy thì chẳng ai sánh kịp, dần dần sẽ được gần Nhất thiết chủng trí. Vì gần được Nhất thiết chủng trí nên tâm chẳng còn bị trầm một, chẳng còn sanh các tà kiến, các kiết sử phiền não.

Lúc bấy giờ, Bồ tát được thân tâm thanh tịnh, được quả báo thanh tịnh, lại phá được các chấp tướng hư vọng, thọ pháp tánh sanh thân thường được hóa sanh chẳng còn thọ nghiệp báo sanh thân nữa.

**Hỏi:** *Bồ tát đã có đầy đủ các công đức như vậy rồi sao chẳng thủ Niết Bàn mà còn tham trước được hóa sanh?*

**Đáp:** Có hai nhân duyên. Đó là:

- Do hạnh nguyện độ sanh mà chư Phật, chư đại Bồ tát thị hiện hóa sanh vào trong các cõi, để chúng sanh tin kính cúng dường, mà chẳng sanh tâm nhàm chán.

- Do vì chưa thanh tịnh Phật độ đầy đủ, lại chưa có được các lực phương tiện sung mãn, nên có Bồ tát thường nguyện hóa sanh đến các cõi Phật, trọn chẳng ly các đức Phật.

## Phẩm Thứ Mười



### Hành Tướng (Sự Vận Hành Của Tướng)

#### **KINH:**

Lúc bảy giờ ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát chẳng có các lực phương tiện mà hành Bát nhã Ba-la-mật, thì chỉ là hành tướng. Ví như chấp sắc là thường, sắc là vô thường, sắc là khổ, sắc là lạc, sắc là hữu, sắc là vô, sắc là ngã, sắc là vô ngã, sắc là ly, sắc là tịch diệt, ..., dẫn đến chấp thức là thường, thức là vô thường, thức là khổ, thức là lạc, thức là hữu, thức là vô, thức là ly, thức là tịch diệt, v.v... thì hành là hành tướng.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát chẳng có các lực phương tiện mà hành 4 niệm xứ, ..., dẫn đến hành 18 bất cộng pháp, thì hành là hành tướng.

Bạch Thế Tôn! Có Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật mà đầy niệm ta có hành Bát nhã Ba-la-mật. Phải biết rằng Bồ tát đó hành Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng có lực phương tiện, vì còn chấp có chỗ sở đắc, nên hành cũng chỉ là hành tướng.

Ngài Tu Bồ Đề nói với ngài Xá Lợi Phất: Nếu Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật mà ở nơi sắc có thọ niệm, ở nơi thọ, tưởng, hành, thức có thọ niệm thì đó chỉ là vọng giải, là có tác hành, nên chẳng có thể thoát ly sanh lão bệnh tử, chẳng có thể thoát ly ưu bi khổ não, dẫn đến phải thọ các quả khổ ở đời sau.



Nếu Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật mà ở nơi sắc, ..., dẫn đến ở nơi pháp, ở nơi nhãn, ..., dẫn đến ở nơi ý, ở nơi nhãn thức, ..., dẫn đến ở nơi ý thức, ở nơi nhãn giới, ..., dẫn đến ở nơi ý giới, ở nơi nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến ở nơi ý xúc nhân duyên sanh thọ, ở nơi 4 niệm xứ, ..., dẫn đến ở nơi 18 bất cộng pháp mà còn thọ niệm, thì đó cũng chỉ là vọng giải, là có tác hành, nên chẳng có thể thoát ly sanh lão bệnh tử, chẳng có thể thoát ly ưu bi khổ não, dẫn đến phải thọ các quả khổ ở đời sau.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Phải biết rằng có Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng có các lực phương tiện nên chẳng chứng được quả Nhị thừa, huống nữa là được Vô thượng bồ đề.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Thế nào gọi là Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật mà có được các lực phương tiện?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Nếu Bồ tát muốn hành Bát nhã Ba-la-mật thì chẳng nên hành sắc, chẳng nên hành thọ, tướng, hành, thức, chẳng nên hành sắc tướng, ..., dẫn đến chẳng nên hành thức tướng, chẳng nên hành sắc thường, sắc vô thường, sắc khổ, sắc lạc, sắc ngã, sắc vô ngã, sắc không, sắc vô tướng, sắc vô tác, sắc ly, sắc tịch diệt, ..., dẫn đến chẳng nên hành thức thường, thức vô thường, thức khổ, thức lạc, thức ngã, thức vô ngã, thức không, thức vô tướng, thức vô tác, thức ly, thức tịch diệt.

Vì sao? Thưa ngài Xá Lợi Phất! Vì sắc là không, nên chẳng phải là sắc (là phi sắc), ly không chẳng có sắc, ly sắc cũng chẳng có không, sắc tức là không, và không tức là sắc. Thọ, tướng, hành, thức là không nên cũng chẳng phải là thọ, tướng, hành, thức, ly không cũng chẳng có thọ, tướng, hành, thức, ly thọ, tướng,

hành, thức cũng chẳng có không, thọ, tưởng, hành, thức tức là không, và không cũng tức là thọ, tưởng, hành, thức, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp là không, nên cũng chẳng phải là 18 bất cộng pháp; ly không chẳng có 18 bất cộng pháp, ly 18 bất cộng pháp cũng chẳng có không, 18 bất cộng pháp tức là không, và không cũng tức là 18 bất cộng pháp.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy là có được các lực phương tiện, mau được Vô thượng bồ đề

Ngài Xá Lợi Phất hỏi ngài Tu Bồ Đề: Do nhân duyên gì mà Bồ tát chẳng thọ hết thấy các pháp tướng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Vì tự tánh của Bát nhã Ba-la-mật là bất khả đắc, nên chẳng thọ. Vì sao? Vì vô sở hữu tánh (chẳng có tánh) là tự tánh của Bát nhã Ba-la-mật.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Tuy hành Bát nhã Ba-la-mật mà Bồ tát chẳng có thọ, chẳng có hành Bát nhã Ba-la-mật, lại cũng chẳng phải chẳng thọ, chẳng phải chẳng hành Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì hết thấy các pháp đều là vô sở hữu tánh, nên cũng chẳng thể thọ. Bởi vậy nên Bồ tát chẳng tùy pháp hành, chẳng thọ các pháp tướng, mới gọi là Bồ tát hành Vô sở thọ chư pháp tam muội, được diệu dụng quảng đại, chẳng đồng với hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật. Bồ tát hành tam muội ấy, trọn chẳng ly tam muội ấy, sẽ mau được Vô thượng bồ đề.

**LUẬN:**

Phẩm trước dùng “không” để phá các pháp tướng. Ở phẩm này dùng “Vô tướng” để phá các pháp tướng.

Nếu Bồ tát chẳng có các lực phương tiện mà quán sắc thì sẽ đọa vào trong các tướng. Nếu đã đọa vào trong các tướng thì sẽ xa rời Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì các pháp đều là không, là vô tướng, chẳng có tướng gì là có được (khả đắc), là nắm được (khả thủ) cả.

*Hỏi: Các quả báo thiện cũng như ác đều có tướng. Vì sao nói các pháp đều là vô tướng?*

**Đáp:** Đối với người sơ cơ, thì phải phương tiện nói có tướng. Nhưng đối với người tu hành thì phải nói về vô tướng. Vì sao? Vì nếu người tu hành mà còn thủ lấy tướng thiện để phá trừ tướng bất thiện, thì vẫn còn khởi sanh tướng, dẫn đến còn sanh các nhân duyên gây ra các phiền não, khổ đau.

Bởi vậy nên phải dùng vô tướng để phá hết thảy các tướng. Vì nếu phá các tướng bất thiện mà chẳng phá các tướng thiện, thì các tướng thiện ấy cũng sẽ duyên sanh ra bệnh chấp tướng.

Khi dùng vô tướng để phá các tướng thiện, thì tướng vô tướng ấy cũng tự phá luôn. Vì sao? Vì tướng vô tướng cũng là tướng thiện. Ví như sấm sét gây tác hại đến mùa màng, nhưng sấm sét rồi cũng tự tiêu diệt.

Lại nữa, “vô tướng tướng” là thật tướng.

Ví như thân người đầy đầy các thứ bất tịnh, các thứ thải ra từ 9 lỗ nơi thân, chẳng có thứ nào là tịnh cả. Thế mà người vô trí, do quý thân này mà gượng cho là tịnh, từ đó khởi sanh ra các phiền não, dẫn đến tạo ra các tội lỗi. Ví như đứa trẻ

còn khờ dại có thể vui chơi với các đồ bất tịnh, mà người lớn cho là dơ bẩn, chẳng nên sờ mó đến vậy. Cũng như vậy, người trí biết rõ rằng sự chấp thủ các tướng cũng là bệnh, vì các tướng đều là hư vọng.

Lại nữa, các pháp chẳng có tướng nhất định. Tướng của các pháp thay đổi tùy theo tâm của mỗi người, của mỗi loài chúng sanh. Nên biết sự nhận xét của một người thường tùy thuộc vào sự biến đổi của tâm lý, tình cảm. Ví như: Khi ta đang sân hận thì ta thấy người đến với ta là tệ ác, đáng ghét, khi ta đang vui vẻ thì ta lại thấy người đến với ta đáng thương, đáng mến, khi ta dấy tâm kiêu mạn, thì ta thấy người đến với ta hèn hạ, đáng khinh, khi ta nghe nhiều người tán thán 1 người nào, thì ta liền sanh tâm nể nang, cung kính, tin tưởng người đó v.v... Như vậy, nên biết rằng tâm thương, ghét (ái, tắng) đều là hư vọng. Nếu trừ được các tâm hư vọng, thì liền biết rõ các pháp đều là không, là vô tướng, là vô tác vậy.

Lại nữa, cũng nên biết rằng sắc do duyên hòa hợp sanh, nên chỉ là như huyễn, như mộng. Nếu ở nơi sắc mà còn chấp có một tướng, hai tướng v.v... thì liền xa rời Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì sắc tướng là vô tướng tướng. Nếu sắc tướng là có thể thọ được, thì sắc tướng ắt là phải tán hoại. Vì sắc tướng là chẳng tán hoại, nên là chẳng thể thọ được vậy.

**Hỏi:** *Vì sao nói rằng hành Bát nhã Ba-la-mật mà chấp 5 ấm là thường, là vô thường v.v... đều chỉ là hành tướng?*

**Đáp:** Thường có 2 nghĩa. Đó là:

- Thường trong vô thường. Ví như nói trú trăm năm, ngàn năm, vạn năm... sống 8 vạn kiếp v.v... là thường, thì đó chỉ là thường trong vô thường. Vì sao? Vì rốt sau cùng rồi cũng phải quy tịch.

- Thường trú bất hoại. Ví như nói pháp thân thường trú, nói Niết Bàn tịch diệt v.v...

Phàm phu khi thấy một pháp hòa hợp trú trong một thời gian tương đối lâu dài, thì chấp pháp ấy là thường tướng. Người tu hành, khi đã chứng được Niết Bàn, mà còn sanh tưởng về Niết Bàn, thì rơi về chấp thường tướng.

-o0o-

Vô thường cũng có hai nghĩa. Đó là:

- Pháp tương tục hoại là vô thường.
- Niệm niệm sanh diệt là vô thường.

Bồ tát sơ pháp tâm, do tu tương tục đoạn, quán các thô vật là vô thường mà sanh tâm nhàm chán. Bồ Tát trải qua thời gian tu tập, quán niệm niệm sanh diệt vô thường mà sanh tâm nhàm chán. Cả hai hạng Bồ tát nêu ở đây đều còn chấp vô thường tướng.

-o0o-

Tóm lại, nếu Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, mà còn chấp 5 ấm là thường hay là vô thường, là chưa có được các lực phương tiện. Cho nên hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy chỉ là hành tướng mà thôi.

**Hỏi:** Quán 5 ấm là thường hay là vô thường là đủ rồi. Vì sao còn quán 5 ấm là ly, là tịch diệt nữa?

**Đáp:** Nếu quán được 5 ấm chẳng phải là thường tướng, chẳng phải là vô thường tướng, thì biết rõ 5 ấm là ly tướng. Nếu 5 ấm ly tự tướng, thì biết rõ 5 ấm là tịch diệt tướng, là Niết Bàn tướng vậy.

**Hỏi:** Bồ tát từ sơ phát tâm đã biết rõ tự tướng của 5 âm là vô tướng rồi. Nay vì sao nói Bồ tát ấy chẳng có các lực phương tiện mà phải đọa về chấp tướng?

**Đáp:** Vì hạng Bồ tát này độn căn, chẳng tự giác, nên vừa lìa khỏi chấp 5 âm tướng thì liền chấp viển ly tịch diệt tướng. Bởi vậy nên, ở nơi vô tướng, mà khởi chấp vô tướng tướng vậy.

Lại nữa, nếu Bồ Tát quán các ngoại pháp đều vô tướng, thì sự tác quán như vậy cũng có thể khởi sanh tâm chấp ngã nên cũng có thể đọa về chấp hữu tướng.

Lại nữa, nếu Bồ tát ly được pháp tướng, ở nơi phi đạo, hành chân tịnh vô tướng mà lại dùng trí huệ khởi niệm về các nội ngoại hạnh thanh tịnh, cho đó là Bát nhã Ba-la-mật, thì cũng đọa về chấp Bát nhã Ba-la-mật tướng. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là chẳng thể chấp (bất khả chấp) mà chấp, chẳng thể thủ (bất khả thủ) mà thủ. Như vậy là Bồ tát chẳng có các lực phương tiện, y chỉ nơi ái kiến, mà khởi chấp các thiện pháp vậy.

Hạng Bồ tát này, tuy đã có nhiều phước đức, nhưng chưa có thể lìa được sanh tử, vì còn tạp hành vậy. Tạp hành như vậy thì quả Nhị thừa còn chưa có thể được, huống nữa là được Vô thượng bồ đề.

-o0o-

Nếu trái với các điều nêu trên đây, thì gọi là có các lực phương tiện.

Bồ tát có các lực phương tiện rồi, thì ở nơi hết thấy pháp đều chẳng chấp, đều chẳng thọ. Vì sao? Vì Bồ tát đã biết rõ hết thấy các pháp đều do duyên hòa hợp sanh, đều chẳng phải thật có, biết rõ tự tánh của hết thấy pháp đều là “không”

**Hỏi:** Trước đây nói về Tam tam muội, nay nói về Vô sở thọ chư pháp tam muội. Như vậy hai tam muội này có gì khác nhau chăng?

**Đáp:** Trước đây nói về trường hợp người tu giải thoát mà chưa viễn ly, nên hành 3 Tam muội là Không, Vô tướng và Vô tác. Nay nói về trường hợp người thường tinh tấn hành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng tùy trí huệ hành, chẳng tùy pháp hành, chẳng thọ pháp tướng, là hành Vô sở thọ chư pháp Tam muội, được diệu dụng quảng đại, khởi đại bi tâm, mau được Vô thượng bồ đề

-o0o-

## KINH

**Ngài Xá Lợi Phất hỏi:** Có phải chỉ chẳng ly tam muội này là Bồ tát mau được Vô thượng bồ đề hay còn phải chẳng ly những tam muội khác nữa?

**Ngài Tu Bồ Đề đáp:** Còn có rất nhiều tam muội khác nữa, như 108 tam muội liệt kê sau đây:

Thủ lăng nghiêm tam muội - Bảo ấn tam muội - Sư tử du hý tam muội - Diệu nguyệt tam muội - Nguyệt tràng tướng tam muội - Xuất chư pháp tam muội - Quán đánh tam muội - Tất pháp tánh tam muội - Tất tràng tướng tam muội - Kim cang tam muội - Nhập pháp ấn tam muội - Tam muội vương An lập tam muội - Phóng quang tam muội - Lực tấn tam muội - Cao xuất tam muội - Tất nhập biện tài tam muội - Nhập danh tự tam muội - Quảng phương tam muội - Đà la ni ấn tam muội - Vô cuống tam muội - Nhiếp chư pháp hải tam muội - Biện phú hư không tam muội - Kim cang luân tam muội - Bảo

đoạn tam muội - Năng chiếu tam muội - Bất cầu tam  
 muội - Vô trụ tam muội - Vô tâm tam muội - Tịnh đẳng  
 tam muội - Vô biên minh tam muội - Năng tác minh tam  
 muội - Phổ chiếu minh tam muội - Kiên tịnh chư Tam  
 muội tam muội - Vô cấu minh tam muội - Hoan hỷ tam  
 muội - Điện quang tam muội - Vô tận tam muội - Oai  
 đức tam muội - Ly tận tam muội - Bất động tam muội -  
 Bất thối tam muội - Nhật đăng tam muội - Nguyệt tịnh  
 tam muội - Tịnh minh tam muội - Năng chiếu minh tam  
 muội - Tác hành tam muội - Tri tướng tam muội - Như  
 Kim cang tam muội - Tâm trụ tam muội - Phổ minh tam  
 muội - An lập tam muội - Bảo tụ tam muội - Diệu pháp  
 ấn tam muội - Pháp đẳng tam muội - Đoạn hỷ tam muội  
 - Đáo pháp đánh tam muội - Năng tán tam muội - Phân  
 biệt chư pháp cú tam muội - Tự đẳng tướng tam muội -  
 Ly tự tam muội - Đoạn duyên tam muội - Bất hoại tam  
 muội - Vô chủng tướng tam muội - Vô hành xứ tam muội  
 - Ly môn tam muội - Vô khứ tam muội - Bất biến dị tam  
 muội - Độ duyên tam muội - Tập chư công đức tam muội  
 - Trụ vô tâm tam muội - Tịnh diệu hoa tam muội - Giác ý  
 tam muội - Vô lượng biện tam muội - Vô đẳng đẳng tam  
 muội - Phân biệt chư pháp tam muội - Độ chư pháp tam  
 muội - Tán nghi tam muội - Vô trụ xứ tam muội - Nhất  
 trang nghiêm tam muội - Sanh hành tam muội - Nhất  
 hành tam muội - Bất nhất hành tam muội - Diệu hành  
 tam muội - Đạt nhất thiết hữu để tán tam muội - Nhập  
 danh ngữ tam muội - Ly âm thanh tự ngữ tam muội -  
 Nhiên cụ tam muội - Tịnh tướng tam muội - Phá tướng  
 tam muội - Nhất thiết chủng diệu túc tam muội - Bất hỷ  
 khổ lạc tam muội - Vô tận tướng tam muội - Đà la ni tam  
 muội - Nhiếp chư tà chánh tướng tam muội - Diệt tăng  
 ái tam muội - Thuận nghịch tam muội - Tịnh quang tam



muội - Kiên cố tam muội - Mãn nguyệt tịnh quang tam muội - Đại trang nghiêm tam muội - Năng chiếu nhất thiết thế tam muội - Tam muội đẳng tam muội - Nhiếp nhất thiết hữu tránh vô tránh tam-muội - Bất lạc nhất thiết trụ xứ tam muội - Như trụ định tam muội - Hoại thân suy tam muội - Hoại ngữ như hư không tam muội - Ly trước như hư không bất nhiễm tam muội.

Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát hành các tam muội này, cùng vô số tam muội và Đà La Ni sẽ mau được Vô thượng bồ đề.

Rồi, thuận theo ý của Phật, ngài Tu Bồ Đề nói tiếp: Phải nên biết rằng các Bồ tát hành các tam muội này là ở trong quá khứ đã được Phật thọ ký, hoặc ở trong đời hiện tại được chư Phật ở khắp 10 phương thọ ký. Khi hành các tam muội, các Bồ tát này chẳng thấy, chẳng niệm, dẫn đến chẳng nghĩ là mình sẽ vào các tam muội ấy, sẽ mau được Vô thượng bồ đề. Vì sao? Vì các Bồ tát này đã rõ ràng được “Vô phân biệt niệm”.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Bồ tát nào an trú được trong các tam muội này, là do nhân duyên đời trước đã được Phật thọ ký hay sao?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Chẳng phải như vậy. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng khác tam muội, tam muội chẳng khác Bát nhã Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật chẳng khác Bồ tát, Bồ tát chẳng khác tam muội, Bát nhã Ba-la-mật tức là tam muội và tam muội cũng tức là Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát tức là tam muội, và tam muội cũng tức là Bồ tát, Bồ tát tức là Bát nhã Ba-la-mật, và Bát nhã Ba-la-mật cũng tức là Bồ tát.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Nếu Bồ tát chẳng khác tam

muội, và ngược lại tam muội chẳng khác Bồ tát, nếu Bồ tát tức là tam muội, và ngược lại tam muội tức là Bồ tát, thì làm sao có thể biết được hết thấy pháp đều là tam muội?

**Ngài Tu Bồ Đề** đáp: Khi vào tam muội Bồ tát chẳng đầy niệm rằng ta tu pháp này để vào tam muội, nên ở nơi hết thấy pháp, ở nơi hết thấy tam muội đều chẳng biết, chẳng niệm.

**Ngài Xá Lợi Phất** hỏi: Vì sao chẳng biết chẳng niệm?

**Ngài Tu Bồ Đề** đáp: Vì Bồ tát biết rõ các tam muội đều là vô sở hữu, nên chẳng biết, chẳng niệm vậy.

Lúc bấy giờ Phật tán thán ngài Tu Bồ Đề: Lành thay, lành thay! Nay Tu Bồ Đề! Đúng như lời ta từng nói, ông là người thật hành Vô tránh tam muội đệ nhất, cùng với nghĩa này tương ưng vậy. Bồ tát phải y theo nghĩa này mà học 6 pháp Ba-la-mật, học 4 niệm xứ, ..., dẫn đến học 18 bất cộng pháp.

-o0o-

## LUẬN:

**Hỏi:** Phật dạy tu 3 tam muội Không, Vô tướng và Vô tác, mở đường vào đạo Niết Bàn. Nay vì sao ngài Xá Lợi Phất lại hỏi phải tu bao nhiêu tam muội mới vào được đất Phật?

**Đáp:** Khi chưa vào Niết Bàn, thì tưởng có nhiều đường đưa đến Niết Bàn. Thật ra chỉ có một đường đưa đến Niết Bàn là Không, Vô tướng và Vô tác. Hết thấy các tam muội khác cũng dẫn vào 3 tam muội này. Ví như muốn vào thành có thể dùng nhiều cửa khác nhau, nhưng cửa nào cũng đều dẫn vào nội thành cả. Lại nữa, ví như nước từ muôn sông đều

chảy về biển, Bồ tát hành 1 tam muội trong 108 tam muội, hoặc hành 1 đà la ni trong số các đà la ni cũng đều được chư Phật trong khắp 10 phương thọ ký cho.

Vì sao? Vì Bồ tát đã vào được nơi thật tướng tam muội, nên chẳng còn ức tướng phân biệt. Do vậy mà chẳng còn nghĩ rằng mình đã vào được tam muội, mình đang hành thanh tịnh vi diệu pháp, và cũng do vậy mà được Phật thọ ký cho.

-o0o-

Ngài Xá Lợi Phất dùng “không trí huệ” vấn nạn ngài Tu Bồ Đề rằng: Bồ tát trú trong “không tam muội” có được Phật thọ ký không?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Chẳng phải vậy. Vì sao? Vì cả 3 pháp Bồ tát, Tam muội, và Bát nhã Ba-la-mật chẳng có khác nhau. Bát nhã Ba-la-mật chẳng khác tam muội, Bát nhã Ba-la-mật chẳng khác Bồ tát, tam muội chẳng khác Bồ tát, và ngược lại, vì Bồ tát, tam muội và Bát nhã Ba-la-mật chẳng có khác nhau nên Bồ tát mới có thể được Phật thọ ký.

Ngài Xá Lợi Phất lại hỏi: Nếu như vậy thì tam muội và hết thảy các pháp chẳng khác nhau hay sao?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Nếu Bồ tát đã vào các tam muội rồi thì biết rõ hết thảy các pháp và các tam muội chẳng có sai khác nhau.

Lại nữa, như trước đây đã nói: Bồ tát vào các tam muội rồi, chẳng còn dấy niệm phân biệt nên chẳng biết, chẳng niệm. Vì sao? Vì Bồ tát biết rõ tự tánh của tam muội là vô sở hữu nên chẳng biết và chẳng niệm vậy.

-o0o-

Phật ẩn chứng lời nói của ngài Tu Bồ Đề.

Mặc dù tự mình chưa có đầy đủ các tam muội, mà ngài Tu Bồ Đề đã khéo thuyết các pháp vi diệu của Bồ tát, như thuyết về các tam muội và các đà la ni. Ngài lại thông rõ về Bát nhã Ba-la-mật, nên ở nơi hết thảy các pháp, ngài đều chẳng thọ, chẳng chấp, chẳng niệm.

Bởi nhân duyên vậy, nên Phật tán thán ngài Tu Bồ Đề: Lành thay, lành thay, này Tu Bồ Đề! Đúng như lời ta từng nói, ông là người thật hành Vô tránh tam muội đệ nhất. Thật là chẳng hư dối vậy.

-o0o-

**KINH:**

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát học như vậy là học Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Bồ tát học như vậy là học Bát nhã Ba-la-mật, vì Bát nhã Ba-la-mật là bất khả đắc.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Bạch Thế Tôn! Như vậy Bồ tát học Bát nhã Ba-la-mật cũng là bất khả đắc chăng?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Bồ tát học Bát nhã Ba-la-mật như vậy cũng là bất khả đắc. Bồ tát học 5 Ba-la-mật kia, học 4 niệm xứ, ..., dẫn đến học 18 bất cộng pháp cũng đều là bất khả đắc cả, vì các pháp ấy đều là bất khả đắc.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Bạch Thế Tôn! Những pháp gì là bất khả đắc?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Ngã bất khả đắc, ..., dẫn đến tri giả, kiến giả cũng bất khả đắc, vì đều là rốt ráo

thanh tịnh. 5 âm, 12 nhập, 18 giới bất khả đắc, vì đều là rốt ráo thanh tịnh. 4 đế, ..., dẫn đến 12 nhân duyên bất khả đắc, vì đều là rốt ráo thanh tịnh. Cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô Sắc bất khả đắc, vì đều là rốt ráo thanh tịnh, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp bất khả đắc, vì đều là rốt ráo thanh tịnh. 6 pháp Ba-la-mật bất khả đắc, vì là rốt ráo thanh tịnh. Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích Chi Phật, Bồ tát, Phật đều bất khả đắc, vì đều là rốt ráo thanh tịnh cả.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào là rốt ráo thanh tịnh?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Bất xuất, bất sanh, bất tác, ấy gọi là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Bạch Thế Tôn! Như vậy thì pháp mà Bồ tát học là pháp gì?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Bồ tát học như vậy là học pháp “vô sở học”. Vì sao? Vì Bồ tát chẳng có chấp đắm pháp tướng như phàm phu vậy.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là biết rõ thật tướng pháp?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Đó là biết rõ các pháp đều là vô sở hữu, dẫn đến biết rõ vô sở hữu cũng là vô sở hữu. Nếu chẳng biết rõ được như vậy thì là vô minh, chẳng khác với phàm phu.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Bạch Thế Tôn! Những pháp gì là vô sở hữu? Vì sao nói chẳng biết rõ như vậy thì là vô minh?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! 5 âm, 12 nhập, 18 giới vô sở hữu, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp vô sở hữu. Vì sao? Vì đều là nội không, ..., dẫn đến là vô pháp

hữu pháp không. Thế nhưng phàm phu do bị lực vô minh ngăn che, nên mới vọng thấy có phân biệt. Bởi vậy nên nói chẳng biết rõ như vậy, thì gọi là vô minh.

Phàm phu bị hai chấp “hữu” - “vô” trói buộc nên chẳng thấy, chẳng biết các pháp là vô sở hữu, để rồi ức tưởng phân biệt, chấp trước sắc, ..., dẫn đến chẳng chấp trước 18 bất cộng pháp.

Lại nữa, do chấp trước mà ở nơi vô sở hữu, phàm phu lại vọng chấp có thấy, có biết. Cho nên là chẳng thấy, chẳng biết. Phàm phu giống như trẻ nít, chẳng biết mình từ đâu đến và sẽ đi về đâu. Do vậy mà chẳng tin pháp “không”, chẳng tu 6 Ba-la-mật, chẳng ra khỏi 3 cõi, chẳng rời pháp Nhị thừa.

Phàm phu chấp trước hết thấy các pháp: chấp sắc, ..., dẫn đến chấp thức, chấp sắc, ..., dẫn đến chấp pháp, chấp nhãn, ..., dẫn đến chấp ý, chấp nhãn thức, ..., dẫn đến chấp ý thức, chấp nhãn giới, ..., dẫn đến chấp ý giới, chấp tham, sân, si, chấp tà kiến, chấp 4 niệm xứ, ..., dẫn đến chấp Phật đạo.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Bạch Thế Tôn! Bồ tát học như vậy là chẳng học Bát nhã Ba-la-mật, là chẳng được Nhất thiết chủng trí hay sao?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Bồ tát học như vậy là chẳng học Bát nhã Ba-la-mật, chẳng được Nhất thiết chủng trí.

Vì sao? Vì có Bồ tát do chẳng có các lực phương tiện nên mới khởi niệm tưởng, khởi chấp trước có tướng Bát nhã Ba-la-mật. Do còn khởi niệm chấp trước có tướng Bát nhã Ba-la-mật, nên là chẳng học Bát nhã Ba-la-mật, và cũng chẳng thể được Nhất thiết chủng trí.

**Ngài Xá Lợi Phát hỏi:** Bạch Thế Tôn! Bồ tát phải học Bát nhã Ba-la-mật như thế nào mới gọi là học Bát nhã Ba-la-mật, mới được Nhất thiết chủng trí?

**Phật dạy:** Nay Xá Lợi Phát! Bồ tát học Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng thấy Bát nhã Ba-la-mật. Học như vậy mới gọi là học Bát nhã Ba-la-mật, mới được Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là bất khả đắc.

**Ngài Xá Lợi Phát hỏi:** Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là bất khả đắc?

**Phật dạy:** Nay Xá Lợi Phát! Hết thấy các pháp đều là nội không, ..., dẫn đến đều là vô pháp hữu pháp không.

-o0o-

## **LUẬN:**

Trước đây, ngài Xá Lợi Phát hỏi ngài Tu Bồ Đề: Chẳng ly “Vô sở thọ chư pháp tam muội” sẽ mau được Vô thượng bồ đề, hay còn phải chẳng ly nhiều tam muội khác nữa?

Ngài lại hỏi thêm: Bồ tát chẳng ly các tam muội có được Phật thọ ký chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Các tam muội đều bình đẳng. Vậy nên Bồ tát chẳng ly tam muội này thì cũng chẳng ly các tam muội khác.

Phật tán thán: Lành thay, lành thay! Bồ tát phải như vậy mà học Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là vô tướng. Nếu còn chấp tướng của các tam muội, thì chẳng sao học được Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát phải học Bát nhã Ba-la-mật như vậy mới vào được Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi Phật: Những pháp gì là bất khả đắc?

Phật dạy: Các pháp sanh diệt đều là không, đều là rốt ráo thanh tịnh, đều là bất khả đắc cả. Ngã bất khả đắc, 4 quả Thanh Văn bất khả đắc, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật cũng đều rốt ráo thanh tịnh, đều là bất khả đắc.

Lại nữa, bất xuất, bất sanh, bất đắc mới là rốt ráo thanh tịnh.

Bởi vậy nên phải chẳng duyên 2 bên “hữu - vô”, phải chẳng sanh chấp pháp tướng, mới biết rõ được các pháp tướng đều là bất khả đắc, mới ly được các tướng hư vọng, mới được rốt ráo thanh tịnh vậy.

Ngài Xá Lợi Phất lại hỏi: Thế nào gọi là rốt ráo thanh tịnh?

Phật dạy: Hành pháp rốt ráo thanh tịnh là hành pháp vô sở hữu, vô sở đắc, vô sở học. Như vậy là chẳng có Bát nhã Ba-la-mật, chẳng đắc Bát nhã Ba-la-mật, chẳng học Bát nhã Ba-la-mật; dẫn đến chẳng đắc Nhất thiết chủng trí.

Ngài Xá Lợi Phất lại hỏi: Bồ tát phải học Bát nhã Ba-la-mật như thế nào?

Phật dạy: Bồ tát học Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng thấy Bát nhã Ba-la-mật. Học như vậy mới gọi là học Bát nhã Ba-la-mật, mới mau được Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật và Nhất thiết chủng trí đều là bất khả đắc cả.

Ngài Xá Lợi Phất lại hỏi: Thế nào gọi là bất khả đắc?

Phật dạy: Hết thấy các pháp đều là nội không, ..., dẫn đến đều là vô pháp hữu pháp không.

-o0o-

**Hỏi:** Bồ tát hành pháp gì mà gọi là hành rốt ráo không?



*Bồ tát có hành 6 pháp Ba-la-mật; có hành 4 niệm xứ, ..., dẫn đến hành 18 bất cộng pháp. Như vậy vì sao nói là vô pháp? Vì sao lại nói chẳng có pháp gì để học cả?*

**Đáp:** Phật dạy hết thầy các pháp đều là rốt ráo không. Trái lại phàm phu, ở nơi rốt ráo không, mà điên đảo khởi sanh các chấp.

Phàm phu, do bị vô minh che tâm, bị các kiết sử tà kiến làm mê ám, nên khi vừa nghe nói đến một pháp nào là liền chấp lấy pháp tướng dẫn đến nghe pháp Phật truyền dạy, mà cũng khởi tâm chấp, như chấp có Thánh đạo, chấp có các Thánh đạo quả v.v...

Bởi vậy nên nói đạo của phàm phu cũng là chấp nhiễm ô.

-o0o-

Ngài Xá Lợi Phát hỏi Phật: Nếu chỗ thấy của phàm phu đều là chẳng thật có, thì vì sao lại nói có pháp?

Phật dạy: Các pháp đều là vô sở hữu. Phàm phu ở nơi vô sở hữu mà cho là hữu. Vì sao? Vì phàm phu chẳng có thể lìa vô minh, lìa các tà kiến, mà quán được. Như vậy gọi là vô minh. Ví như trẻ nít thấy người lớn đưa nắm tay không lên cao, mà cứ tưởng là có vật gì cất giấu bên trong đó.

-o0o-

Ngài Xá Lợi Phát hỏi Phật: Vì sao chẳng thấy các pháp là vô sở hữu, thì gọi là vô minh ?

Phật dạy: Sắc vô sở hữu, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp vô sở hữu.

Nếu chẳng biết như vậy, mà khởi sanh ái niệm, ức tướng phân biệt, thì gọi là vô minh. Do bị vô minh che tâm, mà rơi về 2 chấp “hữu - vô”, khiến bỏ mất huệ minh.

Huệ minh là trí huệ vô phân biệt. Do huệ minh mà biết rõ các pháp đều là vô sở hữu tướng, đều là rốt ráo không; lại biết rõ do nơi tâm phân biệt, mà khởi sanh ức tướng phân biệt, để rồi khởi chấp có 5 âm, có 12 nhập, có 18 giới, v.v... Cũng do tâm ức tướng phân biệt, mà khi nghe thuyết về các thiện pháp, như nghe thuyết về 6 pháp Ba-la-mật, dẫn đến nghe thuyết về 18 bất cộng pháp... là liền ức tướng phân biệt, liền chấp đắm.

Chấp đắm như vậy, thì Thánh pháp cũng trở thành thế gian pháp. Ví như có người dùng ngón tay để chỉ mặt trăng, mà người vô trí chỉ chăm chú nhìn ngón tay, khiến chẳng thấy được mặt trăng vậy. Vì để tâm chấp ngón tay, thì chẳng sao có thể thấy được mặt trăng.

Chư Phật và chư hiền Thánh, vì hàng phàm phu mà nói pháp. Trong khi đó thì phàm phu chỉ chấp âm thanh, chấp lời nói, mà chẳng thấy được Thánh ý, nên chẳng biết rõ được thật nghĩa.

Phàm phu do bỏ mất Phật tánh, nên chẳng sao ra khỏi ba cõi, chẳng rời pháp Nhị thừa, chẳng rõ được Thánh ý.

Phàm phu nghe nói đến pháp không, mà chẳng tin. Do chẳng tin, nên chẳng làm, chẳng an trú nơi 6 pháp Ba-la-mật, dẫn đến chẳng an trú nơi 18 bất cộng pháp, khiến bỏ mất hết các công đức.

Phàm phu, do chấp 5 âm, 12 nhập, 18 giới, v.v... mà khởi sanh tà kiến, dấy tâm tham sân si... Lại cũng chấp luôn 6 pháp Ba-la-mật, chấp 4 niệm xứ dẫn đến chấp 18 bất cộng

pháp, chấp 4 quả Thanh Văn, dẫn đến chấp quả Vô thượng bồ đề.

Ngài Xá Lợi Phát hỏi Phật: Bồ tát hành như vậy là chẳng hành Bát nhã Ba-la-mật hay sao? Nếu chẳng hành Bát nhã Ba-la-mật, thì cũng chẳng đắc Nhất thiết chủng trí hay sao?

Phật dạy: Phật phương tiện mà nói như vậy. Các tân học Bồ tát, do chẳng có các lực phương tiện, nên khi nghe thuyết về Bát nhã Ba-la-mật, liền ức niệm, tâm cầu để thủ chứng, tự nghĩ rằng: “Ta đã rời bỏ thế gian lạc thì phải được Bát nhã Ba-la-mật lạc”. Do tâm cầu hữu sở đắc, nên cả 2 bên “hữu - vô” đều bị vướng mắc cả.

Dù chấp “không” là Bát nhã Ba-la-mật, hoặc chấp “không” chẳng phải là Bát nhã Ba-la-mật hoặc chấp “như thật tướng pháp” là Bát nhã Ba-la-mật, thì cũng đồng như 62 tà chấp của Ngoại đạo. Vì vừa khởi chấp là liền có 98 kiết sử đầy sanh. Dẫn đến chấp Nhất thiết chủng trí cũng là như vậy.

Bởi vậy nên chấp tâm, chấp pháp đều chẳng được Bát nhã Ba-la-mật, chẳng được Nhất thiết chủng trí.

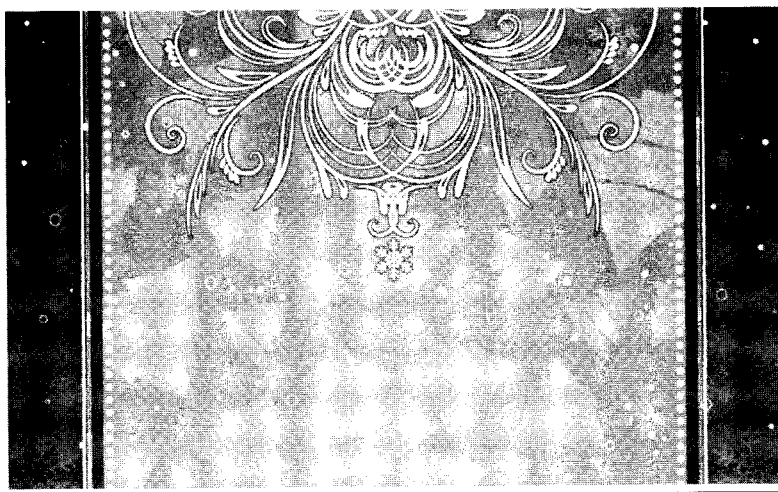
Phải chẳng thấy có mình hành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thấy có pháp Bát nhã Ba-la-mật để hành, dẫn đến sự thấy đó cũng chẳng thấy luôn, thì mới vào được Bát nhã Ba-la-mật, mới được Nhất thiết chủng trí.

Ngài Xá Lợi Phát lại hỏi: Bồ tát chẳng thấy các duyên pháp chẳng?

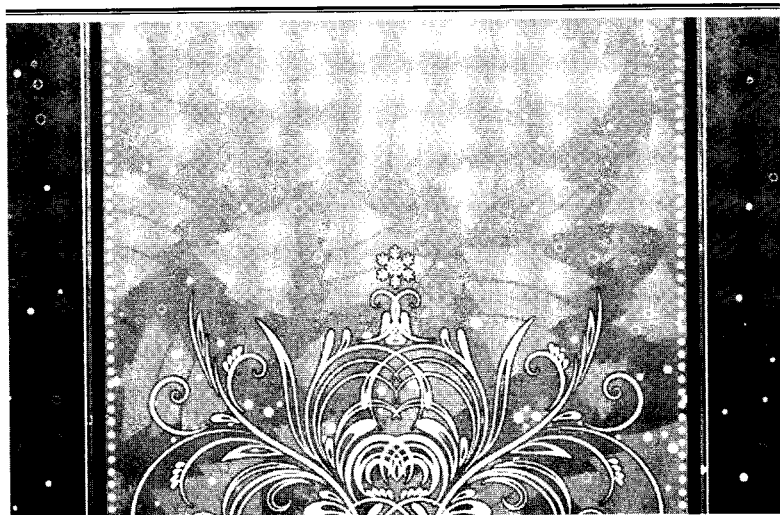
Phật dạy: Bồ tát đã vào 18 không, nên chẳng còn thấy các duyên pháp. Đây chẳng phải là chẳng có trí huệ, mà chẳng thấy vậy.

(Hết quyển 43)





**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 44**





## Phẩm Thứ Mười Một



Huyền Nhơn  
(Người Huyền)

**KINH:**

Lúc bấy giờ, ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu có người hỏi con rằng “Người huyền học Đản Ba-la-mật, ..., dẫn đến học Bát nhã Ba-la-mật; học 4 niệm xứ, ..., dẫn đến học 18 bất cộng pháp có được Nhất thiết chủng trí không?”, thì con phải giải đáp như thế nào?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ta hỏi lại ông. Ông hãy tùy ý đáp lại lời của ta.

Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Sắc cùng với huyền, ..., dẫn đến thức cùng với huyền khác nhau chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bạch Thế Tôn! Chẳng khác vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Sắc, ..., dẫn đến pháp; nhãn, ..., dẫn đến ý; nhãn thức dẫn đến ý thức; nhãn giới, ..., dẫn đến ý giới; nhãn xúc, ..., dẫn đến ý xúc; nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ cùng với huyền khác nhau chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bạch Thế Tôn! Chẳng khác vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! 6 pháp Ba-la-mật, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp cùng với huyền khác nhau chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bạch Thế Tôn! Chẳng khác vậy.

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Không, vô tướng, vô tác cùng với huyễn khác nhau chẳng?

**Ngài Tu Bồ Đề đáp:** Bạch Thế Tôn! Chẳng khác vậy.

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Vô thượng bồ đề cùng với huyễn khác nhau chẳng?

**Ngài Tu Bồ Đề đáp:** Bạch Thế Tôn! Chẳng khác vậy.

Vì sao? Vì sắc chẳng khác huyễn, huyễn chẳng khác sắc; sắc tức là huyễn, và huyễn tức là sắc, dẫn đến Vô thượng bồ đề cũng là như vậy. Vô thượng bồ đề chẳng khác huyễn, huyễn chẳng khác Vô thượng bồ đề; Vô thượng bồ đề tức là huyễn, và huyễn tức là Vô thượng bồ đề.

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Huyễn có cấu, có tịnh chẳng?

**Ngài Tu Bồ Đề đáp:** Bạch Thế Tôn! Chẳng vậy.

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Nếu huyễn chẳng sanh, chẳng diệt, thì người huyễn có thể học Bát nhã Ba-la-mật, và có thể được Nhất thiết chủng trí chẳng?

**Ngài Tu Bồ Đề đáp:** Bạch Thế Tôn! Chẳng vậy.

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! 5 ám giả danh có phải là Bồ tát chẳng?

**Ngài Tu Bồ Đề đáp:** Bạch Thế Tôn! Chẳng vậy.

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! 5 ám giả danh có sanh có diệt, có cấu có tịnh chẳng?

**Ngài Tu Bồ Đề đáp:** Bạch Thế Tôn! Chẳng vậy.

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Nếu các pháp chỉ là giả danh, thì chẳng có thân, ngữ, ý, dẫn đến chẳng có thân nghiệp, ngữ nghiệp và ý nghiệp. Các pháp đều chẳng sanh, chẳng



diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh như vậy cả, thì học Bát nhã Ba-la-mật có được Nhất thiết chủng trí chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bạch Thế Tôn! Chẳng vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải như vậy mà học Bát nhã Ba-la-mật, thì sẽ được Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì là được vô sở đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Bồ tát nên như vậy mà học Bát nhã Ba-la-mật, như người huyễn học, sẽ được Vô thượng bồ đề. Vì sao? Vì 5 âm tức là người huyễn, người huyễn tức là 5 âm.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? 5 âm học Bát nhã Ba-la-mật có được Nhất thiết chủng trí chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bạch Thế Tôn! Chẳng vậy. Vì sao? Vì 5 âm tánh là vô sở hữu, là bất khả đắc.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! 5 âm như mộng, như ảnh, như hương, như diệm, như hóa, học Bát nhã Ba-la-mật, có được Nhất thiết chủng trí chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bạch Thế Tôn! Chẳng vậy. Vì sao? Vì mộng tánh, ..., dẫn đến hóa tánh đều là vô sở hữu, là bất khả đắc.

Bạch Thế Tôn! 6 tình cũng là như vậy. 5 âm tức là 6 tình, 6 tình tức là 5 âm. Tất cả các pháp ấy đều là nội không, ..., dẫn đến đều là vô pháp hữu pháp không, nên đều là vô sở hữu, là bất khả đắc cả.

#### LUẬN:

*Hỏi: Vì lý do gì mà Ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật “Người huyễn học Bát nhã Ba-la-mật có được Nhất thiết chủng trí, có được làm Phật chẳng?”*

**Đáp:** Chẳng thể được, vì người huyễn là hư dối.

Chỗ Phật đáp ngài Xá Lợi Phất là chỗ thâm thâm, là nghĩa không, nên ngài Tu Bồ Đề mới dấy niệm nghĩ rằng “Các pháp chỉ là nhất tướng, là vô tướng, chẳng có gì khác nhau. Nếu vậy, thì người huyễn cùng với Bồ tát cũng chẳng có gì khác nhau cả”.

Tuy nhiên, nên biết rằng Bồ tát, do có làm các công đức, nên sẽ được làm Phật, còn người huyễn, chẳng có làm các công đức, nên chẳng có thể làm Phật được.

**Hỏi:** *Vì sao người huyễn chẳng có làm các công đức?*

**Đáp:** Vì chẳng có tâm thức (vô tâm thức), nên chẳng làm được các công đức.

**Hỏi:** *Ngài Tu Bồ Đề dấy niệm nghĩ rằng Bồ tát thật sự cũng chẳng có hành các công đức, mà người ngoài thấy tựa như có hành, cho nên nói hành như người huyễn. Đối với các sự việc, như ăn uống, bố thí tài vật, xuất gia, trì giới, tinh tấn, thiên định, thuyết pháp, v.v..., thì người vô trí coi là có hành, mà chẳng biết rằng đó chỉ là như huyễn. Lại nữa, theo Phật, thì các pháp đều là nhất tướng, là vô tướng cả. Mà đã là vô tướng, thì Phật, Bồ tát cùng với người huyễn chẳng có gì khác nhau cả. Như vậy, người huyễn hành các Phật sự, như hành 6 pháp Ba-la-mật, hàng phục chúng ma, tọa đạo tràng, phóng quang minh, thuyết pháp, độ sanh, v.v... so với Bồ tát đâu có gì sai khác?*

*Ngài Tu Bồ Đề nghi về trường hợp người huyễn có thể được Nhất thiết chủng trí, được làm Phật, nên mới thưa hỏi Phật, xin Phật giải đáp. Như vậy, vì sao Phật chẳng có đáp thẳng, mà phải hỏi ngược lại?*

**Đáp:** Ngài Tu Bồ Đề, dùng trí tuệ, quán 5 âm, quán 3 cõi... đều là không, nên sanh tâm nhằm chán các phiền não, tập khí. Tuy ngài biết rõ tổng tướng của các pháp là không, nhưng chẳng có thể quán Phật pháp cũng là như huyễn, là vô sở hữu. Ngài Tu Bồ Đề quán 5 âm và thế gian là không, để làm chỗ chứng Phật pháp, Phật khẳng định Phật pháp cũng là như huyễn, là vô sở hữu. Đây là lý do vì sao Phật hỏi ngược lại ngài Tu Bồ Đề rằng: “Ý ông nghĩ sao? Sắc cùng với huyễn có khác nhau chăng?, ..., dẫn đến Vô thượng bồ đề cùng với huyễn có khác nhau chăng?”

Nếu có khác, thì mới nên hỏi. Nếu chẳng có khác, thì cũng chẳng nên hỏi làm gì nữa.

**Hỏi:** *Nếu nói sắc chẳng khác huyễn, thì còn chấp nhận được. Thế nhưng nơi người huyễn có sắc. Như vậy làm sao có thể nói là người huyễn cùng với 5 âm chẳng có gì khác nhau cả?*

**Đáp:** Người huyễn có hiện các tướng ưu, bi, khổ, lạc... Người vô trí lầm chấp, mà cho là thật có thọ, tướng, hành, thức.

Lại nữa, Phật nêu thí dụ cho biết rằng 5 âm là hư vọng, là như huyễn, người thọ 5 âm cũng là hư vọng, là như huyễn. Như vậy, thì sự thọ 5 âm, tuy có, mà cùng với huyễn chẳng có khác. Vì Phật muốn giải rõ, nên nêu thí dụ 5 âm là hư vọng, chúng sanh là hư vọng, cùng với huyễn chẳng khác nhau.

Bởi nhân duyên vậy, nên ngài Tu Bồ Đề nhất tâm, trừ lượng, biết rõ 5 âm cùng với huyễn chẳng có gì khác nhau. Vì sao? Vì 5 âm là như huyễn, mà phàm phu dùng nhục nhãn lầm chấp cho là thật có, khiến sanh ra ưu, bi, khổ, lạc...; lại do thọ 5 âm mà huệ nhãn bị ngăn che; khiến sanh ra tham dục, sân nhuế... cùng vô lượng phiền não, kiết sử khác.

Lại nữa, ví như nhờ huyền thuật mà nhà huyền thuật có thể biến hiện ra thành quách, nhà cửa, cung điện, ngựa xe... trên sân khấu, làm cho người xem lầm chấp, cho là thật có.

Cũng như vậy, hành giả phải quán 5 âm đều do vô minh tạo tác, mà có biến hiện ra các chi hành, thức, danh sắc... trong 12 chi nhân duyên.

Người thấy các huyền sự, huyền vật mà sanh tâm chấp đắm, thì khi huyền nghiệp diệt rồi, sẽ sanh tâm luyến tiếc.

Người thọ 5 âm cũng là như vậy. Do nhân duyên huyền nghiệp ở đời trước, mà có sanh ra thân 5 âm ở đời này. Thân đời này thọ 5 dục, rồi khởi tham, sân, si, cùng vô lượng phiền não, kiết sử khác. Khi vô thường đến hủy hoại thân này, thì huyền nghiệp ở đời này lại dẫn sanh thân 5 âm ở đời sau.

Bởi vậy nên nói 5 âm là như huyền. Nhưng vì 5 âm đã kết thành các nghiệp, nên phạm phu chẳng còn nhận ra được thật tướng của 5 âm.

-o0o-

Do Phật hỏi như trên, nên ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ rằng huyền cùng sắc chẳng khác nhau. Nếu đã chẳng khác thì các pháp đều là không. Biết rõ các pháp đều là không, thì vào được chỗ bất sanh, bất diệt. Nhưng nếu là bất sanh, bất diệt, thì làm sao có được quả vị Phật?

Ngài Tu Bồ Đề lại tự nghĩ rằng nếu là như vậy, thì vì sao Bồ tát còn phải hành đạo để cầu Vô thượng bồ đề?

Phật biết rõ tâm niệm của ngài Tu Bồ Đề, nên liền đáp rằng 5 âm là hư vọng, chỉ là danh tự. Đã ở trong danh tự,

thì chẳng có nghiệp, chẳng có nghiệp nhân duyên, chẳng có các tâm và tâm sở pháp, dẫn đến chẳng có cấu, chẳng có tịnh. Vì sao? Vì là rốt ráo không vậy. Bồ tát nên như người huyễn mà hành Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì 5 âm tức là người huyễn, người huyễn tức là 5 âm, chẳng có gì sai khác cả.

Các nghiệp nhân duyên đời trước là huyễn nghiệp dẫn sanh thân 5 âm ở đời sau. Bởi vậy nên 5 âm cũng là giả danh, chẳng thể thành Phật được. Vì sao? Vì tánh của 5 âm là vô sở hữu, là như mộng, như hường, như ảnh, như diệm, như hóa.

**Hỏi:** *Vì sao nói 5 âm tức là 6 tình, và 6 tình tức là 5 âm?*

**Đáp:** Do ở nơi 12 nhân duyên hòa hợp, mà sắc pháp và tâm pháp chưa thuần thực, khiến phải thọ cảnh, nên mới sanh ra thức.

Theo thức, sanh ra 6 tình. Ở cả 2 thời đều có sự tạo tác của 5 sắc âm, khi nói đến 6 tình, là nói đến sự thành tựu của ý tình; mà 6 tình chẳng ly 5 âm.

**Hỏi:** *Ở trong 12 nhân duyên đã có nói về 5 âm rồi. Nay sao lại nói trong thức, trong 6 tình có 5 âm?*

**Đáp:** Vì thức là nguồn gốc hành pháp trong hiện tại của chúng sanh. Tuy nhiên có nhiều người hiểu sai lạc về danh sắc. Nên biết, khi sắc pháp và tâm pháp chưa thuần thực, chưa có công năng, thì chưa thể nói 6 tình là chỗ thọ khổ, thọ lạc, hay là chỗ sanh tội, sanh phước được.

Bởi vậy, nên nói 5 âm có trong thức và trong 6 tình.

Phật biết 500 năm về sau, người tu học sẽ phân biệt các pháp tướng sai khác nhau, mà cho rằng sắc pháp ly thức, và thức ly sắc pháp.

Muốn phá các chấp ấy, khiến người tu học vào được nơi rốt ráo không, nên Phật đã thuyết như trên đây. Tuy trong thức chẳng có 6 tình mà Phật thuyết theo thức sanh ra 6 tình; tuy trong 6 tình chẳng có 5 ấm, mà Phật thuyết 6 tình tức 5 ấm, và 5 ấm tức 6 tình.

Lại nữa, vì đời trước trú tâm nơi 6 tình, dấy sanh các ức tướng phân biệt, nên mới sanh ra có 5 thân ấm ở đời nay. Rồi đời nay trú tâm nơi 6 tình, dấy sanh các ức tướng phân biệt, khởi sanh các kiết sử phiền não, dẫn đến phải tương tục tạo ra thân 5 ấm ở đời sau.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói: Thức tức là 6 tình, 6 tình tức là 5 ấm.

Thật ra tất cả các pháp đều là bất khả đắc, vì đều là nội không, ..., dẫn đến đều là vô pháp hữu pháp không.

-o0o-

## KINH

**Bạch Thế Tôn! Bồ tát sơ phát tâm, khi nghe thuyết về Bát nhã Ba-la-mật, có kinh, có hải, có sợ chẳng?**

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Bồ tát mới phát tâm đại thừa, nếu chưa có đủ các lực phương tiện, nếu chẳng gặp được các thiện trí thức, thì mới kinh, mới hải, mới sợ, khi nghe thuyết về Bát nhã Ba-la-mật.

**Ngài Tu Bồ Đề hỏi:** Bạch Thế Tôn! Như thế nào gọi là lực phương tiện, để theo đó Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng kinh, chẳng hải, chẳng sợ?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, đúng theo tâm Tát bà nhã, quán sắc vô thường,

sắc khổ, sắc vô ngã, sắc không, sắc vô tướng, sắc vô tác, sắc ly, sắc tịch diệt, ..., dẫn đến quán thức vô thường, thức khổ, thức vô ngã, thức không, thức vô tướng, thức vô tác, thức ly, thức tịch diệt... đều là bất khả đắc. Đây là Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật có các lực phương tiện...

Lại, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, quán tướng vô thường, tướng khổ, tướng không, tướng vô tướng, tướng vô tác, tướng ly, tướng tịch diệt của 5 ấm đều là bất khả đắc. Quán như vậy rồi, Bồ tát phát nguyện rằng ta nên vì chúng sanh, nói về pháp vô thường, pháp khổ, pháp vô ngã, pháp không, pháp vô tướng, pháp vô tác, pháp ly, pháp tịch diệt đều là bất khả đắc. Đây là Bồ tát hành Đàn Ba-la-mật.

Lại, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát chẳng dùng tâm Nhị thừa, quán 5 ấm vô thường, ..., dẫn đến chẳng dùng tâm Nhị thừa quán 5 ấm tịch diệt đều bất khả đắc. Đây là Bồ tát hành Thi la Ba-la-mật.

Lại, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, đúng theo tâm Bà Nhã, quán tướng vô thường của 5 ấm, ..., dẫn đến quán tướng tịch diệt của 5 ấm đều là bất khả đắc, quán sự hiển thọ các tướng ấy cũng là bất khả đắc. Đây là Bồ tát hành Săn đề Ba-la-mật.

Lại, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, đúng theo tâm Tát bà nhã, quán tướng vô thường của 5 ấm, ..., dẫn đến quán tướng tịch diệt của 5 ấm đều bất khả đắc. Quán như vậy mà vẫn chẳng xả, chẳng ly tâm Tát bà nhã. Đây là Bồ tát hành Tỳ lê gia Ba-la-mật.

Lại, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng có khởi tâm Nhị thừa, chẳng có khởi các tâm bất thiện. Đây là Bồ tát hành Thiền Ba-la-mật.

Lại, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng hành sắc không, ..., dẫn đến chẳng hành thức không, vì biết rõ sắc tức là không, không tức là sắc, ..., dẫn đến biết rõ thức tức là không, không tức là thức; chẳng hành nhãn không, ..., dẫn đến chẳng hành ý xúc nhân duyên sanh thọ không, vì biết rõ nhãn tức là không, không tức là nhãn, ..., dẫn đến biết rõ ý xúc nhân duyên sanh thọ tức là không; không tức là ý xúc nhân duyên sanh thọ; chẳng hành 4 niệm xứ, ..., dẫn đến chẳng hành 18 bất cộng pháp, vì biết rõ 4 niệm xứ tức là không, không tức là 4 niệm xứ, ..., dẫn đến biết rõ 18 bất cộng pháp tức là không, không tức là 18 bất cộng pháp, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, nên chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào là bậc thiện tri thức hộ trì, khiến Bồ tát chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Có vị thiện tri thức thuyết sắc vô thường, sắc khổ, sắc vô ngã, sắc không, sắc vô tướng, sắc vô tác, sắc ly, sắc tịch diệt đều là bất khả đắc, ..., dẫn đến thuyết ý xúc nhân duyên sanh thọ cũng đều là như vậy; lại thuyết giữ gìn thiện căn, chẳng hướng về Thanh Văn và Bích Chi Phật đạo, mà chỉ hướng về Nhất thiết chủng trí. Đây là bậc thiện tri thức của Bồ tát.

Lại, này Tu Bồ Đề! Có vị thiện tri thức thuyết 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp đều là bất khả đắc; lại thuyết giữ gìn thiện căn, chẳng hướng về Thanh Văn và Bích Chi Phật đạo, mà chỉ hướng về Nhất thiết chủng trí. Đây là bậc thiện tri thức của Bồ tát.



**LUẬN:**

**Hỏi:** Vì sao ngài Tu Bồ Đề khởi tâm nghi, và hỏi Phật “Bồ tát sơ phát tâm, khi nghe thuyết về Bát nhã Ba-la-mật có kinh, có hãi, có sợ chẳng”?

**Đáp:** Vì ngài nghe nói chẳng thật có Bồ tát, chẳng thật có Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thật có 5 âm, nên sanh nghi vậy.

-o0o-

Phật dạy do nội ngoại nhân duyên chưa đầy đủ, nên Bồ tát sơ phát tâm mới sanh sợ hãi.

- Về nội nhân duyên, thì do chẳng có chánh ức niệm, do ở trong chúng sanh, mà chẳng có đại bi tâm, chẳng có các lực lượng phương tiện.

- Về ngoại nhân duyên, thì do chưa được nghe thuyết về Bát nhã Ba-la-mật, chẳng có các bậc thiện tri thức chỉ bày cách đoạn nghi.

Do nội ngoại nhân duyên chưa đầy đủ như vậy, nên Bồ tát sơ phát tâm, khi nghe thuyết về Bát nhã Ba-la-mật, liền sanh tâm sợ hãi.

-o0o-

Khi ngài Tu Bồ Đề hỏi về các lực phương tiện, thì Phật dạy rằng “Bồ tát phải tương ưng với Nhất thiết chủng trí, và khi hành Phật sự phải quán hết thấy pháp đều là bất khả đắc”.

**Hỏi:** Trước đây nói Bồ tát có lực phương tiện, biết rõ sắc cùng hết thấy pháp là vô thường... nên chẳng có sợ hãi. Nay

*vì sao nói Bồ tát quán các pháp đúng theo tâm Tát bà nhã, hướng về Nhất thiết chủng trí, nên chẳng sợ hãi?*

**Đáp:** Trước đây nói trường hợp Bồ tát quán các pháp đều “không”, nhưng vì tâm còn thô trọng, nên đã khởi chấp về “không”. Nay nói về trường hợp Bồ tát ức tướng quán phân biệt, ở trong chúng sanh mà khởi tâm đại bi, chẳng chấp hết thấy pháp, nên ở nơi trí huệ được vô sở đắc. Vì muốn độ chúng sanh, nên khi hành các pháp vô thường, khổ, vô ngã v.v... mà Bồ tát vẫn quán các pháp đó đều bất khả đắc. Lại vì muốn chúng sanh lìa chấp điên đảo, mà Bồ tát thuyết như vậy.

-o0o-

Tâm Bồ tát chẳng còn đắm chấp, nên chẳng còn thấy có pháp gì để trụ chấp cả. Như thầy thuốc chẩn mạch, bốc thuốc, chỉ nhằm chữa trị cho các bệnh nhân chóng lành bệnh. Khi bệnh nhân đã được hoàn toàn bình phục rồi thì chẳng còn bảo họ phải dùng thuốc nữa.

-o0o-

Nên biết pháp thí, tài thí mà chẳng thủ chấp, mới là Đàn Ba-la-mật.

Đàn Ba-la-mật cùng 5 Ba-la-mật kia chỉ là những phương thuốc hay, mà Bồ tát dùng để độ chúng sanh. Bồ tát phải xả bỏ các Ba-la-mật, dẫn đến phải xả bỏ 18 KHÔNG, mới thấy được sắc tức là không, không tức là sắc vậy. Vì sao? Vì từ trước đến nay, các pháp vốn tự tánh không.

-o0o-

Cũng nên biết bậc thiện tri thức của Bồ tát là người dùng trí huệ Bát nhã để hướng dẫn Bồ tát biết rõ các pháp vô thường, khổ, vô ngã, v.v... đều là bất khả đắc, rồi dạy Bồ tát hồi hướng công đức về Vô thượng bồ đề.

-o0o-

**KINH:**

**Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Như thế nào gọi là Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng có các lực phương tiện?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu đã tùy theo ác tri thức rồi, thì khi nghe thuyết về Bát nhã Ba-la-mật, liền sanh tâm sợ hãi.**

**Này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát, ly tâm Tát bà nhã, mà tu Bát nhã Ba-la-mật, rồi niệm được Bát nhã Ba-la-mật, và cũng niệm được 5 pháp Ba-la-mật kia.**

**Lại có Bồ tát, ly tâm Tát bà nhã, mà quán 5 ấm, 12 nhập, 18 giới, quán nội không, ..., dẫn đến quán vô pháp hữu pháp không; rồi ở nơi các pháp không, dấy niệm đắc.**

**Lại có Bồ tát, ly tâm Tát bà nhã, mà tu 4 niệm xứ, ..., dẫn đến tu 18 bất cộng pháp; rồi dấy niệm đắc.**

**Phải biết, đây là hạng Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng có các lực phương tiện, nên khi nghe thuyết về Bát nhã Ba-la-mật liền sanh tâm sợ hãi.**

**Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Vì sao nói Bồ tát đã tùy theo ác tri thức rồi, thì nghe Bát nhã Ba-la-mật liền sanh sợ hãi?**

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Có ác tri thức dạy xa là Bát nhã Ba-la-mật, và xa là 5 Ba-la-mật kia.

Lại có ác tri thức dạy chẳng có ác ma, chẳng có ma sự.

Lại có ác tri thức, giả hiện thân Phật, đến dạy tu Bát nhã Ba-la-mật, dạy tu 5 Ba-la-mật kia.

Lại có ác tri thức, giả hiện thân Thanh Văn, dạy tu theo kinh Thanh Văn.

Lại có ác ma, giả hiện thân Phật, đến nói với người tu rằng “Ngươi chẳng có chân tâm, nên ngươi chẳng sao có thể có được Vô thượng bồ đề”.

Lại có ác ma đến nói với người tu rằng “Sắc là không, là vô ngã, thọ, tưởng, hành, thức là không, là vô ngã ..., nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ là không, là vô ngã; 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp là không, là vô ngã. Như vậy, ngươi còn cầu Vô thượng bồ đề làm gì nữa?”.

Lại có ác ma, giả hiện thân Bích Chi Phật, đến nói với người tu rằng “10 phương đều là không, trong đó chẳng có Bồ tát, chẳng có Thanh Văn”.

Lại có ác ma, giả hiện thân hòa thượng, đến bảo Bồ tát rời bỏ Bồ tát đạo, rời bỏ Nhất thiết chủng trí, rời bỏ 4 niệm xứ, rời bỏ 8 Thánh đạo, rời bỏ 6 pháp Ba-la-mật, rời bỏ 18 bất cộng pháp, rời bỏ luôn các tam muội không, vô tướng và vô tác và khuyên Bồ tát nên chứng 4 quả Thanh Văn.

Lại có ác ma giả hiện thân cha mẹ, đến nói với Bồ tát rằng “Con hãy nên tu chứng 4 quả Thanh Văn, còn quả Vô thượng bồ đề thì phải tu trong vô lượng a tăng kỳ

kiếp, phải ở trong các nẻo đường sanh tử, thọ vô lượng khổ đau, như bị chặt tay chân v.v...

Lại có ác ma giả hiện thân Tỷ-kheo, đến nói với Bồ tát rằng: “Các pháp vô thường, khổ, không, vô ngã... đều là những pháp có thể được (hữu khả đắc) nhãn, ..., dẫn đến ý, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp cũng đều là những pháp có thể được cả.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Những ác ma hiện ra các ma sự trên đây đều là những ác tri thức của Bồ tát, người tu hành biết như vậy rồi, phải nên xa lìa các ác tri thức.

### LUẬN:

Trước đây đã lược nói về sự tu mà chẳng có các lực phương tiện. Nay rộng nói về ảnh hưởng của sự tu chẳng có các lực phương tiện, khiến phải bị các ác ma cám dỗ.

Nơi đây nêu lên các trường hợp Bồ tát ly hết thấy trí tâm, tu 6 pháp Ba-la-mật, dẫn đến tu 18 bất cộng pháp mà còn niệm đắc, là Bồ tát tu mà chẳng có các lực phương tiện.

-o0o-

Người tu mà chẳng có các lực phương tiện rất dễ bị cám dỗ. Vì sao? Vì các ác tri thức có muôn ngàn phương kế để hại người tu hành.

Đây là đại ác nhân duyên, nên Phật phải vạch rõ các mưu mô thâm độc của ác tri thức, để người tu được rõ mà cảnh giác, nhằm xa lìa họ. Phật dạy cho Bồ tát thấy rõ các hành tướng mà ác tri thức thường dùng để làm cho Bồ tát thối tâm Đại thừa, như dạy Bồ tát xa lìa 6 pháp Ba-la-mật, xa lìa Bồ tát đạo... hoặc tán thán pháp Tiểu thừa v.v... Nếu người tu

mà chẳng có các lực phương tiện, thì chẳng có thể biết những sự việc như vậy, đều là ma sự cả.

Ma làm chủ cõi Dục, có thể lực lớn, lại thường ghét người hành đạo chân chánh. Phật và chư đại Bồ tát có oai đức tự tại, nên các ác ma chẳng thể hại được. Còn các tiểu Bồ tát, vì chưa có các lực phương tiện, nên thường bị các ác ma đến làm hại. Ví như:

- Có ác ma giả hiện thân Phật đến nói với Bồ tát rằng “Ngươi chẳng thể làm Phật được, ngươi nên biết các pháp đều rỗng không, 3 thừa đạo cũng rỗng không, nên ngươi cầu Phật đạo chỉ là danh suông”

- Có ác ma, giả hiện thân hòa thượng, hoặc thân cha mẹ, khuyên Bồ tát xa lìa Bồ tát đạo, và khuyên tu chứng 4 quả Thanh Văn.

- Có ác ma giả hiện thân Tỷ-kheo, đến dạy Bồ tát rằng “Tất cả các pháp đều là hữu sở đắc v.v...”.

Như vậy các ác tri thức có vô lượng mưu mô thâm độc để hại Bồ tát.

-o0o-

Ác tri thức còn nguy hại hơn cả giặc cướp.

Giặc cướp chỉ chiếm đoạt của cải, chỉ giết hại một thân, chỉ phá hoại một đời. Còn ác tri thức gây tác hại trong nhiều đời, nhiều kiếp.

Giặc cướp chỉ hại người cướp của, còn ác tri thức hại huệ căn và đoạt vô lượng Phật pháp bảo.

Người tu hành phải nên biết rõ như vậy, phải giữ gìn thân tâm và phải xa lìa các ác tri thức.

## PHẨM THỨ MƯỜI HAI



### Cú Nghĩa

#### KINH:

Lúc bấy giờ, ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát cú nghĩa?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vô cú nghĩa là Bồ tát cú nghĩa. Vì sao? Vì Vô thượng bồ đề chẳng có nghĩa xứ nên cú nghĩa là vô ngã. Bởi vậy nên nói “vô cú nghĩa” là Bồ tát cú nghĩa.

Này Tu Bồ Đề! Ví như chim bay giữa hư không chẳng để lại dấu vết, thì Bồ tát cú nghĩa cũng là như vậy. Ví như cảnh trong mộng, chẳng có chỗ y xứ (vô sở hữu xứ) thì Bồ tát cú nghĩa cũng là như vậy. Ví như huyễn chẳng có thật nghĩa, chẳng có chỗ y xứ (vô sở hữu xứ), thì Bồ tát cú nghĩa cũng là như vậy. Ví như Phật hóa chẳng có thật nghĩa, chẳng có chỗ y xứ (vô sở hữu xứ), thì Bồ tát cú nghĩa cũng là như vậy. Ví như pháp như, pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, thật tế chẳng có thật nghĩa, chẳng có chỗ y xứ (vô sở hữu xứ), thì Bồ tát cú nghĩa cũng là như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Lại ví như 5 âm của người huyễn chẳng có thật nghĩa, chẳng có chỗ y xứ (vô sở hữu xứ), thì Bồ tát cú nghĩa cũng là như vậy.

Lại ví như nhãn, ..., dẫn đến ý, nhãn thức, ..., dẫn đến ý thức, nhãn xúc, ..., dẫn đến ý xúc, nhãn xúc nhân duyên

sanh thọ, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ v.v... của người huỷ chẳng có thật nghĩa, chẳng có chỗ y xứ (vô sở hữu xứ), thì Bồ tát cú nghĩa cũng là như vậy.

Lại ví như người huỷ hành 4 niệm xứ, ..., dẫn đến hành 18 bất cộng pháp chẳng có thật nghĩa, chẳng có chỗ y xứ (vô sở hữu xứ), thì Bồ tát cú nghĩa cũng là như vậy.

Lại ví như trong tánh hữu vi, chẳng có tánh vô vi, trong tánh vô vi chẳng có tánh hữu vi, thì “Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật” cú nghĩa cũng chẳng có chỗ y xứ (vô sở hữu xứ) như vậy.

Lại ví như bất sanh, bất diệt... đều chẳng có chỗ y xứ (vô sở hữu xứ), thì Bồ tát cú nghĩa cũng là như vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là vô sở hữu xứ?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì sắc, ..., dẫn đến thức, sắc, ..., dẫn đến pháp, nhãn, ..., dẫn đến ý ..., 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp v.v.. đều là bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh nên đều là vô sở hữu xứ. Bồ tát cú nghĩa cũng là như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Ví như ở nơi tịnh tâm, ngã là bất khả đắc, là vô sở hữu xứ, dẫn đến trí giả, kiến giả đều là bất khả đắc, đều là vô sở hữu xứ. “Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật” cú nghĩa cũng là bất khả đắc, là vô sở hữu xứ như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Ví như mặt trời mọc lên, chẳng còn chỗ tối tăm, thì “Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật” cũng là vô sở hữu xứ như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Ví như trong Phật giới chẳng có chỗ phá giới, thì “Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật” cú nghĩa cũng là vô sở hữu xứ như vậy.



Này Tu Bồ Đề! Ví như trong Phật định chẳng còn có chỗ loạn, trong trí huệ chẳng còn có chỗ ngu si, trong Phật giải thoát chẳng còn có chỗ không giải thoát, trong Phật giải thoát tri kiến chẳng còn có chỗ không giải thoát tri kiến thì “Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật” cú nghĩa cũng là vô sở hữu xứ như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Ví như khi Phật phóng quang minh thì ánh sáng của mặt trời, mặt trăng cũng như quang minh của chư Thiên chẳng có thể hiện ra được. “Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật” cú nghĩa cũng là vô sở hữu xứ như vậy.

Vì sao? Vì ở nơi hết thấy pháp, Vô thượng bồ đề Bồ tát và Bồ tát cú nghĩa đều chẳng tập, chẳng tán, chẳng có hình, chẳng có sắc, đều chỉ là một tướng (nhất tướng), cũng chính là chẳng có tướng (vô tướng) vậy.

Này Tu Bồ Đề! Được như vậy thì ở nơi hết thấy pháp đều vô ngại. Vô ngại tướng chính là nhất tướng, là vô tướng. Bồ tát phải nên học, nên biết như vậy.

### LUẬN:

**Hỏi:** Trước đây Phật và ngài Tu Bồ Đề đã phá Bồ tát danh tự. Nay vì sao lại nói về Bồ tát cú nghĩa?

**Đáp:** Ngài Tu Bồ Đề phá Bồ tát danh tự. Phật chẳng trực tiếp phá, mà nói Bồ tát danh tự là rốt ráo không, chỉ do 5 âm hòa hợp nên giả danh có Bồ tát, có chúng sanh.

Chúng sanh lầm chấp cho rằng giả danh đó là thật có. Phật dạy rằng giả danh đó chẳng thật có, chỉ do các duyên hòa hợp nên có vậy thôi.

Ngài Tu Bồ Đề nương nơi Bồ tát danh tự là tánh không mà nói về Bát nhã Ba-la-mật tướng. Nay ngài muốn rõ thêm về Bồ tát cú nghĩa, nên mới thưa hỏi Phật.

Nên biết Phật có 60 thứ âm thanh, khiến hàng Trời, người đều thích nghe, và nếu đã được nghe, ắt được đại lợi ích. Ví như:

- Người chưa phát tâm Vô thượng bồ đề, nay khiến phát tâm Vô thượng bồ đề.

- Người chưa hành 6 pháp Ba-la-mật, nay khiến hành 6 pháp Ba-la-mật.

- Người chưa thanh tịnh, nay khiến được thanh tịnh.

- Người đã được thanh tịnh rồi, nay khiến được an trú trong bất thối chuyển địa, thành tựu chúng sanh, được đầy đủ thiện pháp, dẫn đến được Nhất sanh bồ xứ, đầy đủ các lợi ích nhân duyên.

Lại nữa, nhờ có ngài Tu Bồ Đề thưa hỏi mà Phật mới chứng duyên để nói pháp cho hết thảy thế giới trong khắp cả 10 phương, khiến chúng sanh ở khắp các thế giới cùng các chúng sanh trong hội đều được nghe.

-o0o-

Phật mật ý chỉ rõ về pháp “không”, khi nói với ngài Tu Bồ Đề rằng “vô cú nghĩa” là Bồ tát cú nghĩa. Vô thượng bồ đề là vô sở hữu xứ, pháp không là vô ngã, cho nên cũng chẳng có người được đạo

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Nếu ông biết Vô thượng bồ đề là vô ngã, chỗ đắc Vô thượng bồ đề cũng là vô ngã, thì A-la-hán và Bồ tát, ở nơi Vô thượng bồ đề cũng vô ngã, vô ngã sở. Ví như chim bay giữa hư không, chẳng để lại dấu vết, thì Bồ tát tu hành pháp không cũng là như vậy. Hư không chẳng có chỗ y chỉ, thì Bồ tát cú nghĩa cũng là như vậy. Bởi vậy nên nói vô cú nghĩa là Bồ tát cú nghĩa.

**Hỏi:** Thế nào là Bồ tát cú nghĩa?

**Đáp:** Bên Thiên Trúc lấy các mẫu tự ghép lại thành từ đơn, từ kép. Các từ hòa hợp ghép lại thành câu cũng gọi là cú.

Ví dụ khi hai từ ‘bồ’ và ‘đề’ được ghép lại thành bồ đề, thì có nghĩa là trí huệ vô thượng, nếu hai từ ấy chẳng ghép lại thì chẳng có nghĩa này.

Bồ tát cũng gọi là đại tâm, là trí huệ vô thượng. Do đại tâm mà phát nguyện muốn khiến hết thảy chúng sanh đều thành tựu đạo Vô thượng, nên gọi là Bồ đề tát đỏa.

Đây là do ghép hai từ kép ‘bồ đề’ và ‘tát đỏa’ lại với nhau mà thành nghĩa của Bồ đề tát đỏa.

**Hỏi:** Dùng dụ “chim bay chẳng lưu dấu vết” cũng đủ để cho thấy “Bồ tát cú nghĩa” là chẳng có thật nghĩa, là vô sở hữu xứ rồi. Như vậy, vì sao còn giải rộng thêm, còn nêu nhiều dụ nữa?

**Đáp:** Vì chúng sanh nghe pháp, mỗi người hiểu theo một cách, chẳng có đồng đều nhau:

- Có người thích nghĩa.

- Có người thích nghe thí dụ mới rõ nghĩa. Vì sao? Vì thí dụ có tác dụng tâm lý, khiến người nghe chăm chú hơn.

Lại nữa, khi thuyết giảng, có thể nêu lên nhiều thí dụ cùng nghĩa, để làm sáng tỏ vấn đề. Ví như nói như mộng, như huyễn, như hóa... để nhằm nêu lên nghĩa hư vọng, chẳng thật có. Bồ tát cú nghĩa cũng là như vậy, cũng là hư vọng, chẳng có thật nghĩa. Bồ tát biết rõ như vậy nên chẳng tự cao tự mãn.

Lại nữa, khi nói pháp như, pháp tánh, pháp tướng, thật tế đều là không, thì các cú nghĩa đó cho thấy rõ hết thảy các

pháp hữu vi và vô vi đều là không. Chẳng có 5 âm, chẳng có chúng sanh, ..., dẫn đến chẳng có Phật pháp, chẳng có Bồ tát, chẳng có Phật.

Hết thấy pháp đều bình đẳng, đều bất sanh bất diệt. Vì chẳng có các tướng sanh diệt nên hết thấy các pháp chỉ là một tướng (nhất tướng), là chẳng có tướng (vô tướng). Ví như có chấp 37 Phẩm trợ đạo, thì 37 Phẩm trợ đạo chẳng còn thanh tịnh nữa. Vì sao? Vì có chấp 37 Phẩm trợ đạo, là có sanh diệt sử, mà tướng thanh tịnh là bất khả đắc.

**Hỏi:** *Ngã, tri giả, kiến giả... có tướng thanh tịnh chăng?*

**Đáp:** Dùng mọi cách để tìm cầu ngã tướng thì ngã tướng cũng là bất khả đắc. Nơi đệ nhất nghĩa đế, thì ngã chẳng phải tịnh, cũng chẳng phải bất tịnh. Ví như, đem xác một con chó chết rửa thật sạch từ lông, da, thịt, xương, tủy, v.v... Khi đã rửa sạch hết rồi, thì sẽ chẳng phải là chó, mà cũng sẽ chẳng phải là gì hết. Bởi vậy nên chẳng thể nói xác chết con chó là tịnh hay là bất tịnh được.

Dẫn đến tri giả, kiến giả cũng đều là như vậy cả.

Nếu dùng “vô ngã trí huệ” mà tìm cầu, thì ngã tướng là bất khả đắc, nên là chẳng phải ngã, cũng chẳng phải chẳng ngã. Ví như mặt trời xuất hiện, thì bóng tối liền tan biến, ví như đến thời kiếp tận, thì chẳng còn có vật gì tồn tại cả, lại ví như nói Phật có 5 âm, nói trong giới có phá giới ... là chẳng thể được (bất khả đắc) vậy.

Lại nữa, ví như khi có ánh hào quang của Phật hiện ra, thì ánh sáng của mặt trời, mặt trăng... cũng như ánh hào quang của chư Thiên đều chẳng thể hiện ra được.

Bồ tát cú nghĩa cũng là như vậy. Khi đã vào trong Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì chẳng còn hiện các tướng khác nữa.

Bởi vậy nên Bồ tát phải học hết thầy các pháp, mà đừng chấp các pháp tướng, phải biết rõ các pháp tướng đều là bất khả đắc.

-o0o-

**KINH:**

**Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Vì sao nói ở nơi hết thầy pháp, Bồ tát đều được vô ngại tương ưng?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát biết hết thầy thiện pháp, bất thiện pháp, ký pháp, vô ký pháp, thế gian pháp, xuất thế gian pháp, hữu lậu pháp, vô lậu pháp, cộng pháp, bất cộng pháp... đều là bất khả đắc cả. Bởi vậy nên Bồ tát ở nơi hết thầy pháp đều được vô ngại tương ưng.**

**Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là thế gian thiện pháp?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Thế gian thiện pháp là hiếu thuận với cha mẹ, cúng dường Sa môn và Bà-la-môn, kính trọng các bậc tôn trưởng, bố thí, trì giới, tu tịnh, khiến tu 10 thiện đạo... cùng vô lượng các pháp phương tiện nhằm sanh phước đức. Dẫn đến 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 9 tướng, 10 niệm... cũng đều là thế gian thiện pháp cả.**

**Bất thiện pháp là sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, ác khẩu, tà kiến v.v...**

**Nên biết thiện pháp và bất thiện pháp gọi là ký pháp. Còn thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp, 4 đại, 5 ấm 12 nhập, 18 giới... là vô ký pháp.**

**Này Tu Bồ Đề! Những gì là thế gian pháp? 5 ấm 12**

nhập, 18 giới, 10 thiện đạo, 10 bất thiện đạo, 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định... đều là thế gian pháp.

Này Tu Bồ Đề! Những gì là xuất thế gian pháp? 4 niệm xứ, 4 chánh căn, 4 như ý túc, 5 căn, 5 lực, 7 giác chi, 8 Thánh đạo. Không giải thoát môn, vô tướng giải thoát môn, vô tác giải thoát môn, vị tri dục tri căn, tri căn, dĩ tri căn, hữu giác hữu quán tam muội, vô giác hữu quán tam muội, vô giác vô quán tam muội, 8 bối xả, nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, 10 lực, 4 vô ngại trí, 4 vô sở úy, 18 bất cộng pháp, Nhất thiết chủng trí ... đều là xuất thế gian pháp.

Này Tu Bồ Đề! Những gì là hữu lậu pháp? 5 ấm, 12 nhập, 18 giới, 6 chủng, 6 xúc, 6 thọ, 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định... đều là hữu lậu pháp.

Này Tu Bồ Đề! Những gì là vô lậu pháp? 4 niệm xứ, dẫn đến 18 bất cộng pháp, Nhất thiết chủng trí ... đều là vô lậu pháp.

Này Tu Bồ Đề! Những gì là hữu vi pháp? Các pháp có sanh, có trú, có diệt ở cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô Sắc đều là hữu vi pháp. Ví như 5 ấm dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ, 4 niệm xứ dẫn đến 18 bất cộng pháp, Nhất thiết chủng trí v.v...

Này Tu Bồ Đề! Những gì là vô vi pháp? Các pháp bất sanh, bất trú, bất diệt là vô vi pháp. Ví như tham, sân, si, pháp như pháp tánh, pháp tướng, pháp vi, thật tế v.v...

Này Tu Bồ Đề! Những gì là cộng pháp? 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định... đều là cộng pháp.

Này Tu Bồ Đề! Những gì là bất cộng pháp? 4 niệm xứ dẫn đến 18 bất cộng pháp, ... đều là bất cộng pháp.

**Này Tu Bồ Đề! Bồ tát biết rõ các pháp là không, ở trong không mà chẳng chấp không. Vì sao? Vì nếu có khởi niệm chấp trước, thì đó là loạn động.**

**Bồ tát vào trong “bất nhị tướng môn”, nên được tâm bất động.**

**Đây là Bồ tát cú nghĩa vậy.**

-o0o-

### **LUẬN:**

**Hỏi:** *Vì sao trước hết ngài Tu Bồ Đề lại hỏi Phật về thế gian thiện pháp?*

**Đáp:** Trước hết phải biết rõ thế gian tướng rồi sau đó mới có thể biết rõ được xuất thế gian tướng.

Phải ở trong thế gian mới thấy được có nhân quả, có phước báo, có nghiệp tội, có đời này, có đời sau, có hiền Thánh, có Phật...

Thế gian thiện pháp dạy người phải hiếu thuận với cha mẹ, phải tôn kính các bậc tôn trưởng, cũng dạy người cúng dường các bậc Sa môn và Bà la môn, là những người tu phạm hạnh mà người thế gian khó có thể làm được, nên đáng được cúng dường.

Lại nữa, thế gian thiện pháp còn khuyên tu các phương tiện sanh phước đức, như 10 thiện đạo, bố thí, trì giới, thiền định, ... dẫn đến 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 9 tướng, 10 niệm v.v... cũng đều là thế gian thiện pháp. Nhờ được các thiện pháp mà người tu hành chế ngự được các ác tâm, khiến sanh được phước đức.

Trái với các thiện pháp là các bất thiện pháp.

Các oai nghi, công xảo, các biến hóa khởi từ thân và khẩu nghiệp, nhiếp về vô ký pháp.

Còn 5 ám thân nghiệp, chẳng phải là vô ký pháp, vì khi duyên diệt thì 5 ám cũng như hư không. Tuy nhiên, ở nơi thế gian pháp, thì 5 ám vẫn có thiện, có bất thiện, có vô ký.

Phàm phu tu các thiện pháp, nhưng chẳng có thể siêu xuất thế gian, nên thiện pháp của phàm phu chỉ được gọi là thế gian thiện pháp.

-o0o-

Xuất thế gian pháp gồm 37 Phẩm trợ đạo, 3 giải thoát môn (không, vô tướng và vô tác), 3 vô lậu căn (vị tri dục tri căn, tri căn và dĩ tri căn), hữu giác hữu quán tam muội, vô giác hữu quán tam muội, vô giác vô quán tam muội, 8 bối xả, 10 Phạt lục, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp.

-o0o-

Lại nữa, dùng chánh ức niệm mà quán thật tướng pháp, tùy thân pháp mà hành hết thấy thiện pháp thì gọi là đốn tu.

Như vậy là trước rộng nói về các pháp tu. Nay chỉ nói nhất tâm tu 4 niệm xứ là được đạo.

-o0o-

Phàm phu chẳng có thể tu 8 bối xả, 18 không, 10 lục, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp... vì đây là những pháp tu xuất thế gian. Phải có đầy đủ chánh niệm, chánh huệ và chánh tư duy mới tu được.



Tuy có phân biệt thể gian pháp và xuất thể gian pháp, nhưng ở đây chỉ đặc biệt nói về các hữu lậu pháp mà thôi.

Nên biết: 4 thiên, 4 vô sắc định... là hữu lậu pháp, còn 4 niệm xứ... dẫn đến 18 bất cộng pháp là vô lậu pháp.

Lại cũng nên biết: Pháp có sanh, có trú, có diệt là hữu vi pháp, pháp bất sanh, bất trú, bất diệt là vô vi pháp.

4 niệm xứ... dẫn đến 18 bất cộng pháp, đều là vô lậu, vô vi pháp. Nhưng khi được dùng làm pháp tu, thì cũng là hữu vi pháp. Trái lại, khi chẳng còn tướng hữu vi nữa thì lại trở thành vô vi pháp.

Lại nữa, khi đã tổng phá 3 độc tham, sân, si, cùng các phiền não khác rồi, và đã tổng phá 5 ám rồi thì hết thấy các pháp tướng đều trở thành như thật pháp tướng, như thật pháp tánh, thật tế, và đều trở thành vô vi pháp cả.

**Hỏi:** *Sắc là hữu vi pháp, như như là vô vi pháp. Như vậy làm sao có thể nói: Sắc tức là như, như tức là sắc, sắc chẳng ly như, như chẳng ly sắc?*

**Đáp:** Phạm phu và chư Thánh nhìn sắc theo hai góc cạnh khác nhau:

- Phạm phu dùng nhục nhãn để nhìn sắc, nên khởi niệm tướng phân biệt các sắc tướng.

- Chư Thánh biết rõ thật tướng pháp, nên thấy sắc là như tướng, là Niết Bàn tướng.

-o0o-

Lại nữa, khi vào trong thiên định, thiên giả thấy rõ cộng xứ nơi các pháp, nên gọi 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc

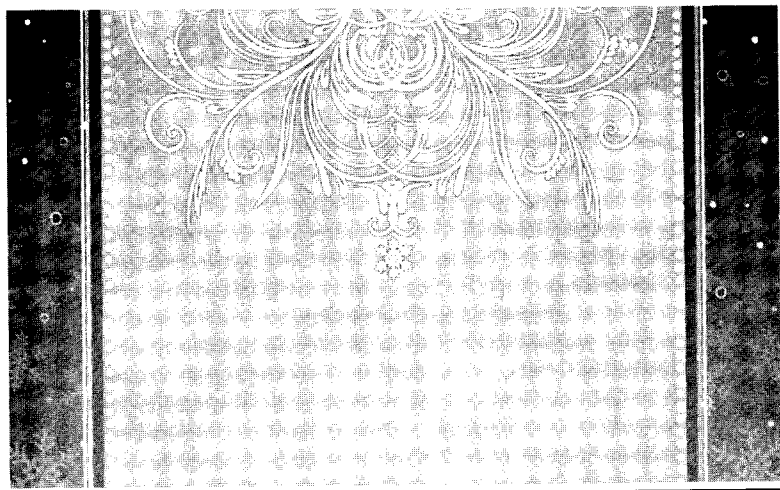
định v.v... là cộng pháp. Còn 4 niệm xứ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, thì gọi là bất cộng pháp.

Thế nhưng, bản thể của hết thảy các pháp đều là pháp như, pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, thật tế cả.

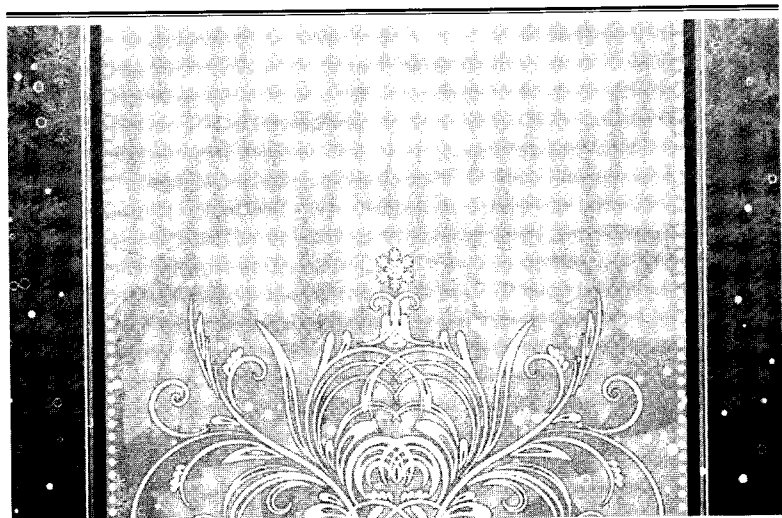
Bồ tát biết rõ hết thảy các pháp đều là duyên sanh, nên đều là tự tánh không, là vô tánh vậy.

Bồ tát an trú nơi thật tướng pháp, được vô ngại, được bất động. Vì sao? Vì vào “bất nhị pháp môn” là vào được thật tướng pháp, là được vô vi bất động.

(Hết quyển 44)



**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 45**





## Phẩm Thứ Mười Ba



Kim Cang

**KINH:**

Lúc bấy giờ ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà Bồ tát được gọi là Bồ tát Ma ha tát?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát quyết định ở trong chúng làm bậc thượng thủ, nên được gọi là Bồ tát Ma ha tát.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ tát quyết định ở trong chúng làm bậc thượng thủ?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát, từ khi sơ phát tâm quyết ở trong chúng tu 4 quả Thanh Văn, tu quả Bích Chi Phật, dẫn đến vào được bất thối chuyển địa thì gọi là Bồ Tát Ma ha tát quyết định ở trong chúng làm bậc thượng thủ.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà Bồ tát có thể phát được đại quyết tâm như vậy?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma ha tát từ khi sơ phát tâm dẫn đến khi vào bất thối chuyển địa, chẳng sanh tâm sân si, chẳng sanh tâm phiền não, chẳng trú tâm Bích Chi Phật, nên phát được đại quyết tâm ở trong chúng làm bậc thượng thủ.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát phát đại tâm kiên cố bất hoại như kim cang, quyết định ở trong chúng làm bậc thượng thủ.

**Thế nào là đại tâm bất hoại như kim cương?**

Này Tu Bồ Đề! Trải qua vô lượng đời, Bồ tát phát đại thế nguyện xả bỏ hết thấy các vật sở hữu của mình, bình đẳng đối với hết thấy chúng sanh, dạy chúng sanh tu 3 thừa pháp, dẫn dắt họ vào Vô dư Niết Bàn, dùng tâm Tát bà nhĩ để thật hành 6 pháp Ba-la-mật, dùng trí huệ để biết rõ thật tướng của hết thấy các pháp v.v...

Như vậy là Bồ tát phát đại tâm bất hoại như kim cương. An trú trong đại tâm ấy, Bồ tát quyết định ở trong chúng làm bậc thượng thủ. Vì dụng pháp vô sở đắc vậy.

Lại nữa, Bồ tát thường giữ tâm bất động.

**Thế nào là tâm bất động?**

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát thường niệm Nhất thiết chủng trí, mà chẳng hề dấy niệm mình có tâm bất động như vậy.

Như vậy là Bồ tát thường giữ tâm bất động. An trú trong tâm ấy, Bồ tát quyết định ở trong chúng làm bậc thượng thủ. Vì dụng pháp vô sở đắc vậy.

Lại nữa, Bồ tát thường sanh tâm làm việc lợi ích an lạc cho chúng sanh.

**Thế nào là tâm làm lợi ích an lạc cho chúng sanh?**

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát sẵn sàng cứu độ hết thấy chúng sanh, chẳng rời bỏ chúng sanh, thường làm các việc lợi ích nhằm an lạc chúng sanh, mà chẳng dấy niệm mình có tâm lợi ích an lạc chúng sanh như vậy.

Như vậy là Bồ tát thường sanh tâm làm việc lợi ích an lạc cho chúng sanh. An trú trong tâm ấy, Bồ tát quyết định ở trong chúng làm bậc thượng thủ. Vì dụng tâm vô sở đắc vậy.

Lại nữa, Bồ tát thường phát tâm dục pháp, hỷ pháp và lạc pháp. Thế nào là tâm dục pháp, hỷ pháp và lạc pháp?

Này Tu Bồ Đề! Pháp nói đây chính là thật tướng pháp, nơi thật tướng pháp thường tin, thường nhẫn thọ, thì gọi là dục pháp và hỷ pháp. Khi tu hành thật tướng pháp mà thường vui, thì gọi là lạc pháp.

Như vậy, là Bồ tát thường phát tâm dục pháp, hỷ pháp và lạc pháp. An trú trong tâm ấy, Bồ tát quyết định ở trong chúng làm bậc thượng thủ. Vì dụng pháp vô sở đắc vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát an trú trong nội không, ..., dẫn đến trong vô pháp hữu pháp không, an trú trong 4 niệm xứ, ..., dẫn đến trong 18 bất cộng pháp, quyết định ở trong chúng làm bậc thượng thủ. Vì dụng pháp vô sở đắc vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát an trú trong Kim cang tam muội, ..., dẫn đến trong Ly chấp hư không bất nhiễm tam muội, cũng quyết định ở trong chúng làm bậc thượng thủ. Vì dụng pháp vô sở đắc vậy.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma ha tát dùng Vô sở đắc an trú trong hết thảy các pháp, mà quyết định ở trong chúng làm bậc thượng thủ.

Bởi nhân duyên vậy, nên gọi là Bồ tát Ma ha tát.

### LUẬN:

Hỏi: Nghĩa Ma ha tát là như thế nào?

Đáp: Ma ha là đại, là lớn.

Tát đỏa là chúng sanh.

Bồ tát Ma ha tát là bậc đại Bồ tát, tối tôn, tối trọng trong chúng sanh, phát tâm rộng lớn nguyện:

- Trên, cầu đạo Vô thượng.
- Dưới, hóa độ hết thảy chúng sanh.

-o0o-

Nên biết, chúng sanh có 3 hướng đi, đó là:

- Hạng chúng sanh có chánh định, quyết định vào Niết Bàn.
- Hạng chúng sanh có tà định, quyết định đọa vào 3 đường ác.
- Hạng chúng sanh bất định.

Ngoại trừ Phật ra, thì trong các loài chúng sanh, chư vị Bồ tát Ma ha tát là những bậc chánh định tối đại, xếp vào bậc nhất trong Thánh chúng. Thánh chúng nơi đây, bao gồm cả chư hiền Thánh và chư đại Bồ tát thập địa.

Vì Bồ tát tu thập địa nhiếp trong Thánh tánh, nên Thập địa cũng được gọi là Thánh địa.

-o0o-

Ví như đứa trẻ sanh trong gia đình quyền quý, tuy nay còn nhỏ, nhưng quyết định về sau sẽ thành tựu được đại sự nghiệp.

Lại, ví như tu theo Thanh Văn thừa, vào thời kỳ Kiến đạo, hành giả lần lượt tu 4 pháp là Noãn, Đảnh, Nhẫn và Thế đệ nhất. Do tinh ngộ, mà thấy được đạo, vào được kiến đạo. Do kiến đạo, mà vào được tu đạo, Do tu đạo, mà được vô học đạo, chứng các quả vị A-la-hán, hay quả vị Bích Chi Phật.



Bồ tát, khi đã được Vô sanh pháp nhẫn, tùy theo Vô thượng bồ đề mà phát tâm, thì gọi là chân phát tâm. Do biết rõ thật tướng các pháp, biết rõ tâm hành của chúng sanh, nên Bồ tát tận phá được các phiền não; lại do thường tùy theo Vô thượng bồ đề, nên Bồ tát chẳng còn khởi các tâm điên đảo. Bồ tát an trú trong Kim cang tâm, ra vào sanh tử để cứu độ chúng sanh, mãi cho đến khi được Vô thượng bồ đề, được thành Phật.

-o0o-

Có thuyết nói: Người tu, tuy còn nhiều kiết sử, nhưng nếu phát tâm đại bi thương xót chúng sanh, nguyện sẽ làm Phật để cứu độ chúng sanh, thì tuy còn ở trong phiền não, mà cũng đã xứng đáng được tôn quý, khiến các hàng Trời Người đều cung kính.

Có thuyết nói: Ví như vị Thái tử của vị Chuyển Luân Thánh Vương, tuy chưa lên ngôi, mà đã được thần dân tôn quý. Người phát tâm Bồ tát cũng như vậy, tuy còn ở trong phiền não, mà đã thắng hơn hàng Chư Thiên rồi.

Lại có thuyết nói: Bồ tát, tuy chưa được Vô thượng bồ đề, nhưng nếu đã được vô sanh pháp nhẫn, đã vào được bất thối chuyển địa, thì cũng được Phật thọ ký, nên cũng được gọi là Bồ tát Ma ha tát.

-o0o-

Bồ tát Ma ha tát, ở trong chúng quyết định làm bậc thượng thủ, nên phát đại tâm thọ các khổ thay cho chúng sanh, mà được tâm bất động, kiên cố như Kim cang. Bồ tát được Kim cang tâm rồi, chẳng còn bị lay động bởi các phiền não, chẳng

còn tin thọ các ác pháp nữa. Nếu có ác ma đến đòi lấy đầu, tủy, não..., Bồ tát vẫn sẵn sàng cho hết. Nếu có bị mắng nhiếc, bị hành hung..., tâm Bồ tát cũng vẫn chẳng lay động. Tâm Bồ tát kiên cố như kim cương nên gọi là Kim cương tâm.

-oOo-

Phật nói về tướng của Kim cương tâm, khiến Bồ tát tự nghĩ rằng: Chẳng phải 1 tháng, 1 năm, 1 đời... mà đến vô lượng kiếp tu, ta vẫn phải phát đại thế trang nghiêm pháp thân. Ta nguyện:

1. Trải qua vô lượng kiếp, ta phải ở trong sanh tử, để làm lợi ích cho chúng sanh.

2. Ta phải xả hết thấy các vật quý của nội và ngoại thân ta.

3. Ta phải xem hết thấy chúng sanh bình đẳng; chẳng phân biệt thương ghét, bạn thù...

4. Ta phải ở trong 3 thừa đạo để độ chúng sanh vào Phật đạo.

5. Ta phải độ thoát hết thấy chúng sanh như vậy, mà vẫn chẳng thấy có chúng sanh nào được độ thoát cả.

6. Ta phải biết rõ hết thấy các pháp đều là bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, và đều bình đẳng tướng.

7. Ta phải đem tâm thanh tịnh, vô nhiễm, mà hành Bát nhã Ba-la-mật; rồi hồi hướng công đức về Vô thượng bồ đề.

8. Ta phải thông đạt hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian.

9. Ta phải biết rõ hết thấy các pháp đều là nhất tướng, là vô tướng. Ta phải biết rõ hết thấy các pháp đều là không; phải xa lìa các ức tướng phân biệt.

10. Ta phải biết rõ 2 tướng, ..., dẫn đến vô lượng tướng đều là bình đẳng, vô phân biệt. Ta phải thông đạt hết thảy các pháp môn, từ 2 môn (như: Hữu-vô, sanh-diệt, sắc-vô sắc), 3 môn (như: Thiện - ác - vô ký...) dẫn đến vô lượng môn. Ta phải diệt sạch các phiền não, diệt sạch các nghiệp quả báo, khiến hết thảy các chương ngại đều tán hoại.

Như kim cang có công năng phá tan hết thảy các vật, mà bản chất của kim cang lại kiên cố, bất hoại; Bồ tát quyết định ở trong chúng làm bậc thượng thủ, mà vẫn ở nơi bất khả đắc không, vẫn thường giữ tâm kiên cố, bất động như kim cang.

Nếu Bồ tát đã phát đạt tâm như vậy, mà còn sanh kiêu mạn, thì nghiệp tội sẽ lớn vô cùng. Vì sao? Vì đối với Bồ tát, thì hết thảy các pháp đều là bất khả đắc. Bồ tát, ở nơi vô sở đắc, thấy các pháp đều là như mộng, như huyễn, như hóa; chẳng thấy có pháp nào có định hướng cả.

Tâm Bồ tát kiên cố như kim cang, nên dù vào trong ác đạo, mà vẫn cam chịu các khổ, miễn sao độ thoát chúng sanh ra khỏi các ác đạo, để rồi dạy họ tu tập các thiện pháp, dẫn dắt họ vào Niết Bàn an lạc. Bồ tát cứu độ các chúng sanh như vậy, rồi vì chúng sanh mà tu tập các công đức, dù trải qua vô lượng kiếp cũng chẳng hề thối tâm, mãi cho đến khi thành tựu quả Vô thượng bồ đề.

Bồ tát nguyện thay chúng sanh chịu khổ, nên dù phải trải qua vô lượng kiếp trong các nẻo đường sanh tử, mà tâm Bồ tát chẳng hề thối thất; gánh vác cả 3.000 thế giới, mà tâm vẫn chẳng lay động.

Tâm Bồ tát kiên cố bất động như vậy, nên gọi là Kim cang tâm.

Bồ tát ở trong chúng sanh mà vẫn giữ tâm bình đẳng,

chẳng sanh dục nhiễm. Vì sao? Vì nếu móng tâm thương ghét, phân biệt, thiên vị, thì liền bị giặc ái phá hoại tâm bình đẳng. Tâm bình đẳng là gốc của Phật đạo vậy.

Lại nữa, Bồ tát thường hành từ bi tâm, nên chẳng có sanh sân tâm. Lại thường quán hết thấy các pháp đều do duyên hòa hợp sanh, mà tự tánh vốn là không, nên chẳng sanh si tâm; lại thường ái niệm chúng sanh, nên chẳng sanh nảo tâm; lại thường chẳng xả chúng sanh, thường tôn quý Phật đạo, nên chẳng sanh Nhị thừa tâm.

**Hỏi:** *Nói tâm kiên cố như kim cương là đủ rồi. Như vậy còn nói tâm bất động làm gì nữa?*

**Đáp:** Tâm kiên cố cũng có thể nhiều ít, tăng giảm. Cây lớn còn có thể bị gió lay động; nếu tâm Bồ tát chưa thật sự kiên cố, thì vẫn có thể bị các nội ngoại duyên làm chao động. Vì sao? Vì hễ còn có tà kiến, còn có nghi kiến..., thì tâm vẫn còn bị chao động. Bởi vậy nên phải có thật trí tuệ, mới có thể được tâm kiên cố, bất động được vậy.

Lại nữa, Bồ tát, vì lợi ích chúng sanh, thường chẳng xả chúng sanh nên thường được tâm an lạc. Trú trong tâm ấy, mà Bồ tát chẳng chấp tâm ấy. Vì sao? Vì đối với Bồ tát, thì lạc pháp là hơn hết. Thế nhưng chẳng phải vì vậy, mà phá hoại các pháp tướng, nên Bồ tát chẳng thấy có pháp để chấp, chẳng thấy có pháp để thọ. Bồ tát biết rõ hết thấy các pháp đều là bất khả đắc, biết rõ vô sở đắc là tướng Niết Bàn. Bồ tát thường tin thọ 3 giải thoát môn, nên thường được lạc pháp.

Lại nữa, Bồ tát an trú trong 18 không, chẳng tùy ý hành, nên chẳng khởi sanh nghiệp tội; an trú trong 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, diệt các phiền não, tu tập các thiện pháp, nên thường ở trong đại chúng làm bậc thượng thủ.

Bồ tát vào Kim cang tam muội được bình đẳng tâm, được an lạc hạnh, khiến tăng trưởng thiện căn, được đầy đủ trí huệ.

Do có đầy đủ các lực phương tiện như vậy, nên Bồ tát quyết định ở trong Thánh chúng thường làm bậc thượng thủ.

Bởi các nhân duyên vậy, nên gọi là Bồ tát Ma ha tát.

-o0o-

## Phẩm Thứ Mười Bốn



### Đoạn Chư Kiến (Đoạn Trừ Các Kiến)

**KINH:**

Lúc bấy giờ ngài huệ mạng Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con cũng muốn được nói về chỗ sở hành của Bồ tát Ma ha tát.

Phật dạy: Này Xá Lợi Phát! Ông hãy cứ nói đi.

Ngài Xá Lợi Phát thưa: Bạch Thế Tôn! Theo chỗ con nghĩ, thì Bồ tát phải đoạn sắc kiến, ..., dẫn đến đến thức kiến, ngã kiến, mạng kiến, sanh kiến, dưỡng dục kiến, nhân kiến, tác kiến, sử tác kiến, khởi kiến, sử khởi kiến, thọ kiến, sử thọ kiến, tri giả kiến, kiến giải kiến, đoạn kiến, thường kiến, hữu kiến, vô kiến, ám kiến, nhập kiến, giới kiến, đế kiến, nhân duyên kiến, niệm xứ kiến, ..., dẫn đến bất cộng pháp kiến, Phật đạo kiến, thành tựu chúng sanh kiến, tịnh Phật độ kiến, Phật kiến, chuyển pháp luân kiến.

Bồ tát phải đoạn sạch hết thấy các kiến, mới có thể vì người thuyết pháp, mới có thể được gọi là Bồ tát Ma ha tát.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi ngài Xá Lợi Phát: Vì nhân duyên gì mà ngài nói sắc kiến là vọng kiến; thọ, tướng, hành, thức kiến, ..., dẫn đến chuyển pháp luân kiến đều là vọng kiến?

Ngài Xá Lợi Phát đáp: Nếu Bồ tát chẳng có các lực phương tiện, thì ở nơi sắc sẽ sanh kiến chấp; ở nơi thọ,

tưởng, hành, thức, ..., dẫn đến ở nơi chuyển pháp luân cũng sẽ sanh kiến chấp. Vì sao? Vì dụng pháp hữu sở đắc vậy.

Trái lại, nếu Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật mà có đầy đủ các lực phương tiện, thì sẽ đoạn được các lưới chấp. Vì sao? Vì đó là dụng pháp vô sở đắc vậy. Do Bồ tát ở nơi vô sở đắc, mà thuyết pháp, nên được vô ngại thuyết.

### LUẬN:

Trong kinh có chép mẩu chuyện sau đây:

Phật dẫn 500 đệ tử đến hồ A Nậu Đạt thuyết về các bản nguyện nhân duyên, khiến tự thân Phật được viễn ly lạc.

Lúc bấy giờ, ngài Xá Lợi Phất vắng mặt ở chúng hội. Phật bảo ngài Mục Kiền Liên đi mời ngài Xá Lợi Phất về.

Ngài Mục Kiền Liên dùng thần thông đến tịnh xá Kỳ Hoàn để gặp Ngài Xá Lợi Phất. Ngài Xá Lợi Phất đang may y, nói với ngài Mục Kiền Liên chờ ngài may y xong, rồi sẽ đi. Ngài Mục Kiền Liên hỏi thúc phải đi gấp, nhưng thấy y may chưa xong, nên bèn lấy tay xoa lên chiếc y, khiến chiếc y liền được hoàn thành.

Ngài Xá Lợi Phất thấy ngài Mục Kiền Liên dùng thần thông, bèn thả một sợi chỉ xuống đất, rồi nhờ ngài Mục Kiền Liên lấy lên dùm. Ngài Mục Kiền Liên dùng cả hai tay kéo sợi chỉ, mà sợi chỉ vẫn cứ ở tại chỗ. Tức thì ngài Mục Kiền Liên liền nhập vào định, đập tay xuống đất, khiến mặt đất liền rung động, nhưng sợi chỉ vẫn ở yên vị trí cũ.

Lúc bấy giờ ở nơi hồ A Nậu Đạt, ngài Kiều-trần-như hỏi Phật: “Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà mặt đất rung động?”.

Phật dạy: “Ông Mục Kiền Liên dùng cả hai tay để kéo sợi chỉ của ông Xá Lợi Phất, mà chẳng sao kéo lên được. Ông

bèn nhập định, đập tay xuống đất, khiến mặt đất rung động, mà vẫn chẳng sao kéo sợi chỉ lên được”. Rồi Phật dạy: “Này các Tỷ-kheo! Ông Xá Lợi Phất nhập định mà ông Mục Kiền Liên còn chẳng biết được đó là định gì. Cũng vậy, khi Phật nhập định, ông Xá Lợi Phất cũng chẳng biết được Phật vào định gì. Trí huệ của Phật thâm diệu, đến như ông Xá Lợi Phất cũng chẳng sao lường được”.

-o0o-

Bởi nhân duyên vậy, nên Ngài Xá Lợi Phất chẳng muốn phô bày trí huệ cao rộng của mình, mà chỉ muốn theo Phật chuyên pháp luân. Ngài muốn nói lên chỗ hành của chư Bồ tát Ma ha tát, để Phật vịn vào đó giảng rộng thêm về nghĩa Ma ha tát.

-o0o-

Chư đại Bồ tát, từ vô lượng kiếp, đã phát Bồ đề tâm, lại có đại bi tâm, đã tận trừ phiền não, đã diệt sạch các tập khí, đã đoạn hết ái kiết rồi. Cho nên khi các ngài vừa nghe ngài Xá Lợi Phất nhắc đến sắc kiến, ngã kiến, thọ kiến, mạng kiến, ..., dẫn đến Phật kiến, chuyên pháp luân kiến, là các ngài liền đoạn ngay được các kiến chấp câu sanh, đã có từ đời vô thi đến nay.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ “tu 5 âm, ..., dẫn đến tu các Phật pháp cũng đều là Bồ tát hạnh cả”, nên mới hỏi ngài Xá Lợi Phất rằng: “Vì sao Bồ tát phải đoạn các kiến?”.

Ngài Xá Lợi Phất đáp: “Nếu Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-



mật mà chẳng có các lực phương tiện, thì khi quán sắc liền thủ sắc tướng, khởi sanh sắc kiến. Như vậy là vọng kiến.

Trái lại, nếu Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật mà có các lực phương tiện, thì khi quán sắc chẳng thủ sắc tướng, chẳng khởi sanh sắc kiến. Như vậy là chân kiến.

Đối với các tà kiến chấp khác cũng đều là như vậy cả.

-o0o-

**KINH:**

**Lúc bấy giờ ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con cũng muốn nói thêm về nghĩa Ma ha tát...**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ông hãy cứ nói đi.**

**Ngài Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Vô thượng bồ đề tâm, vô đẳng đẳng tâm chẳng đồng với Thanh Văn tâm và Bích Chi Phật tâm. Vì sao? Vì chư đại Bồ tát dụng tâm ấy, chẳng chấp hết thấy trí tâm vô lậu, nên chẳng bị hết thấy trí tâm vô lậu trói buộc. Bởi vậy nên được gọi là Bồ tát Ma ha tát.**

**Ngài Xá Lợi Phất hỏi ngài Tu Bồ Đề: Vì sao vô đẳng tâm của chư đại Bồ tát chẳng đồng với Thanh Văn tâm và Bích Chi Phật tâm?**

**Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bồ tát Ma ha tát từ khi sơ phát tâm chẳng thấy các pháp có sanh, có diệt, có cấu, có tịnh. Do vì chẳng thấy các pháp có sanh, có diệt, có cấu, có tịnh, nên chẳng thấy trong đó có Thanh Văn tâm, có Bích Chi Phật tâm, có Vô thượng bồ đề tâm, có Phật tâm. Bởi vậy nên vô đẳng đẳng tâm của Bồ tát chẳng đồng với Thanh Văn tâm và Bích Chi Phật tâm.**

Ngài Xá Lợi Phất nói: Đúng như lời ngài nói. Bồ tát Ma ha tát chẳng chấp hết thấy trí tâm vô lậu; chẳng chấp sắc, chẳng chấp thọ, tưởng, hành, thức; chẳng chấp 4 niệm xứ, ..., dẫn đến chẳng chấp 18 bất cộng pháp. Vì sao? Vì Bồ tát nói đến tâm, mà chẳng chấp tâm.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Đúng vậy, đúng vậy. Bồ tát chẳng chấp sắc, ..., dẫn đến chẳng chấp 18 bất cộng pháp.

Ngài Xá Lợi Phất nói: Tâm phạm phu cũng vô lậu, chẳng có trói buộc, vì là tánh không. Thanh Văn tâm, Bích Chi Phật tâm, dẫn đến Phật tâm cũng vô lậu, chẳng có trói buộc, vì là tánh không.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Đúng vậy, đúng vậy.

Ngài Xá Lợi Phất nói: Sắc cũng vô lậu, chẳng có trói buộc, vì là tánh không. Thọ, tưởng, hành, thức, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ cũng vô lậu, chẳng có trói buộc, vì là tánh không, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp cũng vô lậu, chẳng có trói buộc, vì là tánh không.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Đúng như lời ngài nói, sắc, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp đều vô lậu, chẳng có trói buộc, vì đều là tánh không.

Ngài Xá Lợi Phất nói: Vì sắc là không, nên chẳng nên chấp trước. Vì thọ, tưởng, hành, thức, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ là không, nên chẳng chấp trước. Vì 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp là không, nên chẳng nên chấp trước.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Đúng vậy, đúng vậy. Bồ tát Ma ha tát dụng Vô thượng bồ đề tâm, vô đẳng đẳng tâm hành Bát nhã Ba-la-mật, nên chẳng đồng với Thanh Văn tâm và Bích Chi Phật tâm. Bồ tát Ma ha tát dụng

tâm như vậy, mà cũng chẳng có chấp tâm, vì dụng pháp vô sở hữu vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên gọi là Bồ tát Ma ha tát.

**LUẬN:**

Ngài Tu Bồ Đề dụng vô đẳng đẳng tâm, mà chẳng chấp tâm ấy, nên biết rõ các pháp đều chẳng có định tướng, chẳng có sanh diệt, chẳng có cấu tịnh. Vì sao? Vì tâm đã là rốt ráo không, thì chẳng còn sanh các tướng tâm, nên là rốt ráo thanh tịnh. Do vậy mà Bồ tát Ma ha tát chẳng còn thấy có Thanh Văn tâm, Bích Chi Phật tâm, dẫn đến chẳng còn thấy có Bồ tát tâm, Phật tâm. Bồ tát Ma ha tát dụng vô đẳng đẳng tâm như vậy, nên chẳng đồng với Thanh Văn và Bích Chi Phật.

-o0o-

Thế nhưng, chẳng phải vì được hết thảy trí tâm vô lậu, mà Bồ tát sanh cao tâm. Vì sao? Vì biết rõ rằng Thanh Văn, Bích Chi Phật cũng như phàm phu, khi đã ly được các chấp, thì cũng đều được tâm vô lậu.

Vì sao? Vì đều là tánh không cả. Đã là tánh không, thì đều là rốt ráo thanh tịnh cả. Ví như mây mù có thể che ánh sáng mặt trời, mặt trăng, mà chẳng có thể làm ô nhiễm mặt trời, mặt trăng được vậy.

Lại nữa, thật tướng của phiền não cũng là tánh không, cùng với tướng tâm chẳng có gì sai khác cả. Có khác chăng, là ở chỗ phàm phu, do vọng chấp, mà thấy có sanh, có diệt, có cấu, có tịnh...; trái lại chư Thánh hiền, do tu vô tướng trí huệ, nên chẳng khởi tâm phân biệt nữa.

Chỉ vì thương xót chúng sanh, mà chư Bồ tát, chư Thánh

hiền hành các pháp, nhưng vẫn thường giữ tâm vô sở trước. Cho nên, phải biết rằng chẳng phải chỉ có tâm các bậc Thánh là vô lậu, chẳng trói buộc, mà tâm phàm phu, khi chẳng còn bị các nghiệp dẫn nữa, thì cũng là vô lậu, chẳng có trói buộc. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp cũng đều là như vậy cả.

-o0o-

Ngài Xá Lợi Phất nói rằng: Tâm chẳng có tướng (vô tướng), là không.

Bởi vậy nên Bồ tát chẳng chấp 5 ấm, dẫn đến chẳng chấp hết thấy các pháp, vì biết rõ hết thấy đều là tự tướng không.

Ngài Tu Bồ Đề tán thán ngài Xá Lợi Phất, và nói rằng Bồ tát quán hết thấy các pháp đều là không, là bất khả đắc, là rốt ráo thanh tịnh.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói “Vô thượng bồ đề tâm, vô đẳng đẳng tâm của Bồ tát chẳng đồng với Thanh Văn tâm và Bích Chi Phật tâm. Lại nữa, khi dụng tâm ấy, mà chẳng niệm, chẳng chấp, mới mau đến được Vô thượng bồ đề.

-o0o-

## Phẩm Thứ Mười Lăm



Phú Lô Na

**KINH:**

Lúc bấy giờ, ngài Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con cũng muốn nói thêm về nghĩa Ma ha tát.

Phật dạy: Này Phú Lô Na! Ông hãy cứ nói đi.

Ngài Phú Lô Na thưa: Bồ tát Ma ha tát là Bồ tát:

- Phát đại thế trang nghiêm.
- Phát thú Đại thừa.
- Thừa Đại thừa.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Thế nào gọi là phát đại thế trang nghiêm?

Ngài Phú Lô Na đáp: Thưa ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma ha tát trú Đàn Ba-la-mật, mà chẳng phân biệt có hành Đàn Ba-la-mật; chỉ vì hết thấy chúng sanh mà trú Đàn Ba-la-mật ... dẫn đến trú Bát nhã Ba la mật, mà chẳng phân biệt có hành Bát nhã Ba la mật; chỉ vì chúng sanh mà trú Bát nhã Ba la mật.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát hành 6 pháp Ba la mật, phát đại thế trang nghiêm.

Lại nữa, thưa ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma ha tát phát đại thế trang nghiêm chẳng có hạn cuộc trong một số giới

hạn chúng sanh. Bồ tát Ma ha tát tự nguyện ở khắp các cõi, trong khắp các loài, để độ thoát hết thấy chúng sanh; nghĩ rằng “Khi ta hành 6 pháp Ba la mật, đúng theo tâm Tát bà nhã, ta phải nguyện cùng với hết thấy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô thượng bồ đề”.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát hành 6 pháp Ba la mật, phát đại thệ trang nghiêm.

\* Thế nào là hành Đàn Ba-la-mật đại thệ trang nghiêm, đúng theo Tát bà nhã tâm?

- Khi hành bố thí, Bồ tát được bao nhiêu công đức cũng đều cùng với hết thấy chúng sanh, đồng hồi hướng về Vô thượng bồ đề cả. Đây là đại thệ trang nghiêm Đàn Ba-la-mật, khi hành Đàn Ba-la-mật.

- Khi hành bố thí, Bồ tát thường trì giới thanh tịnh, chẳng hướng đến quả Thanh Văn và quả Bích chi Phật. Đây là đại thệ trang nghiêm Thi la ba la mật, khi hành Đàn Ba-la-mật.

- Khi hành bố thí, Bồ tát thường tín nhẫn nơi pháp bố thí. Đây là đại thệ trang nghiêm Săn đề ba la mật, khi hành Đàn Ba-la-mật.

- Khi hành bố thí, Bồ tát thường siêng năng, tinh tấn, chẳng hề ngưng nghỉ. Đây là đại thệ trang nghiêm Tỳ lê gia ba la mật, khi hành Đàn Ba-la-mật.

- Khi hành bố thí, Bồ tát thường nhiếp tâm, chẳng để móng tâm Thanh Văn và Bích chi Phật. Đây là đại thệ trang nghiêm Thiên na ba la mật, khi hành Đàn Ba-la-mật.

- Khi hành bố thí, Bồ tát thường quán các pháp như huyễn, chẳng thấy có người thí, chẳng thấy có vật thí,

cũng chẳng thấy có người thọ thí. Đây là đại thế trang nghiêm Bát nhã Ba la mật, khi hành Đàn Ba-la-mật.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Như vậy là Bồ tát, y theo Tát bà nhã tâm, được đầy đủ cả 6 Ba la mật, khi hành Đàn Ba-la-mật, mà chẳng có chấp, chẳng có đắc các tướng Ba la mật, nên gọi là hành Đàn Ba-la-mật đại thế trang nghiêm.

\* Thế nào hành Thi Ba la mật đại thế trang nghiêm, đúng theo Tát bà nhã tâm?

- Khi trì giới, Bồ tát dụng tâm bố thí, đem công đức trì giới để cùng với hết thảy chúng sanh, đồng thời hướng về Vô thượng bồ đề. Đây là đại thế trang nghiêm Đàn Ba-la-mật, khi hành Thi la ba la mật.

- Khi trì giới, Bồ tát thường tín nhẫn nơi pháp trì giới. Đây là đại thế trang nghiêm Săn đề ba la mật, khi hành Thi ba la mật.

- Khi trì giới, Bồ tát thường siêng năng, tinh tấn, chẳng hề ngưng nghỉ. Đây là đại thế trang nghiêm Tỳ lê gia ba la mật, khi hành Thi la ba la mật.

- Khi trì giới, Bồ tát thường nhiếp tâm, chẳng để mộng tâm Thanh Văn và Bích chi Phật. Đây là đại thế nguyện trang nghiêm Thiên na ba la mật, khi hành Thi la ba la mật.

- Khi trì giới, Bồ tát thường quán các pháp như huyễn, chẳng chấp có hành trì giới, chẳng niệm có 6 pháp Ba la mật, vì dụng pháp vô sở đắc vậy. Đây là đại thế trang nghiêm Bát nhã Ba-la-mật, khi hành Thi la ba la mật.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Như vậy là Bồ tát y theo Tát bà nhã tâm hành Thi la ba la mật mà nhiếp cả 5 Ba la mật kia, nên gọi là hành Thi la ba la mật đại thế trang nghiêm.

\* Thế nào là hành Săn đề ba la mật đại thế trang nghiêm, đúng theo Tát bà nhã tâm?

Khi hành nhẫn nhục, Bồ tát dụng tâm bố thí, đem công đức nhẫn nhục để cùng với hết thảy chúng sanh, đồng hồi hướng về Vô thượng bồ đề. Đây là đại thế trang nghiêm Đàn Ba-la-mật khi hành Săn đề ba la mật.

- Khi hành nhẫn nhục, Bồ tát thường trì giới thanh tịnh, chẳng hướng đến quả Thanh Văn và quả Bích Chi Phật. Đây là đại thế trang nghiêm Thi la Ba-la-mật, khi hành Săn đề Ba-la-mật.

- Khi hành nhẫn nhục, Bồ tát siêng năng tinh tấn, chẳng hề ngưng nghỉ. Đây là đại thế trang nghiêm Tỳ lê gia Ba-la-mật, khi hành Săn đề ba la mật.

- Khi hành nhẫn nhục, Bồ tát thường nhiếp tâm cho nên dù phải chịu đau khổ cũng giữ tâm bất động, chẳng có bị tán loạn. Đây là đại thế trang nghiêm Thiên na Ba-la-mật, khi hành Săn đề Ba-la-mật.

- Khi hành nhẫn nhục, Bồ tát thường quán các pháp là không, chẳng có tác giả, chẳng có thọ giả, cho nên dù có bị người đến mắng nhiếc, đánh đập, đâm chém, cũng vẫn xem các pháp đó đều như mộng, như huyễn. Đây là đại thế trang nghiêm Bát nhã Ba la mật, khi hành Săn đề ba la mật.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Như vậy là Bồ tát y theo Tát bà nhã tâm hành Săn đề ba la mật, mà nhiếp cả 5 Ba-la-mật kia, nên gọi là hành Săn đề ba la mật đại thế trang nghiêm.

\* Thế nào là hành Tỳ lê gia ba la mật đại thế trang nghiêm, đúng theo Tát bà nhã tâm?



- Khi hành tinh tấn, Bồ tát vẫn thường hành bố thí, chẳng để thân tâm giải đãi. Đây là đại thế trang nghiêm Đàn Ba-la-mật, khi hành Tỳ lê gia ba la mật.

- Khi hành tinh tấn, Bồ tát thường trì giới thanh tịnh đầy đủ, chẳng hề thối tâm Đại thừa. Đây là đại thế trang nghiêm Thi la ba la mật, khi hành Tỳ lê gia ba la mật.

- Khi hành tinh tấn, Bồ tát hành nhẫn nhục đầy đủ, thân tâm cam chịu mọi khổ đau. Đây là đại thế trang nghiêm Săn đề ba la mật, khi hành Tỳ lê gia ba la mật.

- Khi hành tinh tấn, Bồ tát vẫn nhiếp tâm bất động vào các thiền định. Đây là đại thế trang nghiêm Thiền na ba la mật, khi hành Tỳ lê gia ba la mật.

- Khi hành tinh tấn, Bồ tát chẳng chấp các pháp, chẳng chấp các pháp tướng, cũng chẳng chấp danh tướng. Đây là đại thế trang nghiêm Bát nhã Ba-la-mật, khi hành Tỳ lê gia ba la mật.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Như vậy là Bồ tát y theo Tát bà nhã tâm, hành Tỳ lê gia ba la mật, mà nhiếp cả 5 Ba-la-mật kia, nên gọi là hành Tỳ lê gia ba la mật đại thế trang nghiêm.

\* Thế nào là hành Thiền na ba la mật đại thế trang nghiêm, đúng theo Tát bà nhã tâm?

- Khi hành thiền, Bồ tát vẫn định tâm hành bố thí, chẳng để thân tâm tán loạn. Đây là đại thế trang nghiêm Đàn Ba-la-mật khi hành Thiền na ba la mật.

- Khi hành thiền, Bồ tát vẫn thường trì giới thanh tịnh, lại dùng sức thiền định ngăn chặn các pháp phá giới, khiến các pháp ấy chẳng xen vào được. Đây là đại thế trang nghiêm Thi Ba-la-mật, khi hành Thiền na Ba-la-mật.

- Khi hành thiên, Bồ tát dùng sức từ bi tam muội, nhẫn thọ mọi sự khổ đau. Đây là đại thế trang nghiêm Sẵn đề Ba-la-mật, khi hành Thiên na Ba-la-mật.

- Khi hành thiên, Bồ tát chẳng chấp đắm các thiên vị, cần cầu thăng tiến lần lượt vào các thiên vị. Đây là đại thế trang nghiêm Tỳ lê gia Ba-la-mật, khi hành Thiên na Ba-la-mật.

- Khi hành thiên, Bồ tát chẳng y nơi các pháp, chẳng tùy theo thiên mà sanh các thiên cảnh, Đây là đại thế trang nghiêm Bát nhã Ba-la-mật, khi hành Thiên na Ba-la-mật.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Như vậy là Bồ tát y theo Tát bà nhã tâm hành Thiên na Ba-la-mật, mà nhiếp cả 5 Ba-la-mật kia, nên gọi là hành Thiên na Ba-la-mật đại thế trang nghiêm.

\* Thế nào là hành Bát nhã Ba-la-mật đại thế trang nghiêm đúng theo Tát bà nhã tâm?

- Bồ tát dùng trí huệ Bát nhã khi bố thí, sẵn sàng xả bỏ nội ngoại vật sở hữu của mình, chẳng hề luyến tiếc, cũng chẳng thấy có người thí, chẳng thấy có vật thí, chẳng thấy có người thọ thí. Đây là đại thế trang nghiêm Đàn Ba-la-mật, khi hành Bát nhã Ba-la-mật.

- Bồ tát dùng trí huệ Bát nhã khi trì giới, dùng trí quán chiếu nên chẳng thấy có phân biệt giữa trì giới và phá giới. Đây là đại thế trang nghiêm Thi la Ba-la-mật, khi hành Bát nhã Ba-la-mật.

- Bồ tát dùng trí huệ Bát nhã, quán chiếu các pháp đều là không, nên chẳng thấy có người đến mắng nhiếc, đánh đập, sát hại mình, cũng chẳng thấy có các pháp

nhấn nhục. Đây là đại thế trang nghiêm Sấn đề Ba-la-mật, khi hành Bát nhã Ba-la-mật.

- Bồ tát dùng trí huệ Bát nhã quán chiếu các pháp đều là không nên được tự tại khởi đại bi tâm, tinh cần hành các thiện pháp. Đây là đại thế trang nghiêm Tỳ lê gia Ba-la-mật, khi hành Bát nhã Ba-la-mật.

- Bồ tát dùng trí huệ Bát nhã mà nhập vào các thiền định, quán các thiền định đều là ly tướng, là vô tướng tướng, và vô tác tướng. Đây là đại thế trang nghiêm Thiên na Ba-la-mật, khi hành Bát nhã Ba-la-mật.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Như vậy là Bồ tát y theo Tát bà nhã tâm, hành Bát nhã Ba-la-mật, mà nhiếp cả 5 Ba-la-mật kia, nên gọi là hành Bát nhã Ba-la-mật đại thế trang nghiêm.

Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma ha tát đại thế trang nghiêm như vậy được chư Phật khắp 10 phương hoan hỷ xưng danh và tán thán giữa đại chúng rằng “Ở cõi nước đó có vị Bồ tát phát đại thế trang nghiêm, thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ”.

#### **LUẬN:**

Ngài Phú Lô Na là vị đệ nhất pháp sư trong hàng đại đệ tử của Phật. Sau khi nghe hai ngài Tu Bồ Đề và Xá Lợi Phất nói về nghĩa Ma ha tát, và đều được Phật ca ngợi, ngài bèn bạch Phật xin được nói tiếp về nghĩa Ma ha tát. Phật liền chấp thuận.

**Hỏi:** *Ngài Tu Bồ Đề là vị chủ thuyết về Bát nhã Ba-la-mật trong chúng hội, nên ngài Xá Lợi Phất mới phải hỏi. Nay vì sao ngài Xá Lợi Phất còn phải hỏi ngài Phú Lô Na nữa?*

**Đáp:** Nên biết rằng ngài Xá Lợi Phất và ngài Phú Lô

Na trước kia đều là Bà-la-môn. Cả hai ngài đều được đặt tên theo tên của mẹ. Ngài Xá Lợi Phất được gọi là Xá Lợi tử, còn ngài Phú Lô Na được gọi là Di Đa La Ni tử.

Cả hai vị đều là đại đệ tử của Phật. Ngài Xá Lợi Phất là bậc trí huệ đệ nhất, còn ngài Phú Lô Na là bậc thuyết pháp đệ nhất. Cả hai vị đều có biện tài vô ngại, làm cho người nghe pháp say mê tín thọ.

Bởi vậy chúng hội tôn kính hai ngài bình đẳng như nhau.

Lại nữa, trong kinh “*Thí Dụ 7 xe*” có cho biết là ngài Phú Lô Na rất thân thiết và rất muốn luận nghị với ngài Xá Lợi Phất.

Riêng đôi với ngài Tu Bồ Đề thì ngài Phú Lô Na có rất ít dịp để luận nghị. Nay nhân dịp ngài Tu Bồ Đề thuyết về Bát nhã Ba-la-mật, ngài Phú Lô Na muốn tham gia luận nghị nên ngài mới xin Phật cho phép ngài bàn luận thêm về nghĩa Ma ha tát.

**Hỏi:** *Đại trang nghiêm có nghĩa như là người đi đường xa phải gánh nặng lương thực theo mình chăng?*

**Đáp:** Vị chủ tướng muốn chống phá quân giặc, phải chuẩn bị đầy đủ binh lính và khí giới, cũng như vậy, Bồ tát Ma ha tát muốn đánh phá ma quân, dẹp giặc phiền não, phải hành 6 pháp Ba-la-mật, để tự trang nghiêm.

Bồ tát trong vô lượng kiếp đã tu tập các công đức trí huệ để làm hành trang vào Phật đạo, nên mới cỡi cỗ xe Đại thừa, hành 6 Ba-la-mật.

**Hỏi:** *Vì sao Thanh Văn và Bích Chi Phật cũng hành đạo, mà lại chẳng được gọi là đại thế trang nghiêm?*

**Đáp:** Nhị thừa tâm có hạn lượng, vì còn có chúng, có đắc, lại nặng về phần tự độ, nhẹ về phần tha độ.

Đối với Bồ tát thì tự độ và tha độ đều bình đẳng như nhau, chẳng có gì phân biệt cả. Bồ tát Ma ha tát tự trang nghiêm bằng cách dùng cỗ xe Đại thừa đưa hết thầy chúng sanh vào Phật đạo, bình đẳng như nhau. Bồ tát Ma ha tát tự trang nghiêm là để trang nghiêm Phật độ, nên thường hành 6 pháp Ba-la-mật, và cũng dìu dắt chúng sanh cùng hành 6 pháp Ba-la-mật.

**Hỏi:** *Vì sao Bồ tát Ma ha tát phát đại thế trang nghiêm?*

**Đáp:** Vì muốn độ hết thầy chúng sanh, muốn cùng với hết thầy chúng sanh đồng đến Vô thượng bồ đề, nên Bồ tát Ma ha tát tu 6 pháp Ba-la-mật.

Như ngài Phú Lô Na nói: Bồ tát vì hết thầy trí huệ mà tu tập các công đức, để cùng với hết thầy chúng sanh đồng hồi hướng Vô thượng bồ đề. Bồ tát chẳng mong cầu phước báo nhân thiên, mà chỉ phát đại nguyện cùng với hết thầy chúng sanh, đồng đến Niết Bàn an lạc, đồng thành Phật đạo. Như vậy là đại thế trang nghiêm.

Lại nữa, Bồ tát Ma ha tát chẳng tham đắm thân thông, mà chỉ nhất tâm hành Phật đạo, cho nên dù bị người đến mắng nhiếc, đánh đập, hay đến đe dọa giết chết, Bồ tát vẫn nhẫn thọ, vẫn an nhiên tự tại hành bố thí, nhẫn nhục, cùng các pháp Ba-la-mật khác. Vì sao? Vì Bồ tát biết rõ các pháp đều là rớt ráo không, nên trước mọi sự đe dọa, áp bức... cũng vẫn giữ tâm bất động, chẳng hề nao núng. Vì Bồ tát biết rõ các pháp đều do duyên hòa hợp sanh, mà tự tánh vốn là không, biết rõ các pháp đều như huyễn, như hóa, nên thường nhất tâm, niệm Phật, niệm pháp, niệm tăng, thường nhập vào các

thiền định. Lại vì Bồ tát cầu Nhất thiết chủng trí, nên tu tập đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, mà chẳng chấp Ba-la-mật tướng. Như vậy ở nơi một Ba-la-mật, mà nhiếp cả 5 Ba-la-mật kia, nên được gọi là đại trang nghiêm.

-o0o-

Trong các kinh có nói nhiều về bố thí Ba-la-mật, nhưng vì nghĩa lý của Ba-la-mật này quá thậm thâm, xưa nay ít có ai thấu triệt được, nên nay khai luận để giải rõ hơn về nghĩa lý của bố thí Ba-la-mật, cũng như về nghĩa lý của 5 Ba-la-mật kia.

**Hỏi:** *Vì sao nói Đàn Ba-la-mật nhiếp luôn cả 5 Ba-la-mật kia?*

**Đáp:** Nói 1 Ba-la-mật nhiếp luôn cả 5 Ba-la-mật kia cũng chẳng có lỗi gì. Vì sao? Vì chẳng phải ở trong một đời mà Bồ tát có thể hành đầy đủ cả 6 Ba-la-mật, mà phải trải qua vô lượng kiếp, tu tập vô lượng công đức hòa hợp, mới được đầy đủ cả 6 pháp Ba-la-mật.

Khi hành 1 Ba-la-mật, thì cả 5 Ba-la-mật kia cũng đồng sanh.

Lại nữa, chư Phật trong khắp 10 phương, khi thuyết pháp thường lấy bố thí làm cửa ban đầu dẫn vào Phật đạo.

Trong kinh thường dạy rằng, bố thí và trì giới được phước đức sanh lên cõi trời.

**Hỏi:** *Vì sao nói bố thí là cửa ban đầu dẫn vào Phật đạo?*

**Đáp:** Vì đem pháp môn bố thí dạy cho chúng sanh, thì từ lớn đến nhỏ, từ sang đến hèn v.v... ai cũng đều có thể tu được cả.

Ví như nói:

- Bồ thí cho người ghét mình sẽ làm cho sự oán hận của họ tiêu tan, biến ác thành thiện, biến thù thành bạn.

- Do hành bồ thí Ba-la-mật mà chư Phật có được đầy đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, được đầy đủ các công đức.

- Do hành bồ thí Ba-la-mật mà ngài Bồ tát Bảo Thủ luôn luôn có 7 báu đầy đủ để cấp thí cho chúng sanh.

- v.v....

Nghe nói như vậy chúng sanh hoan hỷ tín thọ, tinh tấn tu bồ thí và tu 5 độ khác, dẫn đến vào được đạo Niết Bàn.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói: bồ thí là cửa ban đầu dẫn vào Phật đạo.

**Hỏi:** *Vì sao ngài Phú Lô Na nói “1 pháp Ba-la-mật nhiếp cả 5 Ba-la-mật kia là đại trang nghiêm”?*

**Đáp:** Nếu hành riêng rẽ từng Ba-la-mật, thì thế lực rất yếu. Nếu tập hội đủ 6 pháp Ba-la-mật, thì thế lực sẽ tăng lên gấp bội. Ví như khi chưa tập họp đầy đủ quân sĩ, khí giới, lương thực thì khả năng chiến đấu còn hạn chế. Ngược lại nếu tập họp đầy đủ quân sĩ, khí giới lương thực, cùng các phương tiện hành quân khác, thì sự chống phá giặc ắt sẽ có hiệu quả hơn rất nhiều.

Bồ tát cũng như vậy, do hành đầy đủ cả 6 pháp Ba-la-mật, nên có lực phương tiện hùng mạnh phá hết ma quân, dẹp sạch phiền não để thẳng tiến đến Vô thượng bồ đề. Cho nên hành 1 pháp Ba-la-mật, mà nhiếp được cả 5 pháp Ba-la-mật kia mới là đại trang nghiêm vậy.

Bồ tát phát đại thế trang nghiêm như vậy, được chư Phật khắp 10 phương hoan hỷ xưng danh, tán thán rằng: Ở cõi đó, có vị Bồ tát Ma ha tát phát đại thế trang nghiêm, thành tựu chúng sanh và tịnh Phật quốc độ.

**KINH:**

**Ngài Xá Lợi Phát hỏi:** Thế nào gọi là phát thú Đại thừa?

**Ngài Phú Lô Na đáp:** Thừa ngài Xá Lợi Phát! Khi hành 6 pháp Ba-la-mật, Bồ tát Ma ha tát ly các dục, ly các bất thiện pháp, có giác, có quán, ly sanh hỷ lạc vào Sơ thiên, ..., dẫn đến xả niệm thanh tịnh vào đệ Tứ thiên. Bồ tát lại đem đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, vô lượng, vô biên, vô oán, vô não... trải rộng khắp các thế giới, từ một phương đến 10 phương.

Lúc vào thiên, Bồ tát Ma ha tát khởi 4 vô lượng tâm, đem các thiện công đức cùng với hết thấy chúng sanh đồng hồi hướng về Nhất thiết chủng trí.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát phát thú Đại thừa.

Lại nữa, thừa ngài Xá Lợi Phát!

- Có Bồ tát đúng theo Tát bà nhã tâm, an trú trong 4 thiên, khởi 4 vô lượng tâm và nghĩ rằng: Khi ta được Nhất thiết chủng trí, ta sẽ đoạn sạch phiền não cho hết thấy chúng sanh, và ta sẽ vì họ thuyết pháp. Đây là Bồ tát Ma ha tát hành Thiên Ba-la-mật, mà có nhiếp Đàn Ba-la-mật.

- Có Bồ tát đúng theo Tát bà nhã tâm, an trú trong 4 thiên, chẳng thọ Thanh Văn và Bích Chi Phật tâm. Đây là Bồ tát Ma ha tát hành Thiên Ba-la-mật, mà có nhiếp Thi la Ba-la-mật.

- Có Bồ tát đúng theo Tát bà nhã tâm, an trú trong 4 thiên, nghĩ rằng: Vì phải đoạn sạch phiền não nơi hết thấy chúng sanh, nên khi thuyết pháp ta phải nhẫn thọ mọi sự ưa thích của họ. Đây là Bồ tát Ma ha tát hành Thiên Ba-la-mật, mà có nhiếp Săn đề Ba-la-mật.



- Có Bồ tát đúng theo Tát bà nhã tâm, an trú trong 4 thiền, thường tinh tấn tu tập, chẳng hề ngưng nghỉ, lại đem các công đức cùng với hết thấy chúng sanh đồng hồi hướng về Nhất thiết chủng trí. Đây là Bồ tát Ma ha tát hành Thiền Ba-la-mật, mà có nhiếp Tỳ lê gia Ba-la-mật.

- Có Bồ tát đúng theo Tát bà nhã tâm, an trú trong 4 thiền, quán các pháp đều là vô thường tướng, là khổ tướng, là vô ngã tướng, là không tướng, là vô tướng tướng, là vô tác tướng, rồi cùng với hết thấy chúng sanh đồng hồi hướng về Nhất thiết chủng trí. Đây là Bồ tát Ma ha tát hành Thiền Ba-la-mật, mà có nhiếp Bát nhã Ba-la-mật.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát phát thú Đại thừa.

Lại nữa, thưa ngài Xá Lợi Phất!

- Có Bồ tát hành từ tâm, nguyện an lạc hết thấy chúng sanh, hành bi tâm, nguyện cứu tế hết thấy chúng sanh, hành hỷ tâm, nguyện độ thoát hết thấy chúng sanh, hành xả tâm, nguyện làm cho hết thấy chúng sanh được lậu tận. Đây là Bồ tát Ma ha tát dùng 4 vô lượng tâm hành Đàn Ba-la-mật.

- Có Bồ tát tu 4 vô lượng tâm, hành trì tịnh giới, chẳng hướng về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa, mà chỉ hướng về Nhất thiết chủng trí. Đây là Bồ tát Ma ha tát dùng 4 vô lượng tâm hành Thi la Ba-la-mật.

- Có Bồ tát tu 4 vô lượng tâm, chẳng tham đắm các quả Thanh Văn và Bích Chi Phật, mà chỉ nhẫn thọ các khổ của chúng sanh, nhất tâm hướng về Nhất thiết chủng trí. Đây là Bồ tát Ma ha tát dùng 4 vô lượng tâm, hành Săn đề Ba-la-mật.

- Có Bồ tát tu 4 vô lượng tâm, tinh tấn hành các tịnh

hạnh. Đây là Bồ tát Ma ha tát dùng 4 vô lượng tâm, hành Tỳ lê gia Ba-la-mật.

- Có Bồ tát tu 4 vô lượng tâm, vào các thiên định mà chẳng hề đắm trước thiên vị. Đây là Bồ tát Ma ha tát dùng 4 vô lượng tâm, hành Thiên na Ba-la-mật, với lực phương tiện của Bát nhã Ba-la-mật.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát phát thú Đại thừa.

Lại nữa, thưa ngài Xá Lợi Phất!

- Có Bồ tát đúng theo Tát bà nhã tâm mà tu 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 8 Thánh đạo, tu 3 giải thoát môn, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, lại quán các pháp đó đều là bất khả đắc.

- Có Bồ tát dùng trí huệ quán nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không đều là bất khả đắc.

- Có Bồ tát dùng trí huệ quán các pháp chẳng loạn, chẳng định, vì đều là bất khả đắc.

- Có Bồ tát dùng trí huệ quán các pháp chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải lạc, chẳng phải khổ, chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã, vì đều là bất khả đắc.

- Có Bồ tát dùng trí huệ quán 3 thời quá khứ, hiện tại và vị lai đều chẳng phải có, mà cũng chẳng phải chẳng có, vì đều là bất khả đắc.

- Có Bồ tát dùng trí huệ quán ba cõi Dục, Sắc và vô Sắc đều chẳng phải có, mà cũng chẳng phải chẳng có, vì đều là bất khả đắc.

- Có Bồ tát dùng trí huệ quán hết thấy các pháp thế gian, xuất thế gian, hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi... đều

**chẳng phải có, mà cũng chẳng phải chẳng có, vì đều là bất khả đắc.**

**Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát dụng pháp vô sở đắc để phát thú Đại thừa.**

**LUẬN:**

**Hỏi:** Trong 6 pháp Ba-la-mật, nếu thuyết theo chiều nghịch thì phải thuyết Bát nhã Ba-la-mật trước, nếu thuyết theo chiều thuận thì phải thuyết Đàn Ba-la-mật trước. Nay vì sao vừa mở đầu đã thuyết về Thiền Ba-la-mật?

**Đáp:** Người đã phát đại thế trang nghiêm, trước hết phải vào thiền định. Vì sao? Vì nếu Bồ tát chưa có lực thiền định thì chưa có thể ly dục tâm. Do còn dục tâm nên chưa có thể hành các Ba-la-mật khác được, ngoài ra còn rất dễ bị thối tâm. Ngược lại, nếu Bồ tát vào Thiền Ba-la-mật mà hành từ tâm, thì từ tâm sẽ được kiên cố, bất động.

Bồ tát hành từ tâm, nhập vào từ tâm tam muội thì dao chẳng có thể chém được, lửa chẳng có thể thiêu được v.v... Ngoài ra còn có được nhiều thần thông biến hóa. Bởi vậy nên muốn phát đại thế nguyện trang nghiêm, thì trước hết Bồ tát phải vào thâm thiền định..

Phật dạy rằng: Chim phải có đầy đủ đôi cánh mới có thể bay xa được.

Cũng như vậy, người tu hành trước hết phải tu Thiền Ba-la-mật, rồi sau đó mới có thể tinh tấn, đồng mãnh tu các Ba-la-mật khác được.

**Hỏi:** Trong 4 thiền đã có nhiều công đức dẫn tu 6 pháp Ba-la-mật rồi. Nay vì sao còn nói phải tu 4 vô lượng tâm nữa?

**Đáp:** Bồ tát Ma ha tát khi hành Bồ tát đạo, dùng 4 vô

lượng tâm để duyên các tướng tâm của chúng sanh, nhằm cứu độ họ.

Lại nữa, trong 4 vô lượng tâm có từ bi tâm. Bồ tát thường dùng từ bi tâm để ban vui cho chúng sanh, và cứu họ thoát khổ.

**Hỏi:** *Bồ tát trú trong 5 thân thông cũng làm lợi ích cho chúng sanh. Như vậy vì sao chẳng nói đến?*

**Đáp:** Đại bi là căn bản của Bồ tát hạnh. Bởi vậy nên nói dùng 4 vô lượng tâm mà hành 6 pháp Ba-la-mật mới là phát thú Đại thừa. Vì sao? Vì từ, bi, hỷ, xả dẫn sanh 6 pháp Ba-la-mật.

-o0o-

Trên đây, các nhân duyên phát thú Đại thừa đã được nêu đầy đủ.

**Hỏi:** *Vì sao phải tu 4 niệm xứ, ..., dẫn đến phải tu 18 bất cộng pháp để được Nhất thiết chủng trí?*

**Đáp:** Hành pháp có 2 nghĩa. Đó là:

- Tín hành.

- Pháp tánh hành.

\* Tín hành là quán về tánh vô thường, khổ, không, vô ngã.

\* Pháp tánh hành là quán về các hành vô thường, khổ, không, vô ngã, hoặc chỉ quán vô thường, chỉ quán khổ, chỉ quán không, chỉ quán vô ngã, mà thấu rõ được thật tướng các pháp.

Bồ tát Ma ha tát vì muốn độ hết thảy chúng sanh, nên phải tu học hết thảy các pháp môn.

Lại nữa, Bồ tát Ma ha tát phát Đại thừa tâm, dùng 18 không để phá 18 chương pháp, rồi lại chuyển 18 không thành đại trí huệ.

- Dùng trí huệ quán các pháp là thường định, mà chẳng có định tướng. Như vậy là dùng trí huệ quán các pháp chẳng phải định mà cũng chẳng phải loạn.

- Dùng trí huệ quán các pháp chẳng phải thường, cũng chẳng phải vô thường, nên chẳng rơi về hai chấp thường và đoạn.

- Dùng trí huệ quán các pháp chẳng phải thường, chẳng phải lạc, chẳng phải ngã, chẳng phải tịnh, nên chẳng rơi về 4 chấp điên đảo “thường, lạc, ngã, tịnh”.

- Dùng trí huệ quán 3 thời quá khứ, hiện tại và vị lai, quán 3 cõi Dục, Sắc và vô Sắc, đều chẳng phải có, cũng chẳng phải chẳng có. Vì biết rõ 3 thời, 3 cõi đều là bất khả đắc, nên chẳng rơi vào vô minh, mà được đại trí huệ.

- Dùng trí huệ quán thể gian trí và xuất thể gian trí là chẳng phải trí, cũng chẳng phải chẳng phải trí (phi trí). Vì biết rõ trí và phi trí đều là không, là bất khả đắc cả, nên được rốt ráo thanh tịnh, chẳng trú nơi bất cứ một định tướng nào cả.

-o0o-

Lại nữa, Bồ tát Ma ha tát chẳng hành “không”, nhằm phá chấp về đoạn diệt, cũng chẳng hành pháp ái nhằm ly y chi.

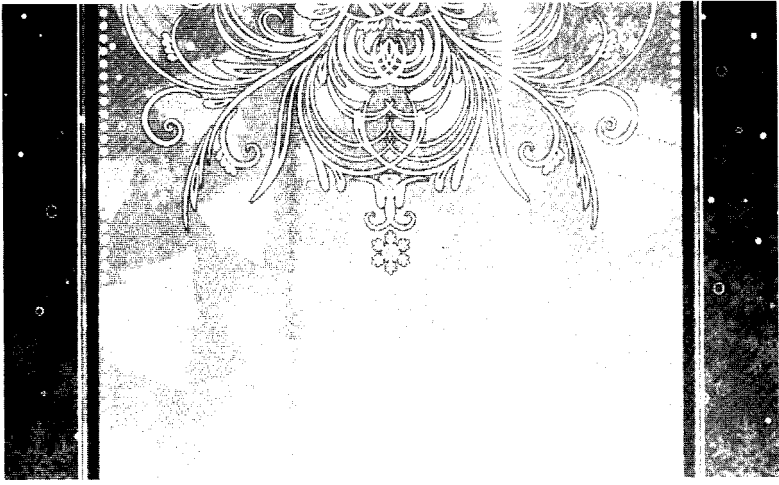
Bởi vậy nên nói Bồ tát Ma ha tát chẳng phải hành trí, mà cũng chẳng phải chẳng hành trí (phi hành trí).

**Hỏi:** Thế nào gọi là phi trí?

**Đáp:** Xả ly các pháp, mà cũng chẳng y chỉ nơi trí huệ, chẳng khởi tâm phân biệt.

Như vậy là được “quyết định trí”, tức là được “phi trí” vậy.

(Hết quyển 45)



**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 46**







## Phẩm Thứ Mười Sáu



### Thừa Đại thừa (Ngôi Xe Đại Thừa)

**KINH:**

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Thế nào gọi là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa?

Ngài Phú Nâu La đáp: Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát Ma ha tát dụng pháp vô sở đắc, trú trong Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến trú trong Bát nhã Ba-la-mật nên chẳng thấy có Bồ tát, chẳng thấy có Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến chẳng thấy có Bát nhã Ba-la-mật.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa.

Lại nữa, thưa ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma ha tát nhất tâm, đúng theo Tát bà nhã tâm, tu 4 niệm xứ, ..., dẫn đến tu 18 bất cộng pháp mà chẳng chấp trước, vì biết rõ các pháp ấy chỉ là danh tự, là bất khả đắc cả.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa.

Lại nữa thưa ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma ha tát nghĩ rằng Bồ tát chỉ là danh tự, vì chúng sanh là bất khả đắc.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa.

Lại nữa, thưa Ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma ha tát nghĩ rằng sắc, ..., dẫn đến thức, sắc, ..., dẫn đến pháp, nhãn, ..., dẫn đến ý, nhãn thức, ..., dẫn đến ý thức, nhãn

xúc, ..., dẫn đến ý xúc, nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ cũng đều chỉ là danh tự, vì đều là bất khả đắc. Rồi lại nghĩ rằng 4 niệm xứ, 8 thánh đạo, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không đều chỉ là danh tự, vì đều là bất khả đắc. Rồi lại nghĩ rằng pháp như, pháp tướng, pháp tánh, pháp vị, thật tế đều chỉ là danh tự, vì đều là bất khả đắc. Rồi lại nghĩ rằng Vô thượng bồ đề và Phật đều chỉ là danh tự, vì đều là bất khả đắc.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa.

Lại nữa, thưa ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma ha tát, đầy đủ thần thông, thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ, đi từ quốc độ này đến quốc độ khác để cúng dường, tôn kính, tán thán chư Phật và để nghe chư Phật dạy pháp Đại thừa.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa.

Lại nữa, thưa ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma ha tát đầy đủ thần thông, thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ mà chẳng sanh tướng về chúng sanh, tướng về quốc độ. Bồ tát Ma ha tát an trú trong “pháp môn bất nhị”, vì chúng sanh mà thị hiện thọ thân để giáo hóa chúng sanh, tùy theo chỗ chúng sanh đáng được độ mà thị hiện thân hình thích nghi để thuyết pháp, như vậy mãi cho đến khi được Nhất thiết chủng trí mà vẫn chẳng hề ly pháp Đại thừa.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa.

Lại nữa, thưa ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma ha tát được Nhất thiết chủng trí, chuyển pháp luân mà tất cả các người ở thế gian, chư Thanh Văn và Bích Chi Phật, dẫn đến chư Thiên long bát bộ đều chẳng có thể chuyển

**được.** Lúc bấy giờ chư Phật khắp 10 phương đều hoan hỷ xưng danh hiệu vị Bồ tát ấy và tán thán rằng “Ở cõi nước đó có vị Bồ tát Ma ha tát được Nhất thiết chủng trí, chuyển pháp luân”.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa.

**LUẬN:**

Ngài Phú Lô Na nêu lên 3 vấn đề:

- 1- Phát đại thế trang nghiêm.
- 2- Phát thú Đại thừa.
- 3- Thừa Đại thừa.

Các vấn đề 1 và 2 đã được giảng luận rồi, nay nói đến vấn đề 3 là thừa Đại thừa.

Bồ tát sẵn sàng bố thí nội ngoại vật sở hữu của mình mà chẳng phá ngã tướng, gọi là Bồ tát đại thế trang nghiêm. Vì sao? Vì chẳng chấp ngã tướng, mà chẳng phá ngã tướng mới vào được chúng sanh không và pháp không, mới gọi là đại thế trang nghiêm.

-o0o-

Bồ tát từ nơi chúng sanh không mà vào được pháp không, nên khi hành bố thí, chẳng thấy có người thí, chẳng thấy có vật thí và cũng chẳng thấy có người thọ thí. Hành các Ba-la-mật khác cũng đều như vậy cả. Đây là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa.

Lại nữa, Bồ tát dùng tâm chẳng có tạp niệm, ly các phiền não. Chẳng hướng về Nhị thừa địa, chỉ hướng về Nhất thiết chủng trí mà tu 4 niệm xứ, ..., dẫn đến tu 18 bất cộng pháp,

biết rõ hết thấy các pháp ấy đều là rốt ráo thanh tịnh, đều là bất khả đắc. Đây là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa.

Lại nữa, Bồ tát biết rõ hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian đều chỉ là danh tự, đều là bất khả đắc. Đây là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa.

Lại nữa, Bồ tát phát đại thệ trang nghiêm thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ, đi từ quốc độ này đến quốc độ khác, đem hoa sen 7 báu để cúng dường, tôn kính chư Phật, và để nghe chư Phật thuyết pháp Đại thừa. Bồ tát thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ như vậy mà chẳng sanh tưởng về chúng sanh, chẳng sanh tưởng về quốc độ, lại an trú trong “pháp môn bất nhị”, vì chúng sanh mà thọ thân, tùy tâm chúng sanh mà phương tiện thuyết pháp nhằm hoá độ họ. Đây là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa.

-o0o-

Bồ tát thừa Đại thừa nguyện thành Phật, chuyển pháp luân nên được chư Phật khắp 10 phương xưng danh và tán thán.

-o0o-

Đại thừa là rốt ráo thanh tịnh, nên Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa dùng các thần thông để tự trang nghiêm. Trú trong thừa ấy, Bồ tát Ma ha tát một thời biến hoá vô biên thân, đi khắp 10 phương, cúng dường chư Phật, như vậy mãi cho đến khi được Nhất thiết chủng trí vẫn chẳng hề ly Đại thừa, chẳng hề ly chư Phật.

-o0o-

## Phẩm Thứ Mười Bảy



### Trang Nghiêm

**KINH:**

Lúc bấy giờ ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát Ma ha tát đại trang nghiêm?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đại trang nghiêm là hết thầy đều trang nghiêm. Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật trang nghiêm, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 8 thánh đạo trang nghiêm, nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không trang nghiêm, 10 lực, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp trang nghiêm, Nhất thiết chủng trí cũng trang nghiêm.

Có Bồ tát Ma ha tát biến thân trang nghiêm như thân Phật, phóng quang minh chiếu khắp 3.000 đại thiên thế giới; cũng chiếu khắp hằng sa thế giới trong khắp 10 phương.

Có Bồ tát Ma ha tát an trú trong Đàn Ba-la-mật trang nghiêm, biến 3.000 đại thiên thế giới thành lưu ly, lại hoá thân làm vị chuyển luân thánh vương, tùy chúng sanh cần gì đều cung cấp đầy đủ như đói thì cho ăn khát thì cho uống, rét thì cho áo quần, bệnh thì cho thuốc men v.v... rồi sau đó vì chúng sanh, thuyết pháp, khiến họ tu được 6 pháp Ba-la-mật, dẫn đến được Vô thượng bồ đề.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa Đại trang nghiêm.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Ví như ông huyễn sư, ở giữa

ngã tư đường biến hóa ra đại chúng, rồi cung cấp đầy đủ các thức ăn uống, các thứ thuốc men v.v... ý ông nghĩ sao? Thật sự có đại chúng để ông huyền sư cho ăn uống, cấp thuốc men... chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Chẳng thật có vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Cũng như vậy, Bồ tát tự hóa thân làm vị chuyển luân thánh vương, lại biến hóa ra đầy đủ các vật dụng cung cấp cho chúng sanh. Tuy có hành bố thí mà thật chẳng có bố thí gì cả. Vì sao? Vì các pháp tướng đều là như huyền, như hóa.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát, an trú trong Thi la Ba-la-mật trang nghiêm, hoá thân làm vị chuyển luân thánh vương, đem 10 thiện đạo, 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp để giáo hoá chúng sanh, dẫn họ đến Vô thượng bồ đề. Ví như ông huyền sư, ở ngã tư đường biến hoá ra đại chúng, rồi đem 10 thiện đạo, ..., dẫn đến đem 18 bất cộng pháp để giáo hoá họ. Ý ông nghĩ sao? Thật sự có chúng sanh để ông huyền sư giáo hoá chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Chẳng thật có vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Cũng như vậy, Bồ tát đem 10 thiện đạo, dẫn đến đem 18 bất cộng pháp để giáo hoá chúng sanh. Tuy có giáo hoá chúng sanh, nhưng thật chẳng có chúng sanh nào được giáo hoá cả. Vì sao? Vì các pháp tướng đều là như huyền, như hoá.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa đại trang nghiêm.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát, từ sơ phát tâm đến nay, an trú trong Sáu đề Ba-la-mật trang

nghiêm nên dù bị người đến mắng nhiếc, đánh đập, đâm chém v.v... cũng vẫn giữ tâm bất động, chẳng hề sanh sân hận... Bồ tát hành nhẫn nhục, và dạy cho chúng sanh hành nhẫn nhục như vậy, nhưng thật chẳng có chúng sanh nào học và hành nhẫn nhục cả. Vì sao? Vì các pháp tướng đều là như huyễn, như hóa.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa đại trang nghiêm.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát, an trú trong Tỳ lô gia Ba-la-mật trang nghiêm hành tinh tấn và dạy cho chúng sanh hành tinh tấn. Bồ tát đúng theo Tát bà nhã tâm, hành tinh tấn và dạy cho chúng sanh hành tinh tấn như vậy, nhưng thật chẳng có chúng sanh nào học và hành tinh tấn cả. Vì sao? Vì các pháp tướng đều là như huyễn, như hóa.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa đại trang nghiêm.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát an trú trong Thiên Ba-la-mật trang nghiêm, hành các thiên định và dạy cho chúng sanh hành các thiên định. Bồ tát an trú nơi bình đẳng pháp, nên chẳng thấy các pháp loạn hay định. Bồ tát hành các thiên định và dạy cho chúng sanh hành các thiên định như vậy, nhưng thật chẳng có chúng sanh nào học và hành các thiên định cả. Vì sao? Vì các pháp tướng đều là như huyễn, như hóa.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa đại trang nghiêm.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật trang nghiêm, hành trí huệ Bát

nhã và dạy cho chúng sanh hành trí huệ Bát nhã. Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thấy có hai bờ mê giác, hành trí huệ Bát nhã và dạy cho chúng sanh hành trí huệ Bát nhã như vậy, nhưng thật chẳng có chúng sanh nào học và hành trí huệ Bát nhã cả. Vì sao? Vì các pháp tướng đều là như huyễn, như hóa.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa đại trang nghiêm.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát tự hoá thân khắp 10 phương thế giới, an trú trong 6 pháp Ba-la-mật và tùy theo tâm niệm của chúng sanh mà dạy cho họ hành 6 pháp Ba-la-mật, dẫn dắt họ đến Vô thượng bồ đề, trọn chẳng rời 6 pháp Ba-la-mật. Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật, và dạy chúng sanh hành 6 pháp Ba-la-mật như vậy, nhưng thật chẳng có chúng sanh nào học và hành 6 Ba-la-mật. Vì sao? Vì các pháp tướng đều là như huyễn, như hóa.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa đại trang nghiêm.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát, đúng theo Tát bà nhã tâm, chẳng nghĩ rằng ta đã giáo hoá chúng sanh, đã dạy cho chúng sanh tu 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp; ta đã dạy cho chúng sanh tu 6 pháp Ba-la-mật; ta đã độ vô lượng chúng sanh, khiến họ được 4 quả Thanh Văn, ..., dẫn đến được Vô thượng bồ đề. Vì sao? Vì các pháp tướng đều là như huyễn, như hoá, chẳng có 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, chẳng có 6 pháp Ba-la-mật; chẳng có 4 quả Thanh Văn, ..., dẫn đến chẳng có Vô thượng bồ đề.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa đại trang nghiêm.



**LUẬN:**

Trước đây ngài Phú Lô Na đã nói về trang nghiêm và đại thế trang nghiêm rồi.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề nghĩ rằng ngài Phú Lô Na chưa được Nhất thiết chủng trí, ắt còn có chỗ thiếu sót. Bởi vậy nên ngài mới hỏi Phật, để được Phật giải rõ thêm.

Phật dạy: Bồ tát hành Đản Ba-la-mật, ..., dẫn đến hành Bát nhã Ba-la-mật, hành 4 niệm xứ, ..., dẫn đến hành 18 bất cộng pháp, được Nhất thiết chủng trí, được các quả báo thần thông, tự hoá làm thân Phật phóng đại quang minh chiếu khắp 10 phương thế giới, khiến chúng sanh phát tâm hành các thiện pháp. Bồ tát lại tùy tâm chúng sanh nói pháp, khiến họ vào được 3 thừa đạo, được các quả báo thần thông. Bồ tát lại tự hoá làm thân vị chuyên luân pháp vương, biến 3.000 đại thiên thế giới thành lưu ly, làm mưa bảo vật, để tùy theo nhu cầu của chúng sanh mà bố thí cho họ được đầy đủ, rồi vì họ nói pháp v.v...

Như vậy là Bồ tát Ma ha tát trú trong pháp Đại thừa, dùng pháp thí và tài thí làm lợi ích cho chúng sanh, lại dạy cho các chúng sanh hành các thiện pháp, tu 6 pháp Ba-la-mật, diu dắt chúng sanh đến Vô thượng bồ đề. Bồ tát Ma ha tát, an trú trong pháp Đại thừa, dùng thần thông biến hoá để hiển bày các pháp, mà chẳng sanh chấp trước, cũng chẳng sanh tự cao, tự mãn. Đây là Bồ tát Ma ha tát đại trang nghiêm.

Để chứng tỏ rằng Bồ tát Ma ha tát dù chưa được lậu tận, cũng đã chẳng còn chấp pháp, chẳng sanh cao tâm, Phật ví Bồ tát với ông huyền sư biến hóa ra các vật và người để làm việc bố thí.

Sau đó, Phật hỏi ngài Tu Bồ Đề: Thật sự có đại chúng để ông huyền sư cho ăn uống, cung cấp áo quần, thuốc men chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Chẳng thật có vậy.

Phật dạy: Bồ tát cũng là như vậy. Tuy Bồ tát có thần thông, tự hóa làm thân Phật, làm Chuyển luân thánh vương... lại hóa hiện ra các vật dụng để bố thí cho chúng sanh, nhưng thật chẳng có chúng sanh nào được độ cả. Vì sao? Vì các pháp tướng đều như huyền, như hóa, đều là rốt ráo không, đều là vô sở hữu cả.

Dẫn đến 5 Ba-la-mật kia cũng đều là như vậy cả.

**Hỏi:** *Ngoài 6 Ba-la-mật ra, còn có pháp nào nữa để trang nghiêm chẳng?*

**Đáp:** Hết thầy các công đức đều nhiếp vào trong 6 pháp Ba-la-mật.

Lại nữa, tùy theo tâm chúng sanh, mà Bồ tát thi thiết ra các nhân duyên để thuyết pháp, khiến chúng sanh được an trú trong 6 pháp Ba-la-mật.

Lại nữa, ngay khi Bồ tát phát đại thệ nguyện là đã quyết tâm đại trang nghiêm rồi. Vì đã quyết tâm, nên Bồ tát chẳng dấy niệm rằng ta đã giáo hóa chúng sanh, đã dạy chúng sanh tu 4 niệm xứ, ..., dẫn đến tu 18 bất cộng pháp, đã độ chúng sanh được 4 quả Thanh Văn, ..., dẫn đến được Vô thượng bồ đề.

Bồ tát tự xem mình như ông huyền sư, làm ra các huyền sư nên chẳng chấp trước cũng chẳng sanh cao tâm.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát phát đại thệ trang nghiêm.

**KINH:**

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Theo nghĩa mà con được nghe Phật nói, thì trang nghiêm mà chẳng trang nghiêm tức là đại trang nghiêm. Vì sao? Vì các pháp đều là tự tướng không.

Sắc, ..., dẫn đến thức là tự tướng không; sắc, ..., dẫn đến pháp là tự tướng không; nhãn, ..., dẫn đến ý là tự tướng không; nhãn thức, ..., dẫn đến ý thức là tự tướng không; nhãn xúc, ..., dẫn đến ý xúc là tự tướng không; nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ là tự tướng không; Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật là tự tướng không; nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không là tự tướng không; 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp là tự tướng không.

Bạch Thế Tôn! Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bồ tát chẳng trang nghiêm tức là đại trang nghiêm.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Vì Nhất thiết chủng trí chẳng phải là tác pháp, chẳng do ai làm ra, vì chúng sanh chẳng phải là tác pháp, chẳng do ai làm ra, nên Bồ tát vì chúng sanh mà đại trang nghiêm.

Vì sao? Vì tác giả là bất khả đắc, nên Nhất thiết chủng trí chẳng phải là tác pháp, chúng sanh cũng chẳng phải là tác pháp.

Này Tu Bồ Đề! Sắc, ..., dẫn đến thức là phi tác (chẳng phải do ai làm ra), phi bất tác (chẳng phải chẳng làm ra); sắc, ..., dẫn đến pháp là phi tác, phi bất tác; nhãn, ..., dẫn đến ý là phi tác, phi bất tác; nhãn thức, ..., dẫn đến ý thức là phi tác, phi bất tác; nhãn xúc, ..., dẫn đến ý xúc là phi tác, phi bất tác; nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn

đến ý xúc nhân duyên sanh thọ là phi tác, phi bất tác, vì đều là rốt ráo bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Ngã cũng phi tác, phi bất tác, ..., dẫn đến tri giả, kiến giả cũng phi tác, phi bất tác, vì đều là rốt ráo bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Mộng, huyễn, hóa... cũng phi tác, phi bất tác, vì đều là rốt ráo bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không cũng là phi tác, phi bất tác, vì đều là rốt ráo bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp cũng là phi tác, phi bất tác, vì đều là rốt ráo bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Pháp như, pháp tướng, pháp tánh, pháp vị, thật tế cũng là phi tác, phi bất tác, vì đều là rốt ráo bất khả đắc.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Nhất thiết chủng trí chẳng phải là tác pháp, chúng sanh chẳng phải là tác pháp; lại nói Bồ tát vì chúng sanh mà đại thế trang nghiêm.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Theo chỗ con quan sát, nương theo nghĩa Phật dạy, thì sắc là vô phược (chẳng có trói buộc) vô thoát (chẳng cởi mở); thọ, tưởng, hành, thức, cũng vô phược, vô thoát.

Lúc bấy giờ, ngài Phú Lô Na hỏi: Thưa ngài Tu Bồ Đề! Vì sao nói sắc là vô phược, vô thoát? Vì sao nói thọ, tưởng, hành, thức cũng vô phược, vô thoát?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Phú Lô Na, sắc thọ, tưởng, hành, thức đều là như mộng, như ảnh, như hương, như huyễn, như diệm, như hóa, nên là vô phược, vô thoát.

Thưa ngài Phú Lô Na! Sắc hiện tại, sắc quá khứ, sắc vị lai, ... dẫn đến thức hiện tại, thức quá khứ, thức vị lai đều là như mộng, như ảnh, như huyễn, như duyên, như diệm, như hóa, nên là vô phược, vô thoát.

Vì sao? Vì sắc, ..., dẫn đến thức đều là vô sở hữu, đều là ly, là tịch diệt, là bất sanh, nên là vô phược, vô thoát.

Thưa ngài Phú Lô Na! Sắc thiện, sắc bất thiện, sắc vô ký, ..., dẫn đến thức thiện, thức bất thiện, thức vô ký cũng đều là vô phược, vô thoát.

Sắc thế gian, sắc xuất thế gian, sắc hữu lậu, sắc vô lậu, ..., dẫn đến thức thế gian, thức xuất thế gian, thức hữu lậu, thức vô lậu cũng đều là vô phược, vô thoát.

Vì sao? Vì đều là vô sở hữu, đều là ly, là tịch diệt, là bất sanh, nên đều là vô phược, vô thoát.

Thưa ngài Phú Lô Na! Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật cũng là vô phược, vô thoát.

Vì sao? Vì đều là vô sở hữu, đều là ly, là tịch, diệt, là bất sanh, nên đều là vô phược, vô thoát.

Thưa ngài Phú Lô Na! Nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, Vô thượng bồ đề, Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí, Bồ tát, Phật cũng đều là vô phược, vô thoát. Vì sao? Vì đều là vô sở hữu, đều là ly, là tịch diệt, là bất sanh nên đều là vô phược, vô thoát.

Thưa ngài Phú Lô Na! Pháp như, pháp tướng, pháp tánh, pháp vị, thật tế cũng đều là vô phược, vô thoát.

Vì sao? Vì đều là vô sở hữu, đều là ly, là tịch diệt, là bất sanh nên đều là vô phược, vô thoát.

**Thưa ngài Phú Lô Na! Bồ tát trú trong Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến trú trong Bát nhã Ba-la-mật, trú trong 4 niệm xứ, ..., dẫn đến trú trong 18 bất cộng pháp, được Nhất thiết chủng trí, thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ, cúng dường chư Phật, nghe chánh pháp... cũng đều là vô phược, vô thoát.**

**Bồ tát trọn chẳng ly các đức Phật, trọn chẳng ly các thần thông, trọn chẳng ly các đà la ni, và các tam muội, sanh đạo chủng trí được Nhất thiết chủng trí, chuyên pháp luân, an lạc chúng sanh trong 3 thừa đạo... cũng đều là vô phược, vô thoát.**

**Thưa ngài Phú Lô Na! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát Ma ha tát, ở nơi hết thấy các pháp đều vô phược, vô thoát, vì biết rõ các pháp đều là vô sở hữu, đều là ly, là tịch diệt, là bất sanh.**

**Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa đại trang nghiêm.**

### **LUẬN:**

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Theo nghĩa mà con được nghe Phật nói thì chẳng trang nghiêm mới là đại trang nghiêm. Vì sao? Vì các pháp đều là tự tướng không.

**Hỏi:** *Vì sao ngài Tu Bồ Đề lại hỏi Phật như vậy?*

**Đáp:** Theo nghĩa Phật dạy, thì “phát đại trang nghiêm” hàm súc ý nghĩa quá thậm thâm, khó biết khó giải, nên chúng sanh ở trong chúng hội khởi tâm nghi, khi nghe nói trang nghiêm là rốt ráo không. Họ dấy niệm nghi rằng việc dùng thần thông đi khắp 10 phương thế giới là việc làm của chư Phật và chư Bồ tát, họ chẳng làm sao có thể biết được.

Do biết rõ tâm niệm của chúng sanh trong chúng hội như vậy, nên ngài Tu Bồ Đề mới chỉ cho họ biết rằng nghĩa “đại trang nghiêm” chẳng phải quá thậm thâm, chẳng phải quá khó biết, khó giải. Ngài nói rằng vì “đại trang nghiêm” là tự tướng không, nên dễ hành, dễ được vậy.

Vì sao? Vì sắc, ..., dẫn đến thức chẳng có định tướng, nên là bất khả đắc, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp chẳng có định tướng, nên là bất khả đắc, Vô thượng bồ đề, Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí, Bồ tát, Phật cũng chẳng có định tướng, nên đều là bất khả đắc cả.

Nếu có Bồ tát biết rõ các pháp đều là tự tướng không, đều là tịch diệt tướng mà chẳng sợ hãi, chẳng bỏ mất bản nguyện của mình, vẫn thường tinh tấn hành đạo, thì phải biết đó là vị Bồ tát Ma ha tát phát đại thế trang nghiêm.

Vậy nên, phát đại thế trang nghiêm chẳng phải là việc khó làm, khó được.

-o0o-

Phật ẩn chứng lời nói của ngài Tu Bồ Đề, và dạy rằng: Đúng như vậy, đúng như vậy! Vì Nhất thiết chủng trí chẳng phải là tác pháp (phi tác pháp), chúng sanh cũng chẳng phải là tác pháp, nên Bồ tát vì chúng sanh phát đại thế trang nghiêm. Vì sao? Vì tác giả là bất khả đắc, nên Nhất thiết chủng trí cũng như chúng sanh đều chẳng phải là tác pháp. Hết thấy các pháp đều chẳng do ai làm ra (phi tác), và đều chẳng phải chẳng làm ra (phi bất tác), đều là như huyễn, như hóa, đều là bất khả đắc cả.

-o0o-

Trong chúng hội, có người nghe Phật dạy rằng các pháp

đều là như huyễn, như hóa, lại dấy niệm nghĩ rằng: 18 không nhằm phá các pháp tướng là có thật dụng. Như vậy vì sao lại nói các pháp đều chẳng được làm ra, là phi tác?

Phật dạy: Nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp v.v... đều là vô sở tác cả. Vậy nên biết rằng 18 không cũng là hư dối, chẳng thật có, là vô sở tác vậy.

-o0o-

Dẫn đến pháp như, pháp tướng, pháp tánh, pháp vị, thật tế đều là chân thật pháp, nhưng bản thể vốn là vô tác.

Tùy theo nghiệp nhân duyên mà trở thành hữu tác, thành ra có pháp hữu vi; mỗi mỗi đều do cộng nhân mà có vậy. Còn pháp vô vi là do đối đãi với pháp hữu vi mà có.

Bởi nhân duyên vậy, nên Phật nói pháp như, pháp tướng, pháp tánh, pháp vị lai thật tế cũng đều là vô sở tác, đều là rốt ráo bất khả đắc. Dẫn đến Nhất thiết chủng trí, Bồ tát, Phật cũng đều là như vậy.

-o0o-

Lại nữa, các pháp đều là vô phục, vô thoát, mà chúng sanh chấp các pháp tướng nên ở nơi khổ xứ khó giải thoát, mới nghĩ rằng: Phật pháp rất khó làm, rất khó được.

Ngài Tu Bồ Đề thấu rõ tâm niệm của chúng sanh nên bạch Phật: Theo nghĩa mà con được nghe Phật nói, thì 5 ấm là vô phục, vô thoát, là rốt ráo không, là bất khả đắc. Như vậy là chẳng có tác giả, nên chẳng có trói buộc (vô phục) chẳng có cởi mở (vô thoát).



Phật dạy: Phàm phu chấp các pháp mà chẳng biết các pháp đều là hư dối, là bất khả đắc, là vô phược, vô thoát. Còn các bậc Thánh, thấy rõ các pháp đều là rốt ráo không, đều là vô phược, vô thoát. Bồ tát thấy rõ 5 âm cùng các pháp thiện, bất thiện, vô ký trong cả 3 đời đều là như mộng, như huyễn, đều là vô sở hữu, là bất khả đắc. Dẫn đến như pháp tánh, thật tế cũng là như vậy.

Bồ tát biết rõ các pháp đều là tự tánh ly, tự tánh tịch diệt, tự tánh bất sanh, đều là vô sở hữu, là bất khả đắc nên được vô phược, vô thoát.

Bồ tát trú nơi Trung Đạo, dẫn dắt chúng sanh thoát ly phiền não, nên nói là vô phược, lại chẳng dùng vô lậu để phá các pháp tướng nên nói là vô thoát.

Bồ tát giáo hóa chúng sanh, tịnh Phật quốc độ, dẫn đến được đầy đủ các thần thông, đầy đủ 5 nhãn, các đà la ni và các tam muội mà vẫn chẳng rời Phật, an lạc chúng sanh trong 3 thừa đạo, mà vẫn vô phược, vô thoát. Vì sao? Vì Bồ tát biết rõ hết thấy các pháp đều là vô sở hữu, là ly, là tịch diệt, là bất sanh, là rốt ráo không vậy.

Bồ tát Ma ha tát phát đại thế trang nghiêm, với đầy đủ các nhân duyên như vậy, nên được vô phược, vô thoát.

## Phẩm Thứ Mười Tám



Tác Vấn Thừa  
(Hỏi về Đại Thừa)

**KINH:**

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn? Làm thế nào để biết được Bồ tát phát thú Đại thừa? Phát từ đâu, đi đến đâu, và an trú ở chỗ nào?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật là Bồ tát hành Ma ha diễn.

\* Thế nào gọi là Bồ tát hành Đàn Ba-la-mật?

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát dụng pháp vô sở đắc, đúng theo Tát bà nhã tâm, bố thí nội ngoại vật sở hữu của mình, rồi cùng với hết thảy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô thượng bồ đề.

\* Thế nào gọi là Bồ tát hành Thi la Ba-la-mật?

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát dụng pháp vô sở đắc, đúng theo Tát bà nhã tâm, tự mình hành 10 thiện đạo, và cũng dạy người khác hành 10 thiện đạo.

\* Thế nào gọi là Bồ tát hành Săn đề Ba-la-mật?

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát dụng pháp vô sở đắc, đúng theo Tát bà nhã tâm, tự mình hành nhẫn nhục, và cũng dạy người khác hành nhẫn nhục.

\* Thế nào gọi là Bồ tát hành Tỳ lê gia Ba-la-mật?

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát dụng pháp vô sở đắc, đúng theo Tát bà nhã tâm, tự mình siêng năng tinh tấn hành 5 pháp Ba-la-mật kia, chẳng hề ngưng nghỉ, và cũng dạy người khác siêng năng tinh tấn hành các Ba-la-mật.

\* Thế nào gọi là Bồ tát hành Thiên na Ba-la-mật?

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát dụng pháp vô sở đắc, đúng theo Tát bà nhã tâm, tự mình dùng các phương tiện vào các thiên định, mà chẳng chấp trước các thiên vị và cũng dạy người khác hành các thiên định.

\* Thế nào gọi là Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật?

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát dụng pháp vô sở đắc đúng theo Tát bà nhã tâm, chẳng chấp các pháp tướng, quán hết thấy các pháp đều là tự tánh không, đều là bất khả đắc, và cũng dạy người khác hành như vậy.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn.

-oOo-

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành 18 không, là Bồ tát hành Ma ha diễn.

- Những gì là 18 không?

Này Tu Bồ Đề! Đó là: Nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô thi không, tán không, tánh không, tự tướng không, chư pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô hữu pháp không.

- Thế nào gọi là nội không?

Này Tu Bồ Đề! Nội pháp gồm: Nhân, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý. Thế nhưng nhân, ..., dẫn đến ý đều chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì tánh của nội pháp tự như vậy, nên gọi là nội không.

- Thế nào gọi là ngoại không?

Này Tu Bồ Đề! Ngoại pháp gồm: Sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Thế nhưng sắc, ..., dẫn đến pháp đều chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì tánh của ngoại pháp tự như vậy, nên gọi là ngoại không.

- Thế nào gọi là nội ngoại không?

Này Tu Bồ Đề! Nội ngoại pháp gồm: 12 nhập, trong đó có 6 nội nhập là 6 căn và 6 ngoại nhập là 6 trần. Thế nhưng 6 nội nhập và 6 ngoại nhập đều chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì tánh của nội ngoại pháp tự như vậy, nên gọi là nội ngoại không.

- Thế nào gọi là không không?

Này Tu Bồ Đề! Không là hết thấy các pháp đều là không, mà không đó cũng là không, cũng chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì tánh của “không” tự như vậy, nên gọi là không không.

- Thế nào gọi là đại không?

Này Tu Bồ Đề! 10 phương gồm phương Đông, phương Tây, phương Nam, phương Bắc, bốn phương chéo, phương Trên, phương Dưới đều là không, đều chẳng phải thường, chẳng phải diệt, Vì tánh của 10 phương tự như vậy, nên gọi là đại không.

- Thế nào gọi là đệ nhất nghĩa không?

Này Tu Bồ Đề! Đây là nói về Niết Bàn, Niết Bàn cũng

là không, chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì tánh của Niết Bàn tự như vậy, nên gọi là đệ nhất nghĩa không.

- Thế nào gọi là hữu vi không?

Này Tu Bồ Đề! Pháp hữu vi gồm những pháp có sanh, có trú, có diệt ở trong 3 cõi. Thế nhưng cả 3 cõi Dục, Sắc và Vô Sắc đều là không, chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì tánh của 3 cõi tự như vậy, nên gọi là hữu vi không.

- Thế nào gọi là vô vi không?

Này Tu Bồ Đề! Pháp vô vi gồm các pháp chẳng có các tướng sanh, trú, diệt. Thế nhưng pháp vô vi cũng là không, chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì tánh của pháp vô vi tự như vậy, nên gọi là vô vi không.

- Thế nào gọi là tất cánh không?

Này Tu Bồ Đề! Nói tất cánh không là nói về hết thảy các pháp đều là rốt ráo không, rốt ráo bất khả đắc, đều là chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì tánh của hết thảy pháp tự như vậy, nên gọi là tất cánh không.

- Thế nào gọi là vô thí không?

Này Tu Bồ Đề! Chỗ khởi đầu của hết thảy pháp là không, là bất khả đắc, chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì tánh của chỗ khởi đầu tự như vậy, nên gọi là vô thí không.

- Thế nào gọi là tán không?

Này Tu Bồ Đề! Nói tán là nói về sự tán hoại, sự hủy diệt của các pháp. Thế nhưng tán cũng là không, chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì tánh của sự tán hoại tự như vậy, nên gọi là tán không.

- Thế nào gọi là tánh không?

Này Tu Bồ Đề! Các pháp tánh, dù là hữu vi pháp tánh, dù là vô vi pháp tánh, chẳng phải do Phật làm ra, chẳng phải do chư Thánh hiền làm ra, chẳng phải do ai làm ra cả. Các pháp tánh đều là không, chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì pháp tánh tự như vậy, nên gọi là tánh không.

- Thế nào gọi là tự tướng không?

Này Tu Bồ Đề! Tự tướng của sắc là tướng biến hoại, tự tướng của thọ là tướng lãnh nạp, tự tướng của tưởng là tướng suy diễn, tự tướng của hành là tướng tạo tác, tự tướng của thức là tướng liễu biệt. Thế nhưng các tự tướng ấy đều là không, là bất khả đắc. Vì tánh của tự tướng tự như vậy, nên gọi là tự tướng không.

- Thế nào gọi là chư pháp không?

Này Tu Bồ Đề! Nói chư pháp là nói về hết thảy các pháp gồm: 5 ấm, 12 nhập, 18 giới v.v... Thế gian chấp có từng pháp riêng rẽ, nhưng các pháp đều là không, là bất khả đắc, chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì tánh của chư pháp tự như vậy, nên gọi là chư pháp không.

Thế nào gọi là bất khả đắc không?

Này Tu Bồ Đề! Tầm cầu các pháp đều là bất khả đắc, mà bất khả đắc đó cũng là không, cũng chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì tánh của bất khả đắc tự như vậy, nên gọi là bất khả đắc không.

- Thế nào là vô pháp không?

Này Tu Bồ Đề! Đối đãi với hữu pháp là vô pháp. Thế nhưng vô pháp là không, là bất khả đắc, chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì tánh của vô pháp tự như vậy, nên gọi là vô pháp không.

- Thế nào là hữu pháp không?

Này Tu Bồ Đề! Hữu pháp do duyên hòa hợp mà có. Thế nhưng thật sự cũng là không, là bất khả đắc, chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì tánh của hữu pháp tự như vậy, nên gọi là hữu pháp không.

- Thế nào gọi là vô pháp hữu pháp không?

Này Tu Bồ Đề! Vô pháp và hữu pháp đều là không, đều là bất khả đắc, đều chẳng phải thường, chẳng phải diệt, nên gọi là vô pháp hữu pháp không.

-o0o-

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Còn có:

- Pháp, pháp tướng không.

Pháp nói đây là 5 âm. Cả 5 âm pháp tướng đều là không.

- Vô pháp, vô pháp tướng không.

Vô pháp nói đây là vô vi pháp. Vô vi pháp tướng là không.

- Tự pháp, tự pháp tướng không.

Ở nơi mỗi pháp, tự tướng là vô tướng, chẳng phải do trí làm ra, cũng chẳng phải do kiến làm ra.

- Tha pháp, tha pháp tướng không.

Dù có Phật xuất thế, dù chưa có Phật xuất thế, thì các pháp vẫn trú trong pháp như, pháp tướng, pháp tánh, pháp vị, thật tế. Bồ tát quán hết thấy các pháp tướng đều không.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn.

**LUẬN:**

**Hỏi:** Đây là hội thuyết về Bát nhã Ba-la-mật, ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật về Bát nhã Ba-la-mật, và đã được Phật giải đáp rồi. Nay vì sao ngài Tu Bồ Đề lại hỏi thêm về Ma ha diễn, và lại cũng được Phật giải đáp nữa?

**Đáp:** Bát nhã Ba-la-mật và Ma ha diễn có cùng nghĩa, chỉ khác nhau về danh tự mà thôi.

Ma ha diễn được phiên âm từ chữ Phạn Mahayâna. Phiên âm đầy đủ là Ma ha diễn na.

Ma ha là đại, là lớn; Diễn (Diễn na) là thừa, là cỗ xe. Ma ha diễn là Đại thừa pháp. Tu hành pháp ấy, thì vào được Phật đạo.

Trong 6 pháp Ba-la-mật thì Bát nhã Ba-la-mật là trên hết, dẫn đạo các Ba-la-mật kia. Được Bát nhã Ba-la-mật là nhiếp đủ cả 6 Ba-la-mật, là hành đầy đủ 6 Ba-la-mật, là hành Bồ tát đạo viên mãn, từ sơ phát tâm cho đến khi chứng thành Phật quả vậy.

Ví như nhà vua ngự trên long xa, có các quan theo hầu, Bồ tát muốn làm Phật, phải cỡi cỗ xe Đại thừa, hành 6 pháp Ba-la-mật, đi thẳng vào đất Phật.

-o0o-

Trong nhiều kinh có nói đến 6 pháp Ba-la-mật, như các kinh *Hoa Thủ*, *Pháp Hoa*, *Đại Vân*, *Pháp Vân*, *Di Lặc* v.v...

Nên biết rằng 6 pháp Ba-la-mật được nói trong rất nhiều kinh, hoặc do Phật nói, hoặc do chư đại Bồ tát nói, hoặc do chư Thanh Văn nói, hoặc do chư Thiên đấng đạo nói.

Hòa hợp được các nghĩa trong các kinh thì gọi là Ma ha diễn. Trong các kinh ấy, thì Bát nhã Ba-la-mật được xem là



pháp tối thượng. Bởi vậy nên hễ nói đến Ma ha diễn là biết có Bát nhã Ba-la-mật rồi vậy.

Các trợ đạo pháp khác, nếu chẳng được Bát nhã Ba-la-mật soi chiếu, hoà hợp thì chẳng có thể được đến Phật đạo được. Cho nên Phật bảo ngài Tu Bồ Đề rằng: Ma ha diễn chẳng khác Bát nhã Ba-la-mật.

**Hỏi:** *Như vậy vì sao chẳng nói Ma ha diễn trước?*

**Đáp:** Vì Bát nhã Ba-la-mật quá quan trọng nên phải nói trước. Phật muốn thuyết Bát nhã Ba-la-mật nên đã phóng đại quang minh, khiến chúng sanh khắp 10 phương thế giới đều tự hỏi nay vì đại sự nhân duyên gì mà có quang minh chiếu khắp như vậy?

Các đức Phật ở các cõi nước đều nói rằng: Ở thế giới Ta bà có đức Phật Thích Ca Mưu Ni muốn thuyết Bát nhã Ba-la-mật.

Thế rồi các Bồ tát cùng các chư Thiên đều hoan hỷ đến nghe.

-o0o-

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ tát Ma ha tát muốn học Bát nhã Ba-la-mật?

Phật tán thán công đức của Bát nhã Ba-la-mật nên nói: Những ai muốn thành Phật đều phải học Bát nhã Ba-la-mật.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bát nhã Ba-la-mật phải được thuyết giảng trước.

-o0o-

Phật bảo ngài Tu Bồ Đề: Ông nên vì các Bồ tát, nói về Bát nhã Ba-la-mật.

Tuân theo lời Phật dạy, Ngài Tu Bồ Đề nói: Bồ tát chỉ là danh tự, Bát nhã Ba-la-mật cũng chỉ là danh tự. Cho nên Bồ tát, Bồ tát danh tự, Bát nhã Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật danh tự đều là không, là bất khả đắc, dẫn đến Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật cũng là bất khả đắc.

Kế sau đó, ngài Tu Bồ Đề lại hỏi về Bồ tát cú nghĩa, và về nghĩa của Ma ha tát.

Trong nghĩa Ma ha tát có bao gồm nghĩa đại trang nghiêm và nghĩa Ma ha diễn.

Ví như vị đồng tướng phải có đầy đủ binh sĩ, khí giới trang nghiêm, mới xông vào trận, đánh dẹp quân giặc được, Bồ tát Ma ha tát phải hành Bát nhã Ba-la-mật trang nghiêm mới phá được ma quân, dẹp sạch các phiền não kiết sử để thăng tiến đến Phật đạo.

Lại nữa, Bát nhã Ba-la-mật và Ma ha diễn đều có công năng đoạn pháp ái. Do vậy mà ngài Tu Bồ Đề đã dựa vào những điểm tương đồng giữa Bát nhã Ba-la-mật và Ma ha diễn, đề hỏi thêm về nghĩa của Ma ha diễn,

**Hỏi:** *Có phải Ma ha diễn có hàm ý nói về Bồ tát từ sơ phát tâm đến khi thành Phật đạo, thường hằng tu tập các thiện pháp chăng?*

*Có phải hành đúng theo Bát nhã Ba-la-mật là hành Ma ha diễn chăng? Có phải hành 6 pháp Ba-la-mật là hành Ma ha diễn chăng?*

**Đáp:** Trước đây đã nói rằng 6 pháp Ba-la-mật nhiếp hết thảy các thiện pháp. Như vậy chẳng cần hỏi thêm nữa.

Có vô lượng thiện pháp nhưng chỉ cần nói đến 6 pháp Ba-la-mật là đầy đủ rồi vậy. Lại nữa, Ma ha diễn cũng hàm ý nói về Bồ tát từ sơ phát tâm đến khi thành tựu đầy đủ các lực phương tiện, luôn luôn giữ tâm bình đẳng.

Nên biết rằng tu 6 pháp Ba-la-mật là tu đầy đủ hết thảy các thiện pháp rồi. Vì sao? Vì các thiện pháp dù chẳng sánh được với Bát nhã Ba-la-mật, nhưng nghĩa của thiện pháp cũng đã nhiếp trong nghĩa của 6 pháp Ba-la-mật rồi vậy.

Ví như ngay từ khi sơ phát tâm, người tu phải phát nguyện tu đại bi, phải có tâm bình đẳng mới có được các lực phương tiện, lại nữa, khi tu bố thí, phải bỏ lợi nhỏ hướng về lợi lớn, mới là tu Đại thừa.

Lại nữa, tu hành để thành tựu các lực phương tiện là tu trí huệ. Khi trí huệ đã thuần thục rồi, thì người tu hành phải dùng các lực phương tiện để giáo hóa chúng sanh, và tịnh Phật quốc độ mới là tu Đại thừa.

Tất cả các hạnh nêu trên đây đều nhiếp trong 6 pháp Ba-la-mật.

**Hỏi:** *Như vậy vì sao nói hành 108 tam muội cũng gọi là hành Ma ha diễn?*

**Đáp:** Nói về 6 pháp Ba-la-mật là nói về thể của Ma ha diễn, còn nói về các đà la ni, các tam muội... là nói về dụng của Ma ha diễn. Cho nên trước nói đến thể rồi sau mới nói đến dụng vậy.

**Hỏi:** *Vì sao chỉ nói đến 6 Ba-la-mật, mà chẳng nói nhiều, chẳng nói ít, chẳng thêm, chẳng bớt?*

**Đáp:** Phật là đấng pháp vương, tùy theo căn cơ, tùy theo ý nguyện của chúng sanh, mà phương tiện nói pháp. Có khi

Phật chỉ nói một pháp, có khi nói hai pháp, ba pháp, bốn pháp... Lại có khi nói rất nhiều pháp. Ví như trong kinh *Hiền Kiếp* có nói đến 8.400 Ba-la-mật.

Lại nữa, chúng sanh đã thọ thân là có thọ khổ, khiến phải lên xuống mãi trong 6 nẻo đường sanh tử, chịu bao nhiêu cực hình đau khổ. Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát khởi đại bi tâm muốn cứu độ chúng sanh thoát khỏi 6 đường sanh tử, mà phát nguyện tu 6 pháp Ba-la-mật, chẳng có nhiều hơn, cũng chẳng có ít hơn. Vì các Ba-la-mật đều là rất ráo không, đều là bất khả đắc.

**Hỏi:** *Bồ thí Ba-la-mật có rất nhiều tướng. Vì sao Phật chỉ nói đến 5 tướng sau đây mà thôi?*

*5 tướng đó là:*

*1. Xả nội vật sở hữu.*

*2. Xả ngoại vật sở hữu.*

*3. Tương ưng với tâm Tát bà nhã.*

*4. Dụng pháp vô sở đắc.*

*5. Cùng với hết thảy chúng sanh, đồng hồi hướng Vô thượng bồ đề.*

*Vì sao chẳng nói về tâm đại bi, về cúng dường chư Phật, về dụng thần thông khi hành bồ thí Ba-la-mật?*

**Đáp:** Vì 5 tướng nêu trên đây đã nhiếp hết thảy các tướng khác rồi vậy.

Ví như bồ thí mà tương ưng với Tâm bà nhã, xả nội ngoại vật sở hữu của mình, cùng với chúng sanh đồng hồi hướng về Vô thượng bồ đề là đã có đại bi tâm. Lại nữa, hồi hướng mà chẳng cầu đắc quả Thanh Văn và quả Bích Chi Phật, chỉ

dụng pháp sở đắc, là đã vào được nơi thật tướng pháp, nơi thật tướng Bát nhã Ba-la-mật rồi vậy.

**Hỏi:** *Nếu như vậy, thì chỉ cần nói tương ưng với tâm Tát bà nhã là đủ rồi. Cần gì phải nói đầy đủ 5 tướng.*

**Đáp:** Nói như vậy là rất đúng, thế nhưng vì chúng sanh đa số chẳng hiểu rõ được, nên cần phải nói rõ rằng: Muốn được tâm bồ thí tương ưng với Tát bà nhã, thì hành giả phải xả bỏ nội ngoại vật sở hữu của mình, phải dụng pháp vô sở đắc, phải cùng hết thấy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô thượng bồ đề.

Lại nữa, muốn được tương ưng với tâm Tát bà nhã, muốn được Nhất thiết chủng trí, thì hành giả phải chẳng nên cầu danh lợi ở đời này, chẳng nên cầu phước báo cõi Người và cõi Trời ở đời sau, chẳng nên cầu Niết Bàn Thanh Văn, mà chỉ nên cầu Nhất thiết chủng trí, cầu được đầy đủ hết thấy Phật pháp, để có đầy đủ các lực phương tiện, nhằm tận độ hết thấy chúng sanh thoát khỏi các khổ.

Như vậy mới gọi là tương ưng với tâm Tát bà nhã

-o0o-

Nên biết rằng xả nội vật sở hữu là xả các thứ ở nơi thân mình như đầu, mắt, chân, tay, tùy, não v. v... Xả ngoại vật sở hữu là xả các vật sở hữu ngoài thân của mình như ruộng vườn, nhà cửa, tiền bạc, ..., dẫn đến vợ chồng, con cái... đến cả sự mong cầu phước đức quả báu cũng phải xả nữa, để cùng với hết thấy chúng sanh đồng thọ hưởng.

Bồ tát vì lợi tha mà tu 6 pháp Ba-la-mật, chỉ cầu Vô thượng bồ đề nên hồi hướng hết thấy các phước đức quả báu để hết thấy chúng sanh đều được lợi ích. Ví như ở trên rừng,

nơi nào có cây xanh, có quả ngọt là có các loại chim đến tụ tập để cùng thọ hưởng vậy.

**Hỏi:** Trước nói tương ứng với tâm Tát bà nhã, nay lại nói hồi hướng về Vô thượng bồ đề. Như vậy có gì sai khác nhau chăng?

**Đáp:** Trước nói phải tương ứng với tâm Tát bà nhã, là nói phải khởi các phước đức nhân duyên. Nay nói hồi hướng về Vô thượng bồ đề, là nói dùng tâm Tát bà nhã mà cầu Nhất thiết chủng trí, cầu Phật đạo. Khi đã tương ứng với tâm Tát bà nhã, lấy Tát bà nhã làm chỉ đạo thì hết thảy các công đức hợp với Tát bà nhã đều là Nhất thiết chủng trí cả.

Nên biết: “Phật trí huệ” có 2 nghĩa. Đó là:

- Vô thượng bồ đề,
- Nhất thiết chủng trí, cũng tức là Tát bà nhã.

Bởi nhân duyên vậy, nên khi dụng pháp vô sở đắc, tương ứng tâm Tát bà nhã mà hành bố thí là thuận với thật tướng pháp rồi vậy.

**Hỏi:** Thi la Ba-la-mật tổng nhiếp các thiện pháp, như biển lớn dung nạp các nguồn nước từ các sông chảy đến. Như vậy có vô lượng thiện pháp. Vì sao ở đây chỉ nói đến 10 thiện đạo mà thôi?

**Đáp:** Khi nói về 6 pháp Ba-la-mật, Phật chỉ nói về tổng tướng. Cũng như vậy, khi nói về 10 thiện đạo là đã tổng nhiếp các giới khác rồi vậy. Hỏi như trên là thiên về biệt tướng.

Bồ tát khởi từ bi tâm, phát Vô thượng bồ đề tâm, làm các việc bố thí nhằm đem lại lợi ích cho chúng sanh, là đã trì giới thanh tịnh rồi vậy. Vì sao? Vì bố thí như vậy là chẳng còn làm não hại chúng sanh, lại thường bố thí vô úy cho chúng sanh vậy.

Nên biết rằng 10 thiện đạo là căn bản để cầu phước.

Đối với hàng cư sĩ bạch y, thì giới bất sát sanh là giới đứng đầu trên tất cả các giới khác. Vì sao? Vì giới bất sát sanh là chủ, các giới khác chỉ là khách.

Đức Phật Thích Ca Muru Ni chuyển pháp luân suốt 12 năm trời mà chưa vội kiết giới thì đủ biết rằng các giới tương chỉ là khách mà thôi.

Tuy nhiên 10 thiện giới cùng hết thảy các giới khác, dù có Phật hay không có Phật, thì cũng vẫn thường có. Nếu chẳng theo 10 thiện giới, mà phạm 10 điều ác, ắt phải sa vào các đường ác vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát phải tự mình hành 10 thiện đạo, và dạy cho người hành 10 thiện đạo. Như vậy gọi là hành Thi la Ba-la-mật.

-o0o-

Trong 10 thiện đạo, có 3 nghiệp về thân, 4 nghiệp về khẩu và 3 nghiệp về ý. Ba ý giới là vô tham, vô sân, vô si.

Đây là tùy theo nghĩa mà phân biệt ra có 10 thiện giới. Thế nhưng, khi đã được Bát nhã Ba-la-mật soi sáng, thì tất cả đều trở thành Ba-la-mật, đều xả ly tướng, và cũng đều là bất khả đắc cả.

**Hỏi:** *Tu tập các thiện pháp đã là việc khó làm. Nay vì sao còn nói phải dụng pháp vô sở đắc để tu tập các thiện pháp nữa?*

**Đáp:** Tu được trí huệ vô sở đắc, mới giữ gìn được các thiện hạnh. Vì sao? Vì có sanh tâm là chẳng có được trí huệ vô sở đắc.

Lại nữa, Phật dạy: Chẳng trước tâm, chẳng thủ tướng, mới là hành các thiện đạo.

Vì sao? Vì biết thế gian là vô thường rồi diệt ác tu thiện, thì đó là việc dễ làm. Còn muốn được “tâm không” thì lại rất khó. Người sơ phát tâm, do còn chấp tâm, còn thủ tướng, nên khi gặp các chướng duyên liền sanh tâm sân hận, phiền não, ví như cỏ khô rất dễ bắt lửa vậy. Trái lại, người tu khi đã được “tâm không” rồi, thì chẳng còn chấp tâm, thủ tướng, nên dù gặp các chướng duyên cũng vẫn giữ tâm bất động, chẳng hề có hồi tâm.

Bởi vậy nên phải ở nơi thật tướng Bát nhã mà khởi đại bi tâm, thì mới có đầy đủ các lực phương tiện để dập tắt tất cả các lửa phiền não, tận trừ sự chấp thủ các pháp tướng. Ví như nước tưới vào lửa làm cho lửa phải tắt vậy.

Trái lại, nếu rời tâm vô sở đắc mà tu các thiện hạnh thì chỉ có được các lực phương tiện rất yếu kém. Phải ở nơi vô sở đắc, phải đầy đủ 18 không, phải ly hết thấy các pháp tướng mới được đầy đủ các lực phương tiện để hành 6 pháp Ba-la-mật. Như lời Phật dạy ngài Xá Lợi Phất rằng: Bồ tát Ma ha tát trú trong 18 không mà tu học Bát nhã Ba-la-mật.

**Hỏi:** *Vì sao nói 18 không là chẳng phải thường, chẳng phải diệt?*

**Đáp:** Người tu hành, nếu chẳng thấu rõ 18 không, ắt sẽ đọa về biên kiến, hoặc thường, hoặc đoạn, vì sao? Vì nếu chấp tướng của các pháp là thật có, thì đó là chấp pháp tướng chẳng diệt, như vậy là đọa về thường kiến. Trái lại, nếu cho rằng chấp hữu là bệnh, mà dùng vô để phá hữu, thì sẽ đọa về đoạn kiến.

Như vậy, phải nên biết rằng chấp hữu, chấp vô cũng đều là bệnh cả. Người tu phải dùng vô để phá hữu, mà cũng



chẳng chấp vô mới ly được chấp hai bên (nhị biên kiến), mới vào được Trung đạo.

Bồ tát do liễu đạt 18 không mà khởi đại bi tâm, rộng độ hết thảy chúng sanh. Cho nên, nói 18 không chẳng phải thường, chẳng phải diệt (phi thường, phi diệt).

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn.

Nếu trái lại với trên đây thì chỉ là hý luận. Vì sao? Vì nếu đem tâm hữu sở đắc mà hành pháp không thì chẳng sao có được chánh huệ, khiến phải xa lìa chánh pháp vậy.

**Hỏi:** *18 không đã nhiếp hết thảy các nghĩa không rồi. Vì sao còn nói thêm 4 không nữa làm gì?*

**Đáp:** Vẫn biết rằng 18 không đã nhiếp hết thảy các nghĩa không rồi, nhưng chư Phật, tùy theo căn cơ chúng sanh mà nói pháp, có khi khai triển rộng thành 18 không, có khi thu hẹp lại trong 4 không. Nên biết rằng nói rộng, nói hẹp, nói tổng, nói biệt v.v... đều là những phương tiện thiện xảo mà chư Phật, chư Bồ tát tùy theo từng đối tượng chúng sanh mà nói pháp vậy.

-o0o-

Nói ở nơi không mà chẳng sanh pháp tướng, là nói hết thảy pháp tướng đều không, tức là vô pháp. Vậy nên nói “pháp, pháp tướng không”.

Lại nữa, vô vi pháp cũng là vô pháp. Vì sao? Vì tướng vô vi là bất khả đắc.

**Hỏi:** *Trong kinh có nói đến 3 tướng vô vi. Vì sao nói vô vi pháp là vô tướng?*

**Đáp:** Vì nhằm phá tướng sanh mà nói vô sanh, nhằm phá tướng trú mà nói vô trú, nhằm phá tướng diệt mà nói vô diệt. Đây chỉ là nương theo các tướng sanh, tướng trú, tướng diệt, mà nói đến vô sanh, vô trú, vô diệt. Thật ra chẳng có pháp vô sanh, pháp vô trú, pháp vô diệt. Vì sao? Vì hết thảy pháp đều là vô pháp. Do đối đãi với sanh, trú, diệt, mà nói vô sanh, vô trú, vô diệt. Tất cả 6 pháp đó đều là vô pháp cả.

Như vậy, “vô pháp không” tức là “vô vi không”. Vì sao? Vì “vô pháp tướng” tức là “vô vi tướng”, là không, là bất khả đắc. Vậy nên nói “vô pháp, vô pháp tướng không”.

-o0o-

Tự tướng cũng như vậy. “Tự pháp tướng” cũng là không, là bất khả đắc. Vậy nên nói “tự pháp, tự pháp tướng không.”

Tự pháp là tự tánh của các pháp. Tự tánh có hai nghĩa. Đó là:

- Theo pháp thể gian, thì đó là tự tánh của 4 Đại và 4 Đại tạo sắc.

- Theo pháp xuất thể gian thì đó là “như pháp tánh thật tế”.

Tuy nhiên cả hai đều là không, là bất khả đắc. Vì sao? Vì chẳng phải do trí làm ra, cũng chẳng phải do kiến làm ra vậy.

**Hỏi:** “*Như pháp tánh thật tế*” nhiếp về vô vi pháp. Vì sao còn nói ở đây nữa?

**Đáp:** Dùng “phân biệt trí” mà quán, sẽ biết được thật tướng của 5 âm là “như pháp tánh thật tế”. Thế nhưng đã quán thì chẳng thể là “không” được.

Người tu phải dùng “vô phân biệt trí”, mới biết rõ “pháp tánh” vốn là “vô tánh” vậy.

**Hỏi:** *Sắc là tự pháp, thức là tha pháp. Như vậy, vì sao nói hết thảy pháp đều là “như pháp tánh thật tế”? Vì sao nói dù có Phật, hay dù chưa có Phật thì các pháp vẫn thường trú trong “như pháp tánh thật tế”?*

**Đáp:** Ở nơi “như pháp tánh thật tế” mà chẳng chấp, thì “tha pháp” mới là “tha pháp không”.

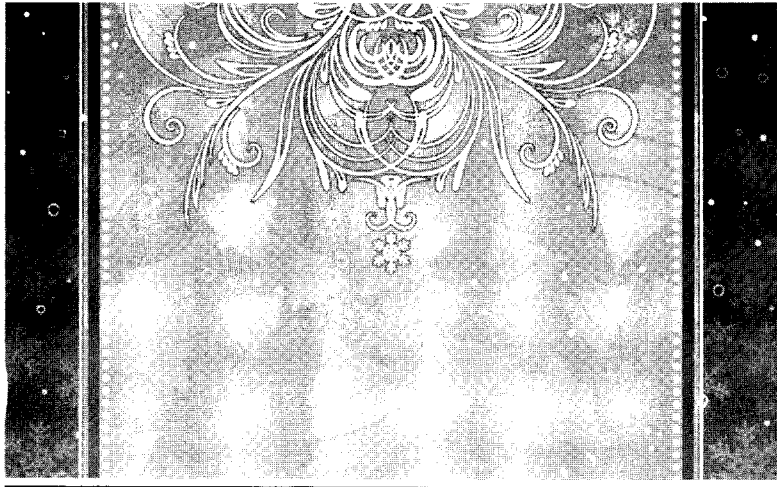
Do “tha pháp tướng” là không, là bất khả đắc, nên nói “tha pháp, tha pháp tướng không”

Phàm phu do chưa đoạn được các kiến chấp, nên vừa nghe nói đến “như pháp tánh thật tế” thì liền dấy niệm nghĩ rằng: Ngoài “như pháp tánh thật tế” vẫn còn có các pháp khác nữa.

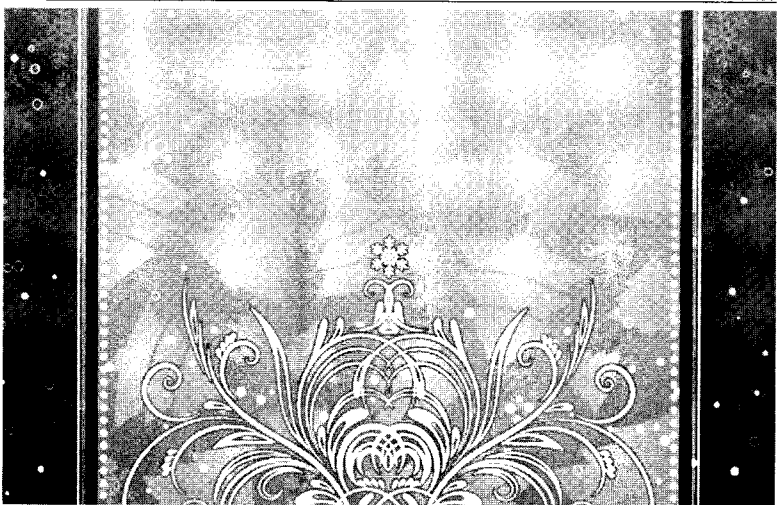
Nên biết rằng ngoài “như pháp tánh thật tế” chẳng còn có pháp nào riêng khác nữa cả.

(Hết quyển 46)





**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 47**





## **Phẩm Thứ Mười Tám** **(TIẾP THEO)**



### **Tác Vấn Thừa** **(Hỏi về Đại thừa, tiếp theo)**

#### **KINH:**

**Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát dùng pháp vô sở đắc, đúng theo Tát bà nhã tâm vào các tam muội môn.**

**Có 108 tam muội, từ Thủ Lăng Nghiêm tam muội, ..., dẫn đến Ly Trước Như Hư Không Bất Nhiễm tam muội.**

**Bồ tát vào Thủ Lăng Nghiêm tam muội, biết rõ các hành tướng của các tam muội, ..., dẫn đến vào Ly Trước Như Hư Không Bất Nhiễm tam muội, thấy rõ các tam muội đều như hư không, vô ngại, nhưng chẳng nhiễm các tam muội.**

**Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha điển.**

#### **LUẬN:**

**Trước đây nói 18 không nhằm giải các tam muội. Nay nói 108 tam muội, nhằm giải Thiên na Ba-la-mật.**

**Khi nói về 108 tam muội, Phật mật ý nói rằng: Người lợi căn vào các tam muội này sẽ được sanh tín giải.**

**Những gì là 108 tam muội? Đó là:**

**1. Thủ Lăng Nghiêm tam muội:**

Bồ tát vào tam muội này biết rõ các tam muội có hành tướng nhiều hay ít, sâu hay cạn. Ví như vị đại vương biết rõ mặt mạnh, mặt yếu của quân địch, lại có binh hùng tướng mạnh khiến dẫn quân đến đâu, thì ở đó giặc phải quy hàng.

### 2. Bảo Ân tam muội:

Bồ tát vào tam muội này, ẩn được các tam muội khác trong pháp bảo, thường làm lợi lạc quần sanh.

Như trong kinh Phật dạy rằng: Nay các Tỷ-kheo! Ta vì các người nói về Pháp Ân, Pháp Ân tức là Bảo Ân, cũng tức là Giải thoát môn.

Lại có thuyết nói: Ba Pháp Ân là Bảo Ân tam muội. Đó là hết thầy pháp vô thường, vô ngã, và tịch diệt Niết Bàn.

Hết thầy hàng Trời Người chẳng có thể phá hoại 3 pháp ẩn này được. Vào “Pháp Ân tam muội” là quán được 3 pháp vô thường, vô ngã và tịch diệt Niết Bàn, nên “Pháp Ân tam muội” được gọi là “Bảo Ân tam muội”

Lại có thuyết nói: Bát nhã Ba-la-mật là Bảo, Tương ưng tam muội là Ân.

### 3. Sư Tử Du Hý tam muội:

Bồ tát vào tam muội này có thể tự tại ra vào các tam muội khác. Ví như sư tử tự tại du hý khắp rừng, chẳng sợ các loài thú khác. Bởi vậy nên tam muội này còn gọi là Sư Tử Du Hý tam muội.

Lại nữa, Bồ tát vào tam muội này có đủ oai đức, nên pháp được các chấp của hàng ngoại đạo, khiến được nhiều người tin theo. Lại nữa, khi Bồ tát vào tam muội này thì cõi đất hiện 6 diệu chấn động, khiến chúng sanh ở cõi địa ngục đều được mát mẻ.



4. *Diệu Nguyệt tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, trừ được các vô minh hắc ám, Ví như mặt trăng tròn toả ánh sáng làm tan biến tối tăm.

5. *Nguyệt Tràng Tướng tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, thông đạt hết thấy các pháp, vì tam muội này nhiếp thu hết thấy các pháp tướng. Ví như bảo tràng làm theo hình mặt trăng che mát mọi vật, khiến ai thấy được cũng đều ưa thích.

Lại nữa, Bồ tát vào tam muội này, được trí huệ ngày càng thêm tăng trưởng. Ví như cây rừng gặp được cơn mưa càng tươi tốt thêm lên.

6. *Xuất Chư Pháp tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này có thể xuất sanh các tam muội khác.

7. *Quán Đảnh tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, khắp thấy các tam muội khác. Ví như đứng ở đảnh núi cao, có thể khắp thấy các cảnh vật ở trong vùng.

8. *Tát Pháp Tánh tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, có thể thấy được các pháp, tuy vô lượng mà pháp tánh chẳng phải hai. Tam muội này rất khó chấp trì, ví như dùng thần túc thông mà trú giữa hư không vậy.

Tam muội này là tam muội tối tôn, tối trọng. Ví như giữa ba quân thì vị đại tướng là bậc tối tôn, tối trọng vậy.

9. *Tất Tràng Tướng tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, có thể nắm giữ bảo tràng của các tam muội khác

10. *Kim Cang tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, thông đạt hết thảy các pháp, phá được hết thảy các chấp, được tâm kiên cố như kim cương, chẳng có gì có thể phá được.

11. *Nhập Pháp Ấn tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, có thể nhập vào các pháp ấn. Ví như người mang thông hành có dấu ấn của nhà vua, được tự do ra vào nơi hoàng cung, Bồ tát vào tam muội này, được tự tại nhập vào thật tướng các pháp.

12. *Tam Muội Vương An Lập tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, an lập được các tam muội khác. Ví như một vị đại vương ở trong hoàng cung, có đại oai lực, nhiếp phục được thần dân khắp cả nước.

Lại nữa, Bồ tát vào tam muội này được an lạc tự tại. Ví như vị đại vương sống thư thái trong cung điện vậy.

13. *Phóng Quang tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, phóng đại quang minh, hóa thân biến khắp 10 phương.

Vì Bồ tát thường tu Nhất thiết quán, nên sanh các lực thần thông, tùy ý phóng các quang minh muôn sắc, lại tùy theo tâm niệm của chúng sanh mà chiếu các tam muội.

Nên biết quang minh có 2 nghĩa là:

- Sắc quang.
- Trí huệ quang.

Bởi vậy nên Bồ tát trú trong tam muội này phát trí huệ quang, phá tan các tà kiến vô minh.

14. *Lực Tấn tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, có đầy đủ thể lực đối với các tam muội khác. Do vậy mà được thể lực tự tại, thường biến hoá để cứu độ chúng sanh.

15. *Cao Xuất tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, được tăng trưởng các phước đức nhân duyên, làm tăng trưởng các tam muội khác.

16. *Tất Nhập Biện Tài tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, được 4 vô ngại trí, lại dùng được các ngữ ngôn của chúng sanh, và phân biệt được các kinh thơ văn tự một cách vô ngại.

17. *Nhập Danh Tự tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, biết rõ các pháp đều như hư không. Thế nhưng vì giáo hóa chúng sanh, mà Bồ tát vẫn dùng các danh tự để nói ra các nghĩa, khiến người nghe được giải rõ.

18. *Quán Phương tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, khởi từ bi tâm thương xót chúng sanh, quán chúng sanh khắp 10 phương, thấu rõ đạo lý, được các lực phương tiện tam muội. Vào tam muội này được đầy đủ đạo lý, ra vào các tam muội một cách vô ngại.

19. *Đà La Ni Ấn tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, phân biệt được các tam muội và vào được các đà la ni.

20. *Vô Cuống tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, chẳng còn sanh ái nhuế, vô minh, tà kiến.

21. *Nhiếp Chư Pháp Hải tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, nhiếp cả 3 thừa pháp và hết thấy các tam muội khác. Ví như biển lớn thu nhiếp được hết thấy các nguồn nước từ các sông chảy đến.

22. *Biển Phú Hư Không tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, có vô lượng, vô biên lực tam muội trùm khắp cả hư không. Dù đang ngồi kiết già, dù đang phóng quang mà phát ra tiếng nói, thì tiếng nói cũng vẫn lan truyền đầy khắp cả hư không.

23. *Kim Cang Luân tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, có thể đi đến tự tại như ngựa trên Kim cang luân vậy.

Luân có nghĩa là luân chuyển tùy ý, nên Kim cang luân tam muội ví như Kim cang luân.

24. *Bảo Đoạn tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, dứt trừ được các phiền não cấu.

25. *Năng Chiếu tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, có đầy đủ 10 trí, chiếu rõ các pháp, ví như mặt trời chiếu ánh sáng khắp nơi.

26. *Bát Cầu tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, biết rõ các pháp là như huyễn, như hoá, nên chẳng có pháp nào để cầu cả. Lại do đã đoạn hết ái, nên chẳng có chỗ nào để cầu cả. Tam muội này còn được gọi là Ái Đoạn tam muội.

27. *Vô Trụ tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, thấy rõ niệm niệm là vô thường,

chẳng nên trú.

28. *Vô Tâm tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, chẳng còn hiện hành các tâm và tâm sở hữu. Đây là Diệt Tận Định.

29. *Tịnh Đẳng tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, được trí huệ thanh tịnh, ví như ngọn đèn ở nơi khuất gió toả sáng ổn định vậy. Đây là do ly cấu mà được trí huệ thanh tịnh.

30. *Vô Biên Minh tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, phóng quang minh rộng độ chúng sanh, lại phân biệt rõ biệt tướng và tổng tướng của các pháp. Do vậy mà thấy được suốt khắp cả 10 phương thế giới, ví như ở trong đêm tối, nhờ có ánh sáng đèn mà thấy rõ được các vật.

31. *Năng Tác Minh tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, có huệ lực làm sáng tỏ các tam muội khác, như ánh sáng làm cho các vật hiển lộ ra.

32. *Phổ Chiếu Minh tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, khắp chiếu các pháp, ví như viên bảo châu của vị chuyển luân thánh vương chiếu suốt 1 do tuần, làm cho cả 4 bên đều được chiếu sáng.

33. *Kiên tinh Chư Tam muội tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, làm cho các tam muội khác đều trở thành kiên cố, thanh tịnh.

Do vậy mà thường được thanh tịnh, chẳng hề bị cấu nhiễm.

34. *Vó Cấu minh tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, ly hết thảy các ấu uế. Tam muội này tương ưng với 3 Giải thoát môn.

35. *Hoan Hỷ tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, sanh tâm hoan hỷ, được hoan hỷ lạc.

36. *Điện Quang tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, chiếu rõ đường đi đến vô lượng thế giới, ví như điện chớp chiếu sáng cả bầu trời.

37. *Vô Tận tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, thấy rõ các pháp đều bất sanh, bất diệt.

38. *Oai Đức tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, được oai đức trang nghiêm.

39. *Ly Tận tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, chẳng thấy các tam muội cùng tận, khiến các quả báo công đức trong vô lượng A tăng kỳ kiếp đều được nguyên vẹn chẳng mất.

40. *Bất Động tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, ly được các động tướng.

Có người vào tứ Thiên, do ly hơi thở ra vào, mà chẳng còn các động tướng.

41. *Bất Thối tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, chẳng thấy tâm thối thất nơi các tam muội khác. Như vậy là được tương ưng với “Bất thối trí huệ”, chẳng còn đọa đánh nữa.

42. *Nhật Đãng tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, phóng quang minh chiếu khắp các tam muội, ví như mặt trời chiếu khắp tất cả.

43. *Nguyệt Tinh tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, được vô sanh pháp nhẫn, được Phật thọ ký, được trí huệ thanh tịnh, ví như ánh sáng trăng rằm.

44. *Tinh Minh tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, được vô ngại trí, chẳng còn bị các pháp làm chướng ngại. Do được 4 vô ngại trí soi sáng nên được tương ứng với Bát nhã Ba-la-mật, được thật trí huệ như kim cang.

45. *Năng Chiếu Minh tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, dùng quang minh chiếu rõ các tam muội khác.

46. *Tác Hành tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, khiến các tam muội khác đều có chỗ tác hành.

47. *Trí Tướng tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, thấy rõ các hành tướng của tam muội khác.

48. *Như Kim Cang tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, thông đạt hết thảy các pháp mà chẳng thấy có vào tam muội.

Trước đây đã nói về Kim Cang tam muội, rồi tiếp theo đó cũng đã nói về Kim Cang luân tam muội.

Nay nói thêm về Như Kim Cang tam muội.

Ví như Kim Cang phá được hết thảy các vật. Bồ tát vào các tam muội này, phá được hết thảy các phiền não, dẹp bỏ hết thảy các chướng ngại, vào Vô dư Niết Bàn, chẳng bao giờ còn trông thấy các điều mê ám. Bồ tát vào các tam muội này, được thiên nhãn thông, thấy khắp 10 phương thế giới.

49. *Tâm Trụ tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, được tâm bất động, chẳng còn bị lay chuyển, chẳng còn bị não loạn, mà vẫn chẳng thấy mình có tâm như vậy

50. *Phổ Minh tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, khắp thấy quang minh của các tam muội khác.

51. *An Lập tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, an lập hết thảy các công đức, ví như núi Tu di ở giữa biển, dù gió thổi mạnh cả 4 phương mà cũng vẫn được an lập, bất động.

52. *Bảo Tụ tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, biến các cõi nước thành 7 báu. Vì sao? Vì 6 trần bên ngoài là bất định, nên khi vào được tâm thiên định, thì có thể biến bản tướng của 6 trần thành ra tướng của 7 báu vậy.

53. *Diệu Pháp Ấn tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, được vô ấn pháp, khiến thành tựu được các công đức trí huệ.

54. *Pháp Đẳng tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, quán hết thảy các pháp đều bình đẳng như nhau.



55. *Đoạn Hỷ tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, quán các pháp đều là không, khiến dứt được các niềm hỷ nơi các pháp nên chẳng còn dấy sanh phiền não, kiết sử nữa.

56. *Đáo Pháp Đánh tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, vượt lên trên các tam muội khác, vượt lên tột đỉnh núi pháp, nên vô minh phiền não chẳng lay động được.

57. *Năng Tán tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, phá được hết thảy các pháp tướng, chẳng còn bị vướng nhiễm.

58. *Phân Biệt Chư Pháp Cú tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, phân biệt được các ngôn ngữ, danh tự nên được lạc thuyết vô ngại.

59. *Tự Đẳng Tướng tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, được “tự đẳng” của các tam muội.

60. *Ly Tự tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, được “ly tự” nơi các tam muội

61. *Đoạn Duyên tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, biết rõ được các duyên sanh.

Bồ tát vào tam muội này, biết rõ được các duyên sanh pháp đều là rốt ráo không. Do đoạn được tam duyên nên các tâm hành xứ đều diệt.

62. *Bất Hoại tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, biết rõ các pháp rốt ráo là không, nên chẳng thấy có pháp nào biến hoại cả.

63. *Vô Chủng Tướng tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, chẳng thấy các pháp thuộc về các chủng loại khác nhau, vì biết rõ các pháp chỉ là một tướng (nhất tướng).

64. *Vô Hành Xứ tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, thấy rõ 3 độc tham, sân, si đều là lửa thiêu đốt chúng sanh trong 3 cõi, nên tâm chẳng y chỉ nơi hành xứ của các tam muội.

65. *Ly Mông Muội tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, xa lìa được vi tế vô minh nơi các tam muội.

66. *Vô Khứ tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, chẳng thấy các pháp có đi đến (khứ lai)

67. *Bất Biến Dị tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, chẳng thấy các tam muội có tướng thay đổi (biến dị)

68. *Độ Duyên tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, tận diệt các phiền não, vượt qua hết các cảnh duyên của 6 trần, nên cũng vượt qua hết các cảnh duyên của các tam muội. Đây là duyên sanh trí huệ.

69. *Tập Chư Công Đức tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, chứa các nhóm công đức, sanh tín tâm và trí huệ, khiến sự tu tập được tương tục, chẳng bao giờ ngưng nghỉ, ví như mặt trời chẳng bao giờ ngưng nghỉ chiếu sáng vậy.

70. *Trụ Vô Tâm tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, chẳng có chỗ trú tâm ở nơi các tam muội, chẳng tùy tâm hành, chỉ tùy huệ hành, nên vào được thật tướng pháp.

71. *Tịnh Diệu Hoa tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, khiến các tam muội khác đều được tịnh diệu, trang nghiêm, tươi đẹp như hoa.

72. *Giác Ý tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, khiến các tam muội khác đều trở thành vô lậu, tương ưng với 7 giác chi.

73. *Vô Lượng Biện tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, được lạc thuyết vô ngại, ở trong 1 câu nói ra có hàm chứa vô lượng nghĩa.

Tam muội này còn được gọi là Lạc Thuyết Biện Tài tam muội.

74. *Vô Đẳng Đẳng tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, quán hết thấy chúng sanh đều là Phật, quán hết thấy Pháp đều là Phật pháp.

Vô Đẳng Đẳng tam muội tương ưng với Bát nhã Ba-la-mật.

75. *Phân Biệt Chư Pháp tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, thấy các pháp thiện, bất thiện, hữu vi, vô vi, hữu lậu, vô lậu v. v... đều là bình đẳng tướng.

Phân biệt chư pháp tam muội còn được gọi là Phân Biệt Huệ Tương Ứng tam muội.

76. *Đô Chư Pháp tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, là vào được 3 giải thoát môn, siêu xuất thế gian, rộng độ chúng sanh.

77. *Tán Nghi tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, được vô sanh pháp nhãn, đoạn được các lưới nghi nơi các pháp, thấy được thật tướng các pháp, và thấy được 10 phương thể giới chư Phật.

Vô ngại giải thoát tương ưng với tam muội này. Chư Phật vào tam muội này, nên ở nơi các pháp đều được vô ngại, tự tại.

78. *Vô Trụ Xứ tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, thấy các pháp chẳng có trụ xứ nhất định.

79. *Nhất Trang Nghiêm tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, quán các pháp là nhất tướng, là vô tướng.

80. *Sanh Hành tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, biết rõ các hành tướng như: nhập tướng, trú tướng, xuất tướng v. v... của các pháp đều chẳng thể thấy được (bất khả kiến).

81. *Nhất Hành tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, chẳng thấy có bờ bên này, bờ bên kia, lại thấy các hành chi là thường nhất, chẳng có tạp hành.

82. *Bất Nhất Hành tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, chẳng thấy các tam muội cùng hành tướng.

83. *Diệu Hành tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, quán các pháp rốt ráo không,

chẳng thấy các tam muội có hai tướng, nên hết thấy các hý luận đều chẳng thể phá được.

84. *Đại Nhất Thiết Hữu Để Tán tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, được vô lậu trí huệ, dẫn đến ly Phi hữu tướng phi vô tướng, vào vô dư Niết Bàn, nên cả 3 cõi, và 5 âm đều tán diệt.

85. *Nhập Danh Ngữ tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, biết rõ hết thấy pháp chi là danh tự. Tuy nhiên vẫn dùng danh tự, ngữ ngôn, để giáo hóa chúng sanh.

86. *Ly Âm Thanh Tự Ngữ tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, chẳng thấy có âm thanh, có ngôn ngữ, vì tướng của các pháp là thường tịch diệt.

87. *Nhiên Cư tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, dùng được trí huệ tự soi sáng, nên ở nơi các pháp chẳng hề có lầm lẫn, ví như người cầm đuốc đi đêm chẳng bị lạc về chốn nguy hiểm.

88. *Tĩnh Tướng tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, có đầy đủ 32 tướng tốt trang nghiêm, thanh tịnh, lại quán được tổng tướng và biệt tướng của các pháp, biết rõ các pháp đều là vô tướng, đều là thanh tịnh.

89. *Phá Tướng tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, chẳng trú nơi hết thấy pháp tướng. Phá tướng tam muội còn được gọi là Vô Tướng tam muội.

90. *Nhất Thiết Chủng Diệu Túc tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, được đầy đủ các thứ trang nghiêm, như sanh vào dòng họ tốt, vào gia đình tốt, có

thân tướng tốt, có quyền thuộc tốt, có thiên định và trí huệ đầy đủ.

91. *Bát Hỷ Khổ Lạc tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, quán thể gian chẳng có gì là khổ, cũng chẳng có gì là vui, chỉ do ái mà khởi sanh có hỷ, có khổ, có lạc, hỷ lạc còn chẳng ham, hưởng nữa là khổ.

92. *Vô Tận Tướng tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, thấy các pháp chẳng có hoại, chẳng có tận. Thấy như vậy, nhưng cũng chẳng đọa về thường kiến. Vì sao? Vì ở nơi các pháp, thì thường tướng và đoạn tướng đều là bất khả đắc cả. Bởi vậy nên Bồ tát quán vô thường mà chẳng rơi về đoạn kiến, quán vô tận mà chẳng rơi về thường kiến.

Phàm phu do chấp có nhân duyên nên mới sanh có tội phước, còn Bồ tát thường ly các chấp, nên được vô ngại, tự tại.

93. *Đà La Ni tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, có thể chấp trì đầy đủ các môn đà la ni, tam muội.

94. *Nhiếp Chư Tà Chánh Tướng tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, chẳng thấy chúng sanh có chánh định, tà định hay bất định, cũng chẳng thấy có các tướng chánh định, tà định hay bất định ở nơi hết thảy các pháp.

95. *Diệt Tăng Ái tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này. Chẳng sanh tâm ghét hay thương hết thảy các pháp.

96. *Thuận Nghịch tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, thì nơi các pháp thuận cũng như nghịch, đều được tự tại.

Dù thuận, dù nghịch, Bồ tát cũng khởi đại bi tâm giáo hoá hết thấy chúng sanh, mà chẳng sanh chấp phân biệt. Bồ tát chẳng thấy có pháp thuận hay nghịch, vì biết rõ các pháp đều là vô sở hữu.

97. *Tịnh quang tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, thấy rõ các phiền não cấu uế đều là bất khả đắc. Vì là bất khả đắc, nên cũng đều là thanh tịnh cả.

98. *Kiên Cố tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, thấy các tam muội kiên cố, bất hoại.

99. *Mãn Nguyệt Tịnh Quang tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, thường được thanh tịnh, chẳng có lấm lạc. Ví như mặt trăng rằm mùa thu, tròn đầy, toả ánh sáng khắp mọi nơi, tam muội này phá hết thấy vô minh hắc ám, khiến được trí huệ thanh tịnh, quang minh, để làm các việc lợi ích cho chúng sanh.

100. *Đại Trang Nghiêm tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, thấy các thế giới Phật khắp trong 10 phương, đều có 7 báu trang nghiêm. Bồ tát được trang nghiêm công đức như vậy, mà vẫn quán sự trang nghiêm đó là vô sở hữu, nên chẳng sanh tâm chấp đắm.

101. *Năng Chiếu Nhất Thiết Thế tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, chiếu khắp các tam muội, cùng khắp tất cả các pháp.

102. *Tam Muội Đẳng tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, thấy hết thấy các tam muội cùng hết thấy các pháp đều bình đẳng. Do duyên hoà hợp sanh, mà có phân biệt, có pháp hữu vi, pháp vô vi... Thế nhưng ở nơi các tam muội cũng như ở nơi các pháp, Bồ tát đều thấy bình đẳng, chẳng có định tướng hay loạn tướng, vì các pháp tướng đều bình đẳng.

103. *Nhiếp Nhất Thiết Hữu Tránh Vô Tránh tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, chẳng thấy các pháp đúng hay sai, phải hay quấy, cũng chẳng phân biệt có tranh cạnh (hữu tránh) hay chẳng có tranh cạnh (vô tránh). Bởi vậy nên, ở nơi hết thấy các pháp. Bồ tát đều được thông đạt vô ngại, để tùy theo tâm niệm của từng chúng sanh mà độ họ.

104. *Bất Lạc Nhất Thiết Trụ Xứ tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, chẳng ưa trú ở bất cứ trụ xứ nào, dù là thế gian hay là xuất thế gian, vì biết rõ thật tướng của các trụ xứ vốn là vô tướng.

105. *Như Trụ Định tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, chẳng hề ly tướng như như các tam muội.

106. *Hoại Thân Suy tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, biết rõ thân thường bị đói khát, nóng lạnh, sân si... dễ bị tán hoại. Bởi vậy nên, Bồ tát dùng trí huệ để phá các chấp về suy tướng ở nơi thân, vì biết rõ thân là bất khả đắc.

107. *Hoại ngữ Như Hư Không tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, quán thấy rõ nhân duyên sanh ra



các ngôn ngữ đều là như hư không, nên chẳng có khởi sanh tướng ngã, cũng chẳng khởi sanh vui buồn, thương ghét.

108. *Ly Trước Như Hư Không Bất Nhiễm tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, thấy thân chẳng phải là thân (vô thân), nên ly được hết thảy sắc, phá được hết thảy các kiết sử nhân duyên bất định, ..., dẫn đến thọ được pháp thân thanh tịnh... Bồ tát vào tam muội này, hiện hình như hư không, mà chẳng nhiễm hư không, cũng chẳng nhiễm tam muội; lại thường hành Bát nhã Ba-la-mật, quán các pháp rốt ráo là không, là bất sanh, là bất diệt, là như hư không.

Bồ tát vào tam muội này, chẳng chấp các pháp, cũng chẳng chấp hư không, mà vẫn dùng các phương tiện nhiễm nghiệp nhân duyên, để hoá độ chúng sanh.

-o0o-

**Hỏi:** *Vì sao, Phật chỉ nói lược về các tam muội, mà ở đây lại nói nhiều về các nhân duyên sanh pháp?*

**Đáp:** Đức Phật phần nhiều nói về quả báo. Còn người tạo luận cần phải nêu nhiều thí dụ hợp với các nhân duyên dẫn đến quả báo. Ví như do quán thân bất tịnh, mà vào được Bất Tịnh tam muội, thì quán thân là nhân duyên, và Bất Tịnh tam muội là quả báo. Ví như do nhân duyên quán vô thường, khổ, không, vô ngã, mà được 7 Giác chi, 8 Thánh đạo, dẫn đến được 4 quả Thanh Văn.

Lại nữa, Phật thì chỉ nói ít, mà người tạo luận cần rộng giải để chúng sanh đời sau dễ hiểu.

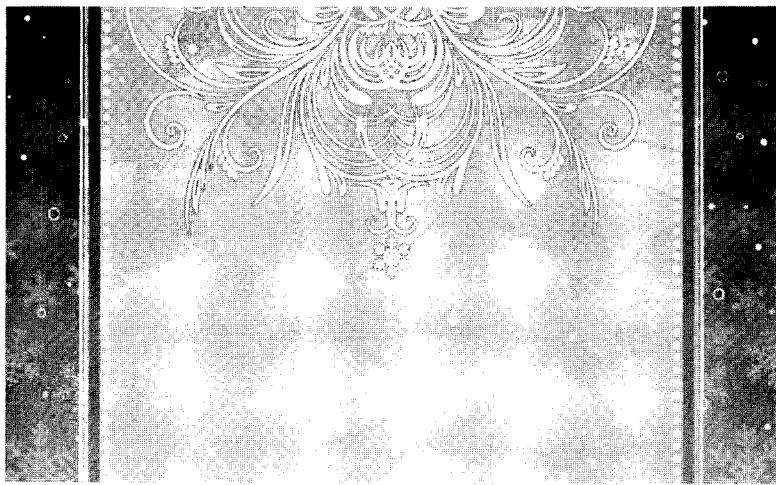
Ví như, khi nói về các pháp hữu lậu là nhân duyên sanh khổ, Phật chỉ nói “ái” là nguồn gốc của hết thảy phiền não.

Ví như, khi nói về Diệt Đế, thì Phật chỉ nói đến “ái tận” là khổ tận. Trong khi đó, thì Bồ tát, ở nơi các quán hạnh, phải nói rộng về các pháp quán tam muội. Nói như vậy, mà người nghe vẫn còn chưa hiểu rõ.

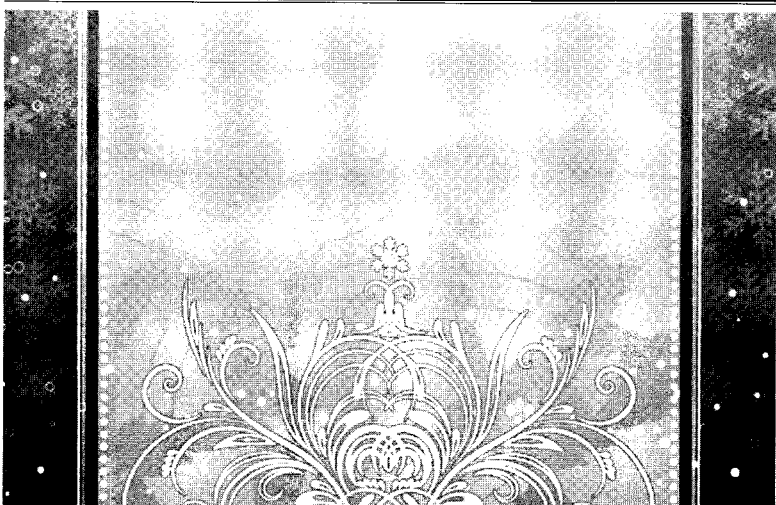
Lại nữa, Phật chỉ nói về các tam muội; còn người tạo luận phải rộng nói về các pháp nhiếp ở trong các tam muội, lại phải nói các tam muội cùng hết thảy pháp đều bất khả đắc, đồng nghĩa với Bát nhã Ba-la-mật.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói: Hành vô lượng, vô biên tam muội hòa hợp là hành Ma ha diễn.

(Hết quyển 47)



**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 48**





## Phẩm Thứ Mười Chín



Quảng Thừa  
(Thừa Rộng Lớn)

**KINH:**

**Phật bảo ngài Tu Bồ Đề: Này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn, tu 4 niệm xứ.**

**Thế nào là 4 niệm xứ?**

**Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, theo thân, mà quán nội thân, chẳng thấy có thân giác, vì là bất khả đắc; theo thân, mà quán ngoại thân, quán nội ngoại thân, cũng chẳng thấy có thân giác, vì là bất khả đắc. Do vậy, mà nhất tâm, tinh tấn trừ tham ưu thế gian.**

**Bồ tát, theo thọ, theo tâm, theo pháp mà quán nội thọ, nội tâm nội pháp, ngoại thọ, ngoại tâm, ngoại pháp, nội ngoại thọ, nội ngoại tâm, nội ngoại pháp, cũng chẳng thấy có thọ giác, có tâm giác, có pháp giác, vì đều là bất khả đắc. Do vậy, mà nhất tâm, tinh tấn trừ gian tham ưu thế gian.**

**Thế nào là Bồ tát, theo thân mà quán nội thân?**

**Này Tu Bồ Đề! Bồ tát khi đi biết là mình đi, khi đứng biết là mình đứng; khi ngồi biết là mình ngồi; khi thân hành động như thế nào cũng biết mình hành động như vậy cả.**

**Như vậy là Bồ tát theo thân mà quán nội thân, nhất tâm, tinh tấn trừ tham ưu thế gian.**

Lại nữa, Bồ tát khi đi, khi đến, khi nhìn, khi nhìn ngó, khi co duỗi chân tay, khi cúi đầu, khi ngẩng đầu, khi mặc áo Tăng Già Lê, khi cầm bát, khi ăn uống, khi nói năng, ..., dẫn đến khi nhập thiền, khi xuất thiền cũng đều như vậy cả.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, quán nội thân bất khả đắc. Khi quán, Bồ tát nhất tâm niệm hơi thở ra vào; thở ra biết mình thở ra; thở vào biết mình thở vào; thở dài biết mình thở dài; thở ngắn biết mình thở ngắn. Bồ tát quán nội thân như vậy, nên nhất tâm, tinh tấn trừ tham ưu thế gian, vì biết thân là bất khả đắc.

Thế nào là quán thân tứ đại?

Này Tu Bồ Đề! Ví như người thợ lò trâu, dùng dao bén giết trâu, đem chia ra làm 4 phần, rồi quan sát 4 phần đó; Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, quán thân do 4 đại hoà hợp tạo thành, cũng là như vậy, đây là Bồ tát theo thân mà quán nội thân, biết rõ nội thân là bất khả đắc.

Lại nữa, Bồ tát quán thân, từ chân lên đến đỉnh đầu chứa toàn những thứ dơ bẩn, bất tịnh, che đậy dưới một lớp da mỏng; quán thân có móng chân, móng tay, da mỏng, da dày, xương tủy, tim, gan, tỳ, vị, ruột non, ruột già, máu huyết, phân, nước tiểu...; lại quán tất cả những thứ này được các gân liên kết lại với nhau thành một khối.

Ví như, người làm ruộng cất giấu trong kho, nào lúa, nào đậu, nào mè... Người đứng bên ngoài nhìn vào chẳng sao có thể thấy được bên trong kho có cất giấu những gì. Nhưng nếu cửa kho hé mở, thì người tinh mắt liền thấy được các thứ cất giấu trong kho. Bồ tát quán thân, từ chân lên đến đỉnh đầu, chứa toàn thứ bất định, cũng là như vậy. Do quán thấy như vậy, nên Bồ tát nhất tâm, tinh tấn trừ tham ưu thế gian, biết rõ thân là bất khả đắc.

Lại nữa, Bồ tát quán thân người chết, sau vài ngày, sẽ phình trương, hôi thối, mà tự nghĩ rằng thân mình rồi đây cũng sẽ như vậy. Do quán thấy như vậy, nên Bồ tát nhất tâm, tinh tấn trừ tham ưu thế gian, biết rõ thân là bất khả đắc.

Lại nữa, Bồ tát quán thân người chết, sau 6,7 ngày mà chẳng được chôn cất thì sẽ trở thành mồi ngon cho điều quạ rúc rĩa, cho lang sói gặm xương xé thịt,... mà tự nghĩ rằng thân mình rồi đây cũng như vậy. Do quán thấy như vậy, nên Bồ tát nhất tâm, tinh tấn trừ tham ưu thế gian, biết rõ thân là bất khả đắc.

Lại nữa, Bồ tát quán thân người chết vứt bỏ lâu ngày ngoài mưa gió, sẽ rã rời, chỉ còn nắm xương trắng; quán thân của nhiều người chết, vứt bỏ lâu ngày, sẽ trở thành những đống xương trắng mục nát, ngổn ngang trên mặt đất, mặc cho gió táp, mưa sa mà tự nghĩ rằng thân mình rồi đây cũng là như vậy. Do quán thấy như vậy, nên Bồ tát nhất tâm, tinh tấn trừ tham ưu thế gian, biết rõ thân là bất khả đắc.

Lại nữa, Bồ tát quán thân người chết, trải qua thời gian dài, sẽ trở thành đất, mà tự nghĩ rằng thân mình rồi đây cũng là như vậy. Do quán thấy như vậy, nên Bồ tát nhất tâm, tinh tấn, trừ tham ưu thế gian, biết rõ thân là bất khả đắc.

Bồ tát, theo thân, quán nội thân, quán ngoại thân, quán nội ngoại thân đều là bất khả đắc cả. Đây là quán thân niệm xứ. Dẫn đến thọ niệm xứ, tâm niệm xứ và pháp niệm xứ, Bồ tát cũng quán y như vậy cả.

Bồ tát dụng pháp vô sở đắc, tu 4 niệm xứ như vậy, gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha điển.

**LUẬN:**

**Hỏi:** Trong 4 niệm xứ có nhiều pháp quán. Vì sao chỉ nói đến 12 pháp quán mà thôi? Vì sao nói nội ngoại quán?

Lại nữa, thân niệm xứ nhiếp về nội pháp, tâm niệm xứ nhiếp về ngoại pháp. Như vậy, ở nơi thân đã có đủ cả thân và tâm rồi, đã nhiếp đủ cả nội lẫn ngoại rồi. Vì sao chẳng nói quán thân, mà lại nói theo thân mà quán? Vì sao nói quán thân, mà chẳng có sanh thân giác? Vì sao nói cần phải nhất tâm, tinh tấn?

Lại nữa, tu 4 niệm xứ là trừ được hết 5 triền cái. Như vậy vì sao chỉ nói đến trừ tham ưu thế gian? Vì sao lại phải quán thân bất tịnh?

Lại nữa, 4 oai nghi ở thân là việc dễ biết. Còn phải nói làm gì nữa?

**Đáp:** Có 12 pháp quán hạnh. Hành giả y theo định tâm, thấy có 3 tà hạnh, nên quán nội thân, quán ngoại thân, và cả quán nội ngoại thân, mới phá trừ được 3 tà hạnh, rồi mới có được 3 chánh hạnh.

Có người chấp nội tình nhiều, ngoại tình ít, thâm quán nội thân đến độ chẳng còn biết đến cha mẹ, vợ con, thân thuộc, trở thành cuồng si.

Lại, có người chấp ngoại tình nhiều, nội tình ít; dẫn đến tham đắm của cải, khiến phải bị mất mạng, hoặc trở thành kẻ bạo tàn, đi giết người, cướp của, gây ra bao nhiêu tội lỗi.

Lại, có người đắm chấp cả nội tình lẫn ngoại tình, vừa cuồng si mê muội, vừa tham sân tật đố, tự hại mình và hại người.

Bởi vậy, nên phải tu tập 3 chánh hạnh, nhằm đối trị 3 tà hạnh.



Nếu biết tự thân là nội thân, tha thân là ngoại thân.

Như nói về 5 căn, nói về 9 lỗ (cửu khiếu) nơi thân là nói về nội thân, như nói về 5 trần là nói về ngoại thân.

Như vậy là phân biệt rõ giữa nội thân và ngoại thân.

Người tu hành, trước hết, phải biết rõ các pháp hữu vi là vô thường, khổ, không, vô ngã, mới có được trí huệ quán.

Khi quán nội thân, chẳng nên chấp vào các tướng tốt đẹp của thân.

Cho nên, nếu còn chấp nội thân là thường, lạc, ngã, tịnh, thì hành giả cũng phải quán ngoại thân là bất khả đắc.

Khi quán nội thân và ngoại thân đều bất khả đắc, thì hành giả sẽ được tâm chánh định. Ở nơi chánh định, hành giả sẽ biết rõ thân là vô thường, khổ, không, vô ngã; sẽ biết rõ thân là như bệnh, như ung nhọt, như ghẻ lở; sẽ biết rõ 9 lỗ nơi thân là ô uế.

Lại nữa, hành giả còn phải quán thân, khi chết sẽ bị tán hoại, sẽ bị tiêu diệt; hành giả lại còn phải quán thân, khi còn sống, cũng thường bị đói khát, bị nóng lạnh, chịu sự chê bai, khinh miệt, chịu cảnh già, bệnh, chết, bị bao nhiêu thứ khổ đoanh vây, chẳng có lúc nào được tự tại.

Lại nữa, khi quán về “nội thân” hành giả phải quán nội thân chẳng có chủ tác, nên chẳng có tri giả, kiến giả và thọ giả, phải quán nội thân chỉ do nhân duyên hoà hợp, mà có tạo sanh, tạo diệt, nhưng thật ra nội thân hoàn toàn bất khả đắc.

Bởi nhân duyên vậy, nên khi quán nội thân, quán ngoại thân, hành giả phải quán theo nghĩa của 18 không.

Cứ theo thân mà quán sát, thì sẽ biết rõ thân đầy dẫy thứ bất tịnh, lại còn chịu cảnh đói khát, rét bức, còn chịu cảnh già, bệnh, và sau cùng, khi chết thân này sẽ bị hủy hoại, sẽ

trở về với 4 đại. Hành giả phải nên quán thân tướng, từ ngoại đến nội, từ gốc đến ngọn, đều rốt ráo không cả.

Phật dạy: Theo thân mà quán các pháp, thì mới chẳng còn chấp thân.

Khi quán thân bất tịnh, thì hành giả chẳng còn sanh các giác quan tham, sân, si nữa...

Phàm phu, do chấp thủ thân tướng, mà phải chìm đắm trong si mê, lầm lạc, gây ra biết bao nhiêu tội lỗi. Bồ tát chẳng chấp thủ thân tướng, nên khi quán thân, liền được nhất tâm.

-o0o-

Lại nữa, thiện tri thức dễ ly mà cha con khó ly; cha con dễ ly mà thân khó ly, thân dễ ly mà tâm khó ly. Bởi vậy nên Bồ tát tự mình phải nhất tâm tinh tấn quán các pháp đều là bất khả đắc. Ví như cưa cây để cầu có lửa, thì phải nhất tâm, tinh tấn, chẳng ngừng nghỉ, mới mong có được lửa vậy.

-o0o-

Lại nữa, muốn trừ tham ưu, thì phải trừ tận gốc, phải tận trừ cả 5 triền cái. Ví như khúc tre có 5 đốt, thì phải chẻ suốt cả 5 đốt đó.

Người tu hành, xuất gia, học đạo, là đã xả thế lạc rồi. Thế nhưng, nếu chưa có được định lạc, thì tâm vẫn còn sanh niệm tham ưu. Bởi vậy nên Phật dạy: Người tu hành phải nhất tâm tinh tấn trừ tham ưu thế gian.

Vì sao? Vì tham là tham các việc vui ở thế gian, nên phải quán thân bất tịnh, mới trừ được tận gốc các tham ưu thế gian được.

Lại nữa, vì chúng sanh tham chấp dục lạc, nên trước hết phải trừ tham dục, để mở đường vào đạo. Bởi vậy nên người tu hành phải thường quán niệm 4 oai nghi ở nơi thân mình.

Vì sao? Vì dục là kẻ giặc phá hoại thân tâm, phải nhất tâm mới đối trị được. Bằng cách quán 4 oai nghi, đi, đứng, nằm, ngồi; bằng cách tọa thiền, quán thân, người tu sẽ được thân tâm an lạc, chẳng còn bị lầm lạc nữa.

-o0o-

Nếu dùng quán bất tịnh mà tâm chưa được an lạc thì phải dùng pháp quán hơi thở, để ngăn ngừa các giác quán. Vì sao? Vì phải được an lạc, mới chẳng còn bị lầm lạc.

Nếu quán bất tịnh mà tâm hết cuồng loạn, thì lúc bấy giờ bất tịnh tướng cũng trở thành tịnh tướng.

Bởi vậy, nên trong Phật pháp, thì 2 pháp quán: Bất tịnh và quán hơi thở (*Anabama*, hay còn gọi là *Sổ tức*) được xem như 2 cửa đầu tiên dẫn vào đạo Cam lồ.

-o0o-

Lại nữa, Bồ tát quán 4 đại ở nơi thân đều như cỏ rác, gạch ngói... quán 4 đại bên ngoài, khi biến thành các thức ăn uống để nuôi thân và duy trì mạng sống, quán 4 đại và 4 đại tạo sắc, dù được chia ra thành 4 phần là đất, nước, gió, lửa riêng khác, nhưng mỗi phần cũng là vô ngã, là khổ, là không là vô thường cả. Rồi Bồ tát quán 4 oai nghi ở thân cũng đều là như vậy.

Trong khi quán phải nhất tâm, tinh tấn, chớ nên giải đãi, hôn trầm. Vì sao? Vì nếu quán mà giải đãi, hôn trầm thì tâm sẽ bị loạn động, chẳng được an định.

Bồ tát quán thân do 4 đại hòa hợp mà được thi thiết ra, chỉ là hư dối, chẳng phải thật có. Ví như, khi người thợ mổ trâu, chia ra làm 4 phần, thì chẳng còn có tướng trâu nữa.

Do 4 đại hòa hợp, duyên khởi tạo ra thân, nên 4 đại là tổng tướng. Mà thân chỉ là biệt tướng. Nếu 4 đại còn ở ngoài, thì chẳng được gọi là thân, chỉ khi nào 4 đại hòa hợp tạo ra sắc thân, thì mới giả danh gọi là thân. Như vậy, thân chẳng ở nơi 4 đại, mà 4 đại cũng chẳng ở nơi thân. Thân cũng như 4 đại đều chẳng có chủ tác (vô chủ tác)

Phàm phu điên đảo chấp 4 đại làm thân. Bồ tát dùng “tánh không” phân biệt 4 đại tạo sắc nơi thân đều là không, là bất khả đắc.

Dẫn đến 3 niệm xứ kia cũng đều là như vậy.

-o0o-

Lại nữa, Bồ tát quán thân, từ chân lên đến đỉnh đầu, chứa 36 thứ bất tịnh, bao bọc bên trong một lớp da mỏng.

Ví như người làm ruộng đem đủ thứ hạt giống chất chứa vào bên trong kho lẫm của mình. Người tu hành pháp bất tịnh, dùng huệ nhãn nhìn vào kho thân, thấy đầy đầy những thứ bất tịnh, nên chẳng còn ái chấp thân, biết rõ thân là bất tịnh, là tán hoại, là bất khả đắc.

Do quán thân như vậy, nên Bồ tát nhẫn thọ được mọi sự đau khổ, giữ được tâm bất động, khi có người đến mắng nhiếc, đánh đập, đâm chém mình v.v...

Bồ tát quán nội thân bất tịnh, tán hoại, quán ngoại thân bất tịnh, tán hoại, dẫn đến nội ngoại thân cũng bất tịnh, tán hoại như vậy.

Lại nữa, Bồ tát quán thân, khi chưa bị tán hoại, có thức dẫn sanh ra các kiết sử, mà sanh nhàm chán thân; trong khi đó, thì phạm phu bị các kiết sử trói buộc, nên tham đắm thân. Rồi Bồ tát lại quán thân người chết, sau vài ngày, nếu chẳng làm môi cho chim thú rìa thịt, nhai xương thì cũng bị sinh thối, hư nát, nên chẳng chấp tướng tốt hay xấu, trong khi đó thì phạm phu lầm lạc tham đắm thân tướng nên bị tình ái, dâm dục làm mê mờ tâm trí..

Phật dạy: Sắc thân chỉ là huyễn pháp, chỉ làm cho người vô trí phải mê lầm vậy thôi.

Bồ tát quán thân người chết, rồi tự nghĩ rằng thân mình rồi đây cũng sẽ như vậy. Do quán như vậy, mà Bồ tát nhàm chán thân, quyết điều phục tâm mình, nhất tâm, tinh tấn trừ các tham ưu thế gian. Bồ tát lại quán thân người chết bị điều quạ rìa thịt, bị lang sói gặm xương, chẳng ai dám đèn gần; quán, khi thịt đã tiêu hết, khi tất cả tim, gan, tỳ, vị, phèo, phổi... đều đã thối nát, thì thân người chỉ còn lại năm xương trắng. Do quán như vậy, Bồ tát nghĩ thân là vô ngã; do chấp đắm thân, mà chứa nhóm bao nhiêu tội phước nhân duyên, khiến phải trầm luân mãi trong sanh tử. Bồ tát lại quán xương cốt người chết phân tán, rải rác khắp nơi, mặc cho gió táp, mưa sa, với thời gian rồi sẽ trở thành mục nát, thành đất. Do quán như vậy, Bồ tát nghĩ rằng thân đã vô thường như vậy, thì ngã là bất khả đắc. Bồ tát lại quán thân do nghiệp thức nhân duyên sanh ra, chẳng có tự tại, quán thân tướng là phi ngã; quán khổ vui đều do tâm điên đảo tạo ra, quán già, bệnh, chết dẫn đến quán thân mạng đều là vô thường cả. Do quán như vậy, Bồ tát tự nghĩ rằng nếu chẳng tu pháp quán “bất tịnh” thì rất dễ bị các nghiệp lôi cuốn; nếu chẳng nhất tâm, tinh tấn trừ hết tham ưu, thì 2 tên giặc “tham” và “ưu” này sẽ cướp hết pháp bảo. Bồ tát lại nghĩ rằng thân là vô thường, là

bất tịnh; như vậy vì sao chúng sanh cứ mãi tham trước thân này, khiến khởi sanh bao nhiêu nghiệp tội; chỉ vì trong thân có 5 tình, ngoài thân có 5 dục hòa hợp mà sanh ra các chấp điên đảo vậy thôi. Bỏ tát lại nghĩ rằng thân, dù kiên cố trong một thời gian dài, rồi cũng phải tán hoại, hưởng nữa là các cuộc vui trong chốc lát, do niệm tương tục sanh diệt, mà hết khổ đến vui, hết vui đến khổ vậy thôi.

Như vậy thì vui đâu phải là thật có, vì ngay ở trong vui đã có sẵn mầm mống của khổ rồi vậy. Ví như, ăn uống cho hết đói khát là vui, nhưng chỉ vui trong chốc lát, rồi các thứ khổ khác lại quấy nhiễu xác thân v.v... Cho nên biết, vui thế gian do nhân duyên khổ sanh ra, lại thường sanh ra các khổ quả, tương tục nối nhau, kết thành vô lượng khổ.

Nên biết, món ăn ngon có trộn chất độc có thể hại mạng người. Nhưng vui trong 5 dục còn nguy hại gấp bội. Đây là chất độc rất nguy hại, có thể đoạt cả huệ mạng của ta.

Người tu phải biết rõ vui chỉ do tâm thức tưởng ra, mà tâm niệm thì luôn luôn sanh diệt, nên là bất khả đắc; chỉ vì như sóng nhấp nhô trên mặt biển, vừa hiện là liền tan. Tâm tưởng là vô thường, nên có lúc thọ khổ, có lúc thọ lạc, mà đã là vô thường thì tâm chẳng được tự tại, nên là vô ngã vậy.

-o0o-

Tu 3 niệm xứ kia cũng phải quán đầy đủ các tướng: nội tướng, ngoại tướng và nội ngoại tướng.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói 4 niệm xứ là 4 thánh hạnh có công năng phá 4 điên đảo, khai mở đường vào thật tướng pháp.

-o0o-

Nơi đây cũng nên biết rằng vô thường cũng là quán về khổ đế; mà khổ là do các chấp điên đảo gây ra, quán các nguyên nhân gây ra khổ là quán về tập đế; quán đoạn các nguyên nhân gây ra khổ là quán về diệt đế, quán các pháp tu để đoạn điên đảo là đạo đế.

Hàng Thanh Văn quán 4 đế, tin Niết Bàn trú đạo tâm, tợ như vô lậu, đây là Noãn Pháp. Ví như người چرا گۆ có hơi nóng tỏa ra các nguyên nhân gây ra khổ là quán về diệt đế; quán các pháp tu để đoạn điên đảo là đạo đế.

Hàng Thanh Văn quán 4 đế, tin Niết Bàn trú đạo tâm, tợ như vô lậu, đây là Noãn Pháp. Ví như người چرا گۆ có hơi nóng tỏa ra, biết là có lửa. Có tín pháp này rồi, sẽ sanh tâm sùng kính Phật. Ví như người uống thuốc lành bệnh rồi sẽ tin thấy thuốc; người đã tin pháp rồi, sẽ dần dần tin Tam bảo.

Noãn pháp tăng, thì các tướng tội phước sẽ dứt. Đây là Đánh Pháp. Ví như người leo đánh núi, thấy rõ cảnh vật xung quanh.

Từ Đánh pháp, Hàng Thanh Văn tu quán 4 niệm xứ, được 4 quả Thanh Văn. Đây là Nhãn Pháp.

Bồ tát ở nơi pháp quán này, chẳng quên bản nguyện độ sanh, chẳng xả tâm đại bi, lại dùng “bất khả đắc không” để điều phục tâm, nên dù tâm còn lưu dư tàng kiết sử, mà vẫn chẳng bị đoạ. Ví như người lính thiện chiến, dù chưa giết được giặc, mà đã cô lập được đối phương rồi vậy.

Bồ tát đạt Đánh pháp và Nhãn pháp rồi, sẽ vào Thế đệ nhất pháp. Đây là chỗ Thuận pháp nhãn, dẫn đến Vô sanh pháp nhãn.

**KINH:**

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn, tu 4 chánh cần.

Thế nào là 4 chánh cần?

Đó là:

- Tinh tấn nhiếp tâm hành đạo, khiến việc ác chưa sanh, chẳng sanh được.

- Tinh tấn nhiếp tâm hành đạo, khiến việc ác đã sanh, được dứt trừ.

- Tinh tấn nhiếp tâm hành đạo, khiến việc thiện chưa sanh, được sanh.

- Tinh tấn nhiếp tâm hành đạo, khiến việc thiện đã sanh, càng thêm tăng trưởng.

Bồ tát dụng pháp vô sở đắc, tu 4 chánh cần như vậy, gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn.

-o0o-

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn, tu 4 như ý túc.

Thề nào gọi là 4 như ý túc?

Đó là:

- Dục như ý túc, thành tựu định hạnh.

- Niệm như ý túc, thành tựu định hạnh.

- Tinh tấn như ý túc, thành tựu định hạnh.

- Tư duy như ý túc, thành tựu định hạnh



**Bồ tát dụng pháp vô sở đắc, tu 4 như ý túc như vậy, gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn.**

-o0o-

**Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn, tu 5 căn.**

**Thế nào là 5 căn?**

**Đó là: Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn và huệ căn.**

**Bồ tát dụng pháp vô sở đắc, tu 5 căn như vậy, gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn.**

**Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn, tu 5 lực.**

**Thế nào là 5 lực?**

**Đó là: Tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực và huệ lực.**

**Bồ tát dụng pháp vô sở đắc, tu 5 lực như vậy, gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn.**

-o0o-

**Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn, tu 7 giác chi.**

**Thế nào là 7 giác chi?**

**Đó là: Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, trừ giác chi, định giác chi và xả giác chi.**

**Tất cả 7 giác chi đều nương nơi ly, nơi vô nhiễm, mà hướng đến Niết Bàn.**

**Bồ tát dụng pháp vô sở đắc, tu 7 giác chi như vậy, gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn.**

-o0o-

**Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn, tu 8 thánh đạo.**

**Thế nào là 8 thánh đạo?**

**Đó là: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.**

**Bồ tát dụng pháp vô sở đắc, tu 8 thánh đạo như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn.**

-o0o-

**Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn, tu 3 tam muội, gồm: Không tam muội, vô tướng tam muội, và vô tác tam muội.**

**Thế nào là “không tam muội”?**

**Bồ tát vào tam muội này, biết rõ các pháp đều là tự tướng không. Tam muội này còn được gọi là “Không giải thoát môn”.**

**Thế nào là “vô tướng tam muội”?**

**Bồ tát vào tam muội này, biết rõ các pháp đều là hoại tướng, nên chẳng nghĩ, chẳng nhớ.**

**Tam muội này còn được gọi là “Vô tướng giải thoát môn”.**

**Thế nào là “vô tác tam muội”?**

Bồ tát vào tam muội này, biết rõ các pháp đều chẳng có chủ tác, đều là bất khả đắc.

Tam muội này còn được gọi là “Vô tác giải thoát môn”.

Bồ tát dụng pháp vô sở đắc, tu 3 tam muội này như vậy, gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn.

-o0o-

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn, tu 11 trí, gồm: Khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí, tận trí, vô sanh trí, pháp trí, tỳ trí, thế trí, tha tâm trí và như thật trí.

Thế nào là “khổ trí”?

Biết khổ, mà chẳng sanh chấp, gọi là “khổ trí”.

Thế nào là “tập trí”?

Biết các nguyên nhân sanh khổ phải đoạn, gọi là “tập trí”.

Thế nào là “diệt trí”?

Biết khổ diệt, gọi là “diệt trí”.

Thế nào là “đạo trí”?

Biết 8 thánh đạo, gọi là “đạo trí”.

Thế nào là “tận trí”?

Biết tham, sân, si, diệt tận, gọi là “tận trí”.

Thế nào là “vô sanh trí”?

Biết các pháp hữu vi là vô sanh, gọi là “vô sanh trí”.

Thế nào là “pháp trí”?

**Biết 5 ấm do duyên sanh, gọi là “pháp trí”.**

**Thê nào là “tỷ trí”?**

**Biết nhãn, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ là vô thường, gọi là “tỷ trí”.**

**Thế nào là “thế trí”?**

**Biết nhân duyên sanh pháp chỉ là danh tự, gọi là “thế trí”.**

**Thế nào là “tha tâm trí”?**

**Biết tâm niệm của chúng sanh, gọi là “tha tâm trí”.**

**Thê nào là “như thật trí”?**

**Biết hết thấy chủng trí như chư Phật biết, gọi là “như thật trí”.**

**Bồ tát, dụng pháp vô sở đắc, tu 11 trí như vậy, gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn.**

-oOo-

**Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn, tu 3 vô lậu căn, gồm: Vị tri dục tri căn, tri căn và dĩ tri căn.**

**Thê nào là “vị tri dục tri căn”?**

**Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, và huệ căn của hàng Hữu học chưa đắc quả, gọi là “vị tri dục tri căn”.**

**Thê nào là “tri căn”?**

**Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn và huệ căn của hàng Hữu học đã đắc quả, gọi là “tri căn”.**

**Thế nào là “đĩ tri căn”?**

Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn và huệ căn của bậc Vô học, hoặc A-la-hán, hoặc Bích Chi Phật, gọi là “đĩ tri căn”.

Bồ tát, dụng pháp vô sở đắc, tu 3 vô lậu căn như vậy, gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn.

-o0o-

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn, tu 3 tam muội, gồm: Hữu giác hữu quán tam muội, vô giác hữu quán tam muội, và vô giác vô quán tam muội.

**Thế nào là “Hữu giác hữu quán tam muội”?**

Ly dục nhiễm, ly bất thiện pháp, có giác, có quán, ly sanh hỷ lạc, vào Sơ Thiên, gọi là “hữu giác hữu quán tam muội”.

**Thế nào là “vô giác hữu quán tam muội”?**

Chặng giữa từ Sơ thiên đến Nhị thiên gọi là được “vô giác hữu quán tam muội”.

**Thế nào là “vô giác vô quán tam muội”?**

Chặng giữa từ Nhị thiên đến Phi hữu tướng phi vô tướng định, gọi là được “vô giác vô quán tam muội”.

Bồ tát, dụng pháp vô sở đắc, tu 3 tam muội này như vậy, gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn.

-o0o-

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diển, tu 10 niệm, gồm: niệm Phật, niệm pháp, niệm tăng, niệm giới, niệm xả, niệm thiên, niệm thiện, niệm hơi thở ra vào, niệm thân, và niệm chết.

Bồ tát dụng vô sở đắc tu 10 niệm như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diển.

-o0o-

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diển, tu 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 9 thứ đệ định.

Bồ tát, dụng pháp vô sở đắc, tu các pháp môn tu này như vậy, gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diển.

-o0o-

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diển, tu 10 Phật lực.

Thế nào là 10 Phật lực?

Đó là:

- Phật như thật biết thị xứ và phi xứ của hết thấy pháp.
- Phật như thật biết các nghiệp, các thọ pháp, các nhân duyên quả báo của chúng sanh trong cả 3 đời.
- Phật như thật biết các tướng cấu, tướng tịnh của các tam muội và các định.
- Phật như thật biết các căn tánh thượng, hạ của chúng sanh.

- Phật như thật biết các loại dục và giải của chúng sanh  
 - Phật như thật biết vô số tánh loại của hết thảy các pháp thế gian.

- Phật như thật biết chỗ đến của tất cả các đạo hạnh.

- Phật như thật biết túc mạng nhân duyên của mình và của chúng sanh, trong cả 3 đời, biết mình cũng như các chúng sanh khác có tên như vậy, có họ như vậy, thọ mạng ngắn hay dài... trong vô lượng kiếp.

- Phật như thật biết là mình có thiên nhãn thanh tịnh hơn chư thiên, thấy biết chúng sanh chết đây, sanh kia, tùy theo nghiệp nhân duyên quả báo, hoặc phải đọa vào ác đạo, hoặc đợc sanh vào thiện đạo.

- Phật như thật biết là mình đã lậu tận, đã đợc vô lậu tâm giải thoát, vô lậu huệ giải thoát, ở trong pháp tự chứng, biết mình đã nhập vào pháp ấy; biết mình đã hết sanh tử, đã viên thành phạm hạnh, chẳng còn thọ sanh thân ở đời sau nữa.

Bồ tát, dụng pháp vô sở đắc, tu 10 Phật lực như vậy, gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha điễn.

-o0o-

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha điễn, tu 4 vô sở úy.

Thế nào là 4 vô sở úy?

Đó là 4 điều vô úy đã đợc Phật tác chứng, gồm có:

- Phật nói lên lời thành thật rằng: Ta là bậc Nhất thiết chủng trí, nên ta đợc an ổn nơi thánh xứ, đợc vô sở

úy. Tại giữa đại chúng nếu có ai hỏi về một pháp nào, thì ta như sư tử hống sẽ chuyển pháp luân thanh tịnh, chẳng mấy may sợ hãi. Các hàng Sa môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Phạm vương, Ma vương, cùng hết thấy chúng sanh chẳng làm sao có thể chuyển được như vậy. Đây là vô sở úy thứ nhất.

- Phật nói lên lời thành thật rằng: Ta là bậc lậu tận, nên ta được an ổn nơi thánh xứ, được vô sở úy. Tại giữa đại chúng, nếu có ai hỏi về cách dứt trừ phiền não, thì ta như sư tử hống, sẽ chuyển pháp luân thanh tịnh, chẳng mấy may sợ hãi. Tất cả hàng Trời, người, cùng hết thấy chúng sanh khác chẳng làm sao có thể chuyển được như vậy. Đây là vô sở úy thứ hai.

- Phật nói lên lời thành thật rằng: Ta đã như thật biết những pháp làm chướng ngại đạo Giải thoát, nên ta được an ổn nơi thánh xứ, được vô sở úy. Tại giữa đại chúng, nếu có ai hỏi về các pháp chướng đạo, thì ta như sư tử hống, sẽ chuyển pháp luân thanh tịnh, chẳng mấy may sợ hãi.

Tất cả hàng Trời, người cùng hết thấy chúng sanh khác chẳng làm sao có thể chuyển được như vậy. Đây là vô sở úy thứ ba.

- Phật nói lên lời thành thật rằng: Những thánh đạo mà ta truyền dạy, quyết định là đạo xuất thế gian, khiến người y theo đó mà tu hành sẽ được hết khổ, nên ta được an ổn nơi thánh xứ, được vô sở úy. Tại giữa đại chúng, nếu có ai hỏi về các thánh đạo, thì ta như sư tử hống, sẽ chuyển pháp luân thanh tịnh, chẳng mấy may sợ hãi. Tất cả hàng Trời, người cùng hết thấy chúng sanh khác chẳng làm sao có thể chuyển được như vậy. Đây là vô sở úy thứ tư.



**Bồ tát, dụng pháp vô sở đắc, tu 4 vô sở úy như vậy, gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn.**

-o0o-

**Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn, tu 4 vô ngại trí.**

**Thế nào là 4 vô ngại trí?**

**Đó là: Pháp vô ngại trí, nghĩa vô ngại trí, từ vô ngại trí và lạc thuyết vô ngại trí.**

**Bồ tát, dụng pháp vô sở đắc, tu 4 vô ngại trí như vậy, gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn.**

-o0o-

**Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn, tu 18 bất cộng pháp.**

**Thế nào là 18 bất cộng pháp?**

**Đó là:**

- Thân của Phật chẳng có lỗi.
- Miệng của Phật chẳng có lỗi.
- Niệm của Phật chẳng có lỗi.
- Phật chẳng có tướng sai khác.
- Phật thường ở trong định.
- Chẳng có gì mà Phật chẳng biết, nhưng Phật vẫn thường hành xả tâm.
- Ý nguyện lợi sanh của Phật chẳng giảm.

- Tinh tấn của Phật chẳng giảm.
- Niệm của Phật chẳng giảm.
- Thệ của Phật chẳng giảm.
- Giải thoát của Phật chẳng giảm.
- Giải thoát trí kiến của Phật chẳng giảm.
- Tất cả thân nghiệp của Phật đều tùy trí huệ hành.
- Tất cả khẩu nghiệp của Phật đều tùy trí huệ hành.
- Tất cả ý nghiệp của Phật đều tùy trí huệ hành.
- Trí huệ của Phật biết rõ các việc quá khứ vô ngại.
- Trí huệ của Phật biết rõ các việc hiện tại vô ngại.
- Trí huệ của Phật biết rõ các việc vị lai vô ngại.

Bồ tát, dụng pháp vô sở đắc, tu 18 bất cộng pháp như vậy, gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha điển.

**LUẬN:**

Bồ tát được vô sanh pháp nhẫn là đầy đủ 4 chánh căn, và 4 như ý túc. Do nhất tâm tinh tấn tu 4 niệm xứ, mà được chánh căn, lại do vào 4 định là dục định, tâm định, tinh tấn định và tư duy định, mà khi xuất định liền được 4 như ý túc.

**Hỏi:** *Như vậy vì sao chẳng nói là “trí xứ” mà lại nói là “niệm xứ”?*

**Đáp:** Lúc ban đầu tu tập, hành giả chưa có trí nên phải lấy niệm làm cửa ban đầu (sơ môn) dẫn vào đạo. Do thường niệm mà tùy theo niệm đó, trí huệ được dẫn sanh. Cho nên trong kinh thường nói trí huệ là thật thể của 4 niệm xứ. Vì sao? Vì do quán nội thân, do quán ngoại thân, do quán nội

ngoại thân mà trí huệ được phát sanh. Nếu niệm trí huệ, ngay khi duyên mà tâm chẳng tán loạn thì được 4 chánh căn.

Nên biết 4 chánh căn gồm có:

\* 2 pháp đoạn ác và bất thiện pháp. Đó là:

- Ác và bất thiện pháp chưa sanh thì ngăn đừng cho sanh.
- Ác và bất thiện pháp đã sanh, thì liền phải dứt trừ.

\* 2 pháp dẫn sanh thiện pháp. Đó là:

- Thiện pháp chưa sanh thì khiến cho sanh.
- Thiện pháp đã sanh thì khiến cho tăng trưởng.

Tuy nhiên nếu hành chánh căn quá mức, thì sẽ sanh “trí hoá”. Vì sao? Vì trí huệ còn cạn mỏng, mà gió tinh tấn thổi quá mạnh quá nhiều, thì sẽ bị nhiễm, bị lung lạc.

Bởi vậy nên lại phải tu định để làm lắng dịu sự kích động quá mức độ của gió tinh tấn.

Hành giả tu định lần lượt theo 4 pháp tu sau đây:

- “Dục định” dẫn thành tựu “dục như ý túc”.
- “Tâm định” dẫn thành tựu “niệm như ý túc”.
- “Tinh tấn định” dẫn thành tựu “tinh tấn như ý túc”.
- “Tu duy định” dẫn thành tựu “tu duy như ý túc”.

Tu 4 định trên đây dẫn thành tựu được 4 chỗ mong muốn như ý nguyện nên gọi là được “4 như ý túc”.

Tất cả 12 pháp trợ đạo (4 niệm xứ, 4 chánh căn và 4 như ý túc) nêu trên đây ví như thân cây lớn được giữ vững bởi 5 cái rễ bám sâu vào lòng đất. Đó là 5 căn gồm: tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn và huệ căn.

Hành giả phải y nơi 5 căn mà tu hành mới sanh được 5 lực.

5 lực gồm: Tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực và huệ lực. Ví như con dao sắc bén cắt được các vật, 5 lực có công năng cắt đứt sự ràng buộc của các phiền não, kiết sử.

Có đầy đủ 5 lực rồi hành giả mới có thể thẳng tiến trên đường đạo, tu 7 giác chi và tu 8 thánh đạo vậy.

**Hỏi:** *Vì sao Bồ tát tu 37 Phẩm trợ đạo mà chẳng hướng về Niết Bàn?*

**Đáp:** Do thâm nhập bản nguyện đại bi, nên dù biết rõ thật tướng pháp, mà Bồ tát chẳng hướng về Niết Bàn, trái lại, nguyện ở lại trong 3 cõi nhằm rộng độ hết thảy chúng sanh. Do vậy mà chư đại Bồ tát thường được chư Phật trong khắp 10 phương đồng hộ niệm.

-o0o-

Trong kinh nói Bồ tát vào Thất địa, ngoài thì quán “pháp không”, trong thì quán “ngã không”.

Ví như người nằm mộng thấy mình bị trói, mà khi tỉnh dậy thấy mình chẳng bị trói buộc gì cả, nên biết rõ cái “Ta” ở trong mộng chỉ là hư dối, chẳng phải thật có, là không, là bất khả đắc.

Cũng như vậy, ngay khi vừa được tỉnh ngộ, Bồ tát biết rõ tâm là điên đảo, hư vọng, quyết diệt tâm hư vọng đó. Do vậy mà Bồ tát được chư Phật trong khắp 10 phương xoa đầu thọ ký, và khuyên rằng: Người chớ sanh hối tâm, hãy niệm bản nguyện của mình, người hãy vì những chúng sanh chưa ngộ đạo, mà dùng pháp không để giáo hoá họ, người mới chỉ được một số ít pháp môn, còn chư Phật trong mười phương

có vô lượng pháp môn mà người chưa có được, nên người phải tu tập quán pháp “Không” mà chẳng nên chấp đắm pháp “Không”, người chưa được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, chưa được đầy đủ 18 bất cộng pháp, nên còn phải tu tập cho đầy đủ, mới tọa được đạo tràng như chư Phật. Lại nữa, người phải dùng “bất khả đắc không” để tu tập các pháp. Vì sao? Vì hành như vậy là hành Bát nhã Ba-la-mật, nhờ vậy mà người sẽ thấy rõ hết thấy pháp thế gian đều do duyên hoà hợp sanh, đều là rốt ráo không, đều là bất khả đắc, dẫn đến các tham ưu thế gian cũng đều là rốt ráo không, đều là bất khả đắc, và đều phải được tiêu trừ.

-o0o-

#### KINH:

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha điển nhập các tự ngữ môn, mà ở nơi các tự, ở nơi các ngữ đều bình đẳng.

Thế nào là nhập các tự ngữ môn bình đẳng?

Ví như:

- Nhập tự môn “A”, biết rõ hết thấy pháp là bất sanh.
- Nhập tự môn “La”, biết rõ hết thấy pháp là ly cấu.
- Nhập tự môn “Ba”, biết rõ hết thấy pháp là đệ nhất nghĩa.
- Nhập tự môn “Giá”, biết rõ hết thấy pháp bất khả đắc, là bất sanh, bất diệt.
- Nhập tự môn “Na”, biết rõ hết thấy pháp là ly, danh tướng, vì là bất đắc, bất thất.

- Nhập tự môn “Lã”, biết rõ hết thầy pháp thoát ra ngoài thế gian, khi chi Ái, trong 12 chi nhân duyên, diệt.

- Nhập tự môn “Dà”, biết rõ do xả thí mà các thiện pháp sanh.

- Nhập tự môn “Bà”, biết rõ các pháp là ly.

- Nhập tự môn “Trà” biết rõ các pháp là thanh tịnh.

- Nhập tự môn “Sa”, biết rõ các pháp tự tại, vì tự tánh thanh tịnh.

- Nhập tự môn “Hòa”, là dứt bật các ngôn ngữ.

- Nhập tự môn “Đa”, là vào các pháp như tướng, bất động.

- Nhập tự môn “Dạ”, là vào các pháp như thật bất sanh.

- Nhập tự môn “Tra”, là vào các pháp chiết phục, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Ca”, là vào các pháp tác giả, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Ta”, là vào các pháp thời gian, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Ma”, là vào các pháp ngã sở, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Già”, là vào các pháp khứ giả, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Tha”, là vào các pháp xứ sở, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Xà”, là vào các pháp sanh, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Bả”, là vào các pháp bảo tự, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Đà”, là vào các pháp tánh, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Xa”, là vào các pháp định, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Khu”, là vào các pháp hư không, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Xoa”, là vào các pháp diệt tận, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Đá”, là vào các pháp hữu, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Nhã”, là vào các pháp trí, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Tha”, là vào các pháp tha tự, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Bã”, là vào các pháp phá hoại, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Xa”, là vào các pháp dục, bất khả đắc, 5 âm cũng bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Ma”, là vào các pháp ma tự, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Hỏa”, là vào các pháp hô hoán, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Ta”, là vào các pháp ta tự, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Noa”, là vào các pháp khứ lai, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Phả”, là vào các pháp biên bờ, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Ca”, là vào các pháp tập hợp, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Sai”, là vào các pháp sai tự, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Già”, là vào các pháp hiện hành, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Tra”, là vào các pháp tà vạy, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Trà”, là biết rõ các pháp là chỗ tốt bờ

bén, nên là bất sanh, bất diệt.

Này Tu Bồ Đề! Các tự môn là chẳng có ngại (vô ngại), chẳng có tên (vô danh), chẳng có diệt, chẳng có nói lên được, chẳng chỉ được, chẳng thấy được, cũng chẳng ghi chép được.

Phải biết, hết thảy các pháp đều là như hư không. Đây là nghĩa của đà la ni môn, nghĩa của tự môn vậy.

Nếu có Bồ tát ở nơi các tự môn mà ẩn được tự môn “A”, hoặc nghe, hoặc thọ, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc trì, hoặc giảng nói cho người khác nghe, thì phải biết vị Bồ tát ấy sẽ được 20 công đức, đó là:

1/ Được nhớ biết dai.

2/ Được tâm quý.

3/ Được rõ nghĩa thú của kinh.

4/ Được tâm kiên cố.

5/ Được trí huệ

6/ Được lạc thuyết vô ngại.

7/ Dễ được các đà la ni môn khác.

8/ Được tâm chẳng có nghi hối.

9/ Được tâm vô phân biệt, nghe việc lành chẳng vui, nghe việc ác chẳng giận.

10/ Được tâm an định, chẳng cao thấp, chẳng tăng giảm.

11/ Được các phương tiện thiện xảo, biết rõ các ngôn ngữ của chúng sanh.

12/ Khéo phân biệt 5 âm, 12 nhập, 18 giới, 12 nhân duyên, 4 đế, 4 duyên, v.v...



13/ Khéo phân biệt các căn lợi độn của chúng sanh.

14/ Khéo phân biệt thời tiết, năm tháng, ngày giờ.

15/ Khéo phân biệt tâm niệm của người khác,

16/ Được túc mạng thông.

17/ Được sanh tử thông.

18/ Được thiên nhĩ thông.

19/ Khéo thuyết về thị xứ và phi xứ.

20/ Được 4 oai nghi ở thân.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát dụng pháp vô sở đắc, vào “đà la ni tỳ môn” như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha điện.

### LUẬN:

Đà la ni môn là các tỳ môn bình đẳng, chẳng có phân biệt, Bồ tát vào đà la ni môn thì ở nơi hết thảy pháp đều được thông đạt vô ngại. Đây là đà la ni tỳ môn.

*Hỏi: Nói hẹp thì có 5.000 đà la ni môn, nói rộng thì có vô lượng đà la ni môn. Vì sao nay chỉ nói về các “đà la ni tỳ môn” mà thôi?*

**Đáp:** Đây chỉ mới là cửa ban đầu (sơ môn) và các đà la ni.

Lại nữa, các đà la ni đều y theo sự phân biệt các tỳ mà được hình thành. Trên đây có nêu ra 40 tỳ. Các tỳ này là căn bản của hết thảy các tỳ môn. Nhân nói “tỳ” mà có ngôn thuyết, nhân nói “ngôn thuyết” mà có “danh”, rồi nhân nói “danh” mà có “nghĩa”.

Bồ tát khi nghe “tỳ” liền được rõ “nghĩa”.

Trong đoạn kinh trên đây có nêu lên tỳ đầu tiên là “A”, tỳ sau cùng là “Trà”, ở khoảng giữa có 38 tỳ, tổng cộng là 40 tỳ.

Đây là căn bản của hết thảy ngữ pháp. Ví như khi nghe tự “A” là biết rõ các pháp là bất sanh, khi nghe tự “Trà” là biết rõ các pháp là chỗ tốt bờ bên, nên là bất sanh, bất diệt, bất khả đắc.

Các tự này đều ở trong thế gian, nên vào được hết thảy ngữ ngôn một cách vô ngại. Ví như các chất nước, dù có khác nhau vẫn có thể hòa đồng một cách vô ngại vậy.

Nên biết chúng sanh do chấp các sắc pháp mà lập ra các danh tự, nhưng danh tự là bất khả đắc.

Khi nghe một đà la ni tự môn, mà chẳng rõ nghĩa thì chẳng có thể thấy, chẳng có thể biết được. Thế nhưng khi đã biết rõ nghĩa của tự môn rồi thì văn tự, ngữ ngôn liền diệt. Lúc bấy giờ mới thật liễu nghĩa của tự môn.

**Hỏi:** *Các đà la ni có vô lượng công đức. Vì sao chỉ nói đến 20 công đức mà thôi?*

**Đáp:** Cũng như Bát nhã Ba-la-mật, các đà la ni môn có vô lượng công đức. Ở trên đây chỉ lược nói đến 20 công đức để chúng sanh dễ nhớ. Bồ tát khi đã vào được các đà la ni môn rồi, thường quán tự tướng của các pháp tu tập, và nhớ nghĩ các thiện pháp nên tâm được kiên cố như kim cang, có đầy đủ các phước đức trí huệ, để rồi vì chúng sanh mà thuyết pháp cho họ nghe.

-o0o-

Nên biết có 5 phương tiện thuyết pháp. Đó là:

- Do biết các pháp môn mà thuyết pháp.
- Do biết rõ một vấn đề gì mà thuyết pháp.

- Biết dùng các lực phương tiện khi thuyết pháp.
- Biết khai thị nghĩa lý khi thuyết pháp.
- Biết dùng tâm đại bi mà thuyết pháp cho người trí nghe.

-o0o-

Bồ tát vào được đà la ni, biết rõ các tự, cũng như các ngôn ngữ đều là “danh không”, nên là “nghĩa không”, là “rót ráo không” vậy.

Do biết rõ như vậy nên Bồ tát vào được Bát nhã Ba-la-mật, được trí huệ thanh tịnh, được lạc thuyết vô ngại.

Bồ tát dùng bản nguyện đại bi, rộng độ chúng sanh, nên khi vào đà la ni rồi thì được lạc thuyết vô ngại, dễ như chẻ tre vậy.

Bồ tát vào được đà la ni rồi thì đương nhiên được vô ngại nhập vào nơi thật tướng pháp.

Lại nữa, khi Bồ tát vào được đà la ni rồi thì được tự tại, vô ngại, nên dù có người đến mắng nhiếc, đánh đập, dẫn đến ám hại... cũng chẳng có giận, dù có người đến cúng dường, tán thán... cũng chẳng vui. Bồ tát xem thương ghét, bạn thù đều bình đẳng, nên khéo biết các ngôn ngữ của chúng sanh, khéo biết thời tiết, năm tháng, ngày giờ..., khéo biết các sự việc quá khứ, hiện tại và vị lai. Biết như vậy mà Bồ tát vẫn chẳng thủ chấp các pháp tướng, vì biết rõ các pháp tướng đều là vô sở hữu.

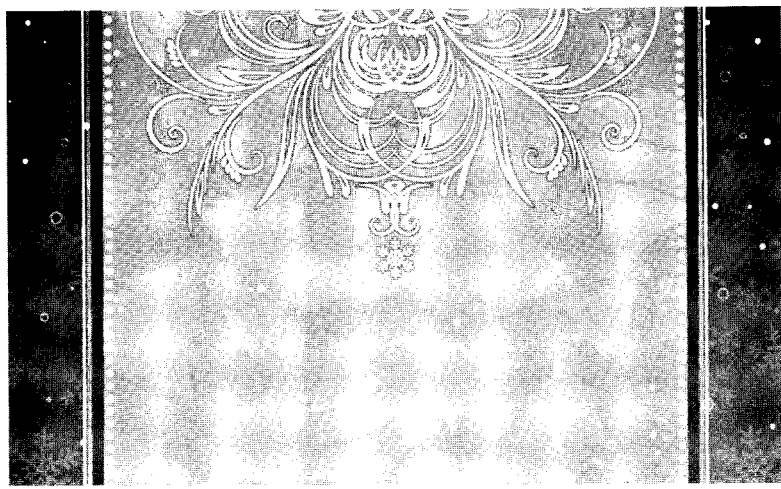
Bồ tát biết rõ các pháp thế gian đều do duyên hòa hợp sanh, nên đều là giả thi thiết, đều là hư dối, là vô sở hữu.

Phật thường dạy rằng: Các pháp thế gian đều là như

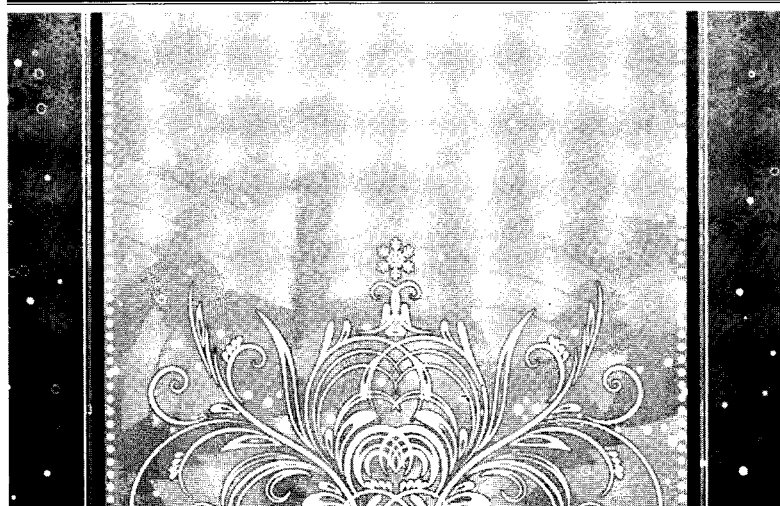
mộng, như huyễn... đều do tâm chúng sanh vọng chấp mà được tạo ra cả.

Bồ tát dụng pháp vô sở đắc, khéo phân biệt các pháp như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn.

(Hết quyển 48)



**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 49**





## Phẩm Thứ Hai Mươi



### Phát Thú Thập Địa (Hướng Đến Mười Địa)

**KINH:**

Phật bảo ngài Tu Bồ Đề: Này Tu Bồ Đề! Ông hỏi thế nào gọi là Bồ tát Ma ha tát phát thú thập địa chẳng?

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật, từ sơ địa dẫn đến thập địa, gọi là Bồ tát Ma ha tát phát thú thập địa.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ tát Ma ha tát hành tương tục 6 pháp Ba-la-mật, từ sơ địa dẫn đến thập địa?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma ha tát biết các pháp chẳng có các tướng khứ lai, cũng biết rõ chẳng có pháp khứ lai, vì pháp tướng là bất diệt vậy.

Bồ tát Ma ha tát ở nơi các địa chẳng niệm, chẳng tư duy, nên tu tập “trị địa nghiệp”, mà cũng chẳng thấy các địa.

Thế nào là “trị địa nghiệp”?

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma ha tát an trú sơ địa tu 10 pháp, gồm:

1. Thâm tâm kiên cố mà biết rõ tâm là bất khả đắc.
2. Giữ tâm bình đẳng đối với hết thấy chúng sanh, mà biết rõ chúng sanh là bất khả đắc.

3. Xả tâm hành bố thí mà biết rõ người thọ thí là bất khả đắc.

4. Thân cận thiện tri thức mà chẳng sanh cao tâm.

5. Thường cầu pháp mà biết rõ các pháp là bất khả đắc.

6. Thường xuất gia mà biết rõ “gia” là bất khả đắc.

7. Ái ngưỡng Phật, mà biết rõ các tướng tốt của Phật là bất khả đắc.

8. Diển nói pháp, mà biết rõ phân biệt nói pháp là bất khả đắc.

9. Phá pháp kiêu mạn, phát sanh trí huệ mà biết rõ trí huệ là bất khả đắc.

10. Dùng thật ngữ, mà biết rõ ngôn ngữ là bất khả đắc.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát, an trú sơ địa, trì địa nghiệp đầy đủ 10 pháp.

-o0o-

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma ha tát, an trú nhị địa, thường niệm 8 pháp, gồm:

1. Giới thanh tịnh.

2. Biết ơn và báo ơn.

3. Nhẫn nhục.

4. Thọ hoan hỷ.

5. Chẳng xả chúng sanh.

6. Vào đại bi tâm.

7. Tin kính sư trưởng.



**8. Siêng tu 6 pháp Ba-la-mật.**

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát an trú nhị địa, thường niệm đầy đủ 8 pháp.

-o0o-

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma ha tát, an trú tam địa hành 5 pháp, gồm:

1. Học vấn nhiều mà chẳng nhàm chán.
2. Thanh tịnh hành pháp thí, mà chẳng sanh cao tâm.
3. Trang nghiêm Phật độ mà chẳng sanh cao tâm.
4. Nhẫn thọ vô lượng khổ của thế gian mà chẳng nhàm chán.
5. Thường trú trong tâm quý.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát an trú tam địa, hành đầy đủ 5 pháp.

-o0o-

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma ha tát an trú tứ địa, chẳng bỏ 10 pháp, gồm:

1. Chẳng bỏ A lan nhã xứ.
2. Tri túc.
3. Thiếu dục.
4. Chẳng xả công đức đầu đà.
5. Chẳng xả giới, chẳng chấp các giới tướng.
6. Nhàm chán thế gian, tuận Niết Bàn.

7. Ghét bỏ các dục nhiễm.

8. Xả bỏ các vật sở hữu.

9. Tâm chẳng chìm đắm.

10. Chẳng ôm giữ các vật.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát an trú tứ địa, chẳng bỏ 10 pháp.

-o0o-

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma ha tát an trú ngũ địa, xa lìa 12 pháp, gồm:

1. Xa lìa người thân bạch y.

2. Xa lìa Tỷ-kheo ni.

3. Xa lìa xan tham,

4. Xa lìa lời nói vô ích.

5. Xa lìa sự nóng giận.

6. Xa lìa sự tự cao.

7. Xa lìa sự khinh người.

8. Xa lìa 10 bất thiện đạo.

9. Xa lìa sự đại mạn.

10. Xa lìa sự tự dụng, ích kỷ.

11. Xa lìa điên đảo.

12. Xa lìa tham, sân, si.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát an trú ngũ địa, thường xa lìa 12 pháp.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma ha tát an trú lục địa, hành đầy đủ 6 pháp. Đó là 6 pháp Ba-la-mật.

Và chẳng làm 6 pháp gồm:

1. Chẳng móng tâm Thanh Văn và tâm Bích Chi Phật.
2. Chẳng sanh ưu phiền, khi hành bố thí.
3. Chẳng trốn tránh trước sự cầu xin của người.
4. Chẳng luyến tiếc các vật sở hữu đã đem ra bố thí.
5. Chẳng sanh hối tâm, sau khi hành bố thí.
6. Chẳng khởi tâm nghi về các pháp thậm thâm.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát, an trú lục địa, hành đầy đủ 6 pháp, và chẳng hành 6 pháp.

-o0o-

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma ha tát, an trú thất địa, chẳng chấp 20 pháp, và hành đầy đủ 20 pháp.

\* 20 pháp chẳng chấp, gồm:

1. Chẳng chấp ngã.
2. Chẳng chấp chúng sanh.
3. Chẳng chấp thọ giả.
4. Chẳng chấp chúng sanh số, ... tri giả, kiến giả.
5. Chẳng chấp đoạn kiến.
6. Chẳng chấp thường kiến.
7. Chẳng chấp tác tướng.
8. Chẳng chấp tác nhân tướng.

9. Chǎng chấp danh sắc.

10. Chǎng chấp 5 âm.

11. Chǎng chấp 12 nhập.

12. Chǎng chấp 18 giới.

13. Chǎng chấp 3 cõi.

14. Chǎng chấp trú xứ.

15. Chǎng chấp chỗ mong cầu.

16. Chǎng chấp chỗ y chỉ.

17. Chǎng chấp y nơi Phật.

18. Chǎng chấp y nơi Pháp.

19. Chǎng chấp y nơi Tăng,

20. Chǎng chấp y nơi Giới.

\* 20 pháp hành đầy đủ, gồm:

1. Đầy đủ “không”.

2. Chứng vô tướng.

3. Biết vô tác.

4. 3 phần thanh tịnh.

5. Từ bi với hết thảy chúng sanh.

6. Chǎng niệm tướng về hết thảy chúng sanh.

7. Quán hết thảy pháp bình đẳng, mà chǎng chấp trước.

8. Biết thật tướng của các pháp, mà chǎng niệm tướng.

9. Vô sanh pháp nhãn.

10. Vô sanh trí.

11. Thuyết pháp nhất tướng.
12. Pháp phân biệt tướng.
13. Chuyển ức tướng.
14. Chuyển kiến.
15. Chuyển phiên não.
16. Bình đẳng huệ.
17. Lấy huệ điều ý.
18. Tâm tịch diệt.
19. Vô ngại trí.
20. Chẳng nhiễm ái.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát, an trú thất địa, chẳng chấp 20 pháp, và hành đầy đủ 20 pháp.

-o0o-

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma ha tát an trú bát địa, phải hành đầy đủ 5 pháp, và nên hành đầy đủ 5 pháp.

\* 5 pháp phải hành đầy đủ, gồm:

1. Tuỳ thuận chúng sanh tâm.
2. Du hý thần thông, quán các Phật quốc.
3. Quán tự trú nơi các Phật quốc.
4. Tự trang nghiêm Phật quốc của mình, như các Phật quốc mà mình đã thấy.
5. Như thật quán pháp thân, và tự trang nghiêm pháp thân.

**\* 5 pháp nên đầy đủ gồm:**

- 1. Biết căn tánh cao thấp của chúng sanh.**
- 2. Thanh tịnh Phật độ.**
- 3. Nhập “như huyễn tam muội”.**
- 4. Tùy chúng sanh, thường nhập vào các tam muội.**
- 5. Tùy theo căn tánh chúng sanh, mà thị hiện thọ thân.**

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát an trú bát địa, phải hành đầy đủ 5 pháp, và nên hành đầy đủ 5 pháp.

-o0o-

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma ha tát an trú cửu địa, phải hành đầy đủ 12 pháp gồm:

- 1. Thọ vô biên thế giới.**
- 2. Được như sở nguyện.**
- 3. Biết ngôn ngữ các loài.**
- 4. Thành tựu sanh thai.**
- 5. Thành tựu gia đình.**
- 6. Thành tựu chỗ sanh.**
- 7. Thành tựu dòng họ.**
- 8. Thành tựu quyến thuộc.**
- 9. Thành tựu xuất sanh.**
- 10. Thành tựu xuất gia.**
- 11. Thành tựu “Bồ đề thọ” trang nghiêm.**
- 12. Thành tựu hết thấy các thiện công đức.**

Như vậy gọi là Bồ tát Ma Ha Tát an trú cứu địa, phải hành đầy đủ 12 pháp.

-o0o-

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma ha tát an trú thập địa, là như Phật rồi vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát, an trú sơ địa, trị địa nghiệp, từ thâm tâm kiên cố, ..., dẫn đến dùng thật ngữ?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nên biết:

- Nếu Bồ tát, dùng theo Tát bà nhã tâm, tích tập các thiện tâm, thì gọi là Bồ tát thâm tâm kiên cố trị địa nghiệp.

- Nếu Bồ tát khởi 4 vô lượng tâm (từ, bi, hỷ, xả) thì gọi là Bồ tát sanh tâm bình đẳng đối với hết thảy chúng sanh.

- Nếu Bồ tát bố thí cho hết thảy chúng sanh, mà chẳng sanh tâm phân biệt, thì gọi là Bồ tát xả tâm hành bố thí.

- Nếu Bồ tát thân cận, cúng dường cho các bậc cao minh đã dạy dỗ và dẫn dắt mình đến Nhất thiết chủng trí, thì gọi là Bồ tát thân cận thiện tri thức.

- Nếu Bồ tát, đúng theo Tát bà nhã tâm, cầu pháp, mà chẳng cầu chứng quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật, thì gọi là Bồ tát thường cầu pháp.

- Nếu Bồ tát đời đời chẳng sanh tạp tâm, thường ở trong Phật pháp, xuất gia mà chẳng chướng ngại, thì gọi là Bồ tát xuất gia trị địa nghiệp.

- Nếu Bồ tát thấy thân tướng đon nghiêm của Phật,

mà trọn chẳng rời Phật, mãi cho đến khi được Vô thượng bồ đề, thì gọi là Bồ tát ái ngưỡng Phật thân.

- Nếu Bồ tát đem lời của Phật hiện tại, hoặc lời của chư Phật quá khứ, để diễn nói cho chúng sanh, làm cho họ thấy rõ các nghĩa diệu thiện, cùng các lời thanh khiết thuyết giảng ở trong 12 bộ kinh, thì gọi là Bồ tát diễn nói giáo pháp thanh tịnh, xuất thế gian.

- Nếu Bồ tát phá kiêu mạn, nguyện đời nào cũng thọ sanh vào nhà hạ tiện, thì gọi là Bồ tát phá kiêu mạn trị địa nghiệp.

- Nếu Bồ tát y như chỗ nói mà làm, thì gọi là Bồ tát dùng thật ngữ trị địa nghiệp.

Trên đây, tóm lược quá trình tu tập 10 sự trị địa nghiệp của hàng Bồ tát, trú trong sơ địa.

### **LUẬN:**

Trước đây ngài Tu Bồ Đề hỏi về Ma ha diễn, và đã được Phật giải đáp. Nay ngài hỏi thêm về sự phát thú của người tu theo Đại thừa và tướng của người tu Đại thừa.

Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn biết rõ hết thấy pháp, từ vô thi đến nay đều là vô khứ, vô lai, bất động, bất tĩnh, bất xuất, bất nhập... vì pháp tánh là thường trú.

Lại nữa, Bồ tát Ma ha tát dùng đại bi tâm, tinh tấn tu 6 pháp Ba-la-mật, dùng các lực phương tiện trở lại trần gian, tu tập thiện pháp, để cầu các thánh địa, nhưng chẳng có chấp các địa tướng.

**Hỏi:** *Như vậy là phát thú Đại thừa. Vì sao lại nói phát thú Thập địa?*



**Đáp:** Đại thừa lấy “Địa” là căn bản. Quá trình tu tập của Bồ tát Đại thừa gồm có 10 Địa. Bồ tát tu từ Sơ địa... dần dần đến Thập Địa, nên gọi là phát thú Thập Địa.

Ví như khởi đầu tập cỡi ngựa, xong, bỏ ngựa tiến lên cỡi voi, rồi mới bỏ voi tiến lên cỡi rồng vậy.

**Hỏi:** 10 Địa gồm những Địa nào?

**Đáp:** Nói về “Địa” cần phân biệt rõ 2 nghĩa, đó là:

- Cộng Địa.

- Bồ tát Địa.

Cộng Địa bao gồm các địa từ Càn huệ Địa đến Phật Địa.

Ở nơi đây chỉ bàn về Bồ tát Địa, gồm 10 Địa sau đây:

Hoan hỷ địa, Ly cấu địa, Phát quang địa, Tăng diệu địa, Nan thắng địa, Hiện tiền địa, Thâm nhập địa, Bất động địa, Thiện tướng địa, và Pháp vân địa.

Tướng của các “địa” được nêu rõ trong bộ Thập Địa luận.

-o0o-

Bồ tát vào Sơ địa phải tu tập đầy đủ 10 pháp, từ thâm tâm kiên cố trị địa nghiệp, ..., dẫn đến thật ngữ trị địa nghiệp.

Ngài Tu Bồ Đề tuy đã biết rõ, nhưng vì muốn đoan nghi cho chúng sanh mà ngài hỏi Phật: Thế nào gọi là trị địa nghiệp?

Phật dạy: Bồ tát phải đúng theo Tát bà nhã tâm mà tu tập các thiện căn, mới được gọi là Bồ tát thâm tâm kiên cố trị địa nghiệp.

Cũng nên biết, Tát bà nhã tâm là Vô thượng bồ đề tâm.

Bồ tát phát Vô thượng bồ đề tâm, phát nguyện rằng: Trong đời vị lai sẽ thành Phật để độ thoát hết thảy chúng sanh.

Nếu Bồ tát lợi căn, có phước đức nhiều, nghiệp chướng ít, phiền não mỏng, thì ngay khi phát tâm đã liền được thâm tâm kiên cố, đã thâm nhập vào Phật đạo.

Bồ tát ra đời cũng chỉ vì Nhất thiết chủng trí, nên ở trong bất cứ trường hợp nào, Bồ tát cũng nguyện tu hết thảy các công đức như bố thí, trì giới, nhẫn nhục, thiền định... Bồ tát cũng tu hết thảy các công đức như vậy mà chẳng cầu phước báo ở cõi Trời, cõi người, chẳng cầu được thọ mạng an ổn...

**Hỏi:** *Bồ tát chưa vào được Nhất thiết chủng trí, chưa niệm được vị Nhất thiết chủng trí thì làm sao có được thâm tâm?*

**Đáp:** Trước đây đã nói rằng người thiện căn, đại trí, do phiền não mỏng, do phước đức sâu dày, nên chẳng có đấm cháp đục lạc thế gian. Hạng người này khi chưa được nghe pháp Đại thừa mà đã được như vậy rồi, nên khi vừa được nghe pháp Đại thừa là liền có được thâm tâm.

Ví như ngài Ma Ha Ca Diếp có vợ xinh đẹp đoan trang mà ngài vẫn cắt ái, xuất gia theo Phật, để cầu giải thoát. Lại ví như người con trai của vị trưởng giả Gia Xá, đêm đêm thấy các thế nữ xinh đẹp nằm ngủ như những xác chết, đã cương quyết từ bỏ đục lạc, đem 10 vạn lạng vàng để bên bờ sông, rồi vượt qua sông tìm đến chỗ Phật, xin được xuất gia.

Như vậy, ở trong thế gian cũng có vô số người, từ các bậc vua chúa đến hàng thường dân, nhằm chán đục lạc, ra đi tìm đạo.

Chư vị Bồ tát đã đầy đủ công đức nhân duyên, nên vừa nghe thuyết pháp Đại thừa liền được thâm nhập vào đạo vậy.

Trong phẩm “*Tát Đà Bà Luân*” có nêu trường hợp một người con gái của một vị trưởng giả chỉ thoát nghe người tán thán công đức của Phật, đã liền xin cha mẹ đến chỗ Bồ tát Đàm Vô Kiệt để được nghe thuyết về Bát nhã Ba-la-mật. Do nàng đã có thiện căn thuần thực, nên vừa nghe thuyết giảng là liền được thâm tâm. Vì sao? Vì khi 5 căn đã được thuần thực thì phân biệt rõ được thiện ác, lúc bấy giờ 10 thiện đạo, ..., dẫn đến pháp Thanh Văn cũng còn muốn nghe hưởng nữa là nghe pháp Vô Thượng.

Lại nữa, Bồ tát sơ phát tâm Vô thượng bồ đề đã là tối thượng trong thế gian rồi, hưởng nữa là khi Bồ tát đã thành tựu được viên mãn Vô thượng bồ đề tâm.

Bồ tát khi đã hưởng được khí vị của Bát nhã Ba-la-mật rồi, liền sanh thâm tâm, nên rất vui mừng. Ví như người bị giam cầm lâu ngày trong ngục tối, vừa thấy ánh sáng là liền sanh tâm hoan hỷ, Bồ tát khi thấy được ánh sáng quang minh của Phật, liền sanh thâm tâm nên rất vui mừng. Vì sao? Vì Bồ tát do duyên nghiệp đời trước, bị giam hãm trong 12 nhập vô minh, hắc ám, khiến chỗ thấy biết đều bị sai lệch. Nay được nghe Bát nhã Ba-la-mật, được hưởng khí vị Bát nhã Ba-la-mật, nên liền thâm tâm niệm Nhất thiết chủng trí, với hy vọng ra khỏi 3 cõi, 6 loài, lại tự nguyện đem phương tiện quang minh độ thoát hết thảy chúng sanh cùng ra khỏi 3 cõi, 6 loài như mình vậy.

Lại nữa, khi phát Vô thượng bồ đề tâm, Bồ tát đã nguyện đem đại bi tâm, thương hết thảy chúng sanh như thương Phật.

Thâm nhập đại bi làm lợi ích cho chúng sanh, là tướng “thâm tâm” vậy. Khi vào Sơ địa, Bồ tát đã thường hành đại bi nên thường sanh tâm bình đẳng đối với hết thảy chúng sanh, xem oán thân là một, xem bạn thù chẳng phải hai. Tình

thương của Bồ tát đối với chúng sanh bao la như biển lớn, nên chẳng mảy may phân biệt.

Phật lại nói rằng Bồ tát thường hành 4 vô lượng tâm.

Nghĩa của 4 vô lượng tâm như sau:

1. Thấy chúng sanh mà đem lòng thương xót, nên sanh từ tâm.

2. Thấy chúng sanh khổ mà phát nguyện cứu khổ cho chúng sanh, nên sanh bi tâm.

3. Thấy chúng sanh mà phát nguyện muốn cho hết thảy chúng sanh đều thành Phật, nên sanh hỷ tâm.

4. Thấy hết thảy chúng sanh chẳng khổ, chẳng lạc, nên sanh xả tâm.

-o0o-

Ngoài ra cũng nên biết, xả có 2 nghĩa, đó là:

- Xả tài và hành bố thí.

- Xả kiết sử.

“Xả” theo nghĩa thứ nhất là xả xan tham, còn theo nghĩa thứ hai thì đó là xả kiết sử. Bồ tát phải tu đến Thất Địa mới hoàn toàn xả sạch kiết sử.

**Hỏi:** “Xả” có rất nhiều nghĩa khác nhau. Trong kinh có nói đến xả pháp thế gian và xả pháp xuất thế gian. Như vậy vì sao Phật nói “vô phân biệt” và “chánh ức tướng” nhiếp về trí xuất thế gian?

**Đáp:** “Xả” có rất nhiều tướng. Nay chỉ nói theo nghĩa của pháp Đại thừa. Là xả mà chẳng thủ chấp tướng. Đây là

nhằm dạy Bồ tát bồ thí đúng như pháp, nghĩa là bồ thí mà chẳng chấp tướng, chẳng chấp có tướng người thí, tướng vật đem ra bồ thí, và tướng người thọ thí.

-o0o-

Người cầu pháp cần phải biết rõ 3 điều sau đây:

1. Niết Bàn là pháp vô thượng trong hết thảy các pháp.
2. Tu 8 Thánh đạo là phương tiện dẫn đến Niết Bàn.
3. Hết thảy các thiện ngữ và thật ngữ trợ giúp rất nhiều cho việc tu tập 8 Thánh đạo.

Người cầu pháp cũng nên biết có đến 8 vạn 4 ngàn pháp môn tu, trình bày rải rác trong 12 bộ kinh, thuộc 4 tạng:

- A Hàm.
- A Tỳ Đàm.
- Tỳ Ni.
- Tạp Tạng.

Người cầu pháp cũng nên biết rằng, kinh *Bát nhã Ba-la-mật* và các kinh Ma ha diễn nhiếp về pháp Đại thừa.

Lại nữa, người cầu pháp phải đọc chép, diễn dịch, chánh ức niệm về các kinh điển, nhằm có được các lực phương tiện trị các tâm bệnh của chúng sanh. Vậy nên người cầu pháp phải thường tu tập “lạc pháp”, chẳng nên tiếc thân mạng của mình.

Trong kinh có chép các mẫu chuyện sau đây:

\* Phật Thích Ca Mưu Ni khi còn là Bồ tát, dù sanh ra vào thời kỳ không có Phật, dù chẳng nghe được các thiện ngữ trong 4 phương, mà vẫn tâm cầu “lạc pháp”, tinh tấn chẳng

hề giải đãi. Thấy vậy, Thiên ma hiện thân làm Bà-la-môn đến nói với Bồ tát rằng: “Ta có một bài kệ của Phật, nếu ông thuận lột da làm giấy, chẻ xương làm bút, lấy máu làm mực, thì ta sẽ vì ông nói lạc pháp cho ông nghe”. Bồ tát tự nghĩ “Ta trải qua nhiều đời, nhiều kiếp, chẳng nghe được lạc pháp, nay ta tự nguyện làm y theo lời dặn của vị Bà-la-môn này, để được nghe và được ghi chép bài kệ”. Lúc bấy giờ Thiên ma tự biến thành thân Phật, thuyết bài kệ cho Bồ tát nghe. Vừa nghe xong bài kệ, Bồ tát liền được vô sanh pháp nhãn.

\* Lại nữa, trong một kiếp trước, Phật Thích Ca Mưu Ni còn là Bồ tát, đã tự nguyện đóng 500 cái đinh vào thân để cầu pháp.

Lại nữa, ví như vua Kim Cương tự cắt 500 chỗ trong thân mình, đốt lên làm đèn để cầu pháp.

Như vậy, dù các khổ hạnh rất khó làm, nhưng Bồ tát vì chúng sanh, vẫn nhất tâm tinh tấn cầu pháp, vẫn nhẫn thọ mọi sự đau khổ.

-o0o-

Bồ tát nghe lời Phật dạy “cầu pháp là cầu Nhất thiết chủng trí, chớ nên hướng tâm về Thanh Văn địa và Bích Chi Phật địa”, nên tự nghĩ rằng: Tại gia có rất nhiều tội lỗi gây trở ngại cho sự tu hành, khó được tâm thanh tịnh. Dù ta chẳng xuất gia, thì khi chết đi, ta vẫn phải từ bỏ thân này, các bậc vua chúa, dẫn đến các vị Trời, hưởng bao nhiêu phước lạc, mà vẫn chẳng sao trốn tránh được cảnh chết, ta phải quyết tâm xuất gia cầu Phật đạo, mới mong được giải thoát.

Trên đây, Phật mật ý dạy rằng “xuất gia cầu Phật đạo phải là xuất gia với tâm thanh tịnh, chẳng có tạp nhiễm, khác hẳn với 96 lối xuất gia của các hàng ngoại đạo.

Người xuất gia hành đạo phải giữ chánh kiến.

Trong Phật pháp có phân biệt 2 thứ chánh kiến. Đó là:

- Chánh kiến thế gian.
- Chánh kiến xuất thế gian.

Muốn được chánh kiến xuất thế gian, phải ái ngưỡng Phật thân, và khi nghe tán thán công đức của Phật, phải tự niệm rằng: Vào đời vị lai ta cũng sẽ thành Phật, nay ta nguyện đời đời ái ngưỡng Phật thân, gặp Phật cầu pháp, để rồi vì chúng sanh thuyết giảng Phật pháp cho họ nghe, khuyến họ khi tại gia hành tài thí, khi xuất gia hành pháp thí.

-o0o-

Người trì chánh pháp mà chẳng cầu danh lợi, thì mới có thể vì chúng sanh nói pháp cho họ nghe được, mới có thể hành trì, thuyết giảng và tán thán 6 pháp Ba la mật được.

Vì sao? Vì nếu chỉ do nhằm chán thế gian mà ly gia đình, ly các phiền não, thì đó mới chỉ là “sơ thiện”, nếu thọ trì giảng nói các pháp Nhị thừa, thì là “trung thiện”, phải nói lên được diệu nghĩa của Phật pháp mới gọi là “hảo thuyết”. Cho nên trong kinh nói, nếu hành 8 Thánh đạo thanh tịnh là hành đầy đủ Thánh giáo.

-o0o-

Trong 12 bộ kinh đều có nói về sự phá kiêu mạn. Vì sao? Vì khi xuất gia, trì giới, Bồ tát phải đoạn sạch kiêu mạn. Nếu Bồ tát còn sanh tâm kiêu mạn thì phải tự niệm rằng: Ta đã cạo đầu, nhuộm y, cầm bình bát đi khất thực là nhằm phá kiêu mạn nơi ta, nếu ta còn khởi tâm kiêu mạn thì các công

đức của ta sẽ bị che lấp, khiến chúng sanh chẳng còn tin kính ta nữa, do vậy mà ta phải thọ sanh vào chốn tệ ác, vào các loài súc sanh, hoặc thọ sanh làm người vào nhà hạ tiện.

Kiều mạn có nhiều tội lỗi như vậy, nên dù đời nay có được phước báo sanh vào nhà giàu sang, phú quý, vẫn phải phá tâm kiêu mạn.

-o0o-

Trái lại, thật ngữ là gốc thiện, dẫn sanh lên cõi Trời, nên người hành thật ngữ được nhiều người tín thọ, được vô lượng phước đức.

**Hỏi:** *Thiện khẩu nghiệp có 4. Vì sao ở đây chỉ nói đến thật ngữ mà thôi?*

**Đáp:** Phật pháp quý thật ngữ, vì thật ngữ nhiếp được cả 4 đế. Bồ tát, vào sơ địa, tu xả 4 khẩu nghiệp, nhưng phải lên đến nhị địa mới xả được hoàn toàn. Ở sơ địa, Bồ tát dùng thật ngữ để diễn nói các pháp, mà vẫn biết các ngôn ngữ đều là bất khả đắc.

**Hỏi:** *Vì sao chỉ nói đến 10 pháp tu ở sơ địa mà thôi?*

**Đáp:** Vì Phật dạy rằng Bồ tát tu đầy đủ 10 pháp đó, là vào được sơ địa. Ví như ông thầy thuốc, sau khi chẩn mạch bệnh nhân xong, đã có thể biết rõ bệnh nhân cần dùng những loại thuốc nào, với liều lượng bao nhiêu là đủ để chữa trừ dứt bệnh vậy.

Như vậy, chẳng nên bận tâm đến số lượng pháp tu nhiều hay ít.

-o0o-



**KINH:**

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát, an trú nhị địa thường niệm 8 pháp, từ trì giới thanh tịnh... dẫn đến siêng năng tu tập 6 pháp Ba la mật?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Nên biết:

- Nếu Bồ tát chẳng niệm Thanh Văn tâm và Bích chi Phật tâm, chẳng niệm sự phá giới làm chướng ngại Phật đạo, thì gọi là Bồ tát thường niệm giới thanh tịnh.

- Nếu Bồ tát, khi hành Bồ tát đạo, chẳng quên đền đáp ơn, dù là ơn nhỏ, thì gọi là Bồ tát thường niệm biết ơn và báo ơn.

- Nếu Bồ tát chẳng sân, chẳng não đối với hết thảy chúng sanh, thì gọi là Bồ tát thường niệm nhẫn nhục.

- Nếu Bồ tát lấy sự thành tựu chúng sanh làm niềm vui, thì gọi là Bồ tát thọ hoan hỷ.

- Nếu Bồ tát thường niệm cứu độ hết thảy chúng sanh, thì gọi là Bồ tát chẳng xả chúng sanh.

- Nếu Bồ tát nhẫn thọ khổ nhục của hết thảy chúng sanh, từ chúng sanh thọ khổ trong chốn địa ngục, đến chúng sanh thọ vui ở Niết bàn Thanh Văn, rồi lại nghĩ rằng “Ta phải phát đại bi tâm cứu tất cả chúng sanh, và vì họ mà nhẫn khổ”, thì gọi là Bồ tát vào đại bi tâm.

- Nếu Bồ tát tin kính cầu pháp nơi các bậc sư trưởng, xem thầy như Phật, thì gọi là Bồ tát tin kính sư trưởng.

- Nếu Bồ tát nhất tâm cầu 6 pháp Ba la mật, thì gọi là Bồ tát cần cầu 6 pháp Ba la mật.

Như vậy gọi là Bồ tát, trú nhị địa, thường niệm 8 pháp.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát an trú tam địa, đầy đủ 5 pháp, từ học vấn nhiều chẳng nhàm chán... dẫn đến trú trong tâm quý?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nên biết:

- Nếu Bồ tát đi khắp 10 phương, cầu được nghe và thọ trì chánh pháp của chư Phật, tinh tấn chẳng hề mệt mỏi, thì gọi là Bồ tát học vấn nhiều mà chẳng hề sanh nhàm chán.

- Nếu Bồ tát hành pháp thí, mà chẳng mong cầu danh lợi, cũng chẳng mong cầu Vô thượng bồ đề, thì gọi là Bồ tát thanh tịnh pháp thí, mà chẳng sanh cao tâm.

- Nếu Bồ tát đem tất cả thiện căn công đức hồi hướng về Vô thượng bồ đề, thì gọi là Bồ tát trang nghiêm Phật độ.

- Nếu Bồ tát muốn được các thiện căn đầy đủ, để thành tựu chúng sanh, trang nghiêm Phật độ, dẫn đến để được Nhất thiết chủng trí, mà cần khổ chẳng hề mệt mỏi, thì gọi là Bồ tát nhẫn thọ vô lượng khổ thế gian, chẳng nhàm chán.

- Nếu Bồ tát, mỗi khi móng tâm chứng quả Thanh Văn, là liền sanh tâm quý, thì gọi là Bồ tát trú trong tâm quý.

Như vậy gọi là Bồ tát, trú tam địa, đầy đủ 5 pháp.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát an trú tứ địa, chẳng bỏ 10 pháp, từ chẳng bỏ A lan nhã xứ, ..., dẫn đến chẳng ôm giữ các vật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nên biết:

- Nếu Bồ tát chẳng trú Thanh Văn địa, thì gọi là Bồ tát chẳng bỏ A lan nhã xứ.

- Nếu Bồ tát chỉ nhất tâm niệm Nhất thiết chủng trí, thì gọi là Bồ tát tri túc.

- Nếu Bồ tát chẳng có ý niệm mong muốn các dục, dẫn đến chẳng có ý niệm mong muốn Vô thượng bồ đề, thì gọi là Bồ tát thiếu dục.

- Nếu Bồ tát quán thâm pháp nhẫn, thì gọi là Bồ tát chẳng xả công đức Đâu đà.

- Nếu Bồ tát chẳng chấp các giới tướng thì gọi là Bồ tát chẳng xả giới.

- Nếu Bồ tát biết rõ hết thấy các pháp đều chẳng có tạo tác, thì gọi là Bồ tát nhàm thế gian, thuận Niết Bàn.

- Nếu Bồ tát chẳng sanh dục tâm, thì gọi là Bồ tát ghét bỏ các dục nhiễm.

- Nếu Bồ tát xả bỏ tất cả các nội pháp và ngoại pháp, thì gọi là Bồ tát xả bỏ tất cả vật sở hữu.

- Nếu Bồ tát chẳng khởi các thức, thì gọi là Bồ tát giữ tâm chẳng chìm đắm.

- Nếu Bồ tát chẳng chấp, cũng chẳng nhớ nghĩ hết thấy các vật, thì gọi là Bồ tát chẳng ôm giữ các vật.

Như vậy gọi là Bồ tát, trú tứ địa, chẳng bỏ 10 pháp.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát, an trú ngũ địa, xa lìa 12 pháp, từ xa lìa người thân bạch y, ..., dẫn đến xa lìa tham sân si?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nên biết:

- Nếu Bồ tát, từ Phật quốc này đến Phật quốc khác, thường xuất gia, thì gọi là Bồ tát xa lìa người thân bạch y.

- Nếu Bồ tát chẳng ở chung một chỗ với Tỷ-kheo ni dẫn đến chẳng móng tâm nghĩ như vậy, thì gọi là Bồ tát xa lìa Tỷ-kheo ni.

- Nếu Bồ tát thường niệm “Ta đã thệ nguyện an lạc hết thảy chúng sanh, ta chẳng nên tham trước các việc thế gian, thì gọi là Bồ tát xa lìa xan tham.

- Nếu Bồ tát xa lìa các đàm thuyết vô ích dẫn đến các hạnh Thanh Văn và Bích Chi Phật, thì gọi là Bồ tát xa lìa lời nói vô ích.

- Nếu Bồ tát chẳng để cho các tâm sân hận, náo hại, đấu tranh khởi lên, thì gọi Bồ tát xa lìa sự nóng giận.

- Nếu Bồ tát chẳng thấy có nội pháp, khiến chẳng sanh cao tâm, thì gọi là Bồ tát xa lìa sự tự cao.

- Nếu Bồ tát chẳng thấy có ngoại pháp, khiến chẳng thấy ai đáng khinh miệt cả, thì gọi là Bồ tát xa lìa sự khinh miệt người.

- Nếu Bồ tát xa lìa 10 bất thiện đạo làm chướng ngại 8 thánh đạo, dẫn đến chướng ngại Vô thượng bồ đề, thì gọi là Bồ tát xa lìa 10 bất thiện đạo.

- Nếu Bồ tát chẳng thấy có pháp “đại mạng”, thì gọi là Bồ tát xa lìa sự đại mạng.

- Nếu Bồ tát chẳng thấy có pháp tự dụng, thì gọi là Bồ tát xa lìa sự tự dụng ích kỷ.

- Nếu Bồ tát biết rõ điên đảo là bất khả đắc, thì gọi là Bồ tát xa lìa điên đảo.

- Nếu Bồ tát chẳng nghĩ đến các pháp tham, sân, si, thì gọi là Bồ tát xa lìa tham sân si.

Như vậy gọi là Bồ tát, trú ngũ địa, xa lìa 12 pháp.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát, an trú lục địa, đầy đủ 6 pháp?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Đó là Bồ tát hành đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, khiến có thể vượt qua đến bờ bên kia.

**Ngài Tu Bồ Đề hỏi:** Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát an trú lục địa, chẳng nên làm 6 pháp, từ chẳng móng tâm Thanh Văn và tâm Bích Chi Phật, ..., dẫn đến chẳng có nghi các pháp thậm thâm?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Nên biết:

- Nếu Bồ tát nghĩ rằng tâm Thanh Văn và tâm Bích Chi Phật chẳng phải là nhân tu Vô thượng bồ đề, thì gọi là Bồ tát chẳng móng tâm Thanh Văn và tâm Bích Chi Phật.

- Nếu Bồ tát biết rõ bố thí mà còn sanh ưu phiền chẳng phải là nhân tu Vô thượng bồ đề, thì gọi là Bồ tát hành bố thí mà chẳng sanh ưu tâm.

- Nếu Bồ tát biết rõ rằng thấy người đến cầu xin mà mình có ý muốn trốn tránh chẳng phải là nhân tu Vô thượng bồ đề thì gọi là Bồ tát chẳng trốn tránh trước sự cầu xin của người.

- Nếu Bồ tát sẵn sàng bố thí tất cả các nội ngoại vật sở hữu của mình, chẳng thấy có vật gì mà chẳng có thể dùng để bố thí cả, thì gọi là Bồ tát chẳng luyến tiếc vật sở hữu dùng để bố thí.

- Nếu Bồ tát có đủ lực từ bi, khiến sau khi hành bố thí mà tâm chẳng mảy may hối tiếc, thì gọi là Bồ tát chẳng sanh hối tâm sau khi hành bố thí.

- Nếu Bồ tát có đủ các lực công đức, thì gọi là Bồ tát chẳng nghi các pháp thậm thâm.

Như vậy gọi là Bồ tát trú lục địa phải đầy đủ 6 pháp và chẳng nên làm 6 pháp.

**LUẬN:**

**Hỏi:** *Bồ tát vào sơ địa đã thường hành bố thí, nhằm thanh tịnh giới. Nay vì sao lại nói trì giới thắng hơn bố thí?*

**Đáp:** Vì trì giới nhiếp hết thảy chúng sanh, còn bố thí chẳng phổ cập cùng khắp.

Trì giới có vô lượng công đức. Ví như không sát sanh là đã gián tiếp bố thí vô úy, bố thí sanh mạng cho chúng sanh rồi vậy.

Những người phá Phật đạo đều gọi là hành giới cầu. Người tu hành phải ly các giới cầu, mới được giới thanh tịnh.

Đối với Bồ tát, thì hướng về tâm Thanh Văn và tâm Bích Chi Phật đã gọi là hành giới cầu rồi, huống nữa là gần gũi các ác tri thức.

Lại nữa, đã mang ơn người khác mà cố tình quên ơn cũng gọi là hành giới cầu. Bồ tát biết ơn hết thảy chúng sanh, vì nghĩ rằng: Tất cả chúng sanh đều đóng góp công lao để tạo nên sự an lạc của mình. Vì sao? Vì nếu chẳng có các nhân duyên hòa hợp, thì Bồ tát chẳng có thể được sự an lạc. Ví như hạt lúa phải nhờ các nhân duyên hòa hợp của đất, phân, nước, công sức của người nông phu... mới có thể nảy mầm để trở thành cây mạ, thành cây lúa được vậy.

Bồ tát biết rõ rằng sự biết ơn là gốc đại bi, khai sanh ra các thiện nghiệp.

Người có nhân cách, lúc nào cũng biết ơn và kính trọng mọi người, nên được nhiều người kính mến khiến danh dự được vang xa, và khi chết sẽ sanh trở lại cõi Trời, người; về sau sẽ được viên thành Phật đạo. Trái lại, người chẳng biết ơn còn thua kém xa loài cầm thú.

Trong kinh *Bốn Sanh* có chép mẫu chuyện sau đây:

Có một người tiều phu vào rừng đốn củi, chẳng may bị lạc đường, gặp lúc trời mưa to. Ông vừa đói khát, vừa lạnh lẽo, lại bị các ác trùng độc thú hăm he sát hại. Trong tình huống đó, ông bèn bước vào một hang đá để ẩn núp.

Ngay khi vừa mới bước vào, ông liền thấy một con gấu thật to đang nằm trong đó. Sợ quá, ông quay mình tháo chạy.

Thế nhưng gấu cất tiếng bảo, ông đừng có sợ. Nhà tôi âm áp, ông cứ vào bên trong nằm ngủ cho đỡ mệt.

Thế rồi, suốt 7 ngày mưa lớn, gấu thường đem quả ngon nước mát đến cho người tiều phu dùng.

Sau 7 ngày, mưa dứt hẳn, trời trở lại quang đãng, gấu bèn dẫn người tiều phu đến ven rừng, và căn dặn rằng: Tôi là người phạm tội, nên phải làm thân gấu. Nếu có ai hỏi, xin ông đừng nói đã có gặp tôi. Người tiều phu vâng lời cảm ơn gấu, rồi từ giã ra đi.

Đọc đường ông gặp mấy người thợ săn gạn hỏi: Ông có thấy có con thú nào trong rừng chẳng?

Người tiều phu vẫn làm thinh, tự nghĩ rằng: Gấu kia là vị ân nhân của ta, nhờ gấu mà ta được tránh mưa, được ăn uống no đủ, được sống bình an cho đến ngày hôm nay.

Nghĩ như vậy, nên ông quyết định không chỉ gấu cho các thợ săn.

Một thời gian sau, các người thợ săn bắt được gấu, mổ thịt rồi đem cho người tiều phu một phần. Người tiều phu dứt khoát từ chối. Mấy thợ săn rất lấy làm lạ và hỏi rằng: Vì sao người lại từ chối chẳng muốn nhận phần thịt gấu?

Người tiều phu trả lời: Gấu thương tôi như cha thương con, nên tôi chẳng có thể ăn thịt ân nhân của tôi được.

Rồi ông bèn kể chuyện gặp gấu trong hang đá, được gấu thương yêu, nuôi dưỡng suốt 7 ngày; nhờ gấu mà ông thoát khỏi tai nạn, sống an lành cho đến ngày hôm nay.

Nghe xong câu chuyện, ai nấy đều run sợ, chẳng ai dám ăn thịt gấu nữa. Họ bèn đem thịt gấu cúng dường chư Tăng.

Lúc bấy giờ, các vị thượng tọa đều là A-la-hán, có đủ thần thông, nói với Tăng Chúng rằng: Đây là thịt của một vị nhục thân Bồ tát, đời sau sẽ thành Phật, chớ nên ăn.

Sau đó, chư Tăng xây tháp cúng dường Bồ tát.

Nhà vua nghe chuyện liền ban sắc chỉ tán thán công đức của gấu và của người tiều phu, khuyên thần dân trong nước nên theo gương ban ơn và biết ơn cao thượng này. Toàn dân hết lòng tin kính.

-o0o-

Bồ tát còn nghĩ rằng “Những người làm ác đối với ta, mà ta còn độ họ, hưởng nữa là những người đã ban ơn cho ta”.

**Hỏi:** *Các duyên khởi ra tướng nhãn nhục như thế nào?*

**Đáp:** Do trước chẳng nên được sân, mà sau đó sân mới dấy khởi, thể hiện bằng các ác hạnh ở thân, ở khẩu làm náo loạn người khác. Nếu nhãn được các việc như vậy, thì gọi là “sơ nhãn”. Đây mới là giai đoạn “chúng sanh nhãn”.

Bồ tát hành đầy đủ “chúng sanh nhãn” và “pháp nhãn”. Do hành pháp nhãn, mà Bồ tát sanh tâm hoan hỷ. Vì sao? Vì do trì giới, hành nhãn nhục, mà được thân tâm thanh tịnh. Do được thân tâm thanh tịnh, mà liền sanh hoan hỷ.



Ví như người tắm nước hoa thơm, mặc áo sang trọng, đeo chuỗi anh lạc trang nghiêm, thấy hình ảnh của mình trong gương, liền sanh hoan hỷ. Bồ tát cũng như vậy, do đã được giới định huệ trang nghiêm, do biết mình có được vô lượng công đức, nên sanh tâm hoan hỷ.

Bồ tát an trú trong giới nhẫn, giáo hóa chúng sanh, khiến họ được an lạc, được Thanh Văn thừa, hoặc được Phật thừa.

Bồ tát vui mừng, khi thấy chúng sanh vui mừng; cũng như ông trưởng giả vui mừng, khi thấy con mình ra khỏi “nhà lửa” vậy.

Nếu Bồ tát đã phát đại bi tâm, đã thệ nguyện độ chúng sanh, và kiên quyết giữ vững tâm ấy, thì phải biết vị Bồ tát ấy được chư Phật, chư Bồ tát và chư Thánh hiền gia bị. Trái lại nếu Bồ tát đã phát nguyện mà chẳng muốn độ chúng sanh, thì sẽ mang tội nói dối với chúng sanh. Do vậy mà nói rằng Bồ tát nào chẳng xả chúng sanh là đã vào đại bi tâm rồi vậy.

Như trước đây đã nói, Phật cũng như chư vị đại Bồ tát phát nguyện trải qua vô lượng kiếp ở trong địa ngục, thay cho chúng sanh thọ khổ, lại dạy cho họ tu các công đức, dẫn dắt họ vào Phật đạo, vào Vô dư Niết bàn.

**Hỏi:** *Bồ tát làm sao có thể thay chúng sanh thọ khổ được?*

**Đáp:** Bồ tát phát đại tâm cứu độ chúng sanh, thâm ái chúng sanh, bênh vực chúng sanh gọi là thay chúng sanh thọ khổ.

Bồ tát phát đại tâm thệ nguyện rằng: Ta phải sanh tâm cung kính, tôn trọng chúng sanh, vì tất cả chúng sanh đều đóng góp công lao đã tạo nên sự an lạc của ta. Ta phải hết lòng cung kính cúng dường sư trưởng, vì nhờ đức trí cao minh của thầy, ta mới có thiện duyên đọc kinh, nghe pháp, mới được các sự lợi ích. Ví như nước từ trên cao chảy xuống

thấp, nếu ta sanh cao tâm, kiêu mạn, thì mưa pháp sẽ chẳng thấm nhuần vào ta được.

Phật dạy: Người tu hành phải kính sư như kính Phật, phải y chỉ nơi sư trưởng, thì trì giới, thiền định, giải thoát, giải thoát tri kiến mới mau được tăng trưởng.

**Hỏi:** *Đối với các ác sư, thì làm sao có thể cung kính được?*

**Đáp:** Bồ tát chẳng nên thuận theo pháp thế gian.

Người thế gian thấy người thiện thì thường gần gũi, tôn kính, thấy người ác thì thường ghét bỏ, xa lìa. Bồ tát chẳng làm như vậy được. Vì sao? Vì tất cả những ai đã khai mở nghi kiết cho ta đều đem lại sự lợi ích cho ta. Bởi vậy nên Bồ tát cung kính tất cả chúng sanh, chẳng nghĩ đến việc làm ác của họ. Ví như người đi trong đêm tối, lần bước theo ánh đuốc của người đi trước, dù người cầm đuốc đó là người xấu, thì ánh đuốc vẫn dẫn đường cho những người khác đi theo vậy.

Bồ tát nhờ sư trưởng mà thành tựu được các việc lớn, nên chẳng để tâm chấp các việc nhỏ.

Lại nữa, Bồ tát hành Bát nhã Ba la mật, phải nên biết rằng các bậc sư trưởng có vô lượng lực phương tiện để truyền pháp. Có khi các ngài thị hiện làm các ác hạnh, mà các hàng phàm phu chẳng sao có thể biết rõ được nguyên nhân.

Trong kinh có nêu trường hợp Bồ tát Tát Đà Bà Luân nghe tiếng vọng giữa hư không rằng: **Đối với pháp sư, ông chớ nên để tâm tìm kiếm những chỗ xấu của thầy mà sanh tâm lo sợ cho thầy.**

Bồ tát nghĩ rằng: Việc tốt cũng như việc xấu của thầy chẳng phải là việc của ta, ta phải nhất tâm tinh tấn cầu pháp nơi thầy, phải lắng nghe những lời thầy truyền dạy mới có

được nhiều lợi ích. Ví như các tượng đất, tượng đá, tượng gỗ... chẳng có thật công đức, thế nhưng do lễ bái, chiêm ngưỡng tượng Phật, mà ta phát được tâm tưởng Phật, tin Phật, nhờ vậy mà được vô lượng công đức. Lại nữa, các pháp sư dùng nhiều lực phương tiện, tùy theo căn trí của chúng sanh mà nói pháp, có trường hợp các ngài phải dùng đến các ác hạnh vậy. Bởi vậy cho nên đối với bậc sư trưởng, ta phải một lòng cung kính, cúng dường, chẳng bao giờ mong tâm khinh mạn mà mang tội.

Bồ tát quán các pháp rốt ráo là “không”, quán hết thầy chúng sanh đều có Phật tánh.

Đối với các bậc pháp sư, Bồ tát lại nghĩ rằng: Các ngài dùng trí huệ Bát nhã làm các Phật sự, chỉ vì lợi ích cho chúng sanh, ta phải kính thầy như kính Phật, ta phải đến với thầy để cầu tu học 6 pháp Ba la mật.

Bồ tát lại nghĩ rằng: 6 pháp Ba la mật là chánh nhân dẫn dắt ta vào đạo, nên ta phải nhất tâm tinh tấn hành 6 pháp Ba la mật. Ví như người làm ruộng phải biết chọn giống, chọn phân bón, phải biết cày bừa đất đúng theo thời vụ. Rồi sau khi gieo giống lại còn phải siêng năng bón phân, làm cỏ tưới nước... mới mong thành tựu mùa gặt hái tốt được. Lại ví như đời nay bố thí, đời sau được nhiều phước đức, đời nay trì giới, đời sau được tôn quý, đời nay tu thiền định, đời sau được trí huệ, đời nay tu 6 pháp Ba-la-mật, đời sau sẽ được thành Phật.

Trong kinh dạy: Bồ tát trú nhị địa, phải tinh cần, chớ nên giải đãi, lên đến tam địa phải học vẫn nhiều, chớ nên nhàm chán.

Vì sao? Vì càng học nhiều thì trí huệ càng được mở rộng, ví như mắt càng sáng thì càng thấy rõ đường đi, càng dễ tránh các chướng ngại vật.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát phát nguyện rằng, chỗ nào có Phật thuyết pháp là đều đến nghe. Nhờ nghe pháp, nhờ thọ trì các đà la ni mà được thiên nhãn.

Giống như biển lớn dung nạp hết các nguồn nước của các sông lạch từ khắp nơi chảy về, Bồ tát thọ trì pháp Phật từ khắp 10 phương cũng là như vậy.

Bồ tát khi hành pháp thí chẳng cầu danh lợi, mà chỉ vì lợi ích cho chúng sanh, chẳng cầu pháp Tiểu thừa, mà chỉ cầu Nhất thiết chủng trí. Bồ tát dùng đại bi tâm, vì chúng sanh hành pháp thí, lấy trí huệ để trang nghiêm Phật quốc, thọ vô lượng khổ của thế gian, trú nơi tầm quý, chẳng xả bỏ A Lan Nhã xứ, trú nơi tri túc và thiếu dục.

**Hỏi:** *Vì sao nói Bồ tát có nhiều nhân duyên, vào trong các nẻo đường sanh tử, mà chẳng hề nhầm chán?*

**Đáp:** Phải có đầy đủ thiện căn mới có thể tự tại ra vào trong sanh tử, lại nữa, phải mỏng phiền não thì mới chẳng còn bị các khổ làm não loạn vậy. Ví như người có vết thương nhẹ, mà lại dùng thuốc tốt đắp lên, thì ắt được mau lành vậy.

Bồ tát đã đầy đủ thiện căn thanh tịnh, nên các ưu sầu tật đố cùng các ác hạnh đều đã tiêu sạch. Do có đầy đủ thiện căn, do thọ quả báo phước lạc, nên Bồ tát có nhiều nhân duyên làm lợi ích chúng sanh, tùy theo chỗ nguyện mà trang nghiêm Phật độ, ra vào sanh tử mà chẳng nhầm chán.

Trong các nhân duyên thành tựu thiện tâm, đáng kể nhất là “tâm” và “quý”. Do có tầm quý nên khi phát nguyện rộng độ chúng sanh, Bồ tát tự nghĩ rằng: Sự mong muốn được ít khổ, được chứng Niết Bàn đều đáng hổ thẹn cả.

Tâm và quý là tướng của tam địa. Vào địa này Bồ tát biết rõ hết thấy chúng sanh đều là vô sở đắc, đều là vô tướng, nên

chẳng chấp vô tướng, dẫn đến chẳng chấp Vô thượng bồ đề.

Bồ tát phải thường tu tập các công đức chẳng hề nhằm chán mới vào được Vô thượng đạo.

Bồ tát phải biết tri túc, từ ăn uống, thuốc men, y áo... đến các đồ dùng khác, chỉ cần có đủ dùng, cho đó là các thiện pháp nhân duyên, chẳng cần phải quan tâm đến.

Trong phẩm “Giác Ma” có nói Vô sanh pháp nhẫn là hạnh Đầu đà. Bồ tát trú trong thuận nhẫn, được vô sanh pháp nhẫn là đầy đủ 12 pháp Đầu đà, là đã trì giới thanh tịnh, và sẽ dẫn đến được thiền định và trí huệ.

Được vô sanh pháp nhẫn là được chân trí huệ. Đây là quả báo của hạnh Đầu đà. Cho nên nói nhẫn mà chẳng xả giới cũng chẳng chấp giới tướng mới gọi là Vô sanh pháp nhẫn.

Bồ tát biết rõ thật tướng pháp là vô sanh, nên chẳng thấy có trì giới, cũng chẳng thấy có phá giới. Do chẳng phá giới, chẳng mất giới nên vào được Vô Tướng Giải thoát môn, khiến các uế dục và các ác hạnh đều tiêu diệt.

Lại nữa, Phật dạy rằng Bồ tát do biết tri túc nên tâm chẳng điên đảo, chẳng sanh dục tâm, nhằm chán thế gian vì biết rõ ở trong thế gian chẳng có gì vui. Do vậy mà vào được Vô tác giải thoát môn.

Lại nữa, Bồ tát xả hết sở hữu tâm, nên chẳng sanh tâm sợ hãi, chẳng sanh tâm chìm đắm. Bồ tát biết rõ do nhân duyên sắc mà sanh ra có nhãn thức, ..., dẫn đến có ý duyên pháp mà sanh ra ý thức. Bồ tát trú trong “bất nhị pháp môn” quán 6 thức đều là hư dối, chẳng thật có. Do vậy mà phát thệ nguyện độ hết thầy chúng sanh cũng đều được trú trong “bất nhị pháp môn”, ly 6 thức, chẳng luyến tiếc hết thầy các vật. Đây là duyên “đại xả” vậy.

Lại nữa, Bồ tát biết rõ hết thấy pháp đều là rốt ráo không, nên diệt hết thấy các chấp về pháp tướng, khi hành bố thí, Bồ tát chẳng cầu ân huệ, cũng chẳng sanh cao tâm.

Được như vậy là đầy đủ Đản Ba-la-mật, vào tứ địa.

Khi vào ngũ địa, Bồ tát lại phải lìa người thân bạch y, tránh các tạp nhiễm thế tục, giữ gìn đạo tâm để trước độ mình và sau độ người. Vì sao? Vì nếu chưa tự độ được, thì cũng ví như người bơi chưa giỏi mà liều lĩnh cứu người đang bị dòng nước cuốn trôi, khiến cả mình lẫn người đều cùng bị chết chìm cả.

Bồ tát xa lìa người thân bạch y, nhằm tu tập các công đức. Vì sao? Vì đã cạo đầu đắp y, xuất gia trì giới thì chẳng nên gần gũi các người bạch y nữa.

Ngoài ra các Tỷ-kheo cũng chẳng nên gần gũi các Tỷ-kheo ni.

**Hỏi:** *Bồ tát quán hết thấy chúng sanh đều bình đẳng. Như vậy vì sao nói chẳng nên cùng với người bạch y cộng trú?*

**Đáp:** Vì Bồ tát ở các địa này chưa được bất thối chuyển, chưa được lậu tận, nên chẳng được cộng trú với hàng bạch y.

Lại nữa, lại phải tránh cho người đời tội phi báng Tăng Ni. Vì sao? Vì phi báng Tăng Ni sẽ phải đọa vào địa ngục.

Bồ tát nghĩ rằng: Ta đã xa lìa gia đình, xa lìa người thân, rời bỏ nhà cửa ra đi tìm đạo giải thoát, lẽ nào ta lại còn tham đắm nhà người, ta lại còn gần gũi họ nữa.

Tuy nhiên, vì muốn hết thấy chúng sanh được vui, nên Bồ tát thọ nhận sự cúng dường của họ.

**Hỏi:** *Vì sao nói Bồ tát muốn thọ sự cúng dường của chúng sanh, mà lại phải xa lìa các lời nói vô ích?*

**Đáp:** Nói để làm vừa lòng người, như nói giải sầu, bàn việc thời sự, bàn về giặc giã, bàn về phép quan lệ làng, bàn về thời tiết v.v... đều là những lời nói chẳng đem lại sự lợi ích gì cho sự tu tâm cả.

Bồ tát vì thương xót chúng sanh đang chìm đắm trong “nhà lửa”, tự nghĩ rằng: Ta phải gấp rút cứu thoát chúng sanh ra khỏi nhà lửa của 3 cõi. Lửa đã thiêu rụi cả 4 bên, sao ta còn an nhiên nói những chuyện vô ích. Nói chuyện về pháp Nhị thừa còn chẳng nên, huống nữa là bàn về những chuyện vô ích khác.

-o0o-

Bồ tát xa lìa sân nhuế và ác khẩu, vì biết rõ phi báng, kiện tụng, đánh đập... đều là những hình thức đấu tranh cả.

Bồ tát hành đại bi, nên đối với hết thảy chúng sanh chẳng sanh ác tâm, chẳng sanh khinh miệt cũng chẳng sanh tâm tự cao, tự đại. Bồ tát biết rõ nội ngoại pháp đều bất khả đắc, nên xa lìa 10 bất thiện đạo. Vì các bất thiện pháp phá sự giải thoát thanh tịnh của hàng Trời người. Người tu Tiểu thừa còn xa lìa 10 bất thiện đạo huống nữa là người tu theo pháp Đại thừa.

Bồ tát xa lìa “đại mạn”, tu “pháp không” nên chẳng thấy có tướng Đại thừa hay Tiểu thừa, xa lìa sự tự dụng ích kỷ, xa lìa 7 thứ kiêu mạn căn bản, xa lìa điên đảo, xa lìa 3 độc tham, sân, si. Vì sao? Vì Bồ tát thâm lạc thiện pháp, biết rõ các tướng “thường, lạc, ngã, tịnh” đều là bất khả đắc, biết rõ chỗ duyên của 3 độc đều chẳng có định tướng.

Đầy đủ như vậy là vào ngũ địa.

-o0o-

Phật dạy: Cả 3 thừa đều phải tu tập 6 pháp Ba-la-mật, mới đến được bờ bên kia.

Bồ tát trú lục địa phải tu tập đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật.

**Hỏi:** *6 pháp Ba-la-mật là 6 pháp tu của Bồ tát. Như vậy vì sao nói hàng Nhị thừa cũng phải tu tập 6 pháp Ba-la-mật để đến bờ bên kia?*

**Đáp:** Phật dạy rằng tu đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật là được đầy đủ công năng Đại thừa, mà Đại thừa bao gồm luôn cả Tiểu thừa.

Tuy hàng Tiểu thừa chẳng được như Đại thừa, nhưng Tiểu thừa cũng quán “pháp không”.

Do quán “pháp không” mà chưa tu được 10 lực và 4 vô sở úy, nên chưa có đầy đủ các lực phương tiện, khiến phải hướng về Thanh Văn địa và Bích Chi Phật địa.

Bởi vậy nên Phật thường hộ niệm chư Bồ tát, khuyên chẳng nên sanh tâm Nhị thừa.

-o0o-

Bồ tát thế nguyện rộng độ chúng sanh, biết hết thảy pháp đều rất ráo không, nên khi hành bố thí chẳng sanh tâm hối tiếc, khi chúng sanh cầu các việc chướng cũng chẳng sanh sân, khi bố thí chẳng tiếc các nội ngoại vật sở hữu của mình.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát được phước đức sâu dày, được tín tâm kiên cố, được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật. Thâm kính chư Phật. Dù chưa được vô sanh pháp nhẫn, dù chưa có được đầy đủ các lực phương tiện mà Bồ tát vẫn chẳng khởi nghi tâm đối với các pháp thâm diệu.

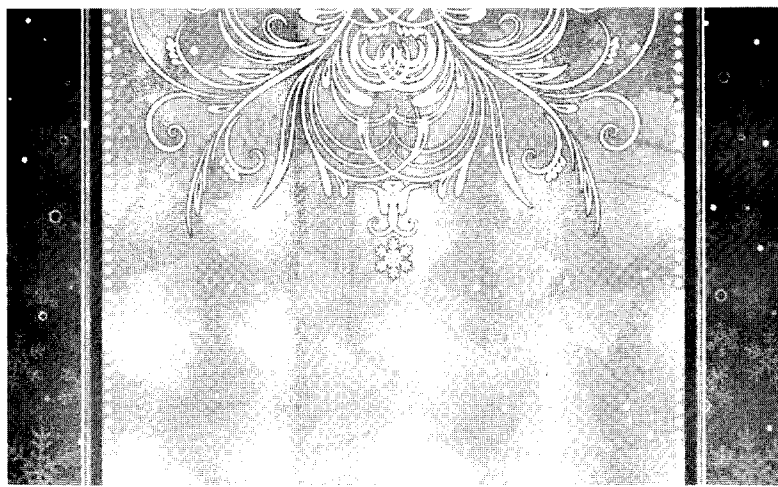


Phật dạy: Phải dùng trí huệ diệt các hý luận, phải chẳng còn có lỗi lầm mới có thể dùng các lực phương tiện mà tu các thiện pháp.

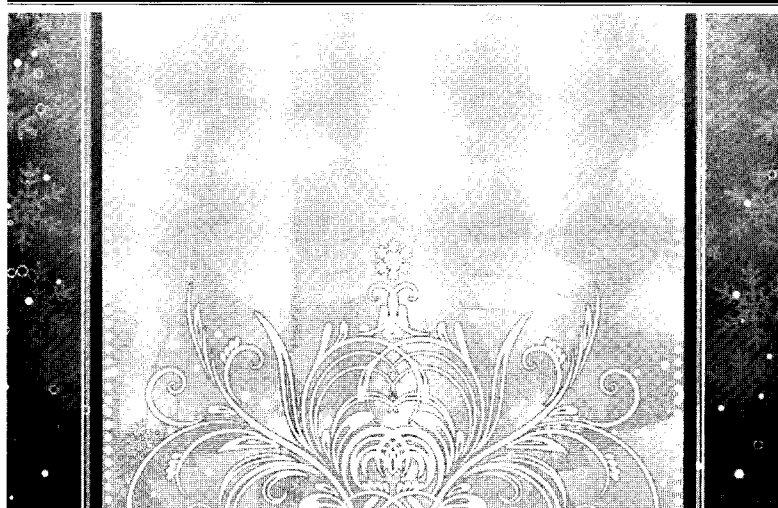
Như vậy nên chẳng khởi nghi tâm là tướng của lục địa vậy.

(Hết quyển 49)





**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 50**





## Phẩm Thứ Hai Mươi (TIẾP THEO)



### Phát Thú Thập Địa (Hướng Đến Mười Địa, tiếp theo)

#### KINH:

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát an trú thất địa, chẳng nên chấp 20 pháp, từ chẳng chấp ngã, ..., dẫn đến chẳng chấp giới kiến?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nên biết:

- Nếu Bồ tát biết rõ ngã rốt ráo là vô ngã thì gọi là Bồ tát chẳng chấp ngã.

- Nếu Bồ tát biết rõ chúng sanh rốt ráo là bất khả đắc, thì gọi là Bồ tát chẳng chấp chúng sanh.

- Nếu Bồ tát biết rõ thọ mạng dù dài, dù ngắn, rốt ráo là bất khả đắc, thì gọi là Bồ tát chẳng chấp thọ giả.

- Nếu Bồ tát biết rõ chúng sanh số, ..., dẫn đến tri giả, kiến giả đều rốt ráo là bất khả đắc, thì gọi là Bồ tát chẳng chấp các pháp ấy.

- Nếu Bồ tát biết rõ các pháp, rốt ráo là bất sanh, thì gọi là Bồ tát chẳng chấp đoạn kiến.

- Nếu Bồ tát biết rõ các pháp, rốt ráo là bất sanh nên là chẳng phải thường, thì gọi là Bồ tát chẳng chấp thường kiến.

- Nếu Bồ tát biết rõ các phiền não rốt ráo là không, thì gọi là Bồ tát chẳng chấp các tướng.

- Nếu Bồ tát biết rõ các kiến chấp rốt ráo là bất khả đắc, thì gọi là Bồ tát chẳng chấp tác nhân kiến.

- Nếu Bồ tát biết rõ danh sắc là tánh không, thì gọi là Bồ tát chẳng chấp danh sắc.

- Nếu Bồ tát biết rõ 5 âm là tánh không, thì gọi là Bồ tát chẳng chấp 5 âm.

- Nếu Bồ tát biết rõ 12 nhập là tánh không, thì gọi là Bồ tát chẳng chấp 12 nhập.

- Nếu Bồ tát biết rõ 18 giới là tánh không, thì gọi là Bồ tát chẳng chấp 18 giới.

- Nếu Bồ tát biết rõ 3 cõi là tánh không, thì gọi là Bồ tát chẳng chấp 3 cõi.

- Nếu Bồ tát biết rõ trú xứ là tánh không, thì gọi là Bồ tát chẳng chấp trú xứ.

- Nếu Bồ tát biết rõ sự mong cầu (tác nguyện) là tánh không, thì gọi là Bồ tát chẳng chấp chỗ mong cầu.

- Nếu Bồ tát biết rõ chỗ y xứ là tánh không, thì gọi là Bồ tát chẳng chấp chỗ y xứ.

- Nếu Bồ tát biết rằng mong tâm muốn thấy Phật là chẳng thể thấy Phật, thì gọi là Bồ tát chẳng chấp y nơi Phật.

- Nếu Bồ tát biết rõ pháp chẳng thể thấy được, thì gọi là Bồ tát chẳng chấp y nơi pháp.

- Nếu Bồ tát biết rõ Tăng tướng là vô vi, chẳng thể nương tựa được, thì gọi là Bồ tát chẳng chấp y nơi Tăng.

- Nếu Bồ tát biết rõ tội và vô tội đều là bất khả đắc, thì gọi là Bồ tát chẳng chấp y nơi giới.

Như vậy gọi là Bồ tát trú thất địa chẳng chấp 20 pháp.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát an trú thất địa, phải đầy đủ 20 pháp, từ đầy đủ “không”, ..., dẫn đến chẳng nhiễm ái?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nên biết:

- Nếu Bồ tát biết rõ tự tướng của hết thấy pháp là “không”, thì gọi là Bồ tát đầy đủ “không”.

- Nếu Bồ tát chẳng niệm các pháp tướng thì gọi là Bồ tát chứng Vô tướng.

- Nếu Bồ tát biết rõ các pháp là chẳng có chủ tác, thì gọi là Bồ tát biết Vô tác.

- Nếu Bồ tát đầy đủ 10 thiện nghiệp đạo, thì gọi là Bồ tát đầy đủ 3 phần thanh tịnh.

- Nếu Bồ tát đầy đủ từ bi và trí huệ, thì gọi là Bồ tát đầy đủ từ bi tâm đối với hết thấy chúng sanh.

- Nếu Bồ tát thanh tịnh đầy đủ Phật độ, thì gọi là Bồ tát chẳng niệm tướng về hết thấy chúng sanh.

- Nếu Bồ tát biết rõ các pháp đều là bất tăng, bất giảm, thì gọi là Bồ tát quán hết thấy pháp bình đẳng.

- Nếu Bồ tát biết rõ thật tướng các pháp là chẳng thể biết được (bất khả tri), thì gọi là Bồ tát vào được thật tướng pháp.

- Nếu Bồ tát biết rõ các pháp đều là bất sanh, bất diệt, thì gọi là Bồ tát được vô sanh pháp nhẫn.

- Nếu Bồ tát biết rõ danh sắc là bất sanh, thì gọi là Bồ tát được Vô sanh trí.

- Nếu Bồ tát thường nhất tâm, chẳng hành hai tướng (nhị tướng), thì gọi là Bồ tát tuyên thuyết pháp nhất tướng.

- Nếu Bồ tát dùng Vô Phân Biệt Trí để quán các pháp, thì gọi là Bồ tát phá phân biệt tướng.

- Nếu Bồ tát chuyển được vô lượng tướng, thì gọi là Bồ tát chuyển ức tướng.

- Nếu Bồ tát ở nơi Nhị thừa kiến mà chuyển thành Đại thừa kiến, thì gọi là Bồ tát chuyển kiến.

- Nếu Bồ tát đã đoạn dứt các phiền não, thì gọi là Bồ tát chuyển phiền não.

- Nếu Bồ tát được Nhất thiết chủng trí, thì gọi là Bồ tát được Bình đẳng huệ.

- Nếu Bồ tát ở trong 3 cõi mà vẫn giữ tâm bất động, thì gọi là Bồ tát dùng huệ điều ý.

- Nếu Bồ tát đã điều phục được các căn, thì gọi là Bồ tát được tâm tịch diệt.

- Nếu Bồ tát đã được Phật nhãn, thì gọi là Bồ tát đã được Vô ngại trí.

- Nếu Bồ tát đã xả sạch 6 trần, thì gọi là Bồ tát chẳng còn nhiễm ái trần cảnh.

Như vậy gọi là Bồ tát trú thất địa, đầy đủ 20 pháp.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát an trú bát địa, phải đầy đủ 5 pháp, từ thuận chúng sanh tâm, ..., dẫn đến tự trang nghiêm pháp thân?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nên biết:

- Nếu Bồ tát thường quán “nhất tâm”, biết rõ tâm và tâm sở của hết thấy chúng sanh, thì gọi là Bồ tát tùy thuận chúng sanh tâm.

- Nếu Bồ tát dùng thần thông, đi từ Phật quốc này đến



**Phật quốc khác, mà chẳng khởi tướng về Phật giới tướng, thì gọi là Bồ tát du hí thân thông quán các Phật quốc.**

**- Nếu Bồ tát thấy vô lượng Phật quốc mà chẳng khởi tướng về Phật giới tướng, thì gọi là Bồ tát tự trú nơi các Phật quốc.**

**- Nếu Bồ tát hiện thân chuyển luân thánh vương, đi cùng khắp các Phật quốc, nhằm tự trang nghiêm Phật quốc của chính mình, thì gọi là Bồ tát tự trang nghiêm Phật quốc của mình như các Phật quốc đã được thấy.**

**- Nếu Bồ tát an trú nơi pháp thân, thì gọi là Bồ tát như thật quán pháp thân và tự trang nghiêm pháp thân.**

**Như vậy gọi là Bồ tát trú bát địa phải có đầy đủ 5 pháp.**

**Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát an trú bát địa, nên đầy đủ 5 pháp, từ biết căn tánh cao thấp của chúng sanh, ..., dẫn đến tùy theo căn tánh của chúng sanh mà thị hiện thọ thân?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nên biết:**

**- Nếu Bồ tát trú trong 10 Phật lực, thì gọi là Bồ tát biết rõ căn tánh cao thấp của chúng sanh.**

**- Nếu Bồ tát đã thanh tịnh chúng sanh tâm, thì gọi là Bồ tát thanh tịnh Phật độ.**

**- Nếu Bồ tát vào tam muội, thành tựu các việc mà chẳng sanh tâm chấp, vì biết rõ các pháp tướng đều là “không”, thì gọi là Bồ tát nhập “Như huyền tam muội”.**

**- Nếu Bồ tát được quả báo sanh tam muội, thì gọi là Bồ tát thường nhập vào các tam muội.**

**- Nếu Bồ tát thệ nguyện thành tựu chúng sanh, nguyện**

sống cùng với chúng sanh để giáo hóa họ, thì gọi là Bồ tát tùy căn tánh chúng sanh mà thị hiện thọ thân.

Như vậy gọi là Bồ tát trú bát địa, nên đầy đủ 5 pháp.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát an trú cửu địa, phải đầy đủ 12 pháp, từ thọ vô biên thế giới, ..., dẫn đến thành tựu hết thảy thiện công đức?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nên biết:

- Nếu Bồ tát đem Phật pháp hóa độ chúng sanh khắp 10 phương thế giới, thì gọi là Bồ tát thọ vô biên thế giới.

- Nếu Bồ tát đã được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, thì gọi là Bồ tát được như sở nguyện.

- Nếu Bồ tát được biện tài vô ngại, thì gọi là Bồ tát biết được ngôn ngữ của các loài.

- Nếu Bồ tát đời đời thường hóa hiện sanh thân, thì gọi là Bồ tát thành tựu sanh thai.

- Nếu Bồ tát thường chọn sanh vào gia đình danh giá, có đạo hạnh, thì gọi là Bồ tát thành tựu gia đình.

- Nếu Bồ tát thường chọn quốc độ để thọ sanh, thì gọi là Bồ tát thành tựu chỗ sanh.

- Nếu Bồ tát thường chọn lại dòng họ ở đời quá khứ để thọ sanh, thì gọi là Bồ tát thành tựu dòng họ.

- Nếu Bồ tát thường theo các vị đại Bồ tát để làm quyến thuộc, thì gọi là Bồ tát thành tựu quyến thuộc.

- Nếu Bồ tát ngay khi vừa sanh ra đời đã có quang minh tỏa chiếu khắp vô lượng vô biên thế giới, mà chẳng chấp các tướng quang minh đó, thì gọi là Bồ tát thành tựu xuất sanh.

- Nếu Bồ tát ngay vừa xuất gia đã có vô lượng chư Thiên theo hầu hạ, khuyến thỉnh Bồ tát thành tựu đạo quả, để dẫn dắt chúng sanh vào 3 thừa đạo, thì gọi là Bồ tát thành tựu xuất gia.

- Nếu Bồ tát dùng 7 báu để trang nghiêm thân, cảnh, lá cây Bồ đề, khiến cho cây Bồ đề chiếu quang minh khắp cả 10 phương thế giới, thì gọi là Bồ tát thành tựu “Bồ đề Thọ” trang nghiêm.

- Nếu Bồ tát đã thanh tịnh chúng sanh, và thanh tịnh Phật độ, thì gọi là Bồ tát thành tựu viên mãn hết thấy các công đức.

Như vậy gọi là Bồ tát trú cửu địa, đầy đủ 12 pháp.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Vì sao nói Bồ tát Ma ha tát trú thập địa là như Phật rồi?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma ha tát trú thập địa, dùng đầy đủ các lực phương tiện để hành 6 pháp Ba-la-mật, hành 4 niệm xứ, ..., dẫn đến hành 18 bất cộng pháp, tận đoạn các tập khí phiền não, thẳng tiến lên Phật địa. Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát Ma ha tát trú thập địa được xem như Phật vậy.

-o0o-

Trên đây đã tóm lược quá trình tu tập của Bồ tát Ma ha tát, thừa Đại thừa, phát thú Thập địa.

**LUẬN:**

*Hỏi: Trên đây nói rằng Bồ tát trú thập địa chẳng nên chấp 20 pháp. Như vậy đối với các nhân duyên tạo pháp thì Bồ tát cũng chẳng chấp chẳng?*

**Đáp:** Hết thấy các pháp hữu vi lần lượt duyên nhau, mà thành có nhân, có quả.

Nếu ở nơi đây mà sanh chấp tâm, thủ tướng và sanh kiến giải thì gọi là “nhân kiến”. Vì sao? Vì ở nơi chẳng có nhân (phi nhân), mà chấp là có nhân vậy.

Nếu Bồ tát hành đầy đủ “18 không” thì chẳng còn dấy tâm phân biệt nữa.

Hơn thế nữa, nếu Bồ tát hành thêm “chúng sanh không” và “pháp không” thì sẽ được “đầy đủ không”. Ở nơi rất ráo không mà chẳng chấp mới gọi là “đầy đủ không”.

**Hỏi:** *Vì sao nói Bồ tát biết rõ các pháp đều là ‘tự tướng không’ là được ‘đầy đủ không’?*

**Đáp:** Vì hết thấy các pháp đều là “tự tướng không”, dẫn đến pháp “không” cũng là tự tướng không.

Bồ tát trú lục địa, dù đã có nhiều phước đức, dù đã được các căn lành lợi, nhưng vẫn còn phân biệt các pháp. Như vậy là còn chấp pháp tướng.

Vào thất địa, Bồ tát mới liễu đạt được “tự tướng không”, tức là được “cụ túc không” vậy.

Đối với chư Phật và chư đại Bồ tát, thì hữu vi không, vô vi không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không đều là “cụ túc không” cả.

-o0o-

Người chứng được “vô tướng” là vào được Niết Bàn, vào nơi “vô tu”, “vô thuyết”. Vì sao? Vì có vô lượng vô biên công đức chẳng thể nghĩ bàn vậy.

Người chúng được “vô tác” biết rõ hết thấy pháp đều chẳng có chủ tác, dẫn đến 3 cõi cũng là như vậy.

-o0o-

Người tu đầy đủ 10 thiện nghiệp đạo là được đầy đủ “3 phần thanh tịnh”.

Nên biết tu 10 thiện nghiệp đạo dẫn đến 3 giải thoát môn. Thế nhưng nếu tu chưa đầy đủ thì chưa hẳn là được cả “3 phần thanh tịnh”. Vì sao? Vì có khi thân thanh tịnh mà khẩu chưa thanh tịnh, có khi khẩu thanh tịnh mà ý chưa thanh tịnh.

Người thế gian, do chưa ly được các chấp nên chẳng có được 3 phần thanh tịnh. Bồ tát đã hoàn toàn ly các chấp mới được đầy đủ cả 3 phần thanh tịnh.

-o0o-

Bồ tát đối với hết thấy chúng sanh, có đầy đủ “từ bi” và “trí bi”, lại có đầy đủ cả 3 duyên, là duyên chúng sanh, duyên pháp và vô duyên.

Vô duyên nói ở đây là vô duyên “đại từ bi”, được đầy đủ các pháp không, dẫn đến vô duyên “đại trí bi”, biết rõ thật tướng của hết thấy pháp cũng là không.

Bồ tát đã thâm nhập vào thật tướng pháp nên mới phát bi niệm, thương hết thấy chúng sanh, ví như người cha quá thương con, muốn đem hết cả tài sản của mình cho con.

Như vậy gọi là Bồ tát thanh tịnh đầy đủ Phật thế giới vậy.

**Hỏi:** *Nếu Bồ tát chẳng niệm tưởng chúng sanh, thì làm sao có thể tịnh Phật thế giới được?*

**Đáp:** Vì muốn trang nghiêm Phật quốc mà Bồ tát dạy chúng sanh trú trong 10 thiện đạo. Làm như vậy tuy đã là trang nghiêm nhưng chưa thật trang nghiêm. Vì sao? Vì giáo hóa chúng sanh mà chẳng chấp chúng sanh tướng thì phước đức mới thật là thanh tịnh, mới được gọi là “vô ngại trang nghiêm”.

-o0o-

Ở đây Phật mật ý nói rằng: Nếu biết rõ các pháp là bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm, là biết rõ các pháp đều bình đẳng, là vào được nơi thật tướng pháp, dẫn đến được “Vô sanh pháp nhẫn”.

Được như vậy là “tín” lẫn “đạt” đều vô ngại.

Nếu biết được danh sắc là bất sanh thì được Vô sanh trí. Đây chỉ mới là “sơ nhẫn”. Phải được “tế nhẫn” mới gọi là được “Vô sanh pháp nhẫn”.

Nên biết, khi nói danh sắc là bất sanh thì đó là nói về các pháp là nhất tướng, là vô tướng. Bồ tát biết rõ danh sắc là vô tướng, là tánh không, nên chẳng chấp danh sắc.

-o0o-

Lại nữa, Bồ tát biết rõ 5 âm, 12 nhập, 18 giới... đều là lưới ma, chẳng thật có nên dạy chúng sanh phải ly 5 âm, 12 nhập, 18 giới... phải thường dùng các pháp nhân duyên mà hành “bất nhị pháp” mới có thể phá được phân biệt tướng.

Vì sao? Vì nói 6 nhập (nhãn, ..., dẫn đến ý), 6 ngoại nhập (sắc, ..., dẫn đến pháp) đều là chẳng thật có nên 6 thức (nhãn thức, ..., dẫn đến ý thức) khởi sanh ra cũng chẳng thật có.

Bởi vậy nên nói vô nhãn, ..., dẫn đến vô ý, vô sắc, ...,

dẫn đến vô pháp, vô nhân thức, ..., dẫn đến vô ý thức, vô nhân giới, ..., dẫn đến vô ý thức giới.

-o0o-

Lại nữa, Bồ tát trú trong “bất nhị pháp môn”, chẳng niệm ức tướng, phá nội tâm phân biệt về các pháp. Bồ tát thứ lớp chuyển các kiến, trước chuyển biên kiến, tà kiến, sau mới vào đạo chuyển pháp kiến, Niết Bàn kiến v.v...

Bồ tát biết rõ các pháp đều chẳng có tướng nhất định, nên dùng “vô định tướng” của các pháp để chuyển tướng Niết Bàn, tức chuyển Nhị thừa thành Đại thừa vậy.

-o0o-

Bồ tát có được các phước đức nhân duyên nên diệt trừ được các phiền não, được an ổn hành đạo. Tuy nhiên vẫn còn các vi tế ái kiến, vi tế mạn kiến cần phải dứt trừ. Bởi vậy nên Bồ tát lại cần phải dùng thật trí huệ để quán thật tướng của các phiền não cũng là vô tướng.

Bồ tát ở tam địa, nếu huệ nhiều mà định ít thì chẳng nhiếp được quả vị của địa ấy, khi vượt khỏi tam địa rồi, nếu định nhiều mà huệ ít, thì cũng chẳng vào được Bồ tát vị. Phải được đầy đủ chúng sanh không và pháp không, được định và huệ bình đẳng, mới thật được an ổn hành đạo, vào bất thối chuyển địa, rồi mới lần lần đến được Nhất thiết chủng trí.

Ở nơi Trí huệ địa, vì thương xót chúng sanh, mà Bồ tát phải tự điều phục tâm ý, phải biết rõ thật tướng pháp, phải chẳng còn chấp 3 cõi.

Bồ tát đã tự điều phục tâm ý như vậy rồi, đã được tịch

tịnh như vậy rồi, nhưng phải vào thất địa thì tâm ý mới hoàn toàn được tịch tịnh, vô ngại.

Nên biết, nếu đã được Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì dù ở Nhi thừa địa, Bồ tát vẫn được dung thông vô ngại, vẫn điu dắt chúng sanh vào thật tướng pháp, dẫn đến được vô ngại giải thoát.

**Hỏi:** Vì sao nói Bồ tát trú ở thất địa đã được Phật nhãn?

**Đáp:** Bồ tát trú ở thất địa, do học Phật pháp mà được vô ngại trí, chẳng còn nhiễm trước nên tự như đã có Phật nhãn.

Bồ tát trú ở thất địa, do còn nhục thân nên khi vào thiền định chẳng khởi chấp tâm, nhưng khi xuất thiền vẫn còn chấp, như thấy người thân thích vẫn còn luyến ái.

-o0o-

Phật dạy: Khi 6 căn duyên 6 trần, Bồ tát phải hành xả, chẳng chấp xấu tốt, vui buồn... Như vậy mới vào được bát địa.

Bồ tát trú bát địa, thuận chúng sanh tâm, dùng trí huệ phân biệt, quán chúng sanh trong vô lượng A Tăng Kỳ kiếp. Tuy nhiên phải lâu sau mới độ được họ.

Bồ tát quán thấy có chúng sanh phải tu 1 kiếp đến 10 kiếp mới độ được, có chúng sanh tu 1 đời đến 2 đời mới độ được, có chúng sanh đã thuần thực, có chúng sanh chưa thuần thực v.v... Bởi vậy nên Bồ tát phải dùng cả 3 thừa đạo mới rộng độ được chúng sanh. Ví như vị thầy thuốc giỏi, sau khi chẩn mạch các bệnh nhân mới phân loại bệnh nặng hay nhẹ, bệnh dễ trị được hay bệnh chẳng có thể chữa trị được, để tùy theo đó mà cho thuốc vậy.

Bồ tát vào thất địa, khi muốn vào Niết Bàn thì được chư Phật ở khắp 10 phương gia bị, còn khi muốn phát nguyện tu



hành thì hiển dụng thần thông, đi khắp 10 phương thế giới để thanh tịnh Phật độ và nghe chư Phật thuyết pháp.

Bồ tát vào bát địa, có bảo luân, nên đi đâu cũng đều được tự tại vô ngại. Ví như trường hợp Bồ tát Tự Tại Vương vào thời Phật còn tại thế, đã dùng đạo Bồ tát thuyết giảng khiến chúng sanh ở khắp 10 phương đều được trang nghiêm Phật độ.

Bồ tát trú bát địa, thường đem mưa pháp rưới khắp 10 phương, khiến chúng sanh đều được lợi lạc, lấy tịnh tướng của các quốc độ khác để trang nghiêm quốc độ của mình, lại như thật quán Phật thân là như huyễn, như hóa. Vì sao? Vì như lời Phật dạy “thấy pháp thân là như thấy Phật”. Phật thân là bất khả đắc, pháp thân cũng là bất khả đắc, cả hai thân đó đều do các duyên hòa hợp mà có, và đều là tự tánh không. Bồ tát phải biết rõ tâm hạnh của chúng sanh, rõ biết chúng sanh lợi căn hay độn căn, có tâm Bồ thí nhiều hay có trí huệ nhiều... mới có thể tùy duyên mà hóa độ họ được.

Bồ tát thanh tịnh được chúng sanh tâm là đã thanh tịnh Phật độ rồi vậy. Vì sao? Vì thanh tịnh Phật độ có 2 pháp. Đó là:

-Bồ tát trì thân là tự tịnh.

-Bồ tát tịnh tâm chúng sanh, khiến mình và chúng sanh đều được thanh tịnh.

Bồ tát nguyện thanh tịnh Phật độ, nguyện vào “như huyễn tam muội”, thành tựu các sự việc mà chẳng khởi tâm chấp. Bồ tát vào tam muội ấy, biến thân khắp 10 phương thế giới, hành Bồ thí Ba-la-mật cùng các Ba-la-mật khác đến với hết thấy chúng sanh, thuyết pháp nhằm phá 3 đường ác, giáo hóa chúng sanh, khiến họ an lập được trong 3 thừa đạo. Bồ tát thành tựu các việc lợi ích cho chúng sanh như vậy mà chẳng chấp tâm, chẳng thủ tướng, vì thường hằng ở trong tam muội

vậy. Bồ tát ở trong “như huyễn tam muội” an nhiên thành tựu thọ các thân, tùy theo căn tánh của chúng sanh, mà thọ thân tương ứng để hóa độ họ.

Đây là tướng của Bồ tát bát địa.

-o0o-

Bồ tát vào cửu địa, duyên 3 cảnh giới, gồm: Cảnh giới tịnh, cảnh giới bất tịnh và tạp cảnh giới. Trong cả 3 cảnh giới, Bồ tát đều tùy tâm chúng sanh mà hóa độ nhằm nhiếp thủ họ. Ví như mặt trời chiếu sáng, chẳng phải chỉ vì người sáng mắt, mà đến cả người đui mù cũng đều được lợi lạc. Bồ tát đến với chúng sanh cũng là như vậy. Hoặc vì đã có sẵn nhân duyên với họ, hoặc muốn tạo nhân duyên để cứu độ họ, dù đến với họ, dù rời xa họ cũng đều là nhân duyên cả.

Bồ tát xem hằng sa thế giới khắp 10 phương cũng như một thế giới, nên ở nơi hằng sa Phật giới khắp 10 phương, vẫn y như nguyện mà độ thoát chúng sanh.

Đây là Bồ tát đầy đủ phước huệ trang nghiêm, viên mãn như nguyện.

Như lời Phật dạy: Đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật là đầy đủ trí huệ; đầy đủ trí huệ là đầy đủ phước đức.

Do trí huệ và phước đức đều đầy đủ như ý nguyện, nên Bồ tát biết rõ tâm nguyện của hết thảy chúng sanh.

Lại nữa, do có được “túc mạng trí” thanh tịnh, nên Bồ tát biết rõ chỗ sanh, chỗ chết của chúng sanh.

Lại nữa, do có được “giải thoát danh tự ngữ ngôn tam muội”, nên Bồ tát thông đạt được các ngữ ngôn của hết thảy các loài chúng sanh.

Lại nữa, do được “4 vô ngại trí”, nên Bồ tát thuyết pháp và độ sanh vô ngại.

-o0o-

Về sự thị hiện thọ thân của Bồ tát Thích Ca Mưu Ni:

- Có thuyết nói rằng: Bồ tát cõi voi 6 ngà, từ cung trời Đâu Suất, thị hiện vào thai mẹ. Bồ tát có “như huyễn tam muội”, dùng lực tam muội này vào thai mẹ, nên có đầy đủ phước đức nhân duyên, như khi còn ở trên cung trời Đâu Suất.

- Có thuyết nói rằng: Bồ tát ra khỏi thai mẹ, có các vị Thiên long theo hầu; Bồ tát, từ thai mẹ ra qua ngã hông bên phải, như mặt trời từ trong đám mây ló dạng ra vậy. Ngay lúc bấy giờ, có tiếng xung tán vang dội giữa hư không khắp cả 10 phương rằng “ở nước ấy có vị hậu thân Bồ tát sanh ra, có đầy đủ trí huệ, có đầy đủ thể lực, làm lợi ích cho chúng sanh”.

- Có thuyết nói rằng: Bồ tát từ cung trời Đâu Suất quán trong thế gian có dòng họ nào, có gia đình nào, có người nào cao quý, đức hạnh, thương xót chúng sanh, thì thị hiện sanh vào đó. Ví như, trong 7 đức Phật kế tiếp ra đời, tính đến đời đức Thích Ca Mưu Ni, có:

- 3 đức Phật thuộc dòng họ Kiều Trần Như.

- 3 đức Phật thuộc dòng họ Ca Diếp.

- Và đức Phật Thích Ca Mưu Ni thuộc dòng họ Cù Đàm.

Bồ tát đã được thâm tâm kiên cố, được vô sanh pháp nhãn, nên được khí phần của Nhất thiết chủng trí.

Bồ tát thành tựu quyền thuộc, gồm toàn người trí, người thiện đã tu tập công đức trong nhiều đời, nhiều kiếp.

Như trong kinh *Bát Khả Tư Nghi* có nói: Cù Ty Gia là một đại Bồ tát và các quyền thuộc của ngài đều là những vị Bồ tát bất thối chuyển. Lại nữa, Bồ tát có “biên hóa lực tam muội” nên cũng có các người nam, người nữ theo Bồ tát làm quyền thuộc.

Trong kinh có chép mẫu chuyện sau đây:

Đức Phật Thích Ca Mưu Ni khi còn là Bồ tát, có rất nhiều thế nữ xinh đẹp ở trong cung làm quyền thuộc của ngài. Một hôm thấy các cung nữ nằm ngủ chẳng khác gì những xác chết, Bồ tát sanh tâm nhàm chán dục lạc, quyết tâm rời bỏ hoàng cung, ra đi tìm đạo giải thoát.

Mặc dù có lệnh của vua Tịnh Phạn truyền phải giữ Thái Tử ở lại trong cung, nhưng Xa Nặc vẫn tùy theo ý của Bồ tát, dẫn con ngựa Kiền Trắc cùng với Bồ tát vượt thành ra đi. Lúc bấy giờ có chư Thiên, Long, Thần phụng nghinh, nâng chân ngựa, đưa Bồ tát cùng Xa Nặc vượt thành an toàn. Nhờ vậy mà Bồ tát vượt ra khỏi “nhà phiền não”. Như vậy gọi là thành tựu xuất gia.

-o0o-

Bồ tát dùng 7 báu trang nghiêm cây Bồ đề, gọi là thành tựu “Bồ đề thọ” trang nghiêm. Đây là vì chúng sanh mà Bồ tát dùng thần lực chẳng thể nghĩ bàn (bát khả tư nghi) hóa hiện ra các cảnh trang nghiêm như vậy.

-o0o-

Bồ tát trú cứu địa, đầy đủ thành tựu chúng sanh và thanh tịnh Phật độ, vừa tự lợi, vừa lợi tha, nên được vô lượng công đức chẳng thể nghĩ bàn. Chư vị A-la-hán và Bích Chi Phật

tuy cũng có vô lượng công đức, nhưng vì chưa đầy đủ lợi tha nên chẳng được như Bồ tát. Đây là tướng của Bồ tát cứu địa.

Thập địa còn gọi là Pháp Vân Địa.

Ví như đám mây lớn đổ mưa liên tục, Bồ tát trú ở địa này, tự nhiên sanh vô lượng vô biên niệm thanh tịnh, vô lượng vô biên niệm Phật pháp.

Bồ tát tự nghĩ rằng: Nếu ở cõi Dục mà ta chưa hàng phục được ma tâm, thì ma sân não vẫn còn tập hợp ma chúng đến quấy nhiễu ta.

Khi Bồ tát đã hàng phục xong chúng ma, thì chư Phật khắp 10 phương đều hoan hỷ, phóng hào quang, xoa đầu và khen ngợi Bồ tát.

Đây là tướng của Bồ tát thập địa.

Lại nữa, Bồ tát vào thập địa, có vô lượng công đức như: Hiền hành Phật pháp, đoạn hết thảy các tập khí phiền não, được vô ngại giải thoát, đầy đủ 10 lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, đại từ, đại bi, cùng vô lượng các lực phương tiện khác. Lúc bấy giờ mặt đất hiện 6 diệu chấn động, từ trên không trung mưa hoa hương đổ xuống, chư Phật phóng đại quang minh chiếu khắp cả 10 phương thế giới. Ở khắp 10 phương chư Phật, chư Bồ tát cùng chư Thiên đều tán thán rằng: Ở cõi nước đó, có vị Bồ tát tọa đạo tràng, thành tựu Phật sự, phóng đại quang minh, đã vào thập địa, đã được như Phật.

Đây là tướng của Bồ tát thập địa, và cũng là tướng của Bồ tát vào Phật địa vậy.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa, phát thú thập địa.

## Phẩm Thứ Hai Mười Mốt



Xuất Đáo  
(Ra & đến)

### KINH:

Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: Này Tu Bồ Đề! Ông hỏi Ma ha diễn phát xuất từ đâu, và an trú nơi đâu chăng?

Này Tu Bồ Đề! Ma ha diễn phát xuất từ 3 cõi, đến an trú trong Nhất thiết chủng trí, vì là “bất nhị pháp”.

Vì sao? Vì Ma ha diễn và Nhất thiết chủng trí là 2 pháp chẳng có hợp, chẳng có tan, chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có đối... mà chỉ là nhất tướng, là vô tướng.

Nếu có ai muốn khiến “thật tế” xuất, “như pháp tánh” xuất, “bất khả tư nghi tánh” xuất, thì đó là muốn “vô tướng pháp” xuất.

Nếu có ai muốn khiến “sắc không” xuất, ..., dẫn đến “thức không” xuất, thì đó là muốn “vô tướng pháp” xuất.

Vì sao? Này Tu Bồ Đề! “sắc không”, ..., dẫn đến “thức không” chẳng xuất từ 3 cõi, cũng chẳng trú trong Nhất thiết chủng trí, vì sắc tướng, ..., dẫn đến thức tướng đều là không.

Nếu có ai muốn khiến “nhãn không”, ..., dẫn đến “ý không” xuất, “nhãn thức không”, ..., dẫn đến “ý thức không” xuất, “nhãn xúc không”, ..., dẫn đến “ý xúc không” xuất, “nhãn xúc nhân duyên sanh thọ”, ..., dẫn

đến “ý xúc nhân duyên sanh thọ” xuất, thì đó là muốn “vô tướng pháp” xuất.

Vì sao? Này Tu Bồ Đề! “Nhân không”, ..., dẫn đến “ý xúc nhân duyên sanh thọ” chẳng xuất từ 3 cõi, cũng chẳng trú trong Nhất thiết chủng trí, vì “nhãn tướng”, ..., dẫn đến “ý xúc nhân duyên sanh thọ tướng” đều là không.

Nếu có ai muốn khiến mộng, huyễn, diệm, ảnh, hóa xuất, thì đó là muốn khiến “vô tướng pháp” xuất.

Vì sao? Này Tu Bồ Đề! Mộng, huyễn, diệm, ảnh, hóa chẳng xuất từ 3 cõi, cũng chẳng trú trong Nhất thiết chủng trí, vì đều là tướng không.

Nếu có ai muốn khiến Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật xuất, thì đó là muốn khiến “vô tướng pháp” xuất.

Vì sao? Này Tu Bồ Đề! 6 pháp Ba-la-mật chẳng xuất từ 3 cõi, cũng chẳng an trú trong Nhất thiết chủng trí, vì 6 pháp Ba-la-mật đều là tướng không.

Nếu có ai muốn khiến “nội không”, ..., dẫn đến “vô pháp hữu pháp không” xuất, thì đó là muốn “vô tướng pháp” xuất.

Vì sao? Này Tu Bồ Đề! “18 không” chẳng xuất từ 3 cõi, cũng chẳng an trú trong Nhất thiết chủng trí, vì đều là tướng không.

Nếu có ai muốn khiến 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 8 thánh đạo xuất, thì đó là muốn “vô tướng pháp” xuất.

Vì sao? Này Tu Bồ Đề! 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 8 thánh đạo chẳng xuất từ 3 cõi, cũng chẳng an trú trong Nhất thiết chủng trí, vì 37 Phẩm trợ đạo đều là tướng không.

Dẫn đến 18 bất cộng pháp cũng là như vậy.

Nếu có ai muốn khiến “A-la-hán tánh”, “Bích Chi Phật tánh, ..., dẫn đến “Phật tánh” xuất, thì đó là muốn “vô tướng pháp” xuất.

Vì sao? Nay Tu Bồ Đề! “A-la-hán tánh”, ..., dẫn đến “Phật tánh” chẳng xuất từ 3 cõi, cũng chẳng an trú trong Nhất thiết chủng trí, vì đều là tướng không.

Nếu có ai muốn khiến bất sanh pháp, bất diệt pháp, bất cấu pháp, bất tịnh pháp, vô khởi pháp, vô tác pháp... xuất, thì đó là muốn “vô tướng pháp” xuất.

Vì sao? Nay Tu Bồ Đề! Bất sanh pháp, ..., dẫn đến vô tác pháp chẳng xuất từ 3 cõi, cũng chẳng an trú trong Nhất thiết chủng trí, vì đều là tướng không.

Nay Tu Bồ Đề! Như vậy hết thảy các pháp đều chẳng có tướng an trú, nên là chẳng phải trú, cũng chẳng phải chẳng trú.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Ma ha diễn xuất từ 3 cõi, và đến an trú trong Nhất thiết chủng trí, là chẳng phải trú, cũng chẳng phải chẳng trú vì là pháp bất động vậy.

### LUẬN:

*Hỏi: Phật đã biết rõ chỗ hỏi của ngài Tu Bồ Đề rồi, nay vì sao Phật còn nêu lên nhiều câu hỏi nữa để cùng với ngài Tu Bồ Đề giải đáp?*

**Đáp:** Cũng như trường hợp bộ A Hàm, Bát nhã Ba-la-mật quá mênh mông, được diễn đạt trong 10 vạn bài kệ, 320 vạn lời, chẳng phải một phen mà thuyết hết được.

Các chỗ ngài Tu Bồ Đề nêu trước đây, Phật đã giải 2 lần



rồi. Nay ngài Tu Bồ Đề đặt câu hỏi thứ 3 để được Phật giải đáp rõ hơn.

-o0o-

Nên biết rằng, ngay trong pháp Thanh Văn cũng có nhiều sự việc bất khả tư nghì, chẳng phải chỉ trong 1 lần, ở tại một nơi mà có thể giải đáp hết được, huống nữa là ở trong pháp Đại thừa.

Phật có vô ngại giải thoát, Bồ tát có bất khả tư nghì tam muội, khiến mau thành lâu, lâu thành mau, xa thành gần, gần thành xa... Ví như trong kinh *Pháp Hoa* có nói: Phật thuyết pháp trong 60 tiểu kiếp, mà nghe tưởng chừng như chỉ trải qua thời gian của một buổi ăn thôi là nghĩa đó vậy.

**Hỏi:** *Sắc có hình tướng có thể thấy được, còn thời gian là vô hình. Như vậy làm sao có thể biến thời gian dài thành ngắn, ngắn thành dài được?*

**Đáp:** Do nơi lực thần thông bất khả tư nghì, mà Bồ tát có thể làm các sự việc như vậy. Ví như người nằm mộng tưởng như mình đã trải qua một thời gian dài, mà khi tỉnh dậy, mới biết cảnh mộng chỉ diễn ra trong khoảnh khắc mà thôi vậy.

Sự việc diễn biến trong một đêm nằm mộng, mà phàm phu còn chưa hiểu được. Như vậy làm sao phàm phu có thể hiểu thấu rõ chỗ hỏi của ngài Tu Bồ Đề và chỗ giải đáp của Phật, quá cao vời, sâu thẳm, mênh mông như trời, như biển được.

-o0o-

Trên đây, ngài Tu Bồ Đề hỏi: Ma ha diễn phát xuất từ đâu và an trú nơi đâu?

Phật dạy: Ma ha diễn phát xuất từ 3 cõi, và đến an trú trong Nhất thiết chủng trí bất động. Vì là pháp bất động, nên chẳng phải trú, cũng chẳng phải chẳng trú.

**Hỏi:** *Ma ha diễn nhiếp về Phật pháp, hay nhiếp về Bồ tát pháp? Nếu nhiếp về Phật pháp, thì sao lại phát xuất từ 3 cõi? Còn nếu nhiếp về Bồ tát pháp, thì sao lại an trú trong Nhất thiết chủng trí?*

**Đáp:** Ma ha diễn nhiếp về Bồ tát pháp, nên phát xuất từ 3 cõi, khi đã dẫn đến Kim cang tam muội, và thành tựu đầy đủ các công đức rồi, thì biến thành Phật pháp.

Vì Ma ha diễn có đại lực dẫn thẳng đến Phật địa, chẳng còn có chỗ nào cao hơn, nên nói “Ma ha diễn đến an trú trong Nhất thiết chủng trí”.

Khi đã đoạn sạch các phiền não, đã tu tập rốt ráo các công đức, thì vào được pháp tịch diệt, bất nhị vậy. Bởi vậy nên nói Ma ha diễn và Nhất thiết chủng trí chẳng phải một, chẳng phải khác, chẳng có hợp, chẳng có tan.

Lại nữa, khi đã dứt sạch các sở tri chướng, chẳng còn hư vọng nữa thì là vô sắc, vô hình, vô đối, là nhất tướng, là vô tướng vậy.

**Hỏi:** *Vì sao nói Ma ha diễn và Nhất thiết chủng trí là chẳng phải một, chẳng phải khác, là nhất tướng, là vô tướng?*

**Đáp:** Nên biết “nhất tướng” cũng tức là “vô tướng”. Đây là nhằm chỉ cho chúng sanh biết rằng “thật tướng” là chẳng có tướng xuất, chẳng có tướng nhập, chẳng xuất từ 3 cõi và cũng chẳng nhập vào trong Phật đạo.

Người ít trí huệ mới nói rằng “thật tế” dẫn vào Phật đạo. Nói như vậy là ở nơi “vô tướng” mà còn chấp có tướng xuất,

có tướng nhập. Vì sao? Vì “như pháp tánh thật tế” là vô tướng, là bất khả tư nghi tướng. Nếu ở trong “không” mà muốn có xuất tướng, thì đó là muốn “vô tướng pháp” xuất rồi vậy.

-o0o-

Ở đây Phật nói “5 âm tướng” là không, chẳng xuất từ 3 cõi, cũng chẳng đến an trú trong Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì 5 âm là không, thì 12 nhập, 18 giới, ..., dẫn đến hết thấy các pháp đều là không cả. Tất cả đều là hư vọng, đều là tự tướng không, chỉ ví như cảnh thấy trong mộng vậy thôi.

Hết thấy các pháp đều là tự tướng không, nên chẳng có xuất, cũng chẳng có nhập. Cho nên nói: Nếu có ai muốn khiến 6 pháp Ba-la-mật xuất... thì đó là muốn “vô tướng pháp” xuất.

Bồ tát vì chúng sanh nói hết thấy các pháp đều do duyên hòa hợp sanh, đều là tự tướng không. Dẫn đến Ma ha diễn, Nhất thiết chủng trí cũng đều là như vậy cả.

**Hỏi:** *6 pháp Ba-la-mật có chân, có tục. Tục để chấp có pháp tướng. Còn chân để nếu chẳng y nơi pháp tướng thì làm sao lập ra được 6 pháp Ba-la-mật?*

**Đáp:** Các vị Bồ tát nào chưa được lậu tận thì còn tu phước. Do còn tu phước nên còn tu 6 pháp Ba-la-mật của phàm phu. Trong trường hợp này mới thấy có xuất, có nhập v.v...

Trái lại các đại Bồ tát biết rõ Ma ha diễn là vô tướng pháp, chẳng có xuất, chẳng có nhập. Ở nơi đây, các pháp tướng chỉ là giả danh, chẳng thật có. Bởi vậy nên khi nói “Ma ha diễn phát xuất từ 3 cõi, đến an trú trong Nhất thiết chủng trí”, thì phải biết rõ rằng Nhất thiết chủng trí cũng là giả danh, chẳng thật có, cũng là pháp bất động vậy.

**KINH:**

Phật lại bảo ngài Tu Bồ Đề: Này Tu Bồ Đề! Ông muốn biết Ma ha diễn đến an trú chỗ nào và vì sao chẳng?

Này Tu Bồ Đề! Hết thấy các pháp đều chẳng có tướng trú (vô trú tướng), nên Ma ha diễn đến trú trong “bất trú pháp”.

Ma ha diễn cũng ví như pháp tánh, là bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, vô tướng, vô tác, bất trú, phi bất trú.

Vì sao? Này Tu Bồ Đề! “Pháp tánh tướng” là bất trú, phi bất trú, vì là tánh không, dẫn đến “vô tác tánh tướng” cũng là tánh không. Hết thấy các pháp đều là như vậy cả.

Này Tu Bồ Đề! Bởi nhân duyên vậy, nên Ma ha diễn chẳng có trú xứ (vô trú xứ). Vì chẳng có trú xứ nên là pháp bất động.

**LUẬN:**

*Hỏi: Ma ha diễn có đại lực dẫn thẳng đến Nhất thiết chủng trí, chẳng có pháp nào hơn được. Như vậy vì sao nay lại nói Ma ha diễn là vô trú xứ?*

**Đáp:** Trước đây nói Ma ha diễn và Nhất thiết chủng trí là chẳng phải một, chẳng phải khác, là “bất nhị pháp”, nên trú chỉ là trú nơi như huyền như mộng mà thôi.

Bồ tát tuy có trú trong 4 oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi nhưng chẳng phải thật có trú. Cũng như vậy, Ma ha diễn tuy có trú trong Nhất thiết chủng trí, mà thật chẳng có trú vậy.

Trên đây Phật mật ý nói rằng: Từ vô thi đến nay, hết thấy các pháp đều là vô trú, chẳng có pháp nào có trú xứ riêng rẽ cả.

Nên biết:

- Nói “trú” là nói trú nơi rốt ráo không.

Vì sao? Vì hết thấy pháp đều là “như pháp tánh thật tế”, đều là bất sanh, bất diệt, bất khởi, bất tác, nên chẳng phải trú (bất trú), cũng chẳng phải chẳng trú (phi bất trú).

- Nói “bất trú” là nhằm phá chấp hữu cũng là nhằm nêu lên nghĩa vô thường, để phá chấp về thường tướng.

- Nói “phi bất trú” là nhằm phá chấp về diệt tướng. Lại nữa, do thuận theo thế đế mà nói “trú”, nhưng nếu chấp “bất trú” thì cũng là lỗi lầm, nên nói “phi bất trú” vậy.

Phật dạy “pháp tánh tướng” là không, nên là bất trú, phi bất trú, là vô khởi vô tác vậy.

-o0o-

## KINH:

**Phật lại bảo ngài Tu Bồ Đề: Này Tu Bồ Đề! Ông muốn biết ai là người hành Ma ha diễn, và ai là người xuất từ Ma ha diễn chăng?**

**Này Tu Bồ Đề! Chẳng có ai là người hành Ma ha diễn, và chẳng có ai là người xuất từ Ma ha diễn cả.**

**Vì sao? Vì chỗ dụng pháp và thời điểm xuất ra đều là vô sở hữu. Thế nhưng, nếu hết thấy pháp đều là vô sở hữu, thì dùng pháp gì để xuất ra được?**

**Này Tu Bồ Đề! Ngã bất khả đắc, ..., dẫn đến tri giả, kiến giả bất khả đắc, vì là rốt ráo thanh tịnh. Bất khả tu nghi tánh bất khả đắc, vì là rốt ráo thanh tịnh. 5 ấm, 12 nhập, 18 giới bất khả đắc, vì là rốt ráo thanh tịnh. Nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không bất khả đắc, vì là rốt ráo thanh tịnh. Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát**

nhã Ba-la-mật bất khả đắc, vì là rốt ráo thanh tịnh. 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp bất khả đắc, vì là rốt ráo thanh tịnh. Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích Chi Phật, Bồ tát, Phật bất khả đắc, vì là rốt ráo thanh tịnh. Vô thượng bồ đề, Nhất thiết chủng trí bất khả đắc, vì là rốt ráo thanh tịnh. Bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh bất khả đắc, vì là rốt ráo thanh tịnh. Cả 3 đời quá khứ, hiện tại, vị lai bất khả đắc, vì là rốt ráo thanh tịnh. Tăng, giảm... bất khả đắc, vì là rốt ráo thanh tịnh.

Vì sao các pháp bất khả đắc là rốt ráo thanh tịnh?

Này Tu Bồ Đề! Vì “pháp tánh bất khả đắc” cũng là bất khả đắc, nên là rốt ráo thanh tịnh. Vì “như thật tế bất khả tư nghì tánh bất khả đắc”, “pháp tướng bất khả đắc”, “pháp vị bất khả đắc” cũng là bất khả đắc, nên là rốt ráo thanh tịnh. Vì “Đàn Ba-la-mật bất khả đắc”, ..., dẫn đến “Bát nhã Ba-la-mật bất khả đắc, cũng là bất khả đắc, nên là rốt ráo thanh tịnh. Vì “nội không bất khả đắc”, ..., dẫn đến “vô pháp hữu pháp không bất khả đắc” cũng là bất khả đắc, nên là rốt ráo thanh tịnh. Vì “4 niệm xứ bất khả đắc”, ..., dẫn đến “18 bất cộng pháp bất khả đắc” cũng là bất khả đắc, nên là rốt ráo thanh tịnh. Vì “4 quả Thanh Văn bất khả đắc”, “quả Bích Chi Phật bất khả đắc”, “quả Bồ tát bất khả đắc”, ..., dẫn đến “quả Phật bất khả đắc” cũng là bất khả đắc, nên là rốt ráo thanh tịnh. Vì “Vô thượng bồ đề bất khả đắc”, ..., dẫn đến “Nhất thiết chủng trí bất khả đắc” cũng là bất khả đắc, nên là rốt ráo thanh tịnh. Vì “bất sanh bất khả đắc”, “bất diệt bất khả đắc” v.v... cũng là bất khả đắc, nên là rốt ráo thanh tịnh.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Vì “Sơ địa bất khả đắc”, ..., dẫn đến “Thập địa bất khả đắc” cũng là bất khả đắc, nên là rốt ráo thanh tịnh. Vì “Bồ tát địa bất khả đắc”, ..., dẫn

đến “Phật địa bất khả đắc” cũng là bất khả đắc, nên là rốt ráo thanh tịnh.

**Vì sao?**

Vì Sơ địa chẳng có đắc (phi đắc), cũng chẳng phải chẳng đắc (phi bất đắc), ..., dẫn đến Thập địa chẳng có đắc, cũng chẳng phải chẳng đắc, nên đều là rốt ráo không.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Vì “nội không bất khả đắc”, ..., dẫn đến “vô pháp hữu pháp không bất khả đắc”, “thành tựu chúng sanh bất khả đắc”, “thanh tịnh Phật độ bất khả đắc”, “5 nhãn bất khả đắc”, “6 thần thông bất khả đắc”, v.v... cũng đều là bất khả đắc cả, nên là rốt ráo thanh tịnh.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma ha tát, dụng pháp “vô sở đắc”, mà hành Ma ha diễn, nên chẳng xuất từ 3 cõi, cũng chẳng an trú trong Nhất thiết chủng trí.

**LUẬN:**

Hành Ma ha diễn đi vào Phật đạo, để thành tựu chúng sanh, gọi là xuất. Hành Ma ha diễn để thành tựu Nhất thiết chủng trí, cũng gọi là xuất.

Phật nói “pháp không”, lại nói các pháp đều bất khả đắc, là nhằm khuyến tấn các người hành Ma ha diễn phải dụng pháp “vô sở đắc”, để tu 6 pháp Ba-la-mật.

Nếu Bồ tát, khởi đại bi tâm, hành 6 pháp Ba-la-mật, độ thoát chúng sanh, mà tâm chẳng chấp trước, thì gọi là Bồ tát Ma ha tát hành đầy đủ “pháp không”.

Phật lại dạy “ngã bất đắc là rốt ráo không”, là nhằm chỉ cho chúng sanh biết rõ rằng hết thảy các pháp, dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng đều là bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm..., và đều là tự tướng không cả.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói: Ngã, tri giả, kiến giả, ..., dẫn đến chúng sanh, Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ tát, Phật, đều là rốt ráo không cả.

**Hỏi:** *Bất khả đắc có 2 nghĩa:*

- *Đối với người thiếu trí, thì nói theo nghĩa “các pháp là bất khả đắc”.*

- *Đối với người đại trí, thì nói theo nghĩa “các pháp bất khả đắc cũng là bất khả đắc”.*

*Như vậy, ở nơi đây, nói “bất khả đắc” theo nghĩa nào?*

**Đáp:** Đây là nói về “pháp không”, nên “bất khả đắc” phải được hiểu theo nghĩa thứ hai vậy.

**Hỏi:** *Nếu nói các pháp, trước sau, đều bất khả đắc, thì như vậy có lợi gì?*

**Đáp:** Phật thuyết các pháp là bất khả đắc, là rốt ráo thanh tịnh. Thế nhưng, Phật sợ người tu hành lại y chỉ nơi “bất khả đắc” mà chấp “không”, chấp “vô pháp”.

Vì người sơ cơ, mà Phật dùng “vô” để phá “hữu”, nhưng họ chưa được tâm thanh tịnh, nên lại y chỉ nơi “vô”. Bởi vậy, nên Phật dạy thêm rằng “các pháp bất khả đắc” cũng là bất khả đắc.

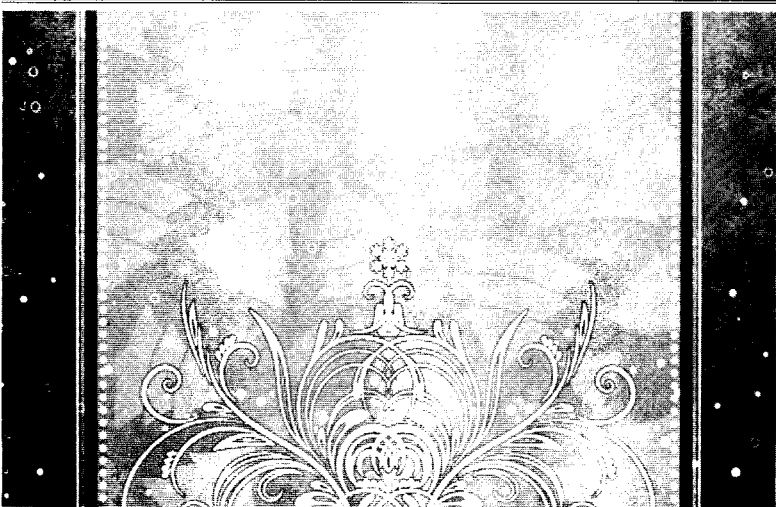
Hết thấy các pháp đều là bất khả đắc, dẫn đến “pháp bất khả đắc” cũng là bất khả đắc, nên hết thấy các pháp đều là rốt ráo thanh tịnh cả.

Bồ tát Ma ha tát, dụng pháp “vô sở đắc”, hành Ma ha điển hướng về Nhất thiết chủng trí.





**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 51**





## Phẩm Thứ Hai Mười Hai



### Thắng Xuất (Vượt Lên Trên Hết Thấy)

#### **KINH:**

**Ngài huệ mạng Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ma ha diễn và người hành Ma ha diễn thắng xuất (vượt lên trên) hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la.**

**Bạch Thế Tôn! Ma ha diễn ví như hư không, dung thọ vô lượng, vô biên chúng sanh, chẳng thấy chỗ đi, chẳng thấy chỗ đến, chẳng thấy chỗ trú. Vì sao? Vì quá khứ là bất khả đắc, hiện tại là bất khả đắc, vị lai cũng là bất khả đắc; cả 3 đời bình đẳng, đều là bất khả đắc cả.**

**Bởi nhân duyên vậy, nên gọi là Ma ha diễn.**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đúng như vậy, đúng như vậy. Bồ tát Ma ha tát hành đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, từ Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, mới gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn.**

**Lại nữa, Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn có đầy đủ hết thấy các Đà la ni môn, hết thấy các Tam muội môn, từ Thủ lăng nghiêm tam muội, ..., dẫn đến Ly trước như hư không bất nhiễm tam muội.**

**Lại nữa, Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn có đầy đủ 18 không, từ nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không; có đầy đủ 37 pháp trợ đạo; từ 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 8 thánh đạo; có đầy đủ 10 lực, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp.**

Này Tu Bồ Đề! Đúng như lời ông nói, Ma ha diễn thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la.

Này Tu Bồ Đề! Nếu cõi Dục là thật có, là thường hằng, là bất hoại, chẳng phải là hư vọng, chẳng phải là điên đảo, chẳng phải là vô pháp (pháp chẳng có), thì Ma ha diễn chẳng có thể thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la được.

Bởi cõi Dục là hư vọng, là ức tướng, là hòa hợp, là danh tự, là vô thường, là tán hoại, là vô pháp, nên Ma ha diễn thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la.

Này Tu Bồ Đề! Nếu cõi Sắc và cõi vô Sắc là thật có, là thường hằng, là bất hoại, chẳng phải là hư vọng, chẳng phải là điên đảo, chẳng phải là vô pháp, thì Ma ha diễn chẳng có thể thắng xuất hết thấy thế gian Trời, người và A tu la được.

Bởi cõi Sắc và cõi vô Sắc là hư vọng, là ức tướng, là hòa hợp, là danh tự, là vô thường, là tán hoại, là vô pháp, nên Ma ha diễn thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la.

Này Tu Bồ Đề! Nếu sắc, ..., dẫn đến thức, sắc, ..., dẫn đến pháp, nhãn, ..., dẫn đến ý, nhãn thức, ..., dẫn đến ý thức, nhãn xúc, ..., dẫn đến ý xúc, nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ là thật có, là thường hằng, là bất hoại, chẳng phải là hư vọng, chẳng phải là điên đảo, chẳng phải là vô pháp, thì Ma ha diễn chẳng có thể thắng xuất hết thấy thế gian Trời, người và A tu la được.

Bởi sắc, ..., dẫn đến thức, sắc, ..., dẫn đến pháp, nhãn, ..., dẫn đến ý, nhãn thức, ..., dẫn đến ý thức, nhãn xúc,

..., dẫn đến ý xúc, nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ là hư vọng, là ức tướng, là hòa hợp, là danh tự, là vô thường, là tán hoại, là vô pháp, nên Ma ha diễn thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la.

Này Tu Bồ Đề! Nếu như pháp tánh thật tế bất khả tư nghì tánh là hữu pháp (pháp có), chẳng phải là vô pháp (pháp chẳng có), thì Ma ha diễn chẳng có thể thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la được.

Bởi như pháp tánh thật tế, bất khả tư nghì tánh là vô pháp (pháp chẳng có), là phi pháp (chẳng phải pháp), nên Ma ha diễn thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la.

Này Tu Bồ Đề! Nếu 6 pháp Ba-la-mật, từ Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật là hữu pháp, chẳng phải là vô pháp, thì Ma ha diễn chẳng có thể thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la được.

Bởi 6 pháp Ba-la-mật là vô pháp, là phi pháp, nên Ma ha diễn thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la.

Này Tu Bồ Đề! Nếu 18 không, từ nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không là hữu pháp, chẳng phải là vô pháp, thì Ma ha diễn chẳng có thể thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la được.

Bởi 18 không là vô pháp, là phi pháp, nên Ma ha diễn thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la.

Này Tu Bồ Đề! Nếu 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp là hữu pháp, chẳng phải là vô pháp, thì Ma ha diễn chẳng có thể thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la được.

Bởi 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp là vô pháp, là phi pháp, nên Ma ha diễn thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la.

Này Tu Bồ Đề! Nếu nhân pháp tánh, Tu-đà-hoàn pháp tánh, Tư-đà-hàm pháp tánh, A-na-hàm pháp tánh, A-la-hán pháp tánh, Bích Chi Phật pháp tánh, Bồ tát pháp tánh, Phật pháp tánh đều là hữu pháp, chẳng phải là vô pháp, thì Ma ha diễn chẳng có thể thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la được.

Bởi nhân tánh, Tu-đà-hoàn tánh, ..., dẫn đến Phật tánh đều là vô pháp, là phi pháp, nên Ma ha diễn thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la.

Này Tu Bồ Đề! Nếu hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la đều là hữu pháp, chẳng phải là vô pháp, thì Ma ha diễn chẳng có thể thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la được.

Bởi hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la đều là vô pháp, là phi pháp, nên Ma ha diễn thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la.

Này Tu Bồ Đề! Nếu trong khoảng thời gian từ khi Bồ tát phát tâm đến khi tọa đạo tràng, mà tâm là hữu pháp, chẳng phải là vô pháp, thì Ma ha diễn chẳng có thể thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la được.

Bởi trong khoảng thời gian từ khi Bồ tát sơ phát tâm đến khi tọa đạo tràng, tâm là vô pháp, là phi pháp, nên Ma ha diễn thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la.

Này Tu Bồ Đề! Nếu “như Kim cang huệ” của Bồ tát là hữu pháp, chẳng phải là vô pháp, thì Bồ tát chẳng có thể biết được hết thấy các kiết sử và tập khí là vô pháp,

là phi pháp, dẫn đến chẳng có thể được Nhất thiết chủng trí, khiến Ma ha diễn chẳng có thể thắng xuất hết thủy thế gian, Trời, người và A tu la được. Bởi “như Kim cang huệ” của Bồ tát là vô pháp, là phi pháp, nên Bồ tát biết rõ hết thủy các kiết sử và tập khí đều là vô pháp, là phi pháp khiến Ma ha diễn thắng xuất hết thủy thế gian, Trời, người và A tu la.

Này Tu Bồ Đề! Nếu 32 tướng tốt trang nghiêm thân Phật là hữu pháp, chẳng phải là vô pháp, thì oai đức của Phật chẳng có thể vang lừng, rộng khắp cả hằng sa thế giới được.

Bởi 32 tướng tốt trang nghiêm thân Phật là vô pháp, là phi pháp, nên oai đức của Phật vang lừng, rộng khắp cả hằng sa thế giới ở trong 10 phương.

Này Tu Bồ Đề! Nếu quang minh của Phật là hữu pháp, chẳng phải là vô pháp, thì quang minh của Phật chẳng có thể chiếu khắp cả hằng sa thế giới được.

Bởi quang minh của Phật là vô pháp, là phi pháp, nên chư Phật thường phóng quang minh đến vô lượng hằng sa thế giới.

Này Tu Bồ Đề! Nếu âm thanh của Phật với 60 âm điệu trang nghiêm là hữu pháp, chẳng phải là vô pháp, thì âm thanh trang nghiêm của Phật chẳng có thể biến khắp cả 10 phương thế giới được.

Bởi âm thanh của Phật với 60 âm điệu trang nghiêm là vô pháp, là phi pháp, nên chư Phật dùng âm thanh trang nghiêm nói pháp, khiến chúng sanh ở khắp 10 phương thế giới đều được nghe pháp.

Này Tu Bồ Đề! Nếu pháp luân là hữu pháp, chẳng

**phải là vô pháp, thì chư Phật chẳng có thể chuyển pháp luân được.**

**Bởi pháp luân là vô pháp, là phi pháp, nên chư Phật thường chuyển pháp luân, đưa chúng sanh vào Vô dư Niết Bàn.**

**Các đức Phật quá khứ, hiện tại và vị lai đều làm như vậy cả.**

**LUẬN:**

Ngài Tu Bồ Đề nêu lên 5 câu hỏi về Ma ha diễn, và đều đã được Phật giải đáp rất đầy đủ rõ ràng. Bởi vậy nên ngài rất vui mừng và tán thán rằng Ma ha diễn có đại lực phá hết thảy các chấp về pháp tướng, thắng xuất hết thảy thế gian, Trời, người và A tu la.

Ví như ở thế gian, những người bị giam cầm trong ngục tội, có thể vượt ra khỏi ngục bằng 3 cách:

- Hạng thứ nhất, nhờ nương theo đêm tối mà trốn thoát.
- Hạng thứ hai nhờ lo lót tiền bạc mà được thoát khỏi ngục.
- Hạng thứ ba nhờ có sức mạnh bên ngoài giúp đỡ, phá ngục mà được thoát ngục.

Cũng như vậy, 3 thừa giáo tuy đều có thể giải thoát chúng sanh ra khỏi ngục tù 3 cõi, ra khỏi sanh tử luân hồi, nhưng vẫn có chỗ sai khác nhau:

- A-la-hán chưa biết rõ tổng tướng và biệt tướng của các ma sự, chưa được đầy đủ các lực phương tiện để phá ngoại đạo, chưa sanh bi tâm nhằm lợi sanh, mà chỉ cầu Niết Bàn do vì nhàm chán sanh tử.

- Bích Chi Phật tuy đã có bi tâm, có lực thần thông khiến phá được các ác ma, ngoại đạo, nhưng vẫn chưa bằng được Bồ tát.



- Bồ tát từ sơ phát tâm, đã khởi đại bi tâm thương xót hết thảy chúng sanh, nên dù chưa thành Phật, cũng đã có vô lượng công đức, làm lợi lạc cho chúng sanh.

Lại nữa, Bồ tát đã quyết định biết rõ thật tướng các pháp, đã được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, nên có đại lực phá các Ma vương và ngoại đạo, tận đoạn các kiết sử phiền não. Bồ tát biết rõ tổng tướng và biệt tướng của hết thảy các pháp, nên được Nhất thiết chủng trí, dẫn đến được quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề tán thán Ma ha diễn có đại lực phá hết thảy các chấp về pháp tướng, nên thắng xuất hết thảy thế gian, Trời, Người và A tu la.

Ví như hư không bao trùm cả vạn vật mà hư không vẫn bất tận. Cũng như vậy, Đại thừa Ma ha diễn bao trùm hết thảy các pháp Phật trong cả 3 đời mà vẫn như như, vẫn thường hằng, nên nói Ma ha diễn chẳng có tướng xuất, chẳng có tướng nhập, chẳng có tướng trú, chẳng có quá khứ, chẳng có hiện tại, chẳng có vị lai. Vì sao? Vì cả 3 đời đều nhiếp trọn trong Ma ha diễn cả vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên ngài Tu Bồ Đề được Phật tán thán.

**Hỏi:** *Ngài Tu Bồ Đề đã tán thán Ma ha diễn rồi. Như vậy vì sao Phật còn tán thán thêm nữa?*

**Đáp:** Phật tán thán chỗ ngài Tu Bồ Đề đã tán thán. Vì sao? Vì nghĩa lý của Ma ha diễn quá sâu xa, nên trước phải nói rõ về tướng của Ma ha diễn, rồi sau mới nói đến các pháp Ba-la-mật, các đà la ni, các tam muội, 18 không, 4 niệm xứ dẫn đến 18 bất cộng pháp.

Đúng như lời ngài Tu Bồ Đề nói, Ma ha diễn đã thật sự phá hết thấy các chấp về pháp tướng, và thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, Người và A tu la. Vì sao? Vì 3 cõi là hư dối, là như mộng, như huyễn cả. Chỉ vì vô minh duyên khởi mà sanh ra có nhân, có quả, nhưng tất cả đều chẳng phải là thật pháp.

Lại nữa, hết thấy pháp đều là vô thường, là tán hoại, là tự tướng không, dẫn đến 3 cõi cũng là như vậy. Tất cả đều là vô tướng, là phi tướng, nên Ma ha diễn thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, Người và A tu la.

Do nghiệp lực mới có 5 ấm, 12 nhập, 18 giới, ..., dẫn đến mới có xúc, có thọ. Nếu các pháp thế gian này đều là hữu pháp, đều chẳng phải là vô pháp, thì Ma ha diễn chẳng có thể thắng xuất thế gian được. Nhưng bởi các pháp thế gian đều là vô pháp, là phi pháp, nên Ma ha diễn thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la vậy.

**Hỏi:** *Nói các pháp hữu vi do duyên hòa hợp sanh, đều là pháp chẳng có, là vô pháp, thì còn hợp lý. Còn “như pháp tánh thật tế”, “bất khả tư nghì tánh” là những pháp vô vi, sao cũng nói là tự tánh không, là vô pháp, là phi pháp?*

**Đáp:** “Vô vi” là tánh không, nên là pháp chẳng có, là chẳng phải pháp, tức là vô pháp, là phi pháp vậy.

Phật dạy: Nếu ly pháp hữu vi thì chẳng có được pháp vô vi. Pháp vô vi là bất khả đắc. Vì sao? Vì thật tướng của “hữu vi” là “vô vi”. Người nào quán được pháp hữu vi là hư vọng, là chẳng thật có thì có thể biết rõ “pháp tánh thật tế” là như như.

Vì phạm phu ở nơi “pháp tánh như như” mà khởi chấp tướng, thù tướng nên phải nói “vô pháp tánh” vậy. Thế nhưng dù nói có pháp tánh hay nói chẳng có pháp tánh, thì đó cũng

chỉ là các phương tiện nhân duyên để phá trừ các chấp về pháp tướng cả.

Như pháp tánh thật tế, bất khả tư nghì tánh cũng là như vậy.

Ví như Đàn Ba-la-mật là pháp vô vi, nhưng đối với người sơ học thì phải nói có pháp Đàn Ba-la-mật, nhằm phá xan tham, còn đối với các bậc Thánh thì nói Đàn Ba-la-mật là không. Bởi vậy nên nói có Đàn Ba-la-mật thế gian và Đàn Ba-la-mật xuất thế gian. Vì sao? Vì nếu chúng sanh là thật có, là hữu pháp, chẳng phải là vô pháp thì chẳng thể độ họ vào Vô dư Niết Bàn được.

**Hỏi:** Kể từ 32 tướng tốt của Phật trở về sau, vì sao chẳng nói Ma ha diễn thắng xuất hết thầy thế gian nữa?

**Đáp:** 32 tướng tốt của Phật dẫn đến chuyên pháp luân cũng chỉ là danh tự. Trước đây nói Ma ha diễn thắng xuất hết thầy thế gian là nói về tổng tướng, còn từ 32 tướng tốt của Phật trở về sau đều nhiếp về biệt tướng, nhằm so sánh các pháp xuất thế gian này với các pháp thế gian ngoại đạo. Phật có 32 tướng tốt, có quang minh chiếu diệu, có âm thanh trang nghiêm, có chuyên pháp luân lợi ích cho hết thầy chúng sanh. Đây là những pháp vô thượng mà thế gian ngoại đạo chẳng sao có thể sánh kịp được.

Sở dĩ trong đoạn kinh trên đây, Phật nhắc đi nhắc lại nhiều lần rằng Ma ha diễn thắng xuất hết thầy thế gian, vì Phật muốn phá tâm điên đảo của chúng sanh vọng chấp có ngã, có pháp.

**Hỏi:** Ở trong khắp 10 phương có đến 6 đạo chúng sanh. Vì sao chỉ nói thắng xuất Trời, người và A tu la mà thôi?

**Đáp:** Trong 6 đạo chúng sanh thì Ma ha diễn đều thắng xuất tất cả.

**Hỏi:** Trong kinh Long Vương có nêu trường hợp loài rồng cũng được đạo Bồ tát. Như vậy vì sao xếp loài rồng vào trong ác đạo?

**Đáp:** Trong vô lượng vô biên loài chúng sanh, thì loài rồng được đạo rất ít.

Nên biết rằng có kinh nói: Do muốn hóa độ Long vương mà có đại Bồ tát làm thân rồng, sống chung với loài rồng vậy.

## Phẩm Thứ Hai Mười Ba



Đẳng Không  
(Bảng Với Hư Không)

**KINH:**

Phật bảo ngài Tu Bồ Đề: Này Tu Bồ Đề! Ông nói Ma ha diễn và hư không đồng đẳng chăng?

Đúng như lời ông nói, Ma ha diễn đồng đẳng với hư không.

Vì sao? Này Tu Bồ Đề! Ông nên biết:

- Hư không chẳng có 10 phương (phương Đông, phương Tây, phương Nam, phương Bắc, 4 phương chéo, phương Trên và phương Dưới). Ma ha diễn cũng như vậy.

- Hư không chẳng phải dài, chẳng phải ngắn, chẳng phải tròn, chẳng phải vuông... Ma ha diễn cũng như vậy.

- Hư không chẳng xanh, chẳng đỏ, chẳng đen... Ma ha diễn cũng như vậy.

- Hư không chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai. Ma ha diễn cũng như vậy.

- Hư không chẳng có tăng, chẳng có giảm. Ma ha diễn cũng như vậy.

- Hư không chẳng có cấu chẳng có tịnh. Ma ha diễn cũng như vậy.

- Hư không chẳng sanh, chẳng trú, chẳng diệt. Ma ha diễn cũng như vậy.

- Hư không chẳng thiện, chẳng bất thiện, chẳng vô ký, chẳng phải chẳng thiện, chẳng phải chẳng bất thiện, chẳng phải chẳng vô ký. Ma ha diễn cũng như vậy.

- Hư không chẳng thấy, chẳng nghe, chẳng biết. Ma ha diễn cũng như vậy.

- Hư không chẳng có tướng nhiễm, chẳng có tướng ly. Ma ha diễn cũng như vậy.

- Hư không chẳng có lệ thuộc vào 3 cõi. Ma ha diễn cũng như vậy.

- Hư không chẳng có sơ phát tâm, ..., dẫn đến chẳng có Phật tâm. Ma ha diễn cũng như vậy.

- Hư không chẳng có địa tánh. Ma ha diễn cũng như vậy.

- Hư không chẳng có Thanh Văn quả, Bích Chi Phật quả, ..., dẫn đến chẳng có Phật quả. Ma ha diễn cũng như vậy.

- Hư không chẳng có Thanh Văn địa, Bích Chi Phật địa, ..., dẫn đến chẳng có Phật địa. Ma ha diễn cũng như vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Ma ha diễn đồng đẳng với hư không.

Này Tu Bồ Đề! Lại nữa:

- Hư không chẳng phải sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải thấy được (khả kiến), chẳng phải chẳng thấy được (bất khả kiến), chẳng phải có đối (hữu đối), chẳng phải chẳng có đối (vô đối), chẳng phải hợp, chẳng phải tan. Ma ha diễn cũng như vậy.

- Hư không chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải khổ, chẳng phải lạc, chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã. Ma ha diễn cũng như vậy.

- Hư không chẳng phải không, chẳng phải chẳng không, chẳng phải vô tướng, chẳng phải chẳng vô tướng, chẳng phải vô tác, chẳng phải chẳng vô tác. Ma ha diễn cũng như vậy.

- Hư không chẳng phải tịch diệt, chẳng phải chẳng tịch diệt, chẳng phải ly, chẳng phải chẳng ly. Ma ha diễn cũng như vậy.

- Hư không chẳng phải có thể được (khả đắc), chẳng phải chẳng có thể được (bất khả đắc). Ma ha diễn cũng như vậy.

- Hư không chẳng phải có thể nói ra (khả thuyết), chẳng phải chẳng có thể nói ra được (bất khả thuyết). Ma ha diễn cũng như vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Ma ha diễn đồng đẳng với hư không.

### LUẬN:

Ngài Tu Bồ Đề tán thán Ma ha diễn cùng hư không bình đẳng.

Phật nói rộng thêm cho sáng nghĩa. Ví như nói: Hư không chẳng có 10 phương; Ma ha diễn cũng chẳng có 10 phương v.v...

**Hỏi:** Nói hư không như vậy là đúng, vì hư không là pháp vô vi, nên chẳng có sắc, thanh, hương, vị... Còn như tu theo Đại thừa Ma ha diễn, thì hành giả có hành các pháp hữu vi, có hành các sắc pháp, như hành bố thí, hành các Ba-la-mật khác v.v... Như vậy, làm sao có thể nói Ma ha diễn cùng hư không bình đẳng được?

**Đáp:** Phải nên xét 6 pháp Ba-la-mật về cả 2 mặt: Thế gian và xuất thế gian.

Ba-la-mật thế gian là pháp hữu vi, có nhiếp sắc pháp, nên chẳng có đồng với hư không. Còn Ba-la-mật xuất thế gian là như pháp tánh thật tế, do trí huệ hòa hợp mà có, nên tựa như hư không; cứ y theo đó mà tu, thì sẽ được vô sanh pháp nhẫn. Khi vào được vô sanh pháp nhẫn rồi thì chẳng còn phân biệt nữa nên là như hư không vậy.

Lại nữa, Phật dùng vô ngại trí, quán thật tướng pháp như hư không. Người chưa được trí huệ thanh tịnh chẳng có thể làm như vậy được. Trước sau, Phật đều nói rõ ráo không. Ví như nói Vô dư Niết Bàn tướng đồng như hư không, thì chẳng ai có thể nghi ngờ gì được nữa.

**Hỏi:** *Nói Ma ha diễn là vô sở hữu, nên là như hư không, là đủ rồi. Vì sao còn dẫn chứng thêm nhiều thí dụ khác làm gì nữa?*

**Đáp:** Vì các Bồ tát sơ phát tâm vẫn còn chấp tâm, còn chấp các nội ngoại nhân duyên sanh pháp, nên chưa thấy rõ Ma ha diễn là vô sở hữu, là như hư không. Bởi vậy, nên Phật phải nêu thêm nhiều thí dụ cho thấy rõ Ma ha diễn cùng hư không bình đẳng, nhằm tận trừ các chấp về pháp tướng.

-o0o-

### **KINH:**

**Này Tu Bồ Đề! Đúng như lời ông nói, hư không dung thọ vô lượng, vô biên chúng sanh; Ma ha diễn cũng như vậy, dung thọ vô lượng, vô biên chúng sanh.**

**Đúng như vậy. Chúng sanh là vô sở hữu, nên hư không cũng vô sở hữu; hư không vô sở hữu, nên Ma ha diễn cũng vô sở hữu. Bởi vậy, nên nói Ma ha diễn dung**



thọ vô lượng, vô biên chúng sanh. Vì sao? Vì chúng sanh, hư không, Ma ha diễn cùng hết thấy các pháp đều là vô sở hữu, là bất khả đắc cả.

Lại nữa, ngã vô sở hữu, ..., dẫn đến tri giả, kiến giả cũng đều là vô sở hữu. Bởi vậy nên như pháp tánh thật tế cũng là vô sở hữu, ..., dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều là vô sở hữu cả. Vì sao? Vì hết thấy pháp đều do duyên hòa hợp mà có.

Này Tu Bồ Đề! Ma ha diễn dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh. Vì sao? Vì chúng sanh bất khả đắc, dẫn đến tri giả, kiến giả... thật tế, cùng vô lượng vô biên pháp đều bất khả đắc.

Lại nữa, ngã vô sở hữu, dẫn đến tri giả, kiến giả vô sở hữu, nên bất khả tư nghì tánh vô sở hữu. Bất khả tư nghì tánh vô sở hữu, sắc dẫn đến thức vô sở hữu, nên hư không vô sở hữu, Ma ha diễn vô sở hữu, dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều vô sở hữu.

Này Tu Bồ Đề! Ma ha diễn dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh. Vì sao? Vì ngã và chúng sanh bất khả đắc, dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều bất khả đắc.

Lại nữa, ngã và chúng sanh vô sở hữu, nên nhãn dẫn đến ý vô sở hữu. Nhãn dẫn đến ý vô sở hữu, nên hư không vô sở hữu. Ma ha diễn vô sở hữu, dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều vô sở hữu.

Này Tu Bồ Đề! Ma ha diễn dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh. Vì sao? Vì ngã và chúng sanh bất khả đắc, dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều bất khả đắc.

Lại nữa, ngã và chúng sanh vô sở hữu, dẫn đến tri giả, kiến giả vô sở hữu, nên nội không vô sở hữu, dẫn đến vô

pháp không vô sở hữu. Vô pháp hữu pháp không vô sở hữu, nên hư không vô sở hữu, Ma ha điển vô sở hữu, dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều vô sở hữu.

Này Tu Bồ Đề! Ma ha điển dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh. Vì sao? Vì ngã và chúng sanh bất khả đắc, dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều bất khả đắc.

Lại nữa, ngã và chúng sanh vô sở hữu, dẫn đến tri giả, kiến giả vô sở hữu, nên 4 niệm xứ vô sở hữu, dẫn đến 18 bất cộng pháp vô sở hữu. 4 niệm xứ dẫn đến 18 bất cộng pháp vô sở hữu, nên hư không vô sở hữu, Ma ha điển vô sở hữu, dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều vô sở hữu.

Này Tu Bồ Đề! Ma ha điển dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh. Vì sao? Vì ngã và chúng sanh bất khả đắc, dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều bất khả đắc.

Lại nữa, ngã và chúng sanh vô sở hữu, dẫn đến tri giả, kiến giả vô sở hữu, nên “tánh địa” vô sở hữu, dẫn đến “đĩ tác địa” vô sở hữu. “Tánh địa” dẫn đến “đĩ tác địa” vô sở hữu, nên hư không vô sở hữu. Ma ha điển vô sở hữu, dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều vô sở hữu.

Này Tu Bồ Đề! Ma ha điển dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh. Vì sao? Vì ngã và chúng sanh bất khả đắc, dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều bất khả đắc.

Lại nữa, ngã và chúng sanh vô sở hữu, dẫn đến tri giả, kiến giả vô sở hữu, nên 4 quả Thanh Văn vô sở hữu. 4 quả Thanh Văn vô sở hữu, nên hư không vô sở hữu, Ma ha điển vô sở hữu, dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều vô sở hữu.

Này Tu Bồ Đề! Ma ha điển dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh. Vì sao? Vì ngã và chúng sanh bất khả đắc,

**dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều bất khả đắc.**

Lại nữa, ngã và chúng sanh vô sở hữu, dẫn đến tri giả, kiến giả vô sở hữu, nên Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa, Bồ tát thừa, Phật thừa vô sở hữu. Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa, Bồ tát thừa, Phật thừa vô sở hữu, nên Nhất thiết chủng trí vô sở hữu, hư không vô sở hữu, Ma ha diễm vô sở hữu, dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều vô sở hữu.

Này Tu Bồ Đề! Ma ha diễm dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh. Vì sao? Vì ngã và chúng sanh bất khả đắc, dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều bất khả đắc.

Lại nữa, vì như “Niết Bàn tánh” dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh, thì Ma ha diễm cũng dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh, vì như hư không dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh, thì Ma ha diễm cũng dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh vậy.

### **LUẬN:**

**Hỏi:** *Vì sao chẳng nói hư không quảng đại, mà lại nói hư không vô sở hữu, dung thọ vạn vật và cùng với Ma ha diễm bình đẳng?*

**Đáp:** Vì ai cũng đều biết hư không là vô sở hữu và dung thọ vạn vật.

**Hỏi:** *Tâm và tâm sở cũng vô sắc, vô hình. Vì sao chẳng nói các tâm và tâm sở dung thọ vạn vật?*

**Đáp:** Tướng của các tâm và tâm sở là hay biết, chẳng phải là tướng dung thọ.

Lại nữa, tâm và tâm sở chẳng có trú xứ, chẳng có trong, có ngoài, có gần, có xa v.v...

Do phạm phu chấp “sắc pháp” có tướng, nên mới phân biệt “sắc pháp” với “tâm pháp”. Rồi từ đó, khởi sanh ý niệm về trú xứ vậy. Lại do chấp “sắc xứ” mà khởi chấp có hư không.

Nên biết tánh của hư không là dung thọ. Trái với hư không là sắc, cũng như trái với vô minh là minh vậy. Chỗ nào chẳng có vô minh thì minh hiện ra; chỗ nào chẳng có khổ là có lạc. Cũng như vậy, chỗ nào chẳng có sắc là có hư không.

Tâm và tâm sở chẳng có nghĩa dung thọ, như tà kiến chẳng dung thọ chánh kiến vậy. Còn tánh của hư không là dung thọ hết thảy các vật.

Tâm và tâm sở có sanh, có diệt khiến người tu hành có thể tu đoạn được các chấp đó. Còn hư không chẳng phải như vậy, vì hư không là trường tồn, là chẳng có đoạn diệt.

Bởi vậy nên, mặc dù tâm và tâm sở cũng là vô sắc vô hình như hư không, nhưng vẫn khác với hư không. Tâm và tâm sở chẳng dung thọ vạn vật, còn hư không thì dung thọ tất cả.

**Hỏi:** *Vì sao chẳng nói hư không là vô lượng vô biên, dung thọ vạn vật, mà lại nói hư không là vô sở hữu, dung thọ vạn vật?*

**Đáp:** Hư không chẳng có tự tướng. Chỉ do đối đãi với “sắc tướng” mà nói có “hư không tướng” vậy thôi. Đã chẳng có tự tướng thì “hư không tướng” cũng chẳng thật có. Bởi vậy nên chẳng có thể nói hư không là vô lượng vô biên được.

**Hỏi:** *Trước đây nói rằng hư không có tướng dung thọ vạn vật. Vì sao nay lại nói “hư không tướng” là chẳng thật có?*

**Đáp:** “Dung thọ tướng” là “vô sắc tướng”. Vì sao? Vì chỗ nào chẳng có “sắc tướng” thì “hư không tướng” liền hiện ra vậy.

Như vậy nếu chưa có “sắc” mà đã có “hư không” rồi thì hư không là chẳng có tướng, là vô tướng vậy. Vì sao? Vì do đối đãi với “sắc” mà có “hư không”. Như vậy hư không cũng là tác pháp, chẳng phải là chân pháp, nên nói hư không là vô tướng, là bất khả đắc.

**Hỏi:** Trước nói “hư không tướng” là vô tướng, rồi sau đó lại nói chỗ nào chẳng có “sắc tướng” thì “hư không tướng” liền hiện ra. Như vậy là có “hư không tướng”, sao lại nói “hư không tướng” chẳng thật có?

**Đáp:** Hư không là chẳng có tướng, tức là vô tướng. Hư không chẳng có chỗ trú, tức là vô sở trú. Cho nên dù nói hư không có tướng thì tướng ấy cũng chẳng phải tướng (vô sở tướng), chẳng phải trú (vô sở trú) rồi vậy.

Lại nữa, nếu nói rằng tướng của hư không là “vô sở trú” thì “vô sở trú tướng” ấy cũng là không. Vì sao? Vì “ly tướng” tức là “ly trú xứ tướng”, tức là vô tướng, là “vô sở trú tướng” rồi vậy.

Bởi vậy nên nói hư không chẳng có tướng, tức là vô tướng, hư không chẳng phải hữu pháp, tức là phi pháp, là vô pháp vậy.

Phải đoạn hết ngôn ngữ, phải dứt sạch các tâm hành xứ mới thấy rõ “hư không tướng” là “Niết Bàn tướng”, là vô tướng vậy. Hết thấy các pháp tướng cũng đều là như vậy cả.

**Hỏi:** Nếu nói như vậy thì hết thấy các pháp cũng là hư không rồi. Sao còn lấy hư không làm dụ để làm gì nữa?

**Đáp:** Các pháp đều do duyên hòa hợp mà có, nên đều là hư dối. Chúng sanh do vô minh che tâm, mà khởi chấp có các pháp, chấp có 6 căn, 6 trần, 6 thức v.v... Do điên đảo chấp như vậy mà

tâm trí của chúng sanh bị mê mờ, nên Phật lấy hư không làm dụ để phá các chấp vi tế về có pháp (hữu pháp).

Do đối đãi với sắc mà nói có hư không, nhưng hư không cũng chỉ là giả danh, chẳng thật có. Cũng như vậy, do 5 âm hòa hợp mà giả danh có chúng sanh, nhưng chúng sanh là chẳng thật có. Chúng sanh cũng như hư không đều chẳng thật có, chẳng phải là định pháp. Ma ha diễn cũng là như vậy.

Nếu chẳng có chúng sanh thì cũng chẳng có Bồ tát, chẳng có Phật, dẫn đến chẳng có Ma ha diễn.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Ma ha diễn dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh. Vì sao? Vì nếu Ma ha diễn là hữu pháp thì chẳng thể dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh được. Do vì Ma ha diễn là vô pháp, là phi pháp nên mới dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh.

**Hỏi:** *Nếu hư không là chẳng thật có, thì làm sao có thể lấy hư không làm dụ, làm sao có thể ví Ma ha diễn với hư không dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh được?*

**Đáp:** Phật nói Ma ha diễn là tánh không, vô lượng vô biên chúng sanh là tánh không, hết thảy các pháp cũng là tánh không. Bởi nhân duyên vậy, nên Ma ha diễn có thể dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh. Vì sao? Vì hư không, Ma ha diễn, dẫn đến hết thảy chúng sanh đều là bất khả đắc cả.

-o0o-

Có thuyết nói: Do 10 phương hư không đều bất khả đắc, nên “vô số” cũng bất khả đắc, đồng đẳng với hư không. Chỉ do phân biệt mà nói có 1 số, có nhiều số, có 1 pháp Ba-la-mật, dẫn đến có 6 pháp Ba-la-mật v.v...

Lại có thuyết nói: Do lúc ban đầu chấp có số 1, nên mới có vô số các số hòa hợp, dẫn đến có vô số các pháp hòa hợp. Như vậy thì biết rằng “vô số” chỉ là danh tự, chẳng phải là định pháp. Vì sao? Vì 1 pháp đã là không thì vô số pháp cũng là không.

Lại có thuyết nói: Mỗi “số”, mỗi “pháp” đều do phân biệt, do suy lường mà có. Các pháp đã là không thì vô số, vô lượng, vô biên đều chẳng thật có.

-o0o-

Nên biết: Nói lượng là nói về tổng tướng, nói biên là nói về biệt tướng. Vì sao? Vì có trừ lượng mới dẫn đến có biên tế.

Lại nữa, ngã và chúng sanh, dẫn đến tri giả, kiến giả đều là không, nên “vô số” cũng là không. Vô số đã là không thì vô lượng, vô biên, dẫn đến hết thảy pháp đều là không cả.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Ma ha diễn có thể dung thọ vô lượng, vô biên chúng sanh, vì hết thảy các pháp đều là rốt ráo không cả.

-o0o-

Lại cũng nên biết Sự và Tướng chẳng rời nhau. Nếu chẳng có chúng sanh thì cũng chẳng có pháp, và ngược lại, nếu chẳng có pháp thì cũng chẳng có chúng sanh.

Trước nói về tổng tướng là nói hết thảy pháp đều không, sau nói về biệt tướng là nói về pháp không, pháp như, pháp tánh, thật tế v.v...

Như vậy là trước sau đều trình bày “diệu pháp”. Vì sao? Vì nói các pháp là không, có nghĩa là nói hết thảy các pháp, ở nơi bất khả tư nghì tánh đều là diệu pháp cả. Dẫn đến Vô dư Niết Bàn tánh cũng là như vậy.

**KINH:**

**Phật bảo tiếp: Này Tu Bồ Đề! Ông nói Ma ha diễn chẳng thấy chỗ đến, chẳng thấy chỗ đi, chẳng thấy chỗ trú chẳng?**

**Đúng như lời ông nói, Ma ha diễn chẳng có đến (vô lai), chẳng có đi (vô khứ), chẳng có trú (vô trú).**

**Vì sao? Sắc dẫn đến thức chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu nên là vô sở trú.**

**Sắc pháp dẫn đến thức pháp, sắc như dẫn đến thức như, sắc tánh dẫn đến thức tánh, sắc tướng dẫn đến thức tướng, chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, nên đều là vô sở trú.**

**Cũng như 5 âm, tất cả 12 nhập, 18 giới, 6 đại chủng... đều như vậy cả.**

**Này Tu Bồ Đề! Nhân dẫn đến ý, nhân pháp dẫn đến ý pháp, nhân như dẫn đến ý như, nhân tánh dẫn đến ý tánh, nhân tướng dẫn đến ý tướng, chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, nên đều là vô sở trú.**

**Địa chủng, ..., dẫn đến thức chủng, địa chủng pháp dẫn đến thức chủng pháp, địa chủng như dẫn đến thức chủng như, địa chủng tánh dẫn đến thức chủng tánh, địa chủng tướng dẫn đến thức chủng tướng, chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, nên đều là vô sở trú.**

**Này Tu Bồ Đề! Như, như pháp, như tánh, như tướng, chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, nên đều là vô sở trú.**

**Thật tế, thật tế pháp, thật tế như, thật tế tánh, thật tế tướng, chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, nên đều là vô sở trú.**



Bất khả tư nghi, bất khả tư nghi pháp, bất khả tư nghi tánh, bất khả tư nghi tướng, chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, nên đều là vô sở trú.

Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, Đàn Ba-la-mật pháp dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật pháp, Đàn Ba-la-mật như dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật như, Đàn Ba-la-mật tánh dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật tánh, Đàn Ba-la-mật tướng dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật tướng, chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, nên đều là vô sở trú.

4 niệm xứ dẫn đến 18 bất cộng pháp cũng đều là như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, Bồ tát pháp, Bồ tát như, Bồ tát tánh, Bồ tát tướng, chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, nên đều là vô sở trú.

Phật, Phật pháp, Phật như, Phật tánh, Phật tướng, chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, nên đều là vô sở trú.

Vô thượng chánh đẳng chánh giác, Vô thượng chánh đẳng chánh giác pháp, Vô thượng chánh đẳng chánh giác như, Vô thượng chánh đẳng chánh giác tánh, Vô thượng chánh đẳng chánh giác tướng, chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, nên đều là vô sở trú.

Này Tu Bồ Đề! Hữu vi, hữu vi pháp, hữu vi như, hữu vi tánh, hữu vi tướng, chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, nên đều là vô sở trú.

Vô vi, vô vi pháp, vô vi như, vô vi tánh, vô vi tướng, chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, nên đều là vô sở trú.

Này Tu Bồ Đề! Bởi nhân duyên vậy, nên nói Ma ha diễn chẳng có chỗ đến (vô lai), chẳng có chỗ đi (vô khứ), chẳng có chỗ trú (vô trú).

**LUẬN:**

Đoạn kinh trên đây tán thán Ma ha diễn là chẳng có chỗ đến, chẳng có chỗ đi, chẳng có chỗ trú, và tán thán thật tướng của các pháp là bất động.

**Hỏi:** *Các pháp đều có chỗ đến, chỗ đi, chỗ trú. Như vậy vì sao lại nói pháp tướng là bất động?*

**Đáp:** Vì là chẳng có ngã (vô ngã), chẳng có chúng sanh (vô chúng sanh), nên ở nơi hết thảy pháp chẳng có người thấy, cũng chẳng có người biết.

Bởi vậy nên nói hết thảy pháp đều là chẳng đến (vô lai), chẳng đi (vô khứ). Vì đi đến (khứ lai) cũng là chẳng đi đến (vô khứ lai) vậy.

Lại nữa, ở cả 3 đời thì tâm cầu tướng đi đến (khứ lai) là chẳng có thể được (bất khả đắc) vậy.

**Hỏi:** *Thân có di động. Như vậy vì sao lại nói chẳng có khứ lai?*

**Đáp:** Chẳng phải như vậy. Các tướng khứ lai đều là bất khả đắc. Nếu ly “khứ thời”, thì “khứ tướng” là bất khả đắc. Vì sao? Vì phải ở nơi “khứ thời” mới có “khứ tướng” và phải ly “khứ tướng” mới thấy được “khứ thời”. Vì sao? Vì “khứ thời” và “khứ tướng” là 2 pháp khác nhau. Ví như người đi chẳng phải là thời gian đi vậy.

Lại nữa, ly người đi thì chẳng có tướng đi, ngược lại ly tướng đi thì cũng chẳng có người đi. Vì sao? Vì người đi và tướng đi đều là bất khả đắc cả.

Đối với các tướng lai, tướng trú cũng đều là như vậy cả.

Phật dạy: Các pháp hữu vi đều là pháp sanh diệt, đều chẳng có định tướng.

Bởi vậy nên nói các pháp là vô khứ, vô lai, vô trú, là bất động. Vì sao? Vì sắc, sắc pháp, sắc như, sắc tánh, sắc tướng chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, nên đều chẳng trú (vô sở trú).

-o0o-

Nếu mắt thấy sắc mà chẳng phân biệt được tốt xấu, thật hư, chẳng phân biệt được tự tướng hay tha tướng, thì chẳng có thể biết được sắc pháp là vô thường, là sanh diệt, là bất định.

Nếu biết rõ sắc pháp chỉ là danh tự, chỉ do duyên hòa hợp mà có, thì mới biết rõ sắc pháp chỉ là như bọt nước, là hư dối, là ly tán, là chẳng thật có.

Sắc hiện tại đã là như vậy, thì sắc quá khứ, sắc vị lai cũng là như vậy cả.

Lại nữa, chư Phật và chư đại Bồ tát quán hết thấy các pháp đều là rốt ráo thanh tịnh, quán sắc, sắc pháp, sắc như, sắc tánh, sắc tướng đều do duyên hòa hợp mà có, chẳng phải như phàm phu điên đảo vọng thấy sắc vậy. Vì sao? Vì chư Phật và chư đại Bồ tát thấy được thật tánh của sắc.

**Hỏi:** *Tánh của sắc rất sâu xa, màu nhiệm. Như vậy làm sao chư Bồ tát có thể thấy được?*

**Đáp:** Vì Bồ tát có đầy đủ 5 lực, nên biết được như vậy.

Ví như khi thấy khói là liền biết có lửa. Cũng như vậy, Bồ tát biết rõ sắc là vô thường, là tán hoại, là thô tướng, là khổ tướng, nên cũng biết rõ tánh của sắc là “không”.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát biết rõ hết thảy các pháp đều chẳng đi (vô khứ), chẳng đến (vô lai), chẳng trú (vô trú).

-o0o-

**KINH:**

**Phật lại bảo tiếp: Này Tu Bồ Đề! Ông nói Ma ha diễn chẳng có trước, chẳng có sau, chẳng có chặng giữa chặng? Ông nói cả 3 đời đều là bất khả đắc, đều là bình đẳng, nên gọi là Ma ha diễn chặng?**

Đúng như lời ông nói, cả 3 đời đều là bất khả đắc, đều là bình đẳng, nên gọi là Ma ha diễn.

Vì sao? Này Tu Bồ Đề! Vì quá khứ là tánh không, hiện tại là tánh không, vị lai là tánh không. Cả 3 đời đều là tánh không nên đều là bình đẳng. Dẫn đến Ma ha diễn cũng là tánh không, Bồ tát cũng là tánh không, nên đều là bình đẳng.

Tánh không là chẳng phải một, chẳng phải khác, nên là bình đẳng. Lại nữa, “không” và “bất không” là chẳng có khác nhau và đều là bình đẳng cả.

Ma ha diễn và Bồ tát là bình đẳng, là bất khả đắc. Nhiễm và bất nhiễm là bình đẳng, là bất khả đắc. Thiệt và bất thiệt là bình đẳng, là bất khả đắc. Thường và vô thường, lạc và khổ... cũng đều là bình đẳng, là bất khả đắc. Dẫn đến cõi Dục và cõi phi Dục, cõi Sắc và cõi phi Sắc, cõi vô Sắc và cõi phi vô Sắc cũng đều là bình đẳng, là bất khả đắc cả.

Vì sao? Vì “Ma ha diễn tự pháp”, là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Sắc quá khứ, sắc hiện tại, sắc vị lai, ...,

dẫn đến thức quá khứ, thức hiện tại, thức vị lai cũng đều là tánh không. Ở trong tánh không thì quá khứ, hiện tại và vị lai đều là bất khả đắc cả.

Này Tu Bồ Đề! Đản Ba-la-mật quá khứ, Đản Ba-la-mật hiện tại, Đản Ba-la-mật vị lai, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật quá khứ, Bát nhã Ba-la-mật hiện tại, Bát nhã Ba-la-mật vị lai cũng đều là tánh không đều là bình đẳng, đều là bất khả đắc cả.

4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp cũng đều là như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Phạm phu ở cả 3 đời (quá khứ, hiện tại và vị lai) đều là bất khả đắc. Vì sao? Vì 3 đời bình đẳng vậy.

Này Tu Bồ Đề! Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ tát, Phật, ở trong cả 3 đời đều là bất khả đắc cả. Vì sao? Vì chúng sanh bất khả đắc, vì 3 đời bình đẳng nên Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ tát, Phật bất khả đắc vậy.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma ha tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật, biết rõ 3 đời bình đẳng, thành tựu được Nhất thiết chủng trí. Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn.

Bồ tát an trú trong Ma ha diễn thắng xuất hết thủy thế gian, Trời, người và A tu la, nên thành tựu được Nhất thiết chủng trí.

Lúc bấy giờ ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Lành thay, lành thay! Trong quá khứ, Bồ tát đã ở trong Ma ha diễn tu học, mà được Nhất thiết chủng trí, trong vị lai Bồ tát cũng sẽ ở trong Ma ha diễn tu học để được Nhất thiết chủng trí, trong hiện tại chư Bồ tát cũng đang ở trong Ma ha diễn tu học để được Nhất thiết chủng trí.

**Bạch Thế Tôn!** Bởi nhân duyên vậy, nên Ma ha diễn là diệu pháp của chư Bồ tát.

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Đúng như vậy, đúng như vậy! Chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai, đều ở trong Ma ha diễn tu học mà được Nhất thiết chủng trí.

**LUẬN:**

Trên đây ngài Tu Bồ Đề tán thán Ma ha diễn, ở trong quá khứ, hiện tại và vị lai đều bất khả đắc.

Phật giảng rộng cho ngài Tu Bồ Đề nghe rằng: 3 đời đều bình đẳng, đều là tánh không, nên đều là bất khả đắc. Dẫn đến Bồ tát cũng là tánh không, Ma ha diễn cũng là tánh không, nên đều là bất khả đắc.

-o0o-

Phật dạy rằng: Tánh không chẳng phải một, chẳng phải khác, chẳng có hợp, chẳng có tan, nên 3 đời đều bình đẳng, là bất khả đắc. Khi đã biết rõ 3 đời bình đẳng thì vào được “không tam muội”. Bồ tát ở nơi rốt ráo không nên được tự tại, dùng các pháp tương đãi để rộng độ chúng sanh khắp 3 cõi.

Nơi đây Phật mật ý nói rằng: Các pháp đều do duyên hòa hợp mà có, nên đều là tự tánh không.

Sắc quá khứ, sắc hiện tại, sắc vị lai đều là tự tánh không. Vì sao? Vì trong không chẳng có 3 đời. Bồ tát quán 5 âm ở trong cả 3 đời đều là bất khả đắc, nên phát tâm bồ thí mà biết rõ bồ thí là bất khả đắc.

**Hỏi:** Vì sao 3 đời bình đẳng mà bồ thí lại bất khả đắc?

**Đáp:** Vì các pháp ở trong cả 3 đời đều bình đẳng, dù mỗi

pháp đều có tướng riêng, nhưng các pháp tướng đều bình đẳng cả.

4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp đều bất khả đắc. Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ tát, Phật cũng đều bất khả đắc.

Vì chúng sanh là tánh không, nên Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật, học 3 đời là bình đẳng, là tự tánh không, tu tập các thiện pháp, nên được đầy đủ Nhất thiết chủng trí.

-o0o-

Phật dạy: Bồ tát an trú trong Ma ha diễn, tu tập Bát nhã Ba-la-mật nên thắng xuất hết thầy thế gian, Trời, người và A tu la.

Lúc bấy giờ ngài Tu Bồ Đề tán thán: Lành thay, lành thay! Ma ha diễn là diệu pháp của chư Bồ tát. Vì sao? Vì trong quá khứ Bồ tát đã ở trong Ma ha diễn tu học mà được Nhất thiết chủng trí, trong vị lai Bồ tát cũng sẽ ở trong Ma ha diễn tu học để được Nhất thiết chủng trí, trong hiện tại Bồ tát cũng đang ở trong Ma ha diễn tu học để được Nhất thiết chủng trí.

Phật tán thán ngài Tu Bồ Đề: Đúng như vậy, đúng như vậy! Chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai đều ở trong Ma ha diễn tu học mà thành tựu được Nhất thiết chủng trí.

(Hết quyển 51)







**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 52**





## Phẩm Thứ Hai Mươi Bốn



### Hội Tông (Hội Các Tông Chi)

**KINH:**

Lúc bấy giờ ngài Phú Lô Na bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Trước đây Thế Tôn dạy ngài Tu Bồ Đề, vì các Bồ tát nói về Bát nhã Ba-la-mật. Nay sao lại nói về Ma ha điển?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Còn nói về Ma ha điển như vậy là ly Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ông nói về Bát nhã Ba-la-mật như vậy là tùy Bát nhã Ba-la-mật, là chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì tất cả các thiện pháp, dù là pháp Thanh Văn, dù là pháp Bích Chi Phật, dù là pháp Bồ tát, dù là pháp Phật cũng đều là pháp trợ đạo cả. Tất cả các thiện pháp ấy đều nhiếp trong Bát nhã Ba-la-mật cả.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Vì sao nói hết thấy các thiện pháp đều là pháp trợ đạo?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! 6 pháp Ba-la-mật, 4 niệm xứ, 4 chánh căn, 4 như ý túc, 5 căn, 5 lực, 7 giác chi, 8 thánh đạo, 3 giải thoát môn (không, vô tướng, vô tác), 10 lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, đại từ, đại bi, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp đều là những pháp trợ đạo và đều nhiếp vào trong Bát nhã Ba-la-mật cả. Bồ tát hành các thiện pháp này mà chẳng hề chấp các pháp tướng, vì thường tu hạnh xả vậy.

Này Tu Bồ Đề! Sắc, ..., dẫn đến thức, sắc, ..., dẫn đến

pháp, nhãn, ..., dẫn đến ý, nhãn thức, ..., dẫn đến ý thức, nhãn xúc, ..., dẫn đến ý xúc, nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ, 6 đại chủng, 6 pháp Ba-la-mật, 4 niệm xứ, 4 chánh cần, 4 như ý túc, 5 căn, 5 lực, 7 giác chi, 8 thánh đạo, 3 giải thoát môn... cùng tất cả các thiện pháp, dù hữu lậu hay vô lậu, dù là hữu vi hay vô vi, dù là khổ đế, tập đế, diệt đế hay đạo đế, dù là 3 cõi, dù là 18 không, dù là đà la ni, dù là tam muội, dù là 10 lực, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, dù là Phật, Phật pháp, Phật tánh, Phật như, dù là thật tế, dù là bất khả tư nghi tánh, dù là Niết Bàn v.v... cũng đều là chẳng có hợp, chẳng có tan, chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có đối và đều chỉ là một tướng (nhất tướng), là chẳng có tướng (vô tướng) cả.

Này Tu Bồ Đề! Bởi nhân duyên vậy, nên đúng như lời ông nói “Ma ha diễn tùy thuận Bát nhã Ba-la-mật nên chẳng có ly Bát nhã Ba-la-mật”. Vì sao? Vì Ma ha diễn chẳng khác Bát nhã Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật chẳng khác Ma ha diễn, Ma ha diễn và Bát nhã Ba-la-mật là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Dẫn đến 5 Ba-la-mật kia cũng đều là như vậy cả.

Này Tu Bồ Đề! 4 niệm xứ chẳng khác Ma ha diễn, Ma ha diễn chẳng khác 4 niệm xứ, Ma ha diễn và 4 niệm xứ là chẳng phải hai, là chẳng phải khác. Dẫn đến 18 bất cộng pháp chẳng khác Ma ha diễn, Ma ha diễn chẳng khác 18 bất cộng pháp, Ma ha diễn và 18 bất cộng pháp là chẳng phải hai, là chẳng phải khác.

Bởi nhân duyên vậy, nên đúng như lời ông nói, Ma ha diễn tức là Bát nhã Ba-la-mật vậy.

### **LUẬN:**

Theo như ý kinh trên đây, thì ngài Phú Lâu Na chẳng có

tâm nghi. Thế nhưng vì hạng người mới học Bát nhã Ba-la-mật, chỉ phân biệt các pháp theo danh tự mà chưa rõ nghĩa “không”, nên ngài Phú Lô Na phải vì họ nêu lên câu hỏi. Ngài Tu Bồ Đề dựa nơi chỗ hỏi của ngài Phú Lô Na mà bạch Phật, để thỉnh Phật giảng rộng thêm.

-o0o-

Phật bảo ngài Tu Bồ Đề rằng: Đúng như lời ông nói, Ma ha diễn tùy thuận Bát nhã Ba-la-mật, chẳng khác Bát nhã Ba-la-mật, chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật.

Phật vì tùy thuận chúng sanh mà nói 3 thừa đạo, nhưng hết thấy các thiện pháp của 3 thừa đạo đều nhiếp trọn vào trong Bát nhã Ba-la-mật, và đều dẫn đến Niết Bàn cả.

Muốn vào Niết Bàn, phải tu 3 giải thoát môn (không, vô tướng và vô tác) nên nói 3 giải thoát môn là cộng pháp của cả 3 thừa đạo. Hành giả do trí giới, mà sanh thiên định, do thiên định mà sanh trí huệ; và khi đã được trí huệ viên mãn rồi, thì chẳng còn chấp thế gian nữa.

**Hỏi:** *Vì sao nói 3 thừa pháp đều là trợ đạo pháp, và đều nhiếp vào trong Bát nhã Ba-la-mật cả?*

**Đáp:** Vì Bồ tát hành đầy đủ các thiện pháp, mà chẳng hề chấp các thiện pháp ấy, Bồ tát thường tu hạnh xả, nên chẳng còn chấp các pháp tướng vậy.

Nên biết rằng 37 Phẩm trợ đạo và 3 giải thoát môn là cộng pháp của cả 3 thừa. Còn 6 pháp Ba-la-mật là pháp của Bồ tát; 10 lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, đại từ, đại bi... 18 bất cộng pháp thường dẫn đến hành xả, là pháp của Phật.

-o0o-

Có thuyết nói rằng tu 6 pháp Ba-la-mật có 2 trường hợp:

- Đầy đủ (cụ túc) Ba-la-mật.
- Chưa đầy đủ (chưa cụ túc) Ba-la-mật.

Đầy đủ Ba-la-mật là pháp Bồ tát; chưa đầy đủ Ba-la-mật là pháp Nhị thừa.

Lại có thuyết nói Ma ha diễn là tánh không; Bát nhã Ba-la-mật cũng là tánh không. Bởi vậy nên 2 pháp này là chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Ngài Tu Bồ Đề nói về Ma ha diễn là tùy thuận Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật cũng như 5 Ba-la-mật kia đều là tánh không, nên Ma ha diễn cũng là tánh không. Dẫn đến pháp như, pháp tánh, thật tế, bất khả tư nghì tánh, Niết Bàn tánh cũng đều là như vậy cả.

Lại nữa, chư đại Bồ tát, khi hành Ma ha diễn, đã dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật để tu các thiện pháp nhằm dẫn đến đạo Niết Bàn, mà vẫn biết rõ các pháp ấy đều chẳng có hợp, chẳng có tan, chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có đối..., vì đều chỉ là một tướng (nhất tướng), là chẳng có tướng (vô tướng) vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Ma ha diễn tức là Bát nhã Ba-la-mật, vì 2 pháp này chẳng phải hai, chẳng phải khác.

## Phẩm Thứ Hai Mười Lăm



Thập Vô  
(Mười Điều Không)

**KINH:**

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát Ma ha tát quá khứ bất khả đắc, hiện tại bất khả đắc, vị lai bất khả đắc.

Vì sao? Sắc, ..., dẫn đến thức vô biên, nên Bồ tát Ma ha tát cũng vô biên.

Sắc, ..., dẫn đến thức là Bồ tát Ma ha tát, sắc, ..., dẫn đến thức bất khả đắc, nên Bồ tát Ma ha tát cũng bất khả đắc. Ở nơi hết thấy các chỗ mà tầm cầu Bồ tát Ma ha tát, thì cũng đều là bất khả đắc cả.

Bạch Thế Tôn! Con phải dạy Bát nhã Ba-la-mật cho hạng Bồ tát nào?

Bạch Thế Tôn! Bồ tát chỉ là danh tự. Ví như nói ngã là danh tự thì ngã là rốt ráo bất sanh. Ví như nói ngã là tự tánh không, thì hết thấy các pháp cũng đều là tự tánh không cả.

Thế nào là sắc rốt ráo bất sanh? Ví như nói ngã là tự tánh không, thì hết thấy các pháp cũng đều là tự tánh không cả.

Thế nào là sắc rốt ráo bất sanh? Thế nào là thọ, tưởng, hành, thức rốt ráo bất sanh?

**Bạch Thế Tôn!** Nếu sắc là rốt ráo bất sanh, thì chẳng thể gọi là sắc được. Nếu thọ, tưởng, hành, thức là rốt ráo bất sanh, thì chẳng thể gọi là thọ, tưởng, hành, thức được.

**Bạch Thế Tôn!** Nếu hết thấy pháp là rốt ráo bất sanh, thì con có thể dạy Bát nhã Ba-la-mật cho Bồ tát được chăng? Nhưng nếu rốt ráo bất sanh, thì chẳng sao có được Bồ tát hành Vô thượng bồ đề.

**Bạch Thế Tôn!** Nếu có Bồ tát nào nghe các lời này, mà tâm chẳng chìm đắm, chẳng hối, chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, thì phải biết đó là hạng Bồ tát Ma ha tát thường hành Bát nhã Ba-la-mật.

**Ngài Xá Lợi Phất** hỏi ngài **Tu Bồ Đề**: Thưa ngài **Tu Bồ Đề**! Xin ngài cho biết:

- Vì nhân gì mà ngài nói Bồ tát quá khứ bất khả đắc, Bồ tát hiện tại bất khả đắc, Bồ tát vị lai bất khả đắc?

- Vì nhân duyên gì mà ngài nói sắc vô biên, ..., dẫn đến thức vô biên, nên Bồ tát cũng vô biên?

- Vì nhân duyên gì mà ngài nói sắc, ..., dẫn đến thức là Bồ tát? Và nói sắc, ..., dẫn đến thức bất khả đắc, nên Bồ tát cũng bất khả đắc?

- Vì nhân duyên gì mà ngài nói ở nơi hết thấy chỗ muốn tầm cầu Bồ tát, thì cũng đều là bất khả đắc? Và nói như vậy, thì phải dạy Bát nhã Ba-la-mật cho hạng Bồ tát nào?

- Vì nhân duyên gì mà ngài nói Bồ tát chỉ là danh tự?

- Vì nhân duyên gì mà ngài nói nếu ngã là danh tự, thì ngã là rốt ráo bất sanh? Và nói nếu ngã là tự tánh không, thì các pháp cũng đều là tự tánh không? Thế nào là sắc rốt ráo bất sanh, ..., dẫn đến thế nào là thức rốt ráo bất sanh?



- Vì nhân duyên gì mà ngài nói sắc rốt ráo bất sanh thì chẳng thể gọi là sắc, ..., dẫn đến thức rốt ráo bất sanh, thì chẳng thể gọi là thức?

- Vì nhân duyên gì mà ngài nói hết thấy pháp rốt ráo bất sanh thì có thể dạy Bát nhã Ba-la-mật cho Bồ tát được chăng?

- Vì nhân duyên gì mà ngài nói nếu ly rốt ráo bất sanh, thì chẳng sao có được Bồ tát hành Vô thượng bồ đề?

- Vì nhân duyên gì mà ngài nói nếu có Bồ tát nào nghe lời nói này, mà tâm chẳng chìm đắm, chẳng hối, chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, thì phải biết đó là hạng Bồ tát Ma ha tát thường hành Bát nhã Ba-la-mật?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Xá Lợi Phất!

- Vì chúng sanh là vô sở hữu, nên Bồ tát quá khứ bất khả đắc, Bồ tát hiện tại bất khả đắc, Bồ tát vị lai bất khả đắc.

- Vì chúng sanh là không, là ly, nên Bồ tát quá khứ bất khả đắc.

- Vì 5 âm (từ sắc dẫn đến thức) là vô sở hữu, nên Bồ tát quá khứ bất khả đắc.

- Vì 5 âm tánh là vô sở hữu, là không, là ly, nên Bồ tát quá khứ bất khả đắc. Vì sao? Vì trong tánh không, thì quá khứ, hiện tại, vị lai đều bất khả đắc. Tánh không chẳng khác với Bồ tát; tánh không chẳng khác với quá khứ. Nên biết rằng “tánh không”, “quá khứ” và “Bồ tát” là những pháp chẳng phải hai, chẳng phải khác. Bởi vậy nên Bồ tát quá khứ là bất khả đắc.

- Vì 6 pháp Ba-la-mật là vô sở hữu, là không, là ly nên Bồ tát quá khứ bất khả đắc. Vì sao? Vì trong tánh không,

thì quá khứ, hiện tại, vị lai đều bất khả đắc. Tánh không chẳng khác với Bồ tát; tánh không chẳng khác với quá khứ. Nên biết rằng “tánh không”, “quá khứ” và “Bồ tát” là những pháp chẳng phải hai, chẳng phải khác. Bởi vậy nên Bồ tát quá khứ là bất khả đắc.

- Vì nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không là vô sở hữu, là không, là ly, nên Bồ tát quá khứ bất khả đắc. Vì 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp là vô sở hữu, là không, là ly, nên Bồ tát quá khứ bất khả đắc. Vì sao? Vì trong tánh không, thì quá khứ, hiện tại, vị lai đều bất khả đắc. Tánh không chẳng khác với Bồ tát; tánh không chẳng khác với quá khứ. Nên biết rằng “tánh không”, “quá khứ” và “Bồ tát” là những pháp chẳng phải hai, chẳng phải khác. Bởi vậy nên Bồ tát quá khứ là bất khả đắc.

- Vì hết thấy các tam muội, hết thấy các đà la ni đều là vô sở hữu, là không, là ly nên Bồ tát quá khứ bất khả đắc. Vì như pháp tánh thật tế, bất khả tư nghì tánh đều là vô sở hữu, là không, là ly nên Bồ tát quá khứ bất khả đắc. Vì Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ tát, Phật, đều là vô sở hữu, là không, là ly nên Bồ tát quá khứ bất khả đắc. Vì Vô thượng bồ đề, Nhất thiết chủng trí đều là vô sở hữu, là không, là ly nên Bồ tát quá khứ bất khả đắc. Vì sao? Vì trong tánh không, thì quá khứ, hiện tại, vị lai đều bất khả đắc. Tánh không chẳng khác với Bồ tát; tánh không chẳng khác với quá khứ. Nên biết rằng “tánh không”, “quá khứ” và “Bồ tát” là những pháp chẳng phải hai, chẳng phải khác. Bởi vậy nên Bồ tát quá khứ là bất khả đắc.

Dẫn đến Bồ tát hiện tại, Bồ tát vị lai cũng đều là là bất khả đắc cả.

**LUẬN:**

**Hỏi:** *Trên đây nói Bồ tát và Bồ tát danh tự đều là bất khả đắc. Như vậy thì ngài Tu Bồ Đề vì ai mà nói Bát nhã Ba-la-mật?*

**Đáp:** Ngài Tu Bồ Đề là vị đại đệ tử của Phật, là bậc “Hành Không Đệ Nhất”. Ngài thường nói về pháp “không”, nên chỗ ngài nói ra đều y như “không môn”, nhằm làm lợi ích cho chúng sanh cả.

Trước đây chỉ có lược nói về Bồ tát bất khả đắc. Nay rộng nói về nghĩa Bồ tát bất khả đắc. Vì Bồ tát là vô sở hữu, là không, là ly nên là bất khả đắc.

Nếu người tu hành quán các “pháp không” mà chẳng tùy thuận theo “vô tướng”, “vô tác”, nếu chẳng dùng “vô tác tâm” thì sẽ chẳng có muốn nghe, chẳng có muốn làm gì cả. Như vậy thì tư lợi còn chẳng muốn, hưởng nữa là lợi tha.

Bởi vậy nên Phật dạy: Bồ tát vào Bát nhã Ba-la-mật chẳng nên chấp ngã, chẳng nên phân biệt các pháp tướng, khi thật hành các thiện pháp. Các việc như vậy rất khó làm, nên người mới phát tâm thường nghĩ rằng: “Nếu hết thấy pháp là vô ngã, thì tu các thiện pháp làm gì nữa?”. Hạng người này do nghe nói Bát nhã Ba-la-mật là “vô tâm tướng”, nên thường dễ sanh tâm nhầm chán.

Bởi nhân duyên vậy, nên ngài Tu Bồ Đề phải nói rõ: Ngã, từ trước đến nay vốn là không, chẳng phải trước có mà nay không.

Người tu hành phải biết rõ “ngã” bản lai là như vậy, từ nơi vốn là không, nay cũng là không, chẳng có gì mất mát cả. Bởi vậy nên chẳng có gì phải kinh, phải hãi, phải sợ cả.

Ví như cây đại thọ có gốc rễ bám sâu vào đất, chẳng có thể một phen mà dùng rìu chặt để đốn hạ được. Người thợ rừng phải cưa phải chặt rất nhiều lần, lại phải đào bới đến tận sâu mới mong hạ được cây đến tận gốc rễ được.

Cũng như vậy, Bồ tát nghe nói về pháp không chẳng phải chỉ mới nghe qua một lần mà liền đoạn sạch phiền não kiết sử, mà liền vào được “pháp không”.

Bởi nhân duyên vậy, nên ngài Tu Bồ Đề phải rộng giải để chúng hội được thâm hiểu.

**Hỏi:** *Có pháp “Bồ tát” ở trong 3 đời chăng?*

**Đáp:** Nên biết rằng: Hiện tại chẳng phải là quá khứ, cũng chẳng phải vị lai. Quá khứ và vị lai đều do duyên hòa hợp đối đãi mà có và đều là không. Trước và sau đã là không thì hiện tại, ở chặng giữa cũng là không.

Lại nữa, nếu nói 5 âm là Bồ tát, thì 5 âm cũng là rốt ráo không, là vô lượng vô biên, là đồng với vô vi pháp.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát quá khứ là bất khả đắc, Bồ tát hiện tại là bất khả đắc, Bồ tát vị lai cũng là bất khả đắc.

**Hỏi:** *Nếu nói như vậy thì phải vì ai mà nói Bát nhã Ba-la-mật?*

*Nếu ở hết thầy xứ, ở hết thầy thời, ở hết thầy chúng mà Bồ tát đều bất khả đắc thì còn nói Bát nhã Ba-la-mật với ai được nữa?*

*Lại nữa, nếu nói ngã là vô sở hữu, là rốt ráo không, là rốt ráo bất sanh, ..., dẫn đến nói chúng sanh là không, nói 5 âm là không thì làm sao có Bồ tát được nữa?*

**Đáp:** Chúng sanh cũng như 5 âm là rốt ráo không, là rốt

ráo bất sanh. Người nào biết rõ như vậy là biết Bồ tát cũng là rốt ráo không, là rốt ráo bất sanh vậy.

**Hỏi:** *Vì sao nói “Sắc rốt ráo bất sanh, thì chẳng thể gọi là sắc, dẫn đến nói thọ, tướng, hành, thức, rốt ráo bất sanh, thì chẳng thể gọi là thọ, tướng, hành, thức”?*

**Đáp:** Vì 5 âm là tướng của “sanh thân”, mà ở nơi “vô phân biệt tướng” thì 5 âm là rốt ráo bất sanh. Bởi vậy nên chẳng có thể dùng 5 âm để giáo hóa ai được cả.

Nếu có Bồ tát nào nghe nói như vậy mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ thì phải biết đó là hạng Bồ tát thường hành Bát nhã Ba-la-mật.

**Hỏi:** *Ngã và Bồ tát cũng chỉ là một pháp. Như vậy làm sao lấy ngã để dụ cho Bồ tát được?*

**Đáp:** Vào được Bát nhã Ba-la-mật là vào được hết thấy “pháp không”.

Người sơ học chẳng thể biết rõ được ý này, nên cho đó là không tron. Bởi vậy nên người tu hành trước hết phải phân biệt tội phước, nhằm tu phước, xả tội, khiến được quả báo phước đức. Thế nhưng sau đó lại phải biết rõ phước đức cũng là vô thường. Vì phước đức là vô thường sẽ sanh khổ, nên người tu phải xả phước đức thế gian để cầu đạo Niết Bàn.

-o0o-

Nên biết rằng do chấp ngã mà khởi sanh ra các phiền não, nhưng muốn tầm cầu các phiền não ở nơi 6 thức thì phiền não cũng là bất khả đắc. Vì sao? Vì phạm phu do chấp ngã mới điên đảo tầm cầu các tướng phiền não, còn người đã biết

rõ được lý vô ngã thì chẳng còn bị phiền não trói buộc, thì mới dễ lãnh thọ được giáo pháp.

Lại nữa, nếu chỉ nói sắc là không thì người sơ cơ nghe như vậy rất khó được giải. Vì sao? Vì tuy tai nghe nói sắc là không mà mắt vẫn thường thấy sắc, khiến vẫn thường chấp sắc là thật có.

Bởi vậy nên người tu hành phải phá “ngã chấp” trước đã rồi sau đó mới phá “pháp chấp”.

-o0o-

Nên biết rằng các bậc đệ tử của Phật đã chứng được đạo rồi, đều đã tự chứng được “vô ngã”. Còn người chưa được đạo thì chỉ tin được “pháp không”, mà chưa thật tin nơi “vô ngã”. Bởi vậy nên kinh thường lấy “vô ngã” làm dụ khi nói về các pháp như huyễn.

-o0o-

Trên đây ngài Tu Bồ Đề nói hết thấy pháp là không, Bồ tát cũng là không, nên đã dùng “vô ngã” dụ cho Bồ tát, cũng ví như dùng chất “thạch mật” để dụ cho nước “cam lồ” vậy.

**Hỏi:** *Ngài Xá Lợi Phất đã biết “không” tức là “vô ngã” rồi. Vì sao nay còn hỏi nữa?*

**Đáp:** Ngài Tu Bồ Đề là Thanh Văn, tự xét trí đức chưa được bằng chư đại Bồ tát, nên trước Phật ngài chẳng dám nói thâm nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật, sợ hàng sơ học Bồ tát khởi tâm nghi.

Ngài Xá Lợi Phất muốn đoạn nghi cho các vị tân học Bồ

tát đó nên mới nêu câu hỏi, để ngài Tu Bồ Đề rộng giải về nghĩa Bát nhã Ba-la-mật.

Do ngài Xá Lợi Phất chất vấn mà ngài Tu Bồ Đề phải khéo phân biệt chỗ thâm nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật, khiến đại chúng sanh được tín tâm thanh tịnh.

**Hỏi:** *Vì sao nói người nào nghe nói Bồ tát quá khứ bất khả đắc, mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ là hạng người thường hành Bát nhã Ba-la-mật?*

**Đáp:** Các hàng Thanh Văn từ khi mới vào đạo, dẫn đến khi được quả vị A-la-hán, đều quán các pháp nhân duyên, nhưng vẫn chưa triệt ngộ được “tánh không”. Còn các bậc Bích Chi Phật, thì tuy đã được đạo, mà vẫn chưa đầy đủ từ bi tâm.

Phải là người hành đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, thâm nhập “pháp không”, mới đầy đủ từ bi tâm, mới được gọi là Bồ tát Ma ha tát.

Bởi nhân duyên vậy, nên mới đặt ra những danh xưng khác nhau, do công đức có sai khác nhau vậy.

Nên biết “ngã” và “chúng sanh” là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Ví như trước cùng một sự việc, mà có người thọ khổ, có người người thọ lạc, chỉ vì tâm trạng của mỗi người mỗi khác vậy.

**Hỏi:** *Trước đây có nói “do nhân duyên chúng sanh không, mà Bồ tát cũng không”. Nay ngài Tu Bồ Đề lại nói thêm “do nhân duyên chúng sanh không, nên Bồ tát ở cả 3 đời đều không”.*

*Như vậy, nếu chẳng có Bồ tát, thì 5 ấm cũng vẫn có chẳng?*

**Đáp:** Vì muốn phá ngã chấp, mà nói chúng sanh là không,

là vô ngã. Vì vô ngã, nên 5 ấm cũng là không. Ví như, khi người chết rồi, thì sắc thân sẽ tan rã, khiến 5 ấm thân chẳng còn là vật ngã sở của người đó nữa. Bởi vậy nên nói 5 ấm là không, dẫn đến Bồ tát cũng là không.

**Hỏi:** Nếu nói 5 ấm là không, thì “không” có phải là Bồ tát chẳng?

**Đáp:** “5 ấm không” chẳng phải là Bồ tát. Vì sao? Vì “không” là “vô sở hữu”, là “vô phân biệt”. Khi 5 ấm ly tán, thì chẳng còn có “5 ấm tánh”, nên cũng chẳng còn có Bồ tát nữa.

Lại nữa, nếu 5 ấm là không, Bồ tát là không, thì 3 đời cũng là không. Người tu hành phải quán 5 ấm thân là không, 6 Ba-la-mật là không, Bồ tát pháp là không, dẫn đến Bồ tát cũng là không.

Phật nói nhân duyên các pháp đều không, nên “không” chẳng khác Bồ tát, Bồ tát chẳng khác “không”. Như vậy, Bồ tát là không, Bồ tát pháp là không, 3 đời cũng là không. Những pháp này chẳng phải hai, chẳng phải khác.

6 Ba-la-mật, dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng đều là như vậy. Người hành được các pháp như vậy, gọi là Bồ tát Ma ha tát.

Các hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, nếu vào được pháp không thì cũng sẽ được như chư Phật và chư Bồ tát, cũng sẽ biết rõ rằng tất cả Thanh Văn, Bích Chi Phật, Phật đều là bất khả đắc cả.

#### **KINH:**

**Thưa ngài Xá Lợi Phất! Sắc ví như hư không, dẫn đến thức cũng ví như hư không. Vì sao? Vì hư không chẳng có biên bờ, chẳng có chặng giữa. Do vì biên bờ và chặng**



giữa đều bất khả đắc, nên mới có tên gọi là hư không, mới có danh pháp hư không vậy.

Cũng như vậy, sắc, ..., dẫn đến thức cũng chẳng có biên bờ, chẳng có chặng giữa. Do vì biên bờ và chặng giữa đều bất khả đắc, nên sắc là không, ..., dẫn đến thức là không. Trong “tánh không” đó chẳng có biên bờ, chẳng có chặng giữa.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói sắc là vô biên, thì Bồ tát cũng vô biên, dẫn đến nói thức vô biên thì Bồ tát cũng vô biên.

4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp cũng đều là như vậy.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Sắc và sắc tướng là không, ..., dẫn đến thức và thức tướng là không. Đàn Ba-la-mật và Đàn Ba-la-mật tướng là không, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật và Bát nhã Ba-la-mật tướng là không, nội không và nội không tướng là không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không và vô pháp hữu pháp không tướng là không, 4 niệm xứ và 4 niệm xứ tướng là không, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp và 18 bất cộng pháp tướng là không, như pháp tánh thật tế và như pháp tánh thật tế tướng là không, bất khả tư nghì tánh và bất khả tư nghì tánh tướng là không, tam muội môn và tam muội môn tướng là không, đà la ni môn và đà la ni môn tướng là không, Nhất thiết chủng trí và Nhất thiết chủng trí tướng là không, Thanh Văn thừa và Thanh Văn tướng là không, Bích Chi Phật thừa và Bích Chi Phật thừa tướng là không, Bồ tát thừa và Bồ tát thừa tướng là không, dẫn đến Phật thừa và Phật thừa tướng là không.

Trong “tánh không” thì sắc, ..., dẫn đến thức đều bất khả đắc. Bởi nhân duyên vậy, nên nói sắc là Bồ tát, ..., dẫn đến nói thức là Bồ tát cũng đều bất khả đắc cả.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Sắc ở trong sắc là bất khả đắc, thọ ở trong sắc là bất khả đắc, sắc ở trong thọ là bất khả đắc, thọ ở trong thọ là bất khả đắc, thọ ở trong tưởng là bất khả đắc, tưởng ở trong tưởng là bất khả đắc, thọ và tưởng ở trong sắc là bất khả đắc, hành ở trong hành là bất khả đắc, hành ở trong thọ và tưởng là bất khả đắc, hành ở trong thức là bất khả đắc, thức ở trong thức là bất khả đắc, thức ở trong sắc, thọ, tưởng và hành là bất khả đắc.

Lại nữa, nhãn ở trong nhãn là bất khả đắc, nhãn ở trong nhĩ là bất khả đắc, nhĩ ở trong nhĩ là bất khả đắc, nhĩ ở trong nhãn là bất khả đắc, nhĩ ở trong tỷ là bất khả đắc, tỷ ở trong tỷ là bất khả đắc, tỷ ở trong nhãn và nhĩ là bất khả đắc, tỷ ở trong thiệt là bất khả đắc, thiệt ở trong thiệt là bất khả đắc, thiệt ở trong nhãn, nhĩ, tỷ là bất khả đắc, thiệt ở trong thân là bất khả đắc, thân ở trong thân là bất khả đắc, thân ở trong nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt là bất khả đắc, thân ở trong ý là bất khả đắc, ý ở trong ý là bất khả đắc, ý ở trong nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt và thân là bất khả đắc.

Dẫn đến 6 trần, 6 thức, 6 xúc, 6 xúc nhân duyên sanh thọ cũng đều là như vậy.

Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, hết thấy các tam muội môn, hết thấy các đà la ni môn, tánh pháp, ..., dẫn đến Bích Chi Phật pháp, sơ địa, ..., dẫn đến thập địa, nhất thiết trí, đạo chủng trí, Nhất thiết chủng trí cũng đều là như vậy.

Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến A-la-hán, Bích Chi Phật Bồ tát, Phật cũng đều là như vậy.

Vì sao? Vì Bồ tát ở trong Bồ tát là bất khả đắc, Bát nhã Ba-la-mật ở trong Bát nhã Ba-la-mật là bất khả đắc,

Bát nhã Ba-la-mật ở trong Bồ tát là bất khả đắc. Bồ tát ở trong Bát nhã Ba-la-mật là bất khả đắc, giáo hóa vô sở hữu ở trong Bát nhã Ba-la-mật là bất khả đắc, giáo hóa vô sở hữu ở trong giáo hóa là bất khả đắc, Bồ tát và Bát nhã Ba-la-mật ở trong giáo hóa vô sở hữu là bất khả đắc.

Hết thấy các pháp đều là vô sở hữu, là bất khả đắc. Bởi nhân duyên vậy, nên ở nơi hết thấy xứ, nơi hết thấy thời, nơi hết thấy chúng, Bồ tát đều là bất khả đắc.

Như vậy chẳng có hạng Bồ tát nào để dạy Bát nhã Ba-la-mật cả.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Sắc là giả danh, ..., dẫn đến thức là giả danh, sắc giả danh chẳng phải là sắc, ..., dẫn đến thức giả danh chẳng phải là thức. Vì sao? Vì danh và danh tướng đều là tánh không. Nếu danh và danh tướng đều là không thì Bồ tát chẳng phải là Bồ tát. Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát chỉ là giả danh. Đàn Ba-la-mật chỉ là danh tự. Trong danh tự chẳng có Đàn Ba-la-mật, trong Đàn Ba-la-mật chẳng có danh tự. Dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật chỉ là danh tự, trong danh tự chẳng có Bát nhã Ba-la-mật, trong Bát nhã Ba-la-mật chẳng có danh tự. Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát chỉ là giả danh.

Nội không chỉ là danh tự, trong danh tự chẳng có nội không, trong nội không chẳng có danh tự. Dẫn đến vô hữu pháp không chỉ là danh tự, trong danh tự chẳng có vô hữu pháp không, trong vô hữu pháp không chẳng có danh tự... Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát chỉ là giả danh.

4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp chỉ là danh tự, các tam muội môn, các đà la nĩ môn, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí chỉ là danh tự. Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát chỉ là giả danh.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Ngã rốt ráo bất khả đắc, thì làm sao mà có sanh được. Dẫn đến tri giả, kiến giả rốt ráo bất khả đắc, thì làm sao mà có sanh được.

Nhãn, ..., dẫn đến ý, nhãn thức, ..., dẫn đến ý thức, nhãn xúc, ..., dẫn đến ý xúc, nhãn xúc nhân duyên sanh thọ dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ đều rốt ráo bất khả đắc, thì làm sao mà có sanh được.

Đàn Ba-la-mật dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật rốt ráo bất khả đắc, thì làm sao mà có sanh được.

4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp rốt ráo bất khả đắc, thì làm sao mà có sanh được.

Các tam muội môn, các đà la ni môn, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí rốt ráo bất khả đắc, thì làm sao mà có sanh được.

Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ tát, Phật rốt ráo bất khả đắc, thì làm sao mà có sanh được.

Lại nữa, nếu có pháp trước thì mới có pháp sau sanh. Nay pháp thể vốn là không, thì làm sao mà có sanh được. Bởi nhân duyên vậy, nên nói ngã cùng hết thấy pháp đều là rốt ráo bất sanh.

### LUẬN:

**Hỏi:** Tâm và tâm sở là vô hình, nên chẳng có thể thấy được. Còn sắc có tướng, có hình thì sao cũng nói sắc là vô biên?

**Đáp:** Vì sắc pháp là vô sở xứ, nên là vô sắc, là bất khả đắc, là vô biên vậy.

Do có trừ lượng, có chấp xa gần, nặng nhẹ... mà phàm phu mới nói sắc có biên bờ.

Phật dạy 4 đại đều là vô sở xứ nên chẳng có biên bờ. Vì sao? Vì chẳng có thể dùng 5 thức mà trừ lượng về các đại được, chẳng có thể dùng đầu, dùng cân... mà đo lường các đại được. Bởi vậy nên nói sắc là vô biên.

Lại nữa, sắc quá khứ bất khả đắc, sắc vị lai bất khả đắc, nên nói sắc là vô biên, chẳng có bờ trước, chẳng có bờ sau, chẳng có chặng giữa.

Lại nữa, biên bờ của sắc chi là giả danh. Đây là do phân biệt mà có. Nếu sắc tán hoại thì biên bờ là bất khả đắc. Vì sao? Vì các pháp chẳng có định tướng vậy.

Lại nữa, vô vi pháp là bất sanh, bất diệt, nên khi quán được sắc là không, thì biết rõ vô số, vô lượng, vô biên sắc pháp cũng đều là không, cũng đều ví như hư không, cũng đồng là tướng vô vi vậy.

Như vậy, Bồ tát cũng như hết thảy pháp đều là bất khả đắc.

Bởi vậy nên nói 5 ấm vô biên, thì Bồ tát cũng vô biên, 4 niệm xứ dẫn đến 18 bất cộng pháp vô biên, thì Bồ tát cũng vô biên.

-o0o-

Nên biết, do tâm phân biệt mà giả thi thiết ra các pháp, lại do 5 ấm là vô số, vô lượng, vô biên là bất khả đắc nên chẳng thể nói sắc, ..., dẫn đến thức là Bồ tát được.

Lại cũng nên biết, nếu ly các tâm sở pháp, thì sắc chi là vô tình, chỉ ví như cây cỏ gạch ngói... nên chẳng thể gọi sắc là Bồ tát được. Trái lại nếu tâm và tâm sở ly sắc thân thì chẳng có chỗ y chi, nên cũng chẳng thể gọi sắc là Bồ tát được.

Bồ tát quán 6 pháp Ba-la-mật, 37 Phẩm trợ đạo, 18 không,

10 lực, 18 bất cộng pháp, như pháp tánh thật tế, bất khả tu nghị tánh, 3 giải thoát môn, hết thảy các tam muội môn và đà la ni môn, đạo chủng trí, nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí, 3 thừa pháp... đều là tự tướng không cả.

Bồ tát lại quán 6 pháp Ba-la-mật và 6 pháp Ba-la-mật tướng, 5 âm và 5 âm tướng, 12 nhập và 12 nhập tướng, 18 giới và 18 giới tướng, ..., dẫn đến quán nhất thiết trí và nhất thiết trí tướng, Nhất thiết chủng trí và Nhất thiết chủng trí tướng, quán Thanh Văn và Thanh Văn tướng, Bích Chi Phật và Bích Chi Phật tướng, Bồ tát và Bồ tát tướng, Phật và Phật tướng đều là tự tướng không cả.

-o0o-

Người tu hành quán thường, quán vô thường có thể vào được 1 môn, 2 môn, ..., dẫn đến vào được vô lượng môn, được Nhất thiết chủng trí. Tuy nhiên muốn tầm cầu Bồ tát, thì Bồ tát là bất khả đắc. Vì sao? Vì ngay “tự pháp” đã là không thì “tha pháp” cũng là không.

Như trên đã nói: Sắc ở trong sắc là bất khả đắc, thọ ở trong thọ là bất khả đắc, sắc ở trong thọ là bất khả đắc, thọ ở trong sắc là bất khả đắc, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật ở trong Bát nhã Ba-la-mật là bất khả đắc, giáo hóa ở trong giáo hóa là bất khả đắc. Vì sao? Vì Bồ tát chỉ là danh tự. Đã là danh tự thì Bồ tát cũng như 5 âm là tán hoại, là tịch diệt, là như hư không vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bồ tát chỉ là giả danh. Ví như nhà huyền thuật hóa tác ra các huyền vật, huyền sự, rồi dùng các danh tự mà đặt tên cho các sự vật ấy.

Ngài Tu Bồ Đề nói với ngài Xá Lợi Phất rằng: Chẳng

phải chỉ riêng Bồ tát là giả danh, mà 5 âm cũng là giả danh. Trong giả danh thì tướng của “giả danh pháp” ấy là bất khả đắc. Đây là xét về đệ nhất nghĩa vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bồ tát là phi Bồ tát. Người thật hành 6 pháp Ba-la-mật được Nhất thiết chủng trí gọi là Bồ tát. Nhưng Bồ tát cũng như Bồ tát pháp cũng đều là danh tự, là không, là vô sở hữu.

Hết thảy các pháp đều bình đẳng tánh. Thế nhưng người thế gian đã gượng ép đặt cho mỗi pháp một tên riêng, mà chẳng biết rằng hết thảy các pháp đều do duyên hòa hợp sanh, và đều chẳng phải thật có.

-o0o-

Trước đây đã nói ngã và danh tự ngã là rốt ráo bất sanh. Nay ngài Tu Bồ Đề nói rõ về “chúng sanh không” và “pháp không”, nhằm phá các chấp về ngã và pháp. Vì sao? Vì ngã bất khả đắc, ..., dẫn đến tri giả, kiến giả bất khả đắc, nên chẳng làm sao mà có sanh được, sắc, ..., dẫn đến thức bất khả đắc, nên chẳng làm sao mà có sanh được, nhãn, ..., dẫn đến ý bất khả đắc, nên chẳng làm sao mà có sanh được, nhãn thức, ..., dẫn đến ý thức bất khả đắc, nên chẳng làm sao mà có sanh được, nhãn xúc, ..., dẫn đến ý xúc bất khả đắc, nên chẳng làm sao mà có sanh được, nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ bất khả đắc, nên chẳng làm sao mà có sanh được, các tam muội, các đà la ni, ..., dẫn đến Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ tát, Phật đều bất khả đắc, nên chẳng làm sao mà có sanh được. Vì sao? Vì nếu các pháp trước mà có, thì mới có thể nói có các pháp sau sanh ra được. Do vì pháp thể vốn đã là không thì chẳng có thể nói có pháp tự sanh ra được vậy.

**KINH:**

Thưa ngài Xá Lợi Phất!

\* Vì sao ngã và các pháp đều là tự tánh không?

- Ngã và các pháp đều do duyên hòa hợp sanh, nên là tự tánh không. Sắc, ..., dẫn đến thức do duyên hòa hợp sanh, nên là tự tánh không. Sắc, ..., dẫn đến pháp do duyên hòa hợp sanh, nên là tự tánh không. Nhãn, ..., dẫn đến ý do duyên hòa hợp sanh, nên là tự tánh không. Nhãn thức, ..., dẫn đến ý thức do duyên hòa hợp sanh, nên là tự tánh không. Nhãn xúc, ..., dẫn đến ý xúc do duyên hòa hợp sanh, nên là tự tánh không.

Nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ do duyên hòa hợp sanh, nên là tự tánh không. Địa chủng, ..., dẫn đến thức chủng do duyên hòa hợp sanh, nên là tự tánh không. Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật do duyên hòa hợp sanh, nên là tự tánh không. 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp do duyên hòa hợp sanh, nên là tự tánh không.

\* Vì sao các pháp vô thường mà chẳng đoạn diệt?

- Sắc, ..., dẫn đến thức là vô thường, mà chẳng đoạn diệt. Cũng như vậy, hết thấy pháp đều là vô thường mà chẳng đoạn diệt. Do vì “vô thường tướng” cũng tức là “động tướng”, là “không tướng” vậy. Bởi nhân duyên vậy, nên nói hết thấy pháp đều là vô thường mà chẳng đoạn diệt.

\* Vì sao các pháp là phi thường, phi diệt?

- Sắc, ..., dẫn đến thức là phi thường, phi diệt. Cũng như vậy, hết thấy pháp đều là phi thường, phi diệt. Do vì tánh của các pháp tự là như vậy nên nói hết thấy pháp đều là phi thường và cũng là phi diệt.



**\* Vì sao các pháp là rốt ráo bất sanh?**

- Sắc, ..., dẫn đến thức là phi tác pháp, là chẳng phải pháp được tạo tác ra. Cũng như vậy, hết thấy pháp đều là phi tác pháp, đều chẳng phải pháp được tạo tác ra. Do vì tác giả là bất khả đắc, chẳng có tác giả làm ra các pháp, nên nói hết thấy pháp là rốt ráo bất sanh.

**\* Vì sao sắc rốt ráo bất sanh, thì chẳng phải là sắc, ..., dẫn đến thức rốt ráo bất sanh thì chẳng phải là thức?**

- Sắc là tánh không, ..., dẫn đến thức là tánh không. Tánh không có nghĩa là vô sanh, vô trú, vô dị, vô diệt.

Cũng như vậy, nhãn, ..., dẫn đến ý, nhãn thức, ..., dẫn đến ý thức, nhãn xúc, ..., dẫn đến ý xúc, nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ đều là tánh không, và tánh không có nghĩa là vô sanh, vô trú, vô dị, vô diệt.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói sắc rốt ráo bất sanh thì chẳng phải là sắc, ..., dẫn đến thức rốt ráo bất sanh thì chẳng phải là thức.

**\* Vì sao nói nếu các pháp rốt ráo bất sanh, thì có nên dạy Bát nhã Ba-la-mật cho Bồ tát chăng?**

- Rốt ráo bất sanh tức là Bát nhã Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật tức là rốt ráo bất sanh. Rốt ráo bất sanh và Bát nhã Ba-la-mật là chẳng phải hai, là chẳng phải khác.

- Bởi nhân duyên vậy, nên tôi bạch Phật: Nếu các pháp rốt ráo là bất sanh thì có nên dạy Bát nhã Ba-la-mật cho Bồ tát chăng?

**\* Vì sao nói ly rốt ráo bất sanh, thì chẳng có Bồ tát hành Vô thượng bồ đề?**

- Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng thấy rốt ráo bất sanh khác với Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thấy rốt ráo bất sanh khác với Bồ tát. Vì sao? Vì rốt ráo bất sanh, Bát nhã Ba-la-mật và Bồ tát là những pháp chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Bồ tát cũng chẳng thấy rốt ráo bất sanh khác với sắc, thọ, tưởng, hành, thức, ..., dẫn đến chẳng thấy rốt ráo bất sanh khác với Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì rốt ráo bất sanh, sắc, thọ, tưởng, hành, thức, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí là những pháp chẳng phải hai, chẳng phải khác.

- Bởi nhân duyên vậy, nên nói lý rốt ráo bất sanh thì chẳng có Bồ tát hành Vô thượng bồ đề.

\* Vì sao nói nếu Bồ tát nào nghe nói lời này mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ thì đó là Bồ tát Ma ha tát hành Bát nhã Ba-la-mật?

- Bồ tát Ma ha tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng thấy có tướng hay biết về các pháp, vì biết rõ các pháp đều là như mộng, như huyễn, như điệm, như ảnh, như hóa.

- Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát nghe nói các pháp này mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ.

### **LUẬN:**

Theo như trên đây, thì Bồ tát biết rõ các pháp đều là tự tướng không, nên dùng tánh không để phá các chấp về tự tướng của các pháp.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Các pháp do duyên hòa hợp sanh nên đều là tự tướng không. Do 5 âm hòa hợp mà có Bồ tát, có Bồ tát danh tự, có Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật, có Bồ tát hành các thiện pháp... Thế nhưng, hết thấy các pháp đều chi là giả danh, đều là tự tướng không cả.

Ví như, mắt thấy cảnh, phải hội đủ các duyên hòa hợp như: Nhãn căn duyên sắc trần phải nương vào ánh sáng, phải có đủ khoảng hư không, lại phải có thêm bao nhiêu thứ duyên khác, mới thành tựu được như sự thấy. Bởi vậy nên nói “pháp thấy” là rốt ráo không, là như mộng, như huyễn. Dẫn đến hết thấy các pháp cũng đều là như mộng, như huyễn cả.

Lại nữa, nên biết hết thấy pháp đều chẳng phải thường (vô thường), chẳng phải đoạn (vô đoạn). Nói vô thường là nhằm phá chấp thường; còn nói vô đoạn là nhằm phá chấp đoạn.

Chấp “thường còn” và chấp “đoạn diệt” đều là các kiến chấp điên đảo. Nếu Bồ tát biết rõ các pháp như vậy, thì vào được “thật tướng môn”, nên Ngài Tu Bồ Đề nói: Vô thường tướng là động tướng, là không tướng vậy.

-o0o-

Lại nữa, nên biết 5 âm là rốt ráo bất sanh, vì tướng sanh là bất khả đắc; dẫn đến 5 âm chẳng phải là tác pháp, vì tác giả là bất khả đắc. Vì sao? Vì sắc là phi sắc, là chẳng phải sắc, ..., dẫn đến thức là phi thức, là chẳng phải thức.

Nơi đây, Ngài Tu Bồ Đề muốn nói: Sắc do duyên hòa hợp sanh là tự tướng không, là vô tướng, là pháp vô sanh, vô trú, vô dị, vô diệt. Dẫn đến thọ, tưởng, hành, thức cũng đều là như vậy cả.

Lại nữa, tướng bất sanh chẳng phải là tướng hữu vi nên pháp vô sanh nhiếp về vô vi pháp. Hết thấy các pháp đều rốt ráo bất sanh như vậy cả.

**Hỏi:** Nếu các pháp đều rốt ráo bất sanh thì còn dạy Bát nhã Ba-la-mật cho ai được nữa?

**Đáp:** Rốt ráo bất sanh chính là thật tướng pháp. Mà thật tướng pháp chính là Bát nhã Ba-la-mật vậy.

**Hỏi:** *Bồ tát cũng rốt ráo bất sanh. Như vậy làm sao mà giáo hóa Bát nhã Ba-la-mật cho Bồ tát được?*

**Đáp:** Nếu ly rốt ráo bất sanh mà có Bồ tát thì mới nói có pháp Bát nhã Ba-la-mật để giáo hóa cho Bồ tát. Vì sao? Vì rốt ráo bất sanh, Bát nhã Ba-la-mật và Bồ tát là những pháp chẳng phải hai, chẳng phải khác.

**Hỏi:** *Nếu như vậy thì vì sao còn dạy cho người hành đạo phải ly rốt ráo bất sanh?*

**Đáp:** Như trên đây đã nói: Nếu Bồ tát nào nghe nói lời này mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, thì phải biết đó là Bồ tát Ma ha tát đã vào được thật tướng của các pháp. Ở trong đó, Bồ tát chẳng còn thấy có chúng sanh, chẳng còn thấy ngã, dẫn đến chẳng còn thấy tri giả, kiến giả, chẳng còn thấy có người thuyết pháp, có người nghe pháp, chẳng còn thấy có tà thuyết, có chánh thuyết. Vì sao? Vì đã biết rõ hết thảy pháp đều do duyên hòa hợp sanh, khi hội đủ duyên hòa hợp thì có sanh, khi các duyên ly tán thì là diệt. Bồ tát biết rõ hết thảy các pháp đều là hư vọng, là như huyễn, là chẳng có định tướng, là bất sanh, bất diệt. Bởi vậy nên dù phải chết cấp thời, dù phải đọa vào địa ngục, Bồ tát vẫn giữ tâm bất động, chẳng hề sanh sợ hãi.

Ví như người nằm mộng thấy bao nhiêu cảnh tượng kinh hoàng, sanh tâm sợ hãi, nhưng khi vừa tỉnh mộng là liền biết rõ cảnh trong mộng chỉ là hư vọng, khiến các nỗi sợ hãi liền tan biến. Cũng như vậy, người tu hành khi còn vọng tâm, còn bị các pháp thế gian trói buộc, thì còn sợ hãi. Nhưng khi đã vào được thật tướng pháp rồi, thì sẽ biết rõ các sự việc diễn

biên trong thế gian chỉ là những cảnh mộng dài, tương tục nối tiếp, biết rõ hết thấy các cảnh thế gian chỉ là hư vọng, chẳng thật có. Lúc bấy giờ thì chẳng còn sợ hãi nữa.

-o0o-

**KINH:**

Lúc bấy giờ ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát Ma ha tát quán các pháp như vậy nên chẳng thọ sắc, chẳng thấy sắc, chẳng trú sắc, chẳng chấp sắc, chẳng nói đó là sắc. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng đều là như vậy.

Đối với nhãn, ..., dẫn đến đối với ý, Bồ tát cũng chẳng thọ, chẳng thấy, chẳng trú, chẳng chấp, chẳng nói đó là nhãn, ..., dẫn đến chẳng nói đó là ý.

Đối với Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát cũng chẳng thọ, chẳng thấy, chẳng trú, chẳng chấp, chẳng nói đó là Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến chẳng nói đó là Bát nhã Ba-la-mật.

Đối với nội không, ..., dẫn đến đối với vô pháp hữu pháp không, Bồ tát cũng chẳng thọ, chẳng thấy, chẳng trú, chẳng chấp, chẳng nói đó là nội không, ..., dẫn đến chẳng nói đó là vô pháp hữu pháp không.

Đối với 4 niệm xứ, ..., dẫn đến đối với 18 bất cộng pháp, Bồ tát cũng chẳng thọ, chẳng thấy, chẳng trú, chẳng chấp, chẳng nói đó là 4 niệm xứ, ..., dẫn đến chẳng niệm đó là 18 bất cộng pháp.

Đối với các tam muội môn, các đà la ni môn, ..., dẫn đến đối với Nhất thiết chủng trí, Bồ tát cũng chẳng thọ, chẳng thấy, chẳng trú, chẳng chấp, chẳng nói đó là tam

muội môn, là đà la ni môn, ..., dẫn đến chẳng nói đó là Nhất thiết chủng trí .

Bạch Thế Tôn! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát Ma ha tát chẳng thấy sắc, ..., dẫn đến chẳng thấy Nhất thiết chủng trí. Vì sao?

- Sắc chẳng sanh thì chẳng phải là sắc, ..., dẫn đến thức chẳng sanh thì chẳng phải là thức.

Nhãn chẳng sanh thì chẳng phải là nhãn, ..., dẫn đến ý chẳng sanh thì chẳng phải là ý.

Đàn Ba-la-mật chẳng sanh thì chẳng phải là Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật chẳng sanh thì chẳng phải là Bát nhã Ba-la-mật.

Nội không chẳng sanh thì chẳng phải là nội không, ..., dẫn đến vô hữu pháp không chẳng sanh thì chẳng phải là vô hữu pháp không. Vì sao?

- Sắc chẳng sanh thì chẳng phải hai, chẳng phải khác, ..., dẫn đến thức chẳng sanh là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Nhãn chẳng sanh thì chẳng phải hai, chẳng phải khác, ..., dẫn đến ý chẳng sanh là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Đàn Ba-la-mật chẳng sanh thì chẳng phải hai, chẳng phải khác, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật chẳng sanh là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Nội không chẳng sanh thì chẳng phải hai, chẳng phải khác, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không chẳng sanh là chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Bạch Thế Tôn! 4 niệm xứ chẳng sanh thì chẳng phải là 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp chẳng sanh thì chẳng phải là 18 bất cộng pháp. Pháp như, pháp tánh, thật tế, bất khả tư nghì tánh chẳng sanh, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí chẳng sanh thì chẳng phải là pháp

như, pháp tánh, thật tế, bất khả tư nghì tánh, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí. Vì sao?

Vì 4 niệm xứ chẳng sanh, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí chẳng sanh thì chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Bạch Thế Tôn! Các pháp bất sanh (chẳng sanh) là chẳng phải đồng cũng chẳng phải khác. Bởi vậy nên pháp bất sanh (chẳng sanh) là phi pháp (chẳng phải pháp): Sắc bất sanh là phi sắc, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí bất sanh là phi Nhất thiết chủng trí.

Bạch Thế Tôn! Sắc chẳng diệt thì chẳng phải là sắc, ..., dẫn đến thức chẳng diệt thì chẳng phải là thức. Nhân chẳng diệt thì chẳng phải là nhân, ..., dẫn đến ý chẳng diệt thì chẳng phải là ý. Đàn Ba-la-mật chẳng diệt thì chẳng phải là Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật chẳng diệt thì chẳng phải là Bát nhã Ba-la-mật. Nội không chẳng diệt thì chẳng phải là nội không, ..., dẫn đến vô hữu pháp không chẳng diệt thì chẳng phải là vô hữu pháp không. 4 niệm xứ chẳng diệt thì chẳng phải là 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp chẳng diệt thì chẳng phải là 18 bất cộng pháp. Pháp như, pháp tánh, thật tế, bất khả tư nghì tánh chẳng diệt thì chẳng phải là pháp như, pháp tánh, thật tế, bất khả tư nghì tánh, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí chẳng diệt thì chẳng phải là Nhất thiết chủng trí.

Bạch Thế Tôn! Các pháp bất diệt (chẳng diệt) là chẳng phải đồng cũng chẳng phải khác. Bởi vậy nên pháp bất diệt (chẳng diệt) là phi pháp (chẳng phải pháp). Sắc bất diệt là phi sắc, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí bất diệt là phi Nhất thiết chủng trí.

**Bạch Thế Tôn! Pháp bất sanh, bất diệt là phi pháp. Vì sao? Vì hết thấy các pháp, sắc, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều nhập vào trong “pháp số bất nhị”.**

**LUẬN:**

Theo lời kinh trên đây, ngài Tu Bồ Đề muốn nói rằng: Nếu Bồ tát quán 5 âm đều là không, thì sẽ hành được 5 chánh quán, có nghĩa là chẳng thọ, chẳng thấy, chẳng trú, chẳng chấp 5 âm và chẳng nói đó là 5 âm.

-o0o-

Bồ tát biết rõ 5 âm là vô thường, là nơi khởi sanh ra các phiền não thiêu đốt thân, não loạn tâm, nên chẳng thọ 5 âm tướng, cũng chẳng chấp 5 âm tướng.

Chẳng phải chỉ quán 5 âm là vô thường, mà Bồ tát còn quán 5 âm là không, nên chẳng chấp 5 âm tướng, chẳng trú trong 5 âm, chẳng y chỉ nơi 5 âm.

Vì sao? Vì khi đã biết rõ 5 âm là không mà mong tâm chấp “tánh không” ấy, thì liền bị các phiền não quấy nhiễu. Chỉ một niệm cầu, Bồ tát còn chẳng khởi hướng nữa là chấp đắm thân tâm. Bồ tát biết rõ thân tâm là nguồn gốc của bao nhiêu nghiệp tội:

- Thân thì chịu đói khát, nóng lạnh, chịu cảnh già, bệnh, chết.

- Tâm thì chứa nhóm vô lượng ưu bi, khổ não, tật đố, sân si, dẫn sanh vô lượng vô biên tội lỗi, khiến chúng sanh phải trôi lăn mãi trong các nẻo đường sanh tử. Vì chúng sanh chẳng biết rõ các pháp là vô thường, khổ, không vô ngã nên chẳng hề có được tự tại.



Bồ tát ở nơi “không môn” mà chẳng chấp “không” cũng chẳng rơi vào tà kiến, chấp về đoạn và thường, chẳng nói 5 âm là định pháp, dẫn đến chẳng nói Nhất thiết chủng trí là định pháp, vì biết rõ các pháp đều chẳng có định tướng.

Vì sao? Vì ở nơi 5 âm mà hành 5 chánh quán thì biết rõ 5 âm tướng là vô sanh tướng, là nhất tướng, là vô tướng, ..., dẫn đến hết thấy các pháp tướng cũng đều là vô sanh tướng, là nhất tướng, là vô tướng cả.

-o0o-

Lại nữa, vô sanh cùng Bát nhã Ba-la-mật là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Khi vào được vô sanh tâm thì vào được Bát nhã Ba-la-mật, và ngược lại, vào được Bát nhã Ba-la-mật là vào được vô sanh tâm.

Các pháp đã là vô sanh tướng, thì cũng là vô diệt tướng, nên vô sanh tướng và vô diệt tướng là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Bát nhã Ba-la-mật cùng vô sanh, vô diệt là chẳng phải hai, chẳng phải khác, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng là như vậy. Vì sao? Vì hết thấy các pháp tướng đều là nhất tướng, là vô tướng.

**Hỏi:** *Vì sao nói sắc, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều nhập vào trong “pháp số bất nhị”?*

**Đáp:** Khi chưa phá được sắc thì còn khởi thương, ghét, vui, buồn... còn sanh các kiết sử, còn chấp đắm nơi sắc. Khi đã phá sắc rồi thì lại sanh tà kiến, chấp sắc là không và trú ở nơi không đó.

Nay Phật dạy chư Bồ tát rằng: Bồ tát ở nơi sắc mà phải thường hành “trí huệ không”, mới biết rõ các pháp

đều “không” và đều là chẳng khác tướng, tức là “bất nhị tướng” vậy.

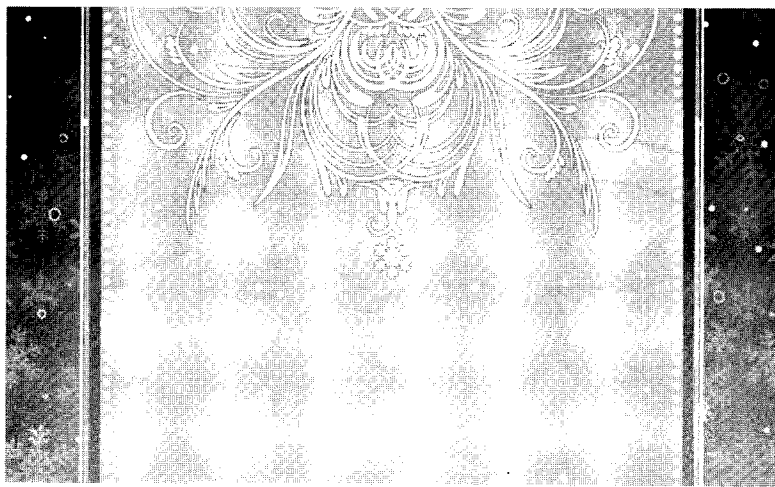
Bồ tát phải biết rõ các pháp đều là hư vọng, đều chẳng thật có, chỉ do tâm nhiếp thọ cảnh mà khởi sanh các chấp phân biệt về các pháp.

Nên biết tâm cảnh vốn bình đẳng, chẳng phải hai, chẳng phải khác, mà phạm phu vọng chấp tự có hai, có khác vậy thôi.

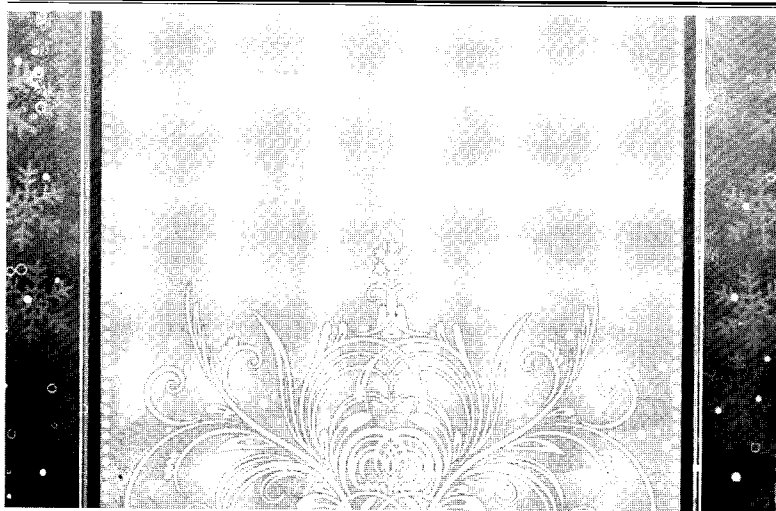
Bồ tát biết rõ tâm pháp, sắc pháp, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều là những pháp chẳng phải hai, chẳng phải khác. Như vậy gọi là “pháp số bất nhị”.

Ngài Tu Bồ Đề vì thương xót chúng sanh, vì muốn làm lợi lạc cho chúng sanh, mà nói “hết thấy các pháp đều nhập vào trong pháp số bất nhị” vậy.

(Hết quyển 52)



**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 53**





## Phẩm Thứ Hai Mươi Sáu



Vô Sanh Tam Quán  
(Ba Pháp Quán Vô Sanh)

### KINH:

Lúc bấy giờ ngài Tu Bồ Đề hỏi ngài Xá Lợi Phất: Ngài nói rằng Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật nên quán hết thấy các pháp. Như vậy thì:

- Thế nào gọi là Bồ tát?
- Thế nào gọi là Bát nhã Ba-la-mật?
- Bồ tát quán các pháp như thế nào?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Xá Lợi Phất!

\* Thế nào là Bồ tát chẳng?

Người nào phát đại tâm cầu Vô thượng bồ đề, biết rõ hết thấy các pháp tướng mà chẳng chấp, biết rõ tướng của sắc, ..., dẫn đến biết rõ tướng của 18 bất cộng pháp, mà chẳng chấp, thì người đó được gọi là Bồ tát.

Thế nào gọi là biết rõ hết thấy các pháp tướng?

Đó là biết rõ đây là sắc, là thanh, là hương, là vị, là xúc, là pháp; đây là pháp hữu vi, đây là pháp vô vi v.v... Lại biết rõ hết thấy các pháp đều do duyên hòa hợp tác thành, chỉ là giả danh tướng. Lại biết rõ hết thấy các pháp tướng đều là như như, bình đẳng. Biết rõ như vậy, gọi là biết rõ hết thấy các pháp tướng.

\* Thế nào gọi là Bát nhã Ba-la-mật chẳng?

Bát nhã Ba-la-mật là viễn ly, là giải thoát.

Viễn ly những pháp gì? Đó là viễn ly 5 ám, 12 nhập, 18 giới; viễn ly Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến viễn ly Bát nhã Ba-la-mật, viễn ly nội không, ..., dẫn đến viễn ly vô pháp hữu pháp không, viễn ly 4 niệm xứ, ..., dẫn đến viễn ly 18 bất cộng pháp.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật là viễn ly, là giải thoát.

\* Bồ tát phải quán các pháp như thế nào chẳng?

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật nên quán sắc, ..., dẫn đến quán thức là chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải lạc, chẳng phải khổ, chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã, chẳng phải không, chẳng phải bất không, chẳng phải có tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải có tác, chẳng phải vô tác, chẳng phải tịch diệt, chẳng phải chẳng tịch diệt, chẳng phải ly, chẳng phải chẳng ly. Quán Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến quán Bát nhã Ba-la-mật, quán nội không, ..., dẫn đến quán vô pháp hữu pháp không, quán 4 niệm xứ, ..., dẫn đến quán 18 bất cộng pháp, quán các tam muội môn, quán các đà la ni môn, ..., dẫn đến quán Nhất thiết chủng trí cũng đều là như vậy cả.

Như vậy gọi là Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật quán hết thấy các pháp.

**LUẬN:**

**Hỏi:** Trước đã nói về nghĩa của Bồ tát, của Bát nhã Ba-la-mật, và nghĩa của các pháp quán rồi. Sao nay còn hỏi nữa?

**Đáp:** Trước đây đã nói rằng muốn đốn hạ một cây lớn, người tiêu phu phải dùng cưa, dùng rìu, để cưa chặt nhiều lần, lại còn phải đào, phải xới nhiều lần đến tận sâu mới có thể đoạn dứt nó đến tận gốc rễ.

Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật có vô lượng nghĩa thâm diệu nên phải nói đi nói lại nhiều lần mới hiểu được.

Trong phẩm Đàm Vô Yết có dụ Bát nhã Ba-la-mật mênh mông sâu thẳm như biển lớn, cao vòi vọi như núi Tu di, trang nghiêm vô cùng tận. Bởi vậy nên chỗ hỏi tuy đồng mà chỗ đáp lại có rất nhiều nghĩa sai khác nhau.

Phật chẳng có ái pháp, chẳng muốn lập kinh thơ, nhưng chỉ vì muốn cứu độ chúng sanh, mà thị hiện chuyển pháp luân.

Pháp Phật ví như nước Cam lồ, khiến chúng sanh hưởng dụng được tăng ích phước lạc. Bởi vậy người nghe pháp Phật được vô lượng lợi ích.

Lại nữa, người nghe pháp Phật mà tinh tấn tu hành thì quyết định sẽ được tâm vô cầu, được quả vị Bồ đề.

-o0o-

Nên biết, ở cả 3 thừa đều có quả vị Bồ đề:

- Bồ đề Nhị thừa.
- Bồ đề Bích Chi Phật thừa.
- Bồ đề Bồ tát và Phật thừa.

Bồ đề của Bồ tát và Phật thừa còn được gọi là Bồ đề tát đỏa.

Vị Bồ tát nào, dù đã có được trí huệ lớn mà chưa dứt trừ hết các tập khí phiền não, thì vẫn chưa được gọi là Bồ đề Phật thừa, chưa được gọi là Bồ đề tát đỏa.

Người phát đại tâm tinh tấn tu hành, cần cầu đạo Vô thượng thì mới được gọi là Bồ đề tát đỏa.

Trong kinh dạy: Người phát đại tâm cầu đạo Vô thượng, lại biết rõ hết thấy các pháp tướng mà chẳng thủ chấp, gọi là Bồ tát. Do vì biết rõ hết thấy các pháp tướng đều là rốt ráo không, nên Bồ tát ở nơi chân đế cũng như ở nơi tục đế vẫn thường tự tại, vẫn thường dùng các lực phương tiện để hiện hành các pháp, mà vẫn chẳng hề thủ chấp các pháp tướng.

-o0o-

Lại nữa, do thật hành Bát nhã Ba-la-mật, nên Bồ tát ở nơi sắc mà vẫn ly sắc, ở nơi thọ, tưởng, hành, thức mà vẫn ly thọ, tưởng, hành, thức, dẫn đến ở nơi hết thấy các pháp mà vẫn ly hết thấy các pháp. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là viên ly, là giải thoát vậy.

Phải viên ly 5 âm, 12 nhập, 18 giới; viên ly các pháp Ba-la-mật, viên ly Nhất thiết chủng trí, ..., dẫn đến viên ly hết thấy các pháp, thì mới gọi là được Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật để quán các pháp, mà vẫn xả ly các pháp quán.

-o0o-

#### **KINH:**

**Ngài Xá Lợi Phất hỏi:** Vì nhân duyên gì mà nói sắc bất sanh là phi sắc, ..., dẫn đến nói Nhất thiết chủng trí bất sanh là phi Nhất thiết chủng trí?

**Ngài Tu Bồ Đề đáp:** Sắc và sắc tướng đều là tánh không. Trong tánh không thì sắc chẳng sanh, nên là phi



sắc. Dẫn đến thức và thức tướng đều là tánh không, và trong tánh không thì thức chẳng sanh, nên là phi thức. Đàn Ba-la-mật và Đàn Ba-la-mật tướng, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật và Bát nhã Ba-la-mật tướng, nội không và nội không tướng, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không và vô pháp hữu pháp không tướng, 4 niệm xứ và 4 niệm xứ tướng v.v, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí và Nhất thiết chủng trí tướng cũng đều là như vậy cả.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói sắc bất sanh là phi sắc, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí bất sanh là phi Nhất thiết chủng trí.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Vì nhân duyên gì mà nói sắc bất nhị là phi sắc, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí bất nhị là phi Nhất thiết chủng trí?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Hết thấy các pháp đều chẳng có tập, chẳng có tán, chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có đối, nên đều chẳng phải hai (bất nhị), chẳng phải khác, đều là nhất tướng, là vô tướng.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói sắc bất nhị là phi sắc, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí bất nhị là phi Nhất thiết chủng trí.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Vì nhân duyên gì mà nói sắc, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều nhập vào trong “pháp số bất nhị”?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Sắc chẳng khác vô sanh, vô sanh chẳng khác sắc, sắc tức là vô sanh và vô sanh tức là sắc, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí chẳng khác vô sanh, vô sanh chẳng khác Nhất thiết chủng trí. Nhất thiết chủng trí tức là vô sanh, vô sanh tức là Nhất thiết chủng trí.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói sắc, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều nhập vào trong “pháp số bất nhị”.

**LUẬN:**

**Hỏi:** *Vì sao nói sắc bất sanh là phi sắc, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí bất sanh là phi Nhất thiết chủng trí?*

**Đáp:** Vì sắc là tánh không. Trong tánh không chẳng có sắc tướng.

Nếu được “Vô Sanh Trí” thì biết rõ sắc rốt ráo là vô sanh. Nếu biết rõ được sắc là vô sanh, thì biết rõ được thật tướng của sắc.

Bởi vậy nên nói sắc vô sanh là phi sắc. Tánh của sắc vốn là vô sanh, chẳng phải do lực trí huệ mà khiến sắc trở thành vô sanh. Nếu dùng lực trí huệ quán để chia chẻ sắc thành hư không, rồi lại thủ chấp “hư không tướng” đó, chẳng khác gì người ra khỏi “nhà xí”, mà còn tưởng đến cảnh bất tịnh của nhà xí vậy. Nếu quán nhà xí là như huyễn, như hóa, thì tưởng về bất tịnh kia sẽ chẳng còn nữa.

Người tu hành cũng là như vậy. Nếu biết rõ sắc vốn tự vô sanh, thì chẳng còn thủ chấp sắc tướng nữa. Bởi vậy nên nói sắc vô sanh là phi sắc, ..., dẫn đến nói Nhất thiết chủng trí vô sanh là phi Nhất thiết chủng trí.

**Hỏi:** *Trước đã nói sắc “vô sanh” là “bất nhị” rồi. Vì sao ngài Xá Lợi Phất còn hỏi nữa?*

**Đáp:** Nghĩa tuy đồng mà chỗ quán có khác nhau.

Trước đây nhằm phá chấp “trong quả có nhân” nên nói các pháp là vô sanh, vô chủ tác, cho thấy rõ về nhân sanh pháp cũng là vô sanh. Nay nhằm phá cả hai chấp “hữu” và “vô” về “nhân sanh pháp”, nên mới nói đến “bất nhị môn”.

Người tu hành trước vào “vô sanh quán”, rồi sau mới vào “bất nhị môn”, hoặc trước vào “bất nhị môn” rồi sau mới vào “vô sanh quán”. Đây chỉ nhằm phá chấp về sắc pháp mà phân biệt nói có 2 pháp môn riêng rẽ, nhưng cả 2 pháp môn đó cũng chỉ là một vậy.

-o0o-

Lại nữa, trước đây nhằm phá nhân duyên sanh sắc, nên nói sắc là vô sanh, nghĩa là nói sắc cũng như nhân duyên sanh sắc đều là vô sanh cả. Như vậy là nói các pháp đều là “tự tướng không”. Nay nói “bất nhị môn” để cho thấy rõ rằng hết thảy các pháp đều chẳng có hợp, chẳng có tan, đều là nhất tướng, là vô tướng cả.

Như vậy, nghĩa tuy đồng một thể là “không”, nhưng vì muốn phá luôn chấp về “tự tướng không” của các pháp mà phải nói về “bất nhị môn” vậy.

Người tu hành, trước phải quán sắc là bất sanh, bất diệt, rồi sau mới quán sắc là vô sanh. Bởi vậy nên nói sắc “vô sanh” là “bất nhị”. Vì sao? Vì khi sắc đã rốt ráo vô sanh, thì là bất sanh, bất diệt vậy.

Tóm lại, trước nói sanh là bất khả đắc, nay nói vô sanh cũng bất khả đắc. Bởi vậy nên nói: Sắc, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều nhập vào trong “pháp số vô nhị”.

-o0o-

Sau khi hai ngài Tu Bồ Đề và Xá Lợi Phất đã luận nghị xong, ngài Tu Bồ Đề liền bạch Phật để xin Phật minh chứng.

-o0o-

**KINH:**

Lúc bấy giờ ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát quán các pháp như vậy, nên thấy sắc vô sanh là rốt ráo thanh tịnh, ..., dẫn đến thức vô sanh là rốt ráo thanh tịnh. Bồ tát cũng thấy ngã tướng, nhân tướng vô sanh đều là rốt ráo thanh tịnh, thấy Đàn Ba-la-mật vô sanh, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật vô sanh đều là rốt ráo thanh tịnh, thấy nội không vô sanh, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không vô sanh đều là rốt ráo thanh tịnh, thấy 4 niệm xứ vô sanh, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp vô sanh đều là rốt ráo thanh tịnh, thấy các tam muội môn vô sanh, các đà la ni môn vô sanh, ..., dẫn đến thấy Nhất thiết chủng trí vô sanh đều là rốt ráo thanh tịnh, thấy 4 quả Thanh Văn vô sanh, quả Bích Chi Phật vô sanh, ..., dẫn đến quả Phật vô sanh đều là rốt ráo thanh tịnh, thấy pháp A-la-hán vô sanh, pháp Bích Chi Phật vô sanh, ..., dẫn đến pháp Phật vô sanh đều là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Theo nghĩa mà tôi được nghe thì sắc vô sanh, thọ, tưởng, hành, thức cũng vô sanh, ..., dẫn đến Phật và Phật pháp cũng vô sanh. Như vậy thì chẳng cần phải nói đến quả Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, quả Bích Chi Phật, chẳng cần nói đến Thanh Văn đạo, Bích Chi Phật đạo, Bồ tát đạo và Phật đạo, chẳng cần nói đến 6 đạo chúng sanh, dẫn đến chẳng có đại Bồ tát, chẳng có 5 quả Bồ đề.

Thưa ngài Tu Bồ Đề! Nếu hết thấy các pháp tướng đều vô sanh thì vì sao Tu-đà-hoàn phải tu Đạo đế, để đoạn 3 kiết sử? Vì sao Tu-đà-hàm phải tu Đạo đế, để làm mỏng tham, sân, si? Vì sao A-na-hàm phải tu Đạo Đế, để dứt 5

hạ phần kiết sử? Vì sao A-la-hán phải tu Đạo đế, để dứt 5 thượng phần kiết sử? Vì sao có Bích Chi Phật đạo và Bích Chi Phật pháp? Vì sao có Bồ tát thọ khổ thay cho chúng sanh, làm những việc khó làm? Vì sao có Phật chứng quả Vô thượng bồ đề? Vì sao có Phật chuyển pháp luân?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Xá Lợi Phất! Tôi chẳng nghĩ rằng trong pháp vô sanh, mà lại có chỗ sở đắc. Tôi chẳng nghĩ rằng trong pháp vô sanh, mà lại có các quả vị Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, quả Bích Chi Phật và đạo Bích Chi Phật. Tôi chẳng nghĩ rằng trong pháp vô sanh, mà có Bồ tát thọ khổ thay chúng sanh để làm những việc khó làm. Tôi chẳng nghĩ rằng trong vô sanh, mà có Bồ tát dụng “tâm nan hành” (khó làm), để hành đạo.

Vì sao? Vì nếu Bồ tát sanh “tâm nan hành” là đã tự thấy mình có thọ khổ rồi. Như vậy, thì chẳng có thể làm việc lợi ích cho chúng sanh được.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Do vì Bồ tát xem chúng sanh như cha mẹ, anh em, thân thuộc, thương xót chúng sanh như cha mẹ thương con, như thương chính bản thân mình, nên mới thường dụng “tâm vô sở đắc” để làm các việc lợi ích cho hết thảy chúng sanh.

Bồ tát biết rõ “ngã” là bất khả đắc, nên ở nơi hết thảy xứ, ở nơi hết thảy thời, ở nơi hết thảy chỗ, đối với hết thảy pháp, Bồ tát đều chẳng thọ.

Lại nữa, thưa ngài Xá Lợi Phất! Tôi cũng chẳng nghĩ rằng trong pháp vô sanh, mà có Phật chứng Vô thượng bồ đề, có Phật chuyển pháp luân; cũng chẳng nghĩ trong pháp vô sanh, mà có được các đạo quả.

**LUẬN:**

Quán vô sanh gồm có 2 pháp quán. Đó là:

- Nhu thuận nhãn quán.
- Vô sanh nhãn quán.

Khi bắt đầu quán vô sanh, hành giả phải tu tập về “nhu thuận nhãn quán”. Vì sao? Vì tâm chưa rốt ráo thanh tịnh, nên phải tu tập “nhu thuận nhãn quán” cho thuần thực. Khi tâm đã thuần thực, đã rốt ráo thanh tịnh rồi, mới vào được “vô sanh nhãn quán”.

**Hỏi:** *Bồ tát chưa tận đoạn kiết sử, chưa được Phật đạo, chưa được thật trí huệ. Như vậy, làm sao có được tâm rốt ráo thanh tịnh?*

**Đáp:** Dù chưa tận đoạn kiết sử, nhưng khi Bồ tát đã an lập được đạo tràng, thì tâm chẳng còn gì ngăn ngại nữa, nên được rốt ráo thanh tịnh.

Bồ tát vào được “vô sanh nhãn”, tận trừ hết các kiết sử, phiền não là vào “Bồ tát vị”.

-o0o-

Lại nữa, ở nơi “nhu thuận nhãn”, mặc dù chưa được Phật đạo, Bồ tát cũng đã được tâm rốt ráo thanh tịnh rồi. Ngoài ra, do thường quán chúng sanh không và pháp không, nên Bồ tát thấy rõ sắc vô sanh là rốt ráo thanh tịnh, ..., dẫn đến thấy Phật và Phật pháp là vô sanh, là rốt ráo thanh tịnh.

**Hỏi:** *Ngài Tu Bồ Đề nói hết thảy các pháp tướng đều rốt ráo vô sanh, khiến Ngài Xá Lợi Phất phải nêu lên câu hỏi có liên quan đến Hiền Thánh pháp và Tối Thượng Thừa pháp,*

*là Phật pháp vậy. Nếu các pháp đều là vô sanh, thì ở các bậc Thánh chẳng có phân biệt Đại Thánh và Tiểu Thánh riêng khác; ở trong 6 đạo chúng sanh cũng chẳng có sự phân biệt riêng khác. Như vậy, thì sao lại nói có đến 5 quả Bồ đề?*

**Đáp:** Trong kinh có nói 5 quả Bồ đề. Đó là:

- Nhu thuận nhãn Bồ đề.
- Vô sanh nhãn Bồ đề.
- Thanh Văn Bồ đề.
- Bích Chi Phật Bồ đề.
- Bồ tát Bồ đề.

Riêng Bồ tát Bồ đề phải hội đủ 5 pháp. Đó là:

- Phát tâm Bồ đề: Là phát tâm cầu đạo quả Vô thượng bồ đề; nguyện ở trong vô lượng kiếp sanh tử, tinh tấn hành đạo Bồ tát làm lợi ích cho chúng sanh. Đây là gieo nhân Bồ đề, dẫn đến quả Phật.

- Hàng phục tâm Bồ đề: Là hành các pháp Ba-la-mật.

- Minh tâm Bồ đề: Là biết rõ các pháp trong cả 3 đời, từ trước đến sau, từ tổng tướng đến biệt tướng; biết rõ thật tướng của các pháp là rốt ráo thanh tịnh.

- Xuất đạo Bồ đề: Là được đầy đủ các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, nên chẳng còn chấp Bát nhã Ba-la-mật, chẳng còn chấp có hành Bát nhã Ba-la-mật. Do vậy mà diệt sạch các phiền não, thấy được các thế giới Phật ở khắp 10 phương, được vô sanh pháp nhãn, vượt ra khỏi 3 cõi, thăng tiến đến Nhất thiết chủng trí.

- Vô thượng bồ đề: Là an lập đạo tràng, đoạn hết các vi tế tập khí kiết sử, chuyển thanh tịnh pháp luân, độ thoát hết thảy chúng sanh.

**Hỏi:** *Vì sao chẳng nói đến đạo Thanh Văn và đạo Bích Chi Phật, mà chỉ nói nhiều về đạo Bồ tát?*

**Đáp:** Đạo Bích Chi Phật so với đạo Thanh Văn chẳng có sai khác nhiều. Bích Chi Phật, dù có phước đức, có lợi căn hơn hàng Thanh Văn, nhưng vẫn chưa có thể sánh với Bồ tát được.

Vì sao? Bồ tát phát đại tâm rộng độ hết thảy chúng sanh, làm các việc rất khó làm, mà tâm vẫn chẳng hề chấp trước.

-o0o-

Trong kinh có nêu mẫu chuyện đối thoại giữa hai ngài Xá Lợi Phất và Tu Bồ Đề như sau:

Ngài Xá Lợi Phất nêu câu hỏi với nội dung: Các pháp là vô sanh, là thanh tịnh, là tịch diệt; còn chúng sanh thì ham vui, chẳng ai muốn chịu khổ thay cho kẻ khác cả. Như vậy, vì sao Bồ tát lại vì chúng sanh, chịu thọ khổ thay họ?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Vì chư Phật và chư đại Bồ tát đã rất ráo thanh tịnh, chẳng còn ái pháp, lại biết rõ các pháp đều là vô sanh, vô lai, vô khứ, nên vẫn thường làm những việc khó làm vậy.

Ngài Tu Bồ Đề giữa đại chúng đã nói rằng, hết thảy các pháp tướng đều rất ráo vô sanh, và ngài đã được Phật ân chứng cho lời nói ấy, nên ngài quyết định đáp câu hỏi của ngài Xá Lợi Phất.

Ngài nói: Tôi chẳng nghĩ rằng trong pháp vô sanh mà còn có chỗ sở đắc. Tôi chẳng nghĩ rằng trong pháp vô sanh mà còn có 6 đạo chúng sanh, chỉ do chúng sanh chẳng biết rõ các pháp là vô sanh, mà vọng tạo tác ra có 6 đạo chúng sanh. Bởi vậy nên vì bốn nguyện độ sanh mà Bồ tát hiện thân vào 6 đường để độ thoát chúng sanh.



Bồ tát biết rõ chỉ có các bậc Thánh mới liễu đạt được pháp vô sanh, biết rõ trong vô sanh thì hết thấy các pháp đều là vô sở hữu: Các Thánh quả vô sở hữu, các Thánh đạo vô sở hữu, 6 đạo chúng sanh vô sở hữu, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng là vô sở hữu.

Trái lại phàm phu do vì chẳng biết rõ các pháp là vô sanh, nên ở trong vô sanh mà vọng khởi tác pháp, thủ pháp, khiến thường rơi vào 2 trường hợp lỗi lầm:

- Lỗi thô: Như sát sanh, trộm cướp, tà dâm... dẫn dắt chúng sanh vào 3 ác đạo.

- Lỗi tế: Như khởi tâm chấp có bố thí, có trì giới, có tu phước v.v... dẫn dắt chúng sanh vào 3 thiện đạo.

-o0o-

Lại nữa, nếu Bồ tát khởi “nan tâm” (tâm nghĩ mình làm việc khó làm), khởi “khô tâm” (tâm nghĩ mình thọ khổ) thì độ thoát chúng sanh còn chẳng được, huống nữa là vào được đạo Vô thượng .

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát phát đại tâm thương chúng sanh như cha mẹ thương con, như thương chính bản thân mình vậy. Bồ tát khéo tu đại bi tâm, nên đối với hết thấy chúng sanh, dù thân, dù sơ, đều thương tưởng như nhau. Bồ tát vì lợi ích chúng sanh, sẵn sàng bố thí các nội ngoại vật sở hữu của mình, bố thí như vậy mà chẳng khởi tâm chấp, vì biết rõ người thí, người thọ và vật thí đều là bất khả đắc cả.

Bởi nhân duyên vậy, nên ở nơi hết thấy pháp, Bồ tát đều vô sở đắc.

-o0o-

Lại nữa, từ sơ phát tâm, Bồ tát thường quán “chúng sanh không”, nên biết rõ chúng sanh là vô ngã, lại cũng thường quán “pháp không” nên biết rõ các pháp đều là rốt ráo không. Do nhân duyên quán về chúng sanh không và pháp không mà Bồ tát phát đại bi tâm, hành bố thí Ba-la-mật, chẳng tiếc các vật nội ngoại sở hữu của mình, lại thường hành các thiện pháp đem lại lợi ích cho chúng sanh.

Bồ tát làm các việc khó làm như vậy, mà chẳng hề khởi “nan tâm”, khổ tâm”, vì biết rõ hết thấy pháp đều là không, là vô tướng, là vô lai, vô khứ. Thế nhưng dù biết rõ các pháp là bất khả tư nghì (chẳng thể nghĩ bàn được), bất khả thuyết (chẳng thể nói ra được) mà Bồ tát vẫn thuyết ra các diệu pháp, nhằm phá trừ tâm điên đảo chấp trước của chúng sanh. Như vậy gọi là Bồ tát vì chúng sanh mà chuyên pháp luân vậy.

-o0o-

#### **KINH:**

**Ngài Xá Lợi Phất hỏi:** Thưa ngài Tu Bồ Đề! Ngài nghĩ rằng nên dùng pháp sanh để được đắc đạo, hay dùng pháp vô sanh để được đắc đạo?

**Ngài Tu Bồ Đề đáp:** Thưa ngài Xá Lợi Phất! Tôi chẳng nghĩ rằng nên dùng pháp sanh mà được đắc đạo, cũng chẳng nghĩ rằng dùng pháp vô sanh mà được đắc đạo.

**Ngài Xá Lợi Phất hỏi:** Theo như lời ngài nói thì là vô tri, vô đắc (chẳng biết, chẳng được) hay sao?

**Ngài Tu Bồ Đề đáp:** Hữu tri, hữu đắc (có biết, có được) và vô tri, vô đắc (chẳng biết, chẳng được) chẳng phải là những pháp riêng khác.

Do tùy thuận thế gian mà nói có biết, có được, có Tu-đà-hoàn, có Tu-đà-hàm, có A-na-hàm, có A-la-hán, có Bích Chi Phật, có Bồ tát, có Phật. Thế nhưng theo đệ nhất nghĩa thì chẳng có biết, chẳng có được, chẳng có Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến chẳng có Phật vậy.

Ngài Xá Lợi Phất nói: Nếu theo danh tự ngôn ngữ thế gian mà nói hữu tri (có biết), hữu đắc (có được), thì 6 đạo chúng sanh sai khác cũng chỉ là thế gian danh tự, chẳng phải là đệ nhất nghĩa đế.

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Đúng như vậy. Đây là y theo thế gian danh tự mà nói hữu tri, hữu đắc. 6 đạo chúng sanh sai khác cũng chỉ là thế gian danh tự, chẳng phải là đệ nhất nghĩa đế.

Vì sao? Vì trong đệ nhất nghĩa đế là vô nghiệp (chẳng có nghiệp), vô báo (chẳng có báo), là bất sanh (chẳng có sanh), bất diệt (chẳng có diệt), bất cấu (chẳng có dơ), bất tịnh (chẳng có sạch).

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Như vậy thì “pháp vô sanh” sanh hay “pháp sanh” sanh?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Tôi chẳng nghĩ rằng “vô sanh pháp” sanh, lại cũng chẳng nghĩ rằng “sanh pháp” sanh.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Vì sao ngài chẳng nghĩ rằng “vô sanh pháp” sanh?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Sắc là “vô sanh pháp”, là tự tánh không, chẳng thể tự sanh. Thọ, tưởng, hành, thức đều là “vô sanh pháp”, đều là tự tánh không, chẳng thể tự sanh. Dẫn đến Vô thượng bồ đề cũng là như vậy.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Như vậy thì “sanh” sanh hay “bất sanh” sanh?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Chẳng phải “sinh” sinh cũng chẳng phải “bất sinh” sinh. Vì sao? Vì “sinh” và “bất sinh” là 2 pháp chẳng hợp, chẳng tan, chẳng có sắc (vô sắc), chẳng có hình (vô hình), chẳng có đối (vô đối), chỉ là một tướng (nhất tướng), là chẳng có tướng (vô tướng).

Bởi vậy nên nói chẳng phải “sinh” sinh, chẳng phải “bất sinh” sinh.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Như vậy vì sao ngài lại thường thuyết về “vô sinh pháp” và “vô sinh tướng”?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Tôi thích nói về “vô sinh pháp”, cũng thích nói về “vô sinh tướng”. Vì sao? Vì hết thấy các pháp đều là “vô sinh pháp”, hết thấy các pháp tướng đều là “vô sinh tướng”.

Lại nữa, vì danh tự, ngôn ngữ, cùng hết thấy các pháp đều là chẳng hợp, chẳng tan, chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có đối, đều chỉ là nhất tướng, là vô tướng vậy.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Ngài thường nói về “vô sinh pháp”, thường nói về “vô sinh tướng”. Như vậy thì sự thích nói của ngài, các danh tự, ngôn ngữ mà ngài nói ra cũng là vô sinh cả hay sao?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Đúng như vậy. Sắc vô sinh, ..., dẫn đến thức vô sinh, nhãn vô sinh, ..., dẫn đến ý vô sinh, địa chủng vô sinh, ..., dẫn đến thức chủng vô sinh, thân hành, khẩu hành, ý hành vô sinh, Đản Ba-la-mật vô sinh, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật vô sinh, 4 niệm xứ vô sinh, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng vô sinh.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Bởi nhân duyên vậy, nên tôi thường nói về “vô sinh pháp”, thường nói về “vô sinh

tướng”. Sự thích nói của tôi, các danh tự, ngữ ngôn mà tôi dùng để nói ra cũng đều là vô sanh cả.

**LUẬN:**

Theo lời kinh trên đây thì ngài Xá Lợi Phất biết rõ ngài Tu Bồ Đề thường hay nói về “pháp không”, nên mới nêu lên câu hỏi: Nếu hết thấy pháp đều vô sanh tướng thì làm sao mà chứng dụng được, làm sao có sanh pháp được?

Nếu dùng “vô sanh pháp” mà sanh pháp, thì “sanh pháp” ấy cũng chỉ là hư vọng. Cho nên chẳng có thể dùng “sanh pháp” để chứng dụng “vô sanh pháp” được. Vì sao? Vì đã là “vô sanh pháp” thì chẳng có pháp tướng.

Hơn nữa, theo ngài Tu Bồ Đề, thì nói “sanh” sanh, hay nói “vô sanh” sanh thì cũng đều có lỗi cả.

Ngài Xá Lợi Phất nghĩ rằng: Phật thường dạy “hữu vi pháp” và “vô vi pháp” nhiếp hết thấy các pháp. Lại nữa, sanh pháp là hữu vi pháp, vô sanh pháp là vô vi pháp, nay ngài Tu Bồ Đề nói phải ly cả hai pháp đó. Như vậy làm sao mà được đạo?

Nghĩ vậy rồi, ngài Xá Lợi Phất hỏi ngài Tu Bồ Đề: Như vậy chẳng có người được đạo hay sao?

Ngài Tu Bồ Đề là bậc Đại A-la-hán, thường hành “Vô tránh tam muội”, đã thường thuyết “vô sanh pháp” cho hàng Bồ tát nghe, chẳng thể nào ngài lại bị rơi vào tà kiến được. Khi nghe ngài Xá Lợi Phất nêu lên câu hỏi, ngài minh định rằng: Chẳng phải hữu tri (có biết), hữu đắc (có được), mà cũng chẳng phải là vô tri (chẳng biết), vô đắc (chẳng được). Vì sao? Vì hữu tri, hữu đắc và vô tri vô đắc chẳng phải là những pháp riêng khác. Do tùy thuận thế gian mà nói có biết, có được, có Tu-đà-hoàn, có Tư-đà-hàm, có A-na-hàm, có A-

la-hán, có Bích Chi Phật, có Bồ tát, có Phật. Thế nhưng theo đệ nhất nghĩa thì chẳng có biết, chẳng có được, chẳng có 4 quả Thanh Văn, ..., dẫn đến chẳng có quả Phật. Vì sao? Vì hết thấy pháp tướng đều là hư vọng, đều chẳng phải là định pháp, đều chẳng phải thật có. Các quả Thánh, quả Phật đều là như vậy, huống nữa là 6 nghiệp đạo và 6 nghiệp đạo quả báo.

**Hỏi:** *Ngài Tu Bồ Đề đã nhiều lần thuyết về vô sanh pháp rồi. Nay vì sao ngài Xá Lợi Phất còn hỏi nữa?*

**Đáp:** Trước đây ngài muốn khai thị các nhân duyên để được đạo, nên đã nói về “vô sanh pháp”, nhằm phá các chấp về pháp tướng.

Thế nhưng vì “vô sanh pháp” quá thậm thâm, khó giải, khó phá, sợ người nghe rồi liền chấp “vô sanh pháp” ấy, khiến phải bị rơi vào đoạn diệt, nên ngài Xá Lợi Phất mới nêu câu hỏi. Sở dĩ ngài Xá Lợi Phất gạn hỏi ngài Tu Bồ Đề như trên đây, vì ngài muốn tạo cơ hội để ngài Tu Bồ Đề nói rộng thêm, nhằm giúp chúng hội được liễu tri về “vô sanh pháp” và phá chấp về “vô sanh pháp” vậy.

**Hỏi:** *Ở thế gian có người hành đạo, và có người được đạo. Như vậy vì sao lại nói hết thấy các pháp đều vô sanh? Nếu hết thấy pháp đều là vô sanh, thì làm sao có được sanh dụng?*

**Đáp:** Người đã được huệ nhãn, biết rõ các pháp đều là vô sanh. Còn phàm phu vì chẳng có trí huệ nên thấy các pháp đều có sanh. Do vậy mà ngài Xá Lợi Phất muốn nêu lên câu hỏi: Nếu là vô sanh pháp, thì làm sao có được sanh dụng?

Ngài Tu Bồ Đề cho biết rõ rằng ‘sanh’ và ‘vô sanh’ đều là rốt ráo không. Nếu ‘sanh’ mà sanh, thì ‘sanh pháp’ đã sanh rồi, chẳng lẽ lại sanh nữa. Còn nếu ‘vô sanh’ mà sanh, thì chưa có pháp, làm gì có sanh. Lại nữa, nếu nói khi sanh là

có nửa sanh và nửa vô sanh, thì như vậy cũng là vô sanh. Vì sao? Vì nửa phần sanh là đã sanh rồi nên là vô sanh, còn nửa phần vô sanh là tự vô sanh rồi vậy.

Ngài Tu Bồ Đề biết rõ chúng sanh chẳng có thể dùng nhục nhãn để thấy được “sanh” sanh hay “vô sanh” sanh cũng đều là chẳng thật có, nên ngài nói là cả 2 pháp đều bất thọ (chẳng thọ).

Ngài Xá Lợi Phất lại hỏi: Vì sao nói cả 2 pháp đều bất thọ?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Vì sắc, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều rốt ráo là vô sanh, là vô tướng. Chỉ vì tùy thuận thế gian mà nói có sanh pháp, có sanh tướng vậy thôi. Thế nhưng sanh pháp cũng là như huyễn, như hóa, vì ở nơi đệ nhất nghĩa thì hết thấy các pháp đều chẳng có hợp, chẳng có tan, chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có đối, đều chỉ là một tướng (nhất tướng), đều chẳng có tướng (vô tướng) cả.

-o0o-

Lại có thuyết nói “sanh” là thường, còn “sanh pháp” là vô thường. Bởi vậy nên ngài Tu Bồ Đề nói rõ rằng “sanh” và “sanh pháp” cũng chẳng khác nhau. Vì sao? Vì nếu nói có “sanh pháp” thì mặc nhiên công nhận có “sanh tướng”. Bởi vậy ngài trả lời ngài Xá Lợi Phất rằng: “Sanh” và “vô sanh” cũng đều bất thọ cả.

Ngài Xá Lợi Phất khi nghe ngài Tu Bồ Đề nói như vậy, cho rằng ngài Tu Bồ Đề thích thuyết về “vô sanh pháp”. Ngài Tu Bồ Đề liền tự nhận ngay. Ngài tự vấn tâm chẳng có gì lỗi lầm, vì những lời ngài nói ra chẳng phá luận nghị vậy. Ngài nói: “Vô sanh pháp” chẳng có hợp, chẳng có tan, chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có đối, “vô sanh pháp” là rốt ráo

không, là nhất tướng, là vô tướng. Bởi vậy nên chẳng có gì để thọ. Đã chẳng thọ hết thủy pháp thì “sự thích nói vô sanh pháp” của Ngài cũng chẳng thọ vậy.

-o0o-

Ngài Xá Lợi Phất tán thán ngài Tu Bồ Đề: Ngài thật là người thích nói về vô sanh pháp, thích nói về vô sanh tướng, mà danh tự và ngôn ngữ của ngài nói ra, cùng sự thích nói pháp của ngài cũng là vô sanh. Tâm ngài thật là rốt ráo thanh tịnh vậy.

Sau khi nhận lời tán thán của ngài Xá Lợi Phất, ngài Tu Bồ Đề đáp lại rằng: chẳng phải tôi thích thuyết về vô sanh pháp và vô sanh tướng, mà danh tự và ngôn ngữ tôi dùng để nói ra cùng sự thích thuyết vô sanh pháp của tôi cũng là vô sanh cả. Vì sao? Vì sắc là vô sanh, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng là vô sanh.

-o0o-

### **KINH:**

Lúc bấy giờ Ngài Xá Lợi Phất nói: Thưa ngài Tu Bồ Đề! Trong hàng Thanh Văn thuyết pháp, ngài đáng tôn trọng hơn cả. Vì sao? Vì có ai hỏi điều gì ngài cũng đều giải đáp được.

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Sở dĩ tôi giải đáp được các câu hỏi vì các pháp đều chẳng có sở y (vô sở y).

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Vì sao nói các pháp đều chẳng có sở y (vô sở y)?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Sắc tánh, ..., dẫn đến thức tánh thường không, chẳng y trong, chẳng y ngoài, chẳng y vào



chặng giữa. Nhân tánh, ..., dẫn đến ý tánh thường không, chẳng y trong, chẳng y ngoài, chẳng y vào chặng giữa. Sắc tánh, ..., dẫn đến pháp tánh thường không, chẳng y trong, chẳng y ngoài, chẳng y vào chặng giữa.

Đàn Ba-la-mật tánh, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật tánh thường không, chẳng y trong, chẳng y ngoài, chẳng y vào chặng giữa. Nội không tánh, ..., dẫn đến vô pháp hữu không tánh thường không, chẳng y trong, chẳng y ngoài, chẳng y vào chặng giữa. 4 niệm xứ tánh, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí tánh thường không, chẳng y trong, chẳng y ngoài, chẳng y vào chặng giữa.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói các pháp đều chẳng có sở y (vô sở y).

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát khi thật hành 6 pháp Ba-la-mật, phải tịnh sắc, thọ, tưởng, hành, thức, ..., dẫn đến phải tịnh Nhất thiết chủng trí.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Thế nào gọi là Bồ tát thật hành 6 pháp Ba-la-mật thanh tịnh Bồ tát đạo?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Đàn Ba-la-mật có thể gian và xuất thế gian, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật cũng có thể gian và xuất thế gian vậy.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Thế nào gọi là Ba-la-mật thế gian và thế nào gọi là Ba-la-mật xuất thế gian?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Xá Lợi Phất! Nếu Bồ tát hành bố thí, thì phải bố thí rộng khắp, từ Sa môn, Bà-la-môn, ..., dẫn đến hạng người cùng khổ: ai cần ăn thì họ cho ăn, ai cần uống thì họ cho uống, ai cần mặc thì họ cho mặc, ai cần chỗ ở, tiền bạc, châu báu thuốc men v.v... thì họ cho chỗ ở, tiền bạc, châu báu, thuốc men

v.v... Bồ tát phải sẵn sàng cho họ tất cả các vật nội ngoại sở hữu của mình, mà chẳng mong tâm hối tiếc.

Khi hành bố thí, Bồ tát phải tự nghĩ rằng: Hành bố thí là để trừ xan tham, bôn xên, nên ta phải xả thí tất cả, phải y theo lời Phật dạy mà hành Đàn Ba-la-mật.

Khi bố thí xong, Bồ tát phải đem pháp bố thí thanh tịnh đó để cùng với hết thầy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô thượng bồ đề.

Bồ tát lại phải tự nghĩ rằng: Do nhân duyên bố thí này mà chúng sanh có thể có được sự an lạc ở Niết Bàn, hoặc ở đời này, hoặc ở đời sau.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Thế nào gọi là Đàn Ba-la-mật thế gian?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Nếu hành bố thí mà còn chấp hành ngã tướng, tha tướng và thí tướng, nghĩa là còn chấp có tướng ta hành thí, có tướng người thọ thí, và có tướng vật mà ta dùng để thí là chẳng phải tịnh thí. Do bố thí mà còn chấp 3 tướng ấy nên chỉ gọi là Đàn Ba-la-mật thế gian.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Thế nào gọi là Đàn Ba-la-mật xuất thế gian?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Nếu bố thí mà chẳng còn chấp hành ngã tướng, tha tướng và thí tướng, nghĩa là chẳng còn chấp có tướng ta hành thí, có tướng người thọ thí, và có tướng vật mà ta dùng để thí, cũng chẳng hề nghĩ đến sự đền ơn đáp nghĩa, thì mới gọi là được 3 phần thanh tịnh Đàn Ba-la-mật.

Lại nữa, khi hành Đàn Ba-la-mật, Bồ tát phải biết rõ chúng sanh đều là bất khả đắc, phải đem pháp bố thí thanh tịnh đó, để cùng với hết thầy chúng sanh đồng hồi

hướng về Vô thượng bồ đề, ..., dẫn đến phải chẳng còn thấy vi tế pháp tướng nữa.

Như vậy mới gọi là hành Đản Ba-la-mật xuất thế gian.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát nào hành đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật xuất thế gian như vậy thì gọi là Bồ tát thanh tịnh Bồ tát đạo.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Thế nào gọi là Bồ tát tu tập vì đạo Vô thượng bồ đề?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bồ tát tu 4 niệm xứ, ..., dẫn đến tu 8 thánh đạo là vì đạo Vô thượng bồ đề, tu 3 giải thoát môn là vì đạo Vô thượng bồ đề, tu nội không, ..., dẫn đến tu vô pháp hữu pháp không là vì đạo Vô thượng bồ đề, tu các tam muội môn, các đà la ni môn, 10 lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp, đại từ, đại bi v.v... đều là vì đạo Vô thượng bồ đề cả.

### LUẬN:

**Hỏi:** Trong 500 vị A-la-hán đã được đức Phật thọ ký, thì ngài Xá Lợi Phất là bậc trí huệ đệ nhất, ngài Mục Kiền Liên là bậc thần thông đệ nhất, ngài Ma ha Ca Diếp là bậc Đầu đà đệ nhất, ngài Tu Bồ Đề là bậc Vô tránh tam muội đệ nhất, ngài Ma Ha Ca Chiên Diên là bậc phân biệt kinh điển đệ nhất, ngài Phú Lô Na là bậc thuyết pháp đệ nhất. Như vậy vì sao ngài Xá Lợi Phất lại tán thán ngài Tu Bồ Đề là người thuyết pháp “không” đệ nhất, đáng được xưng dương, tôn trọng hơn cả?

**Đáp:** Phật dùng Phật nhãn quán hết thầy chúng sanh, thấy có người lợi căn, có người độn căn, rồi y theo sự đặc pháp của từng người mà thọ ký. Chẳng bao giờ có sự lầm lạc.

Như ngài Phú Lô Na, ở trong đại chúng, khéo dùng các

nhân duyên, các thí dụ, các phương tiện thiện xảo khác để thuyết pháp, khiến người nghe được nhiều lợi lạc. Do vậy mà ngài được gọi là người thuyết pháp đệ nhất.

Còn ngài Tu Bồ Đề thường hành Vô tránh tam muội, nên đã tương ứng với Bồ tát đạo. Ngài còn dùng các phương tiện thiện xảo để thuyết về “vô tướng pháp”.

Ví như người thông thạo nhiều nghề, có thể làm tốt nhiều việc mà vẫn có nghề chẳng đạt đến mức tinh xảo so với các người thợ chuyên môn, giàu kinh nghiệm về một nghề vậy.

Cũng như vậy, do thường hành pháp “không”, thường thuyết về pháp “không”, nên khi vừa nghe ngài Xá Lợi Phất nêu lên các câu hỏi, ngài Tu Bồ Đề liền giải đáp ngay, chẳng chút e ngại.

Bởi vậy nên ngài Xá Lợi Phất tán thán ngài Tu Bồ Đề là người thuyết pháp “không” đệ nhất, đáng được xưng dương, đáng được tôn trọng.

-o0o-

Khi nghe ngài Xá Lợi Phất tán thán, ngài Tu Bồ Đề chẳng có từ chối, cũng chẳng có thọ nhận. Vì sao? Vì ngài Tu Bồ Đề đã được tâm an định nên chẳng bị dấy động vậy.

Ví như bậc toàn thiện, chẳng có tự tán thán, chẳng có tự hủy báng người khác vậy. Bậc toàn thiện dù được tán thán vẫn chẳng sanh tâm tự mãn, chẳng bao giờ cho mình tốt hơn người.

Nên biết rằng tự tán thán là cao mạn, chẳng phải là cách xử sự của bậc đại nhân, tự hủy báng là dối trá, tán thán người chưa đáng được tán thán là nịnh bợ, là chẳng có thành thật.

Ngài Xá Lợi Phất khi nghe ngài Tu Bồ Đề thuyết về “vô

sanh pháp”, liền tín thành tán thán, chẳng phải vì ngài thiên vị ngài Tu Bồ Đề mà tán thán vậy.

Còn ngài Tu Bồ Đề nghe ngài Xá Lợi Phất tán thán mà chẳng từ chối, chẳng có thọ nhận. Vì sao? Vì ngài đã đoạn trừ tâm ái pháp nên chẳng sanh cao tâm, cũng chẳng sanh nhiễm trước lời tán thán, khiến các lời giải đáp của ngài đều được vô ngại, vô chướng.

Sở dĩ ngài được vô ngại, vô chướng như vậy vì ngài biết rõ hết thấy các pháp đều chẳng có chỗ sở y (vô sở y), vì vô sở y nên là vô ngại, vô chướng vậy.

Ngài nói: Sắc tánh thường không, chẳng y trong, chẳng y ngoài, chẳng y vào chặng giữa. Vì sao? Vì trong ngoài, chặng giữa đều là vô sở hữu. Dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng là như vậy.

Ngài lại nói: Bồ tát biết rõ 3 cõi đều là vô thường, là không, nên chẳng có y chỉ vào 3 cõi. Do vậy mà dứt sạch được các phiền não, ..., dẫn đến thanh tịnh được Bồ tát đạo. Bồ tát do thật hành 6 pháp Ba-la-mật, mà được tịnh sắc, ..., dẫn đến được Nhất thiết chủng trí .

**Hỏi:** *Ngài Xá Lợi Phất đã biết rằng tịnh sắc, ..., dẫn đến tịnh Nhất thiết chủng trí là tịnh Bồ tát đạo. Vì sao ngài còn hỏi nữa?*

**Đáp:** Bồ tát biết rõ sắc là rốt ráo không, nên thường hành các tịnh hạnh, thâm nhập diệu pháp. Phạm phu dùng nhục nhãn, chẳng có thể thấu rõ được.

Bởi vậy nên ngài Xá Lợi Phất đã vì các tân học Bồ tát nêu lên câu hỏi: Các tân học Bồ tát phải dùng phương tiện gì để khai mở đường vào đạo Bồ tát?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Nếu Bồ tát dụng vô sở đắc, hành 6 pháp Ba-la-mật, thì đó là khai mở đạo Bồ tát vậy.

Cũng nên biết rằng “tịnh Bồ tát đạo” có nghĩa là “khai Bồ tát đạo”, tức là khai mở đường vào Bồ tát đạo. Ví như phá sạch hết các chướng ngại vật, dọn dẹp hết các gai góc để mở đường thì gọi là “khai đạo”.

-o0o-

Lại nữa, trước đây ngài Tu Bồ Đề đã phân biệt rõ Đàn Ba-la-mật thế gian với Đàn Ba-la-mật xuất thế gian rồi. Ngài cho biết:

- Nếu bố thí mà ly thật trí huệ thì tâm lực rất yếu. Do tâm lực yếu nên thường chấp có ta là người thí, có người thọ thí của ta, có vật mà ta đem ra bố thí. Do còn chấp như vậy nên tâm còn động, dễ sanh kiêu mạn. Bố thí như vậy chỉ là Đàn Ba-la-mật thế gian.

- Nếu bố thí mà xả hết các tướng thì mới là tịnh thí. Bố thí như vậy rồi, lại đem pháp tịnh thí đó để cùng với hết thầy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô thượng bồ đề mới gọi là Đàn Ba-la-mật xuất thế gian.

Tu 5 pháp Ba-la-mật kia cũng là như vậy.

Ngài lại cho biết:

- Người tu hành phải giữ tâm bất động mới vào được “nhu thuận nhãn”, dẫn đến vào được “Vô sanh pháp nhãn”.

- Trong hàng Thanh Văn thì hàng hữu học tâm vẫn còn động, chỉ có hàng vô học mới có được tâm bất động.

-o0o-

Bởi nhân duyên vậy, nên ngài Xá Lợi Phất đã nêu lên các câu hỏi để ngài Tu Bồ Đề phân biệt đáp, nhằm cho chúng hội biết rõ về các phương tiện khai mở đạo Bồ tát.

**Hỏi:** *Đạo Bồ tát cũng tức là đạo Vô thượng bồ đề rồi. Như vậy vì sao còn hỏi nữa?*

**Đáp:** Đúng như vậy, đạo Bồ tát cũng tức là đạo Vô thượng bồ đề. Khi thật hành 6 pháp Ba-la-mật, Bồ tát phải dụng vô sở đắc, mới là hành đạo Vô thượng bồ đề.

-o0o-

Phật tùy theo căn trí của chúng sanh, mà phương tiện dẫn dắt họ vào đạo:

- Đối với các bậc thượng căn, thì Phật dạy hành Bồ tát đạo, đó là dụng vô sở đắc, hành 6 pháp Ba-la-mật.

- Đối với hàng trung căn và hạ căn, thì Phật dạy hành Niết Bàn đạo. Đó là tu 37 Phẩm trợ đạo. Vì sao? Vì tu Phẩm trợ đạo sẽ khai mở trí huệ và dẫn đường vào thiền định, khiến hàng trung căn và hạ căn dễ tu hơn.

Cũng nên biết rằng 6 pháp Ba-la-mật dung nhiếp cả thế gian pháp và xuất thế gian pháp, nên rất khó tu. Còn 37 Phẩm Trợ Đạo dẫn đến 3 giải thoát môn, đến đại từ, đại bi, nên dễ tu hơn.

Hơn nữa, suốt quá trình tu tập 6 pháp Ba-la-mật, từ sơ phát tâm đến khi vào Kim Cang tam muội, hành giả phải cần khổ, làm những việc khó làm, nên rất khó tu hơn nhiều.

-o0o-

**KINH:**

Lúc bấy giờ ngài Xá Lợi Phất tán thán ngài Tu Bồ Đề: Lành thay, lành thay! Đây là Bát nhã Ba-la-mật lực chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Đúng như vậy, đúng như vậy. Đây chính là Bát nhã Ba-la-mật lực. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật lực sanh hết thấy các thiện pháp, từ Thanh Văn pháp, ..., dẫn đến Phật pháp, cũng dung nhiếp hết thấy các thiện pháp, từ Thanh Văn pháp, ..., dẫn đến Phật pháp.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Chư Phật trong quá khứ đã hành Bát nhã Ba-la-mật, mà được Vô thượng bồ đề, chư Phật ở vị lai sẽ hành Bát nhã Ba-la-mật để được Vô thượng bồ đề, chư Phật ở hiện tại cũng hành Bát nhã Ba-la-mật, mà được Vô thượng bồ đề.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Nếu có Bồ tát nào nghe Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng khởi tâm nghi, chẳng cho là khó, thì phải biết đó là Bồ tát Ma ha tát đã dụng vô sở đắc tu tập Bát nhã Ba-la-mật, hành Bồ tát đạo. Bồ tát này đã phát đại nguyện cứu độ hết thấy chúng sanh trọn chẳng ly đại bi niệm, trọn chẳng rời bỏ chúng sanh.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Theo chỗ tôi nghĩ thì Bồ tát chẳng trọn chẳng ly đại bi niệm, vì muốn cứu độ hết thấy chúng sanh. Vì sao? Vì biết rõ hết thấy chúng sanh cũng sẽ thành Bồ tát, nên Bồ tát trọn chẳng ly đại bi niệm hết thấy chúng sanh.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Lành thay, lành thay! Thưa ngài Xá Lợi Phất! Ngài đã chất vấn tôi mà nay chính ngài lại nêu lên đúng nghĩa mà tôi muốn nói vậy.

Vì sao? Chúng sanh là không nên niệm cũng là không. Chúng sanh tánh là không, nên niệm tánh cũng là không.



Chúng sanh pháp là không nên niệm pháp cũng là không. Lại nữa, chúng sanh là ly, là không, là bất khả tri (chẳng thể biết được), nên niệm cũng là ly, là không, là bất khả tri. Thừa ngài Xá Lợi Phất! Sắc, sắc tánh, sắc pháp, ..., dẫn đến thức, thức tánh, thức pháp là không nên niệm, niệm tánh, niệm pháp cũng là không. Lại nữa, sắc, ..., dẫn đến pháp là ly, là không, là bất khả tri, nên niệm cũng là ly, là không, là bất khả tri. Nhãn, ..., dẫn đến ý, sắc, ..., dẫn đến pháp, địa chủng, ..., dẫn đến thức chủng, Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không, 4 niệm, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, hết thấy các tam muội, hết thấy các đà la ni, nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí, ..., dẫn đến Vô thượng bồ đề cũng đều là ly, là không, là bất khả tri, nên niệm cũng là như vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát Ma ha tát dụng vô sở đắc, hành Bồ tát đạo, trọn chẳng ly đại bi niệm chúng sanh.

Lúc bấy giờ, Phật tán thán ngài Tu Bồ Đề: Lành thay, lành thay! Này Tu Bồ Đề! Ai muốn nói về Bồ tát Ma ha tát hành Bát nhã Ba-la-mật, thì nên nói đúng như lời ông vậy. Ông đã nói về Bát nhã Ba-la-mật đúng theo Phật tâm. Bởi vậy, Bồ tát học Bát nhã Ba-la-mật phải theo đúng như lời ông mà học.

-o0o-

Khi ngài Tu Bồ Đề vừa nói xong ý nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật, thì cả 3000 đại thiên thế giới đều chấn động.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn mỉm cười.

-o0o-

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà Thế Tôn mỉm cười?

**Phật dạy:** Nay Tu Bồ Đề! Như ta đang nói Bát nhã Ba-la-mật ở thế giới này, thì ở vô lượng thế giới khác, trong khắp cả 10 phương, chư vị Phật khác cũng đang nói Bát nhã Ba-la-mật vậy.

-o0o-

Lúc Phật thuyết phẩm Bát nhã Ba-la-mật này xong, có 12 na do tha trong hàng Trời, người được vô sanh pháp nhãn.

Cùng lúc, chư Phật ở khắp trong 10 phương cũng nói Bát nhã Ba-la-mật, khiến vô lượng vô số chúng sanh phát tâm Vô thượng bồ đề.

Bởi nhân duyên vậy, nên Phật mỉm cười.

### **LUẬN:**

Theo lời kinh trên đây, thì ngài Xá Lợi Phất tự nghĩ rằng: Ngài Tu Bồ Đề đã phân biệt rõ ràng Ba-la-mật thế gian và Ba-la-mật xuất thế gian, lại nói rõ các nhân duyên để được đạo Vô thượng bồ đề. Đây là những pháp đại lợi ích cho chúng sanh, nên ngài Xá Lợi Phất sanh tâm hoan hỉ, tán thán ngài Tu Bồ Đề.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi ngài Tu Bồ Đề: Nhờ lực gì mà phân biệt được các pháp một cách rành rẽ như vậy?

Ngài Tu Bồ Đề chẳng chút ngần ngại đáp rằng: Đây là do được Bát nhã Ba-la-mật soi sáng. Do lực của Bát nhã Ba-la-mật mới có thể phân biệt các pháp rành rẽ được như vậy. Nếu ly Bát nhã Ba-la-mật, thì thành tựu các thiện pháp, thành tựu

các Ba-la-mật khác còn chẳng được hưởng nữa là phân biệt, giải đáp về ý nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật.

Tự niệm như vậy nên ngài đã trả lời ngài Xá Lợi Phất rằng: Đây là nhờ lực Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Trước đây, ngài Tu Bồ Đề đã nói rằng Bát nhã Ba-la-mật lực ở nơi các pháp là chẳng có ngã (vô ngã), chẳng biết (vô tri), chẳng thấy (vô kiến), chẳng có ai biết (vô tri giả), chẳng có ai thấy (vô kiến giả). Nay ngài nói thêm rằng Bát nhã Ba-la-mật là ly “hữu - vô”, ly “đoạn - thường”. Bát nhã Ba-la-mật hay sanh các thiện pháp, dung nhiếp các thiện pháp, nên chẳng thể phá hoại được. Bát nhã Ba-la-mật là vô lượng, vô biên, dung nhiếp hết thấy pháp, ví như biển lớn dung chứa được các nguồn nước từ nhiều sông chảy đến vậy.

-o0o-

Lại nữa, ba đời, 10 phương chư Phật đều hành Bát nhã Ba-la-mật mà được Vô thượng bồ đề. Trong 6 pháp Ba-la-mật, thì Bát nhã Ba-la-mật là tối tôn, tối trọng hơn cả. Bát nhã Ba-la-mật có lực phân biệt được hết thấy các pháp. Bát nhã Ba-la-mật có lực dung hợp được các Ba-la-mật khác. Bát nhã Ba-la-mật có lực phá được các tà kiến, các phiền não, cùng các hý luận.

Bát nhã Ba-la-mật được tán thán là vi diệu, thậm thâm. Chư Bồ tát dù trải qua vô lượng kiếp tu hành, đã được vô lượng phước đức, đã dứt trừ các phiền não, đã vào được bất thối chuyển, nhưng khi vừa nghe được Bát nhã Ba-la-mật là liền tín thọ, dẫn đến liền thâm nhập và thông đạt các pháp tướng.

Bởi nhân duyên vậy, nên chư Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật, hành Bồ tát đạo chỉ nhằm cứu độ chúng sanh, khiến họ ly được các khổ ở thế gian. Bồ tát chẳng ly đại bi niệm, vì biết rõ hết thấy các pháp tướng đều là rốt ráo không, nên niệm cũng rốt ráo không. Do vậy mà Bồ tát phá trừ được các tham ưu thế gian, dẫn dắt chúng sanh vào đạo, dạy cho họ hành các thiện pháp, khiến họ được lợi ích.

-oOo-

Sau đó ngài Xá Lợi Phất lại nêu thêm nhiều câu hỏi để chất vấn ngài Tu Bồ Đề, với nội dung như: Nếu nói Bồ tát chẳng ly đại bi niệm, vì biết rõ niệm và chúng sanh đều rốt ráo không, thì niệm rốt ráo không là vô niệm, vô tướng chẳng? Chẳng lẽ Bồ tát là có, mà chúng sanh là không hay sao? Nếu chúng sanh là có, thì vì sao lại nói Bồ tát là không?

Do các câu hỏi của ngài Xá Lợi Phất, mà ngài Tu Bồ Đề giải rộng thêm về Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài nói: Vì các pháp tướng đều rốt ráo không, nên chúng sanh cũng rốt ráo không. Vì chúng sanh là vô sở hữu, nên niệm cũng là vô sở hữu. Vì chúng sanh là không, là ly, là bất khả tri, nên niệm cũng là không, là ly, là bất khả tri vậy.

Sắc, ..., dẫn đến Vô thượng bồ đề, cũng đều là như vậy.

**Hỏi:** Ở đoạn kinh trên đây có nói rằng Bồ tát chẳng ly đại bi niệm chúng sanh. Như vậy là có niệm, sao lại nói là vô niệm?

**Đáp:** Bồ tát chẳng ly đại bi niệm chúng sanh, nghĩa là Bồ tát trọn chẳng rời bỏ chúng sanh. Thế nhưng, Bồ tát đại bi niệm chúng sanh với tâm vô sở đắc, mà cũng chẳng chấp thủ tướng tâm vô sở đắc đó, nên được “vô sở đắc không”.

Ở nơi đây cũng nên biết rằng “bất khả đắc không” và “rốt ráo không” chẳng có khác nghĩa nhau, chỉ khác nhau về danh tự. “Bất khả đắc không” thường được nêu lên ở giai đoạn đầu, còn “rốt ráo không” thường được nêu lên ở giai đoạn cuối.

Khi Bồ tát đã liễu được “rốt ráo không” rồi, là thành tựu được “đại tâm”. Từ “đại tâm” dẫn sanh “đại bi tâm”, “đại bi niệm”. Trong kinh có nói đến 3 thứ duyên của “đại bi tâm”. Đó là:

- Duyên chúng sanh.
- Duyên pháp.
- Vô duyên.

“Vô duyên đại bi” mới thật rốt ráo là “đại bi”. Vì sao? Vì “vô duyên đại bi” là từ nơi “rốt ráo không” mà sanh vậy. Đây chính là chỗ mà ngài Xá Lợi Phất muốn ngài Tu Bồ Đề cho biết. Do vậy ngài Tu Bồ Đề đã nương theo tâm Phật để giải đáp về vấn đề này.

Phật ấn chứng lời giải của ngài Tu Bồ Đề, và tán thán rằng: Lành thay, lành thay! Nay Tu Bồ Đề! Ai muốn nói về Bồ tát Ma ha tát hành Bát nhã Ba-la-mật thì nên nói đúng như lời ông vậy. Ông đã nói về Bát nhã Ba-la-mật đúng theo tâm Phật.

-o0o-

Lúc bấy giờ, ở trong chúng hội, các hàng Trời, người, đều nghĩ rằng: Bát nhã Ba-la-mật là pháp thâm thâm vi diệu. Chư Phật trong cả 3 đời đều từ nơi Bát nhã Ba-la-mật sanh ra cả. Đến như ngài Bồ tát Di Lặc và hết thảy các Bồ tát khác, hết thảy các vị Phạm Thiên vương, nếu chẳng có nương theo

Phật lực, thì đặt các nạn vấn về Bát nhã Ba-la-mật còn chẳng được, huống nữa là lạc thuyết về Bát nhã Ba-la-mật. Ngài Tu Bồ Đề chỉ là Thanh Văn, mà ở trước Phật và đại chúng đã lạc thuyết về Bát nhã Ba-la-mật như vậy, thật là rất xứng đáng được Phật tán thán. Ngài Tu Bồ Đề thuyết Bát nhã Ba-la-mật đúng theo tâm Phật. Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật phải theo đúng chỗ ngài Tu Bồ Đề thuyết mà tu tập vậy.

-o0o-

Khi thuyết xong về ý nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật thì cả 3.000 đại thiên thế giới đều chấn động, có vô lượng chúng sanh trong khắp 10 phương phát Vô thượng bồ đề tâm, lại có 12 na do tha trong hàng Trời, người được vô sanh pháp nhẫn.

Sau đây là những nguyên nhân khiến 3.000 đại thiên thế giới dấy lên 6 diệu chấn động.

- Bát nhã Ba-la-mật là pháp thậm thâm vi diệu, khó giải, khó biết. Nên Phật dùng Phật lực làm cho đại địa chấn động, khiến chúng sanh phát khởi tín tâm thanh tịnh nơi Bát nhã Ba-la-mật, dẫn đến tinh tấn tu hành Bát nhã Ba-la-mật. Chư Phật, chư Thiên, chư đại Chúng Địa Thần... ở trong khắp 10 phương đều hoan hỷ chưa từng có, khiến đại địa chấn động.

- Có vô lượng chúng sanh, do đã nhiều kiếp tu tập nên phát tâm tin thọ Bát nhã Ba-la-mật, cho là pháp hy hữu chưa từng có. Do phát tâm như vậy mà chiêu cảm đến phong đại, phong đại chiêu cảm đến thủy đại, thủy đại chấn động nên đại địa cũng chấn động theo.

- Ở tận dưới biển sâu, Long Vương phát tâm muốn nghe Bát nhã Ba-la-mật từ dưới nước phóng lên làm cho thủy động, thủy động tác duyên làm cho địa động.

- Lại nữa, khi nghe xong Bát nhã Ba-la-mật, có vô lượng chúng sanh trong khắp 10 phương phát Vô thượng bồ đề tâm, có 12 na do tha trong hàng Trời, người được vô sanh pháp nhẫn, vào Bồ tát vị. Do tín lực mạnh mẽ như vậy chiêu cảm mà đại địa chấn động.

-o0o-

Lúc bấy giờ, chư thiên đem hoa trời, hương trời, kỳ nhạc trời, bảo cái đến cúng dường Phật. Lại có các Long Vương từ 4 biển sâu, có các Dạ Xoa, La Sát, ... phát khởi tín tâm, chấp tay tán thán Phật.

-o0o-

Do đại sự nhân duyên Phật thuyết kinh Bát nhã Ba-la-mật, thuyết về thật tướng các pháp mà có các hiện tượng chấn động hy hữu của đại địa hiện ra, nên Phật mỉm cười, phóng vô lượng quang minh chiếu khắp cả 10 phương thế giới.

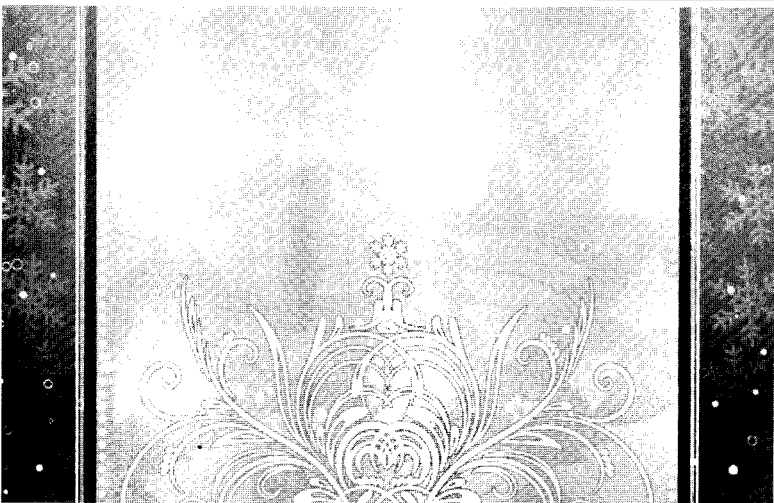
(Hết quyển 53)







**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 54**





## Phẩm Thứ Hai Mươi Bảy



Thiên vương  
(Vua Trời)

### KINH:

Lúc bảy giờ, từ 3.000 đại thiên thế giới, chư vị Tứ Thiên vương đồng đến pháp hội. Lại có chư vị Đạo Lợi Thiên vương, Dạ Ma Thiên vương, Đâu Suất Thiên vương, Hóa Lạc Thiên vương, Tự Tại Thiên vương, Đại Tự Tại Thiên vương, Phạm Thiên vương, cùng vô số trăm, ngàn, vạn, ức chư Thiên đồng đến pháp hội.

Chư Thiên và chư Thiên vương đều phóng quang minh, thế nhưng, trước quang minh của Phật, quang minh của chư Thiên và của chư Thiên vương chẳng thể nào hiển bày ra được.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn, vị Thiên vương ở cõi trời Đạo Lợi nói với ngài Tu Bồ Đề rằng: Thưa Đại đức! Từ khắp 3.000 đại thiên thế giới, chư Thiên và chư Thiên vương chúng tôi đều hội về đây để được nghe Đại đức thuyết về Bát nhã Ba-la-mật.

Thưa Đại đức! Bồ tát Ma ha tát làm thế nào để an trú trong Bát nhã Ba-la-mật? Làm thế nào để thật hành Bát nhã Ba-la-mật?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Tôi nay nương theo Phật tâm, nhờ Phật lực gia bị mà thuyết Bát nhã Ba-la-mật cho chư Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật.

Nay có vị chư Thiên nào chưa phát Vô thượng bồ đề tâm, thì xin hãy phát tâm trước đã. Vì sao? Vì chư vị đã nhập chánh vị Thanh Văn vẫn còn bị sanh tử làm chướng ngại, nên chẳng có thể phát được Vô thượng bồ đề tâm.

Nếu có vị nào đã phát Vô thượng bồ đề tâm, thì tôi xin tùy hỷ tán thán. Vì sao? Vì “thượng nhân” phải cầu “thượng pháp”.

\* Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật như thế nào chẳng?

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Bồ tát, đúng theo Tát bà nhã tâm, dụng vô sở đắc, quán sắc, ..., dẫn đến thức, quán nhãn, ..., dẫn đến ý, quán sắc, ..., dẫn đến pháp, quán địa chủng, ..., dẫn đến thức chủng đều là vô thường, khổ, không, vô ngã, lại quán sắc, ..., dẫn đến thức, quán nhãn, ..., dẫn đến ý, quán sắc, ..., dẫn đến pháp, quán địa chủng, ..., dẫn đến thức chủng đều là như bệnh, như ung nhọt, như vết thương do mũi tên ghim vào thân, gây đau nhức, tán hoại, lo sợ, lại quán sắc, ..., dẫn đến thức, quán nhãn, ..., dẫn đến ý, quán sắc, ..., dẫn đến pháp, quán địa chủng, ..., dẫn đến thức chủng đều là tịch diệt, là ly, là bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh. Vì sao? Vì đều là bất khả đắc.

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Bồ tát, đúng theo Tát bà nhã tâm, dụng vô sở đắc, quán vô minh duyên hành, ..., dẫn đến sanh duyên lão tử đều là những nhân duyên tạo ra các ưu bi, khổ não, lại quán vô minh diệt, thì hành diệt, ..., dẫn đến sanh diệt, thì lão tử diệt, khiến các ưu bi, khổ não cũng đều diệt theo. Vì sao? Vì đều là bất khả đắc.

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Bồ tát, đúng theo Tát bà nhã tâm, dụng vô sở đắc, quán 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất

**cộng pháp, quán Đản Ba-la-mật, ..., dẫn đến Thiền na Ba-la-mật đều là bất khả đắc.**

**Thưa ngài Kiều Thi Ca! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật Bồ tát quán hết thấy các pháp đều là cộng tướng, đều tác duyên cho nhau, nhuận ích và tăng trưởng cho nhau. Nếu tư duy phân biệt thì biết rõ hết thấy các pháp đều là vô ngã và vô ngã sở.**

**Thưa ngài Kiều Thi Ca! Tâm hồi hướng chẳng phải là tâm Vô thượng bồ đề, tâm Vô thượng bồ đề cũng chẳng phải là tâm hồi hướng. Vì sao? Vì ở nơi tâm Vô thượng bồ đề thì tâm hồi hướng là bất khả đắc, ở nơi tâm hồi hướng thì tâm Vô thượng Bồ đề là bất khả đắc.**

**Bồ tát tuy quán hết thấy các pháp mà biết rõ hết thấy các pháp đều là bất khả đắc cả. Như vậy, gọi là Bồ tát Ma ha tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật.**

**Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi: Thưa ngài Đại đức! Vì sao tâm hồi hướng chẳng phải là tâm Vô thượng bồ đề, tâm Vô thượng bồ đề chẳng phải là tâm hồi hướng? Vì sao ở nơi tâm Vô thượng bồ đề thì tâm hồi hướng là bất khả đắc, ở nơi tâm hồi hướng thì tâm Vô thượng bồ đề là bất khả đắc?**

**Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Tâm hồi hướng và tâm Vô thượng bồ đề là phi tâm (chẳng phải tâm), phi tâm tướng (chẳng phải tâm tướng). Ở nơi phi tâm tướng chẳng có thể hồi hướng phi tâm tướng được. Phi tâm tướng (chẳng phải tâm tướng) là bất khả tư nghi tướng (tướng chẳng thể nghi bàn). Mà bất khả tư nghi tướng chính là Bát nhã Ba-la-mật tướng vậy.**

**Như vậy, gọi là Bồ tát Ma ha tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật.**

Lúc bấy giờ, Phật tán thán ngài Tu Bồ Đề: Lành thay, lành thay! Này Tu Bồ Đề! ông đã vì chư Bồ tát khéo thuyết về Bát nhã Ba-la-mật để an ổn tâm Bồ tát.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Vì báo đền ơn Phật, mà con đã vì chư Bồ tát thuyết 6 pháp Ba-la-mật, nhằm khai thị lợi ích cho hết thấy chúng sanh.

Bạch Thế Tôn! Trong quá khứ, chư Phật cùng chư đại đệ tử đã nói 6 pháp Ba-la-mật cho hàng Bồ tát nghe, khiến họ vào được đạo Vô thượng bồ đề. Hôm nay con cũng vì hàng Bồ tát nói 6 pháp Ba-la-mật, khai thị các lợi ích, nhằm giúp họ vào được đạo Vô thượng bồ đề.

### LUẬN:

*Hỏi: Ở phẩm trước có nói đến Phật phóng quang minh, và đã có nói chư Thiên nương theo ánh quang minh của Phật, mà đến dự pháp hội. Nay vì sao còn nói nữa?*

**Đáp:** Có thuyết nói đây là lần thứ hai, chư Thiên vân tập về dự pháp hội. Cũng có thuyết nói đây chỉ mới là lần thứ nhất.

Tựu trung, sự kiện chư Thiên vân tập dự pháp hội được nhắc lại nơi phẩm này có mục đích nêu rõ tầm quan trọng của pháp hội thuyết kinh Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Trong kinh có nói rằng, khi ngài Tu Bồ Đề nói kinh Bát nhã Ba-la-mật, thì chư Thiên đều hoan hỷ, phóng quang minh và vân tập về pháp hội.

Phật mỉm cười phóng đại quang minh, khiến cho các quang minh của chư thiên chẳng có thể hiển lộ ra được.

Nên biết rằng chư Thiên đến dự pháp hội đều có phóng quang minh rực rỡ. Đặc biệt chư Thiên cõi Sắc, do thường tu thiền định, do đã ly dục và thường tu tập “Hóa tam muội”

nên thân thường xuất diệu sắc quang minh. Quang minh của chư Thiên tuy tỏa rộng, nhưng đối trước quang minh của Phật chẳng có thể hiển lộ ra được.

-oOo-

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn, vị Thiên vương ở cõi trời Đao Lợi thấy quang minh của Phật như vậy, tự nghĩ rằng: Quang minh của Phật che lấp hết các quang minh của chư Thiên. Đây chính là trí huệ lực của Phật, có công năng phá trừ hết vô minh, si ám của chúng sanh.

Bởi nhân duyên vậy, nên khi Phật bảo ngài Tu Bồ Đề nói Bát nhã Ba-la-mật, chư Thiên ở khắp 10 phương liền vân tập về pháp hội để nghe pháp.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đại diện cho hàng chư Thiên, đã hỏi ngài Tu Bồ Đề về thể của Bát nhã Ba-la-mật, về cách thật hành Bát nhã Ba-la-mật, về các phương tiện dẫn vào Bát nhã Ba-la-mật và an trú trong Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề đã đáp lại với nội dung: Ví như người phát tâm hành bố thí Ba-la-mật, thấy người đói khát liền cho ăn uống, thấy người cần thuốc men liền cung cấp thuốc men... Bồ tát cũng như vậy, khi đã phát tâm cầu Phật đạo, thì phải vì mọi người mà nói Bát nhã Ba-la-mật, nhằm đem lại lợi ích cho họ. Như vậy mới gọi là báo đáp thâm ân của Phật.

Ngài lại nói thêm rằng: Nếu vị nào chưa phát tâm Vô thượng bồ đề, thì phải nên phát tâm trước đã. Vì sao? Vì các vị đã nhập chánh vị Thanh Văn vẫn còn bị sanh tử làm chướng ngại, nên chẳng có thể phát tâm Vô thượng bồ đề được. Các vị đã phát tâm Vô thượng bồ đề vẫn còn phải cần khổ tu tập để được lậu tận, mới mong thoát ly được nghiệp

báo trưng tục sanh thân. Phải có đủ các nhân duyên như vậy mới có thể hành Bồ tát đạo được.

**Hỏi:** Ngài Tu Bồ Đề tự mình đã nói chẳng kham nhận Bát nhã Ba-la-mật. Nay vì sao ngài lại nói “có vị nào phát tâm Vô thượng bồ đề, thì tôi xin tùy hỷ tán thán”? Vì sao ngài nói “thượng nhân phải cầu thượng pháp”?

**Đáp:** Ngài Tu Bồ Đề tuy ở trong hàng Thanh Văn, nhưng thường tu hạnh “không”, nên ngài chẳng chấp đắm Thanh Văn địa. Bởi vậy nên ngài mới nói như trên đây.

Có 2 lý do khiến ngài Tu Bồ Đề nói như trên. Đó là:

- Ngài chẳng muốn làm chướng ngại tâm tu phước của chư Thiên, nên nói “có vị nào phát tâm Vô thượng bồ đề, thì tôi xin tùy hỷ, tán thán”.

- Ngài muốn khuyến khích chư Thiên phát tâm Vô thượng bồ đề, nên nói “thượng nhân phải cầu thượng pháp”.

Vô thượng bồ đề chính là chỗ sở cầu của bậc thượng nhân vậy.

Vô thượng bồ đề lại khuyên chư Thiên quán 5 ấm là vô thường, khổ, không, vô ngã, quán 5 ấm là như bệnh, như ung nhọt khó chữa lành, như vết thương do mũi tên ghim vào thân gây đau nhức. Nếu tùy thuộc vào 5 ấm thì chẳng sao có được an ổn, vì 5 ấm ví như sư tử, hổ beo, lang sói... thường làm cho người sợ hãi, lo âu.

**Hỏi:** Có thuyết nói 5 ấm có 15 pháp đáng sợ. Chỉ có 15 pháp thôi, hay còn pháp nào đáng sợ khác nữa?

**Đáp:** Nói hẹp thì có 15 pháp tội lỗi do 5 ấm gây ra. Nói rộng thì có vô lượng pháp tội lỗi. Như trong kinh *Tạp A* hàm nói 5 ấm có 100 pháp tội lỗi.



**Hỏi:** Vì sao phải nói 5 ám là vô thường, khổ, không, vô ngã, vì sao phải nói đến 8 nỗi khổ (bát khổ)<sup>(\*)</sup>?

**Đáp:** Nên phân biệt có 3 hạng người. Đó là:

- Hạng thượng căn.

- Hạng trung căn.

- Hạng hạ căn.

- Hạng thượng căn vừa nghe nói đến “sinh khổ”, “lão khổ”, “bệnh khổ”, “tử khổ” là liền vào được “Khổ thánh đế”.

- Hạng trung căn nghe nói đến các khổ của sanh, già, bệnh và chết cũng vẫn chưa sanh được tâm nhàm chán thế gian. Bởi vậy phải nói 5 ám như bệnh, như ung nhọt, như vết thương do mũi tên ghim vào thân... mới khiến họ sanh nhàm chán.

- Hạng hạ căn phải nói đến 8 thứ khổ lớn, dẫn đến phải nói đến hàng trăm, hàng ngàn thứ khổ khác nữa mới khiến họ sanh nhàm chán thế gian được vậy.

Các bậc Thánh chi quán 4 đế là đã nhiếp đủ cả 16 thứ hạnh rồi. Bởi vậy nên nói thuyết Bát nhã Ba-la-mật là thuyết về các thánh hạnh, để cho các bậc thượng căn được thâm nhập.

---

\*. Bát khổ là 8 nỗi khổ lớn: 1) Sinh khổ. 2) Lão khổ. 3) Bệnh khổ. 4) Tử khổ. 5) Ái biệt ly khổ. 6) Oán tắng hội khổ. 7) Cầu bất đắc khổ. 8) Ngũ thanh ám khổ (hay ngũ ám xí thanh khổ).

- Ái biệt ly khổ là khổ do phải xa lìa người mình thương mến.

- Oán tắng hội khổ là khổ do phải gặp kẻ mà mình oán ghét, gặp cảnh mình đổ kỵ.

- Cầu bất đắc khổ là khổ do mong cầu mà chẳng được như ý muốn.

- Ngũ thanh ám khổ là khổ do 5 ám chẳng được hòa đồng. Có một ám nào thanh quá cũng đủ làm cho mình khổ.

Nay chư Thiên hỏi bước đầu hành pháp Ba-la-mật, nên phải nói 12 nhập, 18 giới, ..., dẫn đến nói hết thầy các pháp đều do 5 âm duyên khởi tác thành.

Nếu hành giả quán 5 âm là tịch diệt, là viễn ly, thì biết rõ được hết thầy các pháp đều là bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh.

Hàng Thanh Văn do chưa đầy đủ lực trí huệ, nên khi quán 5 âm chưa vào được các pháp viễn ly, tịch diệt, mà chỉ quán 5 âm là vô thường, khổ, không, vô ngã.

Bồ tát do lợi căn, lại đã đầy đủ lực trí huệ, nên khi quán 5 âm liền biết rõ 5 âm là tịch diệt, là viễn ly, là bất khả đắc. Bởi vậy nên Bồ tát thường dùng “vô sở đắc không huệ” mà quán các pháp tướng.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn chỉ hỏi về “Bát nhã Ba-la-mật tướng”, chẳng hỏi về “5 âm tướng”, nhưng ngài Tu Bồ Đề lại đáp lại rằng: Bát nhã Ba-la-mật tướng chẳng ly 5 âm tướng, đó chính là Niết Bàn tướng. Vì sao? Vì thật tướng của 5 âm chính là Niết Bàn tướng vậy.

Đối với những người căn trí còn yếu kém, thì trước hết phải quán 5 âm là vô thường, khổ, không, vô ngã, rồi sau đó mới quán 5 âm là viễn ly, là tịch diệt, là bất khả đắc. Quán các nhân duyên tác pháp khác cũng đều là như vậy cả. Sau đó mới tu 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 8 thánh đạo v.v...

Bồ tát do lợi căn, thượng trí, nên khi quán các pháp tướng, khi tu các pháp môn đều dụng vô sở đắc, dùng theo Tát bà nhã tâm, Bồ tát hành Bồ tát đạo như vậy là hành Bát nhã Ba-la-mật tướng, dẫn đến Vô thượng bồ đề.

**Hỏi:** *Đang nói về hành Bát nhã Ba-la-mật tướng, vì sao ở đoạn giữa lại nói về các nhân duyên pháp nhuận ích, tăng trưởng?*

**Đáp:** Ngài Tu Bồ Đề trước nói hết thấy các pháp đều vô thường, khô, không, vô ngã. Sau mới nói hết thấy pháp đều viễn ly tịch diệt, tịch diệt, bất khả đắc.

Ngài cũng nói hết thấy pháp đều rất ráo không, nhưng do nhân duyên hòa hợp mà có.

Ngài cũng nói về tu 4 niệm xứ..., 8 thánh đạo, 18 bất cộng pháp, nói về hành Bồ tát đạo, để cho hết thấy chúng sanh thấy rõ rằng: Tuy các pháp đều rất ráo không, đều là vô ngã, vô sanh, nhưng do các duyên hòa hợp tác thành mà có 4 đại, có 6 thức, ..., dẫn đến có hết thấy các pháp.

Khi đã có 4 đại, có 6 thức rồi, thì 10 pháp này có lực “năng sanh”, “năng khởi” biến hóa ra sơn hà vũ trụ.

Chúng sanh do tâm điên đảo, dùng thức phân biệt mà chấp có các sự, các vật. Có kẻ lầm tưởng rằng tất cả các sự vật đều do một vị chủ thể nào đó tạo lập ra, mà chẳng biết rằng các sự, các vật, từ núi cao rừng rậm... đến ruộng vườn cây cỏ v.v, ..., dẫn đến sắc thân của chúng sanh cũng do 4 đại, 4 đại tạo sắc và 6 thức tạo thành, mà có đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng v.v...

Ví như nhà huyền thuật hóa tác ra nào người, nào vật... trên sân khấu, khiến người xem lầm tưởng là thật có.

Thật ra các cảnh vật trên sân khấu đều là huyền cảnh, huyền vật, đều chẳng thật có.

-o0o-

Hết thấy các pháp đều do duyên hòa hợp sanh, hoặc cộng sanh, hoặc do tương ưng nhân duyên sanh, hoặc do quả báo nhân duyên sanh.

Nếu thường tu, thường quán thì thiện quả báo sẽ được tăng trưởng. Ví như gieo hạt giống đúng thời tiết, có đầy đủ phân bón, nước tưới, lại chăm sóc chu đáo thì cây sẽ được xanh tốt, sẽ đơm hoa kết trái. Cũng như vậy, người tu hành dùng lực trí huệ quán hết thấy các pháp đều như huyễn, như hóa, đều chẳng có chủ tác... nên đồng mãnh phát tâm cầu đạo Vô thượng. Tuy nay mới phát tâm, nhưng chắc chắn về sau sẽ được đạo Vô thượng bồ đề vậy.

**Hỏi:** *Nếu nói tâm hồi hướng chẳng có trong tâm Vô thượng bồ đề, thì tâm ấy là như thế nào?*

**Đáp:** Khi đã vào trong Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì biết rõ hết thấy các pháp đều là phi thường tướng (chẳng phải tướng thường), phi vô thường tướng (chẳng phải tướng vô thường), phi hữu tướng (chẳng phải tướng có), phi vô tướng (chẳng phải tướng không).

Như vậy chẳng nên nạn vấn về tướng của tâm hồi hướng làm gì nữa.

**Hỏi:** *Tâm đã chứng diệt thì làm sao phát được tâm Vô thượng bồ đề? Lại nữa, nếu hết thấy các pháp đều chẳng sanh, chẳng diệt, cũng chẳng phải chẳng sanh, chẳng phải chẳng diệt, thì làm sao có thể phát được tâm Vô thượng bồ đề, và như vậy phải hồi hướng tâm về đâu?*

**Đáp:** Phật dạy: Bồ đề tướng chẳng phải ở vị lai, chẳng phải ở hiện tại.

Trong phẩm Như Tướng, Phật dạy: Quá khứ chẳng rời vị lai, vị lai chẳng rời hiện tại. Vì sao? Vì là nhất như, là chẳng phải hai, chẳng phải khác vậy.

Bởi vậy nên nói: Tâm Vô thượng bồ đề chẳng có trong

tâm hồi hướng, tâm hồi hướng cũng chẳng có trong tâm Vô thượng bồ đề. Cả hai tâm ấy đều là bất khả đắc cả. Chẳng nên nạn vẫn phải hồi hướng tâm về đâu làm gì nữa.

-o0o-

Lại nữa, khi nghe tán thán Phật đạo, Bồ tát liền phát tâm làm các công đức, và hồi hướng hết thảy các công đức về Phật đạo. Bởi vậy nên Bồ tát làm hết thảy các công đức, chẳng bao giờ ngưng nghỉ.

Bồ tát lại thường dụng tâm như huyễn, tâm vô sở đắc khi hành các pháp. Như vậy mới gọi là Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì Bồ tát biết rõ hết thảy các pháp đều do các duyên hòa hợp sanh, chẳng có định tướng, nên chẳng thủ chấp các pháp tướng, cũng chẳng thủ chấp tâm chứng diệt vậy.

-o0o-

Bởi vậy khi nghe ngài Thích Đề Hoàn Nhon nêu lên câu hỏi “Vì sao nói tâm Vô thượng bồ đề chẳng có tâm hồi hướng, và tâm hồi hướng cũng chẳng có trong tâm Vô thượng bồ đề?” thì ngài Tu Bồ Đề chẳng dùng Thế Đế để trả lời, mà ngài phải dùng Đệ nhất nghĩa đế.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Cả 2 tâm đều là không, là phi tâm tướng (là chẳng có tâm tướng). Vì sao? Vì các pháp tướng rốt ráo là không. Trong tánh không chẳng có tướng tâm, nên là phi tâm tướng. Hết thảy các pháp đều là không, là vô tướng.

Như vậy nếu nói đến hồi hướng, thì phải đề cập đến hai pháp đối đãi. Như xe chạy từ hướng Nam, nghỉ ở hướng Tây, rồi quay trở về hướng Nam, thì mới gọi là hồi hướng được.

Nếu xe chẳng thật có, phương cũng chẳng thật có, thì cũng chẳng thật có hồi hướng vậy.

Cũng như vậy, vì tâm là bất khả đắc. Vô thượng bồ đề cũng là bất khả đắc, thì tâm hồi hướng về Vô thượng bồ đề cũng là bất khả đắc.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề nói rằng: Tâm là thường trú, là bất sanh, bất diệt, là phi tâm tướng, là bất khả tư nghì tướng. Đã là bất khả tư nghì tướng thì chẳng thể tư duy, trừ lượng, chẳng thể chấp thủ tướng tâm được vậy.

Phật biết rõ ngài Tu Bồ Đề đã thâm nhập Bát nhã Ba-la-mật chỉ là danh tự, biết rõ hết thấy pháp đều do duyên hòa hợp mà có cũng chỉ là danh tự, biết rõ hết thấy các pháp tướng cùng Bát nhã Ba-la-mật tướng là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Bởi nhân duyên vậy, nên giữa đại chúng Phật đã tán thán ngài Tu Bồ Đề rằng: Lành thay, lành thay! Ông là Thanh Văn mà thuyết được thâm nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật cho hàng Bồ tát nghe, làm an ổn tâm của các Bồ tát. Ông chớ nên nghĩ rằng mình chưa sạch các tập khí, phiền não mà sanh tâm giải đãi. Nếu ở nơi các pháp mà được vô chướng ngại, thì sẽ biết rõ rằng sơ tâm (tâm ban đầu) và hậu tâm (tâm sau cùng) chẳng có gì riêng khác cả. Hãy tinh tấn tu tập, ắt sẽ viên thành Phật đạo.

Ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ: Vào được thật tướng pháp mới thoát khỏi các khổ “sanh, già, bệnh, chết”, liễu đạt được thật tướng pháp mới thành tựu được vô lượng công đức. Bởi vậy nên ta phải lạc thuyết Bát nhã Ba-la-mật. Lại nữa, do Phật hiển dụng đại bi tâm, chuyển pháp luân độ thoát vô lượng chúng sanh, mà ta được thiện duyên nương theo pháp Phật

vào đạo. Bởi vậy nên ta phải lạc thuyết Bát nhã Ba-la-mật, để báo ân Phật. Lại nữa, chư Phật quá khứ và chư đại đệ tử đã do nhân duyên thuyết Bát nhã Ba-la-mật, mà được viên thành Phật đạo. Nay đức Thế Tôn cũng do nơi Bát nhã Ba-la-mật mà được Vô thượng bồ đề. Bởi vậy nên ta phải nhất tâm tôn kính ba ngôi Tam bảo, phải thường lạc thuyết Bát nhã Ba-la-mật.

Tự niệm như vậy rồi, ngài Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Trong quá khứ, chư Phật cùng chư đại đệ tử đã nói 6 pháp Ba-la-mật cho hàng Bồ tát nghe, khiến họ vào được đạo Vô thượng bồ đề. Hôm nay con cũng vì hàng Bồ tát, nói 6 pháp Ba-la-mật, khai thị lợi ích, nhằm giúp họ vào được đạo Vô thượng bồ đề. Con nương theo Phật tâm, nhờ Phật lực gia bị mới có thể lạc thuyết được Bát nhã Ba-la-mật tại chúng hội này.

-o0o-

Cũng nên biết, ba ngôi Tam bảo mà ngài Tu Bồ Đề nói trên đây là:

- Phật bảo gồm chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai.
- Pháp bảo gồm 6 pháp Ba-la-mật.
- Tăng bảo gồm chư vị đại đệ tử của chư Phật, và chư vị Bồ tát.

6 pháp Ba-la-mật là diệu pháp, khai thị cho chúng sanh được thoát ly sanh tử. Bồ tát phân biệt nói về 6 pháp Ba-la-mật nhằm giáo hóa chúng sanh xả ác, hành thiện, diu dắt chúng sanh tu hành nhằm viễn ly các khổ. Người nghe được Bát nhã Ba-la-mật, dù ở hiện đời chưa được Phật đạo, nhưng quyết định về sau sẽ được Phật đạo vậy.

Bồ tát tán thán người tu tập Bát nhã Ba-la-mật, nhằm khuyến tấn họ mau thành Phật đạo.

Tóm lại, Bồ tát hành đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật để tự trang nghiêm, thuyết giảng 6 pháp Ba-la-mật nhằm đem lại lợi ích cho chúng sanh vậy.

-o0o-

### KINH:

Lúc bấy giờ ngài Tu Bồ Đề nói với ngài Thích Đề Hoàn Nhon rằng: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Ngài có biết rõ Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật phải nên trú, và chẳng nên trú như thế nà chẳng?

\*Thế nào là nên trú?

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát biết rõ sắc là không, ..., dẫn đến thức là không, biết rõ Bồ tát cũng là không. Bồ tát lại biết rõ sắc không, ..., dẫn đến thức không và Bồ tát không là chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Bồ tát Ma ha tát khi hành Bát nhã Ba-la-mật, nên trú như vậy.

Bồ tát biết rõ nhãn, ..., dẫn đến ý, sắc, ..., dẫn đến pháp, địa chủng, ..., dẫn đến thức chủng là không, biết rõ Bồ tát cũng là không. Bồ tát lại biết rõ nhãn không, ..., dẫn đến ý không, sắc không, ..., dẫn đến pháp không, địa chủng không, ..., dẫn đến thức chủng không và Bồ tát không là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Bồ tát biết rõ vô minh, ..., dẫn đến lão tử, vô minh diệt, ..., dẫn đến lão tử diệt là không, biết rõ Bồ



tát cũng là không, lại biết rõ vô minh không, vô minh diệt không, ..., dẫn đến lão tử không, lão tử diệt không và Bồ tát không là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Bồ tát Ma ha tát khi hành Bát nhã Ba-la-mật, nên trú như vậy.

Đối với Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, hết thấy các tam muội, hết thấy các đà la ni, Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa, Phật thừa, Bồ tát cũng biết rõ như vậy.

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Bồ tát Ma ha tát khi hành Bát nhã Ba-la-mật, nên trú như vậy.

\*Thế nào là chẳng nên trú?

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng nên trú trong sắc, ..., dẫn đến chẳng nên trú trong thức, chẳng nên trú trong nhãn, ..., dẫn đến chẳng nên trú trong ý, chẳng nên trú trong sắc, ..., dẫn đến chẳng nên trú trong pháp, chẳng nên trú trong nhãn thức, ..., dẫn đến chẳng nên trú trong ý thức, chẳng nên trú trong nhãn xúc, ..., dẫn đến chẳng nên trú trong ý xúc, chẳng nên trú trong nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến chẳng nên trú trong ý xúc nhân duyên sanh thọ. Vì sao? Vì trú như vậy là có sở đắc.

Bồ tát chẳng nên trú trong Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến chẳng nên trú trong Bát nhã Ba-la-mật, chẳng nên trú trong 4 niệm xứ, ..., dẫn đến chẳng nên trú trong 18 bất cộng pháp. Vì sao? Vì trú như vậy là có sở đắc.

Bồ tát chẳng nên trú trong Thanh Văn đạo, Bích Chi Phật đạo, Bồ tát đạo, Phật đạo, ..., dẫn đến chẳng nên

trú trong Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì trú như vậy là có sở đắc.

Lại nữa, thưa ngài Kiều Thi Ca! Dù sắc, ..., dẫn đến thức là thường, là vô thường, là lạc, là khổ, là tịnh, là bất tịnh, là ngã, là vô ngã, là không, là bất không, là tịch diệt, là bất tịch diệt, là ly, là bất ly..., Bồ tát cũng đều chẳng nên trú. Vì sao? Vì trú như vậy là có sở đắc.

Lại nữa, thưa ngài Kiều Thi Ca! Ở nơi vô vi tướng của quả vị Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến ở nơi vô vi tướng của quả vị Phật, ở nơi phước điền Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến ở nơi phước điền Phật. Bồ tát cũng đều chẳng nên trú. Vì sao? Vì trú như vậy là có sở đắc.

Từ sơ địa, ..., dẫn đến thập địa, Bồ tát cũng đều chẳng nên trú. Vì sao? Vì trú như vậy là có sở đắc.

Lại nữa, thưa ngài Kiều Thi Ca! Từ sơ phát tâm, Bồ tát nói: “Ta phải đầy đủ Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật, ta phải vào Bồ tát vị, ta phải vào bất thối chuyển địa, ta phải đầy đủ 5 thân thông”. Bồ tát nói mà chẳng nên trú. Vì sao? Vì trú như vậy là có sở đắc.

Bồ tát nói: “Ta sẽ được đầy đủ 5 nhãn, được hết thấy các đà la ni môn, hết thấy các tam muội môn; ta sẽ được đầy đủ 10 lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp, ta sẽ đầy đủ đại từ, đại bi; ta sẽ đầy đủ 32 tướng tốt”. Bồ tát nói mà chẳng nên trú. Vì sao? Vì trú như vậy là có sở đắc.

Bồ tát nói: “Ta sẽ trang nghiêm quốc độ của ta như các quốc độ của chư Phật, ta sẽ thành tựu chúng sanh, khiến họ vào được Phật đạo, ta sẽ đi đến vô lượng cõi Phật, để tán thán và cúng dường chư Phật, ta sẽ độ vô lượng chúng sanh, khiến họ phát tâm Vô thượng bồ đề”.

Bồ tát nói mà chẳng nên trú. Vì sao? Vì trú như vậy là có sở đắc.

Bồ tát nói: “Ta sẽ ở trong 8 hạng người tín hành và pháp hành. Ta sẽ là Tu-đà-hoàn, 7 phen sanh lại, ta sẽ là Tu-đà-hoàn, khi mạng chung được sạch phiền não, trung gian nhập Niết Bàn, ta sẽ là Tu-đà-hoàn hướng Tu-đà-hàm quả chứng, ta sẽ là Tu-đà-hàm nhất lai nhập Niết Bàn, ta sẽ là Tu-đà-hàm hướng A-na-hàm quả chứng, ta sẽ là A-na-hàm nhất lai nhập Niết Bàn, ta sẽ là A-na-hàm hướng A-la-hán quả chứng, ta sẽ là A-la-hán nhập Vô dư Niết Bàn”. Bồ tát nói mà chẳng nên trú. Vì sao? Vì trú như vậy là có sở đắc.

Bồ tát nói: Ta sẽ là Bích Chi Phật, ta sẽ trú Bồ tát địa, vượt hơn hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật, ta sẽ được đạo chủng trí, sẽ được Nhất thiết chủng trí, sẽ đắc Vô thượng bồ đề, sẽ chuyển pháp luân, sẽ hành Phật sự, sẽ độ vô lượng chúng sanh”. Bồ tát nói mà chẳng nên trú. Vì sao? Vì trú như vậy là có sở đắc.

Bồ tát nói: “Ta sẽ đầy đủ 4 như ý túc, sẽ trú trong các tam muội, sẽ thọ hăng sa kiếp, sẽ đầy đủ 32 tướng tốt, mỗi tướng có đủ 100 phước đức trang nghiêm”. Bồ tát nói mà chẳng nên trú. Vì sao? Vì trú như vậy là có sở đắc.

Bồ tát nói: “Thế giới của ta, hằng sa thế giới trong đại thiên thế giới của ta ở khắp trong 10 phương, sẽ thuần là kim cương, cây Bồ đề của ta sẽ phát ra vô lượng diệu hương, khiến chúng sanh nào hưởng được sẽ dứt sạch thân bệnh và tâm bệnh, dứt sạch tham sân si, chẳng có tâm Thanh Văn và Bích Chi Phật, và sẽ được Vô thượng bồ đề”. Bồ tát nói mà chẳng nên trú. Vì sao? Vì trú như vậy là có sở đắc.

Bồ tát nói: “Trong thế giới của ta, sẽ chẳng có danh tự

sắc, ..., dẫn đến thức, chẳng có danh tự Đản Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, chẳng có danh tự 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, chẳng có danh tự Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến Phật”. Bồ tát nói mà chẳng nên trú. Vì sao? Vì trú như vậy là có sở đắc, vì chư Phật đắc Vô thượng bồ đề, mà Vô thượng bồ đề là pháp vô sở đắc vậy.

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Bởi vậy nên Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng nên trú, vì Bát nhã Ba-la-mật là vô sở đắc vậy.

Lúc bấy giờ ngài Xá Lợi Phất tự niệm rằng: Như vậy thì Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật an trú nơi đâu?

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Theo ý của ngài thì chư Phật an trú nơi đâu?

Ngài Xá Lợi Phất đáp: Chư Phật trú nơi “vô sở trú”. Chư Phật chẳng trú trong sắc, ..., dẫn đến chẳng trú trong thức, chẳng trú trong pháp hữu vi, chẳng trú trong pháp vô vi, chẳng trú trong 4 niệm xứ, ..., dẫn đến chẳng trú trong 18 bất cộng pháp, chẳng trú trong Nhất thiết chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Thưa ngài Xá Lợi Phất! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát Ma ha tát phải an trú như chư Phật, có nghĩa là an trú nơi pháp phi trú (chẳng trú), cũng chẳng phải chẳng trú (phi bất trú).

Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát Ma ha tát phải học như vậy, phải an trú nơi pháp “vô sở trú”.

### LUẬN:

Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát dùng “18 không”, quán rõ 5 âm đều là không. Phạm phu điên đảo chấp có “5 âm tướng”, có “Bồ tát tướng”.

Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát biết rõ chúng sanh là không, nên chẳng thấy có Bồ tát tướng; lại biết rõ các pháp đều không, nên chẳng có 5 âm tướng.

Bởi vậy nên nói “5 âm không” và “Bồ tát không” là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng là như vậy.

Ví như Chiên Đàn là một loại cây gỗ rất quý, rất thơm, mà người ta thường đốt lấy hương cúng Phật; lại có đượ tánh cao, thường dùng làm thuốc trị bệnh. Thế nhưng, sau khi một cây chiên đàn và một cây gỗ tạp bị lửa thiêu rụi, hủy diệt rồi, thì hai pháp ấy chẳng còn khác nhau nữa. Lúc bấy giờ, hai pháp diệt đó là chẳng phải hai, chẳng phải khác vậy.

Người vô trí chấp các pháp tướng ở thời kỳ chưa bị hủy diệt và ở thời kỳ bị hủy diệt rồi có khác nhau. Thế nhưng, khi đã bị hủy diệt rồi, thì các pháp chẳng còn khác nhau nữa.

Bởi nhân duyên vậy, nên kinh dạy “chẳng nên trú”. Đây là nói “chẳng nên trú nơi 5 âm tướng” vậy.

**Hỏi:** *Nói về nghĩa “trú” là đủ rồi, sao còn nói nghĩa “bất trú” làm gì nữa?*

**Đáp:** Ở nơi 5 âm mà chẳng sanh tâm chấp đắm, thì đó nghĩa là “bất trú” vậy. Trước đây, chỉ nói về “bất trú” nơi 5 âm, mà chưa nói đến bất trú ở nơi hết thảy pháp.

Nay nói rộng thêm rằng, ở nơi hết thảy pháp, dù là hữu vi, là vô vi, là thường, là vô thường, ..., dẫn đến là viên ly, là tịch diệt cũng đều chẳng nên trú. Vì sao? Vì trú là có sở đắc rồi vậy.

**Hỏi:** *Ở nơi vô vi tướng của quả Tu-đà-hoàn chẳng nên trú; ở nơi phước điền chẳng nên trú... nghĩa ấy như thế nào?*

**Đáp:** Vì Niết Bàn là vô vi tướng, là vô pháp, nên quả Tu-đà-hoàn cũng là vô vi tướng, là vô pháp chẳng nên trú.

Nói quả Tu-đà-hoàn là vô vi tướng, là vô pháp chẳng nên trú nhằm phá các chấp về pháp tướng. Vì sao? Vì khi hành giả quán hết thấy các pháp là không, là vô thường rồi, thì thường sanh tâm nhằm chán, chẳng còn muốn hành các thiện pháp, chẳng còn muốn cứu độ chúng sanh nữa, mà chỉ muốn thủ chấp Niết Bàn, nên phải nói như vậy để phá các chấp về pháp tướng.

Lại nữa, dù nói quả Tu-đà-hoàn là hữu vi tướng, thì tướng hữu vi đó cũng là hư vọng, chẳng thật có, nên cũng chẳng nên trú. Dẫn đến quả Phật cũng là vô vi tướng, chẳng nên trú.

Bồ tát muốn vào Phật đạo, trước hết phải hành bố thí Ba-la-mật để cầu phước điền. Vì sao? Vì có nhân duyên phước điền mới được đầy đủ đạo nghiệp. Ví như trồng lúa ở nơi ruộng tốt mới thu hoạch được mùa lúa tốt vậy.

Bồ tát lúc ban đầu phải tu tập như vậy, nhưng phải biết rõ chẳng nên trú nơi phước điền Tu-đà-hoàn. Vì sao? Vì trú như vậy là có sở đắc. Dẫn đến ở nơi phước điền Phật, Bồ tát cũng chẳng nên trú.

**Hỏi:** *Phước điền Nhị thừa chẳng nên trú còn hiểu được. Còn ở nơi phước điền Phật, vì sao cũng nói chẳng nên trú?*

**Đáp:** Ở nơi hết thấy pháp, Bồ tát phải dụng tâm bình đẳng. Dù phước điền Phật là lớn, phước điền chúng sanh là nhỏ, Bồ tát vẫn xem bình đẳng như nhau.

Lại nữa, hết thấy xứ đều là không, nên chẳng nên trú. Bồ tát dụng tâm bình đẳng mà hành bố thí, nên chẳng có phân biệt phước điền. Vì mong tâm phân biệt phước điền là liền phá hủy tâm đại bi, và cũng phá luôn cả pháp bố thí thanh

tịnh. Ví như rời Sơ địa mới vào được Nhị địa, xả các lợi nhỏ mới cầu được lợi lớn vậy.

Bởi vậy nên, nếu vẫn còn chấp tâm, còn thù tướng thì chẳng có thể đến được đạo quả Vô Thượng.

**Hỏi:** *Bồ tát phát tâm tu 6 pháp Ba-la-mật, vào Bồ tát vị, vào bất thối chuyển địa, hiển dụng các thần thông, cúng dường chư Phật... Như vậy vì sao nói “ở nơi hết thầy pháp, Bồ tát đều chẳng trú”?*

**Đáp:** Đây chẳng phải nhằm phá “thanh tịnh trú”, mà chỉ nhằm phá chấp ngã và chấp tà kiến, nghĩa là phá chấp tâm, thù tướng. Ví như phải làm sạch cỏ dại, thì ruộng lúa mới được tốt tươi.

Cũng như vậy, do muốn đoạn sạch các sự ái pháp mà nói “chẳng nên trú”. Lại nữa, y theo lời Phật dạy, thì Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo không, nên chẳng nên trú vậy.

-o0o-

Bồ tát vì thương xót chúng sanh mà hành các thiện pháp, dùng các lực phương tiện để hóa độ chúng sanh, nhưng chẳng có chấp tâm, thù tướng. Vì có chấp tâm, có thù tướng là có sở đắc rồi vậy.

Từ sơ phát tâm, Bồ tát đã nói: Ta sẽ tu tập các thiện pháp, được 5 nhãn, được hết thầy các tam muội, các đà la ni, được đầy đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, ta sẽ ở trong 8 hạng người tín hành và pháp hành, từ Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến A-la-hán, ta sẽ nhập Vô dư Niết Bàn, ta sẽ là Bích Chi Phật, ta sẽ trú Bồ tát địa, vượt hết thầy hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, ta sẽ được đạo chủng trí, được Nhất thiết chủng trí, dẫn đến được quả Vô thượng bồ đề.

Bồ tát nói như vậy, hành như vậy mà tâm thường chẳng trú. Vì sao? Vì trú là có sở đắc rồi vậy.

**Hỏi:** *Nói chẳng trú nơi các thiện pháp thì còn có thể tin được. Còn nói chẳng có danh tự thọ, tướng, hành, thức, chẳng có danh tự Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến chẳng có danh tự Bát nhã Ba-la-mật, chẳng có danh tự Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến chẳng có danh tự Phật, thì làm sao có thể tin được?*

**Đáp:** Người tu hành khi đã được phước huệ trang nghiêm, thì sẽ được ở nơi các quốc độ, mà nơi đó cây cỏ, dẫn đến núi rừng, sông biển... đều diễn xuất âm thanh vi diệu. Những chúng sanh nào có đầy đủ túc duyên sanh vào các quốc độ này mà nghe được các âm thanh vi diệu đó, thì liền được vô sanh pháp nhãn, liền biết rõ các pháp đều là không, là vô tướng, là vô tác, liền vào được nơi thật tướng bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh... của các pháp.

Ở các quốc độ này chẳng có các danh pháp 5 âm, 12 nhập, 18 giới, chẳng có các danh pháp Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, chẳng có các danh pháp 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, chẳng có các danh pháp Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến Phật. Chúng sanh ở các quốc độ này đều có đầy đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp trang nghiêm, được vô lượng quang minh, được đạo chủng trí, được Nhất thiết chủng trí. Thế nhưng Bồ tát cũng chẳng trú tâm nơi các quốc độ đó, vì biết rằng trú như vậy là có sở đắc, dẫn sanh cao tâm, chẳng thể và được đạo Vô thượng bồ đề.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề nói: Do nhân duyên bất trú mà chư Phật



được đạo. Khi đã được đạo rồi, thì biết rõ các pháp đều là vô sở trú cả.

Ngài Xá Lợi Phất nghe như vậy, tự niệm rằng: Nếu các pháp đều là vô sở trú, thì phải trú nơi đâu để được đạo?

Ngài Tu Bồ Đề biết tâm niệm của ngài Xá Lợi Phất, nên đã nói với ngài Xá Lợi Phất rằng: Chư Bồ tát đều là pháp tử của Phật. Đã là pháp tử thì phải giống pháp sư. Phật thường hành “vô sở trú pháp”, chẳng trú nơi sắc, ..., dẫn đến chẳng trú nơi thức, chẳng trú nơi nhãn, ..., dẫn đến chẳng trú nơi ý, chẳng trú nơi sắc, ..., dẫn đến chẳng trú nơi pháp, chẳng trú nơi Đản Ba-la-mật, ..., dẫn đến chẳng trú nơi Bát nhã Ba-la-mật, chẳng trú nơi 4 niệm xứ, ..., dẫn đến chẳng trú nơi 18 bất cộng pháp, chẳng trú nơi hết thầy tam muội, nơi hết thầy các đà la ni, ..., dẫn đến chẳng trú nơi Nhất thiết chủng trí. Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, phải dụng tâm vô sở đắc như chư Phật vậy.

Ở nơi hết thầy các pháp, chẳng trú cũng chẳng phải chẳng trú mới gọi là “vô sở trú”. Được như vậy thì tâm mới thật rốt ráo thanh tịnh. Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, phải nương theo Phật tâm mà tu tập như vậy.

-o0o-

## KINH:

Lúc bấy giờ trong pháp hội có vị Thiên tử tự nghĩ rằng: Ngữ ngôn, danh tự của hàng Dạ xoa còn có thể biết được. Nay Đại đức Tu Bồ Đề dùng ngữ ngôn danh tự rõ ràng để thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật, nhưng sao tôi chẳng hiểu, chẳng biết gì cả vậy?

Ngài Tu Bồ Đề biết rõ tâm niệm của vị Thiên tử, bèn

**hỏi rằng:** Ngài thật chẳng hiểu, chẳng biết gì cả hay sao?

**Vị Thiên tử đáp:** Thưa Đại đức! Chúng tôi thật chẳng hiểu, chẳng biết gì cả.

**Ngài Tu Bồ Đề đáp:** Thưa chư vị Thiên tử! Thật tướng các pháp là bất khả tri (chẳng thể biết). Tôi chẳng luận nghị, chẳng nói ra một lời nào cả, dẫn đến cũng chẳng có người nghe. Vì sao?

**Thưa chư vị Thiên tử!** Vì danh tự chẳng phải là Bát nhã Ba-la-mật. Trong Bát nhã Ba-la-mật, chẳng có người nghe. Vô thượng bồ đề của chư Phật chẳng có chữ, chẳng có lời để diễn đạt ra được.

**Thưa chư vị Thiên tử!** Như chư Phật biến hóa ra có người. Trong số người được biến hóa ra đây, có đủ 4 bộ chúng Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di. Trong các bộ chúng này lại có người nói pháp. Ý ngài nghĩ sao? Trong số các người được biến hóa này, thật sự có người thuyết pháp, có người nghe pháp, có người hiểu pháp, có người biết pháp chẳng?

**Vị Thiên tử đáp:** Thưa Đại đức! Chẳng có vậy.

**Ngài Tu Bồ Đề nói:** Thưa chư vị Thiên tử! Hết thảy các pháp đều là như huyễn, như hóa. Bởi vậy nên ở nơi các pháp đều chẳng có người nói, chẳng có người nghe, chẳng có người hiểu, chẳng có người biết vậy.

**Thưa chư vị Thiên tử!** Ví như có người nằm mộng thấy có đức Phật đang thuyết pháp. Ý các ngài nghĩ sao? Ở trong cảnh mộng ấy thật sự có người thuyết pháp, có người nghe pháp, có người hiểu pháp, có người biết pháp chẳng?

**Vị Thiên tử đáp:** Thưa Đại đức! Chẳng có vậy.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Thưa chư vị Thiên tử! Hết thấy các pháp đều như mộng, nên ở nơi các pháp chẳng có người thuyết, chẳng có người nghe, chẳng có người hiểu, chẳng có người biết vậy.

Thưa chư vị Thiên tử! Ví như ở trong đại giảng đường này, có 2 người phát ra cùng một lúc hai âm hưởng, nhằm tán thán Phật, Pháp và Tăng. Ý các ngài nghĩ sao? Hai âm hưởng đó có hiểu được nhau chẳng?

Vị Thiên tử đáp: Thưa Đại đức! Chẳng được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Thưa chư vị Thiên tử! Hết thấy các pháp đều như tiếng vang, nên ở nơi các pháp chẳng có người thuyết, chẳng có người nghe, chẳng có người hiểu, chẳng có người biết.

Thưa chư vị Thiên tử! Ví như có nhà huyền thuật, ở giữa ngã tư đường, hóa làm Phật, và hóa tác ra 4 bộ chúng, rồi ở trong đó thuyết pháp. Ý các ngài nghĩ sao? Trong huyền cảnh đó, thật sự có người thuyết pháp, có người nghe pháp, có người hiểu pháp, có người biết pháp chẳng?

Vị Thiên tử đáp: Thưa Đại đức! Chẳng có vậy.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Thưa chư vị Thiên tử! Hết thấy các pháp đều như huyền, nên ở nơi các pháp chẳng có người thuyết, chẳng có người nghe, chẳng có người hiểu, chẳng có người biết.

Lúc bấy giờ chư Thiên tử nghĩ rằng: Ngài Tu Bồ Đề thuyết pháp, chẳng những muốn làm cho chúng ta dễ hiểu mà ngài còn làm cho bài pháp càng thêm thâm diệu hơn nhiều.

Ngài Tu Bồ Đề biết tâm niệm của chư Thiên tử, nên nói: Thưa chư vị Thiên tử! Sắc chẳng phải thâm, chẳng

phải diệu, ..., dẫn đến thức cũng chẳng phải thâm, chẳng phải diệu, sắc tánh, ..., dẫn đến thức tánh chẳng phải thâm, chẳng phải diệu, nhãn tánh, ..., dẫn đến ý tánh chẳng phải thâm, chẳng phải diệu, sắc tánh, ..., dẫn đến pháp tánh chẳng phải thâm, chẳng phải diệu, nhãn giới tánh, ..., dẫn đến ý thức giới tánh chẳng phải thâm, chẳng phải diệu, nhãn xúc, ..., dẫn đến ý xúc chẳng phải thâm, chẳng phải diệu, nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ chẳng phải thâm, chẳng phải diệu.

Thưa chư vị Thiên tử! Lại nữa, Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không chẳng phải thâm, chẳng phải diệu, 4 niệm xứ... dẫn đến 18 bất cộng pháp, hết thấy các tam muội, hết thấy các đà la ni, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng đều chẳng phải thâm, chẳng phải diệu.

Chư Thiên tử lại nghĩ rằng: Trong các pháp đã được thuyết ra, thật sự cũng chẳng có nói đến sắc, ..., dẫn đến chẳng có nói đến thức, chẳng có nói đến nhãn, ..., dẫn đến chẳng có nói đến ý, chẳng có nói đến sắc, ..., dẫn đến chẳng có nói đến pháp, chẳng có nói đến nhãn thức, ..., dẫn đến chẳng nói đến ý thức, chẳng có nói đến nhãn xúc, ..., dẫn đến chẳng nói đến ý xúc, chẳng có nói đến nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến chẳng nói đến ý xúc nhân duyên sanh thọ, chẳng nói đến Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến chẳng nói đến Bát nhã Ba-la-mật, chẳng nói đến nội không, ..., dẫn đến chẳng nói đến vô pháp hữu pháp không, chẳng nói đến 4 niệm xứ, ..., dẫn đến chẳng nói đến 18 bất cộng pháp, chẳng nói đến các tam muội, chẳng nói đến các đà la ni, ..., dẫn đến chẳng nói đến Nhất thiết chủng trí, chẳng nói đến 4 quả Thanh Văn...

dẫn đến chẳng nói đến quả Phật, chẳng nói đến đạo Vô thượng bồ đề. Vì sao? Vì ở nơi thật tướng thì các pháp chẳng có danh tự, ngữ ngôn vậy.

Ngài Tu Bồ Đề biết tâm niệm của chư Thiên tử, nên nói: Thưa chư vị Thiên tử! Đúng như vậy, đúng như vậy!

Thưa chư vị Thiên tử! Hết thấy các pháp tướng, từ sắc tướng, ..., dẫn đến Vô thượng bồ đề tướng đều là “bất khả thuyết tướng”, là những tướng chẳng thể nói ra được. Bởi vậy nên nói chẳng có người thuyết, chẳng có người nghe, chẳng có người hiểu, chẳng có người biết.

Thưa chư vị Thiên tử! Vì nghĩa nêu trên đây nên các thiện nam, thiện nữ muốn an trú quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, quả Bích Chi Phật, ..., dẫn đến muốn an trú trong Phật đạo, đều chẳng phải là những người chẳng ly “trí nhãn” vậy.

Thưa chư vị Thiên tử! Bồ tát Ma ha tát từ sơ phát tâm, đã an trú như vậy trong Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là chẳng thuyết, chẳng nghe (vô thuyết, vô thính).

### LUẬN:

**Hỏi:** *Ngôn ngữ, danh tự của loài Dạ xoa là mờ ám, bất chánh, còn Bát nhã Ba-la-mật là rõ ràng, thanh tịnh. Như vậy vì sao lại đem so sánh pháp Dạ xoa với Bát nhã Ba-la-mật là pháp thậm thâm vi diệu?*

**Đáp:** Đây là chư Thiên muốn so sánh chỗ chưa rõ và chỗ chưa ngộ. Do vậy mà đã lấy danh tự, ngữ ngôn của loài Dạ xoa để làm dụ.

Chư Thiên nghĩ rằng ở cõi Trời có đến 99 cửa, mỗi cửa đều có 6 Thanh y Dạ xoa canh giữ. Ngôn ngữ của các loài Dạ xoa khác nhau, rất khó nghe được lời, khó hiểu được ý của chúng. Vậy mà còn có thể biết được. Lại nữa, sông dù sâu, mà có thuyền lớn thì vẫn có thể vượt qua được.

Còn ngài Tu Bồ Đề thuyết Bát nhã Ba-la-mật, nghĩa lý quá sâu xa và chẳng có định tướng, nên chẳng thể nào thủ ý, chẳng thể nào truyền tụng được. Vì sao? Vì chẳng liễu ngộ thì chẳng làm sao có thể diễn bày được. Lại nữa, nói “có” cũng chẳng được, nói “không” cũng chẳng được, đến chỗ tột cùng ấy, hết thấy các tâm hành đều diệt, hết thấy các ngôn ngữ đều đoạn. Bởi vậy nên Chư Thiên mờ mịt, sanh tâm sợ hãi vậy.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề giải thích rằng: Chính chỗ chẳng rõ ấy là thật tướng các pháp. Hết thấy các pháp tướng đều là như vậy cả. Vì sao? Vì các pháp rốt ráo là “vô sở thuyết”, chẳng có thể dùng danh tự, ngữ ngôn mà nói ra được vậy. Cho nên là chẳng có người thuyết, chẳng có người nghe, chẳng có người hiểu, chẳng có người biết.

Phật đạo chẳng thể thuyết (vô thuyết), chẳng thể chấp (vô chấp). Chẳng có danh tự để nói ra được (vô tự). Vì sao? Vì danh tự vốn là “không”, là hư vọng vậy.

-o0o-

Chư Thiên lại nghĩ rằng: Nếu chẳng có người thuyết, chẳng có người nghe, chẳng có người hiểu, chẳng có người biết, thì nay đại chúng vân tập về pháp hội để nghe thuyết Bát nhã Ba-la-mật cũng chẳng được lợi ích gì cả hay sao?

Ngài Tu Bồ Đề muốn giải nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, nên đã dùng nhiều thí dụ để làm cho sáng nghĩa thêm. Thế nên chư Thiên lại nghĩ rằng: Ngài Tu Bồ Đề dùng nhiều thí dụ để làm cho rõ nghĩa, mà càng thí dụ lại càng thấy thậm thâm, vi diệu hơn. Vì sao? Vì dùng “thô” để chỉ “tế”, khiến chẳng sao có thể lường được.

Ngài Tu Bồ Đề biết rõ chư Thiên, ở nơi Bát nhã Ba-la-mật tâm còn mê muội, chưa được liễu đạt nên ngài nói: Bát nhã Ba-la-mật chẳng khác 5 âm, vì thật tướng của 5 âm chính là Bát nhã Ba-la-mật. Bởi vậy nên 5 âm chẳng phải thâm, chẳng phải diệu, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng chẳng phải thâm, chẳng phải diệu.

Lúc bấy giờ chư Thiên mới liễu đạt được rằng, dù nói sắc, ..., dẫn đến nói Vô thượng bồ đề, các pháp ấy cũng vẫn là “vô sở thuyết”, chẳng thể dùng ngữ ngôn, danh tự mà diễn nói ra được.

Ngài Tu Bồ Đề biết tâm niệm của chư Thiên, biết chư thiên đã được liễu thông, nên nói: Đúng như vậy, đúng như vậy! Chẳng phải chỉ riêng tôi, mà chư Phật khi đã được đạo rồi, cũng chẳng nói về “tịch diệt tướng”. Do vậy mà nói là chẳng có người thuyết, chẳng có người nghe, chẳng có người hiểu, chẳng có người biết.

Lại nữa, từ quả Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến quả Phật, ở nơi thật tướng cũng đều rốt ráo là không, là bất khả đắc. Nếu ly pháp nghĩa ấy thì chẳng có thể được vô sanh pháp nhãn, ..., dẫn đến chẳng có thể được Phật đạo.

Trong khoảng giữa từ sơ phát tâm, dẫn đến khi thành Phật, ở nơi hết thấy các pháp, Bồ tát đều chẳng trú, nên đều chẳng thấy có người thuyết, chẳng thấy có người nghe, chẳng thấy có người hiểu, chẳng thấy có người biết. Vì sao? Vì đến

## 470 • LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

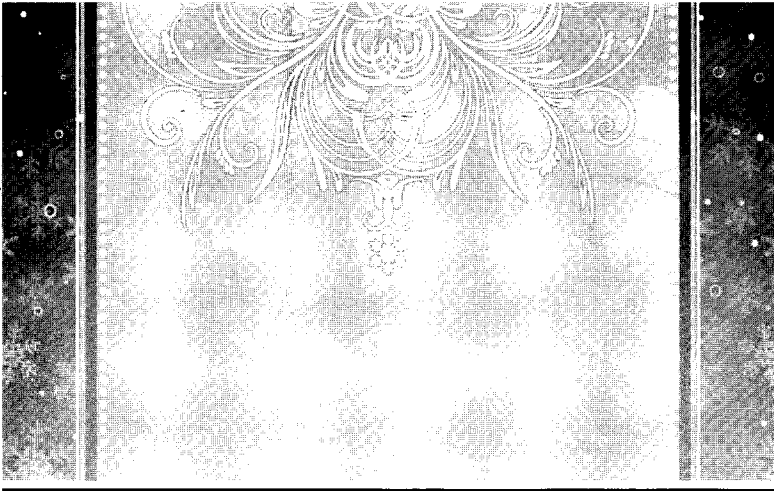
chỗ tốt cùng ấy thì hết thảy các tâm hành đều diệt, hết thảy các ngôn ngữ đều đoạn.

Do vì thật tướng pháp là chẳng thể nói ra được (bất khả thuyết), nên là chẳng thể nghe được (bất khả thính), vì là chẳng thể nghe (bất khả thính) nên là chẳng thể biết (bất khả tri) vậy.

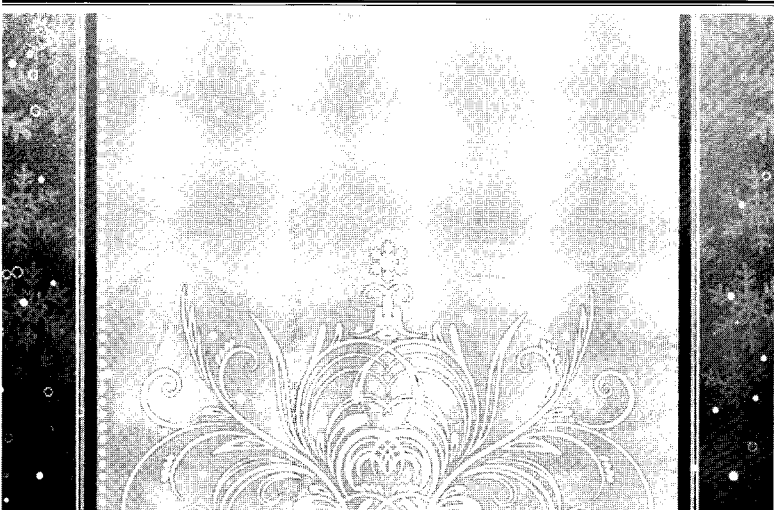
Ở nơi hết thảy pháp đều chẳng thọ (vô thọ), đều chẳng vướng mắc (vô trước), là nhập vào “Vô dư y Niết Bàn” vậy.

(Hết quyển 54)





**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 55**





## Phẩm Thứ Hai Mười Tám



Huyền Nhơn Thính Pháp  
(Người Huyền Nghe Pháp)

**KINH:**

Lúc bấy giờ chư Thiên nghĩ rằng: Như vậy thì hạng người nào mới nghe được pháp mà ngài Tu Bồ Đề đang thuyết?

Ngài Tu Bồ Đề biết tâm niệm của chư Thiên như vậy, nên nói: Thưa chư vị Thiên tử! Người như huyền, như hóa nghe pháp vậy.

Chỉ có hạng người như vậy mới nghe được pháp này. Vì sao? Vì người như huyền, như hóa mới chẳng nghe, chẳng biết, và chẳng chứng vậy.

Chư Thiên hỏi: Thưa Đại đức! Vì chúng sanh như huyền, như hóa, thì người nghe pháp cũng như huyền, như hóa chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Đúng như vậy, đúng như vậy! Thưa chư vị Thiên tử! Chúng sanh như huyền thì người nghe pháp cũng như huyền. Chúng sanh như hóa thì người nghe pháp cũng như hóa vậy.

Thưa chư vị Thiên tử! Ngã như huyền, như mộng, thì chúng sanh, ..., dẫn đến tri giả, kiến giả cũng như huyền, như mộng, sắc, ..., dẫn đến thức cũng như huyền, như mộng, nhãn, ..., dẫn đến ý cũng như huyền, như mộng, sắc, ..., dẫn đến pháp cũng như huyền, như mộng, nhãn

thức, ..., dẫn đến ý thức cũng như huyền, như mộng, nhãn xúc, ..., dẫn đến ý xúc cũng như huyền, như mộng.

Thưa chư vị Thiên tử! Ngã và chúng sanh như huyền, như mộng, thì nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không, Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, Tu-đà-hoàn quả, ..., dẫn đến Phật đạo cũng đều như mộng như huyền cả.

Chư Thiên hỏi: Thưa Đại đức! Phật đạo như huyền, như mộng thì Niết Bàn cũng như huyền như mộng chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Tôi nói Phật đạo như huyền, như mộng, Niết Bàn như huyền, như mộng. Nếu có pháp nào hơn Niết Bàn, thì tôi cũng nói rằng pháp ấy là như huyền, như mộng. Vì sao? Vì như huyền, như mộng và Niết Bàn là chẳng phải hai, chẳng phải khác.

### LUẬN:

**Hỏi:** Trước đây đã nói hết thấy pháp đều như huyền, như mộng nên chẳng có người thuyết pháp, chẳng có người nghe pháp. Nay vì sao chư Thiên còn muốn hỏi hạng người nào mới nghe được pháp mà ngài Tu Bồ Đề đang thuyết?

**Đáp:** Trước đây đã nói rõ rằng hết thấy pháp đều là như huyền, như hóa, chẳng có người thuyết, chẳng có người nghe, chẳng có người hiểu, chẳng có người biết. Do vậy, chư Thiên khởi tâm nghi, nghĩ rằng nếu như vậy thì hạng người nào mới nghe được pháp mà ngài Tu Bồ Đề đang thuyết?

Ngài Tu Bồ Đề nói: Người như huyền, như hóa mới nghe được pháp này. Chư Thiên lại nghĩ rằng: Hạng người nghe pháp mà ngài Tu Bồ Đề đang thuyết phải như thế nào, mới có thể tương ưng, mới có thể tín thọ, dẫn đến mới có thể tu hành để được đạo quả?

Ngài Tu Bồ Đề khẳng định: Chỉ có người như huyễn, như hóa mới nghe được pháp tôi đang thuyết, và họ sẽ tương ứng tu tập thành đạo quả.

**Hỏi:** *Người như huyễn, như hóa chẳng có các tâm và tâm sở, họ chẳng có tín thọ được pháp. Như vậy thì nói pháp để làm gì?*

**Đáp:** Đây chẳng phải khiến người huyễn hóa nghe pháp, mà chỉ muốn dạy người tu hành phải dụng tâm “vô sở đắc” để hành các pháp, ví như người huyễn hóa chẳng nghe, chẳng biết, chẳng chứng vậy.

Lại nữa, vì ngã và chúng sanh là như huyễn, như mộng, nên người thuyết pháp cũng như huyễn như mộng. Người thuyết pháp đã là như huyễn, như mộng, thì người nghe pháp, người biết pháp, người hiểu pháp cũng như huyễn, như mộng.

Lại nữa, sắc, ..., dẫn đến Niết Bàn cũng là như huyễn, như mộng.

**Hỏi:** *Nếu chẳng có pháp nào thù thắng hơn Niết Bàn, thì vì sao nói Niết Bàn là như huyễn, như mộng?*

**Đáp:** Đây chỉ là phương tiện. Ví như Phật dạy: Nếu có cây hiểu biết được tiếng của ta nói, thì ta cũng sẽ thọ ký cho chúng được Niết Bàn vậy.

Đây cũng chỉ là thí dụ. Niết Bàn dụ cho pháp rốt ráo thanh tịnh, pháp vô thượng. Ví như biển lớn là nơi dung chứa các dòng nước từ trăm sông chảy về, Niết Bàn rốt ráo thanh tịnh, chẳng còn ma chướng quấy nhiễu, là nơi mà chư Phật và chư đại Bồ tát đã đạt đến.

Ngài Tu Bồ Đề tán thán Bát nhã Ba-la-mật có lực phá hết thảy các chấp về hữu vi pháp để đạt đến Niết Bàn.

Bởi vậy nên chẳng có pháp nào thù thắng hơn Niết Bàn cả.

Thế nhưng, nếu chẳng rõ Niết Bàn là rốt ráo thanh tịnh, là rốt ráo không, là như huyễn, như mộng, mà mong tâm thù chấp Niết Bàn cũng sẽ bị lực trí huệ vô ngại Bát nhã Ba-la-mật phá trừ vậy.

Bởi vậy nên ngài Tu Bồ Đề nói: Nếu có pháp nào thù thắng hơn Niết Bàn, thì tôi cũng nói rằng pháp ấy là như huyễn, như mộng.

-o0o-

### **KINH:**

Lúc bấy giờ, các ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Ma Ha Câu Hy La, Ma Ha Ca Chiên Diên, Phú Lô Na, Ma Ha Ca Diếp cùng vô số Bồ tát hỏi ngài Tu Bồ Đề: Thưa ngài Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật khó thấy, khó hiểu, khó biết, là tịch diệt, là thậm thâm vi diệu. Như vậy ai là người tín thọ được Bát nhã Ba-la-mật?

Ngài A Nan thay ngài Tu Bồ Đề đáp: Đó là các Đại Bồ tát đã vào được bất thối chuyển địa, các bậc A-la-hán lậu tận, các bậc đã thành tựu chánh kiến, đã đầy đủ tín lực, các thiện nam, thiện nữ căn tánh lạnh lợi, thường thân cận các thiện tri thức, thường cúng dường chư Phật. Những hạng người này tín thọ Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng nói như vậy là phải hay chẳng phải (thị hay phi).

Ngài Tu Bồ Đề tiếp lời ngài A Nan, nói: Đó chính là những người chẳng dùng “sắc” để phân biệt “không”, và chẳng dùng “không” để phân biệt “sắc”, ..., dẫn đến chẳng dùng “thức” để phân biệt “không”, và chẳng dùng “không” để phân biệt “thức”, chẳng dùng “sắc” để phân

biệt “vô tướng, vô tác”, và chẳng dùng “vô tướng, vô tác” để phân biệt “sắc”, ..., dẫn đến chẳng dùng “thức” để phân biệt “vô tướng, vô tác”, và chẳng dùng “vô tướng, vô tác” để phân biệt “thức”, chẳng dùng “sắc” để phân biệt “bất sanh, bất diệt, tịch diệt, ly”, và chẳng dùng “bất sanh, bất diệt, tịch diệt, ly” để phân biệt “sắc”, đến chẳng dùng “thức” để phân biệt “bất sanh, bất diệt, tịch diệt, ly”, và chẳng dùng “bất sanh, bất diệt, tịch diệt, ly”, để phân biệt “thức”.

Nhãn dẫn đến ý, sắc, ..., dẫn đến pháp, nhãn thức, ... dẫn đến ý thức, nhãn xúc, ... dẫn đến ý xúc, nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ cũng là như vậy.

Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, hết thấy các tam muội, hết thấy các đà la ni cũng đều là như vậy.

Dẫn đến A-la-hán, Bích Chi Phật, Phật, Nhất thiết chủng trí cũng đều là như vậy cả. Ví như chẳng dùng “Nhất thiết chủng trí” để phân biệt “không”, ..., dẫn đến để phân biệt “ly”, và chẳng dùng “không” dẫn đến chẳng dùng “ly” để phân biệt “Nhất thiết chủng trí”.

Ngài Tu Bồ Đề lại nói tiếp: Thừa chư vị Thiên tử! Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm vi diệu như vậy, có ai lãnh thọ được chăng?

Thừa chư vị Thiên tử! Trong Bát nhã Ba-la-mật chẳng có pháp gì để thuyết, chẳng có pháp gì để chỉ bày, chẳng có pháp gì để luận giải cả. Do vậy mà người tín thọ Bát nhã Ba-la-mật cũng là bất khả đắc vậy.

Lúc bấy giờ ngài Xá Lợi Phát nói: Thưa ngài Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật rộng nói cả 3 thừa pháp, và các pháp nhiếp thủ Bồ tát, từ sơ phát tâm đến khi vào thập địa, hộ trì Bồ tát tu Đàn Ba-la-mật, dẫn đến tu Bát nhã Ba-la-mật, tu 4 niệm xứ, ..., dẫn đến tu 18 bất cộng pháp. Bởi nhân duyên vậy, nên cần phải dạy Bát nhã Ba-la-mật cho Bồ tát.

Bồ tát Ma ha tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật như vậy, trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, nên chẳng mất thần thông, được đầy đủ các thiện căn công đức, thường đi đến các cõi Phật, cung kính cúng dường chư Phật, thọ lãnh giáo pháp của chư Phật, mãi cho đến khi được Nhất thiết chủng trí mà chẳng hề ly chánh định. Do vậy mà được “nhất thiết thế gian tối thượng biện”, tức là được biện tài vô ngại, vượt trên hết thấy thế gian.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Đúng như vậy, đúng như vậy!

Thưa ngài Xá Lợi Phát! Như lời ngài nói, Bát nhã Ba-la-mật rộng nói cả 3 thừa giáo, là giáo pháp hộ trì Bồ tát, dẫn đến “nhất thiết thế gian tối thượng biện”. Là pháp bất khả đắc vậy.

Bởi vậy nên ngã, ..., dẫn đến tri giả, kiến giả cũng bất khả đắc, nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không cũng bất khả đắc, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, hết thấy các tam muội hết thấy các đà la ni, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng đều bất khả đắc cả.

Ngài Xá Lợi Phát nói: Thưa ngài Tu Bồ Đề! Vì nhân duyên gì mà nói Bát nhã Ba-la-mật rộng nói cả 3 thừa giáo là bất khả đắc? Vì nhân duyên gì mà nói Bát nhã Ba-la-mật hộ trì Bồ tát, dẫn đến giáo hóa Bồ tát được “nhất thiết thế gian tối thượng biện” là bất khả đắc?



Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Xá Lợi Phất! Vì nội không, nên Bát nhã Ba-la-mật rộng nói cả 3 thừa giáo là bất khả đắc. Vì ngoại không, ..., dẫn đến vì vô pháp hữu pháp không, nên Bát nhã Ba-la-mật rộng nói cả 3 thừa giáo là bất khả đắc.

Vì nội không nên Bát nhã Ba-la-mật hộ trì Bồ tát, dẫn đến giáo hóa Bồ tát được “nhất thiết thế gian tối thượng biện” là bất khả đắc. Vì ngoại không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không nên Bát nhã Ba-la-mật hộ trì Bồ tát, dẫn đến giáo hóa Bồ tát được “nhất thiết thế gian tối thượng biện” là bất khả đắc.

#### LUẬN:

Vì nghĩ rằng Bát nhã Ba-la-mật là pháp khó thấy, khó hiểu, khó biết, là pháp tịch diệt, thậm thâm vi diệu, nên chư đại đệ tử của Phật đã hỏi ngài Tu Bồ Đề rằng: Ai là người tin thọ được Bát nhã Ba-la-mật? Bởi vậy mà ngài Tu Bồ Đề đã nói rằng: Các pháp đều chẳng có định tướng. Vào được nơi thật tướng pháp rồi thì các tâm hành xứ đều diệt, các ngôn ngữ đều đoạn, nên nói Bát nhã Ba-la-mật là pháp khó giải, khó bày. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là tịch diệt, là trí huệ vi diệu, đầy đủ, viên mãn, chẳng còn chỗ sở cầu.

Lại nữa, vì nghĩ rằng Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm vi diệu, nên người thế gian sanh tâm sợ hãi, người chỉ mong cầu phước quả, khi nghe đến phá chấp “hữu”, người chỉ cầu vui dục lạc, khi nghe đến phá chấp thường v.v... đều sanh tâm sợ hãi. Do vậy mà các ngài đã nêu lên câu hỏi trên đây.

Nhân đây, ngài A Nan đã thay lời ngài Tu Bồ Đề, nói đến 4 hạng người tin thọ được Bát nhã Ba-la-mật. Đó là:

- Chư Bồ tát đã vào bất thối chuyển địa, đã biết rõ hết

thầy các pháp đều là bất sanh, bất diệt, và đã chẳng còn chấp các pháp tướng.

- Chư vị lậu tận A-la-hán đã thành tựu được các pháp vô vi tối thượng.

- Những người đã thành tựu được chánh kiến và chánh tín lực.

- Những người đã có nhiều phước đức, có căn tánh minh lợi, có trí huệ thanh tịnh, lại thường thân cận các bậc thiện tri thức.

**Hỏi:** Trước đây nói ngài A Nan chẳng có dự các cuộc tham luận về Bát nhã Ba-la-mật. Nay vì sao ngài A Nan lại đáp thay ngài Tu Bồ Đề?

**Đáp:** Ngài A Nan được xem là bậc giáo thọ trong đại chúng. Tuy mới được quả Tu-đà-hoàn nhưng ngài đã là bậc đa văn, nhiều trí huệ.

Mặc dù ngài A Nan chưa được thâm nhập “pháp không”, nhưng ngài rất thông đạt về hữu vi pháp, lại thường giải đáp các nạn vấn liên hệ đến hữu vi pháp, nên khi nghe các đại đệ tử của Phật nêu lên câu hỏi “Ai là người tín thọ được Bát nhã Ba-la-mật?”, ngài đã trả lời thay ngài Tu Bồ Đề vậy. Vì sao? Vì câu hỏi đó liên hệ đến tín tâm, tức là liên hệ đến hữu sự, hữu pháp vậy.

Lại nữa, ngài Tu Bồ Đề thường thuyết về “pháp không” mà chẳng có thường thuyết về các pháp hữu vi, nên ngài A Nan trả lời thay ngài Tu Bồ Đề về câu hỏi nêu trên đây vậy.

**Hỏi:** Bát nhã Ba-la-mật là vô sở hữu. Như vậy vì sao lại nói đến 4 hạng người tín thọ Bát nhã Ba-la-mật?

**Đáp:** Ngài Tu Bồ Đề nói về nhân duyên tín thọ Bát nhã Ba-la-mật là chẳng dùng “sắc” để phân biệt “không” chẳng dùng “không” để phân biệt “sắc”, vì “sắc” tức là “không” và “không” tức là “sắc” v.v...

Ngài lại nói rõ Bát nhã Ba-la-mật là pháp thậm thâm vi diệu, chẳng có lỗi lầm, chẳng gì phá được, trong Bát nhã Ba-la-mật chẳng có pháp gì để thuyết, chẳng có pháp gì để chỉ bày, chẳng có pháp gì để luận giải cả. Bởi vậy nên 4 hạng người tín thọ Bát nhã Ba-la-mật cũng đều là bất khả đắc.

Các hạng người này biết rõ “không” tức là “Bát nhã Ba-la-mật, và Bát nhã Ba-la-mật tức là “không”, biết rõ thật tướng các pháp là vô sanh, vô diệt, vô tướng, vô tác, nên dùng trí huệ Bát nhã để phá các hý luận, các kiến chấp điên đảo về nhân duyên tác sắc.

**Hỏi:** *Vì sao chư vị đại đệ tử của Phật nêu lên câu hỏi, mà ngài Tu Bồ Đề tiếp theo lời ngài A Nan, lại hướng câu trả lời về chư vị Thiên tử?*

**Đáp:** Ngài Tu Bồ Đề biết rằng chư vị đại đệ tử của Phật đều là những vị Đại A-la-hán, nên dù có khởi tâm nghi về Bát nhã Ba-la-mật, mà nêu lên câu hỏi để được giải đáp, thì đối với các ngài, sự giải đáp cũng chỉ đem lại sự lợi ích nhỏ mà thôi. Trái lại chư vị Thiên tử mới phát tâm Vô thượng bồ đề, mới phát tâm hành Bồ tát đạo thì sự giải đáp sẽ đem lại cho họ nhiều lợi ích hơn.

Bởi vậy nên ngài Tu Bồ Đề đã vì họ mà giải đáp. Tuy trực tiếp giải đáp cho chư vị Thiên tử nhưng cũng là gián tiếp giải đáp cho chư vị đại đệ tử của Phật vậy.

Lại nữa, nhằm giúp chư vị Thiên tử tăng thêm tín tâm nơi Bát nhã Ba-la-mật, mà ngài Tu Bồ Đề sau khi nói về pháp

“không”, đã nói rõ rằng Bát nhã Ba-la-mật là tốt ráo không, nói rõ rằng người hành các pháp “không” mà giữ được tâm “vô sở trước” mới là người tin thọ Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Lúc bấy giờ ngài Xá Lợi Phất tán thán ngài Tu Bồ Đề rằng: Khi nói về Bát nhã Ba-la-mật, ngài đã khéo rộng nói về cả 3 thừa giáo, về các pháp nhiếp thủ Bồ tát, từ sơ phát tâm đến Phật địa, hộ trì Bồ tát hành Bồ tát đạo, rộng tu 6 pháp Ba-la-mật, dẫn đến được Nhất thiết chủng trí, để hóa độ hết thảy chúng sanh. Thâm nhập vào được Bát nhã Ba-la-mật sẽ được quả báo vô ngại nơi hết thảy các pháp, được biện tài vô ngại, được lạc thuyết vô ngại v.v... Thâm nhập vào được Bát nhã Ba-la-mật sẽ giải trừ được các nạn vẫn, sẽ chẳng còn sanh hý luận. Bởi vậy nên Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, chỉ tùy chúng sanh mà thuyết pháp, nên gọi là “tùy ứng biện thuyết” và cũng gọi là “nhất thiết thế gian tối thượng biện”.

Ngài Tu Bồ Đề xác nhận lời nói của ngài Xá Lợi Phất là đúng, khiến ngài Xá Lợi Phất lại nghĩ rằng: Ngài Tu Bồ Đề thường thuyết pháp “không”, nhưng vì sao khi nghe ta nói Bát nhã Ba-la-mật rộng nói về 3 thừa giáo mà ngài lại tán thán như vậy. Chắc là phải có nhân duyên gì?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Vì nội không, ..., dẫn đến vì vô pháp hữu pháp không, nên Bát nhã Ba-la-mật rộng nói cả 3 thừa giáo là bất khả đắc.

Bát nhã Ba-la-mật nhiếp thủ được pháp biện tài của cả 3 thừa giáo, vì cả 3 thừa giáo tốt ráo đều dẫn đến trí tánh không vậy.

-o0o-

## Phẩm Thứ Hai Mười Chín



### Tán hoa (Rải Hoa)

#### **KINH:**

Lúc bấy giờ ngài Thích Đề Hoàn Nhơn và chư Thiên vương trong đại chúng đều nghĩ rằng: Ngài Tu Bồ Đề đã vì chúng sanh ban pháp vũ (mưa pháp)<sup>(\*)</sup>, chúng ta phải hóa tác các hoa trời để tán Phật, chư Đại đức Tăng, đại đức Tu Bồ Đề và Bát nhã Ba-la-mật.

Nghĩ như vậy rồi, chư Thiên vương liền tung các hoa trời đầy khắp giữa hư không. Các hoa báu này kết thành những đài hoa trang nghiêm vi diệu.

Ngài Tu Bồ Đề tự niệm: Chư vị Thiên tử tán các hoa trời đầy cả hư không, quý báu xinh đẹp chưa từng thấy. Đây là hoa được biến hóa ra, chẳng phải là hoa từ cây sanh ra. Đây là hoa từ tâm thọ sanh, chẳng phải là hoa từ cây sanh ra.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn biết tâm niệm của ngài Tu Bồ Đề, liền nói: Thưa đại đức! Hoa này chẳng phải là hoa từ cây sanh ra, cũng chẳng phải là hoa từ tâm thọ sanh.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Ngài nói

---

\*. Pháp vũ là mưa pháp, dụ cho pháp Phật linh diệu, ban đều khắp, khiến hết thảy chúng sanh đều được lợi lạc, như mưa đổ xuống làm cho cây cỏ đều xanh tươi.

hoa này chẳng phải từ cây sanh, cũng chẳng phải là hoa từ tâm thọ sanh. Như vậy nếu hoa này chẳng sanh thì chẳng thể gọi là hoa.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đáp: Thưa đại đức! Chỉ có hoa này chẳng sanh, hay là sắc, thọ, tướng, hành, thức cũng chẳng sanh?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Chẳng phải chỉ có hoa này là chẳng sanh mà sắc dẫn đến thức cũng chẳng sanh. Nếu sắc dẫn đến thức chẳng sanh, thì cũng chẳng thể gọi là sắc ..., dẫn đến cũng chẳng thể gọi là thức.

Nhân, ..., dẫn đến ý, sắc, ..., dẫn đến pháp, nhân thức, ..., dẫn đến ý thức, nhân xúc, ..., dẫn đến ý xúc, nhân xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ cũng đều là như vậy. Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, nội không, ...dẫn đến vô pháp hữu pháp không, 4 niệm xứ, ...dẫn đến 18 bất cộng pháp, hết thấy các tam muội, hết thấy các đà la ni, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng đều là như vậy.

## LUẬN:

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn và chư vị Thiên vương nghe ngài Tu Bồ Đề nói về nghĩa Bát nhã Ba-la-mật cũng là nói về thật tướng các pháp, nên chẳng còn gì để suy lường phân biệt nữa.

Tuy ngài Tu Bồ Đề nói các pháp là rốt ráo không, mà chẳng phá các pháp tướng, chẳng làm mất các hạnh nghiệp nhân duyên quá báo.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn cùng chư vị Thiên vương thấy ngài Tu Bồ Đề chỉ là Thanh Văn, mà giữa đại chúng đã khéo

nói lên được thậm thâm pháp nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật, nên rất hoan hỷ và nghĩ rằng: Ngài Tu Bồ Đề thuyết pháp vô ngại, ví như cơn mưa lớn tưới khắp, làm cho cây cỏ lớn nhỏ đều được xanh tươi; ngài Tu Bồ Đề ban “mưa pháp” làm cho cả 3 thừa giáo đều được lợi lạc.

Ở nơi pháp hội, ngài Tu Bồ Đề trước hết thuyết về Bát nhã Ba-la-mật, rồi sau đó khuyên phát tâm tu hành, để dẫn đến Phật đạo.

Do ngài thuyết về thật tướng pháp, nên chẳng có gì để suy lường, để phân biệt cả.

Ví như cơn mưa lớn đổ xuống khắp cõi Diêm phù đề, khiến nơi nơi đều được nhuận ích. Hạt giống ở sẵn trong đất, nhưng nếu chẳng gặp được cơn mưa đúng thời thì chẳng có thể nảy mầm được. Cũng như vậy, người tu dù đã có sẵn chủng nhân vô thượng, nhưng nếu chẳng gặp được mưa pháp đúng thời, thì chẳng có thể phát khởi đạo tâm được. Trái lại, nếu gặp được mưa pháp đúng thời đúng lúc thì mới có cơ duyên phát khởi Vô thượng bồ đề tâm được.

Ví như trận cuồng phong quét sạch bụi trần, ví như cơn mưa rào làm tan nhiệt khí. Cũng như vậy, cơn mưa pháp Bát nhã Ba-la-mật tận diệt các tà độc bất thiện, quét sạch các tà kiến, các ma sự của các ác tri thức.

Hàng phàm phu mong cầu phước báo, nên sanh tâm sợ hãi khi nghe thuyết Bát nhã Ba-la-mật, còn chư Thiên vương nghe được Bát nhã Ba-la-mật, sanh tâm hoan hỷ, nên đã tự niệm rằng: Chúng ta phải hóa tác các hoa trời để tán Phật, chư Đại đức tăng, Đại đức Tu Bồ Đề và Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề đã khéo thuyết Bát nhã Ba-la-mật, nên chư Thiên vương sanh tín tâm thanh tịnh, hoan hỷ muốn cúng dường ngài và cúng dường Bát nhã Ba-la-mật.

Vì ngài thuyết về “pháp không” nên người nghe pháp phải là người như huyễn, như hóa. Do vậy mà chư Thiên đã tự hiển dụng pháp tướng tán hoa để cúng dường.

Vì hoa này chẳng phải là sanh hoa, cũng chẳng phải là hoa từ tâm thọ sanh, nên sự cúng dường được tròn đầy ý nghĩa vậy.

Chư vị Thiên vương nghĩ rằng:

- Đem hoa tán Phật là cúng dường Phật Bảo.
- Đem hoa tán Bát nhã Ba-la-mật là cúng dường Pháp Bảo.
- Đem hoa tán chư vị đại đức Tăng và đại đức Tu Bồ Đề là cúng dường Tăng Bảo.

Nghĩ như vậy rồi, chư Thiên vương đã biến hóa ra các hoa Trời đầy khắp hư không, để sự cúng dường Tam bảo được thành tựu viên mãn.

**Hỏi:** *Do nguyên nhân gì mà các hoa trời lại kết thành đài hoa trang nghiêm, và trụ giữa hư không như vậy?*

**Đáp:** Có thuyết nói đó là do phước đức của chư Thiên và chư Thiên vương mà có sự kiện hy hữu như vậy.

Có thuyết nói đó là do Phật lực gia bị mà có.

Lại có thuyết nói đó là do chúng hội được nghe Bát nhã Ba-la-mật, mà được đại công đức. Mặc dù gieo nhân ít mà được quả báo to lớn, khiến thành tựu được Phật đạo, nên có sự kiện vi diệu ấy hiện ra.



Lúc bấy giờ ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ rằng: Các hoa này chẳng phải là hoa thật, từ cây sanh ra mà là hoa từ tâm thọ sanh. Sở dĩ nói hoa từ tâm thọ sanh ra vì chư Thiên đã tùy ý hiện ra hoa, cũng như hoa tùy theo niệm của chư Thiên mà đến vậy. Vì Bát nhã Ba-la-mật là pháp vi diệu, pháp vô sanh nên chư Thiên chẳng dùng “sanh hoa” để cúng dường mà dùng “vô sanh hoa” để cúng dường vậy.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn xác nhận: Hoa này chẳng phải là hoa từ cây sanh, cũng chẳng phải là hoa từ tâm thọ sanh.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Nếu hoa này chẳng sanh thì chẳng thể gọi là hoa được. Do vậy nên biết, ở trong “vô pháp”, ngài chẳng nên phân biệt là có hoa hay chẳng có hoa.

Nghe xong, ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đã được tâm thuần thực, nên hỏi ngài Tu Bồ Đề rằng: Chỉ có hoa này là chẳng sanh, hay các pháp cũng đều là chẳng sanh cả?

Ngài Tu Bồ Đề nói: Một pháp vô sanh thì hết thảy các pháp cũng đều là vô sanh cả. Nếu người tu hành ở nơi một pháp mà chẳng được minh liễu, thì ở nơi hết thảy các pháp cũng đều chẳng minh liễu.

Nên biết, nếu 5 âm là vô sanh thì chẳng có thể gọi là 5 âm, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí vô sanh thì chẳng thể gọi là Nhất thiết chủng trí. 5 âm do nhân duyên hòa hợp sanh, chỉ là giả danh, chẳng có định tướng. Thật tướng của 5 âm là như pháp tánh thật tế, là vô tướng vậy.

-o0o-

Ở nơi “thế tục đế”, do tùy thuận chúng sanh tâm, mà lập ra danh tự để phân biệt các pháp tướng riêng khác. Thế nhưng ở nơi “Đệ nhất nghĩa đế” thì chẳng có phân biệt bi, thù

(bên kia, bên này) nên là vô tranh (chẳng có tranh cạnh) vậy. Từ sắc, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng đều là như vậy, chẳng có gì phân biệt cả. Do vì ngã không và chúng sanh không, nên người thuyết pháp, người nghe pháp, người hiểu pháp, người biết pháp đều là “không” cả. Bởi vậy nên quả Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến quả Phật đều là giả danh, giả thi thiết cả.

-o0o-

### **KINH:**

**Ngài Thích Đề Hoàn Nhon nghĩ rằng: Ngài huệ mạng Tu Bồ Đề trí huệ cao sâu. Ngài chẳng hoại pháp tướng mà vẫn thuyết được thật tướng các pháp.**

**Phật biết tâm niệm của vị Đế Thích, nên dạy rằng: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Kiều Thi Ca! Ông Tu Bồ Đề có trí huệ cao sâu, chẳng phá hoại các pháp tướng mà vẫn thuyết được thật tướng của các pháp.**

**Ngài Thích Đề Hoàn Nhon bạch Phật: Bạch Thế Tôn! đại đức Tu Bồ Đề chẳng hoại các pháp tướng mà vẫn thuyết được thật tướng các pháp. Nghĩa ấy như thế nào?**

**Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Sắc là giả danh, ..., dẫn đến thức là giả danh, nên ông Tu Bồ Đề chẳng hoại các pháp tướng mà vẫn thuyết được thật tướng các pháp. Vì sao? Vì thật tướng pháp là chẳng hoại (phi hoại), cũng chẳng phải chẳng hoại (phi bất hoại). Chỗ thuyết pháp của ông Tu Bồ Đề cũng chẳng hoại (phi hoại), cũng chẳng phải chẳng hoại (phi bất hoại).**

**Nhãn, ..., dẫn đến ý, sắc, ..., dẫn đến pháp, nhãn thức, ..., dẫn đến ý thức, nhãn xúc, ..., dẫn đến ý xúc, nhãn xúc**

nhân duyên sanh thọ, dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ. Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, hết thấy các tam muội, hết thấy các đà la ni, quả Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến quả Phật, Phật đạo, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng đều là giả thi thiết cả.

Này Kiều Thi Ca! Bởi nhân duyên vậy, nên ông Tu Bồ Đề chẳng hoại các pháp tướng, mà vẫn thuyết được thật tướng các pháp.

Ngài Tu Bồ Đề nói với ngài Thích Đề Hoàn Nhon: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Đúng như lời Phật dạy, các pháp chỉ là giả danh. Bồ tát Ma ha tát phải biết rõ các pháp chỉ là giả danh, và phải học Bát nhã Ba-la-mật như vậy.

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Bồ tát học như vậy tức là chẳng học sắc, ..., dẫn đến chẳng học thức. Vì sao? Vì chẳng thấy có sắc, ..., dẫn đến chẳng thấy có thức để học.

Bồ tát cũng chẳng học nhãn, ..., dẫn đến ý, chẳng học sắc, ..., dẫn đến pháp, chẳng học nhãn thức, ..., dẫn đến ý thức, chẳng học nhãn xúc, ..., dẫn đến ý xúc, chẳng học nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ, chẳng học Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, chẳng học nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không, chẳng học 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, chẳng học hết thấy tam muội, hết thấy đà la ni, ..., dẫn đến chẳng học Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì chẳng thấy có các pháp đó để học.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon hỏi: Thưa đại đức! Vì nhân duyên gì mà Bồ tát chẳng thấy có sắc, ..., dẫn đến chẳng thấy có Nhất thiết chủng trí để học?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Vì sắc là “sắc không” dẫn đến Nhất thiết chủng trí là “Nhất thiết chủng trí không”.

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Vì chẳng trú trong “không” mới gọi là học “không”. Vì sao? Vì là “bất nhị pháp”.

Bồ tát học sắc không” dẫn đến học “Nhất thiết chủng trí không” vì là “bất nhị pháp”.

Bồ tát học “sắc không” dẫn đến “thức không” là chẳng phải hai (bất nhị), ... học “Đàn Ba-la-mật không” dẫn đến “Bát nhã Ba-la-mật không” là chẳng phải hai, học “4 niệm xứ không” dẫn đến “18 bất cộng phải “không” là chẳng phải hai, học “quả Tu-đà-hoàn không”, ..., dẫn đến “quả Phật không”, học “tam muội không”, “đà la ni không”, ..., dẫn đến “Nhất thiết chủng trí không” là chẳng phải hai. Học như vậy nên Bồ tát có thể học được vô lượng vô biên a tăng kỳ Phật pháp.

Bồ tát học vô lượng vô biên a tăng kỳ Phật pháp như vậy, là chẳng vì sắc tăng mà học, cũng chẳng vì sắc giảm mà học, ..., dẫn đến chẳng vì Nhất thiết chủng trí tăng mà học, cũng chẳng vì Nhất thiết chủng trí giảm mà học.

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Nếu Bồ tát chẳng vì sắc tăng, sắc giảm mà học, ..., dẫn đến chẳng vì Nhất thiết chủng trí tăng, Nhất thiết chủng trí giảm mà học, thì Bồ tát cũng chẳng vì sắc thọ, sắc diệt mà học, ..., dẫn đến chẳng vì Nhất thiết chủng trí thọ, Nhất thiết chủng trí diệt mà học vậy.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Thưa ngài Tu Bồ Đề! Ngài nói Bồ tát học như vậy là chẳng vì sắc thọ, sắc diệt mà học, ..., dẫn đến chẳng vì Nhất thiết chủng trí thọ, Nhất thiết chủng trí diệt mà học chẳng?

**Ngài Tu Bồ Đề đáp:** Thưa ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát nếu học như vậy, thì sẽ chẳng vì sắc thọ hay sắc diệt mà học, ..., dẫn đến chẳng vì Nhất thiết chủng trí thọ hay diệt mà học vậy.

**Ngài Xá Lợi Phất hỏi:** Vì nhân duyên gì mà Bồ tát chẳng vì sắc thọ hay diệt mà học, ..., dẫn đến chẳng vì Nhất thiết chủng trí thọ hay diệt mà học?

**Ngài Tu Bồ Đề đáp:** Vì sắc là chẳng thể thọ (bất khả thọ), mà cũng chẳng có người thọ sắc, ..., dẫn đến vì Nhất thiết chủng trí là chẳng thể thọ, mà cũng chẳng có người thọ Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì đều là nội không, ..., dẫn đến đều là vô pháp hữu pháp không, nên là như vậy.

Do vì chẳng thọ (bất thọ) hết thấy pháp nên Bồ tát mới có thể đến được Nhất thiết chủng trí.

**Ngài Xá Lợi Phất hỏi:** Ngài nói Bồ tát học như vậy mà có thể đến được Nhất thiết chủng trí chẳng?

**Ngài Tu Bồ Đề đáp:** Bồ tát học Bát nhã Ba-la-mật như vậy, có thể đến được Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì chẳng thọ hết thấy pháp mới đến được Nhất thiết chủng trí vậy.

**Ngài Xá Lợi Phất hỏi:** Nếu đối với hết thấy các pháp, Bồ tát đều chẳng vì thọ mà học, cũng chẳng vì diệt mà học thì làm sao có thể đến được Nhất thiết chủng trí?

**Tu Bồ Đề đáp:** Thưa ngài Xá Lợi Phất! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng thấy sắc sanh, chẳng thấy sắc diệt, chẳng thấy sắc thọ, chẳng thấy sắc bất thọ, chẳng thấy sắc cấu, chẳng thấy sắc tịnh, chẳng thấy sắc tăng, chẳng thấy sắc giảm. Vì sao? Vì sắc tánh là không.

Dẫn đến Bồ tát chẳng thấy Nhất thiết chủng trí là có

sinh, có diệt, có thọ, có cấu, có tịnh, có tăng, có giảm. Vì sao? Vì “Nhất thiết chủng trí” là tánh không.

Như vậy, thưa ngài Xá Lợi Phất! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát biết rõ hết thấy các pháp đều là bất sanh, bất diệt, bất thọ, bất xả, bất cấu, bất tịnh, bất tập, bất tán, bất tăng, bất giảm. Bồ tát do học Bát nhã Ba-la-mật như vậy mà đến được Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì là “vô sở học”, “vô sở đắc”, chẳng có gì học, chẳng có gì đắc vậy.

### LUẬN:

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn hoan hỷ tán thán ngài Tu Bồ Đề có trí huệ cao sâu, chẳng hoại các pháp tướng, mà vẫn thuyết được thật tướng các pháp.

Phật ẩn chứng lời tán thán này.

*Hỏi: Vì sao Phật ẩn chứng lời ngài Thích Đề Hoàn Nhơn tán thán ngài Tu Bồ Đề?*

**Đáp:** Phật hiển dụng đại bi tâm, muốn chúng sanh tin thọ lời của Tu Bồ Đề thuyết.

Ngài Tu Bồ Đề đã dùng trí huệ thậm thâm, quán chiếu các pháp, biết rõ hết thấy pháp đều chỉ là giả danh. Như vậy là hợp với Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì hết thấy các pháp đều do duyên hòa hợp sanh, nên đều là giả danh, là vô tướng vậy.

Bát nhã Ba-la-mật dung nhiếp hết thấy các pháp, mà chẳng thủ chấp các tướng. Học Bát nhã Ba-la-mật như vậy là học sắc không, ..., dẫn đến học Nhất thiết chủng trí không, là vào được “bất nhị pháp” vậy.

Lại nữa, vì sắc chẳng có định tướng, vì sắc là vô sắc nên chẳng học sắc. Dẫn đến hết thấy các pháp cũng đều là như vậy cả.

Bồ tát cầu 5 nhãn, nên chẳng thấy có sắc tướng, chẳng thấy có ngã tướng, có vô ngã tướng, ..., dẫn đến chẳng thấy có Nhất thiết chủng trí tướng. Vì sao? Vì ở nơi thật tướng thì sắc, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều là không, là vô tướng, là bất khả đắc cả. Cho nên nói sắc là tự tướng không, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng là tự tướng không.

Do vì biết sắc, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí là tự tướng không, nên chẳng học sắc, ..., dẫn đến chẳng học Nhất thiết chủng trí.

Nên biết hết thấy các pháp tướng đều nương vào nhau mà y tha khởi tác hành, chẳng phải mỗi pháp có tự tướng riêng biệt vậy. Ví như “người cỡi ngựa” nếu chẳng nương vào “tướng người”, “tướng ngựa” thì chẳng sao nói lên được “tướng người cỡi ngựa” được.

**Hỏi:** *Nếu như vậy thì chẳng học hết thấy pháp. Sao lại nói được hết thấy trí?*

**Đáp:** Như đã nói trước đây, nếu đã vào được pháp “không” thì chẳng còn chấp các pháp tướng nữa. Học như vậy mới gọi là học sắc không. Vì sao? Vì nếu chấp “không” mà phá các pháp tướng thì liền bị rơi vào đoạn diệt. Còn nếu phá chấp về sắc tướng, mà cũng chẳng chấp “không” thì mới vào được “bất nhị pháp môn”. Có như vậy mới biết được “sắc” và “không” đều chẳng phải hai, chẳng phải khác và đều là bất khả đắc cả.

Lại nữa, nếu học “sắc không”, ..., dẫn đến “Nhất thiết chủng trí không” là chẳng phải hai, chẳng phải khác, thì sẽ được vô lượng vô biên a tăng kỳ Phật pháp. Đó chính là “Nhất thiết chủng trí” vậy.

Bồ tát tâm có hạn lượng, còn Phật tâm là vô hạn lượng. Bởi vậy nên nói vô hạn lượng mới là chánh hạnh của Bồ tát đạo.

-o0o-

Lại nữa, nói chẳng học sắc tăng hay giảm, là vì tăng hay giảm đều là giả lập. Ví như do 4 đại và 4 đại tạo sắc tác duyên hòa hợp mà tạo thành sắc thân. Khi đã có sắc thân lại vọng khởi thấy có tướng nam, tướng nữ, tướng xấu, tướng tốt, tướng cao, tướng thấp, khiến chúng sanh sanh nhiễm trước. Như vậy gọi là sắc tăng.

Trái lại, khi phá sắc thành không rồi, lại vọng khởi chấp “không”. Như vậy gọi là sắc giảm. Dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng là như vậy.

-o0o-

Lại nữa, nói chẳng vì sắc thọ, chẳng vì sắc diệt mà học, là vì sắc thọ hay sắc diệt đều là bất khả đắc cả. Nếu biết rõ như vậy, thì chẳng còn thọ các nghiệp quả nhân duyên tương tục nữa.

Ngài Tu Bồ Đề nói các nhân duyên sanh ra sắc đều là bất khả đắc, nên chẳng thọ sắc. Lại vì nội ngoại sắc đều là không, nên chẳng thọ sắc. Sắc đã chẳng thọ thì cũng chẳng diệt vậy.

**Hỏi:** Ở trong 18 không đã bao gồm hết thấy các pháp. Sao trên đây chỉ đề cập đến nội và ngoại không mà thôi?

**Đáp:** Nói người thọ sắc là không, là nói về nội không. Nói về sắc không là nói về ngoại không. Nội không và ngoại không nhiếp hết thấy các pháp không, nên chỉ cần đề cập đến nội không và ngoại không là đủ rồi vậy.



Bồ tát học “sắc không”, ..., dẫn đến học “Nhất thiết chủng trí không” là học “bất nhị pháp”. Học như vậy là sẽ đến được Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì chẳng còn gì làm chướng ngại cả.

Lại nữa, nếu Bồ tát quán hết thấy các pháp đều như hư không, chẳng có gì chướng ngại thì sẽ đến được Nhất thiết chủng trí.

-o0o-

Bởi các nhân duyên như vậy nên ngài Xá Lợi Phất nghĩ rằng: Bồ tát phải diệt hết phiền não, phải thọ hết thấy thiện pháp.

Nghĩ như vậy rồi, ngài bèn hỏi ngài Tu Bồ Đề rằng: Nếu Bồ tát học hết thấy các pháp, mà chẳng thọ, chẳng diệt thì làm sao đến được Nhất thiết chủng trí?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Nếu phá chấp về “sinh tướng” thì sẽ biết rõ hết thấy pháp đều là vô sanh. Nếu phá chấp về “vô thường tướng”, thì sẽ biết rõ hết thấy pháp đều là vô diệt. Quán hết thấy các pháp tướng đều là hư vọng, duyên khởi sanh ra các tội lỗi nên là bất thọ. Quán hết thấy các pháp tướng đều lợi ích, nên là bất xả. Quán hết thấy các pháp đều là tánh thể thanh tịnh, nên là bất cấu. Quán hết thấy các pháp đều là tánh thể thường bình đẳng, chẳng phân biệt cấu tịnh nên là bất tịnh. Quán hết thấy các pháp tướng tuy có tác duyên mà thật chẳng được tạo tác, nên là vô tác, vô khởi. Quán hết thấy các pháp dù ra, dù vào, dù qua, dù lại... đều chẳng có tăng, chẳng có giảm, chẳng có nhiều, chẳng có ít, nên là bất tăng bất giảm.

Như biển lớn thu nhận nhiều nguồn nước từ các dòng sông tương tục chảy đến, mà lượng nước biển chẳng có gì

thay đổi. Các pháp cũng là như vậy. Do pháp tánh vẫn thường trú như hư không, nên tự tánh của hết thảy các pháp là bất khả đắc, bất khả hoại. Nếu học được như vậy thì sẽ đến được Nhất thiết chủng trí. Học được như vậy thì mới chẳng thấy có sắc tướng, ..., dẫn đến chẳng thấy có thức tướng, chẳng thấy có Bồ tát tướng, ..., dẫn đến chẳng thấy có Bát nhã Ba-la-mật tướng. Học như vậy mới đạt đến chỗ “vô sở học”, “vô sở đắc” vậy.

-o0o-

**KINH:**

Lúc bấy giờ ngài Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi ngài Xá Lợi Phất: Thưa ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma ha tát phải y cứ vào đâu để cầu Bát nhã Ba-la-mật?

Ngài Xá Lợi Phất nói: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Bồ tát Ma ha tát phải y cứ nơi chỗ ngài Tu Bồ Đề thuyết mà cầu Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi ngài Tu Bồ Đề: Thưa Đại đức! Đây là thần lực của Đại đức khiến ngài Xá Lợi Phất nói vậy chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Chẳng phải thần lực của tôi khiến ngài Xá Lợi Phất nói như vậy.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi: Thưa Đại đức! Như vậy thần lực là của ai?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Đây là thần lực của Như Lai.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi: Hết thảy các pháp đều chẳng có thọ xứ (vô thọ xứ). Như vậy do đâu mà nói đó là thần lực của Như Lai?

Ly “vô thọ xứ tướng” thì Như Lai là bất khả đắc. Ly “pháp như” thì Như Lai cũng bất khả đắc.

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Đúng như vậy, đúng như vậy! Thưa ngài Kiều Thi Ca! Như lời ông nói, ly “vô thọ xứ tướng” thì Như Lai là bất khả đắc, và ly “pháp như” thì Như Lai cũng là bất khả đắc.

Trong “vô thọ xứ tướng”, Như Lai cũng là bất khả đắc, và trong “pháp như”, Như Lai cũng là bất khả đắc.

Lại nữa, trong “sắc như”, ..., dẫn đến trong “thức như”, thì “Như Lai như” là bất khả đắc, trong “Như Lai như” thì “sắc như”, ..., dẫn đến “thức như” là bất khả đắc. Trong “sắc pháp tướng”, ..., dẫn đến trong “thức pháp tướng” thì “Như Lai pháp tướng” là bất khả đắc, trong “Như Lai pháp tướng”, thì “sắc pháp tướng”, ..., dẫn đến “thức pháp tướng” là bất khả đắc.

Dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng là như vậy.

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Trong “sắc như”, ..., dẫn đến trong “thức như”, Như Lai chẳng có hợp, chẳng có tan, ly “sắc như”, ..., dẫn đến ly “thức như”, Như Lai cũng chẳng có hợp, chẳng có tan. Dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng là như vậy.

Lại nữa, trong “sắc pháp tướng”, ..., dẫn đến trong “thức pháp tướng”, Như Lai chẳng có hợp, chẳng có tan, ly “sắc pháp tướng”, ..., dẫn đến ly “thức pháp tướng”, Như Lai cũng chẳng có hợp, chẳng có tan. Dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng là như vậy.

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Như vậy là hết thấy các pháp đều chẳng có hợp, chẳng có tan. Đó chính là thần lực của Như Lai, chính là “vô sở thọ pháp” vậy.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi: Thưa Đại đức! Như vậy Bồ tát Ma ha tát cầu Bát nhã Ba-la-mật ở chỗ nào?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Chẳng phải ở trong sắc, chẳng phải ly sắc, ..., dẫn đến chẳng phải ở trong thức, chẳng phải ly thức, mà Bồ tát Ma ha tát cầu Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật và 5 âm cùng hết thấy các pháp đều là những pháp chẳng có hợp, chẳng có tan, chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có đối, đều chỉ là một tướng (nhất tướng), là chẳng có tướng (vô tướng) vậy.

Dẫn đến chẳng phải ở trong Nhất thiết chủng trí, hay ly Nhất thiết chủng trí mà cầu Bát nhã Ba-la-mật được. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật và Nhất thiết chủng trí cùng hết thấy các pháp đều là những pháp chẳng có hợp, chẳng có tan, chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có đối, đều chỉ là một tướng (nhất tướng), là chẳng có tướng (vô tướng) vậy.

Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải là 5 âm, cũng chẳng ly 5 âm, ..., dẫn đến chẳng phải là Nhất thiết chủng trí, cũng chẳng ly Nhất thiết chủng trí. Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải là “5 âm như”, cũng chẳng ly “5 âm như”, ..., dẫn đến chẳng phải là “Nhất thiết chủng trí như”, cũng chẳng phải ly “Nhất thiết chủng trí như”. Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải là “5 âm pháp”, cũng chẳng phải ly “5 âm pháp”, ..., dẫn đến chẳng phải là “Nhất thiết chủng trí pháp”, cũng chẳng ly “Nhất thiết chủng trí pháp”.

Vì sao?

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Vì hết thấy các pháp đều là vô sở hữu, đều là bất khả đắc vậy.

**LUẬN:**

**Hỏi:** Đức Phật, ngài Tu Bồ Đề và ngài Xá Lợi Phất đã dùng các phương tiện nhân duyên để nói rõ về nghĩa của “Bát nhã Ba-la-mật tướng” rồi. Nay vì sao ngài Thích Đề Hoàn Nhơn còn hỏi phải cầu Bát nhã Ba-la-mật ở chỗ nào nữa?

**Đáp:** Ở đây, vị Đế Thích chẳng có hỏi về thể của Bát nhã Ba-la-mật, mà ngài chỉ hỏi về “Bát nhã Ba-la-mật danh tự”, nên ngài Xá Lợi Phất mới nói: Phải nương nơi chỗ ngài Tu Bồ Đề thuyết mà cầu Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, ngài Tu Bồ Đề thường thuyết về “pháp không”, thường tu tập “pháp không”, còn ngài Xá Lợi Phất tuy là bậc trí huệ đệ nhất, tuy đã đoạn được “pháp ái” nhưng chưa có thường thuyết và hành “pháp không”, nên mới nói: Phải nương nơi chỗ ngài Tu Bồ Đề thuyết mà cầu Bát nhã Ba-la-mật.

**Hỏi:** Vì sao vị Đế Thích chẳng có hỏi Phật để hiểu rõ hơn về Bát nhã Ba-la-mật, mà ngài lại hỏi ngài Tu Bồ Đề?

**Đáp:** Trừ Phật ra, thì ngài Tu Bồ Đề là người thường hành và thuyết “pháp không” đệ nhất trong hàng đại đệ tử của Phật.

Phật ở trong cả 6 thời, thường dùng Phật nhãn để quán tâm chúng sanh, thường dùng trí huệ Bát nhã thuyết về vô thường, khổ, không, vô ngã, thường phân biệt rõ về biệt tướng và tổng tướng của các pháp, thường thuyết về các nhân duyên sanh pháp, nhằm dạy chúng sanh nhận rõ các pháp đều chẳng có ai làm ra (vô chủ tác), chẳng có ai thọ (vô thọ giả), chẳng có ai biết (vô tri giả), lại thường thuyết các pháp đều là rốt ráo không. Liễu ngộ được các pháp đều là vô chủ tác, vô thọ giả, vô tri giả, vô kiến giả, đều là rốt ráo không, đều là rốt ráo bất khả đắc, là đã thâm nhập được vào Bát nhã Ba-la-mật rồi vậy.

Ngài Tu Bồ Đề thay Phật, đã thuyết Bát nhã Ba-la-mật tại pháp hội, lời thuyết giảng của ngài được Phật chứng minh, khiến chư Thiên từ đến nghe pháp đều hoan hỷ tín thọ.

Do vậy mà ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đã thay mặt chư Thiên, nêu lên các câu hỏi, để được ngài Xá Lợi Phất và ngài Tu Bồ Đề giải rõ thêm.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn tự nghĩ: Chẳng biết Bát nhã Ba-la-mật tướng là như thế nào?

Biết được tâm niệm của vị Đế Thích, ngài Xá Lợi Phất nói: Ngài Tu Bồ Đề thường nhập “pháp không”, thường thuyết “pháp không”, chỗ ngài thuyết ra là “không”, dẫn đến “pháp không” đó cũng là không.

Bởi vậy phải nương nơi chỗ ngài Tu Bồ Đề thuyết mà cầu Bát nhã Ba-la-mật vậy.

-o0o-

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn tán thán ngài Tu Bồ Đề có đại thần lực, khiến ngài Xá Lợi Phất nói như vậy.

Ngài Tu Bồ Đề khiêm tốn đáp: Chẳng phải thần lực của tôi khiến ngài Xá Lợi Phất nói như vậy, mà đây là do thần lực của Như Lai.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi: Hết thấy pháp đều là vô thọ xứ. Như vậy do đâu mà nói đó là thần lực của Như Lai?

Sở dĩ vị Đế Thích hỏi ngài Tu Bồ Đề như vậy vì ngài nghĩ rằng: Nếu ly vô thọ xứ tướng, thì Như Lai là bất khả đắc. Nếu hết thấy các pháp đều là vô thọ xứ, thì chẳng có chỗ y chỉ nên cũng chẳng do đâu mà có được Như Lai vậy.

Đây là lời vấn nạn mà vị Đệ Thích đã nêu lên trong pháp hội. Ngài Tu Bồ Đề thay Phật, đã và đang thuyết Bát nhã Ba-la-mật, để trả lời cho vị Đệ Thích, và gián tiếp cho toàn thể pháp hội vậy.

**Hỏi:** “*Vô thọ xứ tướng*” và “*pháp như*” khác nhau như thế nào?

**Đáp:** Thật tướng của các pháp cũng gọi là “vô thọ tướng”. Vì các pháp đều là bất khả đắc, nên là vô thọ. Vì thật tướng của các pháp chẳng thể hoại (bất hoại), nên cũng gọi là “như”.

Trong “không” thì Như Lai là bất khả đắc, mà ly “không” thì Như Lai cũng là bất khả đắc.

Bởi vậy nên ngài Tu Bồ Đề sau khi nghe ngài Thích Đề Hoàn Nhơn giải bày, đã tán thán rằng: Đúng như vậy, đúng như vậy!

Qua lời xác nhận của ngài Tu Bồ Đề, thì “vô thọ tướng” và “như tướng” là chẳng phải đồng, cũng chẳng phải khác vậy.

Cũng nên biết rằng Như Lai là bất khả đắc, nhưng vì tùy thuận chúng sanh mà nói có “Như Lai”. Đây chỉ là phương tiện để hóa độ chúng sanh. Thật ra Như Lai cũng chỉ là giả danh pháp.

Lại nữa, “như” ở thời trước, và “lai” (đến trở lại) y như vậy ở vào thời sau, nên gọi là “Như Lai”. Ví như xưa kia, Bồ tát Định Quang đã hành 6 pháp Ba-la-mật mà vào được đạo, nay Bồ tát Thích Ca Mưu Ni cũng đã hành 6 pháp Ba-la-mật mà vào được đạo. Lại ví như xưa kia, Bồ tát Định Quang đã dùng trí huệ để biết hết thấy các pháp đều là như, và cũng từ nơi như mà lại, nên gọi là Như Lai, nay Bồ tát Thích Ca Mưu Ni cũng là như vậy.

Phật là Như Lai, là vô sở hữu. Hết thảy chúng sanh, hết thảy các pháp cũng đều là vô sở hữu tướng, là vô thọ xứ tướng, nên cũng có nghĩa là Như Lai vậy.

Trên đây lược nói “vô thọ tướng”, “Như Lai tướng” đều là không, là vô sở hữu. Vô thọ xứ tướng là như tánh tướng, là vô định tướng. Bởi vậy nên nói, trong “vô thọ xứ tướng” chẳng có Như Lai, và lý “vô thọ xứ tướng” cũng chẳng có Như Lai, vì Như Lai là bất khả đắc vậy.

-oOo-

Có thuyết nói “thật tướng pháp” có 2 nghĩa:

- Các pháp tướng là rốt ráo không.

- Các pháp tướng rốt ráo chẳng có thể diễn bày, chẳng có thể nói ra được, chẳng có thật thể nên là vô tướng.

Ví như nói Niết Bàn chẳng thể diễn bày, chẳng thể nói ra được.

Lại nữa, cũng nên biết, nếu nói các pháp tướng là “rốt ráo không” thì Như Lai là bất khả đắc, mà pháp “rốt ráo không” thì Như Lai cũng là bất khả đắc. Vì sao? Vì trong “rốt ráo không” là “vô thọ tướng”, mà pháp “rốt ráo không” thì thật tướng pháp là “như”.

Cũng như vậy, tầm cầu Như Lai ở nơi 5 âm, ..., dẫn đến ở nơi Nhất thiết chủng trí, thì Như Lai cũng là bất khả đắc.

**Hỏi:** *Nếu nói Như Lai là bất khả đắc, thì vì sao còn nói đến thần lực của Như Lai?*

**Đáp:** Trên đây đã nói rõ Như Lai chẳng ở nơi 5 âm, mà lý 5 âm cũng chẳng có Như Lai. 5 âm chẳng có trong Như Lai,



mà Như Lai cũng chẳng có trong 5 âm. Vì sao? Vì 5 âm là tướng sanh diệt, là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã nên Như Lai chẳng phải là 5 âm, nếu Như Lai là 5 âm thì Như Lai cũng sẽ sanh diệt vậy. Lại nữa, 5 âm là 5 pháp, mà Như Lai chỉ là một pháp. 5 chẳng thể là 1, mà 1 cũng chẳng thể là 5 được. Bởi vậy nên nói Như Lai chẳng phải là 5 âm, và 5 âm chẳng phải là Như Lai.

Thế nhưng nếu nói ly 5 âm mà có Như Lai, thì Như Lai phải là chẳng thấy (vô kiến), chẳng biết (vô tri), chẳng nghe (vô văn), chẳng có kiến thức (vô thức), chẳng có thọ khổ, chẳng có thọ lạc. Vì sao? Vì tánh hay biết (giác tri) thuộc về 5 âm. Bởi vậy nên nói ly 5 âm thì Như Lai cũng là bất khả đắc.

Trong “sắc”, “sắc như”, “sắc pháp tướng”, ..., dẫn đến trong “thức”, “thức như”, “thức pháp tướng”, Như Lai đều chẳng hợp, chẳng tan, ly “sắc”, “sắc như”, “sắc pháp tướng”, ..., dẫn đến ly “thức”, “thức như”, “thức pháp tướng”, Như Lai cũng đều chẳng hợp, chẳng tan. Đối với Nhất thiết chủng trí cũng là như vậy. Tóm lại, ở nơi hết thấy các pháp, và ly hết thấy các pháp, Như Lai đều chẳng hợp, chẳng tan. Vì sao? Vì các pháp đều là “vô sở thọ”. Đó chính là thân lực của Như Lai vậy.

**Hỏi:** *Nếu nói Như Lai dùng mắt thấy, tai nghe... thì như vậy có lỗi gì?*

**Đáp:** Cái dùng để thấy ấy là nhãn căn, chẳng phải là Như Lai. Nếu là Như Lai, thì Như Lai chẳng phải tướng con mắt, lại nếu Như Lai chưa thủ sắc thì làm sao biết Như Lai dùng con mắt để thấy và dùng tai để nghe được. Nói Như Lai dùng mắt thấy, tai nghe là chưa thông suốt vậy.

**Hỏi:** *Nếu Như Lai dùng “trí huệ” để phân biệt, thì như*

*vậy trí huệ của Như Lai thấy, hay chẳng thấy? Nếu trí huệ dùng con mắt để thấy thì các căn khác sẽ như thế nào?*

**Đáp:** Cái biết cũng như cái thấy, cái nghe... thuộc về 5 căn, chẳng phải là Như Lai. Vì nếu dùng cái biết mà biết con mắt, thì cái gì sẽ biết được “cái biết” đó?

**Hỏi:** *Nghĩa ấy như thế nào? Nếu muốn biết Như Lai thì phải dùng cái gì để biết? Nếu dùng Như Lai mà biết được Như Lai, thì là vô cùng. Làm sao có thể như vậy được?*

**Đáp:** Nếu nói “cái tướng biết” trú trong “cái biết” của Như Lai có nghĩa là nói khi biết được “cái tướng biết”, thì “cái biết” đó đã cùng Như Lai trú vậy. Thế nhưng, nếu nói “cái biết” cũng chính là “tướng biết”, thì cái biết đó là vô thường, mà đã là vô thường thì chẳng có đời sau. Như vậy, thì Như Lai phải là đoạn diệt.

Lại nữa, nếu ly 5 ấm mà có Như Lai, thì Như Lai phải là thường. Cũng như hư không, “Như Lai tướng” chẳng có biến đổi, nên chẳng có thọ khổ, thọ lạc, cũng chẳng có tội, có phước.

Bởi các lỗi trên, nên nói 5 ấm chẳng có trong Như Lai, và Như Lai chẳng có trong 5 ấm.

**Hỏi:** *Phải nương theo 5 ấm mới biết có Như Lai. Nếu chẳng có 5 ấm, thì làm sao biết có Như Lai được?*

**Đáp:** Nếu do 5 ấm mà có Như Lai, thì Như Lai chẳng có tự tánh. Nếu tự tánh của Như Lai đã là không, thì thọ tánh cũng là không. Bởi vậy nên nói ở nơi 5 ấm mà cầu Như Lai thì Như Lai là bất khả đắc.

Trên đây, vì muốn phá trừ các hý luận, nên nói Như Lai chẳng có trong 5 ấm. Như Lai là bất sanh, bất diệt, nên người

dùng các pháp hý luận mà cầu Như Lai, thì chẳng thể nào thấy được Như Lai vậy.

-o0o-

Thế nhưng, nếu chấp chẳng có Như Lai, thì lại rơi vào tà kiến.

Như vậy là nói “có Như Lai” hay nói “không có Như Lai”, thì cũng đều là hý luận cả. Dùng các pháp hý luận mà cầu Như Lai, thì Như Lai là bất khả đắc vậy.

Nên biết tướng của Như Lai cũng là tướng của hết thầy pháp, và tướng của hết thầy pháp cũng là tướng của Như Lai. Vì “Như Lai tướng” rốt ráo là “không tướng”, và “không tướng” tức là “hết thầy pháp tướng” vậy.

**Hỏi:** *Nói trong “5 ám như” chẳng có “Như Lai như”. Vậy trong “Như Lai như” cũng chẳng có “5 ám như” hay sao?*

**Đáp:** Đây chỉ lược nói đến 2 pháp ấy, nhưng rộng nhiếp hết cả 20 tà chấp về “ngã kiến”.

Nên biết:

- “5 ám như” dẫn đến “Nhất thiết chủng trí như”.

- “5 ám như” tức là “thị 5 ám pháp tướng” dẫn đến “Nhất thiết chủng trí như” tức là “thị Nhất thiết chủng trí pháp tướng”.

Bởi vậy nên nói: “Như” tức là “thị pháp tướng” vậy.

**Hỏi:** *Nếu nói “Như” tức là “thị pháp tướng” thì vì sao còn hỏi nữa?*

**Đáp:** Người tu khi đã biết “5 ám như” rồi, mà tâm vẫn còn nghi, còn sợ chưa rõ vì sao các pháp tướng đều là “không”, là vô sở hữu.

Bởi vậy nên vị Đê Thích mới hỏi để ngài Tu Bồ Đề giải rõ thêm. Ngài Tu Bồ Đề cho biết rằng: “5 âm pháp tướng” tự “như”, tức là “thị” 5 âm pháp tướng vậy.

Ví như người tự chạm vào lửa, khiến tay bị nóng, thì tự tâm chẳng oán, chẳng giận, vì biết tướng lửa là như vậy. Trái lại, nếu có kẻ khác lấy lửa đốt mình, thì liền sanh sân hận.

Bởi vậy nên nói: Trong “5 âm như” thì Như Lai chẳng hợp, chẳng tan, ly “5 âm như” thì Như Lai cũng chẳng hợp, chẳng tan. Vì sao? Vì Như Lai là nhất tướng, là vô tướng. Đã là nhất tướng, là vô tướng thì chẳng thể hợp, chẳng thể tan được. Phải có 2 pháp trở lên mới có hợp có tan được.

Lại nữa, nếu ly “5 âm tướng”, thì Như Lai cũng chẳng hợp, chẳng tan. Vì sao? Vì ly “5 âm tướng” thì Như Lai là bất khả đắc.

Bởi vậy nên nói: Như Lai là “như pháp” và 5 âm tướng cũng là “như pháp”. Như Lai là “như pháp tướng”, 5 âm tướng cũng là “như pháp tướng”, chẳng phải hai, chẳng phải khác. Ly “5 âm như” thì “5 âm pháp tướng” cũng chẳng hợp, chẳng tan.

Dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng là như vậy.

Bởi vậy nên nói: Nếu biết rõ các pháp như tướng là chẳng hợp, chẳng tan, thì sẽ được thần lực, được trí huệ Bát nhã, sẽ nhận rõ được thật tướng của các pháp vậy.

**Hỏi:** *Phải như thế nào mới cầu được trí huệ Bát nhã?*

**Đáp:** Chẳng thể ở nơi 5 âm mà cầu trí huệ Bát nhã được. Vì sao? Vì 5 âm là vô thường, trước không, nay lại có, có rồi lại trở lại không, 5 âm chỉ ví như mộng, như huyễn.

Bát nhã Ba-la-mật là thật trí huệ, là trí huệ Phật. Bởi vậy nên chẳng thể ở nơi 5 âm mà cầu được vậy.

Ví như cầu các ngọc quý thì phải lặn xuống đáy biển sâu, phải trèo lên tận các núi cao, phải đào sâu trong lòng đất mới mong tìm được. Chẳng phải ở nơi ao rạch xú uế mà tìm được vậy.

Lại nữa, nếu ly 5 âm thì cũng chẳng cầu được Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì nếu ly 5 âm thì là vô sanh, vô diệt, vô tác, vô khởi nên chẳng cầu Bát nhã Ba-la-mật được vậy.

Chỉ khi nào biết rõ được 5 âm cùng Bát nhã Ba-la-mật là chẳng phải hai, chẳng phải khác, chẳng có hợp, chẳng có tan, chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có đối, là nhất tướng, là vô tướng, thì mới gọi là cầu Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì phạm phu phân biệt 5 âm là sắc pháp, trí huệ Bát nhã là tâm pháp. Trái lại, các bậc Thánh dùng huệ nhãn quán 5 âm cùng Bát nhã Ba-la-mật bình đẳng, đều là không, là nhất tướng, là vô tướng cả.

Nếu phá được chỗ chấp về 5 âm của phạm phu, nếu biết rõ được 5 âm chẳng phải là thật có, chỉ do duyên hòa hợp sanh, nên là như huyễn, như mộng thì sẽ vào được Bát nhã Ba-la-mật. Bởi vậy nên nói Bát nhã Ba-la-mật chẳng ly “5 âm pháp tướng”. Dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng là như vậy.

-o0o-

## KINH:

**Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn nói với ngài Tu Bồ Đề: Thưa Đại đức! Như vậy thì Ma ha Bát nhã Ba-la-mật chính là đại Bồ tát Bát nhã Ba-la-mật, vô lượng vô biên Ba-la-mật, cũng chính là đại Bồ tát Bát nhã Ba-la-mật.**

Nhờ tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà chư vị Tu-đà-hoàn thành tựu được quả Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến chư vị A-la-

hán thành tựu được quả A-la-hán, chư vị Bích Chi Phật thành tựu được Bích Chi Phật đạo, chư vị Bồ tát thành tựu được Bồ tát đạo. Tất cả các đạo quả nêu trên đây đều do tu tập Bát nhã Ba-la-mật mà được thành tựu. Dẫn đến thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ, được đạo Vô thượng bồ đề cũng đều do tu tập Bát nhã Ba-la-mật mà được thành tựu cả.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Đúng như vậy, đúng như vậy! Thưa ngài Kiều Thi Ca! Ma ha Bát nhã Ba-la-mật chính là đại Bồ tát Bát nhã Ba-la-mật, vô lượng vô biên Bát nhã Ba-la-mật cũng chính là đại Bồ tát Bát nhã Ba-la-mật.

Lại cũng từ trong sự tu tập Bát nhã Ba-la-mật mà thành tựu các quả Thanh Văn, ..., dẫn đến thành tựu Vô thượng bồ đề.

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Sắc mênh mông rộng lớn, nên Bát nhã Ba-la-mật mênh mông rộng lớn, ..., dẫn đến thức mênh mông, rộng lớn nên Bát nhã Ba-la-mật mênh mông rộng lớn. Vì sao? Vì sắc quá khứ, sắc hiện tại, sắc vị lai, ..., dẫn đến thức quá khứ, thức hiện tại, thức vị lai đều là bất khả đắc cả.

Dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng là như vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên Ma ha Bát nhã Ba-la-mật chính là đại Bồ tát Bát nhã Ba-la-mật.

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Sắc vô lượng, ..., dẫn đến thức vô lượng, nên Bát nhã Ba-la-mật vô lượng. Vì sao? Vì sắc vô lượng, ..., dẫn đến thức vô lượng đều là bất khả đắc. Ví như hư không vô lượng là bất khả đắc, thì sắc vô lượng, ..., dẫn đến thức vô lượng cũng là như vậy.

Dẫn đến Nhất thiết chủng trí vô lượng, nên Bát nhã

Ba-la-mật vô lượng. Vì sao? Vì Nhất thiết chủng trí vô lượng là bất khả đắc. Ví như hư không vô lượng là bất khả đắc thì Nhất thiết chủng trí vô lượng cũng là như vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên Ma ha Bát nhã Ba-la-mật chính là đại Bồ tát Bát nhã Ba-la-mật.

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Sắc vô biên, ..., dẫn đến thức vô biên, nên Bát nhã Ba-la-mật vô biên. Vì sao? Vì sắc quá khứ, sắc hiện tại, sắc vị lai, ..., dẫn đến thức quá khứ, thức hiện tại, thức vị lai đều bất khả đắc. Dẫn đến Nhất thiết chủng trí vô biên, nên Bát nhã Ba-la-mật vô biên. Vì sao? Vì ở quá khứ, ở hiện tại và ở vị lai, Nhất thiết chủng trí đều là bất khả đắc.

Lại nữa, vì duyên vô biên, nên Bát nhã Ba-la-mật vô biên.

Bởi nhân duyên vậy, nên Ma ha Bát nhã Ba-la-mật chính là đại Bồ tát Ba-la-mật.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi: Thưa Đại đức! Thế nào gọi là vì duyên vô biên, nên Bát nhã Ba-la-mật vô biên?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Kiều Thi Ca! “Duyên vô biên” là duyên hết thấy pháp tánh, nên Bát nhã Ba-la-mật vô biên.

Lại nữa, vì duyên vô biên như, nên Bát nhã Ba-la-mật vô biên.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi: Thưa Đại đức! Thế nào gọi là vì duyên vô biên như, nên Bát nhã Ba-la-mật vô biên?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Kiều Thi Ca! “Duyên

vô biên như” là duyên hết thấy pháp như. Vì “pháp như” là vô biên nên duyên pháp như là vô biên, dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật cũng vô biên.

Lại nữa, vì chúng sanh vô biên nên Bát nhã Ba-la-mật vô biên.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon hỏi: Thưa Đại đức! Thế nào gọi là vì chúng sanh vô biên nên Bát nhã Ba-la-mật vô biên?

Ngài Tu Bồ Đề hỏi lại: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Theo ý ngài nghĩ, thì có pháp gọi là chúng sanh chăng?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon đáp: Thưa Đại đức! Chẳng có pháp gọi là chúng sanh cả. Chúng sanh chỉ là “giả danh pháp”. Danh pháp chẳng phải là thật pháp, chẳng có chỗ đi, chỗ đến. Chỉ gượng ép dựng lập ra các danh pháp vậy thôi.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Ý ngài lại nghĩ sao? Trong Bát nhã Ba-la-mật có nói đến chúng sanh. Như vậy chúng sanh là thật có chăng?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon đáp: Thưa Đại đức! Chẳng phải thật có.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Nếu trong Bát nhã Ba-la-mật mà chúng sanh là chẳng thật có, thì chúng sanh vô biên cũng là bất khả đắc.

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Ý ngài nghĩ sao? Trong hàng sa kiếp, chư Phật đều nói đến chúng sanh, đến danh tự chúng sanh. Như vậy chúng sanh là pháp có sanh có diệt chăng?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon đáp: Thưa Đại đức! Pháp ấy chẳng có sanh, chẳng có diệt. Vì chúng sanh bản lai thường thanh tịnh.



**Ngài Tu Bồ Đề nói:** Thưa ngài Kiều Thi Ca! Bởi nhân duyên vậy, nên nói chúng sanh vô biên, thì Bát nhã Ba-la-mật cũng vô biên.

-o0o-

**LUẬN:**

**Hỏi:** *Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn chỉ mới được quả Tu-đà-hoàn thôi. Như vậy vì sao ngài lại muốn hỏi về thâm Bát nhã Ba-la-mật?*

**Đáp:** Nên biết ngài Tu Bồ Đề tuy mới chứng quả A-la-hán, nhưng vì muốn làm lợi ích cho hàng Bồ tát, mà ngài đã hỏi Phật về cách tu tập Bồ tát hạnh, và đã được Phật ủy nhiệm việc thuyết Bát nhã Ba-la-mật cho hàng Bồ tát nghe. Tương tự như vậy, ngài Thích Đề Hoàn Nhơn, tuy chỉ mới chứng được sơ quả Thanh Văn, nhưng vì là vị Đế Thích làm chủ cõi Trời, lại có lợi căn, có lòng thương chúng sanh và muốn làm các việc lợi ích cho chúng sanh, nên ngài đã hỏi về thâm Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Có thuyết nói về vị Đế Thích này là một vị Đại Bồ tát thị hiện làm Thanh Văn. Ngài vì lân mẫn chúng sanh, tán thán Bát nhã Ba-la-mật là vô lượng, vô biên, lại tán thán việc tu tập Bát nhã Ba-la-mật, dẫn đến thành tựu các Thánh đạo, để ngài Tu Bồ Đề nương theo đó giải rộng về Bát nhã Ba-la-mật, nhằm đem lại lợi ích cho chúng sanh.

Ngài Tu Bồ Đề đã nương theo lời thưa hỏi của vị Đế Thích để giải rộng thêm về Bát nhã Ba-la-mật, như nói: 5 ám mệnh mờ, rộng lớn, nên Bát nhã Ba-la-mật cũng là mệnh mờ,

rộng lớn. Ở cả 3 thời, 5 âm là bất đắc, là vô lượng, vô biên, nên Bát nhã Ba-la-mật cũng là bất khả đắc, là vô lượng, vô biên v.v...

Khi nói 5 âm là vô lượng, vô biên, ngài Tu Bồ Đề muốn cho biết rằng, 5 âm chẳng phải là hữu pháp. Vì hữu pháp dù có rộng lớn bao nhiêu đi nữa, thì cũng vẫn có hạn lượng, nên khi nói về 5 âm vô lượng, vô biên, ngài đã lấy hư không để làm dụ vậy.

Lại nữa, nếu 5 âm là hữu biên (có biên bờ), thì phải là hữu thi (có biên bờ đầu tiên) thì phải là hữu chung (có biên bờ sau cùng). Lầm chấp như vậy là rơi về chấp đoạn diệt.

Nên biết ở cả 3 thời, 5 âm đều là bất khả đắc. Bởi vậy nên nói 5 âm là vô biên, dẫn đến hết thảy pháp cũng là vô biên cả.

Cũng nên biết hết thảy pháp hữu vi đều do 4 duyên sanh. Đó là:

- Nhân duyên.
- Đẳng vô gián duyên.
- Sở duyên duyên.
- Tăng thượng duyên.

Nhưng ở hết thảy thời, các duyên ấy đều tác khởi, nên duyên là vô biên. Vì duyên vô biên nên Bát nhã Ba-la-mật cũng vô biên.

Lại nữa, 4 duyên pháp ấy đều chẳng thật có, đều là rốt ráo không, nên đều là vô biên. Dẫn đến duyên “như pháp tánh thật tế” cũng là vô biên, nên Bát nhã Ba-la-mật cũng là vô biên.

“Như pháp tánh thật tế” là như tướng, là vô tướng. Vì là vô tướng nên “như pháp tánh thật tế” là vô biên, dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật cũng là vô biên.

Lại nữa, chúng sanh là không, nên nói chúng sanh là vô biên, chúng sanh chẳng phải là định pháp, chẳng từ đâu đến, chẳng đi về đâu, chỉ là giả danh pháp, nên nói chúng sanh là chẳng thật có.

Đây là lý do khiến vị Đệ Thích nói chẳng thật có chúng sanh khi được ngài Tu Bồ Đề hỏi: Ý ngài nghĩ sao? Ở trong Bát nhã Ba-la-mật thật có chúng sanh chăng? Nếu thật chẳng có chúng sanh thì làm sao có thể nói chúng sanh là hữu biên được?

Chư Phật trong vô lượng kiếp, thường nói đến chúng sanh, nhưng chúng sanh chỉ là giả danh pháp. Từ xưa đến nay, chúng sanh tánh vốn thường thanh tịnh, vốn là vô sở hữu, là bất sanh, bất diệt.

Cho nên nói “có” hay nói “không” cũng đều là hý luận cả.

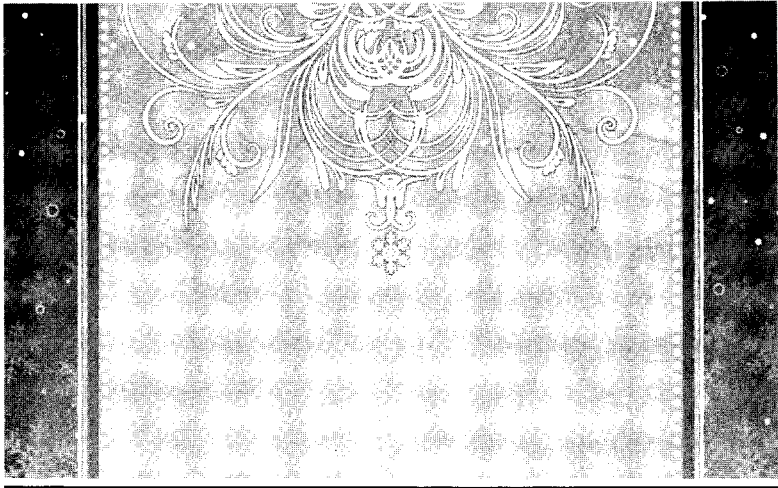
Bởi nhân duyên vậy, nên nói chúng sanh vô biên, thì Bát nhã Ba-la-mật cũng vô biên.

**Hỏi:** *Vì sao “vô biên” được nói nhiều, mà “vô lượng” chỉ lược nói mà thôi?*

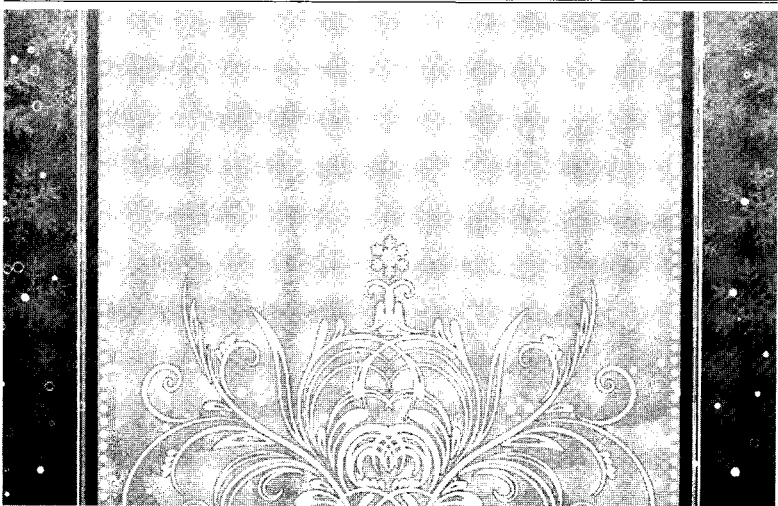
**Đáp:** Do đây khởi chấp về 5 âm pháp mà nẩy sanh ra nhiều tà hạnh rất khó phá, nên phải nói nhiều về “vô biên” để phá chấp về “5 âm pháp tướng”. Còn chúng sanh tướng là vô lượng tướng, nhưng dễ phá hơn, nên chỉ cần nói ít.

(Hết quyển 55)





**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 56**





## Phẩm Thứ Ba Mười



### Tam Thán (Ba Phen Tán Thán)

#### KINH:

Lúc bấy giờ, chư Thiên vương, chư Thiên, chư Phạm Thiên vương, chư Phạm Thiên, chư Thần Tiên, chư Tiên nữ đồng thời 3 phen xưng tán rằng: Hay thay! Hay thay! Ngài huệ mạng Tu Bồ Đề tuyên thuyết Bát nhã Ba-la-mật, là nhờ ân lực nhân duyên xuất thế của đức Phật. Nếu có vị Bồ tát nào hành Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật, thì chúng tôi xem vị đó như là Phật. Vì sao? Vì trong Bát nhã Ba-la-mật, tuy chẳng có pháp khả đắc, mà hàm chứa tất cả các giáo pháp, từ 4 niệm xứ, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí của cả 3 thừa giáo, tức là của Thanh Văn Thừa, của Bích Chi Phật Thừa và của Phật Thừa.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này chư Thiên tử! Như chỗ ông nói, trong Bát nhã Ba-la-mật, tuy chẳng có pháp khả đắc, mà vẫn thông cả 3 thừa giáo, gồm Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa và Phật thừa.

Này chư Thiên tử! Nếu có vị Bồ tát nào hành Bát nhã Ba-la-mật, mà trọn chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật, thì các ông nên kính người ấy như kính Phật. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật rộng nói cả 3 thừa giáo, gồm Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa và Phật thừa; lại vì hành Bát nhã Ba-la-mật là hành vô sở đắc vậy.

Trong Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến trong Bát nhã Ba-la-mật, thì Phật là bất khả đắc; mà ly Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến ly Bát nhã Ba-la-mật, thì Phật cũng là bất khả đắc. Dẫn đến trong Nhất thiết chủng trí, Phật bất khả đắc, mà ly Nhất thiết chủng trí Phật cũng bất khả đắc.

Này chư Thiên tử! Nếu có vị Bồ tát nào tu tập hết thấy các pháp, từ Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí, thì các ông phải nên tôn kính vị ấy như tôn kính Phật vậy.

Này chư Thiên tử! Thuở xưa, vào thời Phật Nhiên Đăng, ở nơi ngã tư đường trong thành Hoa Nghiêm, ta vừa thấy Phật, vừa nghe pháp, liền chẳng ly công hạnh Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến công hạnh Bát nhã Ba-la-mật, chẳng ly nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không; chẳng ly niệm xứ, ..., dẫn đến 8 Thánh đạo; chẳng ly 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định; chẳng ly các tam muội môn; các đà la ni môn; chẳng ly 4 vô sở úy, 10 lực, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp; chẳng ly đại từ, đại bi, cùng vô lượng Phật pháp khác. Vì sao? Vì ta hành vô sở đắc vậy.

Lúc bấy giờ, đức Phật Nhiên Đăng thọ ký cho ta, ở trong đời vị lai sẽ thành Phật, hiệu là Thích Ca Mưu Ni, với đầy đủ 10 đức hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.

Chư Thiên đồng bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Hy hữu thay! Bát nhã Ba-la-mật có thể làm cho Bồ tát được Tát bà nhã. Vì sao? Vì ở nơi sắc, ..., dẫn đến ở nơi Nhất thiết chủng trí, Bồ tát chẳng thủ mà cũng chẳng xả vậy.

#### **LUẬN:**

Trong hàng chư Thiên tại pháp hội có các Thiên Chủ ở



cõi Trời Dục giới, các vị Phạm Thiên vương ở cõi Trời Sắc giới, chư vị Đại Tự tại Thiên vương cùng vô số các quyền thuộc, đều là các vị Thần Tiên, và các vị Tiên nữ.

Vì quá hoan hỷ, khi được nghe ngài Tu Bồ Đề thuyết về Bát nhã Ba-la-mật, nên chư Thiên tử đã tán thán đến 3 lần.

Chư Thiên nói: Ngài Tu Bồ Đề đã nương theo thần lực của Phật, để thuyết về Bát nhã Ba-la-mật. Nếu có vị Bồ tát nào hành Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật, thì chúng tôi sẽ tôn kính vị đó như Phật.

Vì sao? Vì Bồ tát biết rõ hết thảy pháp đều rốt ráo không, mà vẫn tu tập đầy đủ giáo pháp của cả 3 thừa. Tu tập như vậy mà vẫn chẳng chấp công đức ở 3 thừa có sai khác, lại cũng chẳng đọa vào chấp “không”. Như vậy, mới thật là rốt ráo không. Lại nữa, Bát nhã Ba-la-mật rộng nói cả 3 thừa, phá trừ tâm chấp về định kiến liên hệ đến “chân” và “tục”. Trong Bát nhã Ba-la-mật, thì “chân-tục” song dụng chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Chư Thiên nghe ngài Tu Bồ Đề thuyết Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm, vi diệu, nên sanh tâm hoan hỷ, đồng tán thán: Hay thay, hay thay!

Phật ẩn khả lời tán thán của chư Thiên, rồi dạy rằng: Trong 6 pháp Ba-la-mật cũng như ly 6 pháp Ba-la-mật, thì Phật cũng là bất khả đắc. Dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng là như vậy.

Nên biết, do vì hết thảy các pháp đều duyên hòa hợp tác thành, mà có các danh xưng khác nhau, như Phật, Bồ tát... Tất cả các pháp đó đều là tự tánh không. Bồ tát nào tu tập 6 pháp Ba-la-mật, mà dụng được tâm vô sở đắc, thì Bồ tát ấy được xem như Phật vậy.

Ví như vị Thái Tử, dù nay chưa được lên ngôi báu, nhưng quyết định về sau sẽ được làm vua. Cũng như vậy, vị Bồ tát nào dụng vô sở đắc tu tập 6 pháp Ba-la-mật, quyết định trong đời vị lai sẽ thành Phật. Nhân đây, Phật đã tự dẫn chứng sự tu tập của ngài, vào thời của đức Phật Nhiên Đăng, để cho đại chúng được rõ vậy.

Như vậy, khi Bồ tát tu tập được vô sanh pháp nhẫn, là đã vào được Bồ tát vị, đã thấy được chư Phật ở trong 10 phương, thường nghe chư Phật thuyết Bát nhã Ba-la-mật, thường tán thán Bát nhã Ba-la-mật, nên được thâm giải về Bát nhã Ba-la-mật nghĩa.

Do được thâm giải về Bát nhã Ba-la-mật, nên Bồ tát biết rõ hết thấy pháp đều là hư vọng, khiến chẳng còn thủ pháp, lại biết rõ hết thấy pháp đều đem lại lợi ích cho chúng sanh, khiến chẳng có xả pháp, vào được nơi thật tướng bất sanh, bất diệt của các pháp.

-o0o-

### **KINH:**

Lúc bấy giờ, Phật nhìn khắp 4 chúng: Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di; lại nhìn chư Đại Bồ tát, chư Thiên, chư Phạm vương, cùng chư Thiên tử và Thiên nữ, hiện có mặt tại pháp hội.

Nhìn khắp pháp hội xong, Phật bảo vị Đế Thích rằng: **Này Kiều Thi Ca! Nếu có ai hoặc Bồ tát, hoặc là Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, hoặc là Thiên tử, Thiên nữ nghe được Bát nhã Ba-la-mật, rồi thọ trì, đọc tụng, thân cận, thuyết giảng, chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm, thì các loài ma chẳng thể nào phá hoại được.**

Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ này đã biết rõ sắc, ..., dẫn đến thức không, là chẳng phải không, sắc, ..., dẫn đến thức vô tướng là chẳng phải vô tướng, sắc, ..., dẫn đến thức vô tác là chẳng phải vô tác. Do biết rõ tự tánh, tự tướng của hết thấy các pháp này đều là bất khả đắc, nên được an ổn, chẳng bị não loạn. Do vậy mà các chúng ma chẳng sao gây tác hại được.

Lại nữa, này Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ này cũng chẳng bị những kẻ xấu, hoặc là người, hoặc chẳng phải là người (phi nhơn)<sup>(\*)</sup> phá hoại được. Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ này thường trải rộng tâm “từ, bi, hỷ, xả” đối với hết thấy chúng sanh, và thường dụng tâm vô sở đắc vậy.

Lại nữa, này Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ này chẳng bị hoạnh tử. Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ này thường khéo tu Đản Ba-la-mật, nên đối với hết thấy chúng sanh, thường dụng tâm bình đẳng mà bố thí.

Lại nữa, này Kiều Thi Ca! Trong đại thiên thế giới, nếu trong chư Thiên vương, Phạm vương, Thiên tử và Thiên nữ, có những ai đã phát “A nậu đa la tam miệu tam Bồ đề tâm”, mà chưa có nghe Bát nhã Ba-la-mật, chưa thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, cũng như chưa tu tập Bát nhã Ba-la-mật thì nay phải nên nghe, rồi thọ trì, thân cận, đọc tụng, chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm mà tu tập vậy.

Lại nữa, này Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào đã được nghe Bát nhã Ba-la-mật, rồi thọ trì, thân

---

\*. Phi nhơn là chẳng phải người.

Ở đây, trong pháp hội của Phật, danh từ “phi nhơn” được dùng để chỉ 8 Bộ chúng, chẳng phải là người gồm: Thiên, Long, Dạ xoa, Càn-thát-bà, A tu la, Ca Lôu la, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già.

cận, chánh ức niệm, chẳng ly Tát bà nhĩ tâm mà tu tập, thì người này, dù ở nơi hẻo lánh, như ở trên núi cao, ở trong rừng rậm, ở giữa đồng hoang, vẫn chẳng sanh tâm sợ hãi. Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ này biết rõ các pháp đều là nội không, ..., dẫn đến đều là vô pháp hữu pháp không, và đều là vô sở đắc cả.

### **LUẬN:**

*Hỏi: Phật nhìn khắp 4 chúng, nhưng vì sao lại chỉ đặc biệt dạy riêng vị Đế Thích mà thôi?*

**Đáp:** Các phẩm kinh khác phần nhiều nói về thể của Bát nhã Ba-la-mật. Ở phẩm kinh này, Phật muốn tán thán công đức của Bát nhã Ba-la-mật, nên mới dạy ngài Thích Đề Hoàn Nhơn. Ví như lấy vật báu đem cho người xem trước, rồi sau mới nói về lợi ích của vật báu đó.

Lại nữa, sở dĩ Phật nhìn khắp 4 chúng, vì muốn cho chúng hội thấy rõ Phật bình đẳng thuyết pháp, khiến chẳng ai có mặc cảm tự khinh.

Do chẳng có mặc cảm tự khinh, mà ai nấy đều phát khởi tín tâm thanh tịnh, tinh tấn nghe pháp. Ví như người ở ngôi vị trên, trước khi nói chuyện, đưa mắt nhìn khắp các kẻ dưới, khiến ai nấy đều sanh tâm hoan hỷ.

Lại nữa, Phật muốn nói công đức của Bát nhã Ba-la-mật cho hàng Bạch y nghe, mà ngài Thích Đề Hoàn Nhơn là vị có uy thế nhất, nên Phật đã nói với vị Đế Thích này vậy. Cũng như khi nói pháp cho hàng xuất gia nghe, thì Phật thường nói với các ngài Xá Lợi Phất, Tu Bồ Đề, ... là những vị đại đệ tử, có oai đức lớn trong Tăng đoàn.

*Hỏi: Ngài Thích Đế Hoàn Nhơn là một vị Thiên tử. Vì sao Phật chẳng gọi là Thiên tử, mà gọi là Kiều Thi Ca? Lại*

*nữa, vì sao thuyết Bát nhã Ba-la-mật, mà Phật lại dùng đến ngôn ngữ, danh tự?*

**Đáp:** Thuở xưa, ở nước Ma Già Đà, có một vị Bà-la-môn tên là Ma Đà. Họ là Kiều Thi Ca, tu tập phước đức, có đại trí huệ, đến khi mạng chung được sanh lên đỉnh núi Tu Di. Bà-la-môn Ma Đà giữ ngôi vị Thiên Chủ, cai quản 33 vị Thiên tử khác. Các Thiên tử này được gọi chung là Tam Thập Tam Thiên.

Nay gọi Kiều Thi Ca là gọi theo họ của vị Thiên Chủ này.

-o0o-

Chư Phật khắp trong 10 phương, khi thuyết pháp thường sử dụng ngôn ngữ và danh tự tùy theo từng chủng loại, từng cảnh giới của chúng sanh, để diễn bày thật trí huệ.

Ngôn ngữ và danh tự chỉ là phương tiện để diễn bày thâm nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật mà thôi.

Đoạn kinh trên đây, mật ý nói rằng: Người nghe Bát nhã Ba-la-mật mà thọ trì, thì sẽ được vô lượng công đức; người nghe Bát nhã Ba-la-mật mà rộng nói ra nhằm độ chúng sanh, thì sẽ được vào Phật đạo; người cúng dường, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì các chúng ma chẳng thể nào quấy nhiễu được.

**Hỏi:** *Thế nào gọi là Thiên ma! Vì sao ma lại thường hay quấy nhiễu Bồ tát! Vì sao nói ma thường tìm chỗ tiện để gây tác hại?*

**Đáp:** Thiên ma là chủ cõi trời Tụ Tại thiên. Tuy rằng vị này hưởng phước đức sanh lên cõi trời, nhưng vẫn còn nhiều tà kiến.

Thiên ma chẳng xa rời cõi Dục, lầy chúng sanh ở cõi Dục làm dân của mình, để họ cúng dường mình. Thiên ma còn ở

trong các nẻo đường sanh tử, nhưng chẳng biết kinh sợ sanh tử. Bởi vậy nên, khi hưởng hết phước báo ở cõi trời, vẫn bị sa đọa. Mặc dù có thân thông, mà vẫn chẳng thoát khỏi 3 cõi được.

-o0o-

Nay chư Phật và chư Bồ tát thị hiện độ sanh, nhỏ gốc rễ sanh tử, đưa chúng sanh vào Vô dư Niết Bàn, nên Thiên ma khởi tâm tật đố, tìm cách phá hoại. Vì sao? Vì Thiên ma sợ chúng sanh ở cõi Dục nghe Phật thuyết pháp rồi sẽ quay về với chánh đạo, khiến chẳng còn ai cúng dường họ nữa. Đây là lý do khiến Thiên ma dấy tâm tật đố.

Bởi vậy nên Thiên ma xem Phật và Bồ tát như là oan gia của họ.

Khi Bồ tát đã vào Bồ tát vị, đã được bất thối chuyển, thì dù muốn khởi tâm phá hoại, Thiên ma vẫn chẳng sao quấy phá được. Nếu Bồ tát chưa vào được bất thối chuyển địa, thì vẫn còn bị Thiên ma quấy phá.

Lại nữa, nếu Bồ tát nhất tâm, tinh tấn cầu Phật đạo, chẳng tiếc thân mạng, thì sẽ được chư đại Bồ tát ở trong khắp 10 phương hộ trì, nên Thiên ma chẳng tìm được chỗ tiện để gây tác hại được. Trái lại, nếu Bồ tát giải đãi, tham đắm các thú vui ở đời, chẳng hay nhất tâm cầu Phật đạo, là tự đối với mình, thì chư đại Bồ tát khắp 10 phương chẳng thể nào tiếp hộ được. Vì sao? Vì vị Bồ tát ấy đã tự nguyện tu Bồ tát hạnh, tự nguyện độ hết chúng sanh, mà lại giải đãi, hành các tạp pháp. Như vậy, là đã nhiều loạn chúng sanh, đã phá hoại “Bồ tát pháp” rồi vậy.

Do những lỗi lầm như vậy, nên hạng Bồ tát sau này chẳng được chư đại Bồ tát trong 10 phương hộ trì, khiến ma có thể tìm được chỗ tiện để gây tác hại vậy.

Lại nữa, hàng Thanh Văn, khi đã vào chánh vị rồi, đều nhất tâm hành đạo, thâm nhập Niết Bàn. Còn ma thì vào tà vị, ái trước các tà pháp.

Vì tà và chánh đối nghịch nhau, nên ma rất ghét Phật, thường gọi Phật là Sa môn Cù Đàm. Phật gọi ma là tặc ma. Ma thường cho Phật và Bồ tát là oan gia.

Trong kinh có nói đến 4 loại ma. Đó là:

- Phiền não ma.
- Ngũ âm ma.
- Tử ma.
- Thiên ma.

Khi tu tập Bát nhã Ba-la-mật, được Bát nhã Ba-la-mật lực rồi, thì cả 4 loại ma nêu trên đây, đều chẳng tìm được chỗ tiện để gây tác hại nữa.

Khi thâm nhập vào được thật tướng pháp rồi, thì phiền não ma đều đoạn dứt. Phiền não ma bị hoại diệt rồi, thì Thiên ma chẳng còn có chỗ tiện để gây tác hại nữa. Khi vào được Vô dư Niết Bàn, thì hoại được ngũ âm ma và tử ma.

-o0o-

Ma vương và ma dân thường đến khủng bố Bồ tát, quấy nhiễu Bồ tát trong suốt quá trình hành Bồ tát đạo.

Trong kinh có nói đến ma hóa làm thân rồng, hay hiện các dị vật, dị hình rất đáng sợ, đêm đêm đến khủng bố người tu; hoặc hóa hiện ra các cảnh dục lạc, để phá hoại tâm Bồ tát; hoặc chuyển tâm người bạch y khiến họ đến cúng dường làm cho người tu hành ham lợi dưỡng mà xa rời huệ đức; hoặc

chuyển tâm người, khiến họ khinh chê Bồ tát, đánh đập, mắng nhiếc người tu hành, làm cho họ sanh tâm sân hận, đau buồn.

Ma thường lợi dụng những sơ hở của người tu hành, như giải đãi, thiếu quyết tâm, thiếu nhẫn nại v.v... để quấy phá. Như vậy gọi là ma tìm chỗ tiện để gây tác hại.

**Hỏi:** *Ma lực rất lớn, còn đạo lực của hàng sơ học Bồ tát chẳng bao nhiêu. Như vậy làm sao ma chẳng tìm được chỗ tiện để gây tác hại?*

**Đáp:** Như trên đã nói, do Bồ tát tinh tấn tu tập Bát nhã Ba-la-mật, hành Bồ tát đạo, được chư Phật và chư Bồ tát trong 10 phương thường hộ trì, nên ma chẳng tìm được chỗ tiện để gây tác hại.

Lại nữa, do Bồ tát khéo tu các pháp “không”, lại cũng chẳng có chấp “không”, nên ma chẳng tìm được chỗ tiện để gây tác hại. Ví như có vết thương ở nơi thân lở loét, thì các độc trùng mới có thể xâm nhập vào, để hại mạng người. Trái lại, nếu chẳng có vết thương, thì các độc trùng khó có thể xâm nhập vào thân được.

Lại nữa, Bồ tát quán hết thấy các pháp đều là rốt ráo là không, là vô tướng, là vô tác. Do tu tập như vậy, nên vào được 3 giải thoát môn, khiến ma chẳng tìm được chỗ tiện để gây tác hại. Vì ở nơi không, vô tướng và vô tác, ma chẳng còn có thể y cứ vào đâu để nhiều loạn tâm Bồ tát được. Ví như chẳng có thể dùng tay nắm lấy lửa để diệt lửa được vậy.

**Hỏi:** *Vì sao nói, Bồ tát trú trong 3 giải thoát môn, thì chẳng cùng với các pháp hữu vi tương ưng?*

**Đáp:** Các giải thoát môn Không, vô tướng và vô tác đều là tự tánh không, chẳng có tương ưng với các pháp hữu vi.



Bởi vậy nên khi Bồ tát đã trú trong 3 giải thoát môn rồi, thì chẳng còn tương ưng với các pháp hữu vi nữa, khiến ma chẳng tìm được chỗ tiện để gây tác hại vậy.

**Hỏi:** Trước đây chỉ đề cập đến hàng Bồ tát Ma ha tát. Vì sao nay lại nói đến các thiện nam, thiện nữ?

**Đáp:** Trước đây nói về thật tướng trí huệ rất khó thọ lãnh; chỉ có hàng đại Bồ tát Ma ha tát mới thọ lãnh được. Nay nói về sự cúng dường, thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba-la-mật, đều là những công đức mà các thiện nam, thiện nữ đều có thể hành trì được.

Lại nữa, đề cập đến các thiện nữ nhằm nhằm phá trừ ý niệm cho rằng người nữ bị 5 chướng ngại là: Chẳng làm được Thiên vương, Ma vương, Chuyển Luân Thánh vương, Phạm vương và Phật.

Phật muốn khuyến tấn người nữ tinh tấn tu hành, nên đã vì họ rộng thuyết “Thiện nam, thiện nữ...” vậy. Nghe Phật thuyết như vậy, người nữ sẽ vững tin rằng họ vẫn có thể thành Phật; nếu họ tinh tấn tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì 5 chướng ngại nêu trên đây sẽ được tiêu trừ.

**Hỏi:** Trước nói Thiên ma chẳng có thể tìm được chỗ tiện để nhiễu loạn tâm Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật. Sao nay lại nói các thiện nam, thiện nữ hành 4 vô lượng tâm cũng làm cho ma chẳng có chỗ tiện để nhiễu loạn?

**Đáp:** Trước đây nói “Thiên ma” là oan gia lớn, nên phải dùng đến pháp lớn, phải dùng đến Bát nhã Ba-la-mật, tức là thật trí huệ, mới trừ được. Nay nói “chúng ma” là oan gia nhỏ, nên chỉ cần dùng 4 vô lượng tâm, cũng đủ để đối trị rồi vậy.

Lại nữa, người tu hành, lúc ban đầu phải tu 4 vô lượng

tâm, tức là tu tập 4 công đức “từ, bi, hỷ xả”; rồi sau mới có thể thâm nhập được vào Bát nhã Ba-la-mật, dùng “không tướng” để phá trừ các tà kiến, mới ly được ngã chấp và pháp chấp mà vào Phật đạo.

-o0o-

Như trên đây đã nói, các Thiên ma thường hiện dị hình, hoặc hiện làm sấm sét, mưa bão, hoặc gây bệnh khổ để khủng bố người tu hành.

Bởi vậy nên người tu hành phải nhập vào pháp “Không” mới có thể chế ngự được.

Khi gặp người đến đánh đập, mắng nhiếc mình, Bồ tát thường chỉ cần hành 4 vô lượng tâm cũng đủ để cảm hóa họ rồi.

-o0o-

Trong kinh nói, các thiện nam, thiện nữ tu tập 4 vô lượng tâm chẳng bị hoạnh tử, có nghĩa là chẳng phải chết khi thọ mạng chưa hết, như chẳng có bị các tai nạn bất thường, bị đầu độc v.v... mà phải chết.

Lại nữa, Bồ tát từ sơ phát tâm đến khi thành đạo quả thường hành Đản Ba-la-mật, nên ở nơi hết thấy chúng sanh đều dụng tâm bình đẳng mà bố thí. Bồ tát lại thường tu tập Bát nhã Ba-la-mật. Bởi các công đức này, nên Bồ tát chẳng khi nào bị hoạnh tử cả.

-o0o-

Trong kinh nói: Nếu trong đại thiên thế giới, có vị Thiên tử nào đã phát tâm Vô thượng bồ đề, mà chưa nghe Bát nhã

Ba-la-mật, thì nay phải nghe, phải thọ trì, phải chánh ức niệm, phải tu tập, thì mới có được đại công đức.

Lời kinh trên đây cho thấy rằng, khi đã phát Vô thượng bồ đề Tâm, thì phải nghe, phải thọ trì Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật, thì mới vào được Phật đạo. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là nền tảng của Phật đạo vậy.

**Hỏi:** *Chư vị Thiên tử khi phát Vô thượng bồ đề Tâm, ắt là đã có nghe Bát nhã Ba-la-mật rồi. Vì sao lại nói vị nào chưa nghe Bát nhã Ba-la-mật, thì phải nên nghe?*

**Đáp:** Có nhiều vị Thiên tử ở đời trước đã có phát tâm, nhưng vì ham hưởng dục lạc ở nơi cung trời, nên chưa có nhân duyên được nghe Bát nhã Ba-la-mật. Lại có nhiều vị Thiên tử, nay mới vừa phát tâm, nên cũng chưa được nghe Bát nhã Ba-la-mật.

Lại có chư vị Thiên tử ở cõi Dục, chìm đắm trong 5 dục, tham nhiễm sâu dày, nên chẳng có cơ duyên phát tâm cầu Bát nhã Ba-la-mật.

Lại có chư vị Thiên tử ở cõi Sắc, vì tham đắm thiên vị, nên chẳng có cơ duyên phát tâm cầu Bát nhã Ba-la-mật.

Bởi vậy nên Phật mới nhắc nhở: Có vị Thiên tử chưa nghe Bát nhã Ba-la-mật, thì nay phải nghe, phải thọ trì, phải chánh ức niệm, phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Trước đây nói các Thiên ma chẳng có chỗ tiện để phá hoại tâm của Bồ tát. Đó là nói về nội nhân duyên. Vì sao? Vì khi Bồ tát đã tu tập đầy đủ hạnh Bồ tát, đã trú trong “không tam muội”, đã hành đầy đủ 4 vô lượng tâm, khiến nội tâm

được an định, thì Thiên ma chẳng tìm được chỗ tiện để gây tác hại.

Nay nói về ngoại nhân duyên, nên Phật dạy chư Thiên cùng các thiện nam, thiện nữ phải thọ trì và cúng dường Bát nhã Ba-la-mật.

Như vậy, cả chư Thiên cùng các thiện nam, thiện nữ đều đồng sự với nhau. Nếu ma đến quấy phá các thiện nam, thiện nữ, thì chư Thiên liền đến bảo hộ họ, khiến ma chẳng có thể gây tác hại được.

Trong kinh có nói đến trường hợp những thiện nam, thiện nữ, chọn nơi hoang vắng, núi cao rừng rậm... để tu hành. Những nơi hẻo lánh thường có ma quỷ, giặc cướp đến quấy phá, hãm hại. Thế nhưng, do đã khéo tu Bát nhã Ba-la-mật, khéo tu tập 18 không, đã có nhiều oai đức khiến chúng ma chẳng dám đến gần, nên các thiện nam, thiện nữ này được an ổn ở các nơi này, chẳng có gì sợ hãi cả.

Bởi nhân duyên vậy, nên Phật dạy: Chư vị Thiên tử nào chưa nghe Bát nhã Ba-la-mật, thì nay phải nghe, phải thọ trì, phải chánh ức niệm, phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

### **KINH:**

**Chư Thiên tử bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thân cận, đọc tụng, thọ trì, chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm mà tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì chúng con phải thường ủng hộ.**

**Vì sao? Vì do nhân duyên tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà Bồ tát đoạn được 3 đường ác, đoạn được sự bần cùng của các hàng Trời, người, đoạn được các tai họa về bệnh**

tật và đói khát. Cũng vì do nhân duyên tu tập như vậy, mà thế gian mới có các đại gia, đại tộc, mới có Chuyển Luân Thánh vương, có Tứ Thiên vương, có Sắc cứu cánh thiên. Cũng vì do nhân duyên tu tập như vậy, mới có quả Tu-đà-hoàn, quả Tu đà hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, mới có quả Bích Chi Phật và Bích Chi Phật đạo. Cũng vì do nhân duyên tu tập như vậy, mới có thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ, có chư Phật thị hiện ở thế gian, có chuyển pháp luân, dẫn đến có Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo.

Bạch Thế Tôn! Do đại nhân duyên như vậy, nên hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la, đều phải thủ hộ Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nay chư Thiên tử! Vì do đại nhân duyên tu tập như vậy, nên Bồ tát đoạn dứt được 3 đường ác, ..., dẫn đến có 3 ngôi Tam bảo xuất hiện ở thế gian.

Vậy nên, các hàng Trời, người và A tu la đều phải thường ủng hộ, cung kính, tôn trọng cúng dường, và tán thán chư vị Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Này chư Thiên tử! Cung kính, cúng dường, tán thán chư vị Bồ tát đó, tức là cung kính, cúng dường, tán thán Phật vậy.

Này chư Thiên tử! Ví như trong 3.000 đại thiên thế giới có số Thanh Văn và Bích Chi Phật nhiều như rừng rậm, lúa mè, tre lau... lại có người thiện nam, thiện nữ cung kính, tôn trọng, cúng dường tất cả chư vị Thanh Văn và Bích Chi Phật đó, thì phước đức cũng chẳng sao bằng được phước đức của người thiện nam, thiện nữ cung kính, tôn trọng, cúng dường một vị Bồ tát sơ phát tâm tu tập Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm.

Vì sao? Vì chẳng phải do nhân duyên tu tập của hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật mà có chư đại Bồ tát và chư Phật xuất hiện ở thế gian. Chỉ vì do nhân duyên tu tập Bát nhã Ba-la-mật của hàng Bồ tát, mà có chư Thanh Văn, chư Bích Chi Phật, chư đại Bồ tát cùng chư Phật xuất hiện ở thế gian này.

Này Kiều Thi Ca! Bởi nhân duyên vậy, nên hết thảy thế gian, từ các hàng Trời, người dẫn đến A tu la đều phải nên ủng hộ, cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán chư vị Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

### **LUẬN:**

Chư Thiên tử bạch với Phật nguyện sẽ xin ủng hộ chư vị Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật, nêu các lý do sau đây:

- Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật là đồng sự với chư Thiên trong việc cầu Phật đạo..

- Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật, do muốn an lạc chúng sanh, nên chịu khó thay cho chúng sanh. Do vậy mà đoạn dứt được 3 đường ác.

- Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật, dạy chúng sanh tu 10 thiện đạo, khiến họ dứt được sự bần cùng, khôn khổ, dẫn họ đến 3 đường thiện.

- Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật, dạy cho chúng sanh nhận rõ 5 dục là tội lỗi, dạy họ ly dục để tu tập 4 thiên, 4 vô sắc định, 4 vô lượng tâm.

- Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật, dạy cho chúng sanh tu tập 6 pháp Ba-la-mật, khiến họ được vô lượng công đức, dẫn đến được Nhất thiết chủng trí.

- Do nhân duyên Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật mà ở thế

gian có các đại gia, đại tộc ..., có 4 quả Thanh Văn, có Bích Chi Phật đạo, có thành tựu chúng sanh, có tịnh Phật quốc độ, có Phật thị hiện ở thế gian, có Chuyên Pháp luân, dẫn đến có Phật bảo, có Pháp bảo, có Tăng bảo.

-o0o-

Bồ tát thông đạt các pháp “không”, nên có đầy đủ uy lực; Bồ tát lại hay thuyết các thiện pháp, nhằm dạy cho chúng sanh tu hành, dẫn dắt chúng sanh vào Phật đạo.

Ví như vị Thái Tử quyết định sẽ kế vị vua cha, lên ngôi báu. Bồ tát cũng như vậy, do từ sơ phát tâm, thường chẳng ly Tát bà nhã tâm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, nên quyết định sẽ thành Phật đạo. Bồ tát tu tập lâu như vậy, nên rất xứng đáng được sự cung kính, tôn trọng, cúng dường.

Phật dạy chư Thiên phải nên cung kính, tôn trọng, cúng dường, tán thán chư vị Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là mẹ của 3 đời chư Phật, nên cung kính, tôn trọng, cúng dường, tán thán chư vị Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật chính là cung kính, tôn trọng, cúng dường, tán thán chư Phật vậy.

**Hỏi:** Các bậc A-la-hán và Bích Chi Phật xứng đáng được sự cúng dường của chúng sanh, xứng đáng là phước điền cho hết thảy chúng sanh. Như vậy, vì sao lại nói phước đức cúng dường vô lượng Thanh Văn và Bích Chi Phật cũng chẳng sao bằng được phước đức cúng dường một vị Bồ tát sơ phát tâm tu tập Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm?

**Đáp:** Nên biết, có 3 việc tối tôn, tối trọng chẳng có gì bằng được. Đó là:

- Bồ tát dụng Tát bà nhã tâm mà tu tập Bát nhã Ba-la-mật.
- Bồ tát trọn chẳng ly 6 pháp Ba-la-mật.
- Bồ tát đoạn trừ 3 đường ác, dẫn đến xuất sanh 3 thừa giáo.

Tu tập theo pháp Nhị thừa, thì chẳng thể nào đoạn trừ được 3 đường ác, dẫn đến chẳng thể nào xuất sanh được 3 thừa giáo.

Bởi vậy nên nói: Cúng dường vô lượng Thanh Văn và Bích Chi Phật chẳng sao bằng được cúng dường một vị Bồ tát sơ phát tâm tu tập Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm.



## Phẩm Thứ Ba Mười Mốt



### Diệt Tránh (Diệt trừ cạnh tranh)

#### KINH:

Lúc bấy giờ ngài Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Lạ lùng và hy hữu thay! Đại Bồ tát Bát nhã Ba-la-mật! Bồ tát y theo Bát nhã Ba-la-mật, mà thọ trì, thân cận, đọc tụng, thuyết giảng, chánh ức niệm, tu tập nên ở hiện đời có được công đức thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ, đi từ quốc độ này đến quốc độ khác để cúng dường chư Phật, mỗi khi muốn cúng dường thì liền được như nguyện; lại được theo Phật, nghe pháp, mãi cho đến khi được Vô thượng bồ đề chẳng bao giờ quên sót. Bồ tát này cũng thành tựu sanh thai, thành tựu gia đình, thành tựu chỗ sanh, thành tựu quyến thuộc, thành tựu xuất sanh, thành tựu xuất gia, thành tựu tướng trang nghiêm, thành tựu quang minh, thành tựu nhãn nhĩ thông, thành tựu các tam muội, thành tựu các đà la ni.

Bồ tát này, dùng các lực phương tiện, biến thân như thân Phật, đi đến các quốc độ không có Phật, để tán dương 6 pháp Ba-la-mật, 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, dùng giáo pháp của cả 3 thừa, hoặc Thanh Văn thừa, hoặc Bích Chi Phật thừa, hoặc Phật thừa, để tùy nghi độ chúng sanh.

Bạch Thế Tôn! Lạ lùng và hy hữu thay! Thọ trì Bát nhã Ba-la-mật là tổng nhiếp cả 5 Ba-la-mật kia, tổng

nhiếp 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, tổng nhiếp 4 quả Thanh Văn, Bích Chi Phật đạo, Phật đạo, và Nhất thiết chủng trí.

**Phật dạy:** Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Kiều Thi Ca! Thọ trì Bát nhã Ba-la-mật là tổng nhiếp cả 5 Ba-la-mật kia, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí vậy.

Này Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thân cận, đọc tụng, thuyết giảng, chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, thì ở hiện đời được vô lượng công đức. Bởi vậy nên ông hãy lắng nghe kỹ.

**Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn thưa:** Bạch Thế Tôn! Chúng con xin được thọ giáo.

**Phật dạy:** Này Kiều Thi Ca! Nếu có kẻ ngoại đạo Phạm chí, hoặc ma vương, ma dân, hoặc kẻ tăng thượng mạn... mong tâm muốn phá hoại Bồ tát Bát nhã Ba-la-mật, thì ác tâm ấy liền bị triệt tiêu, khiến kẻ mong tâm chẳng sao hành động được như ý muốn. Vì sao?

- Vì chúng sanh mãi chìm đắm trong đêm dài vô minh, u tối, nên Bồ tát nguyện hành 6 pháp Ba-la-mật để độ thoát họ.

- Vì chúng sanh mãi tham lam, tranh cạnh, nên Bồ tát nguyện xả nội ngoại vật sở hữu, nhằm an lập họ trong Đàn Ba-la-mật.

- Vì chúng sanh mãi phá giới, nên Bồ tát nguyện xả nội ngoại pháp, nhằm an lập họ trong Thi la Ba-la-mật.

- Vì chúng sanh mãi đấu tranh, nên Bồ tát nguyện xả nội ngoại pháp, nhằm an lập họ trong Săn đề Ba-la-mật.

- Vì chúng sanh mãi giải đãi, nên Bồ tát nguyện xả nội ngoại pháp, nhằm an lập họ trong Tỳ lê gia Ba-la-mật.

- Vì chúng sanh mãi loạn tâm, nên Bồ tát nguyện xả nội ngoại pháp, nhằm an lập họ trong Thiên Ba-la-mật.

- Vì chúng sanh mãi ngu si, nên Bồ tát nguyện xả nội ngoại pháp, nhằm an lập họ trong Bát nhã Ba-la-mật.

- Vì chúng sanh mãi bị ái kiết trói buộc, mà cứ phải luân chuyển trong sanh tử, nên Bồ tát nguyện dùng các lực phương tiện để đoạn trừ ái kiết của chúng sanh, nhằm an lập họ trong 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 4 niệm xứ, 8 thánh đạo; an lập họ nơi không tam muội, vô tướng tam muội, vô tác tam muội, an lập họ nơi quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán; an lập họ nơi Bích Chi Phật đạo và Phật đạo.

Này Kiều Thi Ca! Như vậy là Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật được công đức ở đời này và ở cả đời sau, sẽ được Vô thượng bồ đề, sẽ chuyển pháp luân, đầy đủ các hạnh nguyện, nhập vào Vô dư Niết Bàn.

Này Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe Bát nhã Ba-la-mật, mà thọ trì, thân cận, đọc tụng, thuyết giảng, chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì chỗ ở của người này, các hàng ngoại đạo, các ma vương, ma dân, các kẻ tăng thượng mạn muốn khinh khi, hủy báng, vắn nạn, phá hoại Bát nhã Ba-la-mật, đều chẳng thể nào thành tựu được. Ác tâm của chúng liền bị chuyển hóa hay bị tiêu diệt, khiến chúng được nghe Bát nhã Ba-la-mật, dần dần vào được 3 thừa đạo, đoạn hết các khổ.

Này Kiều Thi Ca! Ví như thuốc Ma kỳ có lực đẩy lui được các rắn độc; dù các rắn đó đói lả, muốn đến ăn các côn trùng ở trong vùng có thuốc này, thì cũng chẳng sao đến gần được. Vì thuốc Ma kỳ có lực chế ngự được các loài rắn độc.

Cũng như vậy, các thiện nam, thiện nữ nào nghe được Bát nhã Ba-la-mật, rời thọ trì, thân cận, đọc tụng, thuyết giảng, chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật có oai lực ngăn chặn và tiêu diệt mọi ác tâm, ngay khi vừa móng khởi, của những kẻ bị tà kiến che tâm, muốn phá hoại Bát nhã Ba-la-mật. Chẳng những thế lại còn chuyển hóa được họ, khiến họ từ bỏ ác tâm, chịu nghe Bát nhã Ba-la-mật. Do được nghe Bát nhã Ba-la-mật, nên họ liền sanh thiện tâm, tăng ích công đức.

Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật có oai lực tiêu trừ hết các bất thiện pháp, các phiền não, các kiết sử, làm duyên khởi cho sự đấu tranh. Các tà kiến chấp điên đảo, như ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, đoạn kiến, thường kiến, cấu kiến, tịnh kiến, hữu kiến, vô kiến đều được diệt trừ tận gốc. Xan tham, phạm giới, sân nhuế, giải đãi, loạn ý, vô trí, thường tướng, lạc tướng, tịnh tướng, dẫn đến các chấp về 5 âm, chấp 6 pháp Ba-la-mật, chấp Nhất thiết chủng trí, chấp Niết Bàn v.v... cũng đều bị tiêu trừ. Tất cả các pháp làm duyên khởi cho sự đấu tranh này đều bị Bát nhã Ba-la-mật tiêu trừ, chẳng thể nào tăng trưởng được.

### **LUẬN:**

Bồ tát nào nghe Bát nhã Ba-la-mật rồi, liền tín thọ, thân cận, đọc tụng, chánh ức niệm, tu tập và vì người khác thuyết giảng, được nhiều công đức ở đời này và cả ở đời sau. Vì sao? Vì Bồ tát này nghe Bát nhã Ba-la-mật rồi, liền dùng tín lực để lãnh thọ, dùng niệm lực để giữ gìn nên có được Bát nhã Ba-la-mật lực vậy.

Bồ tát này cũng thường thân cận, thường thưa hỏi chư Phật và chư đại Bồ tát ở khắp 10 phương, nên hiểu rõ được thâm nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát này lại thường

thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật cho người khác nghe, vì biết rằng Bát nhã Ba-la-mật quá thậm thâm, vi diệu, cần phải giải nghĩa rõ ràng thì chúng sanh mới được lợi lạc.

Bồ tát này biết rõ Phật pháp là chẳng thể nghĩ bàn (bất khả tư nghì), nên đã dùng đại bi tâm, vì chúng sanh mà thuyết pháp nhằm phá các hý luận, các tà kiến, và đưa chúng sanh vào Phật pháp.

-o0o-

Bồ tát nương theo Phật lực mà thuyết pháp, nhưng chẳng chấp pháp. Như vậy mới trừ được các điên đảo tà niệm.

Bồ tát thường trú nơi 4 niệm xứ, ức niệm rằng: Muốn được đạo, thì phải xa lìa các lạc thú ở thế gian. Như vậy gọi là chánh ức niệm. Chánh ức niệm là nguồn gốc của hết thảy các thiện pháp. Người sơ cơ vào đạo, trước hết phải có chánh ức niệm. Thường ở trong chánh ức niệm như vậy mới gọi là tu tập. Tu tập trong chánh ức niệm như vậy thì mới có được nhiều công đức ở đời này và cả đời sau.

-o0o-

Theo ngài Thích Đề Hoàn Nhon, thì công đức ở đời này là công đức được tu tập giáo pháp của cả 3 thừa giáo, và công đức ở đời sau là nhờ nghe Bát nhã Ba-la-mật mà có được Bát nhã Ba-la-mật lực, thấu nhiếp được cả 5 Ba-la-mật kia, dẫn đến được Nhất thiết chủng trí.

Phật ấn chứng lời nói của vị Đế Thích, và dạy rằng: Muốn khiến người khác tín thọ Bát nhã Ba-la-mật, thì trước hết phải tự mình nhất tâm, tín thọ và tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đã tín thọ Bát nhã Ba-la-mật, nhưng phàm phu chưa biết rõ Bát nhã Ba-la-mật là thâm thâm vi diệu, nên Phật vì thương xót chúng sanh, đã phải dùng ngôn ngữ danh tự của thế gian để khai thị, khiến chúng sanh phát khởi được Bồ đề tâm mà tín thọ Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì nếu tín tâm chưa được bền vững, thì có thể bị các ngoại đạo Phạm chí, các ma vương, ma dân, các kẻ tăng thượng mạn phá hoại, làm lung lạc tín tâm vậy.

-o0o-

Nên biết Phạm chí là người xuất gia theo ngoại đạo, thường ái pháp và mang nặng tà kiến chấp. Bởi vậy chẳng thể nào tín thọ được Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thể nào vào được nơi thật tướng pháp. Hàng Phạm chí thường muốn phá hoại tín tâm của người tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Người tăng thượng mạn là người đã tu tập thiên định mà chưa vào được Phật đạo, nhưng tự hào cho mình đã đắc đạo. Khi nghe nói quả Thanh Văn mới chỉ là quả vị thấp, chưa phải là quả vị Vô Thượng, chưa dẫn vào Vô dư Niết Bàn, thì sanh tâm buồn tủi, giận dữ, dẫn đến trở thành tăng thượng mạn.

Những người này muốn phá hoại Bát nhã Ba-la-mật, vì họ tự xét chẳng thể nào thật hành được Bồ tát hạnh, chẳng thể nào chịu cần khổ để giáo hóa chúng sanh, đưa chúng sanh vào Phật đạo như chư vị Bồ tát được. Do vậy mà họ thường khởi lòng đấu tranh.

Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật, xả nội ngoại pháp khiến chẳng còn khởi đấu tranh. Trái lại chúng sanh do thủ chấp nội ngoại pháp mà thường khởi đấu tranh.

Bởi vậy nên Bồ tát xả nội ngoại pháp, tự an lập trong 6

Ba-la-mật, và cũng dạy cho chúng sanh xả nội ngoại pháp, dẫn đến an lập chúng sanh trong 6 Ba-la-mật, dạy họ tu tập các thiện pháp, gieo trồng phước đức ở đời này và mãi trong vô lượng kiếp về sau, khiến các chúng từ đấu tranh đều bị tiêu diệt.

Bồ tát tu tập như vậy, nên dù có gặp các việc đấu tranh, cũng vẫn giữ được tâm an nhiên tự tại, chẳng hề bị ràng buộc. Trái lại, Bồ tát còn có oai lực nhiếp phục được những kẻ đấu tranh, quay về với thiện tâm, khiến họ tăng ích công đức.

Ví như thuốc Ma kỳ có oai lực đẩy lui các loài rắn độc, khiến chúng khiếp sợ phải lánh xa. Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật có oai lực đẩy lui và hàng phục tất cả những kẻ nào muốn phá hoại người hành Bồ tát đạo.

Bát nhã Ba-la-mật cũng có thể lực tiêu trừ vô minh, tận diệt các kiết sử phiền não, các tà kiến, tà chấp, lại cũng tiêu diệt hết thảy các ái hành, ái chấp như: ái chấp 5 âm, ái chấp nội không, ..., dẫn đến ái chấp vô pháp hữu pháp không, ái chấp 4 niệm xứ, ..., dẫn đến ái chấp 18 bất cộng pháp, ái chấp Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến ái chấp Bát nhã Ba-la-mật, ái chấp Nhất thiết chủng trí, ..., dẫn đến ái chấp Niết Bàn.

-o0o-

### **KINH:**

Lại nữa, này Kiều Thi Ca! Trong 3.000 đại thiên thế giới, hết thảy chư Thiên thường thủ hộ các thiện nam, thiện nữ nào hay thọ trì, đọc tụng, cúng dường, thuyết giảng, chánh ức niệm và tu tập Bát nhã Ba-la-mật. Hiện trong khắp 10 phương, chư Phật cũng thường hộ niệm cho các thiện nam, thiện nữ này.

Vì sao?

Vì do các thiện nam, thiện nữ này tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà các ác pháp bị tiêu trừ, các thiện pháp được tăng ích, sở dĩ các thiện pháp được tăng ích, như Đàn Ba-la-mật được tăng ích, vì các thiện nam, thiện nữ này thường dụng tâm vô sở đắc mà tu tập vậy.

Các thiện nam, thiện nữ này nói ra lời nào cũng đều được mọi người tín thọ, được các hàng thân thuộc mến phục, tin yêu. Các thiện nam, thiện nữ này chẳng nói ra những lời vô ích, chẳng bị xan tham kiêu mạn, tật đố che tâm.

Các thiện nam, thiện nữ này tự mình chẳng sát sanh, dạy người chẳng nên sát sanh, tán thán pháp không sát sanh, hoan hỷ tán thán người không sát sanh, tự mình xa lìa trộm cắp, dạy người chẳng nên trộm cắp, tán thán pháp không trộm cắp, hoan hỷ tán thán người không trộm cắp, tự mình chẳng tà dâm, dạy người chẳng nên tà dâm, tán thán pháp không tà dâm, hoan hỷ tán thán người không tà dâm, tự mình chẳng vọng ngữ, dạy người chẳng nên vọng ngữ, tán thán pháp không vọng ngữ, hoan hỷ tán thán người không vọng ngữ. Ở nơi các pháp lương thiện, ác khẩu và ý ngữ cũng là như vậy.

Các thiện nam, thiện nữ này tự mình chẳng tham, dạy người chẳng nên tham, tán thán pháp không tham, hoan hỷ tán thán người không tham. Ở nơi các pháp sân và si cũng là như vậy.

Các thiện nam, thiện nữ này tự mình chẳng khởi tà kiến, dạy người chẳng nên khởi tà kiến, tán thán pháp không khởi tà kiến, hoan hỷ tán thán người không tà kiến.

Các thiện nam, thiện nữ này tự mình tu nội không,



..., dẫn đến tu vô pháp hữu pháp không, dạy người tu nội không, ..., dẫn đến tu vô pháp hữu pháp không, hoan hỷ tán thán người tu nội không, ..., dẫn đến tu vô pháp hữu pháp không.

Các thiện nam, thiện nữ này tự mình tu 6 pháp Ba-la-mật, dạy người nên tu 6 pháp Ba-la-mật, hoan hỷ tán thán người tu 6 pháp Ba-la-mật.

Các thiện nam, thiện nữ này tự mình tu các đà la ni và các tam muội, tu 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 4 niệm xứ, 4 chánh cần, 4 như ý túc, 5 căn, 5 lực, 7 giác chi, 8 thánh đạo, tu 3 giải thoát môn (không, vô tướng và vô tác), tu 8 pháp giải thoát, tu 10 lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, đại từ, đại bi, 18 bất cộng pháp; cũng dạy người nên tu các pháp đó, và hoan hỷ tán thán người tu các pháp đó.

Các thiện nam, thiện nữ này tự mình chẳng làm lẫn các pháp, tự mình xả chấp các pháp, dạy người chẳng nên làm lẫn các pháp phải nên xả chấp các pháp, ..., dẫn đến tự mình được Nhất thiết chủng trí, dạy người khác tu để được Nhất thiết chủng trí, và hoan hỷ tán thán người được Nhất thiết chủng trí.

Do dụng tâm vô sở đắc, khi hành 6 Ba-la-mật, nên các thiện nam, thiện nữ này đem các công đức trên đây, cùng với hết thấy chúng sanh, đồng hồi hướng về Vô thượng bồ đề.

Này Kiều Thi Ca! Các thiện nam, thiện nữ này, khi thậ hành Bát nhã Ba-la-mật, tự niệm rằng:

- Nếu ta chẳng hành bồ thí, thì ta sẽ thọ báo bần cùng, sẽ chẳng thành tựu được chúng sanh, chẳng thanh tịnh được Phật độ, dẫn đến chẳng được Nhất thiết chủng trí.

- Nếu ta chẳng trì giới, thì sẽ thọ báo sanh vào 3 đường ác, chẳng được làm thân người, chẳng thành tựu được chúng sanh, chẳng thanh tịnh được Phật độ, dẫn đến chẳng được Nhất thiết chủng trí.

- Nếu ta chẳng hành nhẫn nhục, thì ta sẽ chẳng được các căn đầy đủ, chẳng được sắc thân toàn vẹn như Bồ tát, chẳng thành tựu được chúng sanh, chẳng thanh tịnh được Phật độ, dẫn đến chẳng được Nhất thiết chủng trí.

- Nếu ta giải đãi, thì ta sẽ chẳng hành được Bồ tát đạo, chẳng thành tựu được chúng sanh, chẳng thanh tịnh được Phật độ, dẫn đến chẳng được Nhất thiết chủng trí.

- Nếu ta loạn tâm, thì ta chẳng vào được các thiên định, chẳng thành tựu được chúng sanh, chẳng thanh tịnh được Phật độ, dẫn đến chẳng được Nhất thiết chủng trí.

- Nếu ta vô trí, thì ta sẽ chẳng có được các lực phương tiện, chẳng có thể thắng được hơn hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, chẳng thành tựu được chúng sanh, chẳng thanh tịnh được Phật độ, dẫn đến chẳng được Nhất thiết chủng trí.

Này Kiều Thi Ca! Các thiện nam, thiện nữ này khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, lại tự niệm rằng:

- Nếu tùy xan tham, thì chẳng được đầy đủ Đàn Ba-la-mật.

- Nếu tùy phạm giới, thì chẳng được đầy đủ Thi la Ba-la-mật.

- Nếu tùy sân nhuế, thì chẳng được đầy đủ Săn đề Ba-la-mật.

- Nếu tùy giải đãi, thì chẳng được đầy đủ Tỳ lê gia Ba-la-mật.

- Nếu tùy loạn tâm, thì chẳng được đầy đủ Thiên Ba-la-mật.

- Nếu tùy ngu si, thì chẳng được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật.

**Nói chung, nếu chẳng đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, thì chẳng thể nào được Nhất thiết chủng trí vậy.**

**Bởi nhân duyên vậy, nên các thiện nam, thiện nữ nào nghe Bát nhã Ba-la-mật rồi, liền thọ trì, thân cận, đọc tụng, thuyết giảng, chánh ức niệm, trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm, mà tu tập, thì được vô lượng công đức ở đời này và cả ở đời sau vậy.**

**Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hy hữu thay! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, vì hồi hướng về Nhất thiết chủng trí, nên chẳng sanh cao tâm.**

**Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Ý ông nghĩ sao, mà nói Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, vì hồi hướng về Nhất thiết chủng trí, nên chẳng sanh cao tâm?**

**Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn thưa: Bạch Thế Tôn! Có Bồ tát hành Đàn Ba-la-mật thế gian mà cho rằng mình đã đầy đủ Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến hành Bát nhã Ba-la-mật thế gian mà cho rằng mình đã đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát này, do chẳng có lực phương tiện, do còn tâm chấp ngã, nên mới sanh cao tâm.**

**Bạch Thế Tôn! Có Bồ tát tu 4 niệm xứ thế gian mà cho rằng mình đã đầy đủ 4 niệm xứ, ..., dẫn đến tu 8 thánh đạo thế gian mà cho rằng mình đã đầy đủ 8 thánh đạo. Bồ tát này, do chẳng có lực phương tiện, do còn tâm chấp ngã, nên mới sanh cao tâm.**

**Lại có Bồ tát cho rằng mình đã đầy đủ 18 bất cộng pháp, đã đầy đủ Nhất thiết chủng trí, sẽ thành tựu chúng sanh, sẽ thanh tịnh Phật độ. Bồ tát này, do chẳng có lực phương tiện, do còn tâm chấp ngã, nên mới sanh cao tâm.**

**Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát dụng tâm vô sở đắc, hành**

**Đàn Ba-la-mật** xuất thế gian, chẳng thấy có người thí, có người thọ, có vật thí và hồi hướng tất cả công đức bố thí về Nhất thiết chủng trí, thì chẳng có sanh cao tâm. Vì sao? Vì Bồ tát biết rõ **Đàn Ba-la-mật** là bất khả đắc.

Bồ tát cũng dụng tâm vô sở đắc, hành 5 Ba-la-mật kia như vậy vì biết rõ 5 Ba-la-mật kia cũng đều là bất khả đắc.

Tu 4 niệm xứ, ..., dẫn đến tu Nhất thiết chủng trí cũng đều là như vậy.

**Bạch Thế Tôn!** Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, vì hồi hướng về Nhất thiết chủng trí, nên chẳng có sanh cao tâm.

### **LUẬN:**

**Hỏi:** Trước đây đã có nói về các thiên ma, ma dân, và các hàng phi nhân thường phá hoại các thiện nam, thiện nữ tu tập Bát nhã Ba-la-mật rồi. Vì sao, nay còn nói nữa?

**Đáp:** Trước đây nói các loài ma thường phá hoại tâm của người hành Bát nhã Ba-la-mật. Nay nói về ác tâm của các loài ma muốn phá hoại tâm của người hành Bát nhã Ba-la-mật đều bị tiêu diệt ngay khi vừa mộng khởi.

Vì sao? Vì do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, nên các bất thiện pháp chẳng sanh, các thiện pháp càng thêm tăng trưởng; do tu tập phước đức trí huệ, nên có được đại oai lực. Bởi vậy nên các loài ma chẳng còn tìm được chỗ tiện để phá hoại nữa.

Lại nữa, Bồ tát có đại oai đức, nên được chúng sanh tin kính. Bồ tát lại phát đại bi tâm, cứu khổ hết thảy chúng sanh, ái kính Phật đạo, biết rõ niệm niệm sanh diệt, nên chẳng nói lời vô ích, chỉ nói thật ngữ, khiến các thiện pháp

càng thêm tăng trưởng, khiến các kiết sử, phiền não chẳng còn che tâm nữa.

Khi hành đạo, Bồ tát luôn tự niệm: Nếu ở hiện tiền có khởi niệm bất thiện, thì ở vị lai sẽ gặt quả báo bất thiện. Như vậy sẽ làm chướng ngại cho việc tu tập vào Phật đạo.

Dù vẫn còn vi tế kiết sử, nhưng Bồ tát chẳng còn khởi các nghiệp ác ở thân và khẩu, lại cũng chẳng bao giờ còn hành các ác sự đối với chúng sanh nữa.

Nếu Bồ tát có thị hiện thọ sanh vào các nhà hạ tiện, thì đó cũng là thắng duyên để thực hành Bồ tát đạo. Bởi vậy nên ngay ở hiện đời Bồ tát vẫn được vô lượng pháp lạc, dẫn đến ở đời vị lai cũng được vô lượng pháp lạc như vậy.

Bồ tát hành các thiện pháp, tu đầy đủ 37 Phẩm trợ đạo, đại từ, đại bi v.v... và cũng dạy cho chúng sanh tu 37 Phẩm trợ đạo, đại từ, đại bi, cùng các thiện hạnh khác.

Bồ tát muốn được pháp lạc và muốn chúng sanh cũng được pháp lạc như mình, ..., dẫn đến được Nhất thiết chủng trí và muốn chúng sanh cũng được Nhất thiết chủng trí.

-o0o-

Trên đây, tổng nhiếp các công đức tu tập 6 pháp Ba-la-mật, để làm duyên cho hàng Bồ tát sơ phát tâm, cùng các thiện nam, thiện nữ tín thọ, thân cận, đọc tụng, thuyết giảng, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, khiến được quả báo công đức ở đời này, và cả ở đời sau.

Vì sao? Vì nếu chưa vào được Bồ tát đạo, chưa được lậu tận, thì đôi khi vẫn còn khởi niệm xan tham, còn chưa tích cực hành bố thí. Bởi vậy nên Bồ tát phải thường niệm: Nếu

chẳng đầy đủ Đản Ba-la-mật, thì ở hiện đời chẳng có được các công đức, và ở đời sau sẽ bị các duyên nghiệp dẫn sanh vào các nơi bần cùng, hạ tiện, chịu nhiều khổ đau. Như vậy là tự mình chẳng có được tự tại, lại cũng chẳng làm được lợi ích cho người khác, chẳng thành tựu được chúng sanh, chẳng thanh tịnh được Phật độ. Vì sao? Vì chúng sanh thanh tịnh, thì Phật độ mới tịnh vậy.

Lại nữa, nếu chẳng hành đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, thì chẳng thể được Nhất thiết chủng trí.

Trên đây cũng có nêu trường hợp chẳng có được các lực phương tiện. Đó là trường hợp hành 6 pháp Ba-la-mật, mà chẳng ly tâm chấp ngã, chẳng ly các pháp tướng. Ví như bố thí mà vẫn còn chấp có người thí, có người thọ và có vật thí.

Bố thí mà còn chấp tâm, chấp tướng như vậy là bố thí chẳng có lực phương tiện. Trái lại, bố thí mà chẳng còn chấp tâm, chẳng còn thủ tướng, là bố thí có lực phương tiện.

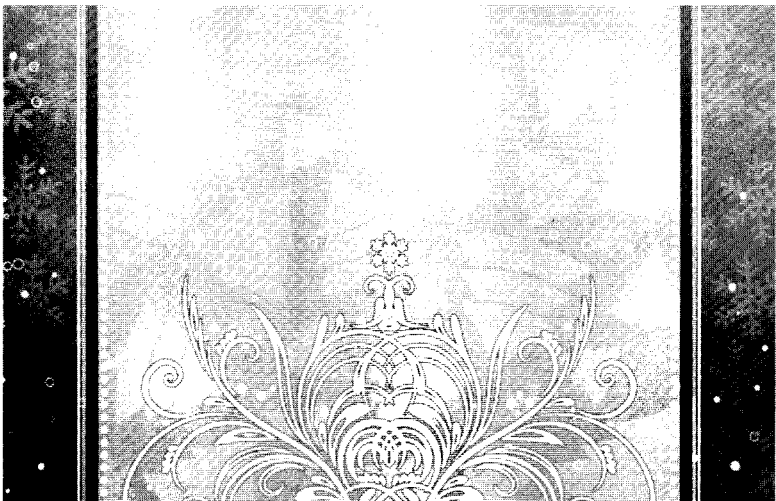
Nói chung, nếu thi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà vẫn còn tâm chấp ngã, còn thủ các pháp tướng, thì chẳng sao vào được Phật đạo. Do vậy, mà các loài ma mới có thể phá hoại được.

**Hỏi:** *Nếu Ba-la-mật thế gian chẳng phải là chánh pháp, thì Phật đề cập đến để làm gì?*

**Đáp:** Ba-la-mật thế gian là bước đầu dẫn vào chánh đạo. Trước phải hành “trương tợ pháp”, rồi sau mới vào được “chánh đạo giải thoát” vậy.



**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 57**







## Phẩm Thứ Ba Mươi Hai



**Bảo Tháp Đại Minh**  
(Tháp Báo Đại Minh)

**KINH:**

Lúc bấy giờ, Phật bảo ngài Thích Đề Hoàn Nhơn: Này Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe Bát nhã Ba-la-mật, mà thọ trì, thân cận, đọc tụng, thuyết giảng, chánh ức niệm, chẳng ly Tát bà nhã tâm mà tu tập, thì dù ở ngay trong chiến trận, giữa rừng đao tên, cũng chẳng mất mạng, chẳng bị đao tên làm tổn hại. Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ này, thường hành 6 pháp Ba-la-mật, nên tự mình trừ được đao tên đâm dục, cũng khiến người trừ được đao tên đâm dục; tự mình trừ được đao tên sân nhuế, cũng khiến người trừ được đao tên sân nhuế; tự mình trừ được đao tên ngu si, cũng khiến người trừ được đao tên ngu si; tự mình trừ được đao tên tà kiến, cũng khiến người trừ được đao tên tà kiến; tự mình trừ được đao tên triền cái, cũng khiến người trừ được đao tên triền cái, tự mình trừ được đao tên kiết sử, cũng khiến người trừ được đao tên kiết sử.

Bởi nhân duyên vậy, nên thiện nam, thiện nữ này, chẳng bị đao tên làm tổn hại.

Này Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe Bát nhã Ba-la-mật, mà thọ trì, thân cận, đọc tụng, thuyết giảng, chánh ức niệm, chẳng ly Tát bà nhã tâm, thì gặp độc dược, độc trùng, hầm lửa, hố sâu, gươm đao

cũng chẳng bị não hại. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là đại minh chú, là vô thượng chú. Các thiện nam, thiện nữ này, do học minh chú này, mà chẳng bị não hại, và cũng chẳng làm não hại người.

Các thiện nam, thiện nữ này, biết rõ ngã, chúng sanh, thọ giả, tri giả, kiến giả, đều là bất khả đắc, biết rõ 5 âm, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng đều là bất khả đắc. Do biết rõ hết thấy pháp đều là bất khả đắc, nên tự mình chẳng bị não hại, và cũng chẳng làm não hại người vậy.

Các thiện nam, thiện nữ này, do học đại minh chú này, mà được Vô thượng bồ đề tâm, quán được hết thấy tâm chúng sanh, mà tùy ý thuyết pháp.

Vì sao?

Vì chư Phật quá khứ đã học minh chú này mà được đạo Vô thượng bồ đề; chư Phật hiện tại học minh chú này mà được đạo Vô thượng bồ đề, chư Phật vị lai cũng sẽ học minh chú này để được đạo Vô thượng bồ đề vậy.

Này Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào biên chép kinh Bát nhã Ba-la-mật, để nơi trú xứ mình, mà thờ phụng, cúng dường, thì dù chẳng thọ trì, chẳng đọc tụng, chẳng thuyết giảng, chẳng chánh ức niệm tư duy, mà vẫn chẳng bị bất cứ người nào hoặc loài phi nhơn nào đến nơi đó phá hoại được. Vì sao?

Vì kinh Bát nhã Ba-la-mật được hết thấy chư Thiên vương, chư Phạm vương cùng chư thiên trong cả 3000 đại thiên thế giới ở khắp 10 phương ủng hộ. Ở nơi trú xứ thờ phụng, cúng dường Bát nhã thường có chư Thiên lui tới, cúng dường, tôn trọng, lễ bái, tán thán vậy.

Chỉ biên chép Bát nhã Ba-la-mật, mà ở hiện đời còn được nhiều công đức như vậy, huống nữa là thọ trì, đọc tụng, thuyết giảng, chánh ức niệm, chẳng ly Tát bà nhã tâm mà tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Người hoặc súc vật, nếu đến được dưới “cội Bồ đề”, thì chẳng có bất cứ người nào, hoặc loài phi nhơn nào có thể đến làm hại được.

Vì sao?

Vì cội Bồ đề là nơi mà chư Phật quá khứ, được đạo Vô thượng bồ đề. Cũng tại cội bồ đề, mà chư Phật hiện tại được đạo Vô thượng bồ đề, và chư Phật vị lai sẽ được đạo Vô thượng bồ đề vậy.

Sau khi thành tựu Vô thượng bồ đề, chư Phật đều bố thí vô úy cho hết thảy chúng sanh, làm cho vô lượng chúng sanh được phước lạc, được 4 quả Thanh Văn, dẫn đến được Vô thượng bồ đề.

Do oai lực của Bát nhã Ba-la-mật, mà ở nơi cội Bồ đề thường có các hàng Trời, người đến cung kính, tôn trọng, lễ bái và cúng dường.

**LUẬN:**

*Hỏi: Những người nào đã thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm và tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì dù ở ngay trong chiến trận, giữa rừng đao tên vẫn chẳng bị tổn hại. Như vậy vì sao Phật lại nói khi nhân duyên các nghiệp báo đã đến thời thì chúng sanh chẳng thể nào trốn thoát được?*

*Đáp:* Nên biết, có hai loại nghiệp báo nhân duyên:

- Quyết định phải thọ tội báo.
- Không quyết định phải thọ tội báo.

Đối với những chúng sanh mà nhân duyên quyết định phải thọ tội báo, thì mới nói: Chẳng có chỗ nào để trốn thoát được.

Còn ở đây chỉ nói đến những chúng sanh mà nhân duyên chưa quyết định phải thọ tội báo, mà biết thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm và tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì đao tên chẳng thể nào làm hại được.

Cũng ví như người phạm trọng tội đã lãnh án tử hình, thì dù có thể lực, dù có tiền của cũng chẳng sao thoát chết được. Còn người tuy phạm trọng tội, nhưng chưa lãnh án tử hình, mà lại khéo cầu cứu, biện bạch, hoặc dùng thể lực, tiền của thì vẫn có thể thoát khỏi tội báo vậy.

-o0o-

Lại nữa, những người nào đã xa lìa các ác pháp, đã điều phục được vọng tâm, chẳng còn nghi mạn, đã trải qua nhiều đời tu tập, phước đức trí huệ, thường hành đại bi tâm để giáo hóa chúng sanh, thì cũng chẳng bị đao tên làm hại được.

Phật dạy: Những người khéo tu tập 6 pháp Ba-la-mật, thì tự mình trừ được các nạn đao tên, và cũng khiến cho chúng sanh trừ được các nạn đao tên.

Các hàng ngoại đạo, thần tiên... còn có thể dùng chú thuật để làm những việc hy hữu, như vào nước chẳng bị ướt, vào lửa chẳng bị cháy, gặp các độc trùng chẳng bị hại, hưởng nữa là người đã tu tập Bát nhã Ba-la-mật, và đã có đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật lực.

**Hỏi:** *Nói như vậy cũng còn có thể tin được. Còn như biên chép kinh Bát nhã Ba-la-mật để thờ phụng, cúng dường mà sao lại có nhiều công đức như vậy được?*

**Đáp:** Biên chép kinh Bát nhã Ba-la-mật cũng có được nhiều công đức. Vì sao? Do vì trước đã từng nghe Bát nhã Ba-la-mật, thâm nhập ái kính Bát nhã Ba-la-mật, nên nay mới biên chép Bát nhã Ba-la-mật để thờ phụng, cúng dường vậy. Mặc dù xa bậc Đạo sư, nhưng luôn luôn quý kính lời dạy của bậc Đạo sư, nên mới biên chép để thờ phụng, cúng dường và để lưu lại đời sau. Do vậy mà người biên chép kinh Bát nhã Ba-la-mật, được vô lượng công đức, ngang với người thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm và tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Hàng chư Thiên thường quý mến, tôn trọng, giữ gìn kinh điển nên thường thù hộ người thiện nam, thiện nữ biên chép Bát nhã Ba-la-mật, khiến những người có ác tâm cũng như hàng phi nhơn chẳng thể tìm được chỗ tiện để phá hoại.

-o0o-

Pháp sự này rất khó tin, nên Phật đã dùng “cội Bồ đề” (Bồ đề thọ) để làm pháp dụ.

“Cội Bồ đề” là nơi Phật tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà thành được đạo Vô thượng bồ đề. Nơi đó có đủ oai lực của Bát nhã Ba-la-mật, nên chẳng có các ác sự hiện hành được vậy.

Lại nữa, Bát nhã Ba-la-mật là mẹ của chư Phật trong 3 đời, nên những thiện nam, thiện nữ nào nhất tâm cung kính cúng dường được vô lượng công đức vậy.

-o0o-

## **KINH:**

**Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi Phật: Bạch Thế Tôn!  
Nếu có thiện nam, thiện nữ biên chép, cúng dường Bát**

nhã Ba-la-mật, và lại có thiện nam, thiện nữ xây tháp để cúng dường Phật, sau khi Phật nhập Niết Bàn, thì bên nào được phước nhiều hơn?

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Ta hỏi lại ông và ông cứ tùy ý mà đáp lại. Ý ông nghĩ sao? Do đâu mà Phật được Nhất thiết chủng trí, được tướng hảo trang nghiêm?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đáp:

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Đúng như vậy, đúng như vậy! Phật từ nơi Bát nhã Ba-la-mật mà được Nhất thiết chủng trí.

Này Kiều Thi Ca! Chẳng phải do thân tướng hảo trang nghiêm mà ta được gọi là Phật. Chính là do ta được Nhất thiết chủng trí nên mới được gọi là Phật.

Này Kiều Thi Ca! Nhất thiết chủng trí từ Bát nhã Ba-la-mật mà sanh ra. Phật thân chỉ là chỗ sở y của Nhất thiết chủng trí, nương nơi Phật thân mà được Nhất thiết chủng trí.

Chúng sanh do nghĩ rằng thân của Phật chính là chỗ sở y của Nhất thiết chủng trí, nên sau khi Phật nhập Niết Bàn, đã xây dựng tháp để cúng dường xá lợi của Phật.

Này Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe Bát nhã Ba-la-mật mà biên chép, thọ trì, đọc tụng, thân cận, cung kính, cúng dường, tán thán Bát nhã Ba-la-mật, thì đó chính là người cúng dường Nhất thiết chủng trí vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên người biên chép, thọ trì, đọc tụng, thân cận, cung kính, cúng dường, tán thán Bát nhã Ba-la-mật có phước đức thù thắng hơn người xây tháp cúng dường xá lợi Phật, sau khi Phật nhập Niết Bàn.

**Vì sao?**

Vì từ Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh 5 Ba-la-mật kia, xuất sanh nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không, xuất sanh 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, xuất sanh hết thấy các tam muội, hết thấy các đà la ni, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ.

Bồ tát thành tựu các công hạnh như thành tựu sanh thai, thành tựu gia đình, thành tựu chỗ sanh, thành tựu quyến thuộc, thành tựu xuất sanh, thành tựu tướng trang nghiêm, thành tựu xuất gia v.v... cũng đều xuất sanh từ Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, cũng từ nơi Bát nhã Ba-la-mật mà ở thế gian xuất sanh các đại gia, các đại tộc, các cõi Trời Tứ Thiên vương, ..., dẫn đến Sắc cứu cánh thiên, mà ở thế gian có các quả Thanh Văn, có Nhất thiết chủng trí, ..., dẫn đến có Phật.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon đáp: Bạch Thế Tôn! Người ở cõi Diêm phù đề chẳng biết cúng dường, tôn trọng, tán thán Bát nhã Ba-la-mật, có phải là vì họ chẳng biết làm như vậy là có nhiều phước đức chăng?

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Ý ông nghĩ sao? Ở trong cõi Diêm phù đề có được bao nhiêu người có lòng tin bất hoại nơi Phật, Pháp và Tăng? Có bao nhiêu người chẳng nghĩ? Có bao nhiêu người quyết liễu?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon đáp: Bạch Thế Tôn! Ở trong cõi Diêm phù đề rất ít người có lòng tin bất hoại nơi Phật, Pháp, Tăng, cũng rất ít người chẳng nghĩ, rất ít người quyết liễu.

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Ý ông nghĩ sao? Ở cõi Diêm phù đề có được bao nhiêu người được 37 Phẩm trợ

đạo, 3 giải thoát môn, 8 bối xả, 9 thứ đệ định, 4 vô ngại trí, 6 thần thông, có bao nhiêu người đoạn được 3 kiết sử, được quả Tu-đà-hoàn, có bao nhiêu người đoạn được 3 kiết sử, cạn mông tham sân si, được quả Tư-đà-hàm, có bao nhiêu người dứt 5 hạ phần kiết sử, được quả A-na-hàm, có bao nhiêu người dứt 5 thượng phần kiết sử, được quả A-la-hán, có bao nhiêu người cầu Bích Chi Phật đạo, có bao nhiêu người phát Vô thượng bồ đề tâm?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đáp: Bạch Thế Tôn! Ở trong cõi Diêm phù đề rất ít người được 37 Phẩm trợ đạo, ..., dẫn đến rất ít người phát Vô thượng bồ đề tâm.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Kiều Thi Ca! Ở cõi Diêm phù đề có rất ít người có lòng tin bất hoại nơi Phật, Pháp và Tăng, rất ít người chẳng nghi, rất ít người quyết liễu. Lại cũng có rất ít người được Bích Chi Phật, ..., dẫn đến có rất ít người phát Vô thượng bồ đề tâm. Hơn nữa, ở trong những người đã phát Vô thượng bồ đề tâm rồi, có rất ít người thật hành Bồ tát hạnh.

Vì sao?

Vì đời trước, chúng sanh ở trong cõi Diêm phù đề chẳng thấy Phật, chẳng nghe Pháp, chẳng cúng dường Tăng, chẳng bố thí, chẳng trì giới, chẳng nhẫn nhục, chẳng tinh tấn, chẳng thiền định, chẳng trí huệ, chẳng nghe nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không, chẳng nghe 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, chẳng nghe và chẳng tu các tam muội, các đà la ni, lại cũng chẳng nghe và chẳng tu nhất thiết trí và Nhất thiết chủng trí.

Này Kiều Thi Ca! Bởi nhân duyên vậy, nên có rất ít chúng sanh có lòng tin bất hoại nơi Phật, Pháp và Tăng, ..., dẫn đến có rất ít chúng sanh phát Vô thượng bồ đề tâm.



Này Kiều Thi Ca! Ta dùng Phật nhãn thấy ở phương Đông có vô lượng chúng sanh phát Vô thượng bồ đề tâm, hành Bồ tát đạo. Thế nhưng vì những chúng sanh ấy xa lìa các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, nên có rất ít người được an trú trong bất thối chuyển địa. Do vậy mà phần nhiều bị rơi về Thanh Văn đạo và Bích Chi Phật đạo. Ở 9 phương kia cũng đều là như vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên những thiện nam, thiện nữ nào muốn cầu Vô thượng bồ đề, phải nghe Bát nhã Ba-la-mật, phải thọ trì, thân cận, đọc tụng, thuyết giảng, chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, rồi lại phải biên chép, cung kính, tôn trọng, cúng dường, tán thán Bát nhã Ba-la-mật.

Những thiện nam, thiện nữ này lại còn phải nghe, thọ trì, ..., dẫn đến cúng dường, tán thán các thiện pháp khác nữa. Vì sao? Vì hết thấy các thiện pháp đều quy nhiếp về Bát nhã Ba-la-mật.

\* Các thiện pháp khác gồm những gì?

Đó là Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Thiên Ba-la-mật, nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, hết thấy các tam muội, hết thấy các đà la ni, đại từ, đại bi cùng vô lượng thiện pháp khác.

Vô lượng thiện pháp như vậy đều quy nhiếp về Bát nhã Ba-la-mật cả. Bởi vậy nên phải nghe, thọ trì, thân cận, đọc tụng, thuyết giảng, chánh ức niệm, tán thán, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao?

Vì chư Phật khi còn là Bồ tát, cũng tu tập Bát nhã Ba-la-mật, cùng vô lượng thiện pháp khác, vì Bát nhã

Ba-la-mật cùng vô lượng thiện pháp đều là pháp tôn quý, là pháp ấn của Thanh Văn, của Bích Chi Phật, của Bồ tát và của Phật.

Chư Phật, chư đại Bồ tát cùng chư Thánh hiền do tu tập Bát nhã Ba-la-mật và các thiện pháp khác mà được Nhất thiết chủng trí và qua được “bờ bên kia”.

Này Kiều Thi Ca! Bởi nhân duyên vậy, nên khi Phật còn tại thế cũng như sau khi Phật đã nhập Niết Bàn, các thiện nam, thiện nữ đều phải y chỉ nơi Bát nhã Ba-la-mật, nơi 5 Ba-la-mật kia, ..., dẫn đến y chỉ nơi Nhất thiết chủng trí, mà tu tập. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí là chỗ mà chư Thanh Văn, chư Bích Chi Phật, chư Bồ tát, chư Phật cùng hết thấy thể gian, Trời, người, A tu la đều phải y chỉ vậy.

#### LUẬN:

*Hỏi: Phật đã nhiều phen tán thán Bát nhã Ba-la-mật rồi, nay vì sao ngài Thích Đề Hoàn Nhon còn so sánh công đức cúng dường Bát nhã Ba-la-mật với công đức cúng dường xá lợi của Phật để làm gì nữa?*

**Đáp:** Người chỉ có tín căn, thì muốn cúng dường xá lợi, người có huệ căn thì muốn cúng dường kinh pháp.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon muốn biết rõ trong 2 trường hợp cúng dường, bên nào có phước đức nhiều hơn, nên mới hỏi Phật để được Phật chỉ dạy cho.

Phật dạy: 5 Ba-la-mật kia đều từ Bát nhã Ba-la-mật sanh.

Phật lại cho biết thêm rằng 5 độ kia, từ bố thí, ..., dẫn đến thiên định, nếu chẳng có Bát nhã Ba-la-mật chỉ đạo, chẳng có lực phương tiện của trí huệ Bát nhã Ba-la-mật, thì chẳng thể gọi là Ba-la-mật được. Vì sao? Vì liễu đạt 18 không là có

được trí huệ. Do có trí huệ mà có được 4 niệm xứ, ..., dẫn đến có được nhất chủng trí.

Bồ tát tuy chưa có trí huệ Phật, nhưng do đã hành đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật, nên đã rõ được thật tướng các pháp. Do vậy mà được đầy đủ Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến đầy đủ Thiên Ba-la-mật.

-oOo-

Hãy nói về 2 độ “bồ thí” và “trì giới”.

Người chấp các pháp là thật không, thì nghĩ rằng chẳng có tội, chẳng có phước, nên chẳng cần tu các hạnh bồ thí và trì giới.

Người chấp các pháp là thật có, thì nghĩ rằng các pháp chẳng phải do duyên sanh mà là thường còn.

Người chấp các pháp là vô thường, thì nghĩ rằng 5 âm thân cũng phải theo thân mà diệt. Như vậy cũng chẳng có tội phước ở đời sau.

Lại nữa, nếu như nói chẳng có chúng sanh, thì cũng chẳng có tội sát sanh. Như vậy cũng chẳng có tội phước ở đời sau.

Lại nữa, nếu như nói chẳng có chúng sanh, thì cũng chẳng có tội sát sanh. Như vậy cũng chẳng cần nói đến giới “không sát sanh”.

Thế nhưng người liễu thông được rằng Bát nhã Ba-la-mật chính là thật tướng của các pháp, thì sẽ chẳng bị đọa về 2 chấp “có - không”. Như vậy, mới vào được Trung đạo, mới được đầy đủ Đàn Ba-la-mật, đầy đủ Thi la Ba-la-mật, ..., dẫn đến đầy đủ các Ba-la-mật khác.

-oOo-

Bởi nhân duyên vậy, nên nói hết thầy công đức tu tập các thiện pháp đều nhiếp cả vào trong Bát nhã Ba-la-mật.

Hết thầy các quả báo thế gian và xuất thế gian đều y chỉ vào Bát nhã Ba-la-mật, nên công đức cúng dường Bát nhã Ba-la-mật thù thắng hơn công đức cúng dường xá lợi vậy.

**Hỏi:** *Vì sao trong cõi Diêm phù đề có rất nhiều chúng sanh cầu phước đức mà rất ít chúng sanh cầu Bát nhã Ba-la-mật?*

**Đáp:** Ở trong cõi Diêm phù đề rất ít người lợi căn, thượng trí, nên đa số chỉ ham cầu phước lợi mà chẳng biết cúng dường Bát nhã Ba-la-mật. Ví như người mù nhặt được quý kim mà chẳng thấy được, nên chẳng biết đó là quý kim vậy.

Ở trong cõi Diêm phù đề, số người thâm tín ba ngôi Tam bảo cũng còn rất ít, huống nữa là biết được Bát nhã Ba-la-mật, và tu tập Bát nhã Ba-la-mật. Bởi vậy nên Phật mới hỏi ngài Thích Đề Hoàn Nhơn: Có bao nhiêu người có tín tâm bất hoại nơi 3 ngôi Tam bảo?

**Hỏi:** *“Tín tâm bất hoại”, “không nghi” và “quyết liễu” có gì sai khác nhau không?*

**Đáp:** Khởi lòng tin bất hoại nơi Tam bảo là không nghi. Lại nữa, nếu đã không nghi thì đã quyết liễu rồi. Cho nên “không nghi” và “quyết liễu” dẫn đến sự thành tựu của “lòng tin bất hoại”.

**Hỏi:** *“Không nghi” và “quyết liễu” có gì sai khác nhau không?*

**Đáp:** Tin Tam bảo thì gọi là “không nghi”. Do “không nghi” mà sanh trí huệ, thông rõ được các pháp, nên gọi là “quyết liễu”.

Ví như có người lội qua dòng nước là do không nghi. Khi đã lội qua bờ bên kia rồi, mới biết dòng nước mạnh hay yếu, sâu hay cạn. Như vậy gọi là quyết liễu.

Lại nữa, khi được “kiến đế đạo” thì được lòng tin bất hoại, khi được “tư duy đạo” thì gọi là không nghi, khi được “vô học đạo” thì gọi là liễu quyết.

**Hỏi:** *Được 3 tâm ấy thì có được quả báo gì?*

**Đáp:** Có được 3 tâm ấy, hành giả sẽ chẳng còn bị chướng ngại trong việc tu tập 37 Phẩm trợ đạo, ..., dẫn đến được 6 thần thông, đoạn được 3 phần kiết sử, chứng quả Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến đoạn sạch các tập khí, chứng “vô vi quả”.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn có quả báo sanh, được tha tâm trí, thường dùng Thiên nhĩ để nghe âm thanh của các đạo chúng sanh sai khác. Nay ngài lại tu đạo Bồ tát, được căn tánh lanh lợi, nhập vào các tam muội, quán tâm hành của chúng sanh, biết rõ sự hành đạo của chúng sanh trong các đạo.

Bởi vậy nên ngài mới trả lời Phật rằng: Ở trong cõi Diêm phù đề số người thâm tín Tam bảo rất ít, số người được quả Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến số người phát tâm cầu Phật đạo lại càng ít hơn nữa, nên rất ít người biết được Bát nhã Ba-la-mật để cung kính cúng dường. Vì sao? Vì đời trước chẳng nghe danh Tam bảo, ..., dẫn đến chẳng nghe nói đến Nhất thiết chủng trí.

Phật ấn chứng lời nói của Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn, và dạy: Ta dùng Phật nhãn quán thấy trong khắp 10 phương có vô lượng chúng sanh phát Vô thượng bồ đề tâm, hành Bồ tát đạo, nhưng vì xa lìa các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, nên có rất ít người trú được trong bất thối chuyển địa, mà thường bị rơi về Thanh Văn địa.

Cũng nên biết hết thầy các thiện pháp đều nhiếp trọn vào trong Bát nhã Ba-la-mật, ..., dẫn đến hết thầy các kinh điển như Pháp Hoa, Giải Thâm Mật, Mật Tích, v.v... đều nhiếp vào trong Bát nhã Ba-la-mật cả.

**Hỏi:** *Vì sao nói Tu-đà-hoàn phải học Bát nhã Ba-la-mật mới qua được “bờ bên kia”?*

**Đáp:** Vì 6 pháp Ba-la-mật, 3 giải thoát môn, 37 Phẩm trợ đạo, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều là pháp chung cho cả 3 thừa. Người tu hành phải tùy theo từng phần, từng quả vị tu chứng mà học vậy.

**KINH:**

**Phật bảo:** Này Kiều Thi Ca! Ý ông nghĩ sao? Sau khi Phật nhập Niết Bàn, nếu có thiện nam, thiện nữ nào xây tháp 7 báu, cao 1 do tuần, rồi dùng hương hoa, anh lạc, tràng phan, bảo cái và các vật quý báu khác để cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán Phật thì phước đức của thiện nam, thiện nữ ấy có nhiều chăng?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đáp: Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ ấy được phước đức rất nhiều.

**Phật dạy:** Này Kiều Thi Ca! Phước đức ấy chẳng sao bằng được phước đức của thiện nam, thiện nữ nghe Bát nhã Ba-la-mật, rồi biên chép, thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, tôn trọng, cung kính cúng dường, tán thán Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm.

Lại nữa, này Kiều Thi Ca! Ý ông nghĩ sao? Sau khi Phật nhập Niết Bàn, nếu có thiện nam, thiện nữ, chẳng những xây 1 tháp 7 báu mà xây rất nhiều tháp 7 báu, mỗi tháp cao 1 do tuần đầy khắp cõi Diêm phù đề, rồi dùng hương hoa, anh lạc, tràng phan, bảo cái và các vật quý báu khác để

cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán Phật thì phước đức của thiện nam, thiện nữ ấy có nhiều chăng?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đáp: Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ ấy được phước đức rất nhiều.

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Phước đức ấy chẳng sao bằng được phước đức của thiện nam, thiện nữ nghe Bát nhã Ba-la-mật, rồi biên chép, thọ trì, đọc tụng, chánh ỨC NIỆM, tôn trọng, cung kính cúng dường, tán thán Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm.

Lại nữa, này Kiều Thi Ca! Ý ông nghĩ sao? Sau khi Phật nhập Niết Bàn, nếu có thiện nam, thiện nữ, chẳng những xây tháp 7 báu đầy khắp cõi Diêm phù đề, mà xây tháp 7 báu đầy khắp cả bốn châu thiên hạ, rồi dùng hương hoa, anh lạc, tràng phan, bảo cái và các vật quý báu khác để cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán Phật thì phước đức của thiện nam, thiện nữ ấy có nhiều chăng?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đáp: Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ ấy được phước đức rất nhiều.

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Phước đức ấy chẳng sao bằng được phước đức của thiện nam, thiện nữ nghe Bát nhã Ba-la-mật, rồi biên chép, thọ trì, đọc tụng, chánh ỨC NIỆM, tôn trọng, cung kính cúng dường, tán thán Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm.

Lại nữa, này Kiều Thi Ca! Ý ông nghĩ sao? Sau khi Phật nhập Niết Bàn, nếu có thiện nam, thiện nữ, chẳng những xây tháp 7 báu đầy khắp cả 4 châu thiên hạ mà xây tháp 7 báu đầy khắp cả tiểu thiên thế giới, rồi dùng hương hoa, anh lạc, tràng phan, bảo cái và các vật quý báu khác để cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán Phật thì phước đức của thiện nam, thiện nữ ấy có nhiều chăng?

**Ngài Thích Đề Hoàn Nhon** đáp: **Bạch Thế Tôn!** Thiện nam, thiện nữ ấy được phước đức rất nhiều.

**Phật** dạy: **Này Kiều Thi Ca!** Phước đức ấy chẳng sao bằng được phước đức của thiện nam, thiện nữ nghe **Bát nhã Ba-la-mật**, rồi biên chép, thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, tôn trọng, cung kính cúng dường, tán thán **Bát nhã Ba-la-mật**, trọn chẳng ly **Tát bà** nhã tâm.

Lại nữa, **này Kiều Thi Ca!** Ý ông nghĩ sao? Sau khi **Phật** nhập **Niết Bàn**, nếu có thiện nam, thiện nữ, chẳng những xây tháp 7 báu đầy khắp cả tiểu thiên thế giới mà xây tháp 7 báu đầy khắp cả Trung thiên thế giới, rồi dùng hương hoa, anh lạc, tràng phan, bảo cái và các vật quý báu khác để cúng kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán **Phật** thì phước đức của thiện nam, thiện nữ ấy có nhiều chăng?

**Ngài Đế Thích Hoàn Nhon** đáp: **Bạch Thế Tôn!** Thiện nam, thiện nữ ấy được phước đức rất nhiều.

**Phật** dạy: **Này Kiều Thi Ca!** Phước đức ấy chẳng sao bằng được phước đức của thiện nam, thiện nữ nghe **Bát nhã Ba-la-mật**, rồi biên chép, thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, tôn trọng, cung kính cúng dường, tán thán **Bát nhã Ba-la-mật**, trọn chẳng ly **Tát bà** nhã tâm.

Lại nữa, **này Kiều Thi Ca!** Ý ông nghĩ sao? Sau khi **Phật** nhập **Niết Bàn**, nếu ở khắp cả **Đại thiên thế giới**, mỗi mỗi chúng sanh đều xây tháp 7 báu để trọn đời cúng dường **Phật**, thì phước đức của tất cả chúng sanh ấy góp lại cũng chẳng sao bằng được phước đức của thiện nam, thiện nữ nghe **Bát nhã Ba-la-mật**, rồi biên chép, thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, tôn trọng, cung kính cúng dường, tán thán **Bát nhã Ba-la-mật**, trọn chẳng ly **Bát nhã Ba-la-mật**. Như vậy, ý ông nghĩ sao?



Ngài Thích Đề Hoàn Nhon thưa: Bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, đúng như vậy! Vì cung kính, tôn trọng cúng dường, tán thán Bát nhã Ba-la-mật là cúng dường chư Phật trong 3 đời rồi vậy.

Bạch Thế Tôn! Nếu trong hằng hà sa thế giới ở khắp trong 10 phương, mỗi mỗi chúng sanh đều xây tháp 7 báu để cúng dường Phật, hoặc trong 1 kiếp hoặc dưới 1 kiếp, thì phước đức ấy có nhiều chăng?

Phật dạy: Nay Kiều Thi Ca! Phước đức ấy rất nhiều.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon thưa: Bạch Thế Tôn! Theo như lời Thế Tôn dạy thì thiện nam, thiện nữ nghe Bát nhã Ba-la-mật, rồi biên chép, thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, tôn trọng, cung kính cúng dường, tán thán Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm có phước đức thù thắng hơn nhiều. Vì sao? Vì hết thấy các thiện pháp như 10 thiện đạo, 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 37 Phẩm trợ đạo, 3 giải thoát môn, 4 thánh đế, 6 thần thông, 8 bối xả, 9 thứ đệ định, 6 pháp Ba-la-mật, 18 không, các tam muội, các đà la ni, 10 lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, đại từ, đại bi, 18 bất cộng pháp, nhất thiết trí, đạo chủng trí, Nhất thiết chủng trí đều từ Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh ra cả.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật là pháp ấn của 3 đời chư Phật. Tất cả Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ tát và Phật đều y như pháp ấn này mà qua được “bờ bên kia” vậy.

#### **LUẬN:**

Người nghe Bát nhã Ba-la-mật, rồi biên chép, thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, tôn trọng, cung kính cúng dường, tán

thán Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm mà tu tập, được vô lượng phước đức. Bởi vậy nên Phật dùng tháp 7 báu để làm dụ.

**Hỏi:** *Bảo tháp mà Phật lấy làm dụ trên đây là “thật dụ” hay là “giả dụ”?*

**Đáp:** Phật muốn cho chúng sanh được trí giải về phước đức nên đã dùng “tháp 7 báu” để làm dụ.

Như vậy, dụ này cũng vừa là thật dụ, mà cũng vừa là giả dụ. Vì sao? Ví như, khi Phật Ca Diếp vừa nhập Niết Bàn, có vị quốc vương, tên là Cát Ly Chiêm, xây 500 bảo tháp cao đến 50 do tuần, để cúng dường xá lợi của Phật. Lại nữa, trong đời quá khứ có vị chuyển luân thánh vương, tên là Đức Chúng, trong một ngày đã xây 500 bảo tháp để cúng dường Phật. Đây là thật dụ.

Còn nói xây bảo tháp đầy cả cõi Diêm phù đề, đầy khắp cả 4 châu thiên hạ, đầy khắp cả tiểu thiên thế giới, đầy khắp cả trung thiên thế giới, đầy khắp cả đại thiên thế giới, v.v... là giả dụ, để nói lên phước đức của việc xây tháp cúng dường Phật vậy. Thế nhưng, đây cũng là thật dụ. Vì sao? Ví như Phạm Thiên vương là vương chủ của cả đại thiên thế giới và cũng là đệ tử của Phật, có thần lực biến hóa, dựng tháp khắp cả đại thiên thế giới, để cúng dường xá lợi của Phật. Đây cũng là thật dụ vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên Phật lấy “tháp 7 báu” làm dụ, để cho hội chúng thấy rõ là hết thảy các thiện pháp, từ 10 thiện đạo, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí, đều xuất sanh từ Bát nhã Ba-la-mật cả.

Cũng nên biết rằng xá lợi Phật chỉ là vô ký pháp.

Cúng dường xá lợi Phật chỉ là thiện pháp. Y chỉ nơi thiện pháp mà đời sau được các quả báu lành. Nhưng nếu nghe Bát nhã Ba-la-mật rồi thọ trì, đọc tụng, thân cận, chánh ức niệm, trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm mà tu tập Bát nhã Ba-la-mật thì đời này và cả đời sau, đều được quả báo lành dẫn đến được quả Vô thượng Bồ đề.

## Phẩm Thứ Ba Mười Ba



### Thuật Thành (Thuật Lại Sự Thành Tựu)

#### **KINH:**

Lúc bấy giờ Phật bảo ngài Thích Đề Hoàn Nhơn, Này Kiều Thi Ca! Đúng như vậy, đúng như vậy! Các thiện nam, thiện nữ biên chép, thọ trì, đọc tụng, thuyết giảng, chánh ức niệm và cúng dường Bát nhã Ba-la-mật sẽ được vô lượng, vô biên, bất khả tư nghì phước đức.

Vì sao?

Vì nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí, dẫn đến chư Phật đều từ Bát nhã Ba-la-mật sanh ra cả. Vì Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Thiền Ba-la-mật, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không đều từ Bát nhã Ba-la-mật sanh. Vì thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, thành tựu đạo chủng trí, thành tựu nhất thiết trí, thành tựu Nhất thiết chủng trí đều từ Bát nhã Ba-la-mật sanh. Vì Thanh Văn Thừa, Bích Chi Phật thừa, ..., dẫn đến Phật thừa đều từ Bát nhã Ba-la-mật sanh ra cả.

Này Kiều Thi Ca! Bởi nhân duyên vậy, nên phước đức của người biên chép, thọ trì, thuyết giảng, chánh ức niệm, ..., dẫn đến cúng dường Bát nhã Ba-la-mật thù thắng hơn phước đức của người xây bảo tháp xá lợi Phật rất nhiều, gấp cả trăm, ngàn ngàn, muôn, ức lần, ..., dẫn đến chẳng có toán số thí dụ nào có thể dùng để so lường được.

**Vì sao?**

Vì nếu Bát nhã Ba-la-mật còn tồn tại ở thế gian này thì Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo chẳng đoạn diệt vậy.

Vì nếu Bát nhã Ba-la-mật còn tồn tại ở trên thế gian này thì 10 thiện đạo, 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 6 pháp Ba-la-mật, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, nhất thiết trí, nhất thiết chủng trí đều hiện ra ở đời.

Vì nếu Bát nhã Ba-la-mật còn tồn tại ở trên thế gian này thì các đại gia, đại tộc, các cõi trời tứ Thiên vương, ..., dẫn đến Sắc cứu cánh thiên, các quả Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến A-la-hán, Bích Chi Phật đạo, ..., dẫn đến Phật đạo, chuyển pháp luân, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ đều hiện ra ở đời.

**LUẬN:**

Trước đây, vị Đệ Thích đã bạch với Phật rằng người biên chép... cúng dường Bát nhã Ba-la-mật được vô lượng, vô biên phước đức. Lời phát biểu của vị Đệ Thích được Phật ấn chứng và tán thán: Đúng như vậy, đúng như vậy!

**Hỏi:** *Bát nhã Ba-la-mật là bất sanh, bất diệt, là hư không; ở nơi Bát nhã Ba-la-mật thì tất cả ngôn ngữ đều đoạn, tất cả tâm hành đều diệt. Như vậy, vì sao lại nói có Bát nhã Ba-la-mật ở đời, thì 3 ngôi Tam bảo chẳng có đoạn diệt?*

**Đáp:** Bát nhã Ba-la-mật là thể tánh nhất như. Dù có Phật, hay chẳng có Phật, thì Bát nhã Ba-la-mật vẫn thường trú.

Trên đây nói “nếu Bát nhã Ba-la-mật còn tồn tại ở thế gian” là mật ý nói rằng “nếu kinh Bát nhã Ba-la-mật còn lưu bố ở đời”. Nếu còn có người biên chép, thọ trì, đọc tụng,

chánh ức niệm, ..., dẫn đến cúng dường Bát nhã Ba-la-mật thì chúng tử Bát nhã Ba-la-mật được gieo trồng trong thế gian, khiến chúng sanh có thể nương vào đó tu hành, ..., dẫn đến được Bát nhã Ba-la-mật.

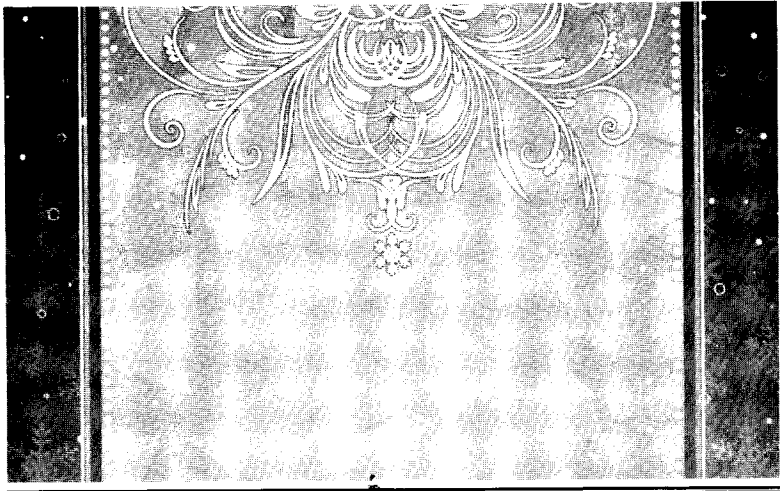
Bát nhã Ba-la-mật ví như nước ở giếng sâu, kinh Bát nhã Ba-la-mật ví như cái gàu để múc nước.

Người muốn múc nước ở giếng sâu cần phải buộc gàu vào sợi dây thật dài và kiên cố thì mới mong múc được nước. Cũng như vậy, dù có kinh Bát nhã Ba-la-mật lưu bố, mà chẳng có người biên chép, thọ trì, đọc tụng, ..., dẫn đến cúng dường Bát nhã Ba-la-mật, thì thể tánh của Bát nhã Ba-la-mật chẳng sao có thể hiện lộ ra được. Ngược lại, nếu có người biên chép, thọ trì, đọc tụng, ..., dẫn đến cúng dường Bát nhã Ba-la-mật thì thể tánh Bát nhã Ba-la-mật mới hiện lộ, và hết thảy các Phật pháp mới hiện ra ở đời được.

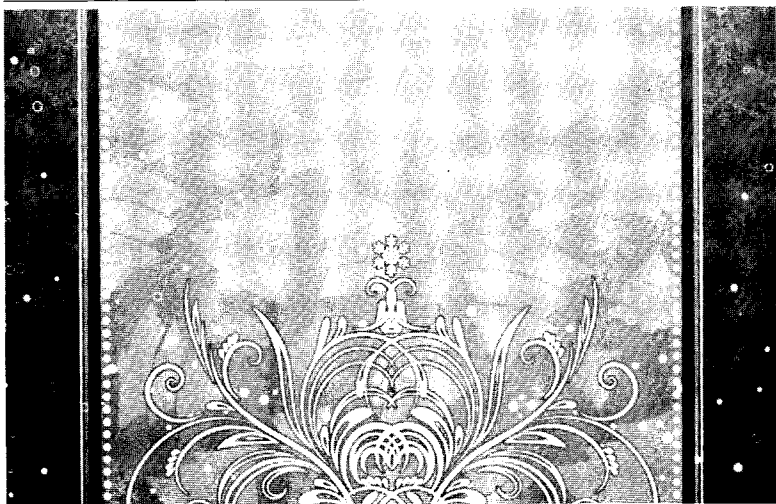
**Hỏi:** *Khi nói đến Tam bảo là đã nhiếp trọn các thiện pháp rồi. Như vậy vì sao lại nói có Bát nhã Ba-la-mật ở đời, thì mới có 10 thiện đạo, ..., dẫn đến mới có Nhất thiết chủng trí?*

**Đáp:** Các thiện pháp, các thiện đạo đều nhiếp trọn trong Tam bảo. Tất cả các thiện pháp, các thiện đạo đều từ Bát nhã Ba-la-mật sanh ra cả.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói có Bát nhã Ba-la-mật ở đời thì mới có các thiện pháp, các thiện đạo hiện ra ở đời vậy.



**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 58**







## Phẩm Thứ Ba Mười Bốn



Khuyến Trì  
(Khuyên Thọ Trì)

**KINH:**

Lúc bấy giờ, khắp cả 3.000 đại thiên thế giới, chư Thiên ở các trời, từ cõi Tứ Thiên vương, ..., dẫn đến cõi Sắc cứu cánh thiên đồng nói lên rằng: Chúng ta phải thọ trì, đọc tụng, thân cận, thuyết giảng, chánh ức niệm, cúng dường, tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao?

Vì có thọ trì, đọc tụng, ..., dẫn đến tu tập Bát nhã Ba-la-mật thì mới được đầy đủ các thiện pháp, khiến các hàng Thiên chúng được tăng ích và hàng A tu la bị giảm thiểu.

Vì có thọ trì, đọc tụng, ..., dẫn đến tu tập Bát nhã Ba-la-mật thì Phật chủng mới chẳng đoạn diệt, Pháp chủng mới chẳng đoạn diệt, Tăng chủng mới chẳng đoạn diệt. Do vì Phật chủng, Pháp chủng và Tăng chủng chẳng đoạn diệt nên 10 thiện đạo, 6 pháp Ba-la-mật, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp mới hiện ra ở đời; nên các quả Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến A-la-hán, Bích Chi Phật đạo, ..., dẫn đến Phật đạo mới hiện ra ở đời.

Phật bảo ngài Thích Đề Hoàn Nhơn: Này Kiều Thi Ca! Ông nên thọ trì, đọc tụng, thân cận, chánh ức niệm, cúng dường, tu tập Bát nhã Ba-la-mật. Vì khi A tu la sinh tâm cùng với các ông cộng chiến, nếu các ông nhất tâm trì

tụng Bát nhã Ba-la-mật thì ác tâm của hàng A tu la liền bị tiêu diệt, khiến việc đấu tranh phải chấm dứt.

Này Kiều Thi Ca! Nếu có thiên tử hay thiên nữ nào có 5 tướng suy hiện ra, và sắp phải thọ sanh vào các loài bất như ý, thì ông nên vì họ đọc tụng Bát nhã Ba-la-mật, bảo họ nhất tâm đọc tụng Bát nhã Ba-la-mật. Nhờ nghe và đọc tụng Bát nhã Ba-la-mật, mà các thiên tử hay thiên nữ ấy sẽ được tăng ích công đức, sẽ được sanh trở lại bốn xứ và các điều bất như ý liền tự tiêu diệt cả.

Vì sao?

Này Kiều Thi Ca! Bát nhã Ba-la-mật có đại oai lực làm lợi ích cho chúng sanh, nên các thiên tử, thiên nữ, cùng các thiện nam, thiện nữ nào được nghe và thọ trì Bát nhã Ba-la-mật liền được sanh công đức và dần dần sẽ được quả Vô thượng bồ đề.

Này Kiều Thi Ca! Chư Phật quá khứ cùng hàng đệ tử đã tu tập Bát nhã Ba-la-mật mà được Vô thượng bồ đề, vào Vô dư Niết Bàn; chư Phật hiện tại cùng hàng đệ tử cũng tu tập Bát nhã Ba-la-mật mà được Vô thượng bồ đề, vào Vô dư Niết Bàn; chư Phật vị lai cùng hàng đệ tử cũng sẽ tu tập Bát nhã Ba-la-mật, để được Vô thượng bồ đề, vào Vô dư Niết Bàn.

Này Kiều Thi Ca! Bát nhã Ba-la-mật dung nhiếp hết thấy các pháp. Thanh Văn pháp, Bích Chi Phật pháp, dẫn đến Phật pháp đều y chỉ nơi Bát nhã Ba-la-mật cả.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như vậy, Bát nhã Ba-la-mật là đại minh chú, là vô thượng chú, là vô đẳng đẳng chú. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật trừ hết thấy các bất thiện pháp, và sanh hết thấy các thiện pháp.

**Phật dạy:** **Này Kiều Thi Ca!** Đúng như vậy, đúng như vậy! Bát nhã Ba-la-mật là đại minh chú, là vô thượng chú, là vô đẳng đẳng chú. Vì sao? Vì chư Phật quá khứ, chư Phật hiện tại đều do minh chú này mà được Vô thượng bồ đề; chư Phật vị lai cũng sẽ do minh chú này mà được Vô thượng bồ đề.

Cũng do minh chú này, mà thế gian có 10 thiện đạo; có 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, có 6 pháp Ba-la-mật; có 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp; có pháp tánh, pháp tướng, pháp như, pháp vị, thật tế; có 5 nhãn; có 4 quả Thanh Văn; có Bích Chi Phật đạo, ..., dẫn đến có Phật đạo; có nhất thiết trí, ..., dẫn đến có Nhất thiết chủng trí.

**Này Kiều Thi Ca!** Do nhân duyên có Bồ tát Ma ha tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà ở thế gian có được 10 thiện đạo, có 4 thiên, ..., dẫn đến có Nhất thiết chủng trí, có Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến có Phật.

Ví như có mặt trăng tròn, chiếu sáng, thì các tinh tú cũng cùng chiếu sáng vậy. Cũng như vậy, vào thời không có Phật, nếu chẳng có các đại Bồ tát xuất thế thì ở thế gian chẳng sao có được 10 thiện đạo, ..., dẫn đến chẳng sao có được Nhất thiết chủng trí. Nếu chẳng có chư đại Bồ tát tu tập các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, thì ở thế gian chẳng có Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Thiên Ba-la-mật, chẳng có nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không, chẳng có 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, chẳng có 4 quả Thanh Văn, chẳng có Bích Chi Phật đạo, ..., dẫn đến Phật đạo, chẳng có thành tựu chúng sanh, chẳng có thanh tịnh Phật độ. Hết thấy các thiện pháp như vậy, đều xuất sanh từ Bát nhã Ba-la-mật.

Này Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe được Bát nhã Ba-la-mật, rồi thọ trì, thân cận, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì sẽ được vô lượng công đức ở đời này và ở đời sau.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi: Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ thọ trì, ..., dẫn đến tu tập Bát nhã Ba-la-mật, được những công đức gì ở hiện đời?

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Nếu thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, ..., dẫn đến tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì trọn đời chẳng có bị trúng độc mà phải chết, chẳng bị đao thương làm hại, chẳng bị các nạn nước lửa làm hại, ..., dẫn đến chẳng bị 404 thứ bệnh làm hại. Chỉ trừ trường hợp do túc mạng nghiệp báo nhân duyên của đời trước, thì mới phải thọ lãnh mà thôi.

Nếu phải đến cửa quan, thì quan cũng chẳng có khiển trách. Vì sao? Vì nhờ oai lực của Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Nếu phải đến trước vua chúa và các đại thần, thì chư vị này đều hoan hỷ tiếp đón, dùng lời lẽ nhu hòa thăm hỏi. Vì sao?

Vì các thiện nam, thiện nữ này thường hành Bát nhã Ba-la-mật, thường trải rộng tâm “từ, bi, hỷ, xả” đối với chúng sanh, nên có được oai lực như vậy.

Này Kiều Thi Ca! Do thọ trì, đọc tụng, ..., dẫn đến chánh ức niệm và tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà các thiện nam, thiện nữ này được công đức ở hiện đời như vậy.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi: Bạch Thế Tôn! Còn ở đời vị lai, các thiện nam, thiện nữ này sẽ được những công đức gì?

**Phật dạy:** Này Kiều Thi Ca! Nếu thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, ..., dẫn đến tu tập Bát nhã Ba-la-mật thì ở đời vị lai sẽ được đầy đủ 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định; đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật; đầy đủ 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp.

Các thiện nam, thiện nữ chẳng bị đọa vào các đường ác, được thân đầy đủ và trang nghiêm, thường được 32 tướng tốt, chẳng sanh vào nhà hạ tiện, thường được hóa sanh vào các quốc độ có Phật. Các thiện nam, thiện nữ này có đầy đủ thần thông, đi từ Phật độ này đến Phật độ khác, để cúng dường chư Phật, nghe Phật thuyết pháp. Đến đâu, các thiện nam, thiện nữ này cũng thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, mãi như vậy cho đến khi được Vô thượng bồ đề.

Này Kiều Thi Ca! Do thọ trì, đọc tụng, ..., dẫn đến chánh ức niệm và tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà các thiện nam, thiện nữ này được công đức ở đời vị lai như vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên thiện nam, thiện nữ phải biên chép, thọ trì, thân cận, đọc tụng, chánh ức niệm, cung kính, cúng dường, tán thán Bát nhã Ba-la-mật, phải trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm mà tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì mới có được công đức ở đời này và đời sau, dẫn đến được đạo quả Vô thượng bồ đề.

### **LUẬN:**

Phật là đấng Pháp vương mà còn tán thán người thọ trì Bát nhã Ba-la-mật, nên các vị Thiên vương đều đồng thanh tán thán Bát nhã Ba-la-mật và khuyến dụ hàng Thiên chúng cùng tán thán Bát nhã Ba-la-mật. Do vậy mà những chúng sanh đã có tín tâm lại càng thêm tín Bát nhã Ba-la-mật hơn nữa.

Trên đây, nói về các nhân duyên tu tập Bát nhã Ba-la-mật, tu tập các thiện pháp công đức làm cho hàng Thiên chúng được tăng ích và hàng A tu la bị giảm thiểu, khiến Tam bảo chẳng bị đoạn diệt, khiến 6 pháp Ba-la-mật cùng các thiện pháp công đức hiện ra ở đời.

Bởi vậy, nên Phật đã tán thán lời giải bày của vị Đệ Thích, và nói với vị Thiên chủ này rằng: Khi A tu la sanh tâm cùng với các ông cộng chiến, thì các ông phải nhất tâm trì tụng Bát nhã Ba-la-mật. Có như vậy, thì ác tâm của hàng A tu la liền bị tiêu diệt và việc đấu tranh phải chấm dứt.

**Hỏi:** *Vì sao Phật chẳng dạy chư Thiên phải thường trì tụng Bát nhã Ba-la-mật, khiến hàng A tu la chẳng dám sanh ác tâm? Vì sao Phật chẳng dạy chư Thiên, khi gặp A tu la đến gây chiến, phải nhất tâm trì tụng Bát nhã Ba-la-mật?*

**Đáp:** Vì hàng chư Thiên phần nhiều đắm nhiễm trong phước lạc. Mặc dù biết rõ Bát nhã Ba-la-mật có đại công đức, nhưng chư Thiên cũng ít muốn thường xuyên trì tụng Bát nhã Ba-la-mật.

Chỉ những lúc gặp A tu la gây chiến, hoặc trường hợp có 5 tướng suy hiện ra, thì chư Thiên mới sinh tâm lo buồn, phiền muộn. Những lúc đó chư Thiên mới nhớ nghĩ đến lời Phật dạy, mới nhất tâm trì tụng Bát nhã Ba-la-mật vậy.

-oOo-

Cũng nên biết, 5 tướng suy là:

- Hoa trên đầu khô héo.
- Mồ hôi nách chảy ra.
- Thấy chỗ ngồi ở Thiên giới có ai khác ngồi.

- Thấy nơi thân có rận.

- Thấy chẳng ưa thích chỗ ngồi của mình nữa.

Khi hàng chư Thiên thấy 5 tướng suy hiện ra, thì biết rõ mình sắp bị đọa vào đường ác.

Trong tình huống này, nếu được nghe Bát nhã Ba-la-mật thì liền biết rõ được thật tướng pháp, biết rõ pháp hữu vi là hư dối, là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã nên sanh lòng tin nơi Phật pháp, khiến tâm được tịch tịnh. Do vậy, mà giữ được bền xú, hoặc vãng sanh về một Thiên xứ khác thù thắng hơn, thọ hưởng các phước lạc, mà vẫn tu hành đạo Vô thượng.

Bởi nhân duyên vậy, nên Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy!

Này Kiều Thi Ca! Bát nhã Ba-la-mật là đại minh chú, là vô đẳng đẳng chú.

**Hỏi:** *Vì sao vị Đế Thích lại nói Bát nhã Ba-la-mật là đại minh chú?*

**Đáp:** Vì hàng ngoại đạo cũng có nhiều chú thuật. Có loại chú thuật sai khiến được các quỷ thần, có loại chú thuật sai khiến được các tiên nhân, có các loại chú thuật làm cho người được danh vọng v.v... Bởi vậy, nên rất nhiều người quy thuận và cúng dường.

-oOo-

Nay vị Đế Thích bạch Phật rằng: Bát nhã Ba-la-mật là đại minh chú.

Vì sao? Hàng ngoại đạo, do đức mỏng, nên thường khởi sân nhuế, tham dục, khởi các bất thiện pháp, nên chú thuật

của ngoại đạo thường tác hành các việc ác, khiến phải đọa vào các đường ác.

Hàng chư Thiên được thọ mạng lâu dài, cũng có chú thuật, cũng biết được tâm niệm của chúng sanh. Thế nhưng, chú thuật của hàng chư Thiên chẳng sao có thể sánh được với Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao?

Vì Bát nhã Ba-la-mật có đại oai lực tiêu sạch các phiền não, cùng các bất thiện nghiệp.

Vì Bát nhã Ba-la-mật khiến hành giả ly được các khổ “sanh, già, bệnh, chết”, lại khiến hành giả được nhiều lợi ích, được trở thành bậc tối tôn trọng trong hàng chúng sanh.

Vì Bát nhã Ba-la-mật đưa hành giả vào “pháp thân vô lượng thọ” và cũng là “chánh nhân” dẫn đến thành Phật.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bát nhã Ba-la-mật được gọi là đại minh chú, cũng gọi là vô thượng chú, là vô đẳng đẳng chú.

-oOo-

Đoạn kinh trên đây tán thán Bát nhã Ba-la-mật là đại minh chú, là vô thượng chú, là vô đẳng đẳng chú, do 2 nguyên nhân sau đây:

- Bát nhã Ba-la-mật phá trừ hết thảy bất thiện pháp.
- Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh hết thảy thiện pháp.

Bởi nhân duyên vậy, nên sau khi tán thán Bát nhã Ba-la-mật, Phật đã nói rằng Bát nhã Ba-la-mật là đại nhân duyên xuất sanh 10 thiện đạo, ..., dẫn đến Phật đạo.

Phật ví Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật đại phá vô minh



như mặt trăng tròn sáng đại phá màn đêm đen tối, vì chúng sanh chìm đắm trong đêm dài vô minh nay được duyên lành gặp được Phật và Bồ tát như người lữ hành đi trong đêm mà gặp được lúc trăng tròn sáng vậy.

-oOo-

Phật xuất thế dùng các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật để cứu độ chúng sanh. Cũng nhờ lực Bát nhã Ba-la-mật mà chư Bồ tát được quả báo an lạc, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, ..., dẫn đến được đạo Vô thượng bồ đề.

Bồ tát tu 37 Phẩm trợ đạo, ..., dẫn đến tu 18 bất cộng pháp, liễu đạt pháp “không”, mà chẳng chấp “không”, chẳng chứng quả Thanh Văn và quả Bích Chi Phật. Bồ tát thường phát Bồ đề tâm, giáo hóa chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, được vô lượng công đức ở đời này và ở cả đời sau. Tất cả đều từ Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh ra cả.

**Hỏi:** *Trước đây đã nói người thọ trì Bát nhã Ba-la-mật chẳng còn bị các bệnh não hại. Nay vì sao còn nói nữa?*

**Đáp:** Phật thuyết Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải ở 1 hội, mà thuyết ở rất nhiều hội.

Có hội Phật nói về các nạn nước, nạn lửa; có hội Phật thuyết về nạn đao binh; có hội Phật thuyết về nạn độc trùng, độc dược; có hội Phật thuyết về 404 thứ bệnh. Phật nói rằng: Thiện nam, thiện nữ thọ trì Bát nhã Ba-la-mật chẳng có các bệnh tật, tai ương đó làm tổn hại.

Có hội Phật thuyết về các kẻ ác tâm muốn phá hoại các thiện nam, thiện nữ thọ trì Bát nhã Ba-la-mật. Phật dạy: Do thọ trì Bát nhã Ba-la-mật mà các thiện nam, thiện nữ ấy

chẳng bị những kẻ ác tâm phá hoại, mà còn hoán cải được họ, khiến họ khởi tín tâm nơi Bát nhã Ba-la-mật, cung kính, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

404 thứ bệnh, nêu trên đây, do 4 đại gây ra; mỗi đại gây ra 101 thứ bệnh. Đó là:

- Bệnh lạnh, gồm 202 thứ, do phong đại và thủy đại gây ra.
- Bệnh nóng, gồm 202 thứ, do hỏa đại và đại đại gây ra.

Hỏa có tướng nóng, địa có tướng cứng. Cả hai đại này đều khó tiêu hóa. Do khó tiêu hóa, nên khởi ra bệnh nóng trong thân, như trong máu, trong thịt, gân, trong xương tủy v.v...

Phật dạy: Các thiện nam, thiện nữ thọ trì, đọc tụng... tu tập Bát nhã Ba-la-mật chẳng bị 404 thứ bệnh làm hại. Chỉ trừ trường hợp do túc mạng nghiệp báo nhân duyên đời trước thì mới phải thọ lãnh mà thôi.

Những chúng sanh mắc bệnh do nghiệp báo từ đời quá khứ, nay phải chịu thọ báo, thì đến Phật cũng chẳng cứu được.

-oOo-

Trong kinh có viện dẫn trường hợp phải đến cửa quan. Đó là nói về trường hợp bị thừa kiện. Người có thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba-la-mật, thì dù có phải bị thừa kiện, phải đến cửa quan, quan cũng chẳng có khiển trách, chẳng có hạch tội.

**Hỏi:** Trước đây đã có nói về việc ma chẳng tìm được chỗ tiệp được phá hoại, quấy nhiễu các thiện nam, thiện nữ thọ

*trì, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba-la-mật rồi. Vì sao nay còn đề cập đến nữa?*

**Đáp:** Trước đã nói về sự việc ác ma chẳng tìm được chỗ tiện để gây tác hại cho các thiện nam, thiện nữ thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Nay nói rộng thêm về các sự việc các thiện nam, thiện nữ thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba-la-mật thì dù có phải bị thừa kiện, phải đến cửa quan cũng chẳng bị quan hạch tội, mà còn được quan hoan hỷ tiếp đón. Vì sao? Vì các thiện nam, thiện nữ này thường trải rộng “từ, bi, hỷ, xả” đối với hết thảy chúng sanh, nên thường có được oai đức, nhiếp phục được người khác vậy.

Lại nữa, do thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà các thiện nam, thiện nữ này, ở đời vị lai, sẽ được đầy đủ 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định; đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật; đầy đủ 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp; chẳng còn bị đọa vào các đường ác; chẳng có sanh vào các nhà hạ tiện, thường được sanh vào các nhà đại gia, đại tộc.

Cũng do thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà ở đời vị lai, các thiện nam, thiện nữ được thân đầy đủ trang nghiêm, thường được 32 tướng tốt, lại có đủ thần thông đi đến các nước Phật, cúng dường chư Phật, nghe chư Phật thuyết pháp. Nhờ vậy mà thành tựu được chúng sanh, thanh tịnh được Phật độ, mãi như vậy cho đến khi được Vô thượng bồ đề.

Bởi nhân duyên vậy, nên thiện nam, thiện nữ phải biên chép, thọ trì, thân cận, đọc tụng, chánh ức niệm, cung kính, cúng dường, tán thán Bát nhã Ba-la-mật, phải trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm mà tu tập Bát nhã Ba-la-mật thì mới có được vô lượng công đức ở đời này và ở đời sau, dẫn đến mới được đạo Vô thượng bồ đề.

## Phẩm Thứ Ba Mười Lăm



Phạm Chí

**KINH:**

Lúc bấy giờ, có các ngoại đạo Phạm chí đi đến chỗ Phật, với ý muốn gây phiền nhiễu nơi pháp hội.

Vị Đế Thích cùng chư Thiên có mặt trong pháp hội biết rõ tâm niệm của các Phạm chí, lại vừa nghe Phật dạy về đại thân lực của Bát nhã Ba-la-mật, nên đã nhất tâm trì tụng Bát nhã Ba-la-mật. Các ngoại đạo Phạm chí nghe như vậy, liền từ bỏ ngay ý muốn gây phiền nhiễu, và họ chỉ đứng ở xa mà nhiễu quanh Phật, rồi lui bước quay trở về.

Ngài Xá Lợi Phất tự niệm: Vì nhân duyên gì mà các Phạm chí đến với ý muốn quấy nhiễu pháp hội, lại chỉ ở xa, nhiễu quanh Phật, rồi lui về?

Phật biết tâm niệm của ngài Xá Lợi Phất, nên dạy rằng: Này Xá Lợi Phất! Do vị Thích Đế và chư Thiên nhất tâm trì tụng Bát nhã Ba-la-mật nên các ngoại đạo Phạm chí đã bỏ ý muốn quấy nhiễu pháp hội, mà chỉ nhiễu quanh Phật rồi lui về. Đây là Bát nhã Ba-la-mật lực khiến tâm ác của họ bị tiêu trừ.

Này Xá Lợi Phất! Chẳng có kẻ nào có thể đem ác tâm phá hoại Bát nhã Ba-la-mật được.

Vì sao?

Vì trong hằng hà sa thế giới khắp 10 phương, chư

Thiên, chư Thanh Văn, chư Bích Chi Phật, chư Bồ tát, chư Phật, đều thủ hộ Bát nhã Ba-la-mật. Vì chư Thiên, chư hiền Thánh, ..., dẫn đến chư Phật đều xuất sanh từ Bát nhã Ba-la-mật.

Lúc bấy giờ các ác ma nghĩ rằng: Nay Phật vì 4 bộ chúng, thuyết Bát nhã Ba-la-mật, có đầy đủ các hàng Trời, người trong cả 3 cõi vẫn tập về pháp hội. Như vậy ắt là có các đại Bồ tát sẽ được thọ ký Vô thượng bồ đề, chúng ta phải mau đến đó để phá hoại đạo tâm của họ.

Nghĩ như vậy rồi, các ác ma liền hóa tác ra 4 đạo binh kéo đến chỗ Phật.

Vị Đế Thích cùng chư Thiên biết rõ đây chẳng phải là hàng đạo binh của Tần Bà Sa La, cũng chẳng phải là các đạo binh của vua Ba Tư Nặc, lại cũng chẳng phải là các đạo binh của dòng họ Thích và dòng họ Lê Xa, mà là các đạo binh do các ác ma hóa tác ra để phá quấy pháp hội, và để làm não hại chúng sanh.

Nghĩ như vậy rồi, vì Đế Thích cùng chư Thiên liền nhất tâm trì tụng Bát nhã Ba-la-mật.

Các ác ma nghe chư Thiên trì tụng Bát nhã Ba-la-mật, liền từ bỏ ý muốn phá hoại và đồng loạt rút lui.

Lúc bấy giờ chư Thiên ở trong hàng sa quốc độ khắp 10 phương đồng hóa tác thiên hoa đầy khắp hư không, để tán thán đức Phật cùng đại chúng và phát lời nguyện rằng: Bạch Thế Tôn! Chúng ta xin nguyện làm cho Bát nhã Ba-la-mật ở lâu trong cõi Diêm phù đề này. Vì sao? Nếu vì chúng sanh ở cõi Diêm phù đề chịu thọ trì Bát nhã Ba-la-mật, thì tại xứ này, Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo được an trú chẳng có đoạn diệt.

Bát nhã Ba-la-mật trụ thế bao nhiêu thì Phật bảo, Phật bảo và Tăng bảo trụ thế lâu bấy nhiêu, Bồ tát đạo an trú ở nơi nào, thì ở nơi đó có các thiện nam, thiện nữ biên chép kinh Bát nhã Ba-la-mật, ở nơi đó có ánh sáng chiếu minh, khiến màn vô minh phải tan biến.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Kiều Thi Ca và chư Thiên tử! Trong cõi Diêm phù đề nếu còn có chúng sanh biết thọ trì Bát nhã Ba-la-mật lâu bao nhiêu thì Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo còn tồn tại ở nơi đây lâu bấy nhiêu. Ở đâu có Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, thì ở đó có các thiện nam, thiện nữ biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật. Ở tại trú xứ đó có ánh sáng chiếu minh, khiến màn vô minh tan biến.

Chư Thiên lại hóa tác thiên hoa tán Phật và bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật thì ma vương, ma dân chẳng sao tìm được chỗ tiện để quấy phá họ được.

Bạch Thế Tôn! Chúng con nguyện xin hộ trì những thiện nam, thiện nữ này và nguyện xem họ như đức Phật hoặc như người thừa kế đức Phật.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật thì phải biết những thiện nam, thiện nữ ấy ở đời trước đã làm các công đức, đã thân cận, cúng dường chư Phật và Bát nhã Ba-la-mật đã được các bậc thiện trí thức hộ trì.

Bạch Thế Tôn! Nhất thiết chúng trí cùng chư Phật đều xuất sanh từ Bát nhã Ba-la-mật. Bởi vậy nên cầu Bát nhã Ba-la-mật là cầu Nhất thiết chúng trí. Vì sao? Vì Bát

**nhã Ba-la-mật chẳng khác Nhất thiết chủng trí, Nhất thiết chủng trí chẳng khác Bát nhã Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật tức là Nhất thiết chủng trí, Nhất thiết chủng trí tức là Bát nhã Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật và Nhất thiết chủng trí là chẳng phải hai, chẳng phải khác.**

Bởi nhân duyên vậy, nên hàng chư Thiên chúng con xem các thiện nam, thiện nữ ấy như đức Phật, hoặc như người kế thừa Phật vậy.

**Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Kiều Thi Ca! Nhất thiết chủng trí tức là Bát nhã Ba-la-mật và Bát nhã Ba-la-mật tức là Nhất thiết chủng trí.**

**Vì sao?**

**Này Kiều Thi Ca! Nhất thiết chủng trí xuất sanh từ Bát nhã Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật chẳng khác Nhất thiết chủng trí và Nhất thiết chủng trí chẳng khác Bát nhã Ba-la-mật, Nhất thiết chủng trí và Bát nhã Ba-la-mật là chẳng phải hai, chẳng phải khác.**

**LUẬN:**

Phẩm trước đề cập đến trường hợp người nghe, thọ trì, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, chẳng bị các ác ma và các hàng ngoại đạo quấy nhiễu, phá hoại được.

Phẩm này nêu lên chỗ chứng nghiệm Bát nhã Ba-la-mật. Do oai thần của Bát nhã Ba-la-mật chiêu cảm được các ác ma và các hàng ngoại đạo, khiến họ chẳng tìm được chỗ tiện để gây tác hại vậy.

-oOo-

Các ngoại đạo Phạm chí tự nghĩ rằng: Phật, ở tại núi Kỳ Xà Quật, đang thuyết pháp Bát nhã Ba-la-mật, nói rõ các

pháp đều rất ráo không, đều là vô sở hữu. Chúng ta hãy đến nơi đó nạn vẫn. Nếu chúng ta phá được pháp của Phật, thì Phật đạo sẽ lui, và đạo chúng ta sẽ lại được tôn trọng như trước.

Hàng ngoại đạo có phải tà kiến, lại ác tâm và kiêu mạn. Họ muốn vạch ra các lỗi lầm của Bát nhã Ba-la-mật nhằm phá hoại Bát nhã Ba-la-mật. Họ cho rằng Bát nhã Ba-la-mật sai lầm lớn, khi nói các pháp là rất ráo không, là vô sở hữu, nên muốn đến nạn vẫn Phật.

Đây chỉ là hành động điên rồ, giống như người cuồng si bắn mũi tên thẳng lên không trung, rồi ngửa mặt lên chờ tên rơi xuống. Hành động như vậy chỉ tự mình chuốc lấy khổ cho mình, chẳng có lợi ích gì cả.

-oOo-

Lúc bấy giờ chư Thiên muốn thực nghiệm lời Phật dạy, và cũng muốn chúng sanh thâm tín Bát nhã Ba-la-mật hơn nữa, nên đã nhất tâm trì tụng Bát nhã Ba-la-mật.

Do vị Đế Thích cùng chư Thiên đã thành tựu được nhiều phước đức, lại có lợi căn và thâm tín Bát nhã Ba-la-mật, nên khi các ngài trì tụng Bát nhã Ba-la-mật, thì liền có linh nghiệm, khiến các hàng ngoại đạo Phạm chí từ bỏ ngay ý định muốn quấy nhiễu pháp hội, mà chỉ ở đằng xa, nhiễu quanh Phật, rồi lui về.

**Hỏi:** *Vì sao các hàng ngoại đạo Phạm chí chẳng dám quấy nhiễu Phật, mà chỉ nhiễu quanh Phật, rồi lui về?*

**Đáp:** Đây là do thần lực của Bát nhã Ba-la-mật đã nhiếp phục được tâm của các ngoại đạo Phạm chí ấy, khiến họ tự nghĩ rằng oai đức của Phật bao trùm khắp tất cả, nên sợ chẳng



dám thực hiện ý đồ của họ. Họ tự nghĩ, nếu hỏi, ắt phải thua, mà còn chuốc thêm nhục; còn nếu mới đến mà phải rút lui, thì người đời sẽ cho là quá khiếp nhục. Do vậy mà họ giả vờ nhiều quanh Phật, để dọn đường rút lui vậy.

-o0o-

Ngài Xá Lợi Phất, nguyên trước kia cũng là Phạm chí, nên khi thấy chúng Phạm chí đến, ngài tự nghĩ rằng: Vì nhân duyên gì mà chúng Phạm chí chỉ đến diễu quanh Phật, rồi lui về? Vì nhân duyên gì mà họ chẳng cầu Phật độ?

Phật dạy: Chúng Phạm chí đến đây với ý muốn quấy phá, nhưng oai lực của Bát nhã Ba-la-mật đã làm cho chúng khiếp sợ, khiến cho họ chẳng còn dám thực hiện ý muốn, mà chỉ ở xa, nhiều quanh Phật, rồi lui về.

Ngài Xá Lợi Phất lại nghĩ rằng: Bát nhã Ba-la-mật có oai đức cứu độ chúng sanh. Như vậy, vì sao chúng Phạm chí nghe Bát nhã Ba-la-mật mà lại chẳng được độ?

Phật biết rõ tâm niệm của ngài Xá Lợi Phất, nên dạy rằng: Các Phạm chí ấy đến đây chẳng phải do thiện niệm, lại đắm chấp tà kiến và ái kiến, nên chẳng được độ vậy. Ví như người mà thọ mạng đã sắp hết, thì dù gặp được thầy hay, thuốc tốt, hoặc dù có thần lực, cũng chẳng có thể được thoát chết được vậy.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như vậy, chẳng những các Phạm chí ấy, mà cho đến hết thấy chúng sanh nào mong ác tâm muốn phá hoại Bát nhã Ba-la-mật cũng chẳng tìm được chỗ tiện để gây tác hại. Vì sao? Vì chư Phật, chư Bồ tát, chư Thánh hiền, chư Thiên đều xuất sanh từ Bát nhã Ba-la-mật. Bởi vậy nên các ác ma, các ngoại đạo

nếu muốn đến vãn nạn để phá hoại Bát nhã Ba-la-mật, chẳng sao thực hiện được ý đồ của họ.

**Hỏi:** *Vì sao chư Thiên sanh tâm đại hoan hỷ, muốn cho Bát nhã Ba-la-mật trụ thế lâu dài ở cõi Diêm phù đề?*

**Đáp:** Do vì trước đã nghe nói về các công đức của Bát nhã Ba-la-mật, nay lại được chứng nghiệm, nên sanh tâm đại hoan hỷ, muốn cho Bát nhã Ba-la-mật trụ thế lâu dài ở cõi Diêm phù đề.

Nếu ở cõi Diêm phù đề còn chúng sanh biết thọ trì, tu tập Bát nhã Ba-la-mật lâu bao nhiêu, thì ở cõi này Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo còn tồn tại lâu bấy nhiêu. Lại nữa, nếu Bát nhã Ba-la-mật còn trụ thế ở cõi Diêm phù đề thì ở trú xứ này còn có ánh sáng chiếu minh của Bát nhã Ba-la-mật, khiến màn vô minh hắc ám phải tan biến.

**Hỏi:** *Vì sao chư Thiên nguyện hộ trì người biên chép, thọ trì, thân cận, đọc tụng, ..., dẫn đến chánh ức niệm tu tập Bát nhã Ba-la-mật và xem người đó như vị Phật tương lai?*

**Đáp:** Chư Thiên thệ nguyện: Chư Phật trong 10 phương thường ủng hộ người biên chép, thọ trì, thân cận, ..., dẫn đến chánh ức niệm, trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm mà tu tập Bát nhã Ba-la-mật thì chúng ta cũng phải thường ủng hộ người đó và xem người đó như là Phật hoặc người thừa kế Phật trong đời vị lai.

Vì sao? Vì do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà người đó sẽ được Nhất thiết chủng trí, sẽ được vô sanh pháp nhẫn, sẽ có lực trí huệ Bát nhã Ba-la-mật, sẽ là bậc nhục thân Bồ tát thường thuyết Bát nhã Ba-la-mật, thường nói lên chánh giáo nghĩa vậy.

**Hỏi:** *Vì sao nói cầu Bát nhã Ba-la-mật là cầu Phật đạo, là cầu Nhất thiết chủng trí?*

**Đáp:** Vì Đế Thích và chư Thiên, do đời trước đã có thiện duyên tu tập các công đức, đã thường tán thán Bồ tát đạo nên nay mới tán thán Bát nhã Ba-la-mật, và nói “cầu Bát nhã Ba-la-mật là cầu Phật đạo, là cầu Nhất thiết chủng trí”.

Vì sao? Vì Bồ tát có hành đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật mới có thể thành Phật, mới được đầy đủ Nhất thiết chủng trí. Bởi vậy nên nói “phải ở nơi Bát nhã Ba-la-mật, mà cầu Nhất thiết chủng trí”.

Mặt khác, chư Phật và chư đại Bồ tát được Nhất thiết chủng trí rồi, thường thuyết Bát nhã Ba-la-mật, thường dùng các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật để hóa độ chúng sanh, nên cũng nói “phải ở nơi Nhất thiết chủng trí mà cầu Bát nhã Ba-la-mật”.

Bát nhã Ba-la-mật biến thành Nhất thiết chủng trí. Bát nhã Ba-la-mật là nhân sanh ra Nhất thiết chủng trí. Bát nhã Ba-la-mật là nhân, và Nhất thiết chủng trí là quả; nhân quả chẳng rời nhau, nên nói Bát nhã Ba-la-mật và Nhất thiết chủng trí là chẳng phải hai, chẳng phải khác.

## Phẩm Thứ Ba Mươi Sáu



A Nan Xứng Dụ  
(A Nan Xung Tán)

**KINH:**

Lúc bấy giờ, ngài A Nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì nguyên nhân gì chẳng xứng tán 5 Ba-la-mật kia mà chỉ xứng tán Bát nhã Ba-la-mật mà thôi?

Phật dạy: Này A Nan! Tất cả 5 Ba-la-mật kia, từ Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Thiền Ba-la-mật, đều do Bát nhã Ba-la-mật dẫn đạo. Này A Nan! Ý ông nghĩ sao? Nếu bố thí mà chẳng có hồi hướng về Nhất thiết chủng trí thì bố thí như vậy có được xem là Đàn Ba-la-mật chăng?

Ngài A Nan đáp: Bạch Thế Tôn! Chẳng được vậy.

Phật dạy: Này A Nan! Trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ, mà chẳng hồi hướng về Nhất thiết chủng trí thì có được xem là Thi Ba-la-mật, Săn đề Ba-la-mật, Tỳ lê gia Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Ngài A Nan đáp: Bạch Thế Tôn! Chẳng được vậy.

Phật dạy: Này A Nan! Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật dẫn đạo cả 5 Ba-la-mật kia.

Ngài A Nan hỏi: Bạch Thế Tôn! Vì sao nói bố thí có hồi hướng về Nhất thiết chủng trí, thì mới được xem là Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến trí huệ có hồi hướng về Nhất thiết chủng trí, thì mới được xem là Bát nhã Ba-la-mật?

**Phật dạy:** Này A Nan! Phải ở nơi “bất nhị pháp bố thí”, mà hồi hướng về Nhất thiết chủng trí, mới được xem là Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến phải ở nơi “bất nhị pháp trí huệ”, mà hồi hướng về Nhất thiết chủng trí mới được xem là Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Pháp bố thí, ..., dẫn đến pháp trí huệ đều là bất sanh, đều là bất khả đắc.

Ngài A Nan hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là dùng “bất nhị pháp bố thí”, mà hồi hướng về Nhất thiết chủng trí, mới gọi là Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến dùng “bất nhị pháp trí huệ”, mà hồi hướng về Nhất thiết chủng trí, mới gọi là Bát nhã Ba-la-mật?

**Phật dạy:** Này A Nan! Sắc là bất nhị pháp; thọ, tưởng, hành, thức là bất nhị pháp; ... dẫn đến Vô thượng bồ đề cũng là bất nhị pháp. Vì sao? Vì sắc là sắc tướng không. Vì Đàn Ba-la-mật và sắc là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Vì Đàn Ba-la-mật, sắc và Vô thượng bồ đề là chẳng phải hai, chẳng phải khác. 5 Ba-la-mật kia cũng đều là như vậy.

Này A Nan! Bát nhã Ba-la-mật là dẫn đạo của 5 Ba-la-mật kia, ..., dẫn đến của Nhất thiết chủng trí. Bởi nhân duyên vậy, nên nay chỉ tán thán Bát nhã Ba-la-mật mà thôi.

Này A Nan! Ví như đem hạt giống vãi lên đất. Khi đã hội đủ các nhân duyên hòa hợp, thì hạt giống mới nảy mầm, thành cây, rồi cây mới nương vào đất mà mọc lên được. Cũng như vậy, 5 Ba-la-mật kia đều từ Bát nhã Ba-la-mật sanh, và được Bát nhã Ba-la-mật dẫn đạo.

Hết thấy các thiện pháp khác, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng đều là như vậy cả.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Đến đây vẫn chưa nói hết công đức của người thọ trì,

thân cận, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì thọ trì thân cận, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật là thọ “Vô thượng đạo” của 3 đời chư Phật. Nếu muốn được Nhất thiết chủng trí, thì phải ở trong Bát nhã Ba-la-mật mà cầu, muốn được Bát nhã Ba-la-mật, thì phải ở trong Nhất thiết chủng trí mà cầu vậy.

Bạch Thế Tôn! Do thọ trì, thân cận, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà ở thế gian xuất hiện 10 thiện đạo, 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp.

Do thọ trì, thân cận, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà ở thế gian xuất hiện các đại gia, đại tộc, xuất hiện các cõi trời, từ cõi trời Tứ Thiên vương, ..., dẫn đến trời Sắc Cứu Cánh Thiên; xuất hiện các quả Thanh Văn, Bích Chi Phật đạo, Bồ tát đạo.

Do thọ trì, thân cận, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mới có Phật thị hiện ở thế gian này.

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Các thiện nam, thiện nữ thọ trì, thân cận, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, chẳng phải chỉ thành tựu bấy nhiêu công đức mà thôi. Vì sao? Này Kiều Thi Ca! Do thọ trì, thân cận, ..., dẫn đến chánh ức niệm, trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm mà tu tập Bát nhã Ba-la-mật, nên các thiện nam, thiện nữ ấy thành tựu được vô lượng giới chúng, vô lượng định chúng, huệ chúng, ..., dẫn đến thành tựu được vô lượng giải thoát chúng và giải thoát tri kiến chúng.

Phải biết các người ấy là như Phật rồi vậy.

Này Kiều Thi Ca! Giới chúng, định chúng, huệ chúng,

giải thoát chúng và giải thoát tri kiến chúng của hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật chẳng sao bằng được giới chúng, ..., dẫn đến giải thoát tri kiến chúng của các thiện nam, thiện nữ ấy được. Trong trăm ngàn, muôn, ức phần, chẳng bằng được một, dẫn đến chẳng có toán số thí dụ nào có thể dùng để so sánh được. Vì sao? Vì hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật chẳng cầu đạo giải thoát vậy.

Này Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào biên chép, thọ trì, cung kính, cúng dường kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật, thì cũng có được vô lượng công đức ở đời này và đời sau.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào biên chép, thọ trì, thân cận, đọc tụng, cung kính, cúng dường, chánh ức niệm, dẫn đến chẳng ly Tát bà nhã tâm mà tu tập Bát nhã Ba-la-mật thì chúng con nguyện thường thủ hộ người ấy.

### **LUẬN:**

Ngài A Nan là bậc đa văn, thường hay phân biệt các pháp, nhưng vì chưa ly dục, nên chưa thâm nhập vào pháp “không”. Dù ngài thường ở bên cạnh Phật, nhưng chẳng mấy khi thưa hỏi Phật về pháp “không”. Nay nghe Phật tán thán Bát nhã Ba-la-mật, tán thán người tu tập Bát nhã Ba-la-mật nên ngài A Nan đã hỏi Phật rằng: Vì sao chỉ xưng tán Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng có xưng tán 5 Ba-la-mật kia?

**Hỏi:** *Từ trước đến nay, Phật thường thuyết về 6 pháp Ba-la-mật. Như vậy, vì sao ngài A Nan lại nói chẳng có xưng tán 5 Ba-la-mật kia?*

**Đáp:** Phật đã thường thuyết về 6 pháp Ba-la-mật. Nay chỉ đặc biệt xưng tán Bát nhã Ba-la-mật mà thôi. Vì trong hết

thầy thiện pháp, hữu vi, thì trí huệ là đệ nhất; trong hết thầy trí huệ thì Bát nhã Ba-la-mật tức là “trí huệ đáo bỉ ngạn” là đệ nhất.

Vì như người đi đường xa, đêm tối, dù có bạn lành cùng đi theo, nhưng vẫn phải nhờ ngọn đuốc soi đường của người hướng dẫn. Cũng như vậy, người tu hành tu tập các thiện pháp phải nương theo ánh sáng của Bát nhã Ba-la-mật, mới có thể thoát ra khỏi 3 cõi vậy.

Trong cả 3 thừa giáo, nếu hành bố thí cùng các thiện pháp khác, nếu chẳng được Bát nhã Ba-la-mật dẫn đạo, thì quả phước cũng chỉ là hữu hạn, vì còn phải tùy thuộc vào các nghiệp báo nhân duyên.

Do quả báo hữu hạn, nên chẳng sao vào được Vô dư Niết Bàn, chẳng sao chứng được quả Vô thượng bồ đề.

Trái lại nếu bố thí với tâm bình đẳng, thường quán thật tướng của các pháp là bất nhị, bất sanh, bất diệt, là rốt ráo tịch tịnh, rồi hồi hướng hết thầy công đức bố thí về Nhất thiết chủng trí, thì mới tương ưng với Bát nhã Ba-la-mật. Bố thí thanh tịnh như vậy mới được gọi là Đàn Ba-la-mật, mới đời đời được phước đức, gọi là được thọ thiện phước báo bất tận vậy.

**Hỏi:** *Thế nào gọi là bố thí có hồi hướng về Nhất thiết chủng trí?*

**Đáp:** Đó là hành bố thí như tướng và cũng là hành hết thầy các pháp như tướng.

**Hỏi:** *Phật đã nói về “bất nhị nhân duyên” rồi. Sao nay còn trở lại giải nghĩa về “bất nhị”?*

**Đáp:** Ở đây, ngài A Nan chưa hỏi về nghĩa “bất nhị nhân duyên”, mà chỉ nói về nghĩa “bất nhị pháp”.



Phật dạy: Sắc pháp là bất nhị, ..., dẫn đến hết thảy pháp cũng đều là bất nhị.

Do ngài A Nan muốn hỏi về nghĩa này, nên Phật lấy thí dụ hạt giống nương theo đất mà nảy mầm, rồi tăng trưởng thành cây. Cũng như vậy 5 Ba-la-mật kia đều nương theo Bát nhã Ba-la-mật mà được thành tựu; hết thảy các hạt giống thiện pháp đều được Bát nhã Ba-la-mật giữ gìn và đều nương theo Bát nhã Ba-la-mật mà hiện hành và tăng trưởng.

Bát nhã Ba-la-mật làm tác nhân hòa hợp hết thảy thiện pháp, nên Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật thường được nhất tâm, thâm tín, nhẫn nhục, tinh tấn, chẳng bao giờ thoái chuyển.

Nếu Bồ tát muốn thông đạt hết thảy các pháp, thì từ khi sơ phát tâm dẫn đến khi vào thập Địa, phải như vậy mà tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mới có thể thành tựu và tăng trưởng đạo tâm.

**Hỏi:** *Vì sao vị Đệ Thích nói rằng: Phật chưa nói hết các đức của các thiện nam, thiện nữ thọ trì, ..., dẫn đến tu tập Bát nhã Ba-la-mật?*

**Đáp:** Bát nhã Ba-la-mật có vô lượng vô biên công đức. Khi Phật đang thuyết về công đức tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì các ngoại đạo Phạm chí và các loài ma đến quấy phá.

Sự việc này làm cho vị Đệ Thích cùng chư Thiên được duyên pháp để minh chứng cụ thể về Bát nhã Ba-la-mật lực. Chư Thiên đã trì tụng Bát nhã Ba-la-mật, khiến hàng ngoại đạo cũng như các ác ma phải từ bỏ ý muốn quấy phá Bát nhã Ba-la-mật, và phải tự rút lui.

Nay các ác ma đã rút lui, tâm của chúng đã được chuyển hóa, nên vị Đệ Thích tiếp tục xin được nói thêm về các công đức của người thọ trì, thân cận, ..., dẫn đến tu tập Bát nhã Ba-la-mật. Đó chính là thọ “Vô thượng đạo” của 3 đời chư

Phật. Vì sao? Vì phải ở nơi Bát nhã Ba-la-mật mà cầu Nhất thiết chủng trí; phải ở nơi Nhất thiết chủng trí mà cầu Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, ở phẩm trước đã nói: Người tu hành phát Vô thượng bồ đề tâm, cầu Bát nhã Ba-la-mật, phải nguyện độ hết thảy chúng sanh.

Như vậy là Bát nhã Ba-la-mật chứa nhóm hết thảy công đức, từ 10 thiện đạo, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, lại dung nhiếp hết thảy thiện pháp nhân duyên. Do có Bát nhã Ba-la-mật, mà ở thế gian xuất hiện các đại gia, đại tộc, ..., dẫn đến có Phật thị hiện ở thế gian vậy.

Phật nói với vị Đệ Thích rằng: Các thiện nam, thiện nữ thọ trì, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, chẳng phải chỉ có được các công đức nói trên mà còn được vô lượng giới chúng, định chúng, ..., dẫn đến giải thoát chúng và giải thoát tri kiến chúng.

-o0o-

Giới chúng của Bồ tát chính là Bát nhã Ba-la-mật. Bởi vậy nên, ở nơi hết thảy chúng sanh, Bồ tát thường tu vô úy thí.

Vì sao? Vì ở trong cả 3 đời và khắp cả 10 phương, số chúng sanh ở trong 6 đạo là vô lượng, vô biên. Hết thảy chúng sanh đều tham sống, sợ chết, nên Bồ tát thường tu vô úy thí pháp, khiến chúng sanh được an lạc. Bởi vậy nên được vô lượng giới chúng quả báo.

Ví như phạm phu chỉ nguyện giữ giới không sát sanh, hoặc trong 1 ngày 1 đêm, hoặc trong 1 tháng, hoặc trong 1 năm, ..., dẫn đến hoặc trong 1 đời mà thôi. Còn Bồ tát nguyện đời đời giữ giới không sát sanh, đời đời chẳng khởi tâm sát sanh; trái lại nguyện đời đời hành pháp vô úy thí, mãi

cho đến khi vào Vô dư Niết Bàn. Bởi vậy nên Bồ tát thành tựu được vô lượng, vô biên giới chúng.

-o0o-

Cũng như vậy, Bồ tát thành tựu được vô lượng, vô biên định chúng, huệ chúng, ..., dẫn đến vô lượng, vô biên giải thoát chúng và giải thoát tri kiến chúng.

Bởi nhân duyên vậy, nên người biên chép, thọ trì, thân cận, đọc tụng, cung kính, cúng dường, tu tập Bát nhã Ba-la-mật được vô lượng, vô biên công đức ở đời này và cả ở đời sau.

**Hỏi:** *Được công đức ở đời này và cả ở đời sau quá thâm trọng, còn biên chép, cúng dường... tu tập Bát nhã Ba-la-mật chỉ là việc nhỏ. Vì sao lại nói người biên chép, cúng dường, ..., dẫn đến tu tập Bát nhã Ba-la-mật có được nhiều công đức như vậy?*

**Đáp:** Cúng dường có 2 nghĩa:

- Do thấy người khác cúng dường mà cúng dường theo.

- Do biết rõ công đức, nên từ thâm tâm phát khởi cúng dường.

Cúng dường theo nghĩa thứ 2 mới được công đức ở đời này và đời sau.

-o0o-

Lại nữa, có rất nhiều phương tiện để thâm nhập vào Bát nhã Ba-la-mật. Ví như:

- Có người vừa nghe thuyết Bát nhã Ba-la-mật là liền nhất tâm thọ trì, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

- Có người lợi căn, thượng trí, tinh tấn biên chép Bát nhã Ba-la-mật mà được nhất tâm thâm tín Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Ví như người có như ý bảo châu, từ lâu chẳng biết dùng, nay phát lòng từ bi, đem viên ngọc ấy ra bố thí cho chúng sanh, thì người ấy ắt được nhiều phước đức.

Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật là trí huệ vô thượng, là mẹ của chư Phật là đệ nhất trong tất cả các pháp bảo. Nếu người nghe Bát nhã Ba-la-mật mà nhất tâm tín thọ, cúng dường, thì tất yếu sẽ được vô lượng công đức ở đời này và cả ở đời sau. Trái lại, nếu chẳng nhất tâm cúng dường, hoặc nếu nhất tâm cúng dường, nhưng đời trước có phạm trọng tội thì chẳng sao có được đầy đủ công đức như trên được.

-o0o-

### **KINH:**

**Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, đọc tụng, thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật, thì liền có vô lượng chư Thiên đến nghe pháp.**

**Nếu có thiện nam, thiện nữ nào đang thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật thì liền có chư Thiên giúp thêm thắng lực, để vị pháp sư ấy thành tựu viên mãn thời thuyết pháp.**

**Nếu vị pháp sư ấy mỗi một thì chư Thiên liền giúp thêm thắng lực, để tiếp tục thời thuyết pháp.**

**Bởi nhân duyên vậy, nên thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, thân cận, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, được vô lượng công đức ở đời này và đời sau.**

Này Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ nào thuyết Bát nhã Ba-la-mật giữa đại chúng, mà tâm chẳng khiếp sợ, thì dù bị vấn nạn vẫn giữ được tâm an định, chẳng có sợ hãi. Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ này đã được sự hộ trì của Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Vì Thiện nam, thiện nữ này an trú trong Bát nhã Ba-la-mật, nên phân biệt rõ ràng hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, hữu lậu và vô lậu, hữu vi và vô vi, thiện và bất thiện, ..., dẫn đến phân biệt rõ ràng pháp Thanh Văn, pháp Bích Chi Phật, pháp Bồ tát và pháp Phật.

Vì thiện nam, thiện nữ này an trú trong nội không, ..., dẫn đến an trú trong vô pháp hữu pháp không, nên chẳng thấy có ai vấn nạn, chẳng thấy có ai bị vấn nạn, chẳng thấy có pháp vấn nạn, ..., dẫn đến chẳng thấy có pháp Bát nhã Ba-la-mật.

Thiện nam, thiện nữ này, do được lực Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, nên chẳng có ách nạn gì hại được, lúc thọ trì, thân cận, đọc tụng, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thiện nam, thiện nữ này chẳng có kinh, chẳng có hãi, chẳng có sợ. Vì sao? Vì chẳng thấy có pháp gì phải kinh, phải hãi, phải sợ cả.

Bởi nhân duyên vậy, nên thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, thân cận, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, được vô lượng công đức ở đời này và đời sau.

Này Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ nào biên chép, thọ trì, thân cận, đọc tụng, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật được thân bằng quyến thuộc thương mến, được Sa môn và Bà-la-môn kính nể, được chư vị A-la-hán, Bích Chi Phật, Bồ tát và Phật thường hộ

niệm. Các hàng a-tu-la và thiên ma cũng ái kính người này. Do vậy mà Bát nhã Ba-la-mật chẳng đoạn diệt.

Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ này tu tập nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không chẳng dứt; tu tập 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp chẳng dứt; tu tập các đà la ni, các tam muội chẳng dứt; tu tập các thần thông, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ chẳng dứt; tu tập nhất thiết trí, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí chẳng dứt vậy. Do tu tập như vậy, mà hàng phục được các kẻ đến hủy báng, phá hoại.

Bởi nhân duyên vậy, nên thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, thân cận, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, được vô lượng công đức ở đời này và đời sau.

Này Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ nào biên chép, thọ trì, thân cận, đọc tụng, ..., dẫn đến chánh ức niệm, trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm mà tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì chỗ ở của người này được chư Thiên trong cõi đại thiên thế giới này, và trong các thế giới khác khắp 10 phương, dẫn đến những vị đã phát tâm Vô thượng bồ đề đều đến ra mắt, để được thọ trì, đọc tụng, nghe thuyết giảng, cúng dường, đánh lễ Bát nhã Ba-la-mật, rồi lui trở về.

Này Kiều Thi Ca! Chư Thiên trong khắp 10 phương thế giới, từ cõi trời Tứ Thiên vương, ..., dẫn đến cõi trời Sắc Cứu cánh và chư vị đã phát tâm Vô thượng bồ đề đều hộ trì thiện nam, thiện nữ này, khiến những kẻ ác, những việc làm ác chẳng thể nào nã hại được; ngoại trừ trường hợp, ở đời trước, người này đã có phạm trọng tội.

Này Kiều Thi Ca! Chư Thiên nguyện hộ trì thiện nam, thiện nữ này. Vì sao? Vì chư vị Thiên tử đó đã phát

tâm Vô thượng bồ đề, đã nguyện cứu độ chúng sanh, đã nguyện an lạc chúng sanh.

**Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật: Bạch Thế Tôn!** Thiện nam, thiện nữ này làm sao biết được có chư Thiên trong Đại thiên thế giới này cùng chư Thiên ở các thế giới khác trong khắp cả 10 phương, đến ra mắt, thọ trì, đọc tụng, nghe thuyết giảng, cúng dường, đánh lễ Bát nhã Ba-la-mật?

**Phật dạy:** Này Kiều Thi Ca! Nếu thiện nam, thiện nữ thấy có quang minh thanh tịnh chiếu rọi thì biết có hàng chư Thiên đến ra mắt, để thọ trì, đọc tụng, nghe thuyết giảng, cúng dường, đánh lễ Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, nếu thiện nam, thiện nữ này ngửi mùi hương thơm, lạ, vi diệu tỏa ra, thì biết có hàng chư Thiên đến ra mắt, để thọ trì, đọc tụng, nghe thuyết giảng, cúng dường, đánh lễ Bát nhã Ba-la-mật.

Này Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ này có công hạnh thanh tịnh, nên hàng chư Thiên đến ra mắt để thọ trì, đọc tụng, nghe thuyết giảng, cúng dường đánh lễ Bát nhã Ba-la-mật. Nơi trú xứ của người này, các ma quỷ còn ẩn trốn đều lánh đi xa nơi khác, vì chúng sợ oai lực của chư Thiên.

Này Kiều Thi Ca! Do thiện nam, thiện nữ này phát đại tâm, nên được oai lực của Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, nên ở cả 4 bên quanh trú xứ của người này thường sạch sẽ, chẳng có các vật bất tịnh. Bởi vậy nên ở nơi nào có Bát nhã Ba-la-mật, thì phải đốt hương, thắp đèn, dùng dầu thơm, hoa đẹp, tràng phan, bảo cái để trang nghiêm.

Này Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ này, khi thuyết pháp chẳng có mỗi một, tự cảm thấy thân thể nhẹ nhàng, tâm thần thư thái, an lạc như pháp mà thuyết giảng. Khi

nằm nghỉ cũng được an ổn, chẳng có ác mộng. Trái lại, thường thấy thân Phật trang nghiêm với đầy đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp; thấy chúng Tỷ-kheo cung kính vây quanh Phật; lại thấy Phật, vì đại chúng thuyết pháp.

Thiện nam, thiện nữ này nghe và lãnh hội đầy đủ các giáo pháp, từ 6 pháp Bát nhã Ba-la-mật, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, lại cũng phân biệt rõ nghĩa của 6 pháp Ba-la-mật, ..., dẫn đến nghĩa của 18 bất cộng pháp, nên trong tâm tưởng thường thấy “cội Bồ đề” trang nghiêm, thấy chư Bồ tát đến “cội Bồ đề” tu tập mà thành bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, chuyển pháp luân vô thượng; cũng thấy trăm, ngàn, muôn, ức Bồ tát đồng kiết tập chánh pháp, và đồng luận nghị rằng: Phải cầu Nhất thiết chủng trí như vậy, phải thành tựu chúng sanh như vậy, phải thanh tịnh Phật độ như vậy.

Thiện nam, thiện nữ này cũng thấy vô số các đức Phật trong khắp 10 phương; thấy được ở phương nào, ở cõi nước nào, có đức Phật danh hiệu gì, có bao nhiêu Bồ tát, có bao nhiêu Thanh Văn cung kính vây quanh đức Phật ấy; lại thấy đức Phật ấy, vì đại chúng, đang thuyết pháp.

Thiện nam, thiện nữ này cũng thấy vô số các đức Phật trong khắp 10 phương nhập Niết Bàn; thấy vô số bảo tháp của các đức Phật ấy được chúng sanh cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán.

Này Kiều Thi Ca! Do thường tâm tưởng thấy các cảnh lành như vậy, nên lúc ngủ cũng như lúc thức, thiện nam, thiện nữ này thường được thâm tâm an lạc. Lại nữa, do được chư Thiên giúp thêm khí lực nên thiện nam, thiện nữ này tự thấy thân tâm nhẹ nhàng, chẳng sanh tâm tham đắm các vật dụng, các thức ăn uống, y áo, giường



nằm, thuốc men, v.v...; dù nhấn sự cúng dường, tâm vẫn thường an định, ví như vị Tỷ-kheo mới xả thiền vậy.

Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ này do thường hành thiện pháp, nên được chư Thiên thường hộ trì, giúp thêm khí lực; lại cũng được chư Phật khắp trong 10 phương thường hộ niệm.

Bởi nhân duyên vậy, nên thiện nam, thiện nữ nào muốn được công đức ở đời này thì phải thọ trì, thân cận, đọc tụng, thuyết giảng, ..., dẫn đến chánh ức niệm, trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm mà tu tập Bát nhã Ba-la-mật, nếu chẳng thể thọ trì, ..., dẫn đến chánh ức niệm, thì thiện nam, thiện nữ phải biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật, rồi cung kính, tôn trọng, dùng hương hoa, anh lạc, tràng phan, bảo cái mà cúng dường, thì cũng được công đức ở đời này vậy.

Này Kiều Thi Ca! Nếu Thiện nam, thiện nữ nào nghe Bát nhã Ba-la-mật rồi, mà liền thọ trì, thân cận, đọc tụng, thuyết giảng, chánh ức niệm, biên chép, cung kính, tôn trọng, tán thán, dùng hương hoa, anh lạc, tràng phan, bảo cái cúng dường Bát nhã Ba-la-mật thì sẽ được công đức thù thắng hơn rất nhiều so với công đức của người đem “tứ sự” cúng dường 10 phương chư Phật và hàng đệ tử Phật, thù thắng hơn rất nhiều so với công đức của người xây bảo tháp để cúng dường xá lợi của các đức Phật và hàng đệ tử Phật, sau khi các ngài nhập Niết Bàn.

#### **LUẬN:**

**Hỏi:** *Trên Thiên giới cũng có thuyết Bát nhã Ba-la-mật. Như vậy, vì sao chư Thiên còn phải xuống trần gian để nghe?*

**Đáp:** Trên Thiên giới có thuyết Bát nhã Ba-la-mật, nhưng

chư Thiên muốn tăng ích Bát nhã Ba-la-mật ở trần gian, nên muốn xuống đây nghe vậy. Chư Thiên cũng muốn hộ trì các thiện nam, thiện nữ thọ trì, thân cận, đọc tụng, thuyết giảng, cung kính, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật ở trần gian, khiến cho chúng sanh ở nơi đây thâm tín Bát nhã Ba-la-mật hơn nữa. Lại nữa, khi thấy có thiện nam, thiện nữ nào thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật, thì chư Thiên thường rưới nước Cam lồ làm cho vị pháp sư ấy chẳng còn cảm thấy mệt mỏi, được tăng thêm thắng lực, dẫn đến thành tựu viên mãn thời thuyết pháp.

**Hỏi:** *Hết thầy các thiện nam, thiện nữ nào thuyết Bát nhã Ba-la-mật cũng đều được chư Thiên rưới nước Cam lồ, để giúp thêm khí lực hay sao?*

**Đáp:** Chẳng phải nhất quyết là như vậy. Chỉ thiện nam, thiện nữ tu hành tinh tấn, nhất tâm cầu Phật đạo, nhất tâm tẩy trừ các kiết sử, lại thuyết giảng nơi đạo tràng thanh tịnh, thì chư Thiên mới hoan hỷ đến nghe pháp, hoan hỷ hộ trì vậy.

Dù thiện nam, thiện nữ này ít học, nhưng đã thâm nhập vào ý nghĩa thâm diệu của Bát nhã Ba-la-mật, thì ở pháp tòa vẫn được tâm an định, chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, khiến được đầy đủ khí lực để thuyết pháp. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải là định pháp, chẳng vương chấp thế gian hay xuất thế gian, vô thường hay thường, thiện hay bất thiện, nên chẳng có gì phải kinh, phải hãi, phải sợ cả.

Lại nữa, thiện nam, thiện nữ tu Bồ tát hạnh, thường hành Bát nhã Ba-la-mật, nên phiền não mỏng, phước đức sâu dày, thường làm việc lợi ích cho chúng sanh, nên có được oai đức khả kính, làm cho chư Thiên ái kính và hoan hỷ hộ trì vậy.

**Hỏi:** *Người xuất gia thường được người đời ái kính, tôn trọng. Vì sao vẫn có nhiều vị xuất gia chẳng được cha mẹ ái kính?*

**Đáp:** Có thể là những trường hợp cha mẹ chẳng có thuận ý khi con xuất gia, nên xảy ra như vậy.

Thế nhưng, các thiện nam, thiện nữ hành Bồ tát đạo, tu tập Bát nhã Ba-la-mật luôn luôn được cha mẹ cùng hết thảy chúng sanh ái kính. Vì sao? Vì do tu tập đầy đủ các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật mà các thiện nam, thiện nữ ấy chẳng hề sanh cao tâm, chẳng hề ái chấp sự cúng dường, chẳng hề đua nịnh người, chẳng muốn người đua nịnh, chẳng sinh tâm tật đố, ích kỷ vì lợi ích riêng của mình, mà thường trái tâm đại từ bi, thương xót chúng sanh, làm những việc rất khó làm nhằm đem lại lợi ích cho chúng sanh. Các thiện nam, thiện nữ này được các hàng Trời người ái kính, được chư Phật cùng chư đại Bồ tát trong khắp 10 phương thường hộ niệm.

-o0o-

Các thiện nam, thiện nữ phát tâm hành Bồ tát đạo, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, khiến 6 pháp Bát nhã Ba-la-mật chẳng đoạn dứt nên có oai lực hàng phục được các chúng ma và các kẻ đến vẩn nạn, hủy báng.

Chư Thiên, vì muốn cúng dường Bát nhã Ba-la-mật, nên thường lui tới nơi nào có kinh quyền Bát nhã Ba-la-mật, có thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, ở thế gian này, từ sông núi, ..., dẫn đến cây cối đều do Tứ Thiên vương cai quản, nên chỗ nào có biên chép, thọ trì, đọc tụng, cung kính, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật thì chư Thiên thường đến đó để nghe, ..., dẫn đến để lễ bái, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật, làm cho thiện nam, thiện nữ biên chép, thọ trì, ... cung kính, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật được tăng ích đạo tâm.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói các thiện nam, thiện nữ này được các công đức ở đời này vậy.

**Hỏi:** *Làm sao biết được có chư Thiên đến nghe, đến cúng dường Bát nhã Ba-la-mật?*

**Đáp:** Khi thấy có ánh quang minh chiếu rọi, hoặc ngửi được mùi hương lạ, vi diệu, thì biết được có chư Thiên đến.

**Hỏi:** *Thân người bất tịnh cả trong lẫn ngoài. Như vậy làm sao có được trú xứ thanh tịnh?*

**Đáp:** Khi các ác quỷ lánh xa, thì tâm người được nhẹ nhàng, thanh tịnh. Tâm tịnh thì trú xứ tịnh vậy.

Lại nữa, chư Thiên chỉ đến khi đạo tràng được thanh tịnh. Như vậy, người tu hành phải an định trong tất cả các oai nghi “đi, đứng, nằm, ngồi”, lại phải xa lìa các ác sự, mới mời được chư Thiên đến đạo tràng được. Do thường an định nên chẳng bao giờ có ác mộng mà chỉ thấy những thiện mộng mà thôi.

**Hỏi:** *Cúng dường Phật là cúng dường Bát nhã Ba-la-mật rồi. Như vậy vì sao nói cúng dường 10 phương chư Phật chẳng bằng cúng dường Bát nhã Ba-la-mật?*

**Đáp:** Cúng dường Phật mà còn thù chấp tướng cúng dường, thì dù cúng dường phước điền tối thượng như vậy, mà công đức chẳng có được bao nhiêu cả. Trái lại, vào được Bát nhã Ba-la-mật là vào được nơi thật tướng pháp, nên chẳng còn chấp pháp tướng. Bởi vậy nên cúng dường Bát nhã Ba-la-mật được vô lượng công đức.

Lại nữa, Bát nhã Ba-la-mật là mẹ, là thầy của chư Phật. Do Bát nhã Ba-la-mật lực, mà chư Phật được thành tựu 32 tướng tốt, cùng vô lượng quang minh, thần thông biến hóa v.v...

Bởi nhân duyên vậy, nên nói cúng dường Bát nhã Ba-la-mật thù thắng hơn cúng dường chư Phật. Thế nhưng, chẳng nên vin vào nghĩa này để mà khởi niệm bất kính chư Phật.

(Hết quyển 58)





---

**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 59**

---







## Phẩm Thứ Ba Mười Bảy



### Xá Lợi

**KINH:**

Phật bảo ngài Thích Đề Hoàn Nhơn: Này Kiều Thi Ca! Nếu lấy số lượng xá lợi Phật đầy khắp cả Diêm phù đề làm 1 phần, và lấy người biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật làm 1 phần thì ở trong 2 phần đó, ông nhận phần nào?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn thưa: Bạch Thế Tôn! Trong 2 phần đó con xin nhận lãnh phần viết chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao?

Bạch Thế Tôn! Chẳng phải con chẳng có tôn trọng, cung kính xá lợi Phật, nhưng vì xá lợi Phật cũng xuất sanh từ Bát nhã Ba-la-mật. Do tu tập Bát nhã Ba-la-mật mà chư Phật mới có được xá lợi; và xá lợi mới được tôn trọng, cung kính, cúng dường, tán thán vậy.

Lúc bấy giờ, ngài Xá Lợi Phát hỏi vị Đệ Thích: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Bát nhã Ba-la-mật chẳng thể thủ, vì là chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có đối, chỉ là một tướng (nhất tướng), là chẳng có tướng (vô tướng). Dù ông muốn nhận lãnh cũng chẳng sao thủ lấy được. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng do thủ hay xả mà có, chẳng do tăng hay giảm mà có, chẳng do tụ hay tán mà có, chẳng do tồn hay ích mà có, chẳng do cấu hay tịnh mà có.

Bát nhã Ba-la-mật chẳng thủ Phật pháp mà cũng

chẳng xả phạm phu pháp; chẳng thủ Thánh pháp mà cũng chẳng xả phạm phu pháp; chẳng thủ vô vi tánh mà cũng chẳng xả hữu vi tánh; chẳng thủ nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không, chẳng thủ 4 niệm xứ, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí, mà cũng xả phạm phu pháp.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn nói: Đúng như vậy, đúng như vậy! Thừa ngài Xá Lợi Phất! Nếu có ai biết rõ Bát nhã Ba-la-mật chẳng thủ Phật pháp mà cũng chẳng xả phạm phu pháp, ..., dẫn đến chẳng thủ Nhất thiết chủng trí mà cũng xả phạm phu pháp, thì vị đó chính là Bồ tát Ma ha tát hành Bát nhã Ba-la-mật và tu Bát nhã Ba-la-mật vậy. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng thủ 2 pháp tướng (nhị tướng pháp). Bát nhã Ba-la-mật là “bất nhị tướng pháp”. “Bất nhị tướng pháp” cũng là tướng của Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến của Thiền Ba-la-mật.

**Phật tán thán vị Đế Thích: Lành thay, lành thay!**

Này Kiều Thi Ca! Bát nhã Ba-la-mật chẳng hành 2 pháp tướng; Bát nhã Ba-la-mật là “bất nhị pháp tướng”. “Bất nhị pháp tướng” cũng là tướng của Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến của Thiền Ba-la-mật.

Này Kiều Thi Ca! Nếu ai muốn pháp tánh nhị tướng là người đó muốn Bát nhã Ba-la-mật nhị tướng. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật và pháp tánh chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Thiền Ba-la-mật cũng là như vậy. Nếu ai muốn “thật tế bất khả tư nghì tánh” nhị tướng là người đó muốn Bát nhã Ba-la-mật nhị tướng. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật và “thật tế bất khả tư nghì tánh” là chẳng phải hai, chẳng phải khác.

**Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Thiên Ba-la-mật cũng là như vậy.**

**Ngài Thích Đề Hoàn Nhon bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la đều phải lễ bái, cung kính, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì từ nơi Bát nhã Ba-la-mật mà chư đại Bồ tát tu tập, được Vô thượng bồ đề.**

**Bạch Thế Tôn! Con thường ở tại Thiên Pháp đường, nên chư vị Thiên tử thường đến nơi đây để cúng dường con. Dù thấy con ngồi trên pháp tòa, hay chẳng thấy con ngồi trên pháp tòa, chư Thiên tử vẫn hướng về pháp tòa, cúng dường, đánh lễ, diễu quanh, rồi lui về. Vì sao? Vì chư Thiên tử nghĩ rằng: Tại pháp tòa này Đệ Thích vẫn thường ngồi thuyết pháp cho chư Thiên tử của 33 cõi Trời nghe.**

**Bạch Thế Tôn! Cũng như vậy, chỗ nào có kinh quyền Bát nhã Ba-la-mật, chỗ nào có thọ trì, đọc tụng, thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật thì chỗ ấy có hàng Thiên Long bát bộ trong khắp cả 10 phương đến lễ bái, cung kính, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật, rớt ráo rồi đi. Vì sao? Vì từ nơi Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh các đức Phật, cùng hết thấy các lạc pháp cho chúng sanh. Do vậy mà nói Bát nhã Ba-la-mật là trú xứ của xá lợi của các đức Phật, và cũng là trú xứ của Nhất thiết chủng trí.**

**Bạch Thế Tôn! Bởi nhân duyên vậy, nên trong hai phần con xin nhận lãnh phần Bát nhã Ba-la-mật.**

**Bạch Thế Tôn! Khi con thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba-la-mật, nếu tâm con thâm nhập vào được vi diệu pháp này thì con chẳng thấy có các tướng sợ hãi. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng có tướng mạo, chẳng có ngôn thuyết.**

**Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật là chẳng có tướng mạo, chẳng có ngôn thuyết, dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng là như vậy.**

**Nếu Bát nhã Ba-la-mật mà có tướng mạo, có ngôn thuyết thì chư Phật chẳng thể biết được hết thấy các pháp đều chẳng có tướng mạo, chẳng có ngôn thuyết, khiến chẳng có thể chứng được quả Vô thượng bồ đề; và nay chư Phật cũng chẳng có thể vì hàng đệ tử, thuyết giảng các pháp là chẳng có tướng mạo, chẳng có ngôn thuyết được vậy.**

**Bạch Thế Tôn! Bát nhã là chẳng có tướng mạo chẳng có ngôn thuyết, nên chư Phật mới biết rõ hết thấy các pháp đều chẳng có tướng mạo, chẳng có ngôn thuyết, mà chứng được quả Vô thượng bồ đề! Và nay chư Phật mới có thể vì hàng đệ tử thuyết giảng các pháp là chẳng có tướng mạo, chẳng có ngôn thuyết vậy.**

**Bởi nhân duyên vậy, nên hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la đều phải tôn trọng, cung kính, tán thán Bát nhã Ba-la-mật và dùng hoa hương, anh lạc, tràng phan, bảo cái cúng dường Bát nhã Ba-la-mật.**

**Bạch Thế Tôn! Nếu có người nào thọ trì, đọc tụng, biên chép, cung kính, cúng dường, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật thì người ấy chẳng đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; chẳng lạc về Thanh Văn đạo và Bích Chi Phật đạo, ..., dẫn đến người ấy sẽ được Vô thượng bồ đề, sẽ thường thấy chư Phật, sẽ thường đi đến các cõi Phật để tôn trọng, cung kính, tán thán, cúng dường chư Phật.**

**Bạch Thế Tôn! Bởi nhân duyên vậy, nên trong hai phần, con xin lãnh phần Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao?**

Vì từ nơi Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh ra xá lợi Phật, nên xá lợi Phật mới được tôn trọng, cung kính, tán thán, cúng dường.

Các thiện nam, thiện nữ thọ trì, cung kính, cúng dường xá lợi Phật, cũng nhờ vậy, mà được hưởng các phước lạc ở cõi trời, cõi người, chẳng bị đọa vào 3 đường ác, lại tùy theo sở nguyện dần dần được 3 thừa pháp, dẫn đến vào được Niết Bàn.

Bạch Thế Tôn! Người được thấy Phật ở hiện đời và người được thấy kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật cũng chẳng có gì khác nhau. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật và Phật là chẳng phải hai, chẳng phải khác.

#### LUẬN:

*Hỏi: Ở phẩm trước đã lấy công đức xây bảo tháp đem so với công đức cúng dường Bát nhã Ba-la-mật. Sao lại đem xá lợi Phật so với kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật?*

**Đáp:** Phẩm trước nói công đức thọ trì, tu tập Bát nhã Ba-la-mật thù thắng hơn công đức xây bảo tháp cúng dường xá lợi Phật. Phẩm này nói rõ thêm Bát nhã Ba-la-mật thù thắng hơn xá lợi Phật. Vì xá lợi Phật xuất sanh từ Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Nên biết người xuất gia cầu trí huệ, vì trí huệ là nhân giải thoát. Còn người tại gia phần nhiều tham đắm quả phước báo, vì phước báo là nhân an vui.

Người xuất gia cầu trí huệ, để liễu triệt thật tướng pháp. Trong lúc đó, thì người tại gia phần nhiều cầu trí thức, để phân biệt các pháp tướng, dẫn đến đắm chấp các pháp tướng.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon đã được nhiều phước báo. Ở trong hàng tại gia, ngài là bậc tối thắng, nên nay ngài cầu trí huệ.

Bởi vậy nên khi Phật hỏi: Trong 2 phần, ông nhận phần nào? Ngài Thích Đề Hoàn Nhon liền bạch Phật rằng: Trong 2 phần, con xin nhận lãnh phần Bát nhã Ba-la-mật. Chẳng phải con chẳng cung kính xá lợi Phật. Mặc dù cúng dường xá lợi Phật được vô lượng công đức, nhưng vì xá lợi Phật xuất sanh từ Bát nhã Ba-la-mật, nên con xin lãnh phần Bát nhã Ba-la-mật.

**Hỏi:** *Ngài Xá Lợi Phất đã biết rõ vị Đế Thích còn thủ Bát nhã Ba-la-mật, vì còn ở nơi Thế Đế. Như vậy, vì sao ngài còn muốn vấn nạn?*

**Đáp:** Vị Đế Thích vẫn còn trong hàng tại gia, vẫn còn các phiền não trói buộc, vẫn còn bị 5 dục chi phối, mà lại nói được Bát nhã Ba-la-mật, nên là việc hy hữu. Do vậy mà ngài đã chất vấn vị Đế Thích, nhằm mục đích giúp vị Đế Thích thừa hỏi Phật đến chỗ thậm thâm hơn. Ngài Thích Đề Hoàn Nhon đã thuận theo ý của ngài Xá Lợi Phất, mà đáp lại rằng: Hết thấy các pháp đều là “bất nhị tướng”, vậy chẳng nên nói Bát nhã Ba-la-mật là lớn, xá lợi Phật là nhỏ. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là “bất nhị tướng”, là “vô phân biệt tướng”.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon đã dùng Thế Đế để nói về Bát nhã Ba-la-mật, vì ngài muốn sơ phát tâm Bồ tát được thêm tăng ích và muốn cho chúng hội rõ được lý “bất nhị”, chẳng còn sanh tâm phân biệt nữa. Vì sự lợi ích như vậy, nên ngài Thích Đề Hoàn Nhon mới xin nhận lãnh Bát nhã Ba-la-mật.

Lúc bấy giờ, Phật tán thán vị Đế Thích rằng: Lành thay, lành thay! Ông đã phân biệt rõ ràng các pháp tướng, mà cũng khéo nói Bát nhã Ba-la-mật là “bất nhị tướng”.

Nhân đây, Phật đã nêu lên thí dụ “Nếu có ai muốn phân biệt “pháp tánh”, ..., dẫn đến muốn phân biệt “thật tế bất khả tư nghì tánh” là “nhị tướng”, thì người đó muốn Bát nhã Ba-la-mật “nhị tướng”.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn nghe Phật dạy như vậy, liền được tín tâm thanh tịnh, nên ngài nói: Hết thầy Bồ tát đều do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà được Vô thượng bồ đề.

Ngài lại lấy tự thân của ngài để dụ cho Phật, dụ cho Bát nhã Ba-la-mật, lấy pháp tòa của ngài để dụ cho xá lợi Phật, và cuối cùng ngài kết luận là giữa xá lợi Phật và kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật, ngài xin nhận lãnh phần Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài lại bạch Phật tiếp rằng: Con vì thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba-la-mật mà được tâm an định, chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ. Người hành Bát nhã Ba-la-mật biết rõ thật tướng pháp là chẳng có tướng mạo, chẳng có ngôn thuyết, nên chẳng có gì để sợ hãi cả. Người thọ trì, đọc tụng, ..., dẫn đến cúng dường Bát nhã Ba-la-mật chẳng đọa vào 3 đường ác, chẳng lạc về Thanh Văn đạo và Bích Chi Phật đạo, đời đời chẳng ly chư Phật, thường đi đến các cõi Phật để cúng dường chư Phật. Do vậy mà hết thầy thế gian, Trời, người và A tu la đều phải tôn trọng, cung kính, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật.

-oOo-

Ngay từ đầu phẩm kinh, khi nghe Phật bảo chọn giữa 2 phần xá lợi Phật và kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật, ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đã liễu ngộ được lý bình đẳng của hết thầy các pháp.

Nay, vì hết thầy chúng sanh trong khắp cả 10 phương thế giới, và vì chính mình, ngài diễn đạt lý bình đẳng đó trong

câu nói: Người được thấy Phật ở hiện đời, và người thấy được kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật chẳng có gì khác nhau. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật và Phật chẳng phải hai, chẳng phải khác.

-o0o-

### **KINH:**

**Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật tiếp: Bạch Thế Tôn! Như Lai thị hiện trụ thế dùng 3 pháp sự để thuyết 12 bộ kinh, từ Tu Đa La, ..., dẫn đến Ưu Bà Đề Xá. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, đọc tụng, thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật thì người này so với Phật trụ thế cũng đồng như nhau. Vì sao? Vì Phật cũng như 12 bộ kinh, từ Tu Đa La, ..., dẫn đến Ưu Bà Đề Xá, đều xuất sanh từ Bát nhã Ba-la-mật cả.**

**Bạch Thế Tôn! Nếu chư Phật trong 10 phương thị hiện trụ thế thuyết 12 bộ kinh, từ Tu Đa La, ..., dẫn đến Ưu Bà Đề Xá, thì so với thiện nam, thiện nữ thọ trì, đọc tụng, thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật cũng đồng như nhau, chẳng có sai khác. Vì sao? Vì chư Phật trong 10 phương cũng như 12 bộ kinh, từ Tu Đa La, ..., dẫn đến Ưu Bà Đề Xá, đều xuất sanh từ Bát nhã Ba-la-mật cả.**

**Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ nào biên chép, thọ trì, thân cận, đọc tụng, thuyết giảng, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì chẳng bị đọa vào 3 đường ác, chẳng bị lạc vào Thanh Văn đạo và Bích Chi Phật đạo. Vì sao? Vì thiện nam thiện nữ này an trú trong bất thối chuyển địa, lại nhờ có Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, nên xa lìa các khổ não.**



Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ nào biên chép, thọ trì, thân cận, đọc tụng, tôn trọng, cung kính, cúng dường, tán thán kinh quyền Bát nhã Ba-la-mật thì xa lìa được các sự khủng bố.

Ví như người, trước đây mang nợ, nhưng nay lại được gán gửi một vị quốc vương cung cấp cho tiền của dư thừa, thì người chủ nợ chẳng những không làm khó dễ mà trái lại còn sanh tâm cung kính người ấy nữa. Đây là nhờ nường oai lực của vị quốc vương mà người ấy chẳng còn sợ hãi vậy.

Cũng như vậy, nhờ nơi sự tu trì Bát nhã Ba-la-mật của chư Phật mà xá lợi Phật được cung kính, cúng dường.

Bạch Thế Tôn! Bối nhân duyên vậy, nên trong 2 phần, con xin nhận lãnh phần Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao?

Vì từ trong Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh xá lợi Phật và 32 tướng tốt của Phật; xuất sanh 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp, đại từ, đại bi; xuất sanh 5 Bát nhã Ba-la-mật kia và thành tựu danh tự Bát nhã Ba-la-mật. Cũng từ trong Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh chư Phật cùng Nhất thiết chủng trí.

Bạch Thế Tôn! Trong đại thiên thế giới, nếu có ai thọ trì, đọc tụng, tôn trọng, cung kính, cúng dường, tán thán Bát nhã Ba-la-mật thì nơi chỗ người đó ở, tất cả những kẻ ác, hoặc là người, hoặc là quỷ thần, đều chẳng dám đến để làm hại được. Người đó dần dần sẽ được vào Niết Bàn.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật có đại lợi ích, thường tác hành Phật sự trong cả đại thiên thế giới. Bởi vậy, nơi nào có Bát nhã Ba-la-mật là nơi đó chính là có Phật vậy.

Ví như ngọc “ma ni bảo châu” ở nơi nào, thì nơi đó các hàng “phi nhơn” chẳng dám đến quấy phá.

Nếu có người bị bệnh nóng lạnh, mà được đeo bảo châu này, tức thì được lành bệnh. Nếu có rắn độc cắn mà có được bảo châu đặt lên vết thương, tức thì nọc rắn độc được tiêu trừ. Nếu có người bị đau mắt đến mù lòa mà được đến gần bảo châu này, tức thì được sáng mắt. Nếu có người bị bệnh phong cùi, ghẻ độc mà được đeo bảo châu này, tức thì được lành bệnh.

Lại nữa, để bảo châu này ở nơi nào thì nơi đó khí hậu điều hòa, thời tiết thuận lợi; thả bảo châu này vào nước đục, thì nước đục liền trở thành trong; gói bảo châu này vào bao đựng hoặc xanh, hoặc vàng, hoặc đỏ, hoặc tím,... rồi đem thả vào nước thì nước liền được nhuộm theo màu đó.

Lúc bấy giờ, ngài A Nan hỏi vị Đế Thích: Thưa ngài Kiều Thi Ca, Ma-ni bảo châu là ngọc quý ở trên trời hay là ngọc quý ở trên thế gian?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đáp: Thưa Đại đức! Bảo châu đó là vật báu ở trên trời. Người ở cõi Diêm phù đề cũng có bảo châu tương tự nhưng công lực chẳng có thể sánh bằng được.

Bảo châu đó thanh khiết, nhẹ nhàng, đẹp đẽ, chẳng có thể lấy gì để so sánh được cả. Nếu đem bảo châu này bỏ vào trong hộp, đậy kín. Khi đã lấy bảo châu này ra khỏi hộp rồi, mà công lực của bảo châu còn lưu tồn, nên chiếc hộp vẫn còn được người tôn quý.

Rồi ngài Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Cũng như vậy, chỗ nào có người biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật thì chỗ đó chẳng có sự nã hại.

Bạch Thế Tôn! Sau khi một vị Phật nhập Niết Bàn mà xá lợi được cung kính, cúng dường thì đó chính là nhờ công đức lực của Bát nhã Ba-la-mật, của Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Thiền Ba-la-mật, của nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không, của 4 niệm xứ, ..., dẫn đến của 18 bất cộng pháp, của pháp tánh, của pháp tướng, của pháp vị, của thật tế bất khả tư nghi tánh, ..., dẫn đến của Nhất thiết chủng trí.

Bạch Thế Tôn! Nếu thiện nam, thiện nữ nghĩ rằng xá lợi Phật là trú xứ của Nhất thiết chủng trí, của đại từ, đại bi thì liền đoạn trừ được các tập khí, kiết sử. Do vậy, mà xá lợi Phật được cung kính, cúng dường.

Bạch Thế Tôn! Xá lợi Phật là trú xứ của “công đức bảo Ba-la-mật”, của “bất cấu, bất tịnh Ba-la-mật”, của “bất sanh, bất diệt Ba-la-mật”, của “bất xuất, bất nhập Ba-la-mật”, của “bất tăng, bất giảm Ba-la-mật”, của “bất khứ, bất lai Ba-la-mật”.

Xá lợi Phật cũng là trú xứ của các “pháp tướng Ba-la-mật”. Do chư Phật huân tu các “pháp tướng Ba-la-mật”, mà xá lợi Phật được tôn trọng, cung kính, cúng dường.

Bạch Thế Tôn! Chẳng luận lấy số lượng xá lợi Phật đầy khắp cả đại thiên thế giới mà cho đến lấy số lượng xá lợi Phật đầy khắp cả hằng hà sa thế giới trong 10 phương làm 1 phần, và lấy người biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật làm 1 phần thì trong 2 phần đó, con cũng xin nhận lãnh phần Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh ra xá lợi Phật; do chư Phật huân tu Bát nhã Ba-la-mật mà xá lợi Phật được tôn trọng, cung kính, cúng dường.

Bạch Thế Tôn! Nếu thiện nam, thiện nữ nào tôn trọng, cung kính, cúng dường xá lợi Phật, thì sẽ được vô lượng,

vô biên công đức, được hưởng phước lạc ở cõi Trời, cõi người, ..., dẫn đến nhờ nhân duyên phước đức này, mà sẽ tận diệt các khổ.

Nếu thiện nam, thiện nữ nào biên chép, thọ trì, thân cận, đọc tụng, thuyết giảng, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật thì sẽ được đầy đủ Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Thiên Ba-la-mật, đầy đủ 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp sẽ an trú Bồ tát vị, thù thắng hơn hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật. An trú nơi Bồ tát vị, thiện nam, thiện nữ này sẽ được đầy đủ các thần thông, đi từ Phật độ này đến Phật độ khác để thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ.

Bạch Thế Tôn! Chẳng phải con khởi tâm bất kính đối với xá lợi Phật, mà chẳng nhận lãnh phần xá lợi. Vì sao? Vì cúng dường Bát nhã Ba-la-mật cũng là cúng dường xá lợi Phật vậy.

Bạch Thế Tôn! Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn thấy pháp thân của chư Phật hiện tại, ở trong khắp 10 phương thế giới thì phải thọ trì, thân cận, đọc tụng, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, và còn phải vì người khác thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật.

Thiện nam, thiện nữ này, khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, cũng phải y nơi pháp tướng mà tu tập “niệm Phật tam muội”. Lại nữa, thiện nam, thiện nữ nào muốn thấy chư Phật hiện tại, thì cũng phải thọ trì, thân cận, đọc tụng, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật cũng như phải vì người khác thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật.

#### **LUẬN:**

Phật thị hiện nơi 3 pháp sự, để vì chúng sanh, thuyết 12 bộ kinh.

**Hỏi:** *Phật thuyết đầy đủ 12 bộ kinh. Như vậy vì sao nói thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, đọc tụng, thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật thì so với Phật trụ thế cũng đồng như nhau?*

**Đáp:** Phật muốn tán thán Bát nhã Ba-la-mật nên nói trong 12 bộ kinh thì Bát nhã Ba-la-mật là thù thắng hơn cả.

Lại nữa, người đã phát tâm hành Bồ tát đạo thì cũng phải thuyết 12 bộ kinh, bao gồm hết thảy các giáo pháp của cả 3 thừa giáo, mà ở trong đó Bát nhã Ba-la-mật là pháp tối thượng. Vì sao? Vì tất cả giáo pháp của cả 3 thừa giáo đều quy nhiếp về Bát nhã Ba-la-mật.

Bởi vậy nên người thọ trì, thân cận, đọc tụng, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm là như Phật vậy.

-o0o-

Thiện nam, thiện nữ nào cung kính, cúng dường kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật thì xa lìa được các sự khủng bố.

Trong kinh nêu thí dụ người mang nợ, mà được một vị vua che chở thì chẳng còn sợ hãi.

Nhà vua dụ cho Bát nhã Ba-la-mật và người mang nợ dụ cho xá lợi Phật. Mang nợ, nói ở đây, dụ cho sự huân tập tội nghiệp từ đời trước, mà đời này phải thọ nghiệp báo. Sự che chở của nhà vua đối với người mang nợ dụ cho sự hộ trì của Bát nhã Ba-la-mật lực đối với người thọ trì Bát nhã Ba-la-mật, khiến các duyên nghiệp đời trước được tiêu trừ. Oai lực của nhà vua khiến người mang nợ chẳng còn sợ hãi, mà lại còn được tôn kính. Oai lực của Bát nhã Ba-la-mật khiến người thọ trì Bát nhã Ba-la-mật chẳng có sợ hãi, được tôn trọng, cung kính, cúng dường.

Trong kinh cũng nêu thí dụ “ma-ni bảo châu” tiêu trừ được các bệnh. Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật tiêu trừ được các duyên nghiệp đời trước, khiến các thiện hạnh được thành tựu như ý nguyện.

**Hỏi:** Trong 7 thứ ngọc quý, thì “ma-ni bảo châu” này thuộc về loại nào?

**Đáp:** Có thuyết nói rằng “ma-ni bảo châu” này ở trong não của Long Vương. Người nào có được loại ngọc quý này, thì các độc dược, độc trùng chẳng có thể làm hại được; ngược lại còn được hưởng nhiều phước đức.

Có thuyết nói rằng “ma-ni bảo châu” ở trên Thiên giới. Khi Đế Thích giao tranh với A tu la đã đánh rơi ngọc quý này xuống cõi Diêm phù đề.

Có thuyết nói rằng “ma-ni bảo châu” này chính là biến thể của xá lợi Phật. Khi Phật pháp gần đến thời kỳ diệt thì xá lợi Phật biến thể thành loại ngọc quý này, để làm lợi ích cho chúng sanh.

Lại có thuyết nói rằng khi chúng sanh ở cõi Diêm phù đề đã được đầy đủ phước đức thì “ma-ni bảo châu” này trở thành “Nhu ý bảo châu”. Như trước đây đã nói, “Nhu ý bảo châu” thường hóa sanh hết thảy các thứ vật báu, áo quần, chăn mền, các thức ăn uống, các loại cây cỏ thuốc... đáp ứng đầy đủ nhu cầu của chúng sanh, tùy theo sự nguyện cầu của họ. Ngọc quý này lại có công năng tiêu trừ bệnh hoạn, khổ nạn. Bảo châu có 2 loại:

- Loại ở cõi trời.
- Loại ở cõi người.

Cả 2 loại bảo châu này đều đem lại nhiều phước đức rất thù thắng.

Nếu để ngọc quý này ở trong nhà thì các quý thần đều ủng hộ, khiến được rất nhiều oai đức.

Bát nhã Ba-la-mật cũng như vậy. Bát nhã Ba-la-mật thường ban bố phước lạc cho chúng sanh. Người xuất gia cầu 3 thừa đạo, nhờ được Bát nhã Ba-la-mật hộ trì mà được giải thoát lạc, được thành tựu như ý các hạnh nguyện. “Nhu ý bảo châu” trừ được 404 thứ bệnh căn bản. Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật trừ được 8 vạn 4 ngàn thứ bệnh do 3 độc “tham, sân, si” và các đẳng phần bệnh gây ra:

- Tham dục gây ra 2 vạn 1 ngàn bệnh.
- Sân nhuế gây ra 2 vạn 1 ngàn bệnh.
- Ngu si gây ra 2 vạn 1 ngàn bệnh.

Ngoài ra còn có 2 vạn 1 ngàn đẳng phần bệnh. Đây là những loại bệnh xen lẫn giữa tham, sân, si hoặc tham với sân, hoặc tham với si, hoặc sân với si, hoặc cả tham, sân và si.

Ví như: Pháp quán bất tịnh trừ được bệnh tham dục, pháp quán nhân duyên trừ được bệnh ngu si, 2 pháp quán ấy vừa trừ được bệnh tham dục, vừa trừ được bệnh ngu si v.v... Trừ các bệnh xen lẫn với nhau như vậy, gọi là trừ “đẳng phần bệnh”.

“Nhu ý bảo châu” trừ được các bệnh nóng, bệnh lạnh. Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật trừ được các bệnh vô minh, bất tín, bất kính, giải đãi. “Nhu ý bảo châu” để ở đâu thì ở đó các độc trùng chẳng dám đến phá hoại. Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật ở đâu thì ở đó có 3 độc “tham, sân, si” chẳng gây tác hại được.

Ví người đang bệnh đau mắt mà gặp được “Nhu ý bảo châu” thì liền được lành bệnh. Cũng như vậy người bị vô minh, tà kiến mê hoặc, nếu được Bát nhã Ba-la-mật soi sáng thì liền được huệ nhãn.

“Nhu ý bảo châu” bỏ vào nước đục thì nước ấy liền trở thành trong. Cũng như vậy, người có được Bát nhã Ba-la-mật lực thì chẳng còn chấp các pháp, cũng chẳng còn sanh cấu tâm. Nhờ vậy, mà vào được 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định; thành tựu được 4 quả Thanh Văn và Bích Chi Phật đạo. Người tu tập Bát nhã Ba-la-mật quán các pháp đều là tự tánh không, nên mặc dù tùy thuận chúng sanh hành Bồ tát đạo, phương tiện hành các pháp để làm lợi ích chúng sanh, mà tâm chẳng chấp (vô chấp), chẳng chướng ngại (vô ngại).

-o0o-

Thế nhưng, công đức của Bát nhã Ba-la-mật thù thắng hơn rất nhiều:

- “Nhu ý bảo châu” chỉ trừ được ác quỷ, chẳng trừ được Thiên ma. Bát nhã Ba-la-mật trừ được ác quỷ lẫn Thiên ma.

- “Nhu ý bảo châu” chỉ trừ được thân bệnh. Bát nhã Ba-la-mật trừ được cả thân bệnh lẫn tâm bệnh.

- “Nhu ý bảo châu” chỉ giúp người trị thân bệnh. Bát nhã Ba-la-mật trị được hết thầy tâm bệnh và thân bệnh của người, cũng như các thiên long, quỷ thần.

- “Nhu ý bảo châu” chỉ chiếu sáng một vùng trong đêm tối. Bát nhã Ba-la-mật chiếu khắp đến vô lượng vô minh, hắc ám và bất cộng vô minh trị tận gốc hết thầy vô minh, si ám.

- “Nhu ý bảo châu” phá được sự nóng bức của mặt trời. Bát nhã Ba-la-mật phá luôn cả sự nóng bức thiêu đốt thân, lẫn sự nóng bức thiêu đốt tâm do 3 độc “tham, sân và si” gây nên.

- “Nhu ý bảo châu” trừ được gió lạnh lẽo. Bát nhã Ba-la-mật trừ được tâm bất tín, bất kính của chúng sanh đối với Tam bảo, ngay khi vừa mộng khởi.



- “Nhu ý bảo châu” chẳng có thể trừ được các tà kiến ác độc. Bát nhã Ba-la-mật trừ được các tà kiến ác độc.

- “Nhu ý bảo châu” chỉ trừ được bệnh nhục nhãn, Bát nhã Ba-la-mật trừ được bệnh của tâm nhãn.

- “Nhu ý bảo châu” chỉ trừ được bệnh nhục nhãn mà nhục nhãn lại chẳng tạo ra “Nhu ý bảo châu”. Bát nhã Ba-la-mật trừ được các bệnh của nhãn tâm, mà huệ tâm nhãn lại có thể dẫn sanh Bát nhã Ba-la-mật.

- “Nhu ý bảo châu” trị được bệnh của nhục nhãn, nhưng bệnh lại có thể bị tái phát. Bát nhã Ba-la-mật trị được bệnh của tâm nhãn và khiến huệ tâm nhãn luôn luôn được rất ráo thanh tịnh.

- “Nhu ý bảo châu” trị được bệnh trong 3 đời. Bát nhã Ba-la-mật trị được bệnh trong vô lượng đời.

- “Nhu ý bảo châu” làm cho nước đục trở thành trong. Bát nhã Ba-la-mật làm cho 6 căn, 6 thức, cùng hết thảy các uế tâm trở thành thanh tịnh.

-o0o-

Bát nhã Ba-la-mật lực độ được vô lượng chúng sanh trong khắp 10 phương, khiến họ có được oai đức thù thắng.

Nếu biết có người huân tu Bát nhã Ba-la-mật mà cung kính, cúng dường người ấy thì cũng được Bát nhã Ba-la-mật công đức.

Phàm phu chỉ quý xá lợi. Các bậc Thánh Hiền quý Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao?

Vì ở trong Thánh pháp thì Bát nhã Ba-la-mật là đệ nhất.

Bởi vậy, người tu tập Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm, chắc chắn sẽ vào được Phật đạo.

Lại nữa, thấy được Bát nhã Ba-la-mật mà nhất tâm cung kính, cúng dường, thì sẽ được vô lượng phước đức, dần dần sẽ vào được Phật đạo.

**Hỏi:** *4 nhóm bệnh, đã nêu trước đây, bao gồm hết thấy các loại bệnh. Nay vì sao chỉ nói riêng về bệnh của nhãn?*

**Đáp:** Vì dụng của nhãn rất nhiều, nên cần phải đề cập đến vậy. Ngoài nhục nhãn (mắt thịt) còn có Thiên nhãn, Huệ nhãn, Pháp nhãn và Phật nhãn. Đoạn kinh trên đây nói về Nhục nhãn và Huệ nhãn.

**Hỏi:** *Xá lợi Phật là trú xứ của 6 pháp Ba-la-mật, cũng là trú xứ của Nhất thiết chủng trí. Vì sao giữa xá lợi Phật và Bát nhã Ba-la-mật, vị Đế Thích lại xin nhận lãnh phần Bát nhã Ba-la-mật?*

**Đáp:** Như trước đây đã nói: Xá Lợi Phật xuất sanh từ Bát nhã Ba-la-mật. Do tu tập Bát nhã Ba-la-mật mà chư Phật mới được Nhất thiết chủng trí, mới được xá lợi; và xá lợi mới được cung kính, cúng dường.

Trong hết thấy các pháp, thì Bát nhã Ba-la-mật là pháp dẫn đạo. Bát nhã Ba-la-mật ví như vua, xá lợi Phật ví như vị thần tướng. Bởi vậy nên cúng dường, tán thán Bát nhã Ba-la-mật trước, rồi sau đó mới cúng dường, tán thán xá lợi Phật. Ngoài ra, cũng nên biết rằng cúng dường, tán thán Bát nhã Ba-la-mật là đã cúng dường, tán thán xá lợi Phật rồi vậy.

**KINH:**

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn tiếp: Bạch Thế Tôn! Pháp tướng có 2 loại là: Hữu vi pháp tướng và vô vi pháp tướng.

\* Thế nào là hữu vi pháp tướng?

Đó là trí huệ trong nội không, ..., dẫn đến trong vô pháp hữu pháp không, trong 4 niệm xứ, trong 8 Thánh đạo, trong 10 lực, trong 4 vô sở úy, trong 4 vô ngại trí, ..., dẫn đến trong 18 bất cộng pháp. Đó cũng là trí huệ trong thiện pháp, trong bất thiện pháp, trong hữu lậu pháp, trong vô lậu pháp, trong thế gian pháp, trong xuất thế gian pháp...

Như vậy gọi là hữu vi pháp tướng.

\* Thế nào là vô vi pháp tướng?

Đó là tự tánh bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm của hết thảy các pháp.

Như vậy gọi là vô vi pháp tướng.

\* Thế nào là tự tánh của các pháp?

Tánh vô sở hữu chính là tự tánh của các pháp. Đây cũng chính là vô vi pháp tướng vậy.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Kiều Thi Ca! Các đức Phật trong quá khứ do nơi Bát nhã Ba-la-mật mà được Vô thượng bồ đề; hàng đệ tử của các đức Phật quá khứ do nơi Bát nhã Ba-la-mật mà được 4 quả Thanh Văn và Bích Chi Phật đạo. Các đức Phật ở hiện tại và ở vị lai cũng do nơi Bát nhã Ba-la-mật mà được Vô thượng bồ đề; hàng đệ tử của các đức Phật hiện tại và vị lai cũng do nơi Bát nhã Ba-la-mật mà được 4 quả Thanh Văn và Bích Chi Phật đạo.

Vì sao?

Vì Bát nhã Ba-la-mật rộng nói nghĩa của cả 3 thừa giáo. Bát nhã Ba-la-mật là “vô tướng pháp”, vì là pháp vô sanh, vô diệt. Bát nhã Ba-la-mật là bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm, bất tác, bất khởi, bất xuất, bất nhập, bất thủ, bất xả. Bởi vậy nên khi hành Bồ tát hạnh, Bồ tát thường y vào thế tục pháp, thay vì y vào đệ nhất nghĩa. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng có phân biệt bỉ thử (biên bờ bên này và biên bờ bên kia) chẳng có cao, thấp, chẳng có tướng cũng chẳng phải chẳng có tướng (phi tướng), chẳng phải thế gian cũng chẳng phải xuất thế gian, chẳng phải hữu vi cũng chẳng phải vô vi, chẳng phải thiện cũng chẳng phải bất thiện, chẳng phải hiện tại, quá khứ hay vị lai.

Này Kiều Thi Ca! Bát nhã Ba-la-mật chẳng tì u Thanh Văn pháp và Bích Chi Phật pháp mà cũng chẳng xả phạm phu pháp.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật biết rõ tâm của hết thấy chúng sanh cũng như chúng sanh đều là bất khả đắc, ..., dẫn đến tri giả, kiến giả cũng bất khả đắc, Bồ tát cũng bất khả đắc.

Bồ tát cũng biết rõ sắc, ..., dẫn đến thức bất đắc, nhãn, ..., dẫn đến ý bất đắc, sắc, ..., dẫn đến pháp bất đắc, nhãn thức, ..., dẫn đến ý thức bất đắc, nhãn xúc, ..., dẫn đến ý xúc bất đắc, nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ bất đắc, 4 niệm xứ dẫn đến 18 bất cộng pháp bất đắc, Phật pháp bất đắc, Vô thượng bồ đề bất đắc, ..., dẫn đến Phật bất đắc. Vì sao?

Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải vì “đắc pháp” mà diễn xuất. Vì sao? Vì tự tánh của Bát nhã Ba-la-mật là vô

sở hữu, là bất khả đắc. Dẫn đến “bất khả đắc” đó cũng là bất khả đắc.

**Phật dạy:** Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Kiều Thi Ca! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật biết rõ Vô thượng bồ đề còn bất khả đắc, huống nữa là Bồ tát và Bồ tát pháp.

**Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Bồ tát chỉ hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng có hành các Ba-la-mật khác hay sao?

**Phật dạy:** Này Kiều Thi Ca! Bồ tát hành đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật mà vẫn biết rõ các Ba-la-mật đều là bất khả đắc.

Ví như, khi thật hành Đàn Ba-la-mật, Bồ tát chẳng thấy có người thí, chẳng thấy có người thọ, cũng chẳng thấy có tài vật dùng để bố thí; khi hành Thi la Ba-la-mật, Bồ tát chẳng thấy có giới chẳng thấy có người trì giới, cũng chẳng thấy có người phá giới, ..., dẫn đến khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng thấy có trí huệ, chẳng thấy có người có trí huệ, cũng chẳng thấy có người không trí huệ.

Này Kiều Thi Ca! Do được Bát nhã Ba-la-mật dẫn đạo nên khi hành bố thí Bồ tát mới được đầy đủ Đàn Ba-la-mật, khi hành trì giới mới được đầy đủ Thi la Ba-la-mật, khi hành nhẫn nhục mới được đầy đủ Săn đề Ba-la-mật, khi hành tinh tấn mới được đầy đủ Tỳ lê gia Ba-la-mật, khi hành thiên định mới được đầy đủ Thiên Ba-la-mật, khi quán các pháp mới được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì Bồ tát, dụng vô sở đắc, quán hết thấy các pháp, từ sắc, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều là bất khả đắc cả.

Này Kiều Thi Ca! Ví như các cây ở cõi Diêm phù đề có thân, có cành, có lá, có hoa sai khác nhau rất nhiều,

nhưng bóng im mát của cây chẳng có gì sai khác nhau. Cũng như vậy, các Bát nhã Ba-la-mật tuy có sai khác nhau, nhưng khi đã vào trong Bát nhã Ba-la-mật, vào trong Nhất thiết chủng trí rồi thì chẳng còn sai khác nhau nữa, vì đều là bất khả đắc cả.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật thành tựu đại công đức vô lượng công đức, vô biên công đức, vô đẳng đẳng công đức.

Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật, rồi thọ trì, đọc tụng, tôn trọng, cung kính, cúng dường, tán thán, chánh ức niệm, đúng như pháp mà tu tập Bát nhã Ba-la-mật; lại nếu có thiện nam, thiện nữ biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật, rồi đem cúng dường cho người khác. Bạch Thế Tôn! Trong hai người nêu trên đây, người nào có được phước đức nhiều hơn?

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Ta hỏi lại ông, tùy ý ông đáp. Ý ông nghĩ sao? Nếu có người cung kính, cúng dường, tán thán xá lợi Phật; lại có người tán xá lợi Phật thành hạt nhỏ, rồi đem cúng dường cho người khác. Trong hai người đó, người nào có phước đức nhiều hơn.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon đáp: Bạch Thế Tôn! Theo như nghĩa mà con được nghe Phật dạy thì giữa người cung kính, cúng dường, tán thán xá lợi Phật, và người tán xá lợi Phật thành hạt nhỏ chia cho người khác, ắt người sau có phước đức nhiều hơn.

Bạch Thế Tôn! Vì phước lợi cho hết thảy chúng sanh mà Phật nhập “hỏa châu tam muội” phá nát “Kim cang thân” thành nhiều hạt xá lợi. Vì sao? Vì sau khi Phật diệt độ, người cúng dường xá lợi Phật, dù nhỏ như hạt cải,

cũng có được vô lượng, vô biên phước đức, dẫn đến tận đoạn được các khổ.

**Phật dạy:** Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật rồi cung kính, cúng dường, tán thán, lại nếu có thiện nam, thiện nữ biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật, rồi đem cho người khác đọc, thì người sau được công đức nhiều hơn người trước. Nếu có thiện nam, thiện nữ đúng như nghĩa trong Bát nhã Ba-la-mật mà diễn nói cho người khác nghe, khai thị, phân biệt khiến cho người khác dễ hiểu, thì công đức của người sau này lại còn nhiều hơn hai trước nữa. Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ này nghe Bát nhã Ba-la-mật, rồi đúng như nghĩa khai thị, diễn nói cho người khác nghe, là người có phạm hạnh cao siêu. Phải xem người đó như Phật. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật tức là Phật, Bát nhã Ba-la-mật chẳng khác Phật, Phật chẳng khác Bát nhã Ba-la-mật.

Chư Phật trong 3 đời do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà được Vô thượng bồ đề. Người có phạm hạnh cao siêu chính là bậc đại Bồ tát bất thối chuyển, cũng do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà sẽ được Vô thượng bồ đề.

Hàng Thanh Văn do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà sẽ được A-la-hán đạo. Người cầu Bích Chi Phật đạo cũng do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà sẽ được Bích Chi Phật đạo. Hàng Bồ tát cũng do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà sẽ vào được Bồ tát vị.

Này Kiều Thi Ca! Bởi nhân duyên vậy, nên thiện nam, thiện nữ nào muốn tôn trọng, cung kính, cúng dường Phật hiện tại thì phải tôn trọng, cung kính, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật.

Này Kiều Thi Ca! Ngay khi ta vừa được Vô thượng bồ đề, nghĩ đến lợi ích này, ta tự hỏi: Ta nên y chỉ nơi pháp nào; ta nên tôn trọng, cung kính, cúng dường pháp nào?

Này Kiều Thi Ca! Trong thế gian, chẳng ai bằng Phật, nên ta lại tự niệm: Pháp của ta đạt được đã đem lại cho ta quả vị Phật.

Ta đã cung kính, cúng dường pháp ấy, y chỉ và an trú nơi pháp ấy. Pháp ấy là gì? Đó chính là Bát nhã Ba-la-mật.

Này Kiều Thi Ca! Phật còn tôn trọng, cung kính, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật. Phật còn y chỉ và an trú nơi Bát nhã Ba-la-mật.

Như vậy, thiện nam, thiện nữ nào muốn được Vô thượng bồ đề, thì phải tôn trọng, cung kính, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật; y chỉ và an trú nơi diệu pháp đó. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh chư đại Bồ tát và chư Phật vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên thiện nam, thiện nữ nào muốn cầu Thanh Văn đạo, muốn cầu Bích Chi Phật đạo, ..., dẫn đến muốn cầu Phật đạo, phải tôn trọng, cung kính, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật; phải y chỉ nơi Bát nhã Ba-la-mật.

### **LUẬN:**

**Hỏi:** *Vi nhân duyên gì mà nói về hữu vi pháp tướng và vô vi pháp tướng?*

**Đáp:** Khi vị Đế Thích tán thán Bát nhã Ba-la-mật nhiếp hết thấy các pháp, ngài muốn tạo duyên khởi để nói về “hữu vi pháp tướng”.

Vị Đế Thích nói rằng “hữu vi pháp tướng” là trí huệ trong



nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không, trong 4 niệm xứ, trong 8 Thánh Đạo, trong 10 lục, trong 4 vô sở úy, trong 4 vô ngại trí, ..., dẫn đến trong 18 bất cộng pháp. Đó cũng chính là trí huệ trong thiện pháp, trong bất thiện pháp, trong hữu lậu pháp, trong vô lậu pháp, trong thế gian pháp, trong xuất thế gian pháp.

Trái với “hữu vi pháp tướng” là “vô vi pháp tướng”.

Hết thầy “hữu vi pháp tướng” và “vô vi pháp tướng” đều nhiếp trọn ở trong Bát nhã Ba-la-mật.

Hữu vi pháp là chỗ hiển dụng; vô vi thiện pháp là chỗ tâm y chỉ.

Vô thiện pháp là pháp căn bản, mà các Bồ tát sơ phát tâm phải tu tập mới vào được Bát nhã Ba-la-mật, mới được vô sanh pháp nhẫn. Vì sao? Vì có tu tập như vậy, mới tránh được sự ái nhiễm pháp, chẳng tăng hay xả pháp, chẳng y chỉ vào Niết Bàn, chẳng ly hữu vi pháp, mà vẫn được vô vi pháp. Bởi vậy, nên trong Đại thừa Ma ha diễn, Bát nhã Ba-la-mật mới dụng “vô tướng pháp” mà rộng nói cả 3 thừa giáo.

Ví như, khi nói về các pháp vô sanh, vô diệt... Bồ tát thường y vào thể tục đế, thay vì y vào đệ nhất nghĩa đế.

Bồ tát hành thật tướng pháp, tuy thường quán hết thầy chúng sanh, mà vẫn biết chúng sanh là bất khả đắc; tuy thường hành hết thầy pháp, mà vẫn biết rõ các pháp đều là tự tánh không. Vì sao? Vì dụng tâm vô sở đắc hành các pháp, mới thật là hành Bát nhã Ba-la-mật.

-oOo-

Phật ấn chứng và tán thán lời trình bày của các vị Đề Thích, và nói rằng: Bồ tát nên tu tập như vậy, mới được Vô

thượng bồ đề nhưng chẳng nên chấp Vô thượng bồ đề. Vì sao? Vì Vô thượng bồ đề cũng là bất khả đắc.

Lúc bấy giờ, ngài Thích Đề Hoàn Nhơn tự niệm: Nếu nói Bát nhã Ba-la-mật là pháp rốt ráo, thì người tu chỉ cần hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng cần phải hành các pháp Bát nhã Ba-la-mật khác hay sao?

Phật dạy: Bồ tát phải tu tập 6 pháp Ba-la-mật, nhưng phải dùng Bát nhã Ba-la-mật dẫn đạo, tức là phải dụng tâm vô sở đắc, mới hòa hợp được các Ba-la-mật. Ngược lại, nếu chỉ tu Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng tu 5 Ba-la-mật kia, thì chẳng sao có thể có được đầy đủ các công đức. Ví như kẻ vô trí nghe nói muối là gia vị chủ yếu của tất cả các món ăn, mà bèn bốc cả nắm muối cho vào món ăn, khiến chẳng sao ăn được, hoặc ăn vào phải mang bệnh vậy.

Cũng như vậy, người tu hành muốn trừ tâm chấp, phải hành Bát nhã Ba-la-mật. Thế nhưng, nếu khởi tâm chấp “không”, thì sẽ rơi vào tà kiến, khiến chẳng có thể tu các thiện pháp được; trái lại, nếu biết dùng Bát nhã Ba-la-mật lực để hòa hợp 5 Ba-la-mật kia, thì công đức mới được đầy đủ. Như vậy, nếu được Bát nhã Ba-la-mật soi sáng dẫn đạo, thì bố thí, ..., dẫn đến thiền định mới được gọi là Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến mới được gọi là Thiền Ba-la-mật.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói 6 pháp Ba-la-mật đều bình đẳng, đều chỉ là một tướng (nhất tướng). Ví như cội Diêm phù đề có hồ A-na-bà-đạt-na chảy ra 4 con sông lớn. Con sông Đại Hà, lớn nhất trong 4 con sông có đến 500 sông nhánh. Nước từ khắp nơi, theo các sông nhánh chảy dồn về sông Đại Hà, rồi chảy ra biển. Khi đã vào biển, thì tất cả các dòng nước này đều chẳng còn là nước riêng của bất cứ sông nào, mà trở thành nước của biển, đều cùng một vị.

Cũng như các cây có thân, cành, lá, hoa... khác nhau, nhưng bóng cây đều cùng một tánh im mát như nhau.

**Hỏi:** *Thọ trì, đọc tụng, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật là việc khó làm. Còn biên chép Bát nhã Ba-la-mật để cúng dường cho người khác là việc dễ làm hơn. Vì sao nói công đức biên chép Bát nhã Ba-la-mật, rồi cúng dường cho người khác thù thắng hơn?*

**Đáp:** Thọ trì, đọc tụng, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật tuy là việc khó làm, nhưng là việc làm lợi ích riêng cho mình, nên chỉ được ít công đức. Còn biên chép kinh điển, cúng dường cho người khác đọc tụng, là việc làm lợi tha, là vận hành vô ngã, nên công đức thù thắng hơn.

Bởi vậy nên, khi Phật hỏi vị Đế Thích về các trường hợp tự mình cúng dường xá lợi Phật, và phân bố xá lợi Phật cho nhiều người khác được cúng dường, bên nào có phước đức nhiều hơn, thì vị Đế Thích trả lời ngay rằng: Phân bố xá lợi Phật cho nhiều người khác cúng dường, được phước đức thù thắng hơn nhiều. Vì sao? Vì đây là vận hành tâm vô ngã, tâm từ bi, mới có thể làm được vậy.

-o0o-

Phật từ bi vô lượng, nên đã dùng “hỏa châu tam muội” để phá nát “thân Kim cang” của ngài thành xá lợi, khiến chúng sanh có được xá lợi Phật để cung kính, cúng dường. Do cúng dường xá lợi Phật, mà được thiện căn tăng trưởng, dần dần vào được Vô thượng bồ đề.

**Hỏi:** *Phước đức tại tâm. Như vậy cần gì Phật phải dùng “hỏa châu tam muội” làm nát “thân Kim cang” thành xá lợi*

*để cho chúng sanh cúng dường làm gì? Vì sao nói người biên chép kinh điển cho người khác xem, lại có được phước đức thù thắng hơn người cúng dường xá lợi?*

**Đáp:** Tín tâm thanh tịnh thường được phát khởi từ 2 duyên. Đó là:

- Nơi nội tâm có chánh ức niệm Tam bảo.
- Nương theo ngoại duyên, cầu phước điền vô thượng.

Ví như hạt giống tốt gieo vào ruộng tốt, ắt sẽ thu hoạch được mùa gặt tốt.

Xá lợi Phật là phước điền tốt. Nếu phát tâm tinh tấn cúng dường xá lợi Phật, ắt sẽ được đại phước báo.

Thế nhưng, người biên chép kinh điển đem cho người khác, để họ thọ trì, đọc tụng, cung kính, cúng dường, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập, hoặc người rộng giải nghĩa kinh cho đại chúng nghe, thì sẽ được phước đức thù thắng hơn nữa. Bởi vậy nên xem người đó như là vị Phật sẽ thành trong đời vị lai.

-oOo-

Phật dùng 2 nhân duyên để chứng minh rằng Bát nhã Ba-la-mật là pháp thù thắng nhất trong tất cả các pháp. Đó là:

- Chư Thánh hiền, trong cả 3 đời, đều do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà vào được Thánh đạo.

- Chư Phật, trong cả 3 đời, đều do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà thành Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

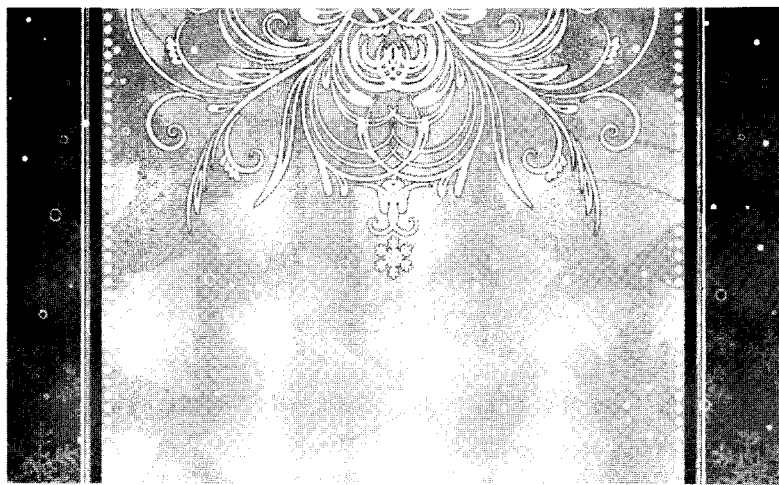
Nay Phật cũng tôn Bát nhã Ba-la-mật làm mẹ, làm thầy. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là thật tướng các pháp.

Đây là một đại sự nhân duyên, Phật muốn khai thị cho chúng sanh rõ Bát nhã Ba-la-mật là pháp căn bản của Bồ tát. Do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà chư đại Bồ tát thành đạt được quả vị Vô thượng, hiển dụng đại bi tâm làm các việc lợi ích, để an lạc chúng sanh.

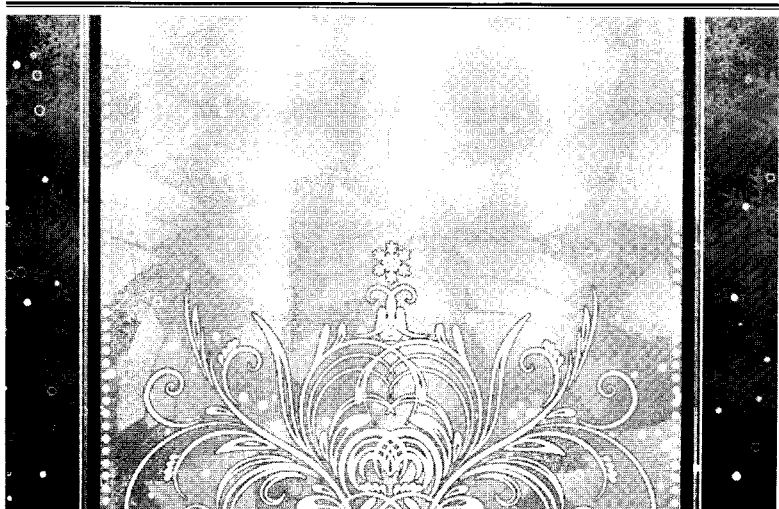
Bởi nhân duyên vậy, nên người tu Thanh Văn đạo và Bích Chi Phật đạo, muốn mau được an định trong 3 giải thoát môn, đều phải tín thọ, tu tập, cung kính, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật. Chư Bồ tát phải thật hành đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật, nghĩa là phải nhất tâm tín thọ, cung kính, cúng dường, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật; lại còn phải biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật cho người khác đọc; đúng như nghĩa trong Bát nhã Ba-la-mật, mà diễn nói cho người khác nghe, khai thị, phân biệt, khiến họ dễ hiểu. Chư Bồ tát phải thật hành đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật như vậy, mới mau được Vô thượng bồ đề.

(Hết quyển 59)





**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 60**







## Phẩm Thứ Ba Mười Tám



**Giáo Lượng Pháp Thí**  
(So Sánh & Lượng Định về Pháp Thí)

**KINH:**

Lúc bấy giờ, Phật bảo vị Đệ Thích rằng: Này Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào dạy cho hết thầy chúng sanh trong cõi Diêm phù đề tu tập 10 thiện đạo. Ý ông nghĩ sao? Người này có được phước đức nhiều chăng?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đáp: Bạch Thế Tôn! Người ấy được phước đức rất nhiều.

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Chẳng phải như vậy. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật cho người khác đọc tụng và diễn nói cho người khác nghe, thì được phước đức thù thắng hơn.

Vì sao?

Vì trong Bát nhã Ba-la-mật rộng giải về các pháp vô lậu. Thiện nam, thiện nữ phải ở trong đó mà tu học. Người trước đã học dạy người nay học, người nay học dạy người sau học, để dần dần vào chánh pháp vị, được quả Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến quả A-la-hán, được Bích Chi Phật đạo, ..., dẫn đến được Vô thượng bồ đề.

Này Kiều Thi Ca! Những gì gọi là vô lậu pháp? Đó là 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 8 thánh đạo, là 4 thánh đế, là nội không ... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, là 10 Phật lực, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp. Thiện nam, thiện nữ tu

tập các pháp này là người đã được, hoặc hiện được, hoặc sẽ được Vô thượng bồ đề.

Này Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ nào dạy cho 1 người tu được quả Tu-đà-hoàn được phước đức nhiều hơn là dạy cho nhiều người trong cõi Diêm phù đề tu tập 10 thiện đạo. Vì dạy người tu tập 10 thiện đạo chưa làm cho họ xa lìa được các khổ địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Còn dạy người tu được quả Tu-đà-hoàn làm cho họ xa lìa được các khổ địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Dạy người tu được các quả Tu-đà-hoàn, A-na-hàm, A-la-hán, Bích Chi Phật cũng là như vậy.

Này Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ nào dạy cho nhiều người tu được quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hoàn, A-na-hàm, A-la-hán, Bích Chi Phật chẳng được phước đức bằng dạy cho 1 người tu được Vô thượng bồ đề. Vì sao? Vì do nhân duyên có Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật mới có các quả Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến A-la-hán, có Bích Chi Phật đạo, có Phật đạo.

Bởi nhân duyên vậy, nên thiện nam, thiện nữ nào biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật cho người khác đọc, thuyết giảng cho người khác nghe được vô lượng phước đức. Vì sao? Vì trong Bát nhã Ba-la-mật rộng nói hết thấy các thiện pháp. Từ nơi các thiện pháp này, mà ở thế gian, xuất sanh các đại gia, đại tộc, các cõi trời, từ cõi trời Tứ Thiên vương, ..., dẫn đến cõi trời Phi hữu tướng phi vô tướng thiên; xuất sanh 4 niệm xứ, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí, xuất sanh quả Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến quả Phật.

Này Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào dạy cho hết thấy chúng sanh trong 4 châu thiên hạ tu tập 10

**thiện đạo. Ý ông nghĩ sao? Người này có được phước đức nhiều chăng?**

**Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đáp: Bạch Thế Tôn! Người ấy được phước đức rất nhiều.**

**Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Phước đức ấy chẳng sao bằng được phước đức của thiện nam, thiện nữ biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật cho người khác đọc và khai thị, thuyết giảng cho người khác nghe.**

**Chẳng luận dạy cho hết thấy chúng sanh trong 4 châu thiên hạ tu tập 10 thiện đạo, mà đến dạy cho hết thấy chúng sanh trong Tiểu thiên thế giới, trong Trung thiên thế giới, trong Đại thiên thế giới, ..., dẫn đến trong hàng sa thế giới tu tập 10 thiện đạo, thì phước đức ấy chẳng sao bằng được phước đức do biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật cho người khác đọc và khai thị, thuyết giảng cho người khác nghe.**

**Lại nữa, này Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào dạy hết thấy chúng sanh trong cõi Diêm phù đề trú nơi 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, được 5 thần thông. Ý ông nghĩ sao! Người này có được phước đức nhiều chăng?**

**Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đáp: Bạch Thế Tôn! Người ấy được phước đức rất nhiều.**

**Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Phước đức ấy chẳng sao bằng được phước đức của thiện nam, thiện nữ biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật cho người khác đọc và khai thị, thuyết giảng cho người khác nghe.**

**Chẳng luận dạy cho hết thấy chúng sanh trong cõi Diêm phù đề, mà dạy cho chúng sanh trong cả 4 châu**

thiên hạ, trong Tiểu thiên thế giới, trong Trung thiên thế giới, trong Đại thiên thế giới, ..., dẫn đến trong hàng ha sa thế giới trú nơi 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, được 5 thần thông, thì được phước đức ấy cũng chẳng sao bằng được phước đức do biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật cho người khác đọc và khai thị, thuyết giảng cho người khác nghe. Vì sao? Vì trong Bát nhã Ba-la-mật rộng nói hết thấy các thiện pháp.

Này Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ thọ trì, đọc tụng, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật được phước đức thù thắng hơn người dạy cho hết thấy chúng sanh trong cõi Diêm phù đề tu tập 10 thiện đạo, 4 thiện, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 5 thần thông. Vì sao? Vì người này thọ trì, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật chẳng trú trong “nhị pháp”, cũng chẳng trú trong “bất nhị pháp”. Người này thọ trì, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập 5 Ba-la-mật kia cũng chẳng trú trong “Nhị pháp” và “Bất nhị pháp” dẫn đến chánh ức niệm về Vô thượng bồ đề và Nhất thiết chủng trí, người này cũng chẳng trú trong “nhị pháp”, chẳng trú trong “bất nhị pháp”.

Lại nữa, Này Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào dùng phương tiện, để vì người khác thuyết giảng về nghĩa Bát nhã Ba-la-mật và khai thị, phân biệt cho người khác hiểu rõ về nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, thì người này được vô lượng phước đức.

\* Thế nào là nghĩa Bát nhã Ba-la-mật?

Này Kiều Thi Ca! Nghĩa Bát nhã Ba-la-mật là chẳng phải “nhị tướng quán”, chẳng phải là “bất nhị tướng quán”, chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải

nhập, chẳng phải xuất, chẳng phải tăng, chẳng phải giảm, chẳng phải cấu, chẳng phải tịnh, chẳng phải sanh, chẳng phải diệt, chẳng phải thủ, chẳng phải xả, chẳng phải trú, chẳng phải “bất trú”, chẳng phải thật, chẳng phải hư, chẳng phải hợp, chẳng phải tan, chẳng phải trước, chẳng phải “bất trước”, chẳng phải nhân, chẳng phải “bất nhân”, chẳng phải pháp, chẳng phải “bất pháp”, chẳng phải như, chẳng phải “bất như”, chẳng phải thật tế, chẳng phải chẳng thật tế.

Này Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ nào y theo nghĩa Bát nhã Ba-la-mật như vậy, mà dùng phương tiện để phân biệt, khai thị, diễn nói cho người khác được rõ, thì được phước đức thù thắng hơn là tự mình thọ trì, đọc tụng, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, Này Kiều Thi Ca! Nếu Thiện nam, thiện nữ nào tự mình thọ trì, đọc tụng, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, lại cũng dùng phương tiện phân biệt, khai thị, diễn nói cho người khác được hiểu, thì được vô lượng, vô biên phước đức.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ phân biệt, khai thị, diễn nói Bát nhã Ba-la-mật như vậy, làm cho người khác hiểu rõ về nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ nào dùng phương tiện phân biệt, khai thị, diễn nói Bát nhã Ba-la-mật, khiến người khác hiểu rõ về nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật, được vô lượng, vô biên công đức.

Này Kiều Thi Ca! Người dùng phương tiện để phân biệt, khai thị, diễn nói Bát nhã Ba-la-mật, khiến người

khác được hiểu rõ về nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật được công đức thù thắng hơn người trọn đời tôn trọng, cung kính, tán thán, cúng dường chư Phật trong 10 phương. Vì sao? Chư Phật quá khứ và hiện tại do tu tập Bát nhã Ba-la-mật mà được Vô thượng bồ đề; chư Phật vị lai cũng do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà sẽ được Vô thượng bồ đề.

Lại nữa, Này Kiều Thi Ca! Người dùng phương tiện để phân biệt, khai thị, diễn nói Bát nhã Ba-la-mật, khiến người khác được hiểu rõ về nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật được công đức thù thắng hơn người, trong vô lượng, vô biên kiếp tinh cần hành bố thí. Vì sao? Vì Thiện nam, thiện nữ này, dụng tâm vô sở đắc, hành Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Này Kiều Thi Ca! Nếu dụng tâm hữu sở đắc mà bố thí, thì khi bố thí vẫn còn thấy ta là người bố thí, thấy có người thọ sự bố thí của ta, thấy có tài vật mà ta đem ra bố thí. Bố thí như vậy chẳng phải là Đàn Ba-la-mật.

Cũng vậy, nếu còn dụng tâm chấp ngã mà trì giới, thì chẳng được Trì la Ba-la-mật; còn dụng tâm chấp ngã mà hành nhẫn nhục, thì chẳng được Săn đề Ba-la-mật; còn dụng tâm chấp ngã mà hành tinh tấn, thì chẳng được Tỳ lê gia Ba-la-mật; còn dụng tâm chấp ngã mà hành thiền định, thì chẳng được Thiền Ba-la-mật, còn dụng tâm chấp ngã mà tu trí huệ, thì chẳng được Bát nhã Ba-la-mật.

Này Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ nào, dụng tâm hữu sở đắc, hành bố thí, ..., dẫn đến hành trí huệ như vậy, chẳng được đầy đủ Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến chẳng được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Phải tu tập như thế nào mới được đầy đủ Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật?

**Phật dạy:** Này Kiều Thi Ca! Bồ thí mà chẳng thấy ta là người bồ thí, chẳng thấy có người thọ sự bồ thí, chẳng thấy có tài vật mà ta dùng để bồ thí, mới gọi là được đầy đủ Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến tu trí huệ, mà chẳng thấy ta đang tu trí huệ, chẳng thấy có pháp trí huệ, mới gọi là được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật.

Thiện nam, thiện nữ nào hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, là người dùng các phương tiện phân biệt, khai thị, diễn nói Bát nhã Ba-la-mật, khiến người khác hiểu rõ được nghĩa Bát nhã Ba-la-mật. Hành 5 Ba-la-mật kia cũng đều là như vậy.

Vi sao?

Này Kiều Thi Ca! Vì ở đời sau sẽ có hạng người muốn nói nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, mà lại chỉ nói “tương tợ Bát nhã Ba-la-mật”, khiến cho các thiện nam, thiện nữ phát tâm Vô thượng bồ đề, vì nghe tương tợ nghĩa này, mà phải mất chánh đạo.

Bởi nhân duyên vậy, nên thiện nam, thiện nữ hành Bồ tát đạo phải vì người khác, phân biệt, khai thị, diễn nói Bát nhã Ba-la-mật, khiến họ hiểu rõ được nghĩa Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là tương tợ Bát nhã Ba-la-mật?

**Phật dạy:** Này Kiều Thi Ca! Có thiện nam, thiện nữ hành “hữu sở đắc Bát nhã Ba-la-mật”. Ví như hành sắc vô thường, ..., dẫn đến hành thức vô thường, mà cho đó là hành Bát nhã Ba-la-mật. Đây là hành “tương tợ Bát nhã Ba-la-mật”.

Lại ví như hành nhãn, ..., dẫn đến ý vô thường, sắc,

..., dẫn đến pháp vô thường, nhãn thức, ..., dẫn đến ý xúc vô thường, nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ vô thường, địa chủng, ..., dẫn đến thức chủng vô thường, mà cho đó là hành Bát nhã Ba-la-mật. Nói về “khô, không và vô ngã” cũng đều là như vậy.

Đây cũng là hành “tương tợ Bát nhã Ba-la-mật”.

Có thiện nam, thiện nữ nói vì 5 ấm vô thường, khô, không, vô ngã mà tu bố thí, ..., dẫn đến tu trí huệ, tu 4 niệm xứ, ..., dẫn đến tu Nhất thiết chủng trí, và dạy người khác tu như vậy.

Đây là thuyết “tương tợ Bát nhã Ba-la-mật”.

Này Kiều Thi Ca! Ở đời vị lai, có thiện nam, thiện nữ nghe nói “tương tợ Bát nhã Ba-la-mật”, rồi dạy người khác là tu tập Bát nhã Ba-la-mật như vậy sẽ được vào Sơ địa, ..., dẫn đến Thập địa. Nghe nói lời này, người tu sẽ y nơi tổng tướng, rồi dụng tâm hữu sở đắc, mà hành Bát nhã Ba-la-mật.

Đây cũng là thuyết “tương tợ Bát nhã Ba-la-mật”.

Lại có thiện nam, thiện nữ dạy người khác là tu tập Bát nhã Ba-la-mật như vậy sẽ thắng hơn hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật.

Đây cũng là thuyết “tương tợ Bát nhã Ba-la-mật”.

Này Kiều Thi Ca! Lại có thiện nam, thiện nữ vì người cầu Phật đạo mà nói tu tập Bát nhã Ba-la-mật như vậy sẽ được vào Bồ tát vị, sẽ được vô sanh pháp nhẫn. Được vô sanh pháp nhẫn rồi sẽ trú thân thông, đi từ Phật độ này đến Phật độ khác, để cung kính, cúng dường, tán thán chư Phật.



Đây cũng là thuyết “trương tợ Bát nhã Ba-la-mật”.

Lại có thiện nam, thiện nữ, vì người cầu Phật đạo, mà nói là thọ trì, đọc tụng, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật như vậy sẽ được vô lượng, vô biên công đức.

Đây cũng là thuyết “trương tợ Bát nhã Ba-la-mật”.

Lại có thiện nam, thiện nữ, vì người cầu Phật đạo mà nói là chư Phật trong 3 đời, từ sơ phát tâm, ..., dẫn đến khi thành đạo, đều đem hết thầy công đức tu tập Bát nhã Ba-la-mật như vậy, hồi hướng về Vô thượng bồ đề.

Đây cũng là thuyết “trương tợ Bát nhã Ba-la-mật”.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ, vì người cầu Phật đạo, phải nói như thế nào mới gọi là chẳng thuyết “trương tợ Bát nhã Ba-la-mật”.

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ, vì người cầu Phật đạo phải nên nói là khi hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng nên quán sắc và vô thường, ..., dẫn đến chẳng nên quán thức là vô thường. Vì sao? Vì sắc, ..., dẫn đến thức đều là “phi pháp”, là chẳng phải pháp vậy. Phi pháp cũng tức là Bát nhã Ba-la-mật.

Trong Bát nhã Ba-la-mật, thì 5 ấm chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Vì sao? Vì trong Bát nhã Ba-la-mật, 5 ấm còn bất khả đắc, huống nữa là thường hay là vô thường.

Nói như vậy gọi là chẳng thuyết “trương tợ Bát nhã Ba-la-mật”. Thiện nam, thiện nữ, vì người cầu Phật đạo, lại phải nên nói là: Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng nên “hữu sở đắc”, cũng chẳng nên “hữu sở trú”. Vì sao? Vì trong Bát nhã Ba-la-mật chẳng có pháp có thể đắc

(khả đắc), chẳng có pháp có thể trú (khả trú). Trong Bát nhã Ba-la-mật, thì hết thấy pháp đều là tánh không. Vì là tánh không, nên các pháp đều là phi pháp, là chẳng phải pháp vậy. Phi pháp cũng tức là Bát nhã Ba-la-mật. Bởi vậy nên, trong Bát nhã Ba-la-mật, chẳng có pháp có thể được (khả đắc), có thể trú (khả trú), có thể nhập (khả nhập), có thể xuất (khả xuất), có thể sanh (khả sanh), có thể diệt (khả diệt). Như vậy, mới gọi là chẳng thuyết “tương tợ Bát nhã Ba-la-mật”.

Này Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ, vì người cầu Phật đạo, phải thuyết nghĩa Bát nhã Ba-la-mật như vậy.

Thuyết nghĩa Bát nhã Ba-la-mật như vậy được vô lượng công đức.

### **LUẬN:**

Phật muốn nêu rõ nghĩa Bát nhã Ba-la-mật là thâm diệu, thù thắng, nên hỏi vị Đề Thích rằng: Nếu có thiện nam, thiện nữ dạy hết thấy chúng sanh trong cõi Diêm phù đề hành 10 thiện đạo, thì có được phước đức nhiều chăng?

Như trong kinh đã rộng nói: Trong tất cả các pháp tu, thì Bát nhã Ba-la-mật là pháp thù thắng hơn hết. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật rộng nói các pháp vô lậu, thành tựu 3 thừa giáo, thành tựu Niết Bàn. Còn 10 thiện đạo chỉ là pháp hữu lậu; tu 10 thiện đạo chỉ hưởng được phước đức hữu lậu ở cõi Trời, người, chưa thoát khỏi các khổ. Bởi vậy nên tu 10 thiện đạo chẳng thể sánh với “vô lậu giải thoát”. Thế nhưng, tùy theo căn trí của chúng sanh, nên trong kinh trình bày thứ lớp như sau:

- Trước nói về “thế gian vô thường lạc”, sau mới nói đến “xuất thế gian thường lạc”.

- Trước nói phạm phu cùng chư Thánh đồng tu tập 10 thiện đạo, sau mới nói đến các pháp xuất thế gian của chư Thánh là vô thượng. Đó là 37 Phẩm trợ đạo, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp.

- Trước nói tổng quát về vô lượng Phật pháp, để người tu hành dễ hiểu, sau mới so sánh công đức dạy cho hết thầy chúng sanh trong cõi Diêm phù đề tu 10 thiện đạo với công đức dạy cho 1 người tu được quả Tu-đà-hoàn v.v...

Phật dạy: Tu 10 thiện đạo, dù được hưởng phước sanh lên cõi Trời, nhưng cũng chưa thoát ra khỏi 3 cõi; hơn nữa khi phước đức đã cạn mỏng, thì lại có thể bị rơi vào 3 đường ác. Cho nên chẳng sao bằng được tu để được quả Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến được quả A-la-hán, quả Bích Chi Phật. Thế nhưng, tu để được quả Tu-đà-hoàn dẫn, ... đến được quả A-la-hán, quả Bích Chi Phật chẳng sao bằng được tu để được Vô thượng bồ đề.

Vì Bát nhã Ba-la-mật là nhân duyên dẫn đến Vô thượng bồ đề, thành Phật đạo, nên biên chép Bát nhã Ba-la-mật được công đức thù thắng hơn dạy cho người tu 10 thiện đạo, tu được quả Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến được quả A-la-hán, quả Bích Chi Phật. Vì sao? Vì 10 thiện đạo, Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hoàn, A-na-hàm, A-la-hán, Bích Chi Phật đều xuất sanh từ Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, công đức dạy cho người khác tu được 4 thiên, ..., dẫn đến được 5 thần thông chẳng bằng được công đức thọ trì, đọc tụng, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật; công đức thọ trì, đọc tụng, ..., dẫn đến chánh ức niệm tu tập Bát nhã Ba-la-mật chẳng bằng được công đức biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật cho người khác đọc và phân biệt, khai thị, diễn nói, để họ dễ hiểu rõ nghĩa Bát nhã Ba-la-mật. Người biên chép Bát nhã Ba-la-mật và phân

biệt và khai thị, diễn nói để người khác hiểu rõ nghĩa Bát nhã Ba-la-mật được vô lượng công đức, thù thắng hơn người tự mình hành Bát nhã Ba-la-mật.

**Hỏi:** *Vì sao lại tán thán công đức chánh ức niệm hơn công đức thọ trì, đọc tụng?*

**Đáp:** Vì thọ trì, đọc tụng chỉ được phước đức mà thôi, còn chánh ức niệm vừa được phước đức, vừa được trí huệ, nên phải nói rõ hơn.

Thọ trì, đọc tụng ví như hòa hợp được các cây cỏ thuốc để trị bệnh, nhưng chưa sắc thuốc để uống, thì vẫn chưa lành bệnh được. Chánh ức niệm để biết rõ nghĩa Bát nhã Ba-la-mật mà tu tập mới dẫn đến giải thoát, ví như sắc thuốc để uống mới dẫn đến lành bệnh vậy.

Với chánh ức niệm, người tu sẽ rõ được thậm thâm nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật là chẳng phải “nhị tướng quán”, chẳng phải “bất nhị tướng quán”, chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải nhập, chẳng phải xuất, chẳng phải tăng, chẳng phải giảm, chẳng phải cấu, chẳng phải tịnh, chẳng phải sanh, chẳng phải diệt, chẳng phải thủ, chẳng phải xả, v.v...

Trong kinh nói biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật thù thắng hơn cúng dường xá lợi Phật; biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật rồi cúng dường cho người khác đọc, thù thắng hơn tự mình thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba-la-mật; chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật thù thắng hơn thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba-la-mật; phân biệt, khai thị, diễn nói cho người khác được hiểu rõ về nghĩa Bát nhã Ba-la-mật thù thắng hơn tự mình chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Phật nói: Người cung kính, cúng dường các đức Phật chẳng có được phước đức bằng người giải rõ nghĩa Bát nhã Ba-la-mật cho người khác nghe. Vì sao? Vì chư Phật trong 3 đời đều do tu tập Bát nhã Ba-la-mật mà được Vô thượng bồ đề.

Phật lại nói: Dù tinh tấn hành Bát nhã Ba-la-mật trong vô lượng kiếp, mà còn tâm “hữu sở đắc”, thì chẳng có được công đức bằng người giải rõ nghĩa Bát nhã Ba-la-mật cho người khác nghe. Vì sao? Vì còn “hữu sở đắc” là còn chấp ngã, chấp tướng.

Phật muốn rộng nói về chánh nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, nên dạy vị Đế Thích rằng: Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát phải dụng tâm “vô sở đắc” mới được đầy đủ 6 Ba-la-mật.

Phật nói thêm: Ở đời vị lai, có người nói “tương tợ Bát nhã Ba-la-mật”, khiến người khác nghe chẳng hề phân biệt được chánh niệm hay tà niệm. Bởi vậy nên Phật nói rõ về tướng của “tương tợ Bát nhã Ba-la-mật” để người nghe dễ phân biệt chánh niệm và tà niệm, giúp họ hành chánh đạo và xa lìa tà đạo.

Phật thương xót chúng sanh đời sau, vì chẳng có được duyên lành gặp Phật và chư đại Bồ tát, nên chỉ được học Bát nhã Ba-la-mật qua kinh điển, khiến có thể sanh tà ức niệm; rồi y vào danh tự, ngôn ngữ mà nói “tương tợ Bát nhã Ba-la-mật” cho người khác nghe.

Nếu chỉ xét về danh tự, ngữ ngôn thì bên ngoài tưởng chừng như Bát nhã Ba-la-mật và tương tợ Bát nhã Ba-la-mật tương đồng với nhau. Nếu chánh ức niệm tư duy thì sẽ thấy rõ nghĩa Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm, vi diệu, khác hẳn với “tương tợ Bát nhã Ba-la-mật”.

Người chấp tâm, chấp tướng nói 5 ấm là vô thường, khổ, không, vô ngã, ..., dẫn đến nói 5 ấm là vô sanh, vô diệt, rồi hành 5 ấm như vậy, mà cho đó là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Đây là hành “tương tợ Bát nhã Ba-la-mật” .

Trái lại, người chẳng chấp tâm, chẳng chấp tướng cũng nói 5 âm là vô thường, khổ, không, vô ngã, ..., dẫn đến nói 5 âm là vô sanh, vô diệt; nhưng nói như vậy chỉ nhằm phá các chấp điên đảo của phàm phu mà chẳng hề chấp trước. Như vậy mới đúng theo chánh nghĩa Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, người thuyết pháp để dạy người khác xả “tương tợ Bát nhã Ba-la-mật”, và tu tập “chánh Bát nhã Ba-la-mật” cũng thuyết đúng theo chánh nghĩa Bát nhã Ba-la-mật.

Người thuyết pháp đúng theo chánh nghĩa Bát nhã Ba-la-mật được công đức rất thù thắng.

-o0o-

#### **KINH:**

**Phật dạy tiếp:** Này Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ dạy chúng sanh trong cõi Diêm phù đề, ..., dẫn đến dạy chúng sanh trong hằng sa thế giới khắp 10 phương đều được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hoàn, A-na-hàm, ..., dẫn đến được quả A-la-hán, Bích Chi Phật. Ý ông nghĩ sao? Người này có được phước đức nhiều chăng?

**Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Người ấy được phước đức rất nhiều.

**Phật dạy:** Này Kiều Thi Ca! Phước đức ấy vẫn chẳng bằng được phước đức của thiện nam, thiện nữ dùng các phương tiện nhân duyên để phân biệt, khai thị, diễn nói Bát nhã Ba-la-mật cho người khác nghe, khiến họ rõ được nghĩa Bát nhã Ba-la-mật; lại khuyên họ tinh tấn thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, và y theo lời

dạy trong Bát nhã Ba-la-mật mà tu hành. Vì sao? Vì từ trong Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh các quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hoàn, A-na-hàm, A-la-hán và Bích Chi Phật.

Lại nữa, Này Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ dạy chúng sanh trong cõi Diêm phù đề, ..., dẫn đến dạy chúng sanh trong hằng sa thế giới khắp 10 phương đều phát Bồ đề tâm, ..., dẫn đến đều vào được bất thối chuyển địa. Ý ông nghĩ sao? Người này có được phước đức nhiều chăng?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người ấy được phước đức rất nhiều.

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Phước đức ấy vẫn chẳng bằng được phước đức của thiện nam, thiện nữ dùng các phương tiện nhân duyên để phân biệt, khai thị, diễn nói Bát nhã Ba-la-mật cho người khác nghe, khiến họ rõ được nghĩa Bát nhã Ba-la-mật; lại khuyên họ tinh tấn thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật và y theo lời dạy trong Bát nhã Ba-la-mật mà tu hành, thì sẽ được Nhất thiết chủng trí, sẽ được Vô thượng bồ đề. Vì sao? Vì từ trong Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh các Bồ tát, từ Bồ tát sơ phát tâm, ..., dẫn đến Bồ tát bất thối chuyển.

Lại nữa, Này Kiều Thi Ca! Ví như trong cõi Diêm phù đề, ..., dẫn đến trong hằng sa thế giới khắp 10 phương, chúng sanh đều phát Bồ đề tâm, ..., dẫn đến đều được bất thối chuyển; lại trong đó có vị đã gần được Vô thượng bồ đề. Nếu có thiện nam, thiện nữ dùng các phương tiện nhân duyên để phân biệt, khai thị, diễn nói khiến chư vị đó rõ nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, mau chứng được Vô thượng bồ đề, thì công đức sẽ thù thắng hơn hết.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon bạch Phật: Bạch Thế Tôn!

Như vậy, Bồ tát càng gần Vô thượng bồ đề lại càng nên được giáo hóa thật hành Đản Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, thật hành nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không, thật hành 4 niệm xứ, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp; lại càng được cúng dường “tứ sự”<sup>(\*)</sup> theo nhu cầu.

Nếu thiện nam, thiện nữ nào dùng tài thí và pháp thí để cúng dường vị Bồ tát gần được Vô thượng bồ đề, thì sẽ được công đức thù thắng hơn hết. Vì sao? Vì nhờ vậy mà vị Bồ tát này sẽ mau được Vô thượng bồ đề.

Lúc bấy giờ, ngài Tu Bồ Đề tán thán vị Đế Thích rằng: Lành thay, lành thay! Thưa ngài Kiều Thi Ca! Ngài vì chư Thánh đệ tử mà ngài đã an ủi chư Bồ tát. Vì Vô thượng bồ đề, nên cúng dường tài thí và pháp thí mới được nhiều lợi ích. Vì sao? Vì từ trong hàng Bồ tát xuất sanh chư Phật và Thánh chúng.

Nếu Bồ tát chẳng phát tâm cầu Vô thượng bồ đề, thì chẳng được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, ..., dẫn đến chẳng được đầy đủ 18 bất cộng pháp, khiến chẳng có thể được Vô thượng bồ đề.

Nếu chẳng có Bồ tát được Vô thượng bồ đề, thì cũng chẳng có Thanh Văn đạo và Bích Chi Phật đạo.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát phải tu tập đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, ..., dẫn đến tu tập đầy đủ 18 bất cộng pháp mới đoạn được 3 đường ác; và ở thế gian mới có các đại gia, đại tộc, có các cõi trời, từ cõi Tứ Thiên vương, ...,

---

\*. Tứ sự cúng dường là sự việc cúng dường gồm:

(1)- Y phục, (2)- Các đồ ăn uống; (3)- Phòng thất, chăn mền, chiếu nệm; (4)- Thuốc men.



dẫn đến cõi trời Phi hữu tướng phi vô tướng. Cũng do vậy, mới có Đản Ba-la-mật, ..., dẫn đến có Bát nhã Ba-la-mật, có nội không dẫn đến có vô pháp hữu pháp không, có 4 niệm xứ, ..., dẫn đến có 18 bất cộng pháp, có Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa, ..., dẫn đến có Phật thừa.

### LUẬN:

Trong kinh nói: Dạy chúng sanh trong cõi Diêm phù đề, ..., dẫn đến dạy chúng sanh trong hàng sa thế giới khắp 10 phương tu được quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật chẳng có được phước đức bằng phân biệt, khai thị, diễn nói Bát nhã Ba-la-mật cho người khác nghe, khiến họ rõ được nghĩa Bát nhã Ba-la-mật.

Lời kinh trên đây mật ý nói rằng: Hết thầy chư Thánh hiền đều xuất sanh từ Bát nhã Ba-la-mật cả.

Bát nhã Ba-la-mật là thật tướng của hết thầy các pháp.

Đấng Giác ngộ chánh biến tri thật tướng pháp được gọi là Phật.

Do vậy, mà hàng Thanh Văn Tiểu thừa chẳng sao bằng được hàng Bồ tát Đại thừa.

Vì từ trong Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh chư Thánh hiền, nên Bồ tát thường ái niệm, cúng dường các bậc đã liễu ngộ thật tướng pháp, và thường thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói: Dù dạy chúng sanh trong cõi Diêm phù đề, ..., dẫn đến trong hàng sa thế giới khắp 10 phương đều phát tâm cầu Vô thượng bồ đề, ..., dẫn đến đều được bất thối chuyển, cũng chẳng có công đức bằng thuyết chánh nghĩa Bát nhã Ba-la-mật.

**Hỏi:** Trước đây nói pháp phàm phu và pháp Nhị thừa chẳng sao bằng được Bát nhã Ba-la-mật, thì còn hợp lý. Nay

*vì sao nói “người phát tâm cầu đạo Vô thượng...dẫn đến người tu đã vào được bất thối chuyển địa chẳng bằng được người thuyết chánh nghĩa Bát nhã Ba-la-mật”?*

**Đáp:** Có 2 hạng người nói được chánh nghĩa Bát nhã Ba-la-mật. Đó là:

- “Nhục thân Bồ tát” thị hiện thọ thân trong các nẻo đường sanh tử.

- “Pháp tánh thân Bồ tát” ứng hiện ở khắp 3 cõi.

Trong kinh nói đến người phát tâm cầu Vô thượng bồ đề là nói về Bồ tát sơ phát tâm; nói đến người vào được bất thối chuyển địa là nói về Bồ tát giáo hóa chúng sanh, thanh tịnh Phật độ.

Trong kinh cũng phân biệt hết thảy các tâm hạnh, các nghiệp duyên của chúng sanh trong 3 cõi, và trong vô lượng kiếp, đồng thời cũng phân biệt các cảnh giới có sanh, có diệt, có thành, có hoại, có nhiều, có ít, có đại từ, đại bi, có Nhất thiết chủng trí, có vô lượng Phật pháp, khiến chúng sanh phát tâm cầu Vô thượng bồ đề, ..., dẫn đến vào được bất thối chuyển địa, được thành Phật đạo.

Thế nhưng, nếu biết có vị Bồ tát nào gần được Vô thượng bồ đề, mà dùng chánh nghĩa Bát nhã Ba-la-mật dạy cho họ, khiến họ mau chứng được Vô thượng bồ đề, thì sẽ được công đức thù thắng hơn hết.

Vì sao? Vì là phước điền rất lớn, nên cúng dường phước điền này được công đức rất lớn vậy.

Theo pháp thế gian thì:

- Xúc phạm đến một vị quan bị xử tội nặng hơn xúc phạm đến một người dân thường.

- Xúc phạm đến một vị thái tử bị xử tội nặng hơn xúc phạm đến một vị quan.

- Xúc phạm đến một vị vua bị xử tội nặng hơn xúc phạm đến một vị thái tử.

Xúc phạm đến người ở địa vị càng cao, thì bị xử tội càng nặng. Cũng như vậy, theo pháp Phật, thì:

- Cúng dường 1 vị Thanh Văn, 1 vị Bích Chi Phật chẳng bằng được cúng dường 1 vị Bồ tát bất thối chuyển.

- Cúng dường 1 vị Bồ tát bất thối chuyển chẳng bằng được cúng dường 1 vị Bồ tát gần thành Phật.

- Cúng dường 1 vị Bồ tát gần thành Phật chẳng bằng được cúng dường 1 vị Phật đã thành.

Vì sao? Vì chư Phật do tu tập Bát nhã Ba-la-mật mà được Vô thượng bồ đề, độ thoát vô lượng chúng sanh.

Bát nhã Ba-la-mật là phước điền vô thượng. Cúng dường Bát nhã Ba-la-mật là cúng dường chư Phật và chư đại Bồ tát nên được công đức rất thù thắng.

-o0o-

Vị Đế Thích liễu thông được pháp Phật nên bạch Phật: Bồ tát càng gần được Vô thượng bồ đề càng nên được giáo hóa và cúng dường.

Dùng tài thí để cúng dường, dùng pháp thí để giáo hóa được vô lượng công đức.

Ngài Tu Bồ Đề tán thán vị Đế Thích: Lành thay, lành thay! Ngài khéo dùng thiện ngữ để khuyến tấn chư Bồ tát; lại vì Vô thượng bồ đề mà nói: nên dùng tài thí và pháp thí để

cúng dường và giáo hóa chư đại Bồ tát gần được Vô thượng bồ đề.

Vị Đế Thích cũng liễu thông Vô thượng Pháp bảo, nên đã vì chư Thánh đệ tử, nói rằng: Từ trong Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh chư Phật và Thánh chúng.

Nếu Bồ tát chẳng hành đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, thì chẳng thể được Vô thượng bồ đề. Nếu chẳng có Bồ tát được Vô thượng bồ đề, thì ở trên thế gian chẳng có Thanh Văn đạo và Bích Chi Phật đạo, ..., dẫn đến chẳng có Phật đạo.

Lại nữa, nếu Bồ tát chẳng hành đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, thì ở thế gian chẳng có 10 thiện đạo, ..., dẫn đến chẳng có vô lượng Phật pháp. Nếu chẳng có 10 thiện đạo, ..., dẫn đến chẳng có vô lượng Phật pháp, thì chẳng thể làm giảm thiểu số chúng sanh đọa vào 3 đường ác; cũng chẳng có được đại gia, đại tộc, chẳng có được các cõi Trời, ..., dẫn đến chẳng có chư hiền Thánh, chư đại Bồ tát và chư Phật.

Bởi nhân duyên vậy, nên thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật, dạy người tu tập Bát nhã Ba-la-mật được vô lượng công đức, ở đời này và cả đời sau.

(Hết quyển 60)

Hết Tập III

**QUÝ PHẬT TỬ PHÁT TÂM ĐÁNH VI TÍNH**  
**(Bộ Luận Đại Trí Độ)**

- Đinh Ngọc Cát Kỳ
- Huỳnh Thị Mi Sinh và một số ý tá Bệnh viện Nguyễn Tri Phương, Q.5.
- Lê Thị Thanh Hòa
- Quách Thị Ngọc Chi
- Quách Thị Ngọc Trâm
- Tiêu Ngọc Duy
- Trần Hải Lê
- Nguyễn Văn Thuận
- Nguyễn Minh Tân
- Nguyễn Minh Thảo
- Giác Hạnh Thanh
- Giác Hạnh Đức.



**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
(trọn bộ 5 tập)  
**Thích nữ Diệu Không dịch**

---

*Chịu trách nhiệm xuất bản:*  
**Bùi Việt Bắc**

*Biên tập:*  
**Ngô Liêm Khoan**

*Sửa bản in:*  
**Quảng Tâm & Hạnh Đức**

*Trình bày:* **Ngọc Ánh**

*Thiết kế bìa:* **Lệ Tâm**

---

In lần thứ nhất 1000 bộ, khổ 14 x 20 cm tại xí nghiệp in Fahasa, 774 Trường Chinh, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.  
Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 333-2010/CXB/41-08/TĐ cấp ngày 23 tháng 02 năm 2011. In xong và nộp lưu chiểu tháng 05 năm 2011.

